

TRUYỆN NGẮN
HARUKI
MURAKAMI



SÁCH MỚI.NET - EBOOK



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ

MỤC LỤC

1. [Quý hút máu trên xe taxi](#)
2. [Buồn ngủ](#)
3. [Cô gái xứ Ipanema](#)
4. [Phi cơ](#)
5. [Giáng sinh của Người Cù](#)
6. [Sinh Nhật của nàng](#)
7. [Một cách chết khác](#)
8. [Đại hội nhạc sư tử biển](#)
9. [Những bong ma vùng Lexington](#)
10. [Người thứ bảy](#)
11. [Đĩa bay đáp xuống Kushiro](#)
12. [Gương soi](#)
13. [Phong cảnh có bàn là](#)
14. [Thành phố của nàng bày cù của nàng](#)
15. [Một ngày tốt lành để đi xem Kangooru](#)
16. [Buổi sáng đẹp trời tháng tư gặp một em gái hoàn hảo 100%](#)
17. [Lưỡi dao sấn](#)
18. [Người đàn ông băng](#)
19. [Folklore của thời đại chúng ta](#)
20. [Nhật ký ngày gió lớn](#)
21. [Người đi vé ngày](#)
22. [Cô có yêu Burt Bacharach không](#)
23. [Cái nghèo của tôi hình miếng bánh phomat](#)
24. [Tái tập kích tiệm bánh mì](#)
25. [Năm của Spagheti](#)
26. [Buổi picnic chiều thứ tư](#)
27. [Tên thật của Tony Takitani](#)
28. [Chuyện về một bà cô tội nghiệp](#)
29. [Thăng trầm của bánh nướng nhọn mỏ](#)
30. [Giới thiệu tác giả](#)
31. [Phòng vấn tác giả](#)

Quý hút máu trên xe taxi (Murakami Haruki)

Lời người dịch: Truyện ngắn sau đây, "TakushiNi Notta KyuKetsuKi", ra mắt người đọc trong tạp chí Torefururu - Trefle khoảng 1981 - 1983, là truyện thứ 4

trong tuyển tập Kangaroo Hiyori (Ngày Đẹp Trời Để Xem Kangaroo)

Hoạ vô đơn chí, chuyện rủi thường chồng chất lên nhau. Tất nhiên, người ta nói chung chung thế khi cần an ủi người khác. Nhưng thực tế, nếu chính mình gặp nhiều chuyện rủi chồng chất lên nhau thật, thì không còn là chuyện chung chung nữa rồi. Chẳng hạn cùng lúc với chuyện lạc nhau không gặp được cô gái mình đã hẹn trước, lại bị đứt nút áo vét-tông, trên tàu điện lại gặp người quen mà mình chẳng muốn gặp, răng đau lại bắt đầu hành, mưa lại bắt đầu rơi, lên xe taxi lại gặp lúc đường kẹt vì có tai nạn đầu đay. Lúc ấy mà có tên nào an ủi: Hoạ vô đơn chí, chuyện rủi thường chồng chất lên nhau, thì hẳn là tôi sẽ đâm hẳn ngã ra đấy ngay.

Mà chẳng cứ gì tôi, chính bạn cũng thế thôi.

Chuyện nói chung chung kết cuộc là như thế chứ gì.

Bởi vậy, thật khó mà sống chung với người khác. Đôi khi tôi nghĩ phải chi mình cứ sống như là tấm thảm chùi chân trước cửa, suốt đời tro tro ra thế thì tuyệt vời biết mấy. Thế nhưng, nghĩ cho cùng thì trong thế giới của các tấm thảm chùi chân, có lẽ cũng có chuyện nói chung chung mà gây ra khổ não như thế chứ không sao. Mà thôi, đúng thế hay không đúng thế cũng chẳng sao cả.

Dù sao thì lần ấy, tôi đã bị nhốt trong xe taxi trên con đường đang kẹt xe. Mưa thu rơi thành tiếng lộp độp trên mui xe. Mỗi lần máy đếm tiền trên taxi tăng số, lại nghe xạch một tiếng như tiếng đạn bắn ra từ miệng loa súng săn đâm xuyên qua não tôi. Chán thật. Thêm nữa, lại là ngày thứ ba tôi nhịn thuốc lá. Tôi cố nghĩ ra chuyện gì vui vui cho qua, nhưng chẳng nghĩ ra được gì. Không làm sao hơn, tôi đành nghĩ đến chuyện cởi áo quần đàn bà theo thứ tự nào. Trước nhất là mắt kính, rồi đồng hồ đeo tay, vòng đeo tay, sột soạt, rồi...

"Ông khách ơi". Đột nhiên, anh lái taxi gọi. Đúng lúc tôi lê đến chỗ cởi nút đầu tiên trên áo sơ-mi. "Ông có tin quỷ hút máu có thật hay không?"

"Quỷ hút máu gì kia?" Tôi giật mình, nhìn mặt anh lái xe trong kính chiếu hậu. Anh ta cũng nhìn lại tôi trong kính chiếu hậu. "Quỷ hút máu anh muốn nói là thứ hút máu người ta..."

"Đúng thế. Ông có tin là có thật hay không?"

"Anh không định hỏi về chuyện hiện sinh của quỷ hút máu, hay quỷ hút máu như một ẩn dụ, hay loài dơi hút máu, hay quỷ hút máu trong truyện khoa học giả tưởng, gì gì đấy, mà anh hỏi ngay đến quỷ hút máu đấy chứ?"

"Tất nhiên". Anh ta nói, cho xe nhích lên độ 50 cm.

"Thế thì tôi không biết". Tôi nói. "Không biết thật đấy".

"Đâu phải chuyện biết hay không biết. Ông có tin là có thật hay không. Ông trả lời cho là có tin hay không tin, thế thôi".

"Không tin". Tôi nói.

"Ông không tin là quỷ hút máu có thật?"

"Không tin".

Tôi rút trong túi áo ra một điều thuốc gắn lên miệng, không châm lửa, chỉ lấy môi ngậm và đẩy tới lui.

"Thế ma thì sao? Ông có tin không?"

"Ma thì tôi có cảm giác hình như có".

"Cảm giác thôi thì chẳng rõ ràng gì. Ông có thể trả lời rõ ràng là tin hay không tin không?"

"Tôi tin là có".

"Ma thì ông tin là có đấy nhỉ?"

"Đúng thế".

"Còn quỷ hút máu thì không tin là có?"

"Không tin".

"Thế thì ma và quỷ hút máu khác nhau ở chỗ nào, thưa ông?"

"Ma, nghĩa là phản đề của thể xác có thực". Tôi nói càn. Nói quấy quá cho xong là sở trường của tôi.

"Hừm".

"Còn quỷ hút máu là sự hoán chuyển giá trị của thể xác".

"Như ông nói, phản đề thì chấp nhận được, còn hoán chuyển giá trị thì không thể chấp nhận được, phải thế không?"

"Nếu chấp nhận cả những thứ phức tạp thế, thì không biết đến đâu mới dứt được".

"Ông khách là người trí thức đấy nhỉ."

"Ha ha ha, cũng đã bảy năm Đại học đấy".

Anh lái xe vừa ngắm hàng xe liên miên không dứt ở phía trước, vừa quẹt lửa châm vào điều thuốc lá thon nhỏ ngậm trên môi. Mùi bạc hà phảng phất trong xe.

"Nhưng mà, nếu quỷ hút máu có thực, thì ông làm sao?"

"Chắc là chịu thua thôi".

"Chỉ vậy thôi sao?"

"Không được sao?"

"Đâu có được, ông. Niềm tin là thứ cao hơn thế chứ. Tin là có núi, thì có núi. Tin là không có núi, thì không có núi, kia mà".

Nghe cứ như là câu hát cũ kỹ của Donovan vậy.

"Thật vậy sao?"

"Thật vậy chứ".

Tôi thở dài, vẫn ngậm trên môi điều thuốc lá chưa châm lửa.

"Thế anh có tin là có quỷ hút máu không?"

"Tin chứ".

"Vì sao?"

"Có vì sao đâu. Vì tin là có thôi".

"Chúng mình được không?"

"Niềm tin và chứng minh đâu có quan hệ gì với nhau".

"Nói thế cũng được".

Tôi chán nên quay lại chuyện cởi nút áo sơ-mi đàn bà. Một nút, hai nút, ba nút, ...

"Mà chứng minh cũng được chứ". Anh lái xe nói.

"Thật không?"

"Thật chứ".

"Chúng mình thế nào?"

"Thì chính tôi là quỷ hút máu đây mà".

Cả hai im lặng một hồi. Từ đầu đến giờ, xe chỉ nhích đâu được 5 thước. Mưa vẫn rơi thành tiếng lộp độp trên mui xe. Máy đếm tiền thì đã đếm quá 1500 Yen.

(1)

"Anh cho tôi mượn hộp quẹt được không?"

"Mời ông".

Tôi nhận lấy hộp quẹt Bic màu trắng từ tay anh lái xe, châm lửa điều thuốc, và sau ba ngày nhịn hút, đã lại cho chất ni-cô-tin vào trong phổi.

"Kẹt xe ghê quá nhỉ?". Anh lái xe nói.

"Thật chán". Tôi nói. "Nhưng này, chuyện quỷ hút máu ấy mà ..."

"Sao ông?"

"Có thật là quỷ hút máu không đấy?"

"Thật chứ. Nói láo với ông mà làm gì?"

"Ừm, vậy chứ thành quỷ hút máu từ lúc nào?"

"Đâu từ chín năm về trước. Nhớ thế vì đúng vào năm Thế Vận Hội Munich".

"Khoảng ấy có khẩu hiệu Thời gian ơi ngừng lại, bởi em đẹp tuyệt vời đây nhỉ".

"Đúng đây, đúng khẩu hiệu ấy đấy".

"Cho hỏi một câu nữa, được không?"

"Được chứ, được chứ".

"Rồi sao lại lái taxi thế?"

"Bởi không muốn bị ràng buộc bởi thông-niệm quỷ hút máu đấy mà. Cứ mặc áo choàng vào, ngồi trên xe ngựa, sống trong lâu đài mãi thôi thì không tốt đâu. Tôi thì vẫn nạp thuế, đăng ký con dấu đảng hoàng. Disco cũng đi, trò búng đạn cũng chơi. Ông nghe có kỳ dị không?"

"Không, không, có gì kỳ dị đâu. Nhưng mà, có gì đấy không rõ ràng ...".

"Chắc là ông khách không tin?"

"Sao?"

"Ông không tin tôi là quỷ hút máu chứ gì?"

"Tin chứ, tin chứ". Tôi hốt hoảng nói. "Tin là có núi, thì có núi, đấy mà".

"Nếu thế thì được".

"Thế, thỉnh thoảng vẫn hút máu đấy nhỉ".

"Cái đó thì vẫn có, quý hút máu mà".

"Nhưng mà, máu thì cũng có thứ ngon, thứ không ngon, chứ nhỉ?"

"Có đấy. Như ông khách đây thì không ngon lành gì. Vì hút thuốc lá nhiều quá".

"Đã kiêng hút được mấy ngày đấy chứ, nhưng quả là không được rồi".

"Hút máu thì nói gì cũng không qua các cô gái trẻ. Cứ ngọt lịm đi ấy".

"Cũng dễ hiểu thôi. Ví dụ các tài tử thì cô nào là ngon?"

"Kishimoto Kayoko có vẻ ngon lành. Shingyoji Kimie cũng được. Chỉ có Momoi Kaori (2) thì tôi không ham. Đại khái thế".

"Hút máu các cô ấy được thì tốt quá nhỉ".

"Đúng thế".

o o o

Mười lăm phút sau thì ai đi đường nấy. Tôi mở cửa phòng mình, bật đèn, lấy bia trong tủ lạnh ra uống. Rồi điện thoại cho cô gái đã hẹn mà không gặp. Nghe cô nói thì hiểu ra là không gặp nhau cũng có lý do chính đáng.

"Mà em này, tạm thời nếu có gặp xe taxi màu đen mang bảng số Nerima thì đừng đi nhé".

"Sao thế?" Cô hỏi.

"Vì anh lái xe là quý hút máu đấy".

"Thật sao?"

"Thật chứ".

"Lo cho em đấy à?"

"Tất nhiên rồi".

"Xe taxi màu đen mang bảng số Nerima à?"

"Ừ".

"Cảm ơn anh".

"Không có chi".

"Anh ngủ ngon".

"Em ngủ ngon".

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 06-2004

Chú thích:

(1) 1500 Yen khoảng 15 Mỹ kim.

(2) Các nữ tài tử Kishimoto Kayoko, Shingyoji Kimie trẻ đẹp, xinh xắn (kiểu Cameron Diaz hay Kirsten Dunst của phim Mỹ) còn Momoi Kaori lớn tuổi hơn, hay bắt bẻ hơn (kiểu Candice Bergen).

Buồn ngủ (Murakami Haruki)

Tôi vừa ăn món xúp vừa ngủ gà ngủ gật.

Chiếc thìa rời khỏi tay, chạm vào vành đĩa đánh "cách" một tiếng thật lớn. Vài người quay lại nhìn tôi. Ngồi bên cạnh, nàng đang hắng nho nhỏ. Tôi mở căng bàn tay phải ra, lật bề lưng, bề gan bàn tay, giả bộ xem xét, gắng lấp liếm cho qua tình thế ấy. Dù gì đi nữa, cũng chẳng muốn người ta biết mình vừa ăn xúp vừa ngủ gật.

Mười lăm giây giả bộ kiểm điểm bàn tay phải xong, tôi nhẹ thở thật sâu, rồi quay lại đĩa xúp. Phía sau đầu tê tê mơ hồ. Cảm giác đội ngược mũ-lưỡi-traoi quá nhỏ trên đầu. Ngay trước đĩa xúp chừng 30 cm, một khối hơi màu trắng hình trứng nổi lên lơ lửng, hướng về tôi thì thầm: "Chẳng sao, chẳng sao, đừng nhìn nữa, ngủ đi thôi". Cứ như thế suốt từ nãy đến giờ.

Đường viền quanh khối hơi màu trắng hình trứng ấy thay đổi theo chu kỳ, rõ ra rồi mờ đi, rồi lại rõ ra rồi mờ đi. Tôi càng cố xác định biến chuyển li ti của đường viền ấy, mí mắt tôi lại càng nặng nặng dần dần. Dĩ nhiên, tôi đã lẩm lẩn lắc mạnh đầu, nhắm mắt lại thật chặt, hay hướng mắt nhìn chỗ khác để gắng quét tan khối hơi trắng ấy. Nhưng cố gắng cách mấy vẫn không tan được. Khối hơi ấy vẫn nổi lơ lửng mãi trên bàn ăn. Buồn ngủ quá chừng.

Để xua đuổi cơn buồn ngủ, vừa đưa thìa xúp lên miệng, tôi vừa thử đánh vần nhảm trong trí mình.

C, O, R, N, ., P, O, T, A, G, E, ., S, O, U, P

Đơn giản quá, chẳng có hiệu quả gì cả.

"Em nói cho anh một chữ nào thật khó đánh vần xem nào". Tôi hướng về phía nàng, nói nhỏ. Nàng là giáo viên dạy tiếng Anh cấp trung học.

"Mississippi". Nàng nói thầm để đừng cho người chung quanh nghe.

Tôi thử đánh vần nhảm trong trí mình.

M, I, S, S, I, S, S, I, P, P, I

4 chữ S, 4 chữ I, 2 chữ P. Chữ này kỳ quái thật.

"Có chữ khác không em?"

"Im lặng mà ăn đi chứ". Nàng bảo.

"Buồn ngủ quá chừng". Tôi nói.

"Em hiểu, nhưng van anh, đừng có ngủ nhé. Người ta nhìn kìa". Nàng nói.

Đáng lẽ chẳng nên đến tiệc cưới làm gì. Bàn của bạn cô dâu mà đàn ông ngồi đã là chuyện quái kỳ rồi, mà tôi lại có phải là bạn gì của cô dâu đâu. Đáng lẽ đã phải thẳng thắn từ chối. Giá đã làm thế thì giờ này tôi đã được nằm trên giường nệm nhà mình mà đánh một giấc ngon lành rồi.

"Yorkshire Terrier". Nàng đột ngột thì thầm. Giây lâu sau, tôi mới hiểu là nàng cho tôi chữ để đánh vần.

Y, O, R, K, S, H, I, R, E, ., T, E, R, R, I, E, R

Lần này tôi nhắm đánh vần ra tiếng nho nhỏ. Từ ngày xưa, đánh vần vẫn là sở trường của tôi.

"Cứ theo cái đà ấy là tốt, anh gắng thêm một giờ nữa, một giờ thôi, rồi em để cho tha hồ mà ngủ ngon".

Tôi ăn xong đĩa xúp, ngáp liên tục ba cái. Vài mươi người hầu bàn xúm lại dọn các đĩa xúp xuống xong, lại mang ra món xà lách và bánh mì. Đám bánh mì trông có vẻ đã lê lét suốt một đoạn đường dài đặng đặng mới đến được đây. Có ai đấy đang dài dòng nhiều lời diễn văn chẳng hy vọng được có ai muốn nghe. Về cuộc đời, về thời tiết, gì gì đấy. Tôi lại lơ mơ buồn ngủ. Nàng thúc mũi giày mềm vào mắt cá chân tôi.

"Biết là bây đây chứ, nhưng buồn ngủ đến mức này là lần đầu tiên".

"Sao anh không chịu ngủ cho đỡ giấc trước khi đến?".

"Có ngủ được thẳng giấc đâu. Cứ suy nghĩ chuyện này chuyện kia".

"Vậy thì bây giờ cứ suy nghĩ cho nhiều vào. Thế nào đi nữa cũng đừng ngủ nhé. Đám cưới của bạn em đấy, anh nhớ cho".

"Có phải là bạn của anh đâu". Tôi nói.

Nàng đặt mẩu bánh mì xuống đĩa, chẳng nói gì, chỉ trừng mắt nhìn tôi. Tôi chịu thua, bắt đầu ăn món sò chiên khoai tán. Sò có vị của sinh vật thời thượng cổ. Ăn món sò ấy, như phép lạ, tôi biến dần thành loài khủng long có cánh, trong chớp mắt, đã bay qua cánh rừng nguyên sinh, lạnh lùng nhìn xuống mặt đất hoang tàn thê lương.

Trên mặt đất ấy, ông giáo trung niên dạy đàn piano, có vẻ hiền lành, đang kể chuyện cô dâu hồi còn học tiểu học. Cô đã là cô bé con có gì không hiểu thì hỏi cho đến khi hiểu rõ mới thôi, vì thế mà tiến chậm hơn các trẻ con khác. Nhưng cuối cùng lại đàn piano có hồn hơn ai hết.

"Hừm". Tôi nghĩ thầm.

"Có thể anh nghĩ cô ấy là người nhàm chán ...". Nàng nói. "Nhưng thật ra, cô ấy đáng nể trọng lắm đấy".

"Hừm".

Nàng ngừng tay, chiếc thìa còn lơ lửng trên không, nhìn tôi đăm đăm.

"Thật đấy chứ. Mặc dù có thể anh không tin".

"Tin chứ". Tôi nói. "Anh mà ngủ được một giấc đã đời, lúc thức dậy lại càng tin hơn nữa".

"Đúng là có nhàm một tí thật. Nhưng nhàm chán có phải là tội nặng đâu. Phải thế không?"

Tôi lắc đầu. "Đâu phải là tội gì".

"So với người như anh cứ nhìn đời với con mắt khinh bạc như thế, thì vẫn còn hơn nhiều, phải không nào?"

"Anh có nhìn đời với con mắt khinh bạc gì đâu". Tôi cãi. "Đúng lúc đang thiếu ngủ lại ùng ùng bị lôi theo cho đủ số vào tiệc cưới của cô nào chả quen biết. Chỉ lấy lý do duy nhất là bạn của em. Từ hồi nào đến giờ, anh đâu có thích đi ăn cưới. Hoàn toàn không thích tí nào cả. Gì mà cả trăm người xúm lại ăn thứ sò dở ẹc".

Nàng im lìm chẳng nói một lời, lẳng lẳng đặt chiếc thìa lên đĩa, lấy khăn ăn trắng trên đùi lên chặm vào khoé miệng. Có ai đấy bắt đầu hát, nhiều ánh chớp máy hình loáng lên.

"Anh chỉ buồn ngủ thôi mà". Tôi buồn thối. Cảm giác bị bỏ rơi trên một phố lạ mà lại không có hành lý. Trước mặt tôi đang khoanh tay lại, là đĩa thịt bò bíp-tếch, trên đó lại thấy có khối hơi trắng nổi lên lơ lửng. Khối hơi trắng ấy lại gạ gẫm tôi: "Giả thử ngay đây có tấm chăn trải giường màu trắng. Vừa mới lấy từ tiệm giặt ủi về, còn thẳng cứng vì hồ. Hiểu chứ? Cứ chui tọt vào đấy là xong. Có chút cảm giác lành lạnh lúc đầu, nhưng ấm cả người lên ngay ấy. Và có cả mùi nắng nữa chứ".

Nàng áp nhẹ bàn tay nhỏ nhắn lên lưng bàn tay tôi, thoang thoang chút hương dầu thơm. Tóc sợi nhỏ, mềm, thẳng của nàng mơn trớn má tôi. Tôi giặt mình, mở mắt dậy.

"Còn tí xíu nữa là xong, anh gắng nhịn. Em van anh". Nàng thâm thì vào tai tôi. Nàng khéo mặc chiếc áo đầm bằng lụa trắng, khuôn ngực nổi bật lên.

Tôi cầm lấy dao và nĩa, cắt miếng thịt như người ta vạch đường bằng thước thợ. Các bàn tiệc đều náo nhiệt, mọi người nói chuyện ào ào, tiếng dao nĩa chen lẫn. Cảm giác đang đi lẫn vào đám đông trong ga tàu điện hầm vào giờ cao điểm.

"Nói thật chứ, lần nào đi ăn cưới, anh cũng buồn ngủ cả". Tôi thú tội. "Trăm lần như một".

"Vừa thôi chứ".

"Thật đấy mà. Không láo đâu. Tự mình cũng không hiểu tại sao, nhưng từ trước đến nay, chưa lần nào đi ăn cưới mà chẳng buồn ngủ cả".

Nàng tỏ vẻ chán ngán, uống một ngụm rượu vang và nhón lấy vài lát khoai chiên.

"Có phải là thứ mặc cảm gì đấy không?"

"Chẳng biết nữa".

"Hẳn là mặc cảm gì đấy chứ gì".

"Nói thế thì quả là anh hay nằm mộng thấy cùng với con gấu trắng đập vỡ kính cửa sổ mà bước đi". Tôi tìm cách nói đùa. "Nhưng thật ra là tại con chim cánh cụt cả. Chim cánh cụt đã ép anh và con gấu ăn đậu tằm. (1) Mà đậu ấy màu lục, to thật là to ..."

"Thôi đi". Nàng gạt ngang. Tôi nín thính. Rồi lại tiếp:

"Nhưng mà, cứ buồn ngủ khi đi ăn cưới là thật đấy. Một lần đã làm đổ chai bia, lần khác đánh rơi dao nĩa xuống sàn đến ba lần ..."

"Thật phiền quá". Nàng vừa thận trọng cắt bỏ khúc mỡ trên miếng thịt trong đĩa, vừa nói. "Thật ra, chính anh muốn kết hôn đấy chứ gì?"

"Vì thế mà ngủ gật trong đám cưới người ta à?"

"Thì phục thù đấy".

"Hành vi phục thù bắt nguồn từ nguyện vọng tiềm tàng, đấy à?"

"Đúng thế".

"Thế thì, người ngủ gật trên tàu điện hầm thì sao? Do nguyện vọng làm phu mỏ than à?"

Nàng bỏ cuộc. Tôi ăn miếng thịt nửa chừng, cũng ngán, bèn lấy điều thuốc từ túi áo ra, châm lửa.

"Nghĩa là". Nàng nói, sau một lúc. "Anh muốn làm trẻ con mãi đấy".

Cả hai lại im lặng, ăn món nước đá nhận quả lí gai (2) đen và uống cà-phê espresso nóng.

"Anh còn buồn ngủ không?"

"Cũng còn một tí". Tôi đáp.

"Vậy uống cà-phê của em đi".

"Cảm ơn em".

Tôi uống cốc cà-phê thứ hai, hút điều thuốc thứ hai, ngáp cái ngáp thứ ba mươi sáu. Ngáp xong, ngẩng mặt lên thì trên bàn không còn thấy khối hơi trắng ấy đâu nữa.

Lần nào cũng thế.

Lúc khối hơi ấy biến mất cũng là lúc các hộp bánh được phân phối đến các bàn. Và cơn buồn ngủ của tôi đã bay đi đâu mất hút.

Mặc cảm à?

"Em muốn đi bơi ở đâu đó không?". Tôi hỏi nàng.

"Bây giờ à?"

"Trời vẫn còn sáng mà".

"Cũng được, nhưng áo tắm thì tính sao?"

"Mua ở tiệm trong khách sạn này cũng được chứ gì".

Tôi và nàng ôm hộp bánh tặng, đi vào tiệm buôn trong hành lang khách sạn. Chiều chủ nhật nên tiền-sảnh của khách sạn đông nghẹt khách dự tiệc cưới và người trong gia đình của họ.

"Này em, thế chữ Mississippi có đúng là có 4 chữ s không nào?"

"Chả biết". Nàng nói.

Cổ nàng phảng phất mùi nước hoa thơm ngát.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 06-2004

Chú thích:

(1) soramame (tiếng Anh là broad bean) một loại đậu luộc mặn làm mồi nhắm bia ở Nhật.

(2) suguri (tiếng Anh là gooseberry): một loại trái cây nhỏ để ăn hoặc làm rượu.

Cô gái xứ Ipanema Haruki Murakami

Xinh đẹp, thon thon, nâu rám
Cô gái xứ Ipanema đi lướt qua
Trong nhịp vũ khúc Samba
Uyển chuyển đung đưa, cô gái bước...
Nhưng... Vì có chi ta lại buồn?
Ôi... Ta muốn đến thú nhận cùng nàng...
Vâng!... Ta phải thổ lộ với nàng
Nhưng nàng chẳng nhìn ta
Mà chỉ mãi mê nhìn ra mặt biển...

Cô gái xứ Ipanema đã nhìn biển như thế vào năm Sáu Mươi Ba. Và bây giờ, vào năm Tám Mươi Hai, cô gái xứ Ipanema đang nhìn biển hết như thế. Nàng không già đi. Nàng đã bị niêm khắc vào trong hình ảnh của bản thân và cứ như vậy mà trượt trôi chậm rãi trên mặt biển thời gian... Mà cũng có thể là nàng đã già hơn – và khi ấy chắc hẳn nàng đã phải xấp xỉ tuổi bốn mươi. Và cứ mặc kệ ai đó không đồng ý với điều này, nhưng về như nàng đã không còn thon thả và rám nắng như thế, như cái thời xa đó nữa. Nàng đã có ba con, còn ánh nắng mặt trời thì làm da nàng đau yếu. Có thể nàng vẫn còn rất đẹp, nhưng quả tình không còn trẻ trung như hai mươi năm về trước nữa – sự đời phải vậy, biết làm sao được!

Nhưng trong chiếc đĩa hát, rõ ràng là nàng đã không già hơn. Nàng vẫn đó, trong chất giọng tenor – saxophone êm dịu của Sten Ghetes – mãi mãi là cô gái mười sáu tuổi dịu dàng và thon thả xứ Ipanema. Tôi bật máy, hạ chiếc kim xuống mặt đĩa – và lập tức hình hài thon nhỏ của nàng hiện ra.

Ôi... Tôi muốn thú nhận cùng nàng.

Vâng!... Tôi phải thổ lộ với nàng.

Mọi lần đều vậy, cứ hễ nghe đến bài hát này, tôi lại nhớ tới cái hành lang trong ngôi trường cũ. Cái hành lang tăm tối, hơi ẩm ướt trong ngôi trường của tôi. Trần nhà cao âm thầm dội lại những tiếng vọng bước chân khi bạn đi trên nền

lát bê tông. Một vài ô cửa sổ mở ra hướng Bắc và liền kề đó là những ngọn núi khiến hành lang luôn luôn tăm tối. Tối - và lặng yên hết dưới mộ. Hoặc ít ra là trong tâm trí của tôi cái hành lang này vẫn luôn yên lặng đến kinh người.

Còn tại làm sao mà tôi lại luôn nhớ đến cái hành lang trong ngôi trường mỗi khi nghe bài hát Cô gái xứ Ipanema – thì chính tự tôi cũng không được rõ lắm. Vì thực ra chẳng có mối liên hệ nào hết cả. Thật lạ, không hiểu những viên đá nhỏ mà cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba đã ném xuống giếng sâu ký ức của tôi là cái gì vậy nhỉ?

Còn đây hành lang trong ngôi trường cũ, tiếp đó, lại gọi lên trong tâm trí tôi món rau xà lách trộn. Nào là dưa chuột, cà chua, lá rau xà lách, ớt quả, măng tây, hành tây thái lát – tất tần tật trộn chung với món nước sốt Thiên Đảo màu hồng dịu. Nói như thế không có nghĩa là ở cuối cái hành lang trong trường cũ của chúng tôi có bán món rau trộn. Hành lang dừng lại ở một cánh cửa, còn sau đó khoảng chừng hai mươi lăm mét là một cái bể bơi xấu xí.

Vậy tại sao cái hành lang trong trường học lại gọi cho tôi nghĩ đến món rau trộn như thế? Nếu ngẫm kỹ ra, thì ở đây cũng chẳng có manh mối gì.

Còn món rau trộn gọi cho tôi nhớ tới một cô bé mà có dạo tôi từng quen không thân lắm.

Mặc dù liên tưởng này hoàn toàn có thể giải thích được. Cô bé luôn ăn món rau trộn.

- Bạn, khrum – khrum, đã làm, khrum – khrum, bài tập tiếng Anh chưa?

- Khrum – khrum, Vẫn chưa xong. Khrum – khrum, vẫn còn, khrum – khrum, một đoạn nữa cơ.

Tôi cũng là đứa cực thích ăn rau, nên chúng tôi đã kết với nhau làm một cặp. Cô bé có những chính kiến hết sức đặc biệt: Cô thành kính tin rằng nếu tuân thủ một thực đơn ăn kiêng cân đối bằng rau thì mọi chuyện trên đời đều êm đẹp cả. Còn nếu như tất cả loài người chuyển hết sang ăn rau thì lòng tốt và cái đẹp sẽ được lên ngôi, còn thế giới sẽ ngập tràn sức khỏe và tình yêu. Hệt như trong vạt rừng dâu nào đó...

“Ngày xưa ngày xưa, - một triết gia viết, - vào cái thời khi giữa vật chất và ký ức là một vực thẳm siêu hình”.

Cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba/Tám Mươi Hai tiếp tục bước đi im lìm trên bãi tắm siêu hình nóng bỏng. Bãi tắm rất dài, những con sóng trắng bình thản ập đến. Gió lặng ngắt, chân trời sạch tinh. Bốc mùi biển.

Mặt trời đốt không thương xót.

Tôi vạ vật dưới tán ô che nắng; tôi lấy từ thùng ướp nước đá một lon bia và bật nắp. Tôi đã uống bao nhiêu lon rồi nhỉ? Năm lon? Hay là sáu? Nhưng thôi, mặc xác mọi chuyện. Uống bao nhiêu rồi cũng toát mồ hôi ra hết ấy mà.

Còn nàng vẫn cứ bước đi. Bộ đồ tắm bikini màu sắc giản dị bó sát lấy tấm thân thon thả và rám nắng.

- Chào cô em, - tôi gọi nàng.

- Chào anh! - nàng nói.

- Cô em uống bia chứ? – tôi ngỏ ý.

- Có! – nàng đồng ý.

Và chúng tôi cùng nhau uống bia dưới tán chiếc ô trên bãi tắm.

- Nhân tiện nói thêm, - tôi nói, - hình như tôi đã gặp cô em ở đây – vào năm Sáu Mươi Ba. Cũng ở chỗ này, và thời gian này trong ngày.

- Không có lẽ. Đã lâu thế kia ư?

- Vậy đây!

Nàng tu một hơi hết nửa lon bia, và nhìn vào trong lon qua cái lỗ.

- Có thể, là anh đã gặp... Vào năm Sáu Mươi Ba, anh nói thế à? Hừ, vào năm Sáu Mươi Ba... Ta đã có thể gặp được nhau.

- Cô em chẳng thay đổi gì hết, phải vậy không?

- Thì em là cô gái siêu hình mà.

- Nhưng lúc ấy cô em hoàn toàn không để ý gì đến tôi cả. Cứ nhìn mãi ra biển thôi.

- Mọi chuyện đều có thể, - nàng nói. Và nàng cười: - Anh nghe này, có thể uống thêm bia được không?

- Tất nhiên, - tôi nói và bật cho nàng một lon. – Nhưng cô em sao thế: Từ dạo đó cô em vẫn cứ đi dọc bãi biển như thế ư?

- Quả có vậy!

- Thế lòng bàn chân của cô em không bỏng ư?

- Không hề gì. Lòng bàn chân của em rất siêu hình mà. Anh có muốn xem không?

- Có.

Nàng duỗi đôi chân thon và chỉ cho tôi xem đôi lòng bàn chân. Đôi lòng bàn chân siêu hình tuyệt diệu. Tôi khẽ chạm vào chúng bằng mấy ngón tay. Chúng không hề nóng, cũng không lạnh lẽo chút nào. Tôi sờ chúng – tiếng sóng vỗ khẽ rì rào vắng tới. Và thậm chí cả tiếng ồn này cũng rất siêu hình.

Tôi cùng uống bia với nàng, không nói thêm lời nào. Đến cả mặt trời cũng bất động. Thời gian đứng yên tại chỗ. Các cảm giác khuất chìm sau tấm gương soi.

- Khi nghĩ đến em, tôi luôn nhớ về cái hành lang trong trường học, - tôi nói. - Điều này là cứ làm sao nhỉ?

- Bản chất của con người nằm trong tính phức tạp của nó, - nàng nói. - Đối tượng của khoa học về con người không phải là khách thể, mà là chủ thể ở bên trong thân xác.

- U hừ, - tôi nói.

- Tóm lại, anh hãy sống cho bản thân. Hãy sống đi, sống, và sống – và chỉ thế thôi. Còn em – chỉ đơn giản là cô gái với những lòng bàn chân siêu hình.

Với những lời lẽ như vậy cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba/Tám Mươi Hai phủ cát bám trên đầu gối và đứng dậy.

- Cám ơn anh đã mời bia.

- Ồ! Không có gì.

Có lúc, tôi chạm mặt nàng trong toa xe điện ngầm. Nàng liền gửi cho tôi một nụ cười hệt như muốn nói: “Cám ơn anh đã đãi bia khi đó”. Tôi không trao đổi với nàng một lời nào kể từ đó – nhưng cảm thấy rằng linh hồn của chúng tôi dường như đã gắn chặt với nhau. Chúng gắn với nhau bằng cái gì, cái nút thắt đó ở đâu – tôi không thể hiểu nổi. Ất phải ở một nơi bí ẩn nào đó, trong một thế giới xa xăm nào đó. Trong cái nút thắt này xoắn xuýt cả cái hành lang ngôi trường, cả món rau xà lách trộn, cả cô bé – thích rau và những vạt rừng dâu của cô. Bạn càng nghĩ như vậy – thì thường càng hay tiếp nhận các sự vật với cái hơi ấm hoài niệm nào đó. Mà hẳn là ở đâu đó cần phải có cái nút thắt nối kết tôi với chính mình chứ! Và lạ Chúa, nhất định sẽ có lúc tôi được sa vào cái thế giới xa xăm đó, đến cái nơi bí ẩn đó – và tôi sẽ gặp ở nơi đó chính bản thân mình. Nếu có thể được – tôi ước gì ở nơi đó cũng thật là ấm áp. Còn nếu ở đó có thêm một vài lon bia nữa thì chẳng cần cầu mong thêm điều gì. Ở đó tôi sẽ hóa thân vào Kẻ - Là - Chính - Tôi, còn cái Kẻ - Là - Chính - Tôi đó sẽ hóa thân vào tôi. Giữa chúng tôi sẽ không còn một khe hở nhỏ nào. Ở đâu đó nhất định phải có cái nơi tuyệt vời như thế chứ.

Còn cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba/Tám Mươi Hai cả đến bây giờ vẫn đi trên bãi tắm nóng bỏng. Nàng sẽ vẫn đi như thế cho đến chừng nào tôi còn chưa nghe đến thùng chiếc đĩa hát cuối cùng.

Kiều Vân dịch

Phi cơ

Murakami, Haruki

Buổi chiều đó nàng nói với chàng: “Xưa nay anh vẫn có thói quen nói chuyện một mình đúng không?”. Từ bên kia bàn, nàng nhướn mắt và hỏi chàng như thể đó là một ý nghĩ vừa chợt đến, nhưng rõ ràng nó không phải là một ý nghĩ bất chợt. Chắc nàng nghĩ mãi điều này từ khá lâu rồi. Thường thì vào những lúc như thế này, giọng nàng hơi khàn khàn và đanh lại. Nàng đã kiềm chế và uốn lưỡi nhiều lần trước khi nói ra như thế.

Hai người ngồi đối diện nhau ở chiếc bàn trong nhà bếp. Ngoài tiếng xe lửa dành cho người đi làm bằng vé tháng đôi khi chạy ngang qua đường ray gần đó,

xung quanh đều yên tĩnh - hầu như lúc nào nơi đây cũng quá yên tĩnh. Những đường ray chạy ngang qua đây có một sự im lặng huyền bí riêng mình. Những miếng lót sàn bằng nhựa vinyl cho bàn chân trần một cảm giác lạnh lạnh dễ chịu. Chàng cởi tất ra nhét vào túi quần. Đó là một buổi chiều tháng tư khá ấm áp. Nàng xắn ống tay áo lên tận khuỷu. Chiếc áo somi màu xám nhạt kẻ caro. Những ngón tay trắng trẻo thanh tú của nàng đùa chơi với chiếc thìa cà phê cầm trên tay. Chàng nhìn chăm chú vào đầu ngón tay nàng đang cử động, và tâm trí chàng chợt tê liệt trống trải lạ lùng. Dường như nàng nắm trong tay cả thế giới, và nàng bây giờ đang tháo bỏ dần những sợi tơ - một cách máy móc và thờ ơ - như thể nàng phải làm điều đó cho dù lâu đến đâu đi chăng nữa.

Chàng chỉ ngó xem và chẳng nói gì. Chàng không nói bởi chàng không biết nói gì. Chút cà phê còn lại trong ly bây giờ đã nguội ngắt và cô lại.

Chàng mới hai mươi còn nàng hơn chàng tới bảy tuổi, đã lập gia đình và là mẹ của một đứa con. Đối với chàng, nàng như thể ở bề mặt trái của mặt trăng xa xôi.

Chồng nàng làm việc ở một hãng du lịch chuyên về mảng du lịch nước ngoài. Vì thế mà anh ta mỗi tháng đều vắng nhà khoảng hai tuần để đến những nơi như London, Rome hay Singapore chẳng hạn. Chồng nàng rõ ràng rất thích opera. Có đến ba bốn quyển album nhạc dày cộp xếp trên kệ. Chúng được sắp theo tên của người sáng tác: Verdi, Puccini, Donizetti, Richard Strauss. Mấy quyển album xếp thành dãy trông không có vẻ là một bộ sưu tập đĩa hát mà như một biểu tượng của cảnh quan thế giới vậy: im lìm, bất động. Chàng thường nhìn những đĩa hát của chồng nàng mỗi khi không biết nói gì hoặc không có gì để làm. Chàng đưa mắt nhìn gáy những quyển album từ trái qua phải rồi từ phải qua trái và đọc to trong đầu những tựa bài: “La Bohème”, “Tosca”, “Turandot”, “Norma”, “Fidelio”... Chàng chưa lần nào nghe thứ nhạc như thế, chưa từng có cơ hội nghe nhạc đó. Không ai trong gia đình chàng, bạn bè và người quen biết chàng là người hâm mộ nhạc opera. Chàng biết rằng có một loại nhạc là opera, biết có những người nào đó thích nghe loại nhạc này, nhưng bộ sưu tập đĩa hát opera của chồng nàng lần đầu tiên cho chàng một ý niệm thực sự về cái thế giới ấy.

Bản thân nàng cũng không thích loại nhạc này lắm. “Em chẳng ghét bỏ gì chúng đâu”, nàng nói. “Chỉ có điều chúng dài quá thôi”.

Kế bên kệ đĩa hát đó là một dàn âm thanh nổi hoành tráng. Cái vòi ampli to lớn nhập khẩu cong xuống nặng nề chờ lệnh, như một loài giáp xác được huấn luyện thuần thục. So với những đồ vật khiêm tốn khác trong phòng thì chiếc ống ampli này nổi bật hẳn lên. Nó có một hình dáng quả thật khác thường. Người ta không thể không dán mắt vào nó. Nhưng chàng chưa một lần nào nghe thanh âm của dàn máy này. Nàng chẳng biết cái công tắc máy nằm ở đâu. Còn chàng thì chưa từng nghĩ đến chuyện sờ vào nó.

“Gia đình em chẳng có chuyện gì đâu”. Nàng mấy lần nói với chàng như vậy rồi. “Chồng em tốt với em lắm. Em yêu con gái của em. Em nghĩ mình rất hạnh phúc”. Nàng nói rất bình tĩnh, thậm chí có phần thanh thản. Chẳng có dấu hiệu gì cho thấy nàng đang loay hoay bào chữa cho cuộc đời mình. Nàng nói về cuộc hôn nhân của nàng với vẻ hoàn toàn khách quan, như thể đang bàn về luật giao thông hay đường chỉ tuyến quốc tế vậy. “Em nghĩ là mình hạnh phúc. Chẳng có vấn đề gì đâu”.

Vậy tại thế quái nào mà nàng ngủ với mình nhỉ? Chàng tự hỏi. Chàng nghĩ mãi mà không tìm được câu trả lời. Vậy cái gì mới gọi là “có vấn đề” trong một cuộc hôn nhân đây? Đôi khi chàng đã nghĩ mình nên hỏi thẳng nàng điều đó, nhưng chàng không biết bắt đầu ra sao? Chàng sẽ nói như thế nào đây? “Nếu em hạnh phúc vậy tại thế quái nào mà em ngủ với anh?”. Liệu chàng có thể hỏi nàng như thế được không? Chàng chắc rằng điều đó sẽ làm nàng khóc nức nở.

Nàng đã khóc đủ rồi. Nàng thường khóc lâu, lâu lắm, thốn thớt. Chàng hầu như chẳng bao giờ biết tại sao nàng lại khóc. Nhưng khi đã bắt đầu khóc, nàng chẳng thể nào dừng lại được. Dù chàng có ra sức an ủi nàng đến thế nào đi nữa, thì sau khi một khoảng thời gian nhất định trôi qua nàng mới thôi khóc. Thực ra thì chàng chẳng phải làm bất cứ việc gì cả - sau khi trôi qua đúng ngần ấy thời gian, nàng sẽ ngừng khóc thôi. Tại sao người ta lại khác nhau đến thế nhỉ? Chàng tự hỏi. Chàng đã chung chạ với rất nhiều đàn bà. Tất cả bọn họ đều khóc lóc hay giận dữ, nhưng mỗi người một kiểu. Họ có nhiều điểm chung đấy, nhưng cũng có quá nhiều khác biệt. Dường như không phải là vấn đề tuổi tác. Dù đây là lần đầu tiên chàng quan hệ với một phụ nữ lớn tuổi hơn mình nhưng sự khác biệt về tuổi tác không làm phiền chàng nhiều như chàng tưởng. Chàng cảm thấy rằng những khuynh hướng khác biệt của mỗi người có ý nghĩa hơn sự khác biệt về tuổi tác rất nhiều. Chàng không thể không nghĩ rằng đó là một chiếc chìa khoá quan trọng để giải mã những bí ẩn của đời người.

Thường thì sau khi khóc xong, chàng và nàng sẽ làm tình. Thường thì nàng là người chủ động. Còn không thì chàng phải chủ động thôi. Đôi khi nàng cũng từ chối, nhưng nàng chỉ lặng thinh lắc đầu. Rồi thì mắt nàng như mặt trăng trắng nhợt nhạt lơ lửng trên bầu trời lúc rạng đông. Mặt trăng phẳng lặng và khô gọi mờ nhạt đi khi một con chim kêu lẻ loi lúc bình minh. Mỗi lúc chàng nhìn vào đôi mắt nàng như thế, chàng chẳng thể nói gì với nàng nữa. Chàng không cảm thấy giận dữ và phiền muộn gì. “Sự việc đúng như thế đấy”, chàng nghĩ thầm. Đôi khi chàng thậm chí còn cảm thấy thanh thản nữa. Họ sẽ ngồi nơi chiếc bàn nhà bếp, uống cà phê và lặng lẽ nói chuyện. Hầu hết thời gian họ chỉ nói với nhau rời rạc. Họ chẳng phải là người hay chuyện, và họ cũng có ít điểm chung để nói chuyện với nhau. Chàng chẳng thể nào nhớ được họ đã nói với nhau những

gì, có nhớ chẳng chỉ là những chi tiết vụn vặt mà thôi. Và trong suốt thời gian đó, chuyến xe điện chở người đi làm xa1 đôi khi lại vụt qua cửa sổ.

Cái cách họ làm tình thật chóng vánh và lặng lẽ. Đúng ra cuộc làm tình của họ chẳng có vẻ gì có thể gọi là sự hòa hợp thể xác. Dĩ nhiên, thật sai lầm nếu cho rằng họ chẳng biết gì đến cái lạc thú khi người nam và người nữ hòa nhập thể xác vào nhau, nhưng trộn lẫn với cái lạc thú đó là quá nhiều những ý nghĩ, yếu tố và những kiểu cách khác. Nó khác hẳn với những quan hệ xác thịt mà chàng đã trải qua. Nó làm chàng nghĩ đến một căn phòng nhỏ ngăn nắp gọn gàng đầy tiện nghi. Trên trần nhà của căn phòng đó có treo những sợi dây đủ màu sắc, đủ hình dạng, dài ngắn khác nhau và mỗi sợi như thế, theo một cách riêng, đều đem lại niềm sướng khoái cho chàng. Chàng muốn kéo một sợi dây đó và tất cả những sợi dây khác cũng muốn được chàng kéo. Nhưng chàng không biết mình nên kéo sợi dây nào đây. Chàng cảm thấy mình có thể chọn một sợi dây và một quang cảnh tráng lệ mở ra trước mắt chàng, nhưng cũng rất có thể mọi thứ sẽ dễ dàng sụp đổ. Vì thế mà chàng do dự, và trong khi chàng do dự thì một ngày khác đã trôi qua.

Sự lạ lùng của tình huống này hầu như quá nhiều đối với chàng. Chàng tin rằng mình đã sống bằng ý thức giá trị của riêng mình. Nhưng một khi ở trong căn phòng này, khi nghe tiếng xe điện chạy ngang qua và ôm ấp một người phụ nữ yên lặng lớn tuổi hơn mình trong vòng tay, chàng không khỏi cảm thấy lúng túng. Chàng đã tự hỏi mình không biết bao nhiêu lần: “Liệu mình có yêu nàng ta không?”. Nhưng chàng chẳng bao giờ tìm ra được câu trả lời nào hoàn toàn thuyết phục.

Khi hai người âu yếm nhau xong, bao giờ nàng cũng liếc nhìn đồng hồ. Nằm trong cánh tay chàng, nàng khẽ ngước mắt lên phía đầu giường nhìn vào chiếc máy thu thanh màu đen có gắn đồng hồ. Vào thời đó, những chiếc máy thu thanh gắn đồng hồ không có số dạ quang mà là những gạch số kêu những tiếng tích tắc nhẹ nhàng. Khi nàng nhìn đồng hồ, một chuyến xe điện sẽ chạy ngang qua cửa sổ. Điều đó giống như một phản xạ có điều kiện vậy. Nàng sẽ nhìn và xe điện sẽ chạy ngang qua.

Nàng phải nhìn đồng hồ để chắc chắn rằng không phải giờ mà đưa con gái bốn tuổi của nàng từ trường mẫu giáo trở về. Chính xác thì chàng đã một lần thoáng thấy bóng dáng con bé đó. Và dường như nó là một đứa trẻ đáng yêu. Đó là ấn tượng duy nhất mà chàng bắt gặp. Chàng chưa lần nào thấy mặt người chồng nàng, kẻ yêu nhạc opera và đang làm trong một hãng du lịch. Thật may mắn thay.

Đó là một buổi chiều tháng năm khi nàng lần đầu tiên hỏi chàng về thói quen nói chuyện với chính mình. Hôm đó, nàng lại khóc. Và rồi sau đó họ lại làm tình. Chàng không thể nhớ điều gì đã làm nàng khóc. Đôi khi chàng tự hỏi mình liệu

nàng cần mình có phải để có người cho nàng gục khóc trong vòng tay. Có lẽ nàng không thể khóc một mình được và vì thế nên nàng cần mình chẳng?

Hôm đó, nàng khóa cửa, buông rèm và mang điện thoại để cạnh giường ngủ. Và họ lại quán lầy nhau. Yên lặng và dịu dàng. Luôn luôn như thế. Chuông cửa reo vang nhưng nàng tảng lờ đi. Dường như tiếng chuông chẳng làm nàng giật mình tí nào. Nàng lúc lắc đầu như thể nói: “Đừng bận tâm. Chẳng sao cả đâu”. Chuông còn reo vài lần nữa cho đến lúc người gọi phải bỏ cuộc và rời đi. Đúng như nàng đã nói, “chẳng có gì đâu”. Có lẽ đó là một người bán hàng. Nhưng làm sao nàng biết được? Thỉnh thoảng một chuyến xe điện âm âm vút qua. Tiếng piano từ xa xôi vọng lại. Chàng mơ hồ nhận ra giai điệu đó. Chàng đã nghe chúng một lần, lâu lắm rồi, từ khi chàng còn học nhạc, nhưng chàng không thể nhớ chính xác. Chiếc xe bán rau lóc cóc chạy qua trước cửa nhà. Nàng nhắm mắt lại, hít thở sâu, và chàng đạt đến đỉnh điểm một cách cực kỳ êm ái.

Chàng bước vào nhà tắm. Khi trở ra, chàng dùng khăn tắm lau khô người, và thấy nàng nằm úp mặt trên giường nhắm mắt lại. Chàng ngồi kế bên nàng, vuốt ve lưng nàng và đưa mắt lướt qua những tựa bài của các đĩa opera.

Chẳng bao lâu sau, nàng rời khỏi giường, mặc đồ tươm tất và đi xuống bếp pha cà phê. Sau đó một lát, nàng hỏi chàng: “Thói quen xưa nay của anh là hay nói chuyện một mình như thế, đúng không?”

“Như thế nào cơ?”. Nàng làm chàng bất ngờ. “Ý em nói là trong khi chúng ta...?”

“Không, không. Không phải lúc đó. Lúc nào cũng thế. Chẳng hạn như lúc anh đang tắm, hay khi em đang ở trong bếp và anh một mình đọc báo hay đại loại như vậy”.

“Anh chẳng biết,” chàng vừa nói vừa lắc đầu. “Anh chẳng bao giờ để ý. Anh nói chuyện một mình à?”

“Anh đã nói một mình. Thật đấy”. Nàng vừa nói vừa nghịch cái bật lửa.

“Không phải là anh không tin em,” chàng nói. Cảm giác không thoải mái tác động đến giọng nói của chàng. Ngậm điếu thuốc trên môi, chàng lấy chiếc bật lửa trên tay nàng rồi châm lửa. Chàng mới bắt đầu hút thuốc “Thất tinh” gần đây thôi. Đó là loại thuốc của chồng nàng. Thường thì chàng hút loại “Hy vọng”. Chẳng phải nàng yêu cầu chàng chuyển sang hút loại “Thất tinh”; đó là do chàng nghĩ là mình cần phải lo xa vậy thôi. Chàng quyết định thế để cho chắc cú. Điều đó làm cho mọi chuyện thoải mái hơn. Cũng giống như trong mấy vở kịch mê lô trên tivi vậy.

“Em cũng từng hay nói chuyện một mình đấy,” nàng nói. “Đó là khi em còn nhỏ cơ.”

“Ồ, thật thế à?”

“Nhưng mẹ em bắt em phải thôi. Mẹ em từng nói: “Con gái nhà lành thì không nói chuyện một mình”. Và mỗi khi em nói chuyện một mình thì mẹ em giận điên lên. Mẹ nhốt em vào trong nhà kho. Đó là nơi tẻ nhất mà em có thể hình dung ra được. Một nơi tối tăm và luôn có mùi ẩm mốc. Đôi khi mẹ em còn dùng thước đánh vào đầu gối em. Nhưng tật xấu đó vẫn tiếp tục. Và nó cũng chẳng kéo dài bao lâu. Cuối cùng thì em cũng đã bỏ được tật xấu này hoàn toàn đấy. Không còn nói một lời nào.”

Chàng chẳng thể nghĩ ra được điều gì để nói về chuyện này, nên chàng chỉ im lặng. Và nàng cắn môi.

“Thậm chí cả bây giờ, nếu em cảm thấy mình chuẩn bị nói gì đó thì em chỉ nín thinh mà thôi,” nàng nói. “Điều này giống như một phản xạ vậy. Nhưng tự nói với mình thì có gì là xấu? Chuyện đó tự nhiên mà. Chỉ là miệng mình phát ra những từ ngữ thôi. Nếu mẹ em còn sống, em nghĩ mình sẽ hỏi bà: “Tự nói với mình thì có gì là xấu?”

“Mẹ em mất rồi à?”

“Đúng vậy. Nhưng em muốn chuyện rõ ràng. Em muốn hỏi bà: “Tại sao mẹ làm như thế với con?”

Nàng nghịch cái thìa cà phê. Nàng liếc nhìn cái đồng hồ treo trên tường. Và ngay khi nàng làm thế, một chiếc tàu điện chạy ngang qua.

Nàng đợi cho chuyến tàu băng qua rồi nói: “Đôi khi em nghĩ trái tim con người ta giống như những cái giếng sâu. Không ai biết có gì ở dưới đáy. Và tất cả những gì người ta có thể làm là tưởng tượng những điều lâu lâu nổi lên bề mặt nước.”

Trong một lúc, hai người nghĩ về những cái giếng.

“Thế anh đã nói gì khi nói chuyện một mình?”, chàng hỏi. “Em cho ví dụ thử xem”.

“Hừm”, nàng nói. Và nàng chậm rãi lắc đầu vài cái như thể kiểm tra cẩn thận khả năng hoạt động của cổ mình vậy. “À, anh nói về những chiếc phi cơ...”

“Sao, những chiếc phi cơ à?”

“Ừ, anh biết đấy. Chúng bay trên trời ấy mà.”

Chàng cười. “Tại sao anh lại chỉ nói về mấy cái phi cơ nhỉ...”

Nàng cũng cười. Rồi nàng dùng hai ngón tay trở để đo chiều dài của một vật thể tượng tượng nào đó trong không trung. Đó là một trong những thói quen của nàng mà chàng đã phát hiện được.

“Anh phát âm rất rõ từng từ mà. Anh có chắc là anh chẳng nhớ gì về những điều anh đã tự nói với mình không?”

“Anh chẳng nhớ gì cả.”

Nàng nhặt cây bút bi nằm trên bàn, nghịch cây bút một lát, rồi lại nhìn đồng hồ. Đồng hồ đang chạy. Trong năm phút từ lần ngo cuối cùng của nàng, đồng hồ

đã chạy thêm năm phút.

“Anh độc thoại với mình như thể anh đang ngâm thơ vậy”.

Khi nói điều này, chột nàng hơi đỏ mặt. Chàng thấy điều này lạ lùng. Tại sao thói quen tự nói chuyện của chàng lại làm nàng đỏ mặt chứ?

Chàng cố gắng ngâm nga: “Tôi độc thoại / hầu như là / Tôi đang ngâm / thơ”.

Nàng lại nhặt cây bút bi lên. Đó là cây bút bi nhựa màu vàng có cái logo kỷ niệm mười năm thành lập của một chi nhánh ngân hàng nào đó.

Chàng chỉ cây bút mà nói: “Lần sau mà em nghe anh nói cái gì một mình thì ghi ra cho anh nhé?”.

Nàng nhìn thẳng vào mắt chàng. “Anh thực sự muốn biết à?”

Chàng gật đầu.

Nàng lấy một mảnh giấy và bắt đầu viết cái gì đó. Nàng viết chậm nhưng cây bút luôn di động, không một lần nghỉ hay dừng lại. Tay chống cằm, chàng luôn nhìn chăm chú vào hàng lông mi nàng. Chốc chốc nàng lại chớp chớp mắt. Các lần chớp mắt không đều nhau. Càng ngắm cặp lông mi của nàng, cặp lông mi mà mới đây thôi còn ướt đẫm nước mắt, chàng lại càng không hiểu. Việc mình ngủ với nàng thực sự có nghĩa gì nhỉ? Cảm giác mát mát xâm chiếm chàng, như thể một phần của một hệ thống phức tạp đã bị căng ra, căng ra mãi cho đến khi nó trở nên giản đơn một cách đáng sợ. Có lẽ mình chẳng bao giờ có thể đi đến nơi nào khác nữa. Khi ý nghĩ này nảy ra với chàng, nỗi khủng khiếp hầu như quá sức chịu đựng của chàng. Sự hiện hữu của chàng, bản ngã của chính chàng sắp sửa tan biến. Phải, điều này mới là thực: Chàng còn trẻ như một đám bùn tươi và tự độc thoại với mình như là đang ngâm thơ.

Nàng ngừng viết và đẩy tờ giấy về phía chàng. Chàng chìa tay ra và nhận lấy.

Trong nhà bếp, dư ảnh một cái gì đó lớn lao vẫn còn nguyên hơi thở. Chàng thường cảm thấy sự hiện hữu của hình ảnh đó mỗi khi chàng ở bên nàng, như dư ảnh của một cái gì chàng đã đánh mất. Nhưng chàng đã đánh mất cái gì?

“Em thuộc lòng hết”, nàng nói. “Đây là những gì anh độc thoại đấy.”

Chàng đọc lớn:

Chiếc phi cơ

Chiếc phi cơ bay

Tôi ngồi trên đó

Phi cơ bay nhanh

Nhưng dù như thế

Phi cơ đâu phải

Là bầu trời xanh?

“Chỉ có thể thôi ư?”. Chàng sừng sốt.

“À há. Tất cả đấy”, nàng nói.

“Thật không thể tin được. Anh không thể tin là mình lại nói thế rồi chẳng nhớ gì cả.”

Nàng thoáng mỉm cười. “Thế nhưng anh đã nói đúng như vậy đấy.”

Chàng thở dài. “Thật là quá kỳ lạ. Anh chưa một lần nào nghĩ đến những chiếc phi cơ. Anh tuyệt đối chẳng nhớ gì về chúng cả. Vậy thì tại sao bỗng nhiên những chiếc phi cơ lại vọt ra thế nhỉ?”

“Em cũng có biết đâu. Nhưng đúng là anh đã nói thế trong lúc tắm. Có lẽ anh không nghĩ gì đến những chiếc phi cơ, nhưng trong một cánh rừng sâu thẳm xa xôi nào đó, con tim anh lại đang nghĩ về chúng.”

“Ai mà biết được? Có lẽ anh đang làm một chiếc phi cơ trong một cánh rừng sâu thẳm nào đó.”

Nàng đặt bút lên bàn rồi nhướn mắt nhìn chàng chăm chú.

Họ im lặng một lúc. Cà phê trong cốc đã sánh lại và nguội đi. Trái đất vẫn quay quanh trục và trọng lực mặt trăng vẫn gây ảnh hưởng âm thầm đến thủy triều. Thời gian lặng lẽ trôi đi và những chuyến tàu điện lao vút trên đường ray.

Chàng và nàng cùng đang nghĩ về chiếc phi cơ. Chiếc phi cơ mà con tim chàng đang làm trong một cánh rừng sâu thẳm. Nó lớn như thế nào, hình dạng nó ra sao, màu sắc của nó thế nào, nó sẽ bay đi đâu và ai ngồi trên đó.

Chỉ một lát sau, nàng lại khóc. Đây là lần đầu tiên nàng khóc hai lần trong một ngày. Và đó cũng là lần cuối. Đó là một điều đặc biệt đối với nàng. Chàng với tay qua chiếc bàn và chạm vào tóc nàng. Có điều gì đó có thực vô cùng khi chàng cảm nhận về mái tóc: cứng, thẳng mượt và quá xa xăm.

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Jay Rubin

Chú thích của dịch giả:

1 Vì ở Nhật Bản giá đất đai rất đắt nên những công nhân viên phải mua nhà cách chỗ làm một hai giờ tàu điện. Vào những giờ cao điểm, xe điện đông kín người và phải có nhân viên nhà ga đẩy người vào xe điện rồi đóng cửa lại. Người Nhật mỉa mai gọi cảnh tượng đó là “xe điện địa ngục”(Jigoku no densha).

Giáng sinh của Người Cừ (phần 1)

Murakami, Haruki

Đang lúc giữa mùa hè, Người Cừ được yêu cầu phải viết vài khúc nhạc Giáng Sinh. Cả Người Cừ và thanh tra cừ, đến để yêu cầu Người Cừ phải đảm trách việc sáng tác nhạc, lúc đó mồ hôi mồ kê đầm đìa trong bộ trang phục cừ mùa hè. Mùa hè càng kéo dài chừng nào thì Người Cừ càng khổ chừng nấy vì anh ta chỉ là một chú cừ nghèo và không thể sắm nổi một chiếc máy điều hòa

nhật độ. Khi cái quạt quay tròn thành phách xung quanh, tai của hai gã cừu ve vẩy nhẹ nhàng trong cơn gió nhẹ.

- Chúng tôi, Hội đồng Người Cừu - Vị thanh tra cừu vừa bắt đầu nói vừa thả lỏng cổ áo cho cái quạt thổi gió vào - Mỗi năm chúng tôi chọn một chú cừu đã được trời ban phước cho một tài năng âm nhạc phi thường, để sáng tác một bản nhạc vinh danh vị bảo trợ thần thánh nhất, vị Thánh Cừu. Bản nhạc này sẽ được trình diễn trong ngày giáng sinh. May mắn thay là năm nay anh đã được chọn.

- Ô tôi hiểu. Người Cừu nói.

- Đặc biệt, năm nay là lễ kỷ niệm 2.500 năm ngày vị thánh qua đời, do đây mà chúng tôi thật sự mong muốn có một bản nhạc thật hoành tráng, thích hợp với sự kiện linh thiêng này - Vị thanh tra kết luận.

- Tôi hiểu, tôi hiểu. Người Cừu nói và gãi gãi đôi tai.

- Vẫn còn bốn tháng rưỡi nữa mới đến Giáng Sinh kia mà - Người Cừu nghĩ thầm - Với thời gian dài như thế, chắc chắn mình sẽ sáng tác được vài bản nhạc cừu tuyệt diệu.

- Tôi rất vui được đảm trách công việc này. Xin ông cứ tin tưởng tôi - Người Cừu đáp lời, ngực anh ta dâng lên niềm hãnh diện - Chắc chắn tôi sẽ gắng hết sức mình để viết một bản nhạc cừu xuất sắc.

Tháng chín đã trôi qua, rồi tháng mười, tháng mười một cũng thế mà sao Người Cừu vẫn chưa thể bắt đầu viết nhạc theo yêu cầu của Hội đồng Người Cừu. Bởi vì Người Cừu làm việc trong một cửa hàng bánh rán gần đó nên anh ta cũng có ít thời gian dành cho công việc sáng tác. Hơn thế, mỗi khi Người Cừu bắt đầu dạo nhạc bằng chiếc piano cũ kỹ xập xệ của mình, vợ của người chủ nhà kiêm chủ tiệm cơm trọ lúc nào cũng mò đến và gõ cửa.

- Thôi ngay cái trò ồn ào đó đi. Tôi không thể nào mà xem tivi được cả.

- Tôi thật sự xin lỗi. Nhưng bởi vì tôi phải viết xong bản nhạc này trước Giáng Sinh nên bà có thể chịu đựng thêm một chút nữa được không ạ?. Người Cừu ngoan ngoãn nói.

- Anh nói điều ngu ngốc gì vậy? - Bà vợ chủ nhà tức điên người - Nếu không thích thì anh có thể rời khỏi đây ngay lập tức. Chúng tôi để cho những người lập dị như anh sống ở đây không có nghĩa là anh có thể cười nhạo báng chúng tôi đâu nhé. Nếu chuyện này là vấn đề đối với anh thì thật là tệ quá.

Người Cừu nhìn chăm chú vào tấm lịch với cảm giác hãi hùng. Cho dù chỉ còn một tháng ngắn ngủi nữa là đến Giáng Sinh, nhưng do không thể chơi piano nên Người Cừu vẫn chưa viết được một nhịp nhạc nào cho bài ca đã hứa.

Một ngày, Người Cừu ngồi nơi công viên, ăn bánh rán với vẻ mặt lúng ta lúng túng, thì anh ta gặp một giáo sư Cừu đi ngang qua.

- Có chuyện gì vậy, hồi chú Cừu thân mến của tôi? - Vị giáo sư hỏi thăm.

- Tôi mệt mỏi quá. Dù cho Giáng Sinh đang đến gần mà tôi vẫn có điều muộn phiến khó chịu. Có thể nói rằng Giáng Sinh là một phần của vấn đề đấy. Người Cừ bắt đầu nói và trút hết bầu tâm sự cho vị giáo sư cừ.

- Hừm - giáo sư cừ nói, và đưa tay vuốt râu - Nếu là trường hợp đó thì tôi nghĩ mình có thể giúp chú được.

- Thật vậy ư? - Người Cừ hoài nghi hỏi lại. Bởi vì giáo sư cừ đã dành cả đời mình chỉ để nghiên cứu những vấn đề liên quan đến cừ nên dân quanh vùng nghi ngờ rằng vị giáo sư này có đầu óc hơi không được bình thường.

- À, thật sự đấy - Giáo sư cừ đáp lời - Hãy đến nhà tôi vào lúc sáu giờ tối nay. Tôi sẽ chỉ cho chú những phương pháp và kỹ thuật sáng tác xuất sắc. À nhưng mà này, tôi có thể ăn một cái bánh rán vàng rộm này chứ?

- Vâng, dĩ nhiên rồi. - Người Cừ nói và hơi bực mình trong thâm tâm - Dạ đây ạ. Và họ ngồi bên nhau trên chiếc ghế đá công viên, cùng nhai bánh rán.

Buổi tối đó, Người Cừ ghé thăm nhà của vị giáo sư cừ, mang theo một gói sáu cái bánh rán vàng thơm làm quà tặng. Đó là một căn nhà gạch cũ kỹ và những đám cây bụi xung quanh được cắt tỉa thành hình những chú cừ. Cả cái chuồng cửa, hai cái cột cổng, những phiến đá lót đường đều có hình cừ. Người Cừ nghĩ thầm: "Chà, tay này tôn sùng cừ như bò thần".1

Vị giáo sư Cừ ngẫu nhiên ăn ngay bốn cái bánh rán trong vòng chưa đầy một làn hơi thở. Còn hai cái bánh kia, ông ta đặt trong tủ chén như thể chúng quan trọng lắm. Cuối cùng ông ta đưa lưỡi liếm láp các ngón tay, rồi nhặt nhanh các mảnh bánh vụn rải rác trên bàn, dùng lưỡi liếm láp mấy ngón tay cho sạch.

- Chắc thằng cha này thích bánh rán lắm đây - Người Cừ khá có ấn tượng và nghĩ thầm như thế.

Sau khi những ngón tay đã sạch tinh, vị giáo sư cừ lấy trên giá sách xuống một quyển sách lớn. Trên bìa sách có in "Lịch sử của Người Cừ".

- Này cậu Cừ - vị giáo sư bắt đầu trình trọng - Trong quyển sách này có viết tất cả những điều khả thú² liên quan đến Người Cừ đấy. Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu lý do tại sao cậu lại không thể viết được một khúc nhạc cừ nào cả.

- Nhưng thưa giáo sư, tôi đã biết được lý do rồi ạ. Đó là bởi vì bà chủ nhà không cho tôi dạy piano - Người Cừ nói - Nếu như tôi có thể chơi được piano...

- Tầm bậy - Vị giáo sư cừ nói và lắc đầu - Cho dù cậu có thể chơi được piano thì cậu cũng chẳng thể nào sáng tác được bản nhạc nào đâu. Nguyên nhân sâu xa hơn nằm ở trong đây này.

- Thế đó là gì vậy? - Người Cừ hỏi.

- Đó là do cậu đã bị nguyên rủa - Vị giáo sư cừ nói và cau mặt lại.

- Bị nguyên rủa ư?

- Đúng vậy đấy - vị giáo sư cừ gật gù liên tục - Vì bị nguyên rủa nên cậu không thể chơi piano cũng như sáng tác nhạc được.

- Ôi - Người Cừ rên rỉ - Nhưng tại sao ông cho là tôi bị nguyên rủa? Tôi có làm hại ai bao giờ đâu?

Vị giáo sư cừ lật lật mấy trang sách một cách khéo léo.

- Có lẽ cậu đã nhìn lên mặt trăng vào đêm rằm tháng sáu?

- Không. Từ năm năm nay tôi có thấy mặt trăng bao giờ đâu.

- A, nếu vậy thì cậu đã ăn một cái gì có lỗ vào đêm Giáng Sinh năm ngoái?

- Tôi ăn bánh rán vào mỗi bữa tối. Tôi không thể nhớ chính xác là tôi đã ăn loại bánh rán nào vào đêm Giáng Sinh năm ngoái, nhưng tôi khá chắc chắn rằng tôi đã ăn bánh rán.

- Trong bánh rán có lỗ chứ?

- Vâng, tôi hình dung là vậy. Ý tôi muốn nói là hầu như tất cả bánh rán đều có lỗ cả.

- Chính là vì thế đấy - Vị giáo sư cừ nói, gật đầu quả quyết - Kết quả của chuyện ấy là cậu đã bị nguyên rủa. Chắc một giáo viên cừ nào phải nói với cậu là không ăn những thức ăn có lỗ thủng vào đêm Giáng Sinh rồi chứ?

- Tôi chưa từng nghe thấy điều này bao giờ - Người Cừ ngạc nhiên nói - Đó hoàn toàn là sự thực đấy à?

- Cậu chẳng biết gì về Ngày lễ của vị thánh cừ cả... Thật quá sững sốt - Vị giáo sư đáp lời, thậm chí ông còn ngạc nhiên hơn Người Cừ nữa - Lũ trẻ bây giờ quả thật chẳng biết gì hết. Bộ người ta không dạy cậu những điều này ở Trường Cừ trước khi cho cậu làm lễ thành Người Cừ hay sao?

- À, tôi đoán là có chứ. Nhưng chắc do tôi học hành cũng chẳng giỏi giang gì lắm - Người Cừ nói, gãi gãi đầu.

- Nhìn đây này. Tai họa này giáng xuống bởi vì cậu là một con cừ vô cùng bất cẩn. Cậu phải tự chịu trách nhiệm lấy. Tuy nhiên - vị giáo sư cừ tiếp tục - Bởi vì cậu đã mang bánh rán đến cho tôi nên tôi sẽ chỉ dẫn cho cậu. Ngày hai mươi tư tháng mười hai là ngày Giáng Sinh, cũng là ngày lễ của vị Thánh cừ. Vào ngày này, khi vị Thánh cừ tối linh đang đi dạo trên đường lúc nửa đêm, Ngài đã rơi xuống một cái hố và qua đời. Vì thế mà ngày này rất linh thiêng. Do đó, việc ăn thực phẩm có lỗ thủng bên trong vào ngày này đã d-ứ-t kh-o-á-t bị cấm từ thời xa xưa. Những loại thức ăn như mỳ ống, pho mát Thụy Sĩ, bánh rán,

những lát hành tây và dĩ nhiên là những khoanh bánh mì có thể gây ra những vấn đề nghiêm trọng đấy.

- Xin thứ lỗi cho tôi nhưng vị Thánh cừ tối linh lang thang trên đường lúc nửa đêm để làm gì vậy? Và tại sao lại có một cái hố giữa đường?

- Tôi không được biết câu trả lời. Những sự kiện đó xảy ra từ 2.500 năm trước, vì thế nên chúng ta không thể biết được nguyên do. Nhưng dù sao điều luật đã được quy định từ lúc ấy. Đó là một điều luật bất khả xâm phạm. Dù cậu có biết hay không nhưng sự vi phạm sẽ dẫn đến hậu quả là sự rửa nguyên sẽ giáng xuống cậu. Một khi đã bị nguyên rửa, cậu không còn là Người Cừ nữa. Cũng chính lý do này đã làm cậu không thể sáng tác nhạc cừ được. Đúng như vậy đấy.

- Tôi thật là thằng ngu ngốc quá - Người Cừ yếu ớt nói - Có cách nào để hóa giải lời nguyên rửa này không ạ?

- Hừm - Vị giáo sư cừ nói - Có một cách nhưng tôi sợ là sẽ chẳng dễ dàng gì đâu. Nhưng có cách làm là được rồi, phải không?

- Tôi chẳng quan tâm. Tôi sẽ làm bất cứ cái gì có thể được. Làm ơn chỉ bảo cho tôi.

- Cái cách phải làm là cậu phải rơi xuống một cái hố.

- Hố à? - Người Cừ nói - Cái hố à, chính xác là cái hố như thế nào? Cái hố nào cũng được ư?

- Đừng ngu ngốc thế. Không phải cái hố nào cũng được đâu. Kích thước và chiều sâu cần thiết của hố để hoá giải lời nguyên được quy định rất rõ ràng. May mắn là nó khá nhỏ. Tôi sẽ cố gắng tìm cho cậu bây giờ.

Vị giáo sư cừ lấy ra một quyển sách rách nát có tựa "Huyền thoại về vị Thánh cừ tối linh" và lật lật qua trang.

- À, Hừm... Đây rồi. Trong đây có nói rằng vị Thánh cừ tối linh đã ngã xuống một cái hố đường kính hai mét và chiều sâu hai trăm lẻ ba centimet rồi Ngài qua đời. Vì thế, chúng ta sẽ phải làm một cái hố có kích cỡ tương đương.

- Nhưng tôi không thể tự mình đào một cái hố sâu như thế. Với lại, nếu té xuống một cái hố như vậy, tôi sẽ chết trước khi lời nguyên được hủy bỏ còn gì?

- Đợi chút đã. Trong đây có viết thêm là khi cố gắng hóa giải lời nguyên thì chúng ta có thể giảm chiều sâu xuống một phần một trăm cũng không sao. Vì thế mà cậu có thể đào một cái hố đường kính hai mét và chiều sâu ba căn-ti-mét cũng được.

- Ồ, tốt quá. Nếu chỉ thế thì tôi sẽ đào được. Không thành vấn đề - Người Cừ thanh thản nói.

Người Cừ mượn vị giáo sư cừ quyển sách và mang về nhà. Trong sách có viết hằng hà sa số những điều luật, giải pháp phải làm để hóa giải những bùa mê. Người Cừ cố gắng viết ra từng điếm một.

(1). Cái hố phải được đào bằng một cái xẻng làm thủ công bằng gỗ tsuneriko³. (Bởi vì thánh cừu có mang một cái gậy bằng loại gỗ này).

(2). Việc té hố phải diễn ra đúng lúc 1 giờ mười sáu phút sáng ngày hai lăm tháng mười hai (Bởi vì vị thánh cừu té hố vào thời điểm này).

(3). Vào thời điểm té hố, phải mang theo thực phẩm không có lỗ thủng làm thức ăn nhẹ.

Điều luật (1) và (2) thì được rồi, và ngay cả điều luật liên quan đến chiều cao của quãng rơi cứ cho là có ý nghĩa đi nữa, nhưng Người Cừu thật không thể hiểu nổi sự cần thiết phải có một bữa ăn nhẹ.

- Thật lạ lùng - Người Cừu trầm nghĩ - Nhưng mình đoán tốt hơn hết là cứ làm theo những cách viết nơi đây.

Chỉ còn ba ngày nữa là đến Giáng Sinh. Trong ba ngày ngắn ngủi này, Người Cừu phải làm một cái xẻng làm bằng gỗ tsuneriko và đào một cái hố có đường kính hai mét và chiều sâu hai mét ba cm.

- Những điều xảy ra thật quá lạ lùng - Người Cừu nói và thở dài.

Người Cừu vào rừng tìm một cây gỗ tsuneriko, chặt lấy một cành nhỏ. Chỉ trong một ngày, anh ta đẽo thành một cái cán xẻng. Ngày hôm sau, Người Cừu bắt đầu đào một cái hố ở cái sân phía sau nhà.

Trong khi Người Cừu đào hố, bà chủ nhà đã phát hiện ra.

- Này cậu, cậu đào hố làm gì thế? - bà chủ nhà gặng hỏi.

- Tôi đào hố để đổ rác thôi mà - Người Cừu đáp - Tôi nghĩ nó sẽ rất tiện dụng đây.

- Ô, vậy à? Nhưng nếu cậu thử làm cái gì khác thường là tôi sẽ gọi cảnh sát đây - bà chủ nhà khinh miệt nói. Sau đó, bà ta quay ngoắt người đi mất.

Sử dụng một cái thước đo, Người Cừu cẩn thận đo chính xác từng chi tiết của cái hố đang đào cho đúng với đường kính và chiều sâu.

- Ta phải làm thế thôi - Người Cừu trầm nói và che một miếng gỗ trên mặt hố.

Chú thích

1 Trong bản tiếng Anh chỉ là “holy cow”, khá tối nghĩa. Chúng tôi dựa vào văn cảnh, dịch như trên.

2 Tạm dịch chữ “conceivable”

3 Bản tiếng Anh phiên sai thành “tuneriko”. Trong tiếng Nhật không có âm “tu” mà chỉ có âm “tsu”. Vì thế, chúng tôi sửa lại là “tsuneriko”.

Giáng sinh của Người Cừu (phần cuối)

Cuối cùng thì cũng đến ngày Giáng Sinh. Người Cừu lấy từ cửa hàng bánh rán mười hai cái bánh rán đủ loại, không có lỗ thủng, và nhét vào một cái ba lô. Đó là bữa ăn nhẹ của Người Cừu. Cuối cùng, anh ta nhét cái ví và một cái đèn

pin nhỏ vào túi áo ngực trong chiếc áo vét, rồi kéo dây khoá lại. Vào lúc một giờ sáng, Người Cừ đi lang thang quanh nhà mò mẫm trong bóng đêm. Trời không trăng không sao, tối đến mức mà Người Cừ giơ tay ra cũng không thể nhìn thấy.

- Chắc hẳn vào một đêm tối tăm thế này, vị Thánh cừ tối linh đã rơi xuống hố - Người Cừ lảm bảm trong lúc dùng đèn pin kiếm tìm cái hố - Bây giờ sắp là 1 giờ mười sáu phút. Nếu mình không thể tìm được cái hố thì mình phải chờ cho đến tận đêm Giáng sinh năm sau ư? Nếu thế thì kinh khuuuuuuuung quaaaaaa...- Khi chợt nói đến đó, mặt đất dưới chân Người Cừ thành linh biến mất. Và anh ta đã rơi xuống hố.

- Chắc hẳn có ai đó đã mở nắp hố ngày hôm nay - Người Cừ nói trong lúc đang rơi xuống - Mình dám cá chính là mục chủ nhà hiểm ác. Mục ta luôn ghét bỏ tất cả những điều mình làm - Nhưng khi nghĩ như thế xong, Người Cừ chợt nhận ra rằng có điều khác thường đang xảy đến - Cái hố mình đào chỉ sâu có hai mét ba căn-ti thôi mà. Sao mà mình rơi mãi vẫn chưa chạm đáy nhỉ?

Và rồi thành linh, nghe một tiếng “thịch”, Người Cừ đã chạm vào đáy hố. Mặc dù cái hố có chiều sâu đáng sợ như vậy, anh ta vẫn hoàn toàn vô sự.

Sau khi lắc đầu vài cái, Người Cừ cố gắng tìm đèn pin để soi chiếu xung quanh và chợt nhận ra rằng đèn pin rơi đâu mất. Anh ta đoán là mình đã đánh rơi nó trong khi đang ngã xuống hố.

- Cái gì vậy, đồ chết tiệt? - Một giọng nói vang lên trong bóng tối - Bây giờ mới là một giờ mười bốn phút. Đến sớm hai phút đó đồ chết tiệt. Chú mày phải leo lên và làm lại từ đầu đấy.

- Thật xin lỗi. Nhưng bởi vì trời quá tối nên tôi không nhìn rõ, và ngẫu nhiên tôi bị rơi xuống cái hố này thôi - Người Cừ nói - Nhưng tôi sợ rằng mình không có cách nào leo lên khỏi cái hố sâu như thế này.

- Chú mày phải làm thôi đồ chết tiệt. Yeeeh, chú mày đến hơi sớm và có thể đề ta bẹp dí đấy. Ta cứ nghĩ là chú mày sẽ đến vào lúc một giờ mười sáu phút, đồ chết tiệt.

Có tiếng quẹt diêm và một cây nến rực sáng. Dáng hình người cầm nến thật là cao lớn. Nhưng dù cao lớn như thế mà bờ vai của ông ta cũng chỉ cao bằng vai Người Cừ thôi. Đầu ông ta rất dài và cong vênh như một cái bánh rán cong queo.

- Nhưng dù sao, đồ chết tiệt. Chú mày cũng nên mang theo bữa ăn nhẹ khi rơi xuống đây chứ - Người Cong queo nói - Bởi vì nếu không làm thế, chú mày sẽ gặp vấn đề rắc rối lắm đấy đồ chết tiệt.

- Dĩ nhiên là tôi có mang theo chứ - Người Cừ căng thẳng nói.

- À, nếu vậy thì đưa đây, đồ chết tiệt. Ta đang đói đây.

Người Cừ mở nắp ba lô, lấy ra từng cái bánh rán cong queo đưa chúng cho Người Cong queo.

- Cái quái gì thế này? - Người Cong queo nhìn vào đồng bánh rán và nói - Người thật là ngu ngốc khi mang cho ta những cái bánh rán trông như cái đầu khốn nạn của ta.

- Không, đây chỉ là hiểu lầm thôi - Người Cừ nói, lau mồ hôi trán - Tôi làm việc ở một cửa hàng bánh rán, Ngài thấy đấy, và chỉ có loại bánh rán cong queo này là không có lỗ thủng mà thôi.

- Ah, đồ khốn kiếp, mày lại nói "cong queo" nữa chứ - Người Cong queo nói, khuyu hai đầu gối xuống. Nước mắt tuôn rơi từ đôi mắt nhăn nhúm - Chỉ bởi vì khuôn mặt mắc dịch này mà ta phải sống dưới đáy cái hố khốn kiếp này và trở thành một tên canh cửa khốn nạn. Thật là đồ chết tiệt.

- Tôi thật là một kẻ quê mùa cục mịch. Tôi gây chuyện hiểu lầm điên rồ mất rồi. Ý tôi muốn nói là "không được phẳng".

- À, quá trễ rồi, đồ khốn kiếp - Người Cong queo nói, vẫn không ngừng khóc.

Bất ngờ ngoài dự tính, Người Cừ lấy một cái bánh rán cong queo, và sau khi vuốt cho bớt cong, nắn cho thẳng thơm, Người Cừ đưa cho Người cong queo.

- Nhìn này, chẳng có vấn đề gì đâu. Xem đi, nó đã phẳng phiu rồi đấy. Vậy tại sao Ngài không dùng đi? Ngon lắm đấy.

Người Cong queo cầm lấy cái bánh rán, ăn một cách thích thú, ngon lành dù ông ta vẫn không ngừng khóc.

Trong khi Người Cong queo vừa khóc vừa ăn bánh rán, Người Cừ mượn cây nến của ông ta và điềm nhiên thám thính đáy hố. Đó là một cái hố rộng và trống trải, chỉ có độc mỗi một cái giường và cái bàn của Người Cong queo. "Bởi vì ông ta tự gọi mình là "người gác cổng" nên chắc chắn phải có một cái cổng ở đâu đó gần đây mà ông ta phải bảo vệ", Người Cừ suy luận. "Nếu không có một cái cổng thì chắc chắn bạn chẳng cần đến một người gác cổng làm chi".

Theo cách suy luận như vậy, Người Cừ đã tìm ra một hành lang nằm ở phía bên cạnh chiếc giường. Tay cầm nến, Người Cừ trườn vào trong đường hầm.

"Nếu như mình không ăn mấy cái bánh rán đó vào Giáng Sinh năm ngoái thì mình đâu gặp chuyện rắc rối như bây giờ". Người Cừ thầm nói.

Sau khoảng mười phút, Người Cừ bắt đầu thấy ánh sáng cuối đường hầm. Chẳng bao lâu sau, miệng hầm đã ở ngay tầm mắt. Ở cái hố bên ngoài, ánh sáng mặt trời rạng rỡ khắp nơi.

"Thật lạ lùng quá. Khi mình té hố, chỉ mới hơn một giờ sáng. Trời chưa thể sáng được", Người Cừ thầm nghĩ, nghênh cổ lên xem.

Khi bước ra khỏi đường hầm, Người Cừ thấy một vùng quang đấng, trống trải và rộng rãi trước mặt. Những cây cao đến mức như thể Người Cừ mới thấy lần đầu vây bọc xung quanh nơi quang đấng này. Từng đám mây trắng dày lờ lững trôi trên nền trời, và Người Cừ có thể nghe tiếng chim kêu.

"Hừm. Mình đang tự hỏi là nên làm gì bây giờ đây. Trong quyển sách đó có viết là khi mình té hổ thì lời nguyện sẽ được rũ bỏ, nhưng sách chẳng đề cập gì về nơi này".

Cảm thấy khá đói, Người Cừu quyết định ăn một trong những cái bánh rán còn lại trong túi xách. Nhưng khi chuẩn bị gặm bánh, Người Cừu nghe một giọng nói phía sau.

- Xin chào, Chàng Người Cừu.

- Xin chào.

Khi ngoái nhìn phía sau, Người Cừu thấy hai cô gái sinh đôi đứng đó. Một cô mặc chiếc áo sơ mi có dán số "208" và cô kia là số "209".

Ngoài sự khác biệt về chữ số trên áo, còn lại thì hai nàng giống y hệt nhau.

- Này, hai cô gái - Người Cừu nói - Mấy cô có thích đến đây ăn bánh rán với tôi không?

- Chà, tuyệt quá - Cô 208 nói.

- Nhìn chúng khá ngon đấy chứ - Cô 209 nói.

- Đây này, xin mời. Bánh này tôi tự tay làm đấy - Người Cừu đáp lời.

Rồi ba người ngồi bệt xuống đất, kế bên nhau và ăn bánh rán.

- Cám ơn anh đã cho chúng tôi ăn bánh - cô 209 nói.

- Đây là lần đầu tiên tôi được ăn những chiếc bánh rán ngon lành như thế đây - cô 208 cất lời.

- Thế thì tốt quá rồi - Người Cừu nói - Nhân tiện đây, tôi đang chịu đựng một lời nguyện rửa. Và tôi tự hỏi rằng liệu hai cô có cách nào giúp đỡ tôi hay không? Tôi đến đây để cố gắng tìm cách thoát khỏi lời nguyện đó.

- Khủng khiếp quá! - cô 208 nói.

- Bị nguyện rửa chắc hẳn là vận xui của anh rồi - cô 209 nói.

- Thật sự là xúi quẩy đấy - Người Cừu thừa nhận và thở dài.

- Hay là nói anh ta nên thử đến tìm gặp phu nhân của ngài mòng biển xem sao - cô 209 nói với cô 208.

- Một ý kiến hay tuyệt đấy. Mình cá là phu nhân của ngài mòng biển biết cách giải quyết đấy - cô 208 nói với cô 209.

- Sau cùng hết bởi bà ta biết tất cả các lời nguyện rửa đấy - cô 209 nói với cô 208.

- Này, vậy thì các cô có thể đưa tôi đến gặp phu nhân của ngài mòng biển được chứ? - Người Cừu xúc động hỏi thăm.

- Hừm, không phải là ngài mòng - cô 208 nói.

- Ngài mòng biển - cô 209 nói.

- Sau cùng bởi vì mòng và mòng biển là hoàn toàn khác nhau - cô 208 nói.

- Đúng như thế - cô 209 nói.

- Xin lỗi, xin lỗi - Người Cừu xin lỗi hai nàng 208 và 209 - Hai cô có thể đưa tôi đến gặp phu nhân của ngài mòng biển được không?

- Sẽ phục vụ ông - cô 208 nói.

- Với niềm hân hạnh - cô 209 nói.

Và hai nàng cùng với Người Cừu đi dọc theo con đường xuyên qua cánh rừng. Vừa đi, hai nàng vừa hát một bài hát ngắn:

- "Luôn luôn sánh bước bên nhau

Cho dù gió thổi phương nào đông tây

Luôn luôn sánh bước vui vầy

Cho dù gió thổi bên này bên kia[1]"

Sau khi đi khoảng 10 đến 15 phút, họ đã đi qua cánh rừng và bờ biển trải rộng phía xa trong tầm mắt.

- Anh có thấy ngôi lều nhỏ ở phía trên tảng đá lớn kia không? Đó là nhà của ngài mòng biển đấy - cô 209 chỉ và nói.

- Chúng tôi không thể đi ra ngoài khu rừng này được - cô 208 nói.

- A, xin cảm ơn rất nhiều. Các cô thật sự đã giúp đỡ tôi nhiều lắm - Người Cừu nói và lục tìm trong ba lô lấy ra hai cái bánh rán đưa cho hai nàng.

- Cảm ơn chàng Người Cừu - cô 208 nói.

- Chúc anh gặp may mắn, được hóa giải lời nguyện.

Đến được căn nhà của phu nhân ngài mòng biển là một nỗ lực vượt qua thách thức chết người. Tảng đá lờm chờm và dốc đứng, không hề có một lối mòn nhỏ nào cả. Hơn thế, cơn gió biển buốt giá đe dọa thổi bay Người Cừu đi vào bất cứ lúc nào.

"Minh chắc là điều này chẳng thành vấn đề gì với phu nhân ngài mòng biển bởi vì bà ta có thể bay được. Nhưng chúng ta chẳng vui vẻ gì khi phải trèo leo như thế này". Người Cừu phàn nàn.

Tuy thế, cuối cùng Người Cừu cũng leo lên được đỉnh tảng đá và gõ cửa căn nhà của phu nhân ngài mòng biển.

- Ai đấy? Anh là người đến thu gom báo đấy à?. Người Cừu nghe một giọng nói lớn và nhanh mạnh từ trong căn nhà vọng ra.

- À không. Tôi là Người Cừu... Người Cừu bắt đầu nói.

- Tôi chẳng muốn gì đâu. - giọng nói cộc lốc đáp.

- Tôi không phải là người lập dị gì đâu. Làm ơn mở cửa ra đi.

- Anh thật sự không phải đến để thu gom báo à?

Thình lình, cánh cửa bật mở và gương mặt của phu nhân ngài mòng biển hiện ra. Bà ta rất cao và cái mỏ khoằm nhô ra như cái cuốc chim.

- Hai nàng con gái sinh đôi bảo tôi rằng bà biết tất cả mọi thứ cần biết về những lời nguyện - Người Cừu bồn chồn nói. Cái mỏ đó có thể chẻ đôi đầu và giết Người Cừu. Phu nhân ngài mòng biển nhìn Người Cừu đầy vẻ nghi ngờ.

- Anh nên vào trong nhà đi. Tôi chẳng nghe anh nói gì cả.

Trong nhà cực kỳ bừa bãi lộn xộn. Nền nhà phủ đầy bụi bặm, một chai nước xối chảy tràn lan trên bàn, và cái thùng rác đầy tràn.

Người Cừu lần lượt giải thích tất cả những sự việc trước đó, từng cái một.

- Này, cậu trai, thế thì xui cho cậu đấy - phu nhân ngài mòng biển nói

- Cậu phải tìm một cách khác để trở về thế giới của mình thôi.

- Nhưng tôi không thể quay về theo lối cũ được sao?

- Không. Một khi cậu đã xuống đây thì không có đường về đâu - phu nhân ngài mòng biển nói, lắc cái mỏ khoằm từ trái qua phải - Dù vậy nhưng tôi có thể đưa cậu ngồi trên lưng tôi bay đến một nơi có thể hóa giải lời nguyện này.

- Điều đó làm tôi hết sức vui sướng.

- Nhưng trông cậu có vẻ khá nặng nề đấy nhỉ - phu nhân ngài mòng biển nói vẻ nghi ngờ.

- Tôi chẳng nặng chút nào đâu. Tôi chỉ cân nặng có 75 pounds thôi mà - Người Cừu nói, giảm đi 10 pounds so với trọng lượng thực.

- Được rồi. Vậy chúng ta thỏa thuận nhé - Phu nhân ngài mòng biển nói - Cậu sẽ lau chùi căn phòng này và tôi sẽ đưa cậu đến nơi có thể hóa giải lời nguyện của cậu.

- Được thôi.

Nhưng Người Cừu phải mất khá nhiều thời gian để lau chùi dọn dẹp căn nhà của phu nhân ngài mòng biển. Căn nhà đúng nghĩa là đã không được dọn dẹp trong nhiều tháng liền. Người Cừu phải đánh chùi đĩa và chén uông trà, gom lại rác rưởi, tẩy lau mặt bàn, hút bụi sàn nhà, đánh bóng mái ngói, lượm lặt tất cả thứ rác rưởi rồi đi đổ. Khi đã làm xong tất cả những việc đó, Người Cừu kiệt sức.

"Minh chịu đựng lời nguyện rửa khốn kiếp để chuốc lấy tất cả niềm khổ sở này ư?" - Người Cừu lặng lẽ phàn nàn.

- Trông căn nhà khá tuyệt đấy chứ nhỉ - phu nhân ngài mòng biển nói, vẻ hài lòng - Một căn nhà luôn cần phải ngăn nắp như thế này chứ nhỉ?

- Vậy bây giờ bà sẽ đưa tôi đến nơi để có thể xóa bỏ lời nguyện chứ?

- Đúng, tôi sẽ giữ lời hứa của mình. Nào leo lên lưng tôi đi.

Khi Người Cừu đã yên vị trên lưng, phu nhân ngài mòng biển nhanh chóng dang cánh bay lên trời. Bởi vì đây là lần đầu tiên Người Cừu được bay đi đây đó, nên anh ta ôm chặt lấy cổ bà mòng biển.

- Này, đừng làm tôi bị đau chứ. Đừng siết chặt quá. Tôi không thể nào thở được - phu nhân ngài mòng biển cầu nhàu.

- Ô, tôi thật sự xin lỗi - Người Cừu ngượng ngùng nói.

Từ trên không trung, cả đại dương, cánh rừng và núi đồi đều ở trong tầm mắt. Màu xanh của cánh rừng và màu xanh sẫm của mặt biển trải dài vô tận. Và bờ cát

trắng như một chiếc thắt lưng phân đôi ranh giới. Đúng là một quang cảnh đẹp tuyệt vời đến mức không thể tin được.

- Phong cảnh thật tuyệt vời đấy chứ, phải không? - Người Cừu nói.

- Có lẽ đó là với cậu thôi. Còn tôi thì trông thấy mỗi ngày, và tôi thấy chúng chán ngắt - bà mòng biển đáp lời với vẻ chán chường rõ rệt.

Tung cánh bay một lát, bà mòng biển bay vòng vòng xung quanh nhà rồi đáp xuống một cánh đồng cỏ cách đấy không đầy 100 dặm.

- Chuyện gì vậy, thưa bà? Bà cảm thấy mệt sao? - Người Cừu hỏi thăm về quan tâm.

- Không, tôi thấy khỏe lắm - bà mòng biển vừa lắc đầu vừa nói - Tại sao cậu lại hỏi tôi một câu ngu ngốc như vậy? Tôi nổi tiếng khắp vùng này về sức mạnh đấy”.

- Vậy thì tại sao bà lại đáp xuống đây.

- Bởi vì nơi cần đến chính là nơi này đây - bà mòng biển nói.

- Nhưng từ chỗ bà đến đây chưa đầy 100 dặm mà - Người Cừu ngạc nhiên nói - Nếu gần như vậy, thì cần gì tôi phải leo lên lưng bà bay đến đây. Tôi có thể đi bộ một cách dễ dàng mà.

- Nhưng nếu thế thì cậu đâu có lau chùi nhà cho tôi, đúng không?

- À, tôi chắc là không, nhưng...

- Thôi, tôi không muốn nghe một lời bóng gió nào đâu nhé. Tôi đã đưa cậu đến đây trên đôi cánh của mình đúng như tôi đã hứa.

- Hừm, vâng, dĩ nhiên, Người Cừu hoài nghi nói.

Bà mòng biển vẫn tự cười vui vẻ rồi tung cánh vào không trung, bay về hướng nhà mình.

Khi Người Cừu ngược nhìn xung quanh, anh ta trông thấy một cây cao lớn nằm giữa đồng cỏ. Có một cái thang dây gắn vào thân cây. Bởi vì chẳng thấy ai trong tầm mắt, Người Cừu quyết định dùng thang leo lên cây.

Cái thang dây cứ đung đưa đung đưa, thật khó để leo lên. Mồ hôi đầm đìa, Người Cừu tìm mọi cách để trèo lên đến đỉnh. Sau khoảng 30 đến 40 nấc thang, khi ở khoảng giữa những cành cây, Người Cừu chợt nghe một giọng nói tươi vui:

- Này, cậu đang làm gì trên đây thế?

- Ô, xin lỗi. Tôi đến đây bởi vì một lời nguyện. Nhân tiện đây, ngài có thể giúp tôi chứ, đúng không? - Người Cừu hướng về giọng nói lúc nãy, đáp.

- Cậu nói là một lời nguyện rửa à? À, tôi hiểu rồi. Nhưng dĩ nhiên, cậu cứ lên đây đã - Giọng nói đáp.

Người Cừu cố gắng hết sức, tránh trượt chân, dùng cùi chỏ thúc người lên những cành cây. Khi vào trong, Người Cừu thấy có một cái hố trong cây được chỉnh trang lại thành một căn phòng nhỏ. Và đứng trước căn phòng là Người Cong queo đang ngồi xồm, cạo râu bằng một chiếc dao cạo lớn.

- Baa...baa...ba - Người Cừ lấp bắp - Không phải ông sống ở đây hồ hay sao?

- Ha..ha. Không, không phải tôi - Người Cong queo đáp và cười lớn

- Đó là ông anh tôi. Xem này, tôi bị vênh về bên phải. Còn anh tôi bị vênh về phía trái. Anh tôi rất dễ khóc và luôn luôn nói những chuyện xấu về con người.

Người Cong queo Hữu, mắt hướng về phía phải và cầm vênh về phía trái, dùng dao cạo râu rất cẩn thận và cười suốt ngày.

- Cùng một gia đình mà tính cách lại khác nhau như thế đấy - Người Cừ nói một cách ẩn tượng.

- À, cậu biết đấy, phải và trái tương phản với nhau mà - Người Cong queo Hữu nói, dùng dao cạo phía sau tai - Ha ha ha ha.

- À, còn về lời nguyện...- Người Cừ mở lời.

- Đừng nói với tôi về tất cả những thứ ấy, he he he he - Người Cong queo Hữu nói.

- Nó còn tệ hơn việc bị nguyện rửa nữa đấy, ha ha ha ha

Người Cừ, chán nản và giận dữ.

"Mình thật sự ghét nơi này", anh ta nói. "Người Cong queo Hữu rồi Người Cong queo Tả, họ đều cong queo giống nhau. Và cái bà mòng biển đó thật là ích kỷ quá chừng".

Ý nghĩ như vậy làm cho Người Cừ chán nản. Anh ta lê bước xuống đường. Sau khi đi bộ một lúc, Người Cừ nhận ra một dòng suối tuyệt đẹp. Anh ta quyết định dừng lại uống vài ngụm nước và ăn một cái bánh rán. Khi ăn xong, Người Cừ bắt đầu buồn ngủ và ngã mình xuống bãi cỏ, Người Cừ đánh một giấc ngon lành.

Khi Người Cừ thức dậy, trời đã tối hẳn, vài vì sao chiếu sáng trên nền trời. Tiếng gió gào rền rĩ. Lẫn trong tiếng gió, đôi khi ta có thể nghe ra tiếng sủa của chó sói.

- Mình kiệt sức rồi. Và trên hết là mình đã lạc lối vào một vùng đất lạ. Và thậm chí mình còn chưa thoát khỏi được lời nguyện chết tiệt đó". Người Cừ nói.

- Hừm, tôi ngẫu nhiên nghe được lời tâm sự của bạn. Bị nguyện rửa chắc là một điều vô cùng phiền muộn đấy nhỉ, một giọng nói rụt rè thành linh vang lên trong bóng tối.

- Ai đấy? Bạn là ai thế? - Người Cừ ngạc nhiên hỏi.

- À, Thật sự thì tôi chẳng là ai cả - giọng nói cất lên, nghe rất lúng túng ngượng nghịu.

Người Cừ nhìn quanh một cách điên cuồng, nhưng anh ta chẳng thấy bất cứ cái gì trong bóng tối cả.

- Làm ơn đừng lo lắng kiếm tìm tôi. Tôi chẳng đáng để bạn bỏ thời gian tìm kiếm đâu.

- Thế bạn có thể bước ra đây và cùng ăn bánh rán với tôi không? - Người Cừ cố gắng mời mọc - Chứ tôi ngồi đây có một mình buồn lắm.

- Thật sự thì chẳng đáng để bạn mời tôi ăn bánh rán đâu - người Không ai cả Vô hình nói - Mặc dù lời đề nghị của bạn vô cùng hấp dẫn.

- Chẳng sao đâu. Tôi có nhiều lắm. Nhưng nếu như bạn e thẹn thì tôi sẽ để một cái bánh ở đây rồi quay đi chỗ khác để bạn đến đây thưởng thức. Bạn thấy thế nào?

- Được đấy - người Vô hình đáp - Nhưng thật sự thì tôi rất nhỏ nên nửa cái bánh cũng đã là nhiều.

Người Cừ đặt một cái bánh lên bãi cỏ rồi quay đi. Sau đó một lúc lâu, có một âm thanh rón rén của ai đó đang tiến đến gần và ăn bánh rán.

- Trời ơi, bánh này ngon tuyệt. Thật sự là rất ngon - người Vô hình nói - Nhớ đừng quay mặt lại đấy.

- Tôi sẽ không quay mặt lại đâu. Nhưng bạn có thể nói cho tôi những điều bạn biết về lời nguyện này không? - Người Cừ hỏi thăm.

- Ô vâng, lời nguyện. À, tôi hiểu. Măm măm. Vâng, tôi biết đôi điều về chúng - Không ai cả đáp - Thật sự là bánh ngon lắm. Măm măm.

- Tôi có thể rũ bỏ lời nguyện ở đâu? - Người Cừ hỏi.

- Chỉ việc lặn xuống con suối kia. Măm măm. Thật sự làm chuyện đó dễ dàng thôi - Không ai cả nói.

- Nhưng tôi không biết bơi.

- Bạn không cần phải lo lắng về chuyện mình có biết bơi hay không. Chẳng sao cả đâu. Cái bánh này tuyệt quá. Măm măm măm.

Lòng lo lắng không yên, Người Cừ bước về rìa con suối và cầm đầu nhảy xuống giữa dòng trôi. Tuy thế, ngay khi Người Cừ bắt đầu lặn, tất cả nước suối đều biến mất, và anh ta đâm đầu xuống đáy một cái hố nghe một tiếng: “Huych”. Người Cừ thấy đầu mình choáng váng.

- Ôi trời ơi. Tôi xin lỗi - Có ai đó nói - Tôi không ngờ cậu lại cầm đầu mà lặn xuống.

Khi mở mắt ra, Người Cừ thấy một ông già nhỏ bé cao khoảng 5 feet đang đứng trước mặt.

- A, thật là đau quá - Người Cừ nói - Và ông là cái đồ chết tiệt nào vậy?

- Ta là vị Thánh cừ tối linh đây - ông già đáp với một nụ cười tử tế.

- Ông. Tại sao ông lại giáng lời nguyện rửa vào tôi? Tại sao tôi phải làm tất cả những chuyện tệ hại này chứ? Tôi có bao giờ làm hại ai đâu? Vậy mà tôi phải chịu đựng tất cả những chuyện này. Thật sự ý tôi là vậy đó. Toàn thân tôi đau ê ẩm và nhìn đi, đầu tôi sưng một cục đây này - Người Cừ nói và cho vị Thánh cừ tối linh xem cục u trên trán.

- Đúng, tôi đồng ý. Thật là tệ quá. Thật sự là quá tệ. Nhưng tôi có lý do để làm thế - vị thánh cừ nói.

- À, vậy thì tôi rất muốn nghe đây - Người Cừ giận dữ nói.

- Tôi nói ngay đây - vị thánh cừ nói - Nhưng trước hết thì đến đây đã. Tôi muốn cho cậu xem cái này.

Vị Thánh cừ quay đi và bước nhanh vào sâu trong hố. Người Cừ vẫn lắc đầu, do dự bước theo sau. Khoảng một lúc lâu sau, vị Thánh cừ đến trước một cánh cửa, và ngay lập tức mở nó ra.

"Giáng Sinh vui vẻ", mọi người reo lên. Tất cả mọi người đều có mặt trong phòng: Người Cong queo Tả và Người Cong queo Hữu, hai cô gái 208 và 209, bà phu nhân ngài mòng biển và thậm chí còn có Không Ai cả.

Không Ai Cả vẫn còn dính mấy mẩu bánh vụn quanh miệng. Người Cừ cũng thấy thêm một dáng người nữa y chang như vị giáo sư cừ.

Trong căn phòng có một cây thông Nôn lớn được trang trí bắt mắt. Bên dưới cây chất đống những món quà có thắt những dải ruy-băng, xếp chồng lên nhau.

- Cái quái gì thế này? Tất cả các người làm gì ở đây thế? - Người Cừ sùng sốt nói.

- Tất cả chúng tôi đang đợi anh - cô 208 nói.

- Chúng tôi lúc nào cũng đợi anh cả - cô 209 nói.

- Cậu không thấy mình đang được mời đến dự bữa tiệc Giáng Sinh hay sao? - vị Thánh cừ nói.

- Nhưng tôi bị nguyên rủa, vì thế mà tôi... - Người Cừ lắp bắp nói.

- Tôi giáng cho cậu lời nguyên để cậu có thể xuống đây chơi - vị Thánh cừ đáp lời - Cái cách này thú vị và mọi người đều vui vẻ thực hiện.

- Dĩ nhiên là vui rồi. Cạp cạp - bà mòng biển nói.

- Và thú vị nữa chứ, đồ chết tiệt - Người Cong queo Hữu nói.

- Một niềm vui thích, ha ha he he - Người Cong queo Tả cười khúc khích.

- Thật là ngon tuyệt - Không Ai cả lẩm bẫm.

Mặc dù Người Cừ thực sự khá khó chịu về trò lừa gạt này, nhưng anh ta nhanh chóng vui vẻ trở lại. Khó có thể giữ niềm bực bội lâu dài trong lòng khi tất cả mọi người xung quanh đang trải qua những phút giây vui vẻ.

- Nếu vì lý do đó, thì tôi chắc là được thôi - Người Cừ nói và gật đầu tán thành.

- Đây, chàng Người Cừ, anh phải chơi đàn cho chúng tôi - cô 208 nói.

- Chắc hẳn anh chơi đàn rất hay - cô 209 nói.

- Có cây đàn piano ở đây không - Người Cừ hỏi.

- Có chứ, có chứ - vị thánh cừ nói, kéo giật một tấm vải. Dưới lớp vải phủ là một cây đàn piano hình con cừ.

- Cây đàn piano này được làm đặc biệt cho cậu đó. Hãy chơi với tất cả lòng mình đi nhé.

Đêm hôm đó Người Cừ hạnh phúc vô cùng. Chiếc đàn piano cừ vang lên những thanh âm tuyệt hay, những giai điệu say mê và đẹp đẽ tuôn tràn từ tâm trí Người Cừ, hết lớp này đến lớp khác.

Người Cong queo Tả và Hữu hát vang, cô 208 và 209 nhảy nhót, và phu nhân của ngài mòng biển bay quanh phòng và kêu vang. Vị giáo sư Cừ và vị Thánh cừ tối linh mặt đối mặt, so tài uống bia cao thấp. Không Ai cả lẫn tròn qua lại trên mặt đất trông rất vui vẻ. Và chẳng bao lâu sau, chiếc bánh Giáng Sinh được chia đều cho tất cả mọi người.

- Măm măm... ngon tuyệt. Măm măm - Không Ai cả nói, lấy cho mình miếng bánh thứ ba.

- Xin cầu cho hoà bình và hạnh phúc mãi mãi cho thế giới Người Cừ - vị Thánh cừ cầu nguyện.

Khi Người Cừ thức giấc, anh thấy mình đang nằm trên giường trong căn phòng của mình. Mặc dù dường như Người Cừ mới chợt tỉnh giấc mơ nhưng anh biết rằng đây không chỉ là một giấc mơ. Vẫn còn cục u rất dễ thấy trên đầu, mấy vết dầu sau lưng áo, và cây đàn piano cũ kỹ xập xệ biến đâu mất, thay vào đó là cây piano hình cừ màu trắng.

Đó là điều thực sự xảy ra khi Người Cừ thức dậy.

Ngoài cửa sổ, tuyết đã rơi. Trên các cành cây, trên những hộp thư, trên những cây cột rào, tuyết trắng chất cao.

Buổi chiều ngày hôm đó, Người Cừ đến ngoại ô thành phố để thăm vị giáo sư cừ, nhưng căn nhà của ông ta không còn ở đó nữa. Chẳng có gì khác ngoài một bãi đất hoang. Những bụi cây cắt tỉa hình cừ, những cây cột công, những viên đá lát hình cừ cũng hoàn toàn biến mất.

"Mình sẽ chẳng bao giờ có thể gặp ai trong số bọn họ nữa rồi", Người Cừ nghĩ thầm. "Hai Người Cong queo, hai cô gái sinh đôi 208 và 209, phu nhân ngài mòng biển, Không Ai cả, vị giáo sư cừ và vị Thánh cừ nữa chứ". Khi nghĩ như thế, nước mắt tuôn trào từ đôi mắt Người Cừ. Thật sự anh dần dần trở nên thích thú với tất cả những người đó.

Khi Người Cừ quay trở về căn nhà rộng lớn, anh thấy một bức thư. Bên trong có một tấm thiệp Giáng Sinh có vẽ một chú cừ. Và mặt trong bức thiệp có in dòng chữ:

"Xin cầu cho hoà bình và hạnh phúc mãi mãi cho thế giới Người Cừ..."

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Chris Allison

Chú thích

[1] Tạm dịch từ bản tiếng Anh “Always with the twins, Even if the wind blows east and west, Always with the twins, Even if the wind blows right and left”.

Sinh nhật của nàng [1/2]

Murakami, Haruki

Nàng vẫn đợi bên bàn thực khách như thường lệ dù hôm nay là ngày sinh nhật thứ hai mươi của nàng. Nàng luôn làm việc vào ngày thứ sáu nhưng nếu mọi chuyện diễn ra theo đúng kế hoạch thì vào thứ sáu này nàng sẽ được nghỉ. Cô gái làm bán thời gian kia đã đồng ý đổi ca cho nàng như chuyện đương nhiên. Bởi, thật là không bình thường khi vào đúng ngày sinh nhật thứ hai mươi của mình mà phải bung bê cho khách món gnocchi bí ngô và món fritto hải sản, lại còn phải nghe tiếng quát tháo của người đầu bếp. Nhưng cô kia bị cảm lạnh nặng phải nằm nhà, bị tiêu chảy liên tục và sốt cao, thế là rốt cuộc cô ta nghỉ làm sau lời thông báo ngắn ngủi.

Nàng cố gắng làm an lòng cô gái kia khi cô ta gọi điện xin lỗi. “Đừng lo”, nàng nói. “Mình cũng chẳng có dự tính làm gì đặc biệt đâu, dù hôm nay là ngày sinh nhật thứ hai mươi của mình”.

Mà thật, cũng chẳng phải nàng thất vọng gì lắm. Lý do là cách đây mấy ngày, nàng mới cãi nhau một trận kịch liệt với bạn trai khi anh ta yêu cầu qua đêm với nàng. Họ đã cặp với nhau từ hồi cấp ba và thường cãi nhau vì những chuyện nhỏ nhặt. Nhưng chuyện đó càng ngày càng tệ hại hơn cho đến khi trở thành một cuộc đấu khẩu kịch liệt kéo dài, kịch liệt đến nỗi khiến nàng đủ quyết tâm cắt đứt mối quan hệ dài lâu của hai người mãi mãi. Có điều gì trong nàng đã đông cứng, đã chết. Từ sau biến cố đó, chàng chẳng gọi điện cho nàng và nàng cũng chẳng muốn gọi điện cho chàng.

Nàng làm việc ở một trong chuỗi những nhà hàng Ý khá nổi tiếng ở quận Roppongi sang trọng ở Tokyo. Chỗ này đã bắt đầu kinh doanh từ cuối những năm sáu mươi. Mặc dù món ăn không phải là số một nhưng danh tiếng của nhà hàng luôn được bảo toàn. Có rất nhiều khách hàng đến thường xuyên và họ không bao giờ phải thất vọng. Phòng ăn có một bầu không khí êm ả và thanh thản, không chút phô trương. Nhà hàng thu hút những khách hàng già cả hơn là đám trẻ, trong đó có một số người nổi tiếng thuộc giới sân khấu và các nhà văn.

Nhà hàng có hai người phục vụ làm sáu ngày một tuần. Nàng và một nữ phục vụ bán thời gian là sinh viên thay nhau làm mỗi người ba ca. Thêm vào đó có một người quản lý dưới nhà và tại bàn tiếp tân có một người phụ nữ trung niên ốm nhom ốm nhách như có mặt ở đó từ khi nhà hàng bắt đầu khai trương - đúng nghĩa là chỉ ngồi ở một chỗ như một nhân vật u buồn già nua của Little Dorrit vậy. Chính xác là bà ta chỉ làm hai nhiệm vụ: thanh toán tiền ăn của khách và trả

lời điện thoại. Bà ta chỉ nói khi nào cần thiết và luôn mặc bộ váy đen. Bà ta có một vẻ gì khô cứng và lạnh lùng. Nếu bạn để bà ta rơi vào biển đêm, bà ta chắc chắn sẽ chìm và một cái thuyền nào đó sẽ đựng phải bà ta.

Người quản lý dưới nhà có lẽ gần năm mươi. Ông ta cao, vai rộng. Hình thể của ông khiến ta có thể đoán rằng thời trai trẻ ông là người đam mê thể thao. Nhưng giờ đây những mảng thịt núc ních đã bắt đầu tích tụ lại ở bụng và trên cằm ông. Tóc ông ngắn, cứng thưa thưa trên đỉnh đầu. Một cái mũi đặc trưng của một người già chưa vợ luôn quần lấy ông như một tờ báo in bị cất trong ngăn kéo lâu ngày với vài viên thuốc ho vậy. Nàng có một ông chú độc thân có mũi y như thế.

Người quản lý luôn mặc bộ com lê đen, áo sơ mi trắng và thắt cravat không kẹp ghim. Thực ra thì ông tự tay mình thắt cravat. Một điều đáng nể là ông có thể thắt cravat rất chỉnh tề mà không phải soi gương. Công việc của ông là kiểm kê khách đến và khách đi, ghi nhớ những chỗ khách đã đặt trước, biết tên những khách hàng quen thuộc, mỉm cười chào họ, kính cẩn lắng nghe những lời than phiền của khách, khuyên thực khách nên dùng loại rượu nào một cách chuyên nghiệp, và xem xét công việc của những nam nữ phục vụ. Ông làm công việc của mình một cách khéo léo ngày này qua tháng khác. Ngoài ra ông còn có nhiệm vụ mang bữa tối lên phòng của chủ nhà hàng.

“Phòng ông chủ ở tầng sáu trên nhà hàng này”, nàng nói. “Một căn hộ, văn phòng hay cái gì đại loại vậy”.

Chẳng biết sao tôi và nàng lại quên đi dịp sinh nhật lần thứ hai mươi của mình. Một ngày đều xảy đến với mỗi người chúng ta. Hầu hết mọi người đều nhớ ngày họ bắt đầu hai mươi tuổi. Sinh nhật lần thứ hai mươi của nàng đã qua hơn mười năm trước.

“Tuy thế, chẳng bao giờ thấy mặt ông chủ ở nhà hàng. Chỉ duy có người quản lý thấy được mà thôi bởi vì công việc ông quản lý là mang cơm tối đến phòng ông chủ mà. Còn lại các nhân viên khác thì chẳng biết mặt mũi ông chủ ra sao cả”.

“Vậy, căn bản là ông chủ ở nhà nhận cơm của chính nhà hàng của mình ư?”

“Đúng thế đấy”, nàng nói. “Người quản lý phải mang bữa tối lên phòng ông chủ vào tám giờ mỗi tối. Đó là thời gian nhà hàng tắt bật nhất, vì thế mà việc người quản lý đi vắng vào đúng lúc đó luôn là vấn đề với chúng tôi, nhưng chẳng còn cách nào khác vì bắt buộc phải vậy. Người ta đặt bữa tối vào một trong những cái xe đẩy của khách sạn dùng cho việc phục vụ phòng, rồi người quản lý, với vẻ kính cẩn, đẩy xe vào thang máy. Khoảng mười lăm phút sau, ông trở về tay không. Sau đó một tiếng, người quản lý lại trở lên và mang xuống chiếc xe đẩy với những chiếc đĩa và cốc chén không. Mỗi ngày, ông làm việc đó đúng rầm rập như đồng hồ vậy. Em nghĩ đây là điều kỳ quặc mà mình mới thấy lần đầu.

Anh biết đấy. Nó giống như một loại lễ nghi tôn giáo vậy. Sau một thời gian, dù đã quen với điều đó, em vẫn nghĩ y như thế”.

Người chủ dùng món gà đều đặn mỗi ngày. Chỉ có cách nấu nướng và món rau là khác đôi chút. Nhưng phần chính vẫn luôn là gà. Một người đầu bếp trẻ tuổi có lần bảo nàng rằng anh ta đã thử nấu tù tù món gà nướng suốt một tuần liền chỉ để xem thử có chuyện gì xảy ra không nhưng chẳng nghe thấy một lời phàn nàn nào cả. Dĩ nhiên là đầu bếp luôn thử đủ cách nấu nướng khác nhau. Và mỗi người đầu bếp mới đều muốn tự thử thách mình bằng cách chế biến đủ kiểu nấu gà mà anh ta có thể nghĩ ra. Họ làm món nước xốt tinh tế hơn, thử lấy gà từ nhiều nguồn cung cấp khác nhau. Nhưng không nỗ lực nào có hiệu quả. Như thể họ chỉ thả những viên đá vào cái hang rỗng. Lần lượt mỗi người trong bọn họ dần bỏ cuộc và lại nấu phục vụ ông chủ món gà tiêu chuẩn cho mỗi ngày. Đó là tất cả những gì họ có thể nói”.

Công việc vẫn bắt đầu như thường lệ vào ngày mười bảy tháng mười một - ngày sinh nhật lần thứ hai mươi của nàng. Trời đổ mưa rải rác từ chiều, đến chập tối thì mưa như trút nước. Vào lúc năm giờ, người quản lý tập trung nhân viên lại để giải thích những công việc đặc biệt cho ngày hôm nay. Các phục vụ viên bắt buộc phải học thuộc lòng từng chữ mà không được dùng giấy để ghi nhớ: thịt bê vùng Milan, mì ống với cá mòi và cải bắp, kem hạt dẻ. Đôi khi người quản lý đến từng bàn để hỏi xem thực khách thấy thế nào. Sau đó đến bữa ăn của các nhân viên: ấy là để các nhân viên phục vụ khỏi than phiền đói bụng khi cứ phải đứng đó mà phục vụ thực khách.

Nhà hàng mở cửa lúc sáu giờ, nhưng vì mưa lớn nên khách đến chậm. Nhiều suất đặt trước bị hủy bỏ. Lý do đơn giản là vì quý bà không muốn mưa làm bẩn váy áo chẳng hạn. Người quản lý mím môi đi qua đi lại, các nhân viên phục vụ giết thời gian bằng cách lau chùi những hộp muối, hộp tiêu hay tán gẫu với mấy tay đầu bếp về việc nấu nướng. Nàng vừa phục vụ một cặp thực khách đang ngồi ở bàn trong phòng ăn vừa lắng nghe tiếng đàn clavico phát ra dè dặt từ cái loa trên trần nhà. Một làn hương nồng của cơn mưa cuối thu lan tỏa vào trong nhà hàng.

Khi người quản lý bắt đầu cảm thấy mệt là vào lúc hơn bảy giờ rưỡi. Ông loạng choạng đi về chiếc ghế và ngồi đó một lúc lâu, ôm chặt lấy bụng như thể vừa bị bắn một phát đạn. Mồ hôi trơn nhầy dính chặt vào trán. Và ông lầm nhảm: “Chắc tôi phải đến bệnh viện thôi”. Đối với ông, việc sức khỏe không ổn là sự kiện bất thường nhất. Hơn mười năm nay, từ ngày ông bắt đầu làm việc tại nhà hàng này, chưa một lần ông vắng mặt. Đó là một điểm đáng nể khác nữa. Ông chưa từng nghỉ làm vì bị thương hay bệnh tật gì, nhưng sự nhần nhớ đau đớn của ông cho thấy rõ ràng là ông đang lâm vào một tình cảnh vô cùng tệ hại.

Nàng cầm ô bước ra ngoài gọi tắc xi. Một nam phục vụ bình tĩnh dìu người quản lý ra ngoài, leo lên xe tắc xi và đưa ông đến một bệnh viện gần đó. Trước khi cúi mình chui vào tắc xi, người quản lý nói với nàng bằng một giọng khàn khàn: “Tôi muốn cô mang bữa tối lên phòng 604 vào lúc tám giờ. Cô chỉ cần làm mỗi một việc là ấn chuông và nói “bữa ăn của ông đây ạ” rồi quay gót”.

“Phòng 604, đúng không?”, nàng nói.

“Lúc tám giờ”, ông ta lặp lại. “Nhớ đúng giờ đấy nhé”. Mặt mũi lại nhăn nhó, người quản lý bước lên xe và chiếc xe đưa ông đi mất hút.

Chẳng có dấu hiệu gì cho thấy mưa sẽ tạnh sau khi người quản lý đi khỏi và thực khách đến thưa thớt. Chỉ có một hai bàn là có khách ngồi riêng biệt mà thôi. Vì thế nếu người quản lý và một nhân viên phải vắng mặt vào lúc này thì cũng không thành vấn đề. Chứ như mọi khi thì mọi chuyện sẽ rối tinh rối mù đến mức nếu tất cả nhân viên có chút thời gian rảnh đủ để pho to một tờ giấy thì đúng là chuyện lạ.

Khi bữa tối dành cho ông chủ sẵn sàng vào lúc tám giờ, nàng đẩy xe kéo vào trong thang máy lên tầng sáu. Đây là bữa ăn tiêu chuẩn dành cho ông ta: một nửa chai rượu vang đỏ đã mở nút, một bình cà phê nóng, phần gà với rau hấp, bánh mì và bơ. Mùi hương ngào ngạt của món gà nấu chín nhanh chóng lan tỏa khắp buồng thang máy nhỏ bé, lẫn với mùi mưa. Những giọt mưa rải rác trên sàn thang máy chứng tỏ có ai đó vừa bước vào đây với cây dù ướt.

Nàng đẩy xe ra hành lang. Dừng trước cửa phòng 604, nàng nhớ lại thêm một lần nữa: đúng là phòng 604. Đúng phòng này rồi. Nàng hắng giọng rồi nhấn chuông cửa.

Không có tiếng trả lời. Nàng đứng đó ít nhất là khoảng hai mươi giây. Và ngay khi nàng nghĩ mình cần phải ấn chuông thêm một lần nữa thì cửa bật mở vào trong, và một ông già ốm nhom xuất hiện. Ông ta thấp hơn nàng khoảng trên dưới mười phân. Ông ta mặc vét đen và thắt cà vạt. Tương phản với cái áo sơ mi trắng, chiếc cravat màu nâu vàng nổi bật hẳn lên như chiếc lá vàng khô. Người chủ cho nàng một ấn tượng rất sạch sẽ. Quần áo ông ta được là phẳng phiu hoàn hảo, mái tóc bạc chải mượt. Ông ta trông như thể sắp đi ngoài trời đêm để đến dự một cuộc tụ tập nào đó. Những nếp nhăn gấp khúc trên trán ông ta khiến nàng nghĩ đến những hẻm núi sâu trong một bức không ảnh 1.

“Bữa tối của ông đây ạ”, nàng nói bằng giọng khàn khàn và lại yên lặng đờ đờ hắng. Nàng thường bị khàn giọng mỗi khi có chuyện gì căng thẳng.

“Bữa tối ư?”

“Vâng, thưa ông. Người quản lý bệnh đột ngột nên tôi phải làm thay ông ta ngày hôm nay. Đây là bữa tối của ông”.

“A, tôi hiểu rồi”. Người chủ già đáp lời như thể ông đang độc thoại với chính mình, tay vẫn đặt trên nắm xoay cửa. “Bệnh ư? Cô không đùa đấy chứ?”

“Ông quản lý đột nhiên bị đau dạ dày. Và ông ta đã đến bệnh viện. Ông ta nghĩ mình bị đau ruột thừa”.

“Ồ, thật tệ quá”, người chủ già nói, đưa những ngón tay vuốt các nếp nhăn trên trán. “Thật là quá tệ”.

Nàng lại hắng giọng một lần nữa. “Tôi mang bữa ăn vào phòng ông nhé”, nàng nói.

“À, vâng, dĩ nhiên rồi”. Người chủ già đáp. “Vâng, dĩ nhiên rồi, nếu đó là điều cô muốn. Thật tốt cho tôi”.

Nếu mình muốn ư? Nàng nghĩ thầm. Cách nói lạ lùng thật đấy. Mình phải muốn một điều gì ư?

Người đàn ông già mở cửa nhường lối, nàng đẩy xe vào trong. Sàn nhà được trải thảm màu xanh nhạt, không có lấy một chỗ để tháo giày. Căn phòng đầu tiên là một văn phòng lớn, như thể căn hộ này là chỗ làm việc hơn là một chốn ẩn cư. Cửa sổ căn phòng nhìn ra tháp Tokyo gần đó. Bộ khung thép của cái tháp hiện rõ trong ánh đèn. Một cái bàn làm việc lớn kê cạnh cửa sổ, cạnh đó là hai trường kỷ nằm đối mặt nhau. Người chủ chỉ cái bàn cà phê nhựa mỏng trước trường kỷ. Nàng đặt bữa ăn của ông ta lên bàn: chiếc khăn ăn màu trắng và đồ ăn bằng bạc, bình cà phê và chén, rượu và cốc rượu, bánh mì và bơ, đĩa gà nấu với rau hấp.

“Ông có thể vui lòng đặt mấy cái đĩa ra hành lang như thường lệ được không? Tôi sẽ quay lại lấy sau một tiếng nữa”.

Lời nói của nàng dường như làm người chủ từ bỏ một dự tính đáng khen khi ăn tối. “Ồ, vâng, dĩ nhiên rồi. Tôi sẽ đặt ra hành lang. Trên xe đẩy. Trong vòng một tiếng nữa. Nếu như cô muốn”.

Vâng, trong thâm tâm mình, lúc ấy nàng đáp lại như thế. Chính xác như điều tôi mong muốn. “Tôi còn có thể làm gì cho ông nữa không?”

“Không, không cần đâu”. Ông ta đáp sau một thoáng cân nhắc. Ông ta mang một đôi giày đen được đánh đến láng bóng. Đôi giày nhỏ và lịch thiệp. Ông ta là một người bảnh tợn hợp thời trang, nàng nghĩ. Và ông ta trông rất hợp với tuổi tác.

“Vậy thì, thưa ông, tôi phải quay lại làm việc đây”.

“Không, đợi chút đã”, ông ta nói.

“Gì vậy, thưa ông?”

“Cô có thể dành cho tôi khoảng năm phút được không, thưa cô? Tôi có vài điều muốn nói với cô”.

Lời đề nghị của ông ta quá lịch sự đến mức làm nàng đỏ mặt. “Dạ, tôi nghĩ là được thôi ạ”, nàng nói. “Ý của tôi là nếu chỉ khoảng năm phút thì được ạ”. Nói gì thì nói, ông ta là chủ của nàng. Ông ta trả tiền làm theo giờ cho nàng mà. Đó đâu phải là câu hỏi cầu xin nàng hay lấy mất thời gian của nàng đâu. Với lại ông già này trông không có vẻ gì là sẽ làm hại nàng.

“Này, cô bao nhiêu tuổi?”, người chủ già hỏi. Ông ta khoanh tay đứng cạnh bàn, nhìn thẳng vào mắt nàng.

“Bây giờ tôi hai mươi tuổi”.

“Bây giờ là hai mươi tuổi à?”, ông ta lặp lại và nheo mắt như thể đang nhìn qua một cái khe nào đó. “Bây giờ là hai mươi tuổi à? Khi nào vậy?”

“À, tôi vừa mới hai mươi tuổi”, nàng nói. Sau một thoáng ngập ngừng, nàng nói thêm: “Hôm nay là sinh nhật tôi, thưa ông”.

“Tôi hiểu”, ông ta nói và xoa cằm như thể việc này có thể giải thích rất nhiều điều. “Hôm nay phải không? Hôm nay là sinh nhật lần thứ hai mươi của cô à?”

Nàng im lặng gật đầu.

“Vậy là đời cô trên mặt đất này bắt đầu khởi sự đúng hai mươi năm về trước.”

“Vâng thưa ông”, nàng nói. “Đúng như vậy đây ạ”.

“Tôi hiểu, tôi hiểu”, ông ta nói. “Tuyệt quá. Vậy thì chúc mừng sinh nhật cô”

“Xin cảm ơn ông nhiều”, nàng nói. Và nàng cảm thấy vui vì lần đầu tiên trong ngày có người chúc mừng sinh nhật nàng. Dĩ nhiên nếu cha mẹ nàng đang sống ở Ota thì đã gọi điện cho nàng, và khi trở về nhà sau giờ làm việc nàng sẽ thấy một lời nhắn chúc mừng sinh nhật trong máy điện thoại để bàn.

“A, đây chắc hẳn là một cái cốc để tiệc tùng kỷ niệm đây”, ông ta nói. “Chúng ta nâng cốc chúc mừng đi thôi. Chúng ta có thể uống chai rượu vang đỏ này”.

“Cảm ơn ông. Nhưng tôi không thể. Tôi đang làm việc mà”.

“Ồ, làm một cốc nhỏ thì có hại gì đâu mà. Chẳng có ai phàn nàn cô nếu tôi nói rằng mọi chuyện đều ổn. Chỉ là một cốc kỷ niệm cho dịp này thôi mà”.

Người chủ già trượt cái nút chai ra, rót một ít rượu vào cốc của ông ta rồi mời nàng. Đoạn ông lấy một cái cốc rượu thường trong cái tủ kính và rót cho mình.

“Chúc mừng sinh nhật cô”, ông ta nói. “Chúc cô có một cuộc sống giàu sang, thành đạt và không có gì phủ bóng tối lên cuộc đời cô”.

Hoàng Long dịch từ bản tiếng Anh của Jay Rubin

Chú thích:

1 ảnh chụp từ trên cao. - DG.

Sinh nhật của nàng [2/2]

Murakami, Haruki

Rồi họ chạm cốc.

“Và không có gì phủ bóng tối lên cuộc đời cô”. Nàng yên lặng nhắm lại lời chúc của ông ta dành cho nàng. Tại sao ông ta lại chọn cách nói lạ lùng như thế cho lời chúc mừng sinh nhật nàng?

“Ngày sinh nhật lần thứ hai mươi chỉ đến một lần trong đời thôi cô ạ. Đó là ngày không thể nào thay thế được”.

“Vâng thưa ông, tôi biết”, nàng nói và cẩn thận chiêu một ngụm rượu.

“Và này, trong ngày đặc biệt của cô thế này mà lại phiền cô mang bữa tối cho tôi như một nàng tiên tốt bụng vậy”.

“Tôi chỉ làm công việc của mình thôi, thưa ông”.

“Nhưng mà”, ông già nói và lắc đầu nhanh vài cái, “nhưng mà cô gái trẻ dễ thương”.

Ông già ngồi xuống chiếc ghế da cạnh bàn và ra hiệu cho nàng ngồi xuống chiếc trường kỷ. Nàng rón rén cúi người ngồi ở mép trường kỷ, cầm cốc rượu trên tay. Hai đầu gối xếp bên nhau, nàng sửa áo và lại háng giọng. Nàng nhìn những giọt mưa chảy dọc theo nhau trên tấm kính cửa sổ. Căn phòng yên lặng lạ thường.

“Hôm nay là sinh nhật lần thứ hai mươi của cô. Và trên hết cô đã mang cho tôi một bữa ăn ấm nóng tuyệt vời”. Người đàn ông già nói, như thể tái xác nhận lại tình thế này. Rồi ông tháo kính để trên bàn, nghe một tiếng “cách” nhỏ. “Cô có nghĩ đây là một cuộc hội ngộ đặc biệt không?”

Nàng gật đầu nhưng không tin chắc lắm.

“Ấy là lý do tại sao tôi cảm thấy điều quan trọng là tôi phải tặng cô một món quà sinh nhật,” ông ta vừa nói vừa đưa tay cầm cái nút thắt ca ra vát màu lá cây héo. “Một ngày sinh nhật đặc biệt cần một món quà kỷ niệm đặc biệt”.

Cảm thấy bối rối, nàng lắc đầu và nói: “Đừng, xin ông đừng nghĩ ngợi sâu xa gì. Tôi chỉ làm việc mà người ta yêu cầu thôi, đó là mang bữa tối đến cho ông”.

Người đàn ông già đưa hai tay hướng về phía nàng. “Đừng cô, xin cô đừng nghĩ thế”. “Quà tặng” mà tôi dành cho cô không phải là một vật gì hữu hình có giá tiền đâu. Nói đơn giản”, ông ta đặt hai tay lên bàn rồi từ từ thở một hơi dài, “điều mà tôi muốn làm cho một nàng tiên trẻ trung dễ thương như cô là ban cho cô một quyền năng, làm cho điều ước của cô thành sự thật. Bất cứ điều gì. Bất cứ điều gì cô mong ước - giả dụ là cô có một điều ước như thế”.

“Một điều ước ư?”, nàng hỏi, cổ họng khô khốc.

“Điều gì đó mà cô muốn thành hiện thực. Nếu cô có một điều ước - chỉ một điều thôi, tôi sẽ biến nó thành hiện thực. Đây là món quà sinh nhật mà tôi có thể tặng cô. Nhưng cô nên suy nghĩ thật kỹ, bởi tôi chỉ tặng cho cô đúng một lần thôi”. Ông ta giơ một ngón tay lên trời. “Chỉ một điều duy nhất. Cô không được thay đổi và rút lại điều ước của mình đâu”.

Nàng lúng túng không biết phải nói sao. Một điều ước ư? Gió quất những giọt mưa thất thường rơi đập vào kính cửa sổ. Trong khi nàng yên lặng, ông già nhìn thẳng vào mắt nàng, không nói một lời. Thời gian loạn nhịp gõ bên tai nàng.

“Tôi phải ước điều gì ư? Và điều ước đó sẽ được ban cho tôi ư?”

Thay vì trả lời câu hỏi của nàng, ông già - hai tay vẫn đặt cạnh nhau trên bàn - chỉ mỉm cười. Nụ cười rất mực tự nhiên và thân ái.

“Cô có ước một điều gì đó hay không?”, ông ta hỏi nhẹ nhàng.

“Điều này đã thực sự xảy ra đấy”, nàng nói, nhìn thẳng vào tôi. “Em không bịa chuyện đâu”.

“Dĩ nhiên là không rồi”, tôi nói. Nàng đâu phải loại người có thể bịa ra những câu chuyện ngu ngốc từ không khí loãng. “Vậy... rồi em có ước điều gì không?”

Nàng tiếp tục nhìn tôi trong một thoáng rồi khẽ thở dài. “Đừng làm khó em chứ”, nàng nói. “Nghiêm túc thì em cũng không tin ông ta 100 phần trăm đâu. Ý em muốn nói là vào tuổi hai mươi, anh hoàn toàn không sống trong thế giới những câu chuyện thần tiên nữa. Nhưng dù cho đó là một chuyện đùa đi nữa, em cũng phải theo ông ta, không để ông ta lâm vào tình thế khó xử. Ông ta là một ông già bảnh bao sang trọng, ánh mắt tinh anh, vì thế em quyết định nhập cuộc chơi cùng với ông ta. Nói gì thì nói, đó là ngày sinh nhật lần thứ hai mươi của em, và em cũng muốn có một điều khác lạ xảy đến cho mình vào ngày đó. Đây không phải là chuyện tin hay không tin”.

Tôi gật đầu, không nói một lời.

“Em chắc là anh hiểu lúc đó em cảm thấy thế nào. Ngày sinh nhật lần thứ hai mươi của em gần qua đi mà chẳng có gì đặc biệt xảy ra, không ai chúc mừng sinh nhật em lấy một lời và tất cả những điều em làm là mang món Tortellini với nước sốt cá đến bàn của khách”.

Tôi lại gật đầu. “Đừng lo”, tôi nói. “Anh hiểu mà”.

“Vì thế mà em đã ước một điều”.

Ông già vẫn nhìn nàng chăm chú, không nói một lời, hai tay vẫn đặt trên bàn. Trên bàn có nhiều tấm bìa dày chắc để ghi chú sách, một hộp đựng viết, một quyển lịch, một cái đèn hắt bóng màu xanh. Giữa chúng là hai bàn tay nhỏ bé của ông già, trông như một bộ dụng cụ khác nữa ở trên bàn. Mưa tiếp tục đập vào kính cửa, ánh đèn tháp Tokyo thấm qua những hạt mưa vỡ nát.

Những nếp nhăn trên trán ông ta hơi chau lại. “Đó là điều ước của cô ư?”

“Vâng”, nàng nói. “Đó là điều ước của tôi”.

“Một điều ước hơi khác thường đối với một cô gái tuổi như cô”, ông ta nói. “Tôi ngỡ là một điều gì khác cơ”.

“Nếu nó không tốt thì tôi sẽ ước một điều khác”, nàng nói, hắng giọng. “Tôi không phiền gì đâu. Tôi sẽ ước một điều khác vậy”.

“Không, không”, ông già nói, gơ hai tay vẫy vẫy như lá cờ. “Chẳng có gì tệ đâu, hoàn toàn không có gì đâu. Tôi chỉ ngạc nhiên một tí thôi, thưa cô. Sao cô không ước điều khác? Chẳng hạn như muốn mình trở nên xinh đẹp hơn, hay tài trí hơn, hay giàu có? Sao cô không ước những thứ như vậy? Những thứ mà các cô gái bình thường mong muốn?”

Phải mất một lúc nàng mới tìm ra cách diễn đạt đúng ý mình. Ông già chỉ đợi, không nói một lời, hai tay vẫn để yên trên bàn.

“Dĩ nhiên là tôi muốn mình xinh đẹp hơn tài trí hơn, hay giàu có. Nhưng thật sự tôi không thể hình dung ra điều gì sẽ xảy đến cho tôi nếu một trong những điều đó thành hiện thực. Có lẽ tôi sẽ không kham nổi. Tôi vẫn chưa thật sự biết gì về cuộc đời. Tôi không biết cuộc đời tôi sẽ ra sao”.

“Tôi hiểu”, ông già vừa nói vừa đan những ngón tay vào nhau rồi lại buông ra. “Tôi hiểu”.

“Vậy thì điều ước của tôi được chứ?”

“Dĩ nhiên”, ông ta nói. “Dĩ nhiên, chuyện đó chẳng khó gì đối với tôi”.

Ông già đột nhiên nhìn chăm chú vào một điểm trong không trung. Những nếp nhăn trên trán hằn sâu; có thể đó là chính những nếp nhăn ở vỏ não khi ông tập trung suy nghĩ. Ông dường như đang chăm chú nhìn cái gì đó, có lẽ là một khối vô hình lơ lửng trong không trung. Ông giang rộng hai cánh tay, hơi nhấc mình lên khỏi ghế, rồi đập hai tay vào nhau vang một tiếng “chát” khô khốc. Ngồi lại xuống ghế, ông ta chậm chạp đưa tay xoa những nếp nhăn trên trán như xoa dịu chúng, rồi ông quay về phía nàng, cười nhẹ nhàng.

“Xong rồi”, ông ta nói. “Điều ước của cô đã được thực hiện”.

“Xong rồi ư?”

“Vâng, chẳng có vấn đề gì đâu. Điều ước của cô đã thành hiện thực rồi, thưa cô gái dễ thương. Chúc mừng sinh nhật cô. Cô có thể trở lại làm việc được rồi. Đừng lo. Tôi sẽ đẩy xe ra hành lang”.

Nàng vào thàng máy trở xuống nhà hàng. Hai tay trống rỗng, nàng cảm thấy một chút bối rối nhẹ nhàng. Như thể nàng mới bước vào một vở kịch bí ẩn nào đó.

“Em không sao chứ? Em có vẻ khác thường đấy”, người phục vụ trẻ nói với nàng.

Nàng cười với anh ta một nụ cười khó hiểu và lắc đầu. “Ồ, thật vậy à? Em có sao đâu”.

“Nói cho anh biết về ông chủ đi. Ông ta trông thế nào?”

“Em không biết. Em có nhìn kỹ ông ta đâu”, nàng nói để cắt ngang câu chuyện.

Một tiếng sau, nàng lên mang cái xe đẩy xuống. Chiếc xe nằm ngoài hành lang, bát đĩa đặt trong đó. Nàng mở nắp ra và nhận thấy món gà và rau đã biến mất, chai rượu và bình cà phê đã rỗng, cửa phòng 604 đã đóng lại, vô cảm. Nàng nhìn chăm chú cánh cửa một lúc lâu, cảm thấy như thể nó sẽ mở ra bất cứ lúc nào, nhưng cánh cửa vẫn đóng im ỉm. Nàng đẩy chiếc xe xuống thang máy đến chỗ người rửa bát. Người đầu bếp nhìn vào cái đĩa trống không như thường lệ và gật đầu băng quơ.

“Em chẳng bao giờ gặp ông chủ thêm lần nào nữa”, nàng nói. “Không một lần nào nữa. Người quản lý hóa ra chỉ bị đau bụng thường thôi, ngày hôm sau

ông ta đã trở lại công việc mang cơm cho ông chủ. Sau Tết em nghỉ việc và không trở lại đó lần nào nữa. Em không biết tại sao, em chỉ cảm thấy tốt hơn là không nên lãng vãng gần nơi đó, kiểu như một dạng linh cảm vậy”.

Nàng nghịch miếng giấy lót cốc, miên man với những suy nghĩ của mình. “Đôi khi em có cảm giác rằng mọi thứ đã xảy ra vào ngày sinh nhật lần thứ hai mươi chỉ một loại ảo tưởng nào đấy. Có điều gì đó đã xảy ra khiến em nghĩ rằng những gì xảy ra không thật là đã xảy ra. Nhưng em biết chắc rằng điều đó đã xảy ra. Đến bây giờ em vẫn có thể hồi tưởng lại rõ ràng từng vật dụng, từng món đồ trang trí trong căn phòng 604. Và mọi chuyện xảy đến cho em ở đó đã thực sự xảy ra, và điều đó cũng có một ý nghĩa quan trọng đối với em”.

Hai chúng tôi yên lặng một lúc lâu, uống rượu và để mặc cho những suy nghĩ của mình lan man.

“Em có phiền nếu anh hỏi em một điều không?”, tôi hỏi. “Chính xác là hai điều đấy”.

“Anh cứ hỏi đi”. Nàng nói. “Em hình dung anh sẽ hỏi em đã ước gì lúc đó. Đó là điều đầu tiên anh muốn biết đúng không?”

“Nhưng có vẻ như em không muốn nói thì phải”.

“Vậy sao?”

Tôi gật đầu.

Nàng đặt miếng giấy lót cốc xuống và nheo mắt lại như thể đang nhìn cái gì đó ở khoảng cách xa. “Anh biết đấy, ngay cả anh cũng chẳng nói cho ai biết điều ước của mình đúng không?”

“Anh có bắt em phải nói đâu”, tôi nói. “Anh chỉ muốn biết điều ước đó có thành hiện thực hay không mà thôi. Và dù điều ước đó là gì đi nữa nhưng khi nó đã thành hiện thực thì về sau em có bao giờ hối tiếc đã chọn nó không. Đã bao giờ em cảm thấy tiếc vì không chọn điều ước khác chưa?”

“Lời đáp cho câu hỏi đầu tiên là vừa có vừa không. Có lẽ em còn phải sống nhiều. Em vẫn chưa được thấy mọi chuyện sẽ kết thúc ra sao”.

“Vậy điều ước đó phải mất nhiều thời gian mới trở thành hiện thực à?”

“Anh có thể nói như thế. Thời gian đóng vai trò rất quan trọng đấy”.

“Giống như khi nấu một số món ăn nào đó ư?”

Nàng gật đầu.

Tôi nghĩ một lát, nhưng điều duy nhất tôi có thể hình dung ra là một cái bánh không lò đang được hấp từ từ trong lò ở nhiệt độ thấp.

“Vậy còn lời đáp cho câu hỏi thứ hai?”

“Anh nói lại đi”.

“Có bao giờ em hối tiếc vì mình đã chọn điều ước đó không?”

Một thoáng im lặng tiếp theo sau. Đôi mắt nàng nhìn tôi dường như đã mất chiều sâu. Cái bóng khô khan của nụ cười thoáng qua khóe miệng nàng cho tôi

cảm giác im lặng của một sự nhẫn nhục.

“Giờ em đã lập gia đình”, nàng nói. “Với một nhân viên kế toán hơn em ba tuổi. Em đã có hai con, một trai, một gái. Nhà em có nuôi một con chó lông xù Aùì Nhĩ Lan. Em lái một chiếc Audi và một tuần hai lần đi đánh tennis với bạn. Đây là cuộc đời em đang sống”.

“Nghe khá là tuyệt đấy”, tôi nói.

“Ngay cả khi cái thanh chắn của chiếc Audi có hai vết va chạm ư?”

“Này, cái thanh chắn được làm ra để chịu va đập mà”.

“Đó có thể là một mác quảng cáo hay cho thanh chắn,” nàng nói. “Thanh chắn được làm ra để chịu va đập”.

Tôi nhìn vào miệng nàng khi nàng nói chuyện.

“Điều mà em đang cố nói với anh là thế này”, nàng nói dịu dàng hơn, gãi gãi đôi tai. Tai nàng có hình dáng tuyệt đẹp. “Bất luận người ta ước muốn điều gì, bất luận họ đi xa đến đâu, người ta cuối cùng cũng trở thành chính mình chứ không phải ai khác. Có vậy thôi”.

“Lại một cái mác quảng cáo hay khác cho thanh chắn đây”, tôi nói. “Dù đi xa đến đâu, con người cuối cùng cũng trở thành chính mình chứ không phải ai khác”.

Nàng cười lớn với vẻ hài lòng thực sự và cái bóng mờ biến mất.

Nàng tựa khuỷu tay lên bàn nhìn tôi. “Nói cho em nghe”, nàng nói. “Anh sẽ ước điều gì nếu anh rơi vào tình huống như em?”

“Ý em nói là vào đêm sinh nhật lần thứ hai mươi?”

“À, ừ”.

Tôi nghĩ một lúc lâu nhưng không tìm ra điều ước nào.

“Anh chẳng nghĩ được gì cả”, tôi thú nhận. “Anh đã quá xa cái tuổi hai mươi đó rồi”.

“Anh thực sự không thể nghĩ ra được điều gì à?”

Tôi gật đầu.

“Ngay cả một điều cũng không?”

“Không một điều gì”.

Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi và nói: “Đó là bởi anh đã thực hiện điều ước của mình rồi”.

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Jay Rubin

Một cách chết khác [1/2]

Murakami, Haruki

Những mệnh lệnh cuối cùng của một sĩ quan Nhật tại Mãn Châu, trong những thời khắc cuối cùng của Thế chiến thứ hai.

Chưa tới 6 giờ sáng, viên bác sĩ thú y người Nhật đã thức giấc. Hầu hết thú trong vườn thú Hsin-ching đã dậy từ lâu. Cửa sổ mở để lọt vào tiếng kêu của bầy thú cùng với làn gió mang theo mùi của chúng, cái mùi giúp cho anh biết thời tiết mà không phải nhìn ra ngoài. Ấy là một phần cái thú tục hàng ngày của anh ở Mãn Châu: lắng nghe, sau đó hít bầu không khí buổi sáng, thế là anh đã sẵn sàng cho một ngày mới.

Tuy nhiên, ngày hôm nay hẳn phải khác ngày hôm trước. Không thể không khác. Quá nhiều giọng, quá nhiều mùi đã không còn nữa! Chiều hôm trước, hổ,

báo, sói, gấu, tất cả đã bị thanh lý - bị tiêu diệt - bởi một toán lính Nhật để tránh không cho lũ thú này thoát ra ngoài khi thành phố bị quân Nga tấn công. Giờ đây, sau khi ngủ được mấy tiếng, viên bác sĩ thú y cảm thấy như thể những sự kiện đó là một phần của một cơn ác mộng chậm lờ đờ mà anh đã mơ thấy từ lâu lắm. Nhưng anh biết, những sự kiện đó thực sự đã xảy ra. Tại anh vẫn còn đau âm ỉ vì tiếng gầm của những họng súng; đó không thể là giấc mơ được. Giờ đang là tháng Tám năm 1945; và anh đang ở đây, thành phố Hsin-ching, trong xứ Mãn Châu nằm trong tay Nhật Bản; quân đội Xô viết đã tràn qua biên giới và mỗi giờ một áp sát hơn. Đây là thực tại - cũng thực như cái chậu và bàn chải răng mà anh đang thấy trước mặt mình.

Tiếng rống của lũ voi khiến anh thấy nhẹ lòng đôi chút. À vâng, lũ voi thì sống sót. May thay, viên trung úy trẻ đảm trách nhiệm vụ ngày hôm qua vẫn còn đủ sự nhạy cảm thông thường của con người để loại lũ voi ra khỏi danh sách bị thanh trừng, viên bác sĩ thú y vừa rửa mặt vừa nghĩ. Từ khi tới Mãn Châu, anh đã gặp vô khối những tay sĩ quan trẻ kiêu ngạo và cuồng tín đến từ đất nước anh, và những cuộc gặp đó luôn luôn khiến anh sững sốt. Hầu hết bọn họ là con nhà nông, tuổi niên thiếu của họ trôi qua trong thời suy thoái những năm 30, chìm ngập trong thảm kịch đói nghèo mà lại bị nhồi sọ bởi một chủ nghĩa dân tộc tự cao tự đại. Họ sẵn sàng tuân lệnh cấp trên mà không suy nghĩ, dù lệnh đó có kỳ quặc đến đâu. Nếu nhân danh Thiên hoàng người ta ra lệnh cho họ đào một cái lỗ xuyên qua trái đất tới Brazil, họ sẽ cầm lấy xẻng và khởi sự đào ngay lập tức. Một số người gọi đây là "sự thuần khiết", nhưng viên bác sĩ thú y có những từ khác để gọi nó. Là con trai một bác sĩ ở thành thị, được giáo dục trong môi trường tương đối tự do của Nhật Bản trong thập niên 1920, viên bác sĩ thú y không bao giờ hiểu được những tay sĩ quan trẻ đó. Bắn chết dăm con voi lẽ ra còn dễ hơn nhiều so với đào hầm xuyên trái đất tới Brazil, nhưng gã trung úy ngày hôm qua, mặc dù nói năng hơi nhuốm giọng nhà quê, dường như là một kẻ mang nhiều tính người hơn so với những tay sĩ quan khác - có giáo dục hơn và biết suy xét hơn. Viên bác sĩ thú y cảm nhận được điều đó qua cách ăn nói và cư xử của người sĩ quan này.

Dù thế nào đi nữa, lũ voi đã không bị giết, và viên bác sĩ thú y tự nhủ, có lẽ anh cần phải biết ơn về điều đó. Cả những người lính ắt cũng vui vì khỏi phải làm việc đó. Các công nhân Trung Hoa thì hẳn là tiếc hùi hụi vì lũ voi đã được tha mạng, không thì họ đã có thể tha hồ xẻ thịt và lấy ngà voi.

Viên bác sĩ thú y đun nước, thấm ướt râu bằng một cái khăn nóng rồi cạo râu. Sau đó anh ăn điểm tâm một mình: trà, bánh mì và bơ. Suất ăn ở Mãn Châu còn xa mới đủ no, nhưng so với những nơi khác thì vẫn còn hậu hĩ lắm. Đây là tin tốt lành cho cả anh lẫn cho lũ thú. Bọn thú tỏ ra phần nộ khi phần ăn của chúng bị cắt giảm, nhưng tình hình ở đây còn tốt chán so với các sở thú ở quê nhà Nhật

Bản, nơi mà nguồn thức ăn đã cạn kiệt đến mức không thể nào cạn kiệt hơn. Không ai tiên đoán được tương lai, nhưng ít nhất là hiện giờ, cả vật lẫn người đều chưa đến nỗi quá đói ăn.

Anh tự hỏi giờ này vợ và con gái đang làm gì. Họ đã trở về Nhật từ mấy hôm trước, và nếu mọi thứ xuôi chèo mát mái như đã định thì giờ này chuyến tàu chở họ hẳn đã đến bờ biển Triều Tiên. Sau đó họ sẽ lên tàu biển về Nhật Bản. Viên bác sĩ thềm được nhìn thấy họ như anh vẫn thấy mỗi buổi sáng khi thức dậy. Anh thềm được nghe giọng nói liến thoắng của hai mẹ con khi họ chuẩn bị bữa điểm tâm. Một nỗi im lặng trống rỗng ngự trị căn nhà. Đây không còn là căn nhà mà anh từng yêu thương, nơi chốn mà anh từng là một phần của nó. Thế mà hiện giờ, anh lại không thể không cảm thấy một niềm vui kỳ lạ khi được ở lại một mình trong cái chôn cư ngụ chính thức trống tro này; giờ đây anh có thể cảm nhận được trong chính xương thịt mình cái sức mạnh bất khả cưỡng của số mệnh.

Số phận ở đây là căn bệnh chết người của chính viên bác sĩ thú y. Từ khi còn trẻ, anh đã có một nhận thức minh bạch kỳ lạ rằng "ta, với tư cách cá nhân, đang sống dưới sự kiểm soát của một thế lực ở bên ngoài ta". Hầu như bất cứ lúc nào, uy lực của số mệnh cứ dai dẳng như một bè đềm êm ả và đơn điệu, chỉ tô thêm màu sắc cho những đường viền của cuộc đời anh. Hiếm khi anh được nhắc để nhớ tới sự tồn tại của nó. Nhưng cứ từng lúc, đột ngột, thế cân bằng thay đổi và cái lực đó tăng lên, nhấn anh vào một trạng thái cam chịu gần như là tê liệt. Bằng kinh nghiệm anh biết, anh không thể làm hay nghĩ ra bất cứ cái gì để làm thay đổi tình thế. Chẳng phải vì anh là kẻ thụ động; thật ra, anh là người quyết đoán hơn hầu hết kẻ khác, anh luôn luôn thông suốt trong quyết định của mình. Trong nghề nghiệp cũng vậy, anh là người xuất chúng: một bác sĩ thú y có kỹ năng tuyệt vời, một nhà giáo dục không mệt mỏi. Nhất định anh không phải là người theo thuyết định mệnh theo nghĩa người ta thường nghĩ. Thế nhưng, chưa bao giờ anh được ném trái niềm xác tín vững chãi rằng chính anh chứ không phải ai khác là người quyết định mọi việc. Anh luôn luôn có cảm giác rằng chính số mệnh đã buộc anh phải quyết định việc này việc kia miễn sao lợi cho nó. Thảng hoặc, sau phút chốc hài lòng rằng mình đã quyết định điều gì đó bằng ý chí tự do, anh mới nhận ra rằng mọi việc đã được quyết định từ trước bởi một thế lực ngoại tại nguy trang một cách khôn ngoan thành ý chí tự do, ấy chỉ là miếng mồi ném ra trước mặt anh để nhử cho anh hành xử như thể đó là do ý của chính anh. Anh thấy mình như một nguyên thủ quốc gia trên danh nghĩa, chẳng biết làm gì khác ngoài việc ấn con triện hoàng gia lên các văn kiện theo lệnh một quan nhiếp chính, kẻ thật sự thao túng quyền lực trong vương quốc - khác nào vị Hoàng đế của cái đế quốc bù nhìn Mãn Châu này.

Giờ đây, tro lại ở căn nhà trong vườn thú, viên bác sĩ thú y chỉ còn một mình với định mệnh. Và trên tất cả, chính định mệnh, cái uy lực to lớn của định mệnh,

chính nó mới là cái cầm chịch nơi đây, chứ không phải đội quân Quan Đông, không phải quân đội Xô viết, không phải quân của Đảng Cộng sản Trung Quốc hay của Quốc dân đảng. Ai cũng có thể thấy rằng chính định mệnh là chúa tể nơi đây, còn ý chí cá nhân chẳng là cái quái gì. Hôm trước, chính định mệnh đã tha mạng cho lũ voi nhưng chôn vùi lũ hổ, báo, sói và gấu. Còn hôm nay nó sẽ chôn vùi ai, và sẽ tha mạng ai? Đó là những câu hỏi không ai có thể trả lời.

Viên bác sĩ thú y rời nhà để chuẩn bị cho thú ăn bữa sáng. Cứ định ninh sẽ chẳng ma nào tới làm việc nữa, nhưng anh lại gặp hai thằng bé Trung Hoa đang đợi anh ở văn phòng. Anh không biết chúng. Hai đứa trạc mười ba, mười bốn tuổi, gầy gò, da đen xỉn, cặp mắt thú láo liên. "Người ta bảo tụi cháu giúp ông", một đứa nói. Viên bác sĩ gật đầu. Anh hỏi tên chúng, nhưng chúng không trả lời. Gương mặt chúng vô cảm, như thể chúng không nghe thấy câu hỏi. Hiển nhiên là hai đứa trẻ này do mấy người Trung Hoa vẫn còn làm việc ở đây cho tới ngày hôm qua cử đến. Có lẽ giờ đây những người đó đã chấm dứt mọi tiếp xúc với người Nhật để chờ chế độ mới, nhưng họ cho rằng trẻ con thì chắc sẽ không bị người ta hạch tội. Bọn trẻ được cử tới như một cử chỉ thiện chí, bởi các công nhân biết viên bác sĩ sẽ không thể một mình xoay xở để cho lũ thú ăn.

Viên bác sĩ cho mỗi đứa trẻ hai cái bánh quy, rồi cắt đặt công việc để chúng giúp anh cho lũ thú ăn. Họ dắt một chiếc xe la kéo từ chuồng này qua chuồng nọ, cho từng con thú ăn thức ăn dành riêng cho chúng và thay nước. Lau rửa chuồng thì họ không làm. Giỏi lắm họ chỉ có thể lấy vòi phun qua loa cho sạch phân.

Họ bắt đầu làm từ tám giờ và kết thúc lúc mười giờ hơn. Sau đó bọn trẻ biến mất mà không nói một lời. Viên bác sĩ cảm thấy kiệt sức vì làm việc vất vả. Anh quay lại văn phòng để báo cáo với giám đốc vườn thú rằng bọn thú đã được cho ăn.

Ngay trước buổi trưa, viên trung úy quay lại vườn thú cùng với chính tám người lính mà y đã mang tới hôm qua. Cũng lại võ trang đầy mình, họ đi đến đâu thì súng ống va leng keng đến đấy, người chưa xuất hiện mà từ xa đã nghe thấy tiếng. Áo họ đen nhem vì mồ hôi. Ve sâu kêu râm ran trên cây, giống như hôm qua. Tuy nhiên, hôm nay toán lính tới đây không phải để giết thú. Viên trung úy giơ tay chào giám đốc vườn thú rồi nói: "Chúng tôi cần biết tình hình vườn thú hiện nay còn bao nhiêu xe kéo và vật kéo có thể sử dụng được". Giám đốc cho y hay, vườn thú có đúng một con la và một cái xe. "Hai tuần trước chúng tôi đã đóng góp cho quân đội chiếc xe tải duy nhất cùng hai con ngựa", ông ta lưu ý. Viên trung úy gật đầu và thông báo rằng y sẽ trưng dụng ngay con la cùng chiếc xe, theo lệnh của Bộ tư lệnh đội quân Quan Đông.

"Đợi một chút", viên bác sĩ thú y cắt ngang. "Chúng tôi cần cái xe với con la để cho thú ăn hai lần một ngày. Đám nhân công người địa phương của chúng tôi

đi cả rồi. Không có con la với cái xe đó thì bọn thú sẽ chết đói. Dù có đi nữa thì chúng tôi cũng đã khó lòng trụ được rồi".

"Tất cả chúng ta đều khó lòng trụ được, thưa ông", viên trung úy nói, cặp mắt đỏ ngầu, mặt lồm chồm râu ria. "Ưu tiên hàng đầu của chúng ta là bảo vệ thành phố. Ông có thể thả bọn thú ra khỏi chuồng bất cứ lúc nào nếu cần. Chúng tôi đã thanh toán xong bọn thú ăn thịt nguy hiểm. Lũ còn lại thì chẳng gây hại cho ai. Đây là quân lệnh, thưa ông. Ông phải tự xoay xử lấy".

Viên trung úy cắt ngang cuộc trò chuyện và ra lệnh cho binh lính đi lấy con la và chiếc xe. Khi họ đã đi khỏi, viên bác sĩ thú y và giám đốc vườn thú nhìn nhau. Giám đốc nhấp trà, lắc đầu, không nói gì.

Bốn tiếng đồng hồ sau, đám lính quay lại dẫn theo con la và chiếc xe goòng, trong xe có chất cái gì đó lù lù trôi lên, nhưng bị phủ kín bằng một tấm vải bạt dày. Con la thở hổn hển, sùi bọt mép vì cái nắng chang chang và phải kéo quá sức. Tám người lính dùng lưới lê điệu bốn người Trung Quốc đi đằng trước - ấy là những người rất trẻ, hăn chỉ độ hai mươi tuổi, mặc đồng phục bóng chày, tay trái quặt sau lưng. Những vết bầm tím trên mặt cho thấy rõ họ đã bị đánh toi bời. Mắt phải của một người sưng húp đến nỗi hầu như nhắm tịt lại, còn người khác môi còn rỉ máu loang đỏ ối cả chiếc áo bóng chày màu sáng. Ngực áo họ không ghi chữ nào, nhưng có những hình chữ nhật nhỏ nơi mà băng tên đã bị giật ra. Con số trên lưng họ là 1, 4, 7 và 9. Viên bác sĩ thú y không thể nào hình dung vì sao, tại đúng thời điểm nước sôi lửa bỏng này, bốn gã trai Trung quốc kia lại mặc đồng phục bóng chày, hoặc vì sao họ bị đánh toi bời và bị toán lính Nhật lôi xác tới đây. Quang cảnh này có vẻ như không thuộc về thế giới này, mà là tranh vẽ của một bệnh nhân tâm thần.

Viên trung úy hỏi mượn giám đốc vườn thú vài cái cuốc xẻng. Tay sĩ quan trẻ trông còn xanh xao phờ phạc hơn trước nữa. Viên bác sĩ dẫn y cùng đám lính tới chỗ giá để dụng cụ ở phía sau văn phòng. Viên trung úy chọn hai cái cuốc và hai cái xẻng cho toán lính. Rồi y bảo viên bác sĩ đi cùng y. Sau đó, bỏ đám lính lại, y đi về phía một bụi cây phía bên kia đường. Viên bác sĩ thú y theo sau. Viên trung úy đi tới đâu, những con châu chấu to đùng túa ra tán loạn tới đó. Mùi cỏ mùa hè thoảng trong không khí. Lẫn trong tiếng ve sầu kêu đình tai, tiếng rống the thé của lũ voi từng chập vẳng tới như một lời cảnh báo xa xăm.

Viên trung úy cứ lảng lảng đi giữa những hàng cây, cho đến khi tìm thấy một khoảng đất trống giữa khu rừng. Khu vực này đã được lát đá để xây một quảng trường dành riêng để nuôi những con thú nhỏ cho trẻ con chơi. Tuy nhiên kế hoạch này đã bị hoãn vô thời hạn, do tình hình chiến sự ngày càng tồi tệ nên vật liệu xây dựng trở nên khan hiếm. Cây cối đã bị dọn quang tạo thành một khoảnh đất tròn trụi, mặt trời rọi sáng cái khoảnh đất này trong khu rừng như ánh đèn

sân khấu. Viên trung úy đứng ngay giữa vòng tròn đó mà đưa mắt nhìn quanh. Rồi y sục sục gót giày xuống đất.

"Chúng tôi sẽ đóng quân ở đây một thời gian", y vừa nói vừa quỳ gối xuống lấy tay vốc một nắm đất.

Viên bác sĩ thú y gật đầu để trả lời. Anh không hiểu nổi vì sao người ta lại phải đóng quân trong vườn thú, nhưng anh quyết định không hỏi. Ở Hsin-ching này, kinh nghiệm đã dạy cho anh rằng chớ bao giờ đặt câu hỏi với đám quân nhân. Những câu hỏi chỉ tổ làm họ nổi giận, và trong bất cứ trường hợp nào họ cũng không bao giờ trả lời thẳng vào câu hỏi.

"Đầu tiên chúng tôi đào một cái lỗ to ở đây", viên trung úy nói như với chính mình. Y đứng dậy rút một gói thuốc lá từ trong ngực áo. Vừa cắm một điếu vào giữa môi mình, y vừa mời viên bác sĩ thú y một điếu, sau đó y đánh diêm châm lửa cho cả hai. Hai người tập trung hút để lấp đầy sự im lặng. Viên trung úy lại lấy giày sục xuống mặt đất. Y vẽ một hình gì đó trên mặt đất rồi xóa đi. Cuối cùng, y hỏi viên bác sĩ thú y: "Anh sinh ở đâu?"

"Ở Kanagawa", viên bác sĩ nói. "Tại một thị trấn gọi là Ofuna, gần biển, cách Tokyo chừng một hai giờ xe."

Viên trung úy gật đầu.

"Còn anh sinh ở đâu?", viên bác sĩ thú y hỏi.

Thay vì trả lời, viên trung úy nheo mắt nhìn sợi khói bay lên từ giữa những ngón tay y. Không, đặt câu hỏi cho một quân nhân thì chẳng bao giờ được gì hết, viên bác sĩ thú y tự nhủ một lần nữa. Họ thích đặt câu hỏi, nhưng họ sẽ không bao giờ trả lời anh. Có hỏi họ bây giờ là mấy giờ họ cũng không trả lời, thật sự là vậy.

"Ở đó có một xưởng phim", viên trung úy nói.

Phải mất mấy giây viên bác sĩ thú y mới hiểu ra rằng tay trung úy đang nói về Ofuna. "Đúng vậy. Một xưởng phim lớn. Nhưng tôi chưa vào trong đó bao giờ."

Viên trung úy thả điếu thuốc hút dở xuống mặt đất rồi dí chân lên. "Tôi hy vọng anh sẽ có thể quay về đó", y nói. "Dĩ nhiên, từ đây về Nhật Bản còn phải băng qua một đại dương. Có lẽ tất cả chúng ta sẽ chết ở đây". Y vừa nói vừa nhìn dăm dăm xuống đất.

"Nói tôi nghe, bác sĩ, anh có sợ chết không?"

"Tôi cho rằng còn tùy anh chết theo cách nào", viên bác sĩ thú y nói sau một thoáng suy nghĩ. Viên trung úy ngược mắt lên nhìn viên bác sĩ như thể bị khêu gợi trí tò mò. Rõ ràng là y chờ đợi một câu trả lời khác. "Anh nói đúng", y nói. "Điều đó còn tùy anh chết theo cách nào."

Hai người im lặng một lát. Nom bộ dạng viên trung úy, y có thể cứ đứng nguyên vậy mà ngủ gục tới nơi. Rõ ràng y đã sức cùng lực kiệt. Một con châu chấu to lạ lòng đập cánh vù vù bay qua trên đầu họ như một con chim rời biển

mắt trong một bụi cỏ đằng xa. Viên trung úy liếc đồng hồ. "Tới giờ rồi", y nói mà không rõ là với ai. Rồi y nói với viên bác sĩ thú y. "Tôi muốn anh ở lại đây một lát. Có thể tôi sẽ nhờ anh làm một việc." Viên bác sĩ thú y gật đầu.

Đám lính dẫn các tù nhân Trung Hoa ra khoảng trống trong rừng rồi tháo dây trói. Viên trung sĩ dùng cây gậy bóng chày vẽ một vòng tròn trên mặt đất - viên bác sĩ thú y thấy lại thêm một điều huyền bí: tại sao người lính lại có cây gậy bóng chày - rồi dùng tiếng Nhật ra lệnh những người tù đào một cái hố sâu có kích thước bằng vòng tròn đó. Bốn người đàn ông mặc đồng phục bóng chày dùng cuốc xẻng lẳng lẳng đào. Phân nửa đội lính Nhật canh chừng đám tù nhân, trong khi nửa kia nằm dài ra dưới bóng cây. Dường như họ đang buồn ngủ chết được; vừa đặt lưng xuống đất, họ liền ngáy ngay lập tức. Bốn người lính còn lại vẫn thức canh chừng việc đào hố, súng gác ngang hông, mũi lê cắm đầu hòng súng, sẵn sàng sử dụng ngay lập tức. Viên trung úy và gã trung sĩ thay phiên nhau, người giám sát công việc, kẻ tranh thủ chợp mắt dưới bóng cây.

Chưa đầy một tiếng đồng hồ, bốn tù nhân Trung Hoa đã đào xong một cái hố đường kính khoảng bốn mét, sâu tới cổ. Một người hỏi xin nước bằng tiếng Nhật. Viên trung úy gật đầu, một tên lính liền xách lại một xô nước đầy. Bốn người Trung Hoa lần lượt tợp nước trong xô, nốc ừng ực, vẽ khoan khoái ra mặt. Họ gần như uống cạn cả xô nước. Đồng phục họ mặc đen nhem vì máu, bùn và mồ hôi.

Viên trung úy ra lệnh cho hai người lính kéo chiếc xe goòng tới gần cái hố. Viên trung sĩ giật tấm vải bạt ra, để lộ bốn xác chết chất đống trong xe. Mấy cái xác cũng mặc đồng phục bóng chày như các tù nhân, và hiển nhiên cũng là người Trung Hoa. Hẳn là họ đã bị bắn chết, đồng phục của họ đầy những vết máu đen. Những con ruồi to tướng bắt đầu bầu lầy những cái xác. Xét qua những chỗ máu đông, viên bác sĩ đoán rằng họ đã chết được khoảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Viên trung úy ra lệnh cho bốn tù nhân Trung Hoa ném mấy tờ thi xuống cái hố mà họ vừa đào xong. Mặt trắng bệch, chẳng nói chẳng rằng, các tù nhân lôi mấy cái xác ra khỏi chiếc xe goòng rồi ném từng cái một xuống hố. Mỗi cái xác rơi chạm đất đánh bịch một tiếng trầm đục. Con số in trên đồng phục của mấy người chết là 2, 5, 6 và 8. Viên bác sĩ thú y ghi nhớ mấy con số. Khi bốn người Trung Hoa đã ném xác xuống hố xong, mấy tên lính trói mỗi người vào một góc cây gần đó. Viên trung úy chìa cổ tay ra nhìn đồng hồ với vẻ nghiêm trang. Rồi y ngẩng lên nhìn hồi lâu một điểm trên bầu trời, như thể tìm một cái gì ở đó. Y trông giống như tay trưởng nhà ga đứng trên sân ga đợi một đoàn tàu đã quá trễ giờ. Nhưng thật ra y chẳng nhìn cái gì sất. Y chỉ muốn để cho một khoảng thời gian nào đó trôi qua. Sau khi xong, y quay về phía viên trung sĩ và cộc lốc ra lệnh đâm chết ba trong bốn tù nhân - mang số 1, 7 và 9 - bằng lưỡi lê.

Ba binh sĩ được chọn ra để đứng vào vị trí trước mặt ba người Trung Hoa. Mấy người lính thậm chí còn xanh xao hơn cả những kẻ mà họ sắp sửa giết. Mấy người Trung Hoa có vẻ mệt mỏi tới mức không còn trông mong bất cứ cái gì. Viên trung sĩ mời mỗi người một liều thuốc, nhưng họ từ chối. Y đút gói thuốc lại vào túi áo.

Tay trung úy kéo viên bác sĩ thú y ra đứng cách những người lính khác một quãng. "Anh nên xem vụ này", y nói. "Đây là một cách chết khác."

Trần Tiến Cao Đăng dịch theo bản tiếng Anh của Jay Rubin

Một cách chết khác [2/2]

Murakami, Haruki

(tiếp theo phần 1)

Viên bác sĩ gật đầu. Tay trung úy không nói câu này với mình, anh nghĩ. Y đang nói với chính y.

Bằng giọng dịu dàng, viên trung úy giải thích: "Bắn có lẽ là cách đơn giản và hiệu quả nhất để giết chúng, nhưng chúng tôi được lệnh không được phí phạm dù chỉ một viên đạn, nhất là không được phí đạn để giết người Trung Hoa. Chúng tôi phải để dành đạn cho bọn Nga. Bọn này, chúng tôi chỉ giết bằng lưỡi lê; nghe thì dễ, nhưng không phải đâu. Mà này, bác sĩ, trong quân đội người ta có dạy anh cách dùng lưỡi lê không?"

Viên bác sĩ giải thích rằng anh là bác sĩ thú y nên không được huấn luyện dùng lưỡi lê.

"Giết người bằng lưỡi lê cho đúng cách thì phải làm thế này: Trước tiên, phải thọc lưỡi lê vào dưới xương sườn, ở đây này." Viên trung úy chỉ vào thân thể chính mình, ngay phía trên dạ dày. "Kế đó phải ngoáy lưỡi lê thành một vòng tròn rộng, sâu bên trong cơ thể tử tội để xáo tung các cơ quan nội tạng. Sau đó thì thọc lên trên để đâm thủng tim. Anh không thể chỉ cắm lưỡi lê vào mà mong hẳn chết được. Lính tráng chúng tôi được người ta dạy lui dạy tới điều này không biết bao nhiêu lần. Đánh nhau tay đôi bằng lưỡi lê cùng với tập kích ban đêm là niềm tự hào của quân đội Thiên hoàng, mặc dù chủ yếu là vì đánh nhau kiểu này rẻ hơn nhiều so với xe tăng, máy bay và đại bác. Dĩ nhiên, huấn luyện gì mà chẳng được, nhưng nói gì thì nói, anh cũng chỉ đâm một con búp bê nhồi rom chứ đâu phải một thằng người thật. Nó không chảy máu, không biết hét lên, cũng không đổ ruột xuống đất. Mấy thằng lính này đã bao giờ thật sự giết người bằng cách này đâu. Tôi cũng chưa hề."

Viên trung úy nhìn tay trung sĩ và gật đầu. Viên trung sĩ quát to ra lệnh cho ba tên lính vừa lập tức lấy tư thế nghiêm. Thế rồi ba tên lính lùi lại nửa bước và chĩa lưỡi lê ra, hướng mũi lê về phía vào mỗi người tù. Một trong ba người Trung Hoa (số 7) gầm gừ mấy chữ bằng tiếng Trung Hoa nghe như một lời rủa và nhổ nước

bọt vó vể ngang tàng - đống nước bọt chẳng bao giờ chạm đất mà dây rớt vào vật trước bộ đồng phục bóng chày của anh ta.

Nghe lệnh kê tiếp, ba tên lính vận hết sức bình sinh thọc lưỡi lê vào người mấy người Trung Hoa. Sau đó, như viên trung úy đã nói, họ ngoáy lưỡi lê để xé toạc lục phủ ngũ tạng các tù nhân, rồi thọc mũi lê về phía trên. Tiếng kêu của mấy người Trung Hoa không quá to; chúng giống như những tiếng nấc trầm trầm hơn là tiếng thét, như thể họ đang trút sạch ra ngoài toàn bộ hơi thở còn sót lại trong người qua một lỗ thoát duy nhất. Đám lính rút lưỡi lê ra, lùi lại. Viên trung sĩ lại quát to ra lệnh, và đám lính lặp lại quy trình giống hệt như trước - thọc, ngoáy, chọc lên trên, rút ra. Viên bác sĩ thú y chết lặng nhìn cảnh đó, bị choáng ngợp bởi cảm giác mình đang bắt đầu bị tách làm hai. Anh đồng thời trở thành kẻ đâm và kẻ bị đâm. Anh có thể cảm thấy cả tác động của lưỡi lê khi nó thọc vào cơ thể nạn nhân lẫn cái đau khi tạng phủ của chính mình bị xé thành từng mảnh.

Mấy người Trung Hoa lâu chết hơn anh tưởng nhiều. Thân thể bị rạch toang của họ tuôn máu xối xả lên mặt đất, nhưng thậm chí dù nội tạng của họ đã bị xé ra từng mảnh, họ vẫn khẽ giật giật thêm hồi lâu. Viên trung sĩ dùng lưỡi lê của chính mình để cắt dây thừng trói những người đàn ông vào mấy gốc cây, sau đó y hạ lệnh cho mấy tên lính này giờ không tham gia vào việc hạ sát lôi mấy cái xác vừa sụm xuống đất kia mà vớt xuống hố. Những cái xác này khi chạm đáy hố cũng phát ra một tiếng đùng đục, nhưng viên bác sĩ không khỏi cảm thấy âm thanh này khác với âm thanh phát ra bởi mấy cái xác trước kia. Có lẽ vì những người này chưa chết hẳn.

Giờ chỉ còn sót lại người tù Trung Hoa trẻ tuổi mang số 4 trên áo. Ba người lính mặt tái nhợt xé những chiếc lá dưới chân mình mà chùi lấy chùi để mấy lưỡi lê dẫm máu. Lưỡi lê không chỉ nhuộm máu mà còn vấy những chất lỏng cơ thể có màu sắc kỳ lạ và dính những tảng thịt. Đám lính phải dùng rất nhiều lá mới trả được những lưỡi lê về màu kim loại trơn ban đầu.

Viên bác sĩ thú y tự hỏi tại sao chỉ một mình người số 4 vẫn còn sống, nhưng anh không hỏi gì. Viên trung úy lấy ra thêm một liều thuốc rồi châm lửa. Y mời viên bác sĩ một liều, anh này lặng lẽ nhận, đút vào giữa hai môi rồi tự châm lửa lấy. Tay anh không run, nhưng dường như nó mất hết cảm giác, như thể anh đang mang găng tay dày.

"Mấy tên này là học viên Trường Dự bị Sĩ quan Quân đội Mãn Châu Quốc", viên trung úy nói. "Chúng từ chối tham gia phòng thủ Hsin-ching. Đêm qua chúng giết hai vị thầy người Nhật rồi tìm cách bỏ trốn. Chúng tôi tóm được chúng trong khi tuần đêm, giết bốn đứa ngay tại chỗ và bắt sống bốn đứa. Trời tối thành thử có hai đứa thoát được". Viên trung úy dùng lòng bàn tay xát râu cằm. "Chúng toan trốn thoát bằng cách mặc đồng phục bóng chày. Tôi đoán là chúng cho rằng nếu bị bắt trong khi đang mặc quân phục thì sẽ bị khếp tội đào ngũ."

Hoặc có thể chúng sợ quân đội Cộng sản sẽ làm thịt chúng nếu gặp chúng mặc quân phục Mãn Châu quốc". Dù thế nào đi nữa, ngoài đồng phục học viên sĩ quan ra thì ở trại chúng chỉ có mỗi bộ đồng phục bóng chày. Thế là chúng xé mấy cái tên in trên đó ra rồi tìm cách mặc bộ đồng phục đó mà chạy trốn. Tôi không biết anh có biết việc này không, trường sĩ quan có một đội bóng chày rất cừ. Tại nó thường sang Đài Loan và Triều Tiên thi đấu giao hữu. "Thằng đó", viên trung úy chỉ về phía gã trai đang bị trói vào thân cây, "là đội trưởng và là tay đánh chính 1. Chúng tôi cho rằng cũng chính hắn bày ra trò đào tẩu này. Hắn giết hai ông thầy Nhật bằng một cái gậy bóng chày. Các ông thầy biết trong trại đang có chuyện lôi thôi nên sẽ không phát vũ khí cho đám học viên ngoại trừ trường hợp tối khẩn. Nhưng họ quên mất mấy cây gậy bóng chày. Cả hai người đều bị đánh vỡ toác sọ. Có lẽ họ đã chết ngay tức khắc. Hai cú đánh không chệ vào đâu được. Cây gậy đó đây".

Viên trung úy ra lệnh cho trung sĩ đem cây gậy tới. Y chuyển cây gậy cho anh bác sĩ thú y. Anh này cầm lấy bằng hai tay, chìa nó ra trước mặt, kiểu như một đấu thủ đang bước vào vị trí đánh bóng. Đó chỉ là một cây gậy bình thường, được chế không khéo lắm, đầu tù, vân không đều. Tuy nhiên nó khá nặng và được dùng nhiều. Tay cầm đen nhem vì mồ hôi. Trông nó không có vẻ gì là một chiếc gậy vừa mới được dùng để giết hai mạng người. Sau khi cảm nhận sức nặng của cây gậy, viên bác sĩ đưa trả cho viên trung úy. Tay này cầm lấy, vụt vài cái nhẹ nhàng ra vẻ một tay chơi nhà nghề.

"Anh có chơi bóng chày không?", trung úy hỏi viên bác sĩ.

"Hồi còn nhỏ thôi."

"Giờ thì lớn quá rồi hay sao?"

"Không còn bóng chày bóng chiếc gì nữa", bác sĩ nói. Suýt nữa anh đã hỏi "Thế còn anh, trung úy?", nhưng kịp nuốt mấy chữ ấy lại.

"Tôi được lệnh đánh chết thằng này bằng chính cây gậy mà nó đã dùng", viên trung úy vừa nói bằng giọng khô khan vừa lấy đầu gậy chọc chọc xuống đất. "Ăn miếng trả miếng. Nói riêng giữa tôi với anh thôi nhé, tôi thấy cái lệnh này thật là thối. Đi giết mấy thằng nhóc này thì lợi lộc chớ gì? Chúng ta chẳng còn cái máy bay nào, tàu chiến cũng không, những đơn vị thiện chiến nhất đã đi tong cả. Mới mấy hôm trước một thứ bom đặc biệt nào đó vừa quét sạch cả thành phố Hiroshima trong có một giây. Hoặc chúng ta sẽ bị quét sạch khỏi Mãn Châu hoặc chúng ta sẽ bị giết cả lũ, rồi Trung Hoa lại thuộc về người Trung Hoa thôi. Chúng ta đã giết quá nhiều người Trung Hoa rồi, giết thêm vài mạng phỏng có khác gì. Nhưng lệnh là lệnh. Tôi là người lính và phải tuân lệnh. Hôm qua chúng tôi đã giết lũ hổ và báo, hôm nay chúng tôi phải giết mấy gã trai này. Thành thử hãy nhìn cho kỹ, bác sĩ ạ. Đây là một cách chết khác dành cho con người. Anh là bác

sĩ, chắc anh đã quen với dao kéo, máu me, gan ruột, nhưng chắc hẳn anh chưa từng thấy ai bị đánh đến chết bằng cây gậy bóng chày."

Viên trung úy ra lệnh cho tay trung sĩ dẫn gã số 4, tay đánh chính, đến cạnh mép hồ. Một lần nữa người ta trói quặt tay anh ta sau lưng, bịt mắt rồi buộc anh ta quỳ xuống đất. Anh ta là một gã trai cao lớn, vạm vỡ, hai cánh tay đồ sộ to cỡ bắp đùi người thường. Viên trung úy gọi một tay lính trẻ tới, đưa cho cậu ta cây gậy. "Giết nó bằng cái này", y nói. Tay lính trẻ đứng nghiêm chào trước khi nhận cây gậy, nhưng sau khi đã cầm nó trên tay, hẳn vẫn đứng đực ra như hóa đá. Dường như hẳn không thể hình dung nổi cái khái niệm đánh chết một người Trung Hoa bằng một cây gậy bóng chày.

"Cậu đã bao giờ chơi bóng chày chưa?", viên trung úy hỏi tay lính.

"Thưa ngài, chưa bao giờ", tay lính đáp rõ to. Cả ngôi làng ở Hokkaido nơi hẳn chào đời lẫn ngôi làng ở Mãn Châu nơi hẳn lớn lên, nghèo rớt mồng tơi đến nỗi cả bên này lẫn bên kia, chẳng gia đình nào đủ tiền để đựng tới những thứ xa xỉ như bóng chày hay gậy bóng chày. Suốt thời niên thiếu y chạy tung tăng ngoài những cánh đồng, bắt chuồn chuồn và chơi trò đánh kiếm gậy với chúng bạn. Cả đời hẳn chưa hề chơi bóng chày, thậm chí chưa hề xem một trận bóng chày. Đây là lần đầu tiên y cầm một cây gậy bóng chày.

Viên trung úy liền chỉ cho hẳn cách cầm gậy, dạy cho hẳn những điếm cơ bản về cách dùng gậy đánh, rồi tự mình thị phạm mấy lần. "Hiểu chưa? Quan trọng là hai bên hông", y lườm bàu qua hai hàm răng nghiến chặt. "Lùi lại lấy thế, rồi xoay người từ thắt lưng trở xuống. Đầu gậy sẽ tự động di chuyển theo. Hiểu chưa? Nếu tập trung quá nhiều vào việc vung gậy thì toàn bộ lực của cậu sẽ dồn vào hai tay, cú đánh sẽ mất uy lực. Phải vận người từ dưới hông."

Tên lính xem ra không hiểu lắm những gì trung úy nói, nhưng hẳn vẫn nhắc cái dụng cụ nặng trĩu của hẳn lên theo lệnh và vụt qua vụt lại một hồi để tập. Ai nấy đều quan sát hẳn. Viên trung úy đặt tay lên tay hẳn để giúp hẳn điều chỉnh tư thế cầm gậy. Y là một giáo viên cừ. Chẳng mấy chốc, cú đánh của tên lính, tuy còn đôi chút vụng về, đã vung lên mạnh mẽ trong không trung. Kỹ thuật thì tên lính còn thiếu, bù lại y có sức lực cơ bắp nhờ đã quen công việc đồng áng.

"Được rồi", viên trung úy vừa nói vừa lấy mu bàn tay lau mồ hôi rịn ra trên lông mày. "Giờ làm đi, giờ cố vụt một cái duy nhất cho ra trò. Đừng để nó đau đốn."

Thật ra điều y muốn nói là: "Tao cũng chẳng muốn làm việc này hơn gì mày. Ai đời lại nghĩ ra một trò ngu xuẩn như vậy cơ chứ? Giết người bằng gậy bóng chày...". Nhưng một sĩ quan không bao giờ có thể nói như vậy với một người lính.

Tên lính bước lại phía sau người Trung Hoa bị bịt mắt đang quỳ trên mặt đất. Khi tên lính nâng gậy lên, những tia nắng chói của mặt trời đang lặn hắt cái bóng

dài, bè bè của cây gậy lên mặt đất. Thật là gở, viên bác sĩ thú y nghĩ. Viên trung úy nói đúng: ta chưa bao giờ thấy một người bị giết bằng gậy bóng chày. Tên lính giữ cây gậy ở trên không một hồi lâu. Viên bác sĩ thấy đầu gậy run run.

Viên trung úy gật đầu với tay lính. Gã này hít một hơi dài, lùi lại lấy thế rồi lấy hết sức bình sinh quật cây gậy vào phía sau đầu tay học viên sĩ quan Trung Hoa. Hấn làm việc đó cừ một cách lạ lùng. Hấn xoay hông đúng hết như viên trung úy đã dạy, nhãn hiệu của cây gậy giáng thẳng vào phía sau tai gã trai, cây gậy theo sau chính xác không chệ vào đâu được. Có một âm thanh nứt gãy đùng đục, ấy là hộp sọ bị vỡ. Bản thân gã trai không kêu một tiếng. Thân hình y treo trên không một hồi trong một tư thế kỳ lạ rồi đổ vật về phía trước. Y nằm úp má xuống đất, máu tuôn ra từ một bên tai. Y không cựa cựa. Viên trung úy nhìn đồng hồ. Tên lính trẻ vẫn nắm chặt cây gậy bóng chày, nhìn trân trối vào khoảng không, miệng há hốc.

Viên trung úy là người làm bất cứ việc gì cũng chi li cẩn trọng. Y đợi hấn một phút. Khi đã tin chắc là gã trai Trung Hoa kia hoàn toàn không động đậy, y bèn bảo viên bác sĩ thú y: "Anh làm ơn kiểm tra xem hấn đã chết hấn chưa?"

Viên bác sĩ gật đầu, đi lại phía gã trai Trung Hoa đang nằm, quỳ xuống gỡ dải băng bịt mắt y. Mắt người đàn ông mở to, con ngươi trợn ngược, máu đỏ tươi từ trong tai túa ra. Miệng y hé mở để lộ cái lưỡi cong vẹo bên trong. Cú đánh làm cho cổ của y vẹo nghiêng thành một góc kỳ lạ. Lỗ mũi y thốc ra từng bùm máu đặc, làm thành những vết ố đen sịt trên mặt đất khô. Một con ruồi đặc biệt nhảy - và đặc biệt lớn - đã bay vù vù về phía một trong hai lỗ mũi để đẻ trứng. Viên bác sĩ cầm lấy cổ tay y để bắt mạch, chỉ để cho chắc. Mạch không còn, dĩ nhiên là không còn mạch ở chỗ lẽ ra phải có. Tên lính trẻ đã kết liễu cuộc đời gã đàn ông sức tà Hạng Võ này bằng một cú gậy bóng chày duy nhất, cú đánh đầu tiên bằng gậy bóng chày trong đời hấn. Viên bác sĩ thú y nhìn viên trung úy gật đầu, ra hiệu rằng gã đàn ông quả thật đã chết, chẳng nghi ngờ gì nữa. Làm xong nhiệm vụ, anh bắt đầu chậm chậm đứng lên khi cảm thấy mặt trời chiếu sau lưng anh đột nhiên trở nên chói gắt hơn.

Đúng lúc đó, gã cầu thủ bóng chày người Trung Hoa trẻ tuổi mang số 4 ngồi dậy như thể vừa mới tỉnh giấc. Không một chút hồ nghi hoặc phân vân - hay có lẽ những người có mặt chỉ cảm thấy như vậy? - y túm lấy cổ tay viên bác sĩ. Mọi chuyện xảy ra trong có một giây. Viên bác sĩ không hiểu nổi; gã này đã chết, anh tin chắc điều đó. Thế mà lúc này, nhờ một giọt sức sống cuối cùng dường như vọt lên chẳng biết từ đâu, gã đàn ông đang siết cổ tay viên bác sĩ bằng sức mạnh của một cái kim thép. Mí mắt căng hết cỡ, con ngươi vẫn lộn ngược lên trên, gã trai trẻ ngã chúi xuống hố kéo theo viên bác sĩ. Viên bác sĩ ngã xuống bên trên y và nghe rõ tiếng xương sườn của y gãy răng rắc khi khối nặng thân thể y chạm đất. Thế mà gã cầu thủ bóng chày người Trung Hoa vẫn tiếp tục siết cổ tay anh.

Những người lính thấy toàn bộ cảnh đó, nhưng họ sững sốt đến nỗi không làm được gì khác ngoài đứng nhìn. Viên trung úy trấn tĩnh trước tiên và nhảy xuống hố. Y rút súng lục ra khỏi vỏ, chĩa họng súng vào đầu gã Trung Hoa, bóp cò ba lần. Hai tiếng rắc sắc lạnh, lẫn vào nhau vang lên, và một cái lỗ lớn màu đen mở hoác ra nơi thái dương gã đàn ông. Giờ thì sự sống của y đã tắt hẳn, thế nhưng y vẫn chưa chịu buông cổ tay viên bác sĩ. Viên trung úy quỳ xuống, một tay cầm súng, tay kia bắt đầu khó nhọc gỡ dần từng ngón tay của cái xác chết. Viên bác sĩ nằm trong hố, xung quanh là tám xác chết Trung Hoa nằm lặng mặc đồng phục bóng chày. Dưới đáy hố, tiếng kêu rạn rạn của ve sầu nghe rất khác với ở trên mặt đất.

Sau khi viên bác sĩ thú y đã thoát khỏi bàn tay siết của người chết, bọn lính kéo anh và viên trung úy lên khỏi cái huyết. Viên bác sĩ ngồi bệt xuống cỏ, thở máy hơi thật sâu. Rồi anh nhìn cổ tay mình. Những ngón tay của gã trai để lại năm cái dấu đỏ lựng. Đang giữa buổi chiều tháng Tám nồng nực mà viên bác sĩ cảm thấy lạnh thấu ruột thấu gan. Ta sẽ không bao giờ rũ được cái lạnh này nữa, anh nghĩ. Gã đàn ông đó quả thật đã ra sức lôi ta theo tới bất cứ chốn nào y tới.

Viên trung úy cài lại khóa an toàn rồi cẩn thận đút súng lục vào bao. Đây là lần đầu tiên y nã súng lục vào một con người. Nhưng y cố không nghĩ về điều đó. Chiến tranh sẽ còn tiếp diễn ít nhất là một thời gian nữa, người ta sẽ tiếp tục chết nữa. Chuyện nghiền ngẫm sâu xa này nọ, y có thể để dành về sau. Y chùi lòng bàn tay mướt mồ hôi vào quần, rồi ra lệnh cho những tên lính ban nãy không tham gia hành hình lấp hố lại. Một bầy ruồi kéch xù đã đến để săn sóc đồng xác chết.

Tay lính trẻ vẫn đứng trơ ra đó, như hóa đá, tay nắm chặt cây gậy bóng chày. Dường như hẳn không thể nào buông tay ra. Viên trung úy và trung sĩ để hẳn đứng một mình. Có vẻ như hẳn đã quan sát toàn bộ chuỗi sự kiện quái đản kia - gã Trung Hoa "đã chết" bất ngờ chộp cổ tay viên bác sĩ thú y, cả hai ngã xuống cái huyết, viên trung úy nhảy vào kết liễu đời gã Trung Hoa, còn bây giờ đám lính đang lấp hố lại. Nhưng kỳ thực hẳn chẳng quan sát bất cứ cái gì. Hẳn lắng nghe một con chim trên cây ở đâu đó đang kêu "chích! chích!" như thể đang vắn một sợi dây thiều. Tên lính ngược lên, cố định vị xem tiếng kêu phát ra từ hướng nào, nhưng không thấy tăm hơi nào của con chim vắn dây thiều. Hẳn thấy hơi buồn nôn trong cổ họng.

Trong khi nghe tiếng vắn dây thiều, tên lính trẻ nhìn thấy những hình ảnh theo nhau rời rạc hiện lên rồi mờ đi trước mắt hẳn. Sau khi quân Nhật bị quân đội Xô viết tước vũ khí, tay trung úy sẽ bị bàn giao cho người Trung Hoa, y sẽ bị treo cổ vì trách nhiệm của y trong những cuộc hành hình này. Viên trung sĩ sẽ chết vì bệnh dịch hạch tại một trại tập trung ở Siberia; hẳn sẽ bị ném vào một lều cách ly rồi bỏ mặc đó đến chết, mặc dù trên thực tế hẳn chỉ gục ngã vì thiếu ăn và không

hề mắc bệnh dịch hạch, ít nhất là không mắc bệnh trước khi bị ném vào lều cách ly. Viên bác sĩ thú y sẽ chết vì tai nạn một năm sau: là thường dân, anh ta sẽ bị người Liên Xô mang đi để phục vụ quân đội và sẽ làm việc nặng nhọc ở một trại tập trung Siberia khác; anh ta đang làm việc ở một tầng sâu trong một mỏ than ở Siberia thì một trận lũ sẽ cuốn phăng anh ta cùng với nhiều người lính. Còn mình, tên lính trẻ nghĩ, tay nắm chặt chiếc gậy bóng chày - nhưng hẳn không thể nhìn thấy tương lai của chính mình. Thậm chí hẳn không thể nhìn thấy những sự kiện đang xảy ra ngay trước mắt. Hẳn nhắm mắt lại lắng nghe tiếng kêu của con chim vượn dây thiều.

Thế rồi, bất chợt, hẳn nghĩ tới đại dương - cái đại dương mà hẳn nhìn thấy từ trên boong con tàu đã đưa hẳn từ Nhật sang Mãn Châu tám năm về trước. Cho tới khi đó hẳn chưa hề nhìn thấy đại dương, từ đó đến giờ cũng không một lần thấy lại. Hẳn vẫn còn nhớ rõ mùi không khí mằn mặn. Đại dương là một trong những điều kỳ diệu nhất hẳn từng thấy trong đời - lớn lao và sâu thẳm hơn bất cứ cái gì hẳn từng hình dung. Nó thay đổi màu sắc, hình dạng và sắc thái tùy theo thời điểm, nơi chốn và thời tiết. Nó làm dậy lên một nỗi buồn sâu sắc trong lòng hẳn, đồng thời lại mang đến cho lòng hẳn sự bình an khuây khỏa. Liệu có bao giờ hẳn thấy lại biển nữa không? Hẳn nói lỏng tay buông chiếc gậy bóng chày xuống đất. Cây gậy chạm đất vang lên một tiếng khô khốc. Sau khi cây gậy rời khỏi tay, hẳn thấy buồn nôn hơn một chút.

Con chim vượn dây thiều vẫn tiếp tục kêu, nhưng không ai khác nghe thấy tiếng kêu của nó.

Trần Tiến Cao Đăng dịch từ bản tiếng Anh của Jay Rubin

Chú thích:

1 Nguyên văn: cleanup batter. Trong môn bóng chày, đây là cầu thủ đánh bóng thứ tư, thường dành cho những người rất khỏe mạnh, vì đòi hỏi phải vừa đánh bóng mạnh vừa chạy nhanh.

Đại nhạc hội sư tử biển

Murakami, Haruki

Khi con sư tử biển bước vào căn hộ của tôi thì tôi đang phì phà thuốc lá sau bữa ăn trưa nhẹ nhàng. Nghe thấy tiếng gõ cửa, tôi ra mở. Trước mặt tôi là một chú sư tử biển. Thật sự là chú này chẳng có gì đặc biệt. Chỉ là một chú sư tử biển bình thường thôi. Tôi muốn nói là chú này không có đeo kính mát, không mặc áo veston, áo gilê hay quần Brooks Brothers gì cả. Kỳ thực trông chú có kiểu cách xưa và phong thái rất Trung Hoa.

“Xin chào. Rất vui được gặp ông”, chú sư tử biển nói. “Tôi chắc là mình không làm phiền ông. Ông rảnh chứ ạ?”

“Tốt thôi. Tôi cũng không bận lắm”, tôi trả lời, hơi bối rối.

Sư tử biển là những con vật khá vô hại. Chúng không hung tợn và chẳng đáng sợ tí nào. Bởi thế chẳng có gì phải lo lắng cho dù một chú sư tử biển xuất hiện trước cửa nhà bạn. Và chú sư tử biển này cũng chẳng phải ngoại lệ.

Nhưng hiểu rõ điều đó thì tôi càng bối rối hơn.

“Tôi rất vui nếu như ông dành cho tôi khoảng mười phút thôi”. Theo thói quen, tôi liếc nhìn đồng hồ. Nhưng điều này là không cần thiết. Tôi rảnh rỗi mà.

“Nhưng chắc là cũng không nhiều đến thế đâu”, chú sư tử biển nói thêm vào, gần như đọc được suy nghĩ của tôi vậy. Không nghĩ gì thêm nữa, tôi mời chú ta vào nhà. Thậm chí còn mời chú ta dùng một ly trà lúa mạch.

“Không nên thế. Không cần phải phiền phức đến thế đâu”, chú ta làm một hơi hết nửa ly trà rồi rút trong túi áo vét một điều thuốc, dùng chiếc hộp quẹt của chú ta mà châm lửa.

“Trời vẫn còn khá nóng nực đấy nhỉ?”

“Chắc là thế rồi”.

“Nhưng tối và sáng sớm thì cũng dễ chịu phải không?”

“Ồ, dù gì cũng đã tháng chín rồi”.

“Này. Trận đấu bóng chày khối trung học đã kết thúc rồi đấy. Đội Cựu Nhân 1 suýt nữa đã đoạt chức vô địch. Chẳng có gì nhiều đáng để ta quan tâm phải không?”

Mùa hè sắp qua rồi nhỉ”.

“Tôi cho là chú nói đúng”.

Chú sư tử biển gật đầu đồng ý rồi nhìn quanh căn nhà tôi. “Thứ lỗi cho sự tò mò của tôi nhưng ông sống một mình thôi à?”

“Không. Với vợ tôi chứ. Nhưng giờ cô ấy đang đi du lịch”.

“Thật vậy à? Đi nghỉ riêng một mình nghe cũng thú vị đấy chứ”. Và chú sư tử biển cười giễu cợt, gật gù ra vẻ hiểu biết.

Đây hoàn toàn là lỗi của tôi và tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tôi không quan tâm anh có thể say đến cỡ nào ở một quán bar khu Shinjuku, nhưng anh không bao giờ nên đưa danh thiếp cho một con sư tử biển ngồi ghé bên cạnh. Tôi nghĩ điều này ai cũng biết. Tôi còn nói gì khác được nữa, nhưng bởi tôi là người biết nghĩ suy, nên tôi đã đưa danh thiếp cho chú sư tử biển. Tôi không còn cách nào khác. Đó là điều tôi phải làm. Và chú ta đã cầm lấy danh thiếp.

Những hiểu lầm gây ra những vấn đề tai hại. Không phải tôi không thích sư tử biển. Chẳng có điểm nào để tôi phải ghét chúng cả. Phải thừa nhận rằng tôi sẽ ứa nước mắt khóc nếu một ngày kia em gái tôi tuyên bố sẽ cưới một con sư tử biển. Cứ cho là họ yêu nhau thì tôi cũng sẽ chẳng phản đối dữ dội gì một đám cưới như vậy đâu. Bởi chuyện người ta yêu một con sư tử biển cũng có thể xảy ra chứ.

Tuy nhiên, việc đưa danh thiếp cho một con sư tử biển thật sự là một chuyện rắc rối kiểu hoàn toàn khác. Quý vị biết đó, sư tử biển là biểu tượng cho đại dương bao la. A là biểu tượng cho B và B sẽ là biểu tượng cho C. Rồi C sẽ là biểu tượng cho cả A và B. Những con sư tử biển kiến tạo cộng đồng của mình theo cấu trúc hình kim tự tháp. Có lẽ nó chứa đựng một mối nguy cơ rủi ro cao về hỗn loạn mất trật tự. Điều cốt lõi của tháp này là cái danh thiếp. Điều đó giải thích tại sao mà những chú sư tử biển luôn mang theo cả xấp danh thiếp trong cặp mình. Đối với sư tử biển thì những tấm danh thiếp đó đại diện cho chỗ đứng của nó trong cộng đồng. Nó cũng giống như mấy chú chim lặn tìm chuỗi hạt vậy.

“Tôi tin là vài ngày trước, một hội viên của tôi đã nhận được danh thiếp của ông”.

“Thật vậy ư?”. Tôi giả vờ không biết chú ta nói gì. “Tôi đã uống khá nhiều nên thật sự tôi không nhớ rõ lắm”.

“Nhưng người bạn tôi lại rất vui mừng”.

Tôi uống trà, giả vờ lịch sự quan tâm.

“Một lần nữa, thành thật xin lỗi vì đường đột không báo trước, nhưng tôi muốn có một dịp đến thăm ông. Và cũng bởi vì tôi có tấm danh thiếp này...”.

“Chú muốn điều gì ở tôi?”

“Chỉ là một việc nhỏ thôi mà. Chúng tôi chỉ cần vài sự giúp đỡ tượng trưng thôi, thưa thầy”. Hình như mấy con vật tên gọi là sư tử biển xem con người như những “bậc thầy”.

“Giúp đỡ tượng trưng à?”

“Ồ, xin lỗi”. Chú ta lục tìm trong cặp, lấy ra một tấm danh thiếp và đưa cho tôi. “Chắc nó sẽ giúp ông hiểu được vấn đề”.

“Chủ tịch Ủy ban điều hành Đại nhạc hội sư tử biển”. Tôi đọc trên tấm danh thiếp.

“Tôi tin là ông có nghe nói đến tổ chức của chúng tôi”.

“À, thật sự là tôi không biết”, tôi nói. “Có lẽ tôi đã nghe phong thanh vài điều về tổ chức này”.

“Đối với loài sư tử biển chúng tôi, đại nhạc hội là sự kiện vô cùng quan trọng, đầy ý nghĩa tượng trưng. Nhưng sự kiện này cũng ích lợi cho phần còn lại của thế giới”.

“Hừm”.

“Ngay khoảnh khắc này, sự hiện hữu của chúng ta rất mong manh chông chênh, bên lề. Nhưng vào thời điểm này...”. Đột nhiên chú ta ngừng lời và dập tắt điếu thuốc vào chiếc gạt tàn. “Thế giới này bao gồm nhiều nhân tố khác biệt nhau. Loài sư tử biển chúng tôi gánh vác trách nhiệm về nhân tố tinh thần”.

“Xin lỗi, nhưng thật sự tôi không thích thú gì lắm với kiểu nói chuyện thế này...”

“Chúng tôi nhắm đến sự hồi sinh loài sư tử biển. Để đạt được điều này, cần phải có một cuộc hồi sinh tương ứng trên toàn thế giới. Trong quá khứ, những lễ hội của chúng tôi luôn từ chối sự tham dự của con người bởi đầu óc hẹp hòi của chúng tôi. Nhưng ngày nay, lời nhắn nhủ của chúng tôi đến thế giới sẽ là: chúng tôi đã thay đổi lễ hội của mình từ căn đế. Chúng tôi hy vọng rằng lễ hội của chúng tôi sẽ là một bàn đạp nhằm đạt đến một cuộc hồi sinh như thế. Đó là lời nhắn gửi của chúng tôi đến thế giới”.

“Tôi chắc là mình theo dõi được những điều chú nói”.

“Cho đến bây giờ chúng tôi vẫn luôn xem những lễ hội của mình chỉ đơn thuần là lễ hội giản đơn. Dĩ nhiên, đó là những cảnh tượng hào hứng và đẹp đẽ. Nhưng loài sư tử biển chúng tôi tin rằng cuộc sống chính là sự dọn mình 2 cho lễ hội bởi vì lễ hội giúp chúng tôi nhận thức được chân tính của bản sắc loài sư tử biển. Những lễ hội xác nhận bản sắc của chúng tôi - bản sắc sư tử biển, có thể nói vậy. Sự tự khám phá được thủ đắc trong chuỗi hành động tiếp diễn như thế. Tự khám phá chính là cực điểm của hành động cuối cùng”.

“Xác nhận điều gì vậy?”

“Sự chứng nghiệm cao quý”.

Tôi cứ gục gặc đầu cho dù không hiểu chú sư tử biển đang làm nhằm cái gì. Chúng toàn nói chuyện kiểu như vậy thôi. Chúng cứ nghĩ gì nói nấy. Tôi thường chỉ im lặng, để mặc chúng trút cho hết bầu tâm sự. Khi chú sư tử biển kết thúc bài nói chuyện, đồng hồ đã chỉ quá 2 giờ rưỡi và tôi mệt đến chết được.

“Đó là tất cả những điều tôi muốn nói”, chú sư tử biển nói và bình tĩnh uống cạn chén trà. “Ông có hiểu được căn bản những điều tôi nói không?”

“Chú đang kiểm tiền viện trợ 3 đây à?”

“Không, không, chúng tôi chỉ tìm kiếm sự trợ giúp tinh thần”, chú sư tử biển đính chính.

Tôi lục trong ví và lấy ra hai tờ một ngàn yên đặt trước mặt chú ta. “Xin lỗi, tuy chẳng nhiều nhận gì, nhưng ngày mai tôi phải trả tiền bảo hiểm và thanh toán tiền đặt mua báo nữa”.

“Cám ơn ông nhiều. Ông biết đấy, góp gió thành bão mà. Chính suy nghĩ mới là đáng kể”, chú sư tử biển vừa nói vừa xua tay bỏ qua cho tôi.

Chú sư tử biển để lại một quyển sách mỏng nhan đề “Báo cáo của loài sư tử biển” và một cái nhãn mác có in “Có phải loài sư tử biển là ẩn dụ?”. Tôi nghĩ mãi không ra chỗ thích hợp để dán cái nhãn mác này, cho đến khi tôi sực nhớ tới chiếc xe Selica đậu trái phép ở nhà bên. Tôi dán chắc cái nhãn mác này vào chính giữa kính chắn gió của chiếc Selica. Nó giống như những miếng nhãn có keo dính phía sau và muốn gỡ bỏ nó chắc sẽ chẳng dễ dàng gì.

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Kiki
Trần Tiền Cao Đăng hiệu đính

Chú thích của dịch giả:

1 Tạm dịch “Giants” là “Cự Nhân”.

2 Chúng tôi xin dịch “preparation” thành “dọn mình”, thay vì “chuẩn bị, sửa soạn” cho đúng hơn tinh thần hài hước của câu chuyện.

3 Xin dịch “handout” là “tiền viện trợ” thay vì “tiền bố thí”.

Những bóng ma vùng Lexington [1/2]

Murakami, Haruki

Thực ra những chuyện này đã xảy ra nhiều năm về trước. Bởi vì những hoàn cảnh nào đó mà tôi phải thay đổi tên nhân vật, còn lại những chuyện khác là hoàn toàn có thật.

Tôi đã sống ở Cambridge, Massachusetts khoảng hai năm. Vào thời gian đó, tôi quen biết một tay kiến trúc sư. Ông ta điển trai, trạc ngoài năm mươi, tóc một nửa đã bạc trắng. Không to cao lắm nhưng ông rất thích bơi lội. Hầu như ngày nào ông cũng bơi nên có một hình thể khá hấp dẫn. Đôi khi ông cũng chơi tennis. Còn về tên tuổi, chúng ta cứ tạm gọi ông là Casey. Ông ta độc thân, sống ở một căn biệt thự cũ kỹ vùng Lexington, ngoại ô Boston cùng với một tay chỉnh dây đàn piano có gương mặt vàng vọt và vô cùng trầm lặng. Tên tay này là Jeremy. Anh ta khoảng ba mươi lăm, cao và mảnh dẻ như cây liễu, hơi bị hói đầu. Ngoài việc chỉnh dây đàn piano, tay này còn chơi piano khá hay.

Một vài truyện ngắn của tôi đã được dịch ra tiếng Anh và đăng trên các tạp chí. Casey đọc chúng và gửi một lá thư cho tôi qua nhà xuất bản.

“Tôi rất thích truyện ngắn của ông và tò mò muốn biết ông là người thế nào”, ông ta viết. Thường thì tôi không gặp những người gửi thư ái mộ tôi (bởi kinh nghiệm cho thấy những cuộc gặp gỡ đó chẳng bao giờ vui vẻ hay thú vị gì lắm). Nhưng lần này tôi cho rằng gặp cái tay Casey này có vẻ được đấy. Anh chàng viết thư khá thú vị, đầy óc hài hước. Tôi cũng có tính lạc quan người ta thường có khi sống ở nước ngoài. Chúng tôi sống khá gần nhau. Dù thế, tất cả những điều trên bất quá cũng chỉ là lý do phụ. Lý do chính mà tôi muốn gặp cái ông Casey là vì ông ta đang sở hữu một bộ sưu tập tuyệt vời những đĩa nhạc Jazz xưa.

“Dù có tìm khắp xứ này ông cũng chẳng bao giờ tìm ra một bộ sưu tập cá nhân nào hoàn hảo đến thế đâu. Tôi biết rằng ông rất thích nhạc jazz, hay ít nhất thì ông cũng quan tâm đến nó”. Ông ta viết thế. Đúng là như vậy. Chắc chắn là tôi quan tâm đến nhạc jazz rồi. Sau khi đọc thư của Casey, tôi muốn thấy tận mắt bộ sưu tập đĩa nhạc jazz đến mức không chịu nổi. Bộ sưu tập những đĩa nhạc jazz cổ đã gài bẫy tôi, khiến cho toàn bộ ý chí kháng cự lại đều tiêu tán, như thể một chú ngựa mê mẩn mùi hương của loài cây lạ.

Nhà Casey nằm ở vùng Lexington. Từ chỗ tôi đến đó mất khoảng nửa tiếng đi xe hơi. Khi tôi gọi điện, ông ta fax cho tôi một bản đồ chỉ đường chi tiết. Một buổi sáng, tôi lên chiếc xe Volkswagen màu xanh, một mình lái thẳng đến nhà ông ta. Tôi nhanh chóng tìm ra. Đó là một căn nhà ba tầng cũ kỹ to lớn. Chắc hẳn căn nhà đã có mặt nơi này ít nhất là hơn một trăm năm. Ngay cả ở Boston này, nơi những ngôi nhà lân cận đều mang dáng vẻ phô trương, đứng uy nghi san sát cạnh nhau và đều có lịch sử lâu đời, căn nhà tráng lệ này vẫn nổi bật lên hẳn. Một mình nó đã đủ cho một tấm bưu thiếp.

Khu vườn giống như cả một cánh rừng mênh mông, những con chim giẻ cùi xanh biếc chuyển từ cành này sang cành nọ, không ngừng cất tiếng hót cao vút, vui tươi. Có một chiếc xe BMW mới đậu nơi lối xe hơi. Khi tôi dừng xe bên cạnh chiếc BMW, một con chó rõ to đang ngủ trên tấm thảm chùi chân nơi hiên trước chậm chạp đứng dậy sủa hai ba tiếng một cách mẫn cán. Tiếng sủa của nó như có ý bảo “Thật ra tớ chẳng muốn sủa đâu, nên tớ chỉ sủa cầm chừng thế thôi”.

Casey bước ra bắt tay tôi. Cái bắt tay mạnh mẽ như để xác nhận một điều gì đó. Tay kia ông ta vỗ nhẹ vào vai tôi. Đó là một kiểu cách thường có ở ông ta. “Chào, tôi rất vui khi ông đến. Thật hân hạnh được quen biết ông”, ông ta nói. Ông mặc một cái áo sơ mi Italy màu trắng hợp thời trang, cúc cài lên tận cổ, một cái áo len casomia màu nâu sáng, và mặc một cái quần vải bông mềm. Ông còn đeo một cặp kính nhỏ kiểu Giorgio Armani. Tất cả đều toát lên vẻ lịch lãm.

Casey đưa tôi vào trong nhà, mời tôi ngồi xuống cái trường kỷ trong phòng khách và mang ra một bình cà phê ngon tuyệt mới vừa pha xong.

Casey không phải là người quá ngạo mạn. Ông được giáo dục tốt và được ăn học chu đáo. Thời trẻ đã từng đi du lịch vòng quanh thế giới nên Casey là người rất hay chuyện, khéo ăn khéo nói. Chúng tôi trở nên thân thiết, và tôi thường đến nhà Casey chơi mỗi tháng một lần. Ông chia sẻ với tôi niềm hạnh phúc có được bộ sưu tập đĩa nhạc jazz tuyệt vời đó. Khi ở nhà Casey tôi đã được thưởng thức những đĩa nhạc vô cùng quý hiếm và giá trị mà bình thường tôi chẳng bao giờ tìm ra. So với bộ sưu tập đó thì hệ thống âm thanh nổi không đến nổi tệ lắm, nhưng bộ ampli dùng đèn chân không lại tạo ra một làn âm thanh ấm áp và hoài cổ.

Casey dùng phòng đọc sách của mình làm văn phòng và đã lập kế hoạch đặt một cái máy vi tính lớn ở đó. Tuy thế, ông không nói cho tôi biết nhiều về công việc của ông. “Chẳng có gì quan trọng lắm đâu”, ông vừa nói vừa cười như để bào chữa. Tôi chẳng biết gì về những công trình kiến trúc mà Casey thiết kế. Ông dường như lúc nào cũng nhàn nhã. Ông Casey mà tôi biết lúc nào cũng ngồi trên cái trường kỷ trong phòng khách, nghiêng nghiêng ly rượu một cách tao nhã và đọc sách hay đóng tai nghe tiếng đàn piano của Jeremy. Hay có khi ông ngồi trên

chiếc ghế đặt trong vườn mà chơi với chú chó. Đó chỉ là cảm giác của tôi, nhưng tôi nghĩ công việc của ông không đến nỗi vất vả lắm.

Người cha quá cố của Casey là một nhà tâm lý học nổi danh toàn quốc, đã viết khoảng năm đến sáu quyển sách và tất cả đang trên đường trở thành kinh điển. Như bức thư của Casey cho biết, cha của ông cũng là một fan tận tụy của nhạc jazz, là bạn thân thiết của nhà sáng lập và sản xuất đĩa hát uy tín Bob Weinstock. Chính vì thế mà bộ sưu tập các đĩa nhựa vinyl nhạc jazz của ông ta thập niên 1940 đến 1960 toàn vẹn một cách đáng ngạc nhiên. Những thanh âm gợi cảm tuyệt vời và ta chẳng thể phàn nàn được gì về chất lượng tuyệt hảo của những đĩa hát. Hầu hết những đĩa hát này thuộc ấn bản đầu tiên và được giữ gìn trong điều kiện hoàn hảo. Cả những bao đĩa và những chiếc đĩa nhạc đều không có một vết dơ nào, dù là nhỏ nhất. Gần như là một điều huyền diệu vậy. Casey bảo quản chúng rất cẩn thận. Ông nâng niu từng đĩa nhạc trên tay như thể đang tắm cho một đứa bé sơ sinh vậy.

Casey không có anh chị em và mẹ ông mất khi ông còn trẻ. Cha của ông chẳng bao giờ tái hôn. Vì thế khi cha ông mất vì bệnh ung thư tuyến tụy mười lăm năm về trước, ông thừa hưởng toàn vẹn gia tài gồm căn nhà, các bất động sản khác và bộ sưu tập đĩa nhạc đó. Bởi Casey ngưỡng mộ cha mình hơn bất cứ ai khác và cũng rất yêu cha, ông không vất đi một đĩa nhạc nào mà giữ gìn toàn bộ rất cẩn thận. Casey cũng thích nghe nhạc jazz nhưng không phải là một fan cuồng nhiệt như cha ông. Thật ra thì ông thích nhạc cổ điển hơn. Mỗi dịp Osawa Seiji chỉ huy dàn nhạc giao hưởng Boston, ông và Jeremy chẳng bao giờ vắng mặt.

Sau khi tôi quen biết ông Casey chừng một năm, Casey nhờ tôi trông nhà trong lúc ông đi vắng. Chuyện này hiếm khi xảy ra, nhưng ông phải đi London khoảng một tuần vì công việc kinh doanh. Thường mỗi lần Casey đi công tác thì Jeremy trông nhà. Nhưng lần này vì mẹ của Jeremy đang sống ở miền Tây Virginia yếu người không được khoẻ nên Jeremy phải về nhà chăm sóc. Jeremy vừa đi, nên Casey gọi điện cho tôi.

“Xin lỗi phải nhờ ông làm việc này. Nhưng tôi chẳng biết nhờ ai khác nữa”, ông ta nói. “Nói trông nhà vậy thôi chứ ngoài việc cho con Miles (tên con chó của ông) ăn hai lần một ngày thì ông chẳng phải làm gì khác đâu. Ông có thể nghe bất cứ đĩa nhạc nào ông thích. Và cũng có rất nhiều đồ ăn thức uống nữa. Ông cứ dùng tự nhiên”.

Tôi thấy lời đề nghị đó cũng không đến nỗi tồi. Vì hoàn cảnh riêng mà cho lúc ấy tôi đang sống một mình trong một căn hộ ở Cambridge. Căn nhà kế bên đang trong giai đoạn sửa chữa nên ồn ào suốt ngày không chịu nổi. Tôi mang thêm vài bộ quần áo, áo mưa, vài quyển sách và đến nhà ông Casey vào đầu giờ chiều ngày Thứ sáu. Casey vừa mới thu dọn đồ đạc xong và chuẩn bị gọi taxi.

“Đi London vui vẻ nhé”, tôi nói.

“Vâng, dĩ nhiên rồi”, Casey cười. “Hãy tận hưởng căn nhà và mấy cái đĩa nhạc nhé. Nơi này cũng không tệ lắm đâu”.

Khi Casey đi khỏi, tôi xuống bếp pha một ly cà phê. Sau đó tôi đặt cái máy tính của mình trên chiếc bàn trong phòng nghe nhạc kế bên phòng khách, rồi vừa nghe vài đĩa nhạc mà cha của ông Casey để lại vừa làm việc khoảng một tiếng đồng hồ. Dường như tôi sẽ làm được rất nhiều việc trong tuần tới.

Cái bàn lớn màu gỗ gụ có ngăn kéo ở hai bên. Chắc nó đã có mặt ở đây từ thời xa xưa. Nó là vật cổ xưa nhất trong căn phòng. Bên cạnh những vật thuộc một thời đại khác, như cái máy tính tôi mang theo chẳng hạn, nó như thể nó đã nằm nguyên đó suốt một thời gian dài không thể tưởng tượng được. Sau khi cha mất, ông Casey không thêm một chút gì dù chỉ một con tem vào căn phòng đó. Như thể Casey xem nơi đó là một miếu thờ thiêng liêng hay như một nơi thánh tích vậy. Trong khi toàn bộ căn nhà phủ một lớp bụi thời gian thì riêng trong phòng nghe nhạc, dường như dòng thời gian mới ngừng lại ít phút đây thôi. Căn phòng được sắp đặt hoàn hảo. Không có lấy một mảy bụi nào bám trên những chiếc kệ, cái bàn được lau bóng lộn đến mức lấp lánh có thể soi gương.

Con Miles bước vào nằm dưới chân tôi. Tôi vuốt đầu nó vài cái. Nó là một con chó cô đơn kinh khủng và không thể chịu đựng được sự cô độc lâu hơn nữa. Người ta đã dạy cho nó biết cách ngủ ở một cái giường riêng trong xó bếp nhưng hầu hết thời gian nó cứ quanh quẩn bên chân ai đó, thân nhiên nép mình vào thân thể người ta.

Phòng khách và phòng nghe nhạc được ngăn cách nhau bởi một cánh cửa cao. Trong phòng khách có một cái lò sưởi lớn bằng gạch và một cái trường kỷ bằng da thuộc rất tiện lợi dành cho ba người. Có bốn cái ghế bành lạc điệu, không đồng bộ và ba bàn uống cà phê cũng có kiểu dáng riêng biệt. Một tấm thảm Ba Tư trải trên nền nhà, tuy màu mè nhưng cũng đã phần nào nhạt phai. Trên trần nhà đung đưa một chùm đèn treo cổ kính. Tôi bước vào, ngồi xuống trường kỷ và quan sát những thứ xung quanh. Chiếc đồng hồ treo trên lò sưởi tích tắc giờ phút nghe như ai đó đang đập vỡ cửa sổ bằng đầu ngón chân.

Những kệ sách cao lớn bằng gỗ đứng dựa vào tường, chất đầy sách nghệ thuật và đủ loại sách chuyên ngành. Ba bên tường treo hai bức tranh sơn dầu vẽ một bãi bờ nào xa lạ, cách treo tranh đầy ngẫu hứng. Cảnh vật đó gợi ra một ấn tượng vừa phải, chừng mực. Trong tranh không hề có bóng dáng con người mà chỉ có bãi biển trải dài đơn độc. Chúng cho ta cảm giác như nếu áp sát tai vào những bức tranh kia ta có thể nghe ra những cơn gió giá lạnh và những cơn sóng biển bạo tàn. Cả hai bức tranh đều trắng lệt, nhưng không có bức nào thật sự nổi bật. Hai bức tranh cùng thoang thoảng một làn hương nhẹ nhàng kiểu nước Mỹ xưa (1), nhưng vẫn mang cái vẻ xa cách của những nhà giàu thừa tự.

Cái kệ thứ hai dựa vào bức tường rộng của phòng nghe nhạc, và tất cả những đĩa nhạc cũ xưa được sắp xếp ngăn nắp theo thứ tự alphabet của người hay nhóm nhạc trình diễn. Ngay cả Casey cũng không biết chắc có khoảng bao nhiêu đĩa nhạc. Chắc khoảng chừng sáu hay bảy ngàn gì đó. Ông có lần nói vậy. Và cũng khoảng chừng ấy đĩa nữa được xếp trong những hộp giấy các tông chất trên gác mái. “Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu một ngày kia nơi này chìm xuống lòng đất chỉ bởi sức nặng của toàn bộ đồng đĩa hát xưa cũ này, giống như ngôi nhà của dòng họ Usher (2)”.

Tôi lấy một đĩa nhạc Lee Connitz 10’ đặt vào máy hát rồi ngồi vào bàn viết. Thời gian trôi lặng yên và dễ chịu. Tôi cảm thấy rất tuyệt như thể tôi vùi chôn mình vào tiếng quay tuyệt vời của đĩa hát. Thời gian trôi qua, tôi cảm thấy mình đã xây dựng và phát triển được mối quan hệ mật thiết với căn phòng này. Âm thanh vang vọng của âm nhạc xuyên thủng và lan tỏa vào mọi thứ đến từng ngõ ngách căn phòng, từng lỗ nhỏ li ti trên tường và đến cả những nếp gấp của màn cửa đang lay động.

Tối đó tôi đã khai một chai Montepulciano mà Casey dành riêng cho tôi. Tôi rót rượu vào một cái ly pha lê rồi ngồi trên trường kỷ, vừa đọc một quyển tiểu thuyết mới mua vừa uống vài cốc liền. Dù không kể đến lời giới thiệu của ông ta, tôi vẫn thấy rượu này thật tuyệt. Lấy trong tủ lạnh ra một miếng pho mát, tôi ăn với bánh bích quy. Bất cứ lúc nào, căn nhà cũng lặng như tờ. Ngoài tiếng tích tắc của đồng hồ như tôi đã nói ở trên thì đôi khi chỉ nghe thấy tiếng xe hơi đi ngang trước nhà. Con đường bên nhà chỉ là một ngõ cụt. Vì thế, chỉ những người láng giềng mới sử dụng nó thôi. Khi đêm xuống, hầu như không có bóng dáng vật gì trên đường. Đã quen với cuộc sống ở Cambridge, với những đám sinh viên hiếu động, giờ đây tôi thấy mình như đang ở đáy đại dương. Như thường lệ, khi đồng hồ điếm mười một giờ, tôi cảm thấy hơi mệt. Đặt quyển sách qua một bên, tôi cầm ly rượu xuống bếp để rửa và nói với Miles câu chúc ngủ ngon. Cuộn tròn người trên chiếc giường với vẻ nhẵn nhụi cam chịu, Miles gừ một tiếng nhẹ rồi nhắm mắt lại. Tôi tắt đèn và lên phòng ngủ ở tầng hai. Tôi thay bộ đồ ngủ và chẳng bao lâu sau đã chìm vào giấc ngủ say.

Tôi tỉnh giấc với một cảm giác trống rỗng không rõ hình dạng. Tôi chẳng biết mình đang ở đâu. Trong thoáng chốc, tôi mất cảm giác, như thể một cọng rau héo vậy. Cọng rau đã bị bỏ quên trong một cái tủ tối tăm suốt một thời gian dài. Phải mất một khoảng thời gian nữa, tôi mới nhớ ra được là mình đang trông nhà cho ông Casey. Trời ạ, tôi đang ở Lexington. Tôi sờ soạng tìm cái đồng đeo tay để dưới gối. Khi tôi ấn nút, thời gian hiện ra trong ánh sáng màu xanh. Bây giờ là một giờ mười lăm phút.

Tôi lặng yên ngồi dậy khỏi giường và với tay bật cái đèn nhỏ ở đầu giường. Phải mất cả phút tôi mới tìm thấy cái công tắc. Cái đèn hình hoa loa kèn được

làm từ thứ thủy tinh bóng loáng phát ra một quầng sáng màu vàng. Tôi dùng hai lòng bàn tay lau hai bên thái dương, thở mạnh và nhìn xung quanh căn phòng sáng sủa. Tôi xem xét từng bức tường, nhìn kỹ tấm thảm và ngược nhìn lên trần nhà. Thế rồi, như thu gom những hạt đậu nằm rải rác trên sàn, tôi tập trung thu gom lại ý thức tôi, từng mảnh một và xác lập trở lại sự quen thuộc với thực tại của thân thể mình. Dần dần tôi nhận ra một điều gì đó. Đó là tiếng vang của một âm thanh. Một tiếng âm nhỏ tựa như tiếng sóng vỗ bờ - thanh âm đó đã khuấy động và lôi tôi khỏi giấc ngủ say.

Có ai đó đang ở dưới nhà.

(Còn nữa)

Chú thích:

(1) Nguyên văn tiếng Anh: Tân Anh quốc, tức New England, vùng phía đông bắc của nước Mỹ, gồm các bang Maine, New Hampshire, Vermont, Massachusetts, Rhode Island và Connecticut.

(2) Ngôi nhà của dòng họ Usher (The House of Usher): truyện ngắn nổi tiếng của E. A. Poe, kể về ngôi nhà cùng với những nhân vật huyền bí của dòng họ Usher. Cuối truyện, ngôi nhà bị sét đánh, đổ nát trong nháy mắt và chìm xuống lòng đất vô tăm tích.

Những bóng ma vùng Lexington [2/2]

Murakami, Haruki

(tiếp theo phần 1)

Tôi nhón gót đi ra cửa và nín thở. Ngay lập tức, tôi nghe tiếng đập của trái tim mình. Không thể làm lẫn được. Ngoài tôi ra còn ai đó nữa ở trong căn nhà này. Và không chỉ là một hay hai người đâu. Âm thanh nghe văng vẳng mờ nhạt như tiếng nhạc. Tôi không hiểu tại sao. Từ nách tôi, mồ hôi lạnh bắt đầu chảy nhỏ giọt. Điều gì đã xảy ra trong khi tôi đang ngủ vậy?

Điều đầu tiên mà tôi chợt nghĩ ra được đó là một kiểu trò đùa tinh vi. Casey giả vờ đi London trong khi thực ra ông ta ở lại rồi tổ chức một buổi tiệc giữa đêm khuya chỉ để hù dọa tôi. Dù nghĩ thế nhưng tôi vẫn không tin Casey là loại người có thể làm một trò đùa ngây ngô con trẻ như vậy. Khiếu hài hước của ông ta tinh tế và tao nhã hơn nhiều.

Hay có lẽ - tôi nghĩ trong khi vẫn đứng dựa vào thành cửa - những người dưới nhà có quen biết với Casey mà tôi không hay biết. Họ biết là Casey đã đi công tác khỏi thành phố (nhưng không biết tôi đến trông nhà cho ông), rồi quyết định nghỉ ngơi ở đây trong khi Casey vắng mặt. Dù sao đi nữa, tôi cũng chắc chắn rằng đó không phải là bọn trộm. Bởi khi kẻ trộm đột nhập vào một căn nhà nào đó thì thường chúng không chơi nhạc lớn như thế.

Tôi thay bộ quần áo ngủ rồi vớ lấy cái quần mặc vào. Tôi đi giày và khoác thêm vào người một cái áo len cùng với áo somi. Nhưng tôi chỉ có một mình. Tôi muốn cầm theo vật gì đó trong tay. Nhìn quanh quần trong phòng, tôi chẳng thấy có vật gì thích hợp. Không có gậy đánh bóng chày hay que còi lửa. Trong phòng tôi chỉ thấy cái giường, cái bàn gương, cái kệ sách nhỏ, một bức tranh đặt trong khung.

Khi ra đến hành lang, tôi nghe rõ những tiếng ồn hơn. Từ cuối cầu thang, âm thanh một bản nhạc vui vẻ cổ xưa trôi lơ lửng vào hành lang như đám mây hơi nước. Giai điệu bài hát khá quen thuộc nhưng tôi không thể nào nhớ ra.

Tôi cũng nghe thấy những giọng nói. Bởi vì có nhiều giọng nói cùng cất tiếng hòa lẫn vào nhau nên tôi không thể đoán ra họ đang nói về chuyện gì. Thỉnh thoảng họ lại cất lên một tiếng cười lớn. Tiếng cười sáng khoái dễ chịu. Dường như người ta đang tổ chức tiệc tùng ở phòng dưới. Và qua những thanh âm vọng ra, ta biết buổi tiệc thành công tốt đẹp. Và như để điểm tô cho quang cảnh đó, tiếng chạm lanh canh giữa ly sâm banh và ly rượu vang cất lên vui vẻ. Tôi cũng chắc rằng có ai đó đang khiêu vũ. Tôi có thể nghe ra tiếng cót két nhịp nhàng của những đôi giày da gỗ trên sàn gỗ.

Tôi lên từ hành lang ra đến chỗ nghỉ của cầu thang. Nghiêng người tựa vào thành cầu thang, tôi nhìn xuống. Có ánh sáng từ cái cửa sổ cao thẳng đứng hắt ra, làm chỗ phòng đợi ngập trong một thứ ánh sáng kỳ dị, quái đản. Không có một bóng người. Những cánh cửa ngăn phòng khách với hành lang đóng chặt. Tôi biết là trước khi đi ngủ tôi đã để ngỏ những cánh cửa này. Tôi tuyệt đối chắc chắn điều đó. Chỉ có thể là ai đó đã đóng chúng lại khi tôi đã lên lầu đi ngủ.

Tôi hoàn toàn lúng túng chẳng biết làm gì. Có một cách quay trở lại giường ngủ ở tầng hai để ăn náu. Khoá trái cửa lại, trườn lên giường và... Xem xét vấn đề một cách bình tĩnh thì có vẻ đây là cách hành động khôn ngoan nhất. Nhưng lúc này khi đứng trên cầu thang, nghe tiếng nhạc vui tai và tiếng cười lớn như thế, tôi hơi bị sốc khi nhận ra thanh âm dần trở nên lắng dịu xuống như những gợn sóng trên mặt ao. Từ đó, tôi đoán ngờ ngợ rằng đây không phải là loại người bình thường.

Tôi thở một hơi dài và sâu rồi bước xuống cầu thang, tiến vào hành lang chính. Đế giày cao su của đôi giày thể thao rón rén đi từng bước trên sàn gỗ. Khi đến chỗ phòng đợi, tôi lập tức rẽ trái và tiến thẳng xuống bếp. Tôi bật đèn và lục tìm trong ngăn kéo một con dao phay chặt thịt to nặng. Ông Casey là người rất mê nấu nướng và có một bộ dao làm bếp đắt tiền của Đức. Lưỡi dao sáng quắc, không gợn vết nhơ ánh chiếu lên một vẻ khoái lạc và chân chính trong tay tôi.

Nhưng khi tôi thử hình dung ra cảnh tượng mình bước vào một bữa tiệc vui nhộn mà nắm chặt một con dao phay chặt thịt to tướng trên tay, tôi nhanh chóng

nhận ra đó là một ý tưởng tệ hại. Tôi mở vòi, rót một ly nước và trả lại con dao phay vào ngăn kéo.

Nhưng đợi đã, chuyện gì đã xảy ra với con chó vậy?

Lần đầu tiên, tôi nhận ra không thấy bóng dáng của con Miles đâu cả. Nó không còn nằm trên cái nệm đặt trên sàn. Miles đã đi đâu nhỉ? Không phải nhiệm vụ của nó là sửa gâu gâu khi có người đột nhập vào nhà giữa đêm khuya sao? Cúi người xuống, tôi thử sờ vào chỗ lõm xuống của tấm nệm mà Miles thường hay nằm, giờ đây đã phẳng phiu. Không còn một chút nào hơi ấm. Dường như Miles đã rời khỏi giường và đi đâu từ lâu lắm rồi vậy.

Tôi rời khỏi bếp, bước vào phòng đợi và ngồi xuống chiếc ghế dài ở đó. Tiếng nhạc và những câu chuyện vẫn tiếp tục không ngừng. Như những con sóng, chúng cồn lên từng chập rồi lại chìm vào yên tĩnh, nhưng không bao giờ ngừng lại hoàn toàn. Có bao nhiêu người trong đó? Ít nhất phải mười lăm người. Hay có lẽ nhiều hơn, khoảng hai mươi người gì đó. Dù sao đi nữa, dường như căn phòng khách lớn kia chứa đầy những người là người.

Tôi thoáng nghĩ không biết mình có nên đẩy cửa bước vào hay không. Đúng là một quyết định lạ lùng và khó khăn. Xét cho cùng thì tôi là người trông coi căn nhà này và quản lý nó là trách nhiệm của tôi cơ mà. Nhưng mặt khác, tôi cũng là vị khách không mời mà đến.

Tôi căng tai cố lắng nghe những mẩu đối thoại không mạch lạc vọng ra từ khe cửa nhưng không thể được. Chúng lẫn vào nhau thành một giọng đều đều đơn điệu khiến tôi không thể nào nhận ra từng giọng nói nào riêng biệt. Trong khi tôi nghe ngóng câu chuyện thì dường như có một một bức tường thạch cao chắn trước mặt tôi. Tôi thọc tay vào túi lấy ra một đồng hai mươi lăm xu và lơ đãng xoay nó trong tay. Sự cứng chắc của đồng tiền và cảnh hướng thực tế đã trả cho tôi cảm giác của mình. Thế rồi một điều gì đó bập vào tôi, như thể có ai đó dùng một cái chày bằng bông đánh vào đỉnh đầu tôi.

Họ là ma.

Đám người ngồi trong phòng khách, nghe nhạc và tán gẫu vui vẻ hoà nhã với nhau kia không phải là người thực. Áp lực không khí thay đổi giống như có một sự chuyển pha, và tai tôi kêu ong ong. Tôi cố nuốt vào nhưng không thể vì cổ họng tôi khô khốc. Tôi rút đồng xu vào túi và nhìn xung quanh. Tim tôi đập thình thịch.

Cho đến tận bây giờ tôi mới nhận ra điều kỳ quặc. Thật hoàn toàn lố bịch khi nghĩ rằng có ai đó đột nhập vào nhà và tổ chức đánh chén. Chắc chắn những tiếng xe đậu gần nhà và những bước chân nặng nề ở công trước căn nhà đã phải đánh thức tôi dậy. Và chắc chắn con Miles phải sửa chửa.

Nói tóm lại, đám người kia không có cách nào đột nhập vào căn nhà này được.

Tôi muốn con Miles ở kế bên tôi. Và tôi muốn đặt tay mình vào chiếc cổ Miles, ngửi mùi và cảm thấy ấm áp từ làn da nó. Nhưng nào thấy bóng dáng Miles đâu. Chỉ có mình tôi bước vào, ngồi xuống chiếc ghế dài trong phòng đợi như bị bỏ bùa mê. Tự nhiên tôi cảm thấy khiếp sợ. Nhưng còn hơn nỗi khiếp sợ một cái gì cụ thể. Nó là nỗi khiếp sợ sâu thẳm và huyền bí như sa mạc bao la.

Hít vài hơi thở sâu, tôi nạp khí đầy buồng phổi. Từng chút một, tôi bình tâm trở lại. Cảm giác như thể ai đó lật những lá bài ở sâu trong ý thức tôi.

Rồi tôi đứng dậy và như lúc nãy tôi rón rén bàn chân mò ra hành lang. Tôi trở lại phòng ngủ. Không kịp thay đồ tôi nhảy thẳng lên giường. Tiếng nhạc và cuộc trò chuyện vẫn nghe văng vẳng. Tôi chẳng thể nào ngủ được nên đành nằm đó chờ sáng. Vẫn để đèn, tôi tựa mình vào thành giường và nhìn trùng trùng lên trần nhà, cố nghe những thanh âm của bữa tiệc bất tận phía dưới. Cuối cùng, tôi cũng chìm vào giấc ngủ.

Khi tôi thức giấc vào sáng hôm sau, trời đổ mưa. Con mưa phùn yên lặng chỉ làm ướt đầm trái đất. Những chú chim giẻ cùi hót líu lo dưới hiên nhà. Kim đồng hồ chỉ gần chín giờ. Những cánh cửa ngăn phòng nghỉ và phòng khách lại mở toang ra như đêm qua tôi đã mở trước khi đi ngủ. Phòng khách vẫn ngăn nắp. Quyển sách tôi đang đọc vẫn để mở trên trường kỷ. Những mẫu bánh quy còn nằm rải rác trên bàn cà phê. Đúng như tôi dự đoán, hoàn toàn không có dấu vết gì của bữa tiệc tối qua. Miles nằm cuộn tròn nơi sàn bếp, ngủ ngon lành. Khi Miles thức dậy tôi cho nó ăn. Lắc lắc đôi tai, Miles ăn ngón ngấu với vẻ say mê. Như thể chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Bữa tiệc ma quái này diễn ra vào giữa đêm đầu tiên mà tôi ở nhà Casey. Sau đó thì chẳng có gì bất thường xảy ra nữa cả. Những đêm bí ẩn lặng yên nơi vùng Lexington này lại tiếp tục ngự trị. Không có gì xảy ra. Nhưng không biết vì lý do nào đó mà hầu như hằng đêm, tôi đều thức dậy vào lúc nửa đêm. Luôn luôn là khoảng từ một đến hai giờ sáng. Tôi đoán chắc đó chỉ là sự căng thẳng khi nghỉ đêm tại nhà người lạ. Hay đó lẽ đó là sự lo âu rằng bữa tiệc lạ lùng đó lại tái diễn.

Mỗi lần thức dậy như thế, tôi đều nín thở, vểnh tai nghe ngóng trong bóng đêm. Nhưng tuyệt không có một âm thanh nào. Đôi khi tôi chỉ nghe tiếng lá cây xào xạc trong vườn. Và lúc đó, tôi lại bước xuống cầu thang, vô nhà bếp uống một ly nước. Miles vẫn cuộn mình trên sàn nhà, và mỗi lần thấy tôi, Miles vui vẻ thức giấc, vẫy đuôi và dúi dúi cái đầu vào chân tôi.

Tôi dẫn Miles lên phòng khách, bật đèn và cẩn thận nhìn xung quanh. Dù thế, tôi chẳng cảm thấy gì cả. Chiếc trường kỷ và cái bàn uống cà phê vẫn yên vị tại chỗ. Những bức tranh sơn dầu lạnh giá vẽ bờ biển Tân Anh quốc vẫn nằm trên tường như mọi khi. Tôi ngồi nơi chiếc trường kỷ khoảng mười đến mười lăm phút chỉ để giết thời gian. Và khi không thể khám phá ra manh mối gì của những chuyện đã xảy ra, tôi nhắm mắt lại và tập trung tư tưởng. Nhưng tôi chẳng cảm

thấy gì. Chỉ đơn giản là tôi đang ở vùng ngoại thành trong một đêm yên tĩnh thanh bình. Tôi mở cửa sổ thông ra vườn và hít thở không khí mùa xuân đượm hương hoa. Những chiếc màn cửa lay nhẹ nhàng trong làn gió khuya và trong rừng có tiếng cú kêu.

Sau khoảng một tuần, khi Casey đi công tác London trở về, tôi quyết định không nói gì về chuyện xảy ra trong đêm đó, trong lúc này. Thực sự tôi không thể giải thích được tại sao. Tôi chỉ cảm thấy im lặng như thế thì tốt hơn. Thôi cứ như thế vậy.

“Sao, thế nào? Có chuyện gì xảy ra trong khi tôi vắng nhà không?”. Casey hỏi tôi khi tôi đang đứng nơi phòng nghỉ.

“Không, chẳng có gì đặc biệt đâu. Nơi này thật yên tĩnh và tôi làm được khá nhiều việc”. Đó hoàn toàn là sự thật.

“Tuyệt lắm”, Casey vừa nói vừa vui vẻ nhìn tôi. Rồi ông lôi từ trong túi xách một chai rượu uýtki Scotlen đắt tiền tặng tôi làm quà kỷ niệm. Chúng tôi bắt tay rồi chia tay nhau. Tôi lái chiếc Volkswagen trở về căn hộ của mình ở Cambridge.

Sau đó, tôi không gặp mặt Casey trong khoảng sáu tháng liền. Chúng tôi cũng có nói chuyện qua điện thoại một vài lần. Mẹ của Jeremy đã mất. Vì thế anh chàng chỉnh đàn piano trầm lặng đó đã quay về miền tây Virginia vĩnh viễn. Vào thời gian ấy, tôi sắp sửa viết xong một quyển tiểu thuyết dài, bởi vậy tôi không rời khỏi phòng để gặp ai và đi đâu cả trừ trường hợp thật cần thiết. Mỗi ngày tôi dành hơn mười hai tiếng đồng hồ ngồi ở bàn viết, thành thử chắc là tôi đã không hề đi đâu xa nhà hơn một kilômét.

Lần cuối cùng tôi gặp Casey là ở một quán cà phê gần bến nhà thuyền sông Charles. Tôi dạo bộ ra đó để gặp mặt Casey và uống cà phê với ông. Tôi không biết tại sao ông Casey này lại trông già đi nhiều so với dạo trước. Đến mức tôi hầu như không thể nhận ra được ông. Trông như Casey đã già đi mười tuổi. Mái đầu ngày càng bạc trắng, những quầng tối húp lên dưới hai mắt và mu bàn tay có nhiều nếp nhăn hơn. Tôi không thể ngờ con người này lại là Casey mà tôi biết dạo trước, một kẻ luôn luôn biết chăm sóc dáng vẻ của mình. Có lẽ Casey đang có tật bệnh gì chăng? Nhưng Casey không nói gì về chuyện đó nên tôi cũng không tiện hỏi thăm.

Chắc chắn Jeremy sẽ không bao giờ quay lại Lexington. Casey vừa nói với tôi bằng một giọng trầm lặng vừa nhẹ nhàng lúc lắc đầu từ trái qua phải. Đôi khi tôi có gọi điện về miền Tây Virginia nói chuyện với Jeremy một vài lần. Cứ sốc trước biến cố người mẹ mất đi dù sao cũng làm thay đổi con người anh ta. Jeremy nói như vậy. Không còn là Jeremy của những ngày xưa cũ. Bây giờ Jeremy toàn nói về những chùm sao tử vi. Và anh ta cứ nói về những câu chuyện chiêm tinh rủi ro từ đầu đến cuối. Chẳng hạn như hôm nay thì chòm sao nào chiếu và ta có thể làm được việc hay không hay phải tránh đi. Toàn những

chuyện như vậy. Khi còn ở Lexington này, chưa một lần nào Jeremy đề cập đến sao trời.

Tôi rất lấy làm tiếc. Tôi nói. Nhưng thực sự tôi không biết ông Casey này đang nói về ai và về cái quái gì.

"Khi mẹ tôi mất đi, tôi chỉ mới lên mười tuổi". Casey bắt đầu nói, mắt nhìn chăm chú ly cà phê.

"Bởi tôi không có anh chị em, nên khi mẹ tôi mất đi, chỉ có ba tôi và tôi bơ vơ trên cõi đời này. Mẹ tôi mất vì một tai nạn du thuyền vào đầu thu năm đó. Chúng tôi hoàn toàn không được chuẩn bị tâm lý cho cú sốc đột ngột đó. Mẹ tôi còn trẻ, lanh lợi và trẻ hơn ba tôi đến mười tuổi. Cả ba tôi và tôi đều không thể ngờ rằng một ngày kia mẹ tôi lại vĩnh biệt cõi đời. Vậy mà một ngày kia, bà đột ngột từ bỏ thế giới này. Đùng một cái. Như thể mẹ tôi tan biến vào không khí loãng. Bà thông minh, đẹp đẽ, ai ai cũng thích bà. Mẹ tôi thích đi dạo bộ, bà có những bước sải chân tuyệt vời, lưng thẳng băng, cái cằm mảnh dẻ hơi nhô ra một cách dịu dàng, hai tay đan chặt sau lưng. Bà bước đi với một dáng điệu vui tươi như thế. Và bà thường vừa đi vừa hát. Tôi thích cùng đi dạo bộ với bà, chỉ hai chúng tôi. Mỗi khi nghĩ về mẹ, tôi đều hình dung thấy bà đang đi trên bờ biển Newport, đắm mình trong ánh sáng rực rỡ một buổi sáng mùa hè. Những đường viền của chiếc váy dài mùa hạ dập dìu bay trong cơn gió nhẹ. Đó là một cái váy cotton vải in hoa. Quang cảnh ấy còn in sâu vào tâm trí tôi như một tấm ảnh chụp.

Mẹ tôi rất yêu quý cha tôi và cha tôi thì thương yêu mẹ tôi kinh khủng. Tôi nghĩ chắc công ba tôi yêu mẹ sâu thẳm hơn yêu tôi nhiều. Cha tôi là loại người như thế đấy. Ông yêu quý những thứ mà ông chiếm hữu được bằng chính đôi tay mình. Đối với ông, tôi là một cái gì đó hiển nhiên đạt được nhờ một chuỗi sự kiện. Nói như thế không có nghĩa là cha tôi không yêu tôi. Tôi là con một của ông. Nhưng cha tôi chẳng bao giờ yêu tôi nhiều như yêu mẹ tôi. Điều này tôi hiểu lắm. Cha tôi yêu mẹ hơn bất cứ ai khác trên đời này. Sau khi mẹ tôi mất, ông không bao giờ tái hôn nữa.

Sau đám tang của mẹ, cha tôi ngủ vùi triền miên ba tuần liền. Tôi nói không quá lời đâu. Đúng ba tuần đấy.

Đôi khi cha tôi lão đảo rời khỏi giường. Không nói một lời, ông chỉ uống nước và ăn một chút thức ăn. Trông ông giống như một kẻ mộng du hay một bóng ma. Và sau một thời gian ngắn nhất có thể dùng cho việc ăn uống, ông lại chìm vào giấc ngủ. Với cánh cửa chớp đóng kín và bầu không khí lạnh lẽo trong căn phòng tối tăm, ông ngủ như nàng công chúa bị bỏ bùa mê. Ông hầu như không cử động. Ông không hề cuộn người lại và dáng vẻ vẫn như thường lệ. Tôi cảm thấy lo lắng không yên nên hết lần này đến lần khác, tôi đến bên ông để xem

xét. Tôi sợ rằng ông sẽ đột tử trong giấc ngủ. Mỗi khi đến bên giường để phải nệm và đưa thức ăn cho ông, tôi đều quan sát kỹ gương mặt của cha tôi.

Nhưng cha tôi không chết. Ông chỉ ngủ say thoi, như một tảng đá vùi trong lòng đất. Tôi nghĩ chắc ông không mơ đâu. Trong căn phòng tăm tối và yên lặng, ta chỉ nghe ra được tiếng thở đều đều. Tôi chưa từng thấy một ai ngủ dài và sâu đến thế. Như thể ông đang du hành vào một thế giới nào khác. Tôi nhớ là lúc đó tôi vô cùng sợ hãi. Hoàn toàn đơn độc trong căn nhà to lớn, tôi như bị cả thế giới này bỏ rơi.

Mười lăm năm sau, khi cha tôi khuất núi, rõ ràng tôi buồn rầu vô hạn, nhưng tôi hoàn toàn không ngạc nhiên lắm. Cha tôi khi đã chết trông cũng chẳng khác nào như lúc ông chìm trong giấc ngủ sâu kia. Ông giống hệt như khi đó, tôi tự nhủ. Cảnh đó tôi đã nhìn thấy rồi. Và cái cảnh đó, choáng ngợp, như một cái gì sâu trong nội tại tôi, giờ đã quay trở lại. Sau ba mươi năm, tôi lại quay về quá khứ như khi nó mới xảy ra. Chỉ có điều lúc này tôi không còn nghe thấy tiếng thở của cha tôi.

Tôi yêu cha tôi. Tôi yêu ông hơn bất cứ ai khác trên cõi đời này. Tôi cũng kính trọng ông. Nhưng còn hơn thế, tôi gắn kết với ông mạnh mẽ, cả về cảm xúc cũng như về tinh thần. Tôi biết điều này có vẻ lạ lùng, nhưng sau khi cha tôi mất, tôi cũng lên giường ngủ triền miên nhiều ngày trời, hệt như cha tôi đã ngủ sau khi mẹ tôi qua đời. Như thể tôi đã kế thừa một lễ nghi đặc biệt nào đó trong huyết thống của tôi.

Có lẽ là suốt hai tuần liền, tôi đã ngủ, ngủ, ngủ suốt... Tôi ngủ cho đến khi thời gian rữa nát và tan biến vào hư vô. Dù ngủ nhiều như thế nào đi nữa, tôi cũng thấy không đủ. Vào thời gian đó, đối với tôi thế giới giấc ngủ là thế giới thực tại, còn thế giới hằng ngày ta đang sống chẳng gì khác hơn là một cõi tạm hão huyền. Đó là một thế giới nông cạn, trống rỗng sắc màu đời sống. Tôi nghĩ mình chẳng muốn sống thêm một tí nào nữa trong thế giới ấy. Dần dần tôi đã hiểu và hình dung ra được cảm giác của cha tôi như thế nào khi mất mẹ tôi. Ông có hiểu tôi nói gì không? Mọi vật cùng một lúc khoác một hình hài khác. Nếu không có những dáng hình mới đó, sự vật sẽ không thể tồn tại được.”

Casey im lặng trong thoáng chốc như đang suy nghĩ điều gì. Bây giờ là cuối thu, đôi khi tiếng những quả sồi rơi chạm đất tạo một âm vang vọng đến tai tôi.

“Tôi chỉ có thể nói một điều thôi”, Casey nói và ngẩng đầu lên, nụ cười kiêu cách quen thuộc nở trên môi. “Khi tôi chết đi sẽ chẳng có ai trên trần gian này ngủ một giấc dài và sâu để tiễn biệt tôi cả”.

Đôi khi tôi nghĩ về những bóng ma vùng Lexington, về tính cách họ, về số lượng họ mà tôi không bao giờ được biết, về bữa tiệc vui mà những bóng ma đó đã tổ chức trong phòng khách nơi căn nhà của Casey giữa đêm khuya. Tôi nghĩ về Casey và giấc ngủ dài sâu và đơn độc của ông như thể đang chuẩn bị dọn

mình cho cái chết trong phòng ngủ trên tầng hai có cửa đóng kín. Và tôi cũng nghĩ về cha của Casey. Tôi nghĩ về Miles, con chó cô độc, về bộ sưu tập đĩa hát nhạc jazz và Jeremy chơi nhạc Schubert. Rồi chiếc BMW màu xanh đậu trước cửa nhà. Tôi cảm thấy tất cả chúng như thể đã xảy ra từ lâu lơ lửng ở một nơi nào xa lắc xa lơ. Cho dù chúng mới xảy ra gần đây mà thôi.

Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn chưa kể cho ai nghe những chuyện này. Mỗi khi tôi gắng nghĩ về nó thì dù cho đây là câu chuyện thật sự kỳ lạ, nhưng có lẽ vì khoảng cách thời gian, nó dường như chẳng còn lạ lùng gì với tôi nữa.

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Chris Allison

Trần Tiền Cao Đăng hiệu đính và chú thích

Người thứ bảy [1/2]

Murakami, Haruki

Lời người dịch: Câu chuyện của “tôi” là một câu chuyện đời tan nát. Một ám ảnh không nguôi ngoai theo anh bốn mươi năm trời về con sóng thần năm xưa đã cuốn trôi đi người bạn thân thiết nhất. Hình ảnh con sóng được lặp đi lặp lại trên nền phẳng lặng của câu chuyện đầy ẩn ý. Như bản giao hưởng tình yêu và định mệnh của Beethoven. [...] Một câu chuyện đầy tính nhân bản và vinh danh sự vĩnh hằng của nghệ thuật. Bản thân chúng tôi luôn bị ám ảnh về những tình tiết và nhân vật trong tác phẩm của Murakami. Như thể chính mình hiện diện trong đó để tiếp tục sống và khát vọng một niềm tin tương lai. Nghiên cứu và dịch Murakami đưa chúng tôi đến một xác tín rằng việc Murakami sẽ đạt giải thưởng Nobel văn chương là điều dễ hiểu trong một thế giới đổ vỡ và mất mát quá nhiều niềm tin như hiện nay.

“Vào một chiều tháng chín năm tôi lên mười tuổi, ngọn sóng đó suýt nữa kết liễu cuộc đời tôi”. Người thứ bảy bắt đầu câu chuyện bằng một giọng trầm lặng.

Anh ta là người kể chuyện cuối cùng trong buổi tối hôm đó. Đồng hồ đã chỉ hơn mười giờ. Tiếng gió thét gào qua hướng Tây vang vọng trong bóng đêm dài. Mọi người ngồi thành vòng tròn xung quanh căn phòng đều nghe được tiếng gào của gió. Ngoài vườn lá rơi xào xạc. Những tấm kính cửa sổ rung lên nhẹ nhẹ. Gió hú lên lạnh lốt trước khi biến mất vào đêm đen.

“Đó là ngọn sóng lớn nhất mà tôi từng thấy trong đời,” người đàn ông tiếp tục. “Ngọn sóng đó suýt chút nữa kết liễu đời tôi. Nhưng thay vì vậy, nó đã tháo sạch phần tinh túy nhất của tôi để trút vào một thế giới khác. Phải mất nhiều năm sau tôi mới hoàn toàn bình phục lại. Phải mất bao nhiêu thời gian quý báu của đời tôi.”

Người đàn ông thứ bảy có vẻ đã ngoài năm mươi. Anh ta cao, gầy guộc và râu ria tua tủa. Một vết sẹo nhỏ nhưng sâu hoắm ngay mắt phải. Chắc hẳn đó là một vết dao chém. Tóc anh ta ngắn và đã điểm hoa râm. Gương mặt anh có vẻ

như của một người đột nhiên chẳng biết phải nói gì, trừ phi cái vẻ mặt đó dường như anh vẫn luôn mang từ bấy đến nay, nên lại đâm thành một nét quen thuộc. Anh mặc một chiếc áo sơ mi màu xanh u buồn với một cái áo khoác màu xám bên ngoài. Đôi khi anh ta tháo nơ cổ cầm trên tay. Không ai biết tên anh. Và có lẽ không có ai biết gì về anh ta.

Anh ta đặng hắng nhẹ. Và ngừng nói. Mọi người yên lặng chờ anh ta tiếp tục.

“Trong trường hợp của tôi, đó là một con sóng. Dĩ nhiên, tôi không biết diễn tả như thế nào cho mọi người hiểu. Trong trường hợp của tôi, ngẫu nhiên đó là 1 con sóng. Không một dấu hiệu cảnh báo nào cả, thỉnh thoảng một ngày kia, nó hiện ra trước mặt tôi, cái sức mạnh định mệnh đó hiện ra dưới hình dạng một con sóng khủng khiếp.

“Tôi lớn lên ở thị trấn S gần biển, nơi mà ngay khi tôi nói tên ra, cũng không gây được ấn tượng gì với quý vị cả. Cha tôi là 1 bác sĩ, cho nên thời thơ ấu của tôi rất sung túc. Thuở ấy, tôi có một người bạn rất rất thân, tên K., là láng giềng của tôi và học dưới tôi 1 năm. Chúng tôi thường đi học chung, và sau khi về nhà vào các buổi chiều, chúng tôi luôn luôn chơi với nhau. Chúng tôi như anh em ruột vậy. Mặc dù chúng tôi thân thiết đã lâu nhưng chưa một lần gây sự với nhau. Đúng ra tôi có 1 người anh, nhưng bởi vì anh ta lớn hơn tôi 6 tuổi, cho nên chúng tôi khó lòng chia sẻ với nhau nhiều việc, nhưng tình cảm của chúng tôi không hề bị giảm đi. Chính bởi vì điều này, nên tôi dành tình cảm anh em cho bạn tôi nhiều hơn tôi dành cho anh em ruột của tôi.

“K trông mảnh khảnh, mong manh và có những nét yếu ớt như con gái. Thêm vào đó, cậu ta gặp khó khăn trong giao tiếp. Khi người lạ gặp K lần đầu tiên, họ thường có cảm giác cậu ta là người chậm chạp. Và bởi vì cậu ta yếu ớt như vậy, tôi thường xuyên bảo vệ K ở trường, sau khi tan học và mỗi khi chúng tôi đi với nhau. Bất cứ ai cũng có thể nhận ra rằng tôi là một cậu bé bụ bẫm và khỏe mạnh. Điều mà tôi thích ở K nhất là cậu ta rất tử tế và có một tâm hồn cao cả. Đầu óc của K hoàn toàn không có vấn đề gì, nhưng sự trể nãi của cậu ta đã gây khó khăn trong việc học. Tuy thế, cậu ta là một thiên tài về hội họa, mỗi khi cầm viết chì hay thuốc màu trên tay, K đều tạo ra những bức tranh tuyệt vời đầy vẻ sống động đến nỗi thầy giáo cũng ngạc nhiên. Cậu ta thường xuyên đoạt giải trong các cuộc thi và nhận được rất nhiều lời tán thưởng. Nếu cứ tiếp tục phát triển theo hướng đó thì có lẽ K đã trở thành họa sĩ rồi. K đặc biệt đam mê vẽ tranh phong cảnh và liên tục đi ra bãi biển để vẽ đại dương. Tôi đã ngồi bên cạnh K nhiều ngày để xem bàn tay khéo léo của cậu ta điều khiển cây bút chì lướt trên những trang giấy, và cái cách mà K mô tả màu sắc và hình dạng giống như thật lên trang giấy trắng tinh một cách liên tục đã gây ấn tượng rất mạnh mẽ trong tôi. Tôi thực sự kinh ngạc. Bây giờ mỗi khi nghĩ lại, tôi thấy đó thật sự là một thiên tài.

“Vào tháng 9 năm đó, khu vực nơi tôi sống bị cơn bão dữ dội tàn phá, theo như tin tức từ đài phát thanh, đây là cơn bão lớn nhất ở khu vực trong vòng 10 năm qua. Trường học nhanh chóng bị giải tán, tất cả các cửa hàng trong thị trấn đóng cửa. Cha và anh tôi lấy dụng cụ làm vườn và bắt đầu chặn các cửa chống bão xung quanh ngôi nhà, trong khi đó, mẹ đang bận rộn dưới bếp chuẩn bị cơm nắm [1] phòng khi khẩn cấp. Chai và thùng được đổ đầy nước, tất cả chúng tôi đeo balô với những vật dụng cần thiết trong trường hợp phải tản cư đến một nơi nào đó. Đối với người lớn tuổi phải đối mặt với sự khắc nghiệt của những cơn bão gần như là hàng năm, thì bão đến là một việc nguy hiểm và phiền toái của đời sống. Còn lũ trẻ chúng tôi vốn xa cách với hiện thực tàn nhẫn của tình thế thì bão đến chẳng gì khác hơn là sự kiện hào hứng và tuyệt diệu của một khoảnh khắc lớn lao.

“Chỉ mới đầu giờ chiều mà màu trời đã đột ngột thay đổi. Đường như trời xanh kia đã nhiễm phải một sắc màu quái đản. Gió rú từng cơn, tạo thành một sự khô khan kỳ lạ, những thanh âm lách cách như đập vào bờ cát. Tôi chạy ra hành lang ngắm trời cho đến khi mưa bắt đầu gõ tàn bạo phía bên nhà. Trong nhà tối đen vì lấp những cánh cửa chớp chống bão, gia đình tôi ngồi dờn lại một phòng và nghe các báo cáo tin tức trên radio. Lượng nước mưa không nhiều lắm nhưng gió mạnh gây ra nhiều nguy hiểm. Nhiều căn nhà bị tốc mái và nhiều con thuyền bị lật úp. Những vật thể quay cuồng trong gió loạn đã giết và làm bị thương rất nhiều người. Người phát ngôn lặp đi lặp lại lời cảnh báo là không được rời khỏi nhà vào bất cứ hoàn cảnh nào. Đôi khi những cơn gió loạn cuồng gây ra những thanh âm vỡ nát nơi những căn nhà, như thể có một bàn tay khổng lồ đang nắm lấy căn nhà và lung lay dữ dội. Rồi có những khi chúng tôi nghe thấy tiếng động dữ dội như thể một vài vật nặng xoay trong gió và đâm sầm vào cánh cửa chớp chống bão vậy. Cha tôi bảo đó có thể là những mái nhà bị tốc lên từ nơi nào đó. Chúng tôi ăn cơm nắm onigiri với trứng chiên do mẹ làm và nghe tin tức trên radio, chờ cho cơn bão thiên di đến một vùng nào khác.

“Nhưng cơn bão vẫn ở lại. Theo như tin tức trên đài, kể từ khi cơn bão càn quét qua bờ tây của tỉnh S, tốc độ của nó đã giảm xuống và từ từ di chuyển sang hướng đông bắc như thể đang đi dạo bộ vậy. Gió không dịu bớt chút nào. Nó vẫn thổi cuồng điên gây ra những âm thanh tàn bạo như thể đang gắng sức xé toạc bề mặt trái đất và cuốn đi xa.

“Tôi nhận ra rằng cơn gió dữ tợn đó đã lắng dịu xuống sau khoảng 1 giờ càn quét từ lúc nó tràn tới. Mọi người không thể nghe thấy một âm thanh gì, ngay cả tiếng chim hót từ khoảng cách xa. Cha tôi mở hé cánh cửa chớp ra và nhìn ra đồng hồ nát xem chuyện gì đang xảy ra ngoài đó. Cơn gió đã tắt lịm và mưa đã ngừng rơi. Những đám mây đen xám xịt đang dần tan biến. Bầu trời xanh đã xuất

hiện đầu đó phá tan đi những đám mây u tối. Cây cối trong vườn đang rung mình giữ nước và những hạt nước nhỏ li ti rớt xuống từ đỉnh của những nhánh cây.

“Chúng ta giờ đang ở trong vùng mắt bão đấy con ạ,” cha nói với tôi. “Chúng ta được nghỉ ngơi trong một thời gian ngắn khoảng 15 hoặc 20 phút trong lúc cơn bão tạm lắng dịu nhưng rồi nó sẽ lại càn quét dữ dội như trước”.

“Tôi xin phép cha đi ra ngoài, cha nói: con có thể đi nhưng đừng đi quá xa đây.

“Ngay khi gió bắt đầu nổi lên, con phải trở về nhà ngay lập tức”. Tôi bước ra ngoài và ngắm nhìn trời đất xung quanh. Không thể tin được rằng chỉ vài phút trước đây thôi, mọi vật đã bị cơn cuồng phong vùi con đập tan nát. Tôi nhìn lên bầu trời, và có một cảm giác rằng cơn mắt bão khổng lồ đang lơ lửng ngay trên đầu và nhìn chúng tôi một cách đầy ác ý như muốn ăn tươi nuốt sống. Nhưng tất nhiên, đó chỉ là sự tưởng tượng trẻ con của tôi mà thôi. Lúc đó, chúng tôi đang ở ngay trung tâm điểm của trận gió xoáy nghiệt ngã trong khoảng thời gian cơn bão tạm lắng dịu.

“Trong lúc người lớn đi quanh nhà để kiểm tra thiệt hại do cơn bão gây ra, tôi quyết định lang thang xuống bãi biển. Rất nhiều khúc gỗ lớn ở vùng lân cận đã bị cơn cuồng phong làm gãy nát và rơi đầy xuống đường. Một vài cây thông lớn đến mức một người lớn lực lưỡng cũng không thể nâng lên nổi. Những tấm mái ngói rách nát nằm rải rác ngổn ngang trên mặt đất, đá văng tứ tung vào kính chắn gió của xe hơi gây nên những vết rạn nứt lớn. Ngay cả đến một con chó cũng bị cuốn bay ra đường. Cảnh tượng này trông giống như có một bàn tay khổng lồ từ trên không trung giáng xuống và lạng lẽ tàn phá bề mặt trái đất tàn khốc. K nhận ra tôi khi tôi đang dạo bước trên đường, và cậu ta cũng ra khỏi nhà hỏi: chúng ta đi đâu đây? Khi tôi trả lời chúng ta đi ngắm biển, K bèn im lặng lẽo đẽo theo sau. Con chó trắng, nhỏ sống ở nhà K cũng theo chân chúng tôi. Tôi nói với K là khi gió bắt đầu nổi lên thì phải về nhà ngay lập tức. K lẳng lặng gật đầu đồng ý.

“Bờ biển cách nhà tôi khoảng 200m, có một con đập chắn sóng cao ngang người tôi vào thuở ấy. Mỗi khi chúng tôi ra biển, chúng tôi đều leo lên những bậc cầu thang đó chơi. Chúng tôi ra biển chơi gần như mỗi ngày và biết được thủy triều lên xuống rõ như trong lòng bàn tay. Nhưng trong tầm mắt bão, mọi thứ đều có vẻ khác thường. Màu của trời, sắc của biển, tiếng thét gào của sóng, hương vị mặn mà của muối và sự hùng vĩ của phong cảnh thiên nhiên... Tất cả những cảnh quan ven bờ đều thay đổi hết. Chúng tôi ngồi trên đỉnh của con đập và mông lung nhìn về biển xanh bao la, không nói nên lời. Ngay cả khi chúng tôi đang ở trong tầm mắt bão, những con sóng vẫn bình thản đến kinh người. Khi sóng bắt đầu tấn công thường nó rút ra xa hơn thường lệ. Khi chúng tôi nhìn ra, bờ cát trắng dường như trải rộng hơn. Ngay cả khi thủy triều xuống, mực nước cũng không rút ra quá xa như vậy. Bờ biển trông giống như một căn phòng lớn sau khi người

ta đã di chuyển hết đồ đạc, trống vắng không thể chịu nổi. Những vật thể hỗn tạp vẫn lênh bênh trôi dạt vào bờ biển như thường lệ.

“Tôi ngồi xuống con đê và ngược mắt nhìn ra đường chân trời như thể tôi đang lang thang trên một bờ biển tinh khôi và trải rộng. Và tôi cũng nhìn chăm chú con thuyền được neo buộc ngoài xa. Trong tầm mắt mình, tôi có thể nhìn thấy những đồ chơi trẻ con bằng nhựa, những đôi dép xăng đan và những khúc gỗ mà tôi đoán chắc là những mảnh vỡ của đồ trang trí nội thất, rồi những bộ áo quần, những chai lọ quý, những hộp gỗ có khắc chữ nước ngoài, và bao nhiêu vật dụng khác mà tôi không biết công dụng đang lênh đênh trôi dạt. Chắc chắn là con sóng thần của bão tố đã mang tất cả chúng đến đây từ một nơi nào xa lơ lửng. Mỗi khi thấy có vật gì là lạ đặc biệt chúng tôi nhặt lên và xem xét kỹ càng. Con chó của K ngồi bên cạnh hai chúng tôi vẫy đuôi và đưa mũi ngửi khịt khịt những vật chúng tôi nhặt được.

“Chúng tôi ở đó khoảng 5 phút hay cũng cỡ đó. Bỗng nhiên tôi chú ý đến những con sóng, chúng liên tục đập vào bãi biển một cách lặng lẽ không một âm thanh, không một dấu hiệu như một cái lưỡi lấp lánh ánh bạc của biển cả chờ tới hôn nhẹ vào chân tôi. Nó diễn ra rất tự nhiên, tôi không hề tránh được. Aăm mình trong đại dương bao la, những con sóng dâng lên và tôi biết rất rõ nỗi kinh hoàng của sự tàn phá. Đôi khi chúng ta không thể dự đoán trước được hậu quả khủng khiếp mà những con sóng gây ra. Vì thế chúng tôi phải cẩn thận dời đến một nơi an toàn hơn, thoát khỏi tầm vươn lên của sóng. Nhưng trước khi tôi kịp nhận ra, thì ngọn sóng đã dâng đến chỗ tôi khoảng 8 inch rồi lặng lẽ rút đi. Và cuối cùng tôi không thấy con sóng đó quay trở lại. Tôi không thấy ngọn sóng này có vẻ gì là đe dọa cả. Chúng lặng lẽ gội rửa bờ biển trong sự thâm lặng. Nhưng có một điều gì đó tiềm ẩn báo hiệu một nỗi kinh hoàng trong chúng, như cảm giác có một loài bò sát đang ẩn náu nơi nào đó thỉnh thoảng xuất hiện gây ớn lạnh xương sống trong tôi. Đó là nỗi kinh hoàng không gây ra bởi nguyên nhân cụ thể nào, nhưng hiển nhiên nó là nỗi kinh hoàng thực sự. Bằng trực giác, tôi nhận ra nó là một thứ gì đó vẫn còn đang sống. Không sai đâu, những con sóng này vẫn đang sống. Và chúng sẽ chộp giữ, chơi đùa với tôi theo sự lên xuống của dòng thủy triều. Ngay khi tôi đang mơ màng viễn vông về nó, thì con vật ăn thịt người khổng lồ này bám lấy và ăn tươi nuốt sống tôi bằng hàm răng nhọn hoắt của nó. Một cơn gió đang ập nấp đâu đó ngoài cánh đồng. Tôi nghĩ thậm chí mình phải thoát khỏi nơi này thôi.

“Tôi quay sang K nói: “Mình đi thôi”. Cậu ta đứng cách đó khoảng 10 mét và quay lưng lại tôi, đang nhìn cái gì đó như thể đang soi chiếu mình trong đó. Tôi đã nói khá lớn, nhưng dường như K không nghe thấy tiếng tôi. Hay có lẽ cậu ta đang bị hấp hồn vào những gì mình đã khám phá ra mà không hề nghe thấy lời tôi nói. Cũng như khi nằm mơ, người ta quên mọi thứ của thế giới bên ngoài này.

Hoặc có lẽ giọng tôi không đủ lớn như tôi tưởng. Tôi nhớ rõ ràng là nó không giống như giọng nói của tôi, mà của một người nào đó hoàn toàn xa lạ.

“Rồi tôi nghe thấy tiếng rên rĩ, nó đủ lớn để làm rung động cả quả địa cầu này. Không, trước khi âm thanh rên rĩ này vang lên, tôi có nghe một âm thanh khác nữa, một thứ âm thanh rất lạ, đó là âm thanh của một dòng nước lớn phun ra từ một cái lỗ. Sau âm thanh phun của nước một chút, tiếp tục âm thanh rên rĩ hầu như không thể nhận thấy giống như tiếng đùng đùng của sấm chớp từ rất xa. Nhưng K vẫn không nhìn lên xem nó là gì. Cậu ta vẫn đứng đó nhìn chằm chằm lơ đãng vào cái gì đó dưới chân mình. Tất cả giác quan của cậu tập trung vào chỗ đó. K thậm chí có lẽ không nghe thấy âm thanh rên rĩ đó. Tôi không biết làm thế nào mà cậu ta lại không nghe thấy cái âm thanh kinh khủng đến đáng sợ đó. Nó giống như sự rung động rất mạnh của trái đất. Có lẽ nó là âm thanh mà chỉ mình tôi nghe thấy. Nói ra thật kỳ lạ, nhưng tôi luôn tự hỏi phải chăng nó được tạo ra chỉ để mình tôi nghe? Ngay cả con chó đứng cạnh tôi dường như cũng không nhận thấy âm thanh đó. Trong khi loài chó vốn dĩ rất thính tai.

“Tôi cần phải đến chỗ của K để lôi cậu ta đi, tôi tự nhủ. Không còn cách nào khác. Tôi biết rằng con sóng đang tới, nhưng K thì không. Thế nhưng đôi chân tôi, vốn biết điều gì sắp xảy ra, lại xoay về hướng ngược lại, trái với ý định của tôi. Tôi chạy về hướng con đê chắn sóng. Chắc hẳn đó là do một nỗi hãi sợ trào dâng đã xui khiến tôi làm điều ấy. Nỗi sợ đó khiến tôi không còn thốt nổi thành lời, nhưng lại khiến chân tôi di chuyển rất nhanh. Tôi loạng choạng chạy băng qua bãi cát mềm trên bờ biển; đến nơi, tôi ngoái lại phía K mà hét lớn:

“Coi chừng. Ngọn sóng đang đến đây”. Tôi gào lên. Và tôi chợt nhận ra rằng cái âm thanh đùng đục kia đã tắt lặng. Cuối cùng K cũng nghe ra tiếng la của tôi và ngẩng đầu lên. Nhưng đã quá trễ. Chính trong khoảnh khắc đó, một ngọn sóng dâng cao như con rắn khổng lồ chuẩn bị tấn công và ập xuống bờ biển. Cả đời tôi chưa từng thấy một cảnh tượng nào giống như thế nữa. Ngọn sóng thần cao hơn cả một tòa nhà ba tầng. (Hầu như nó không gây một tiếng động nào, hay ít ra thì trong ký ức tôi, nó không vang lên một thanh âm nào hết, đó là một ngọn sóng vô thanh). Nó dâng cao như che lấp cả bầu trời xanh phía sau lưng K. Trong một khoảnh khắc, cậu ta nhìn tôi chăm chú với vẻ như không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Nhưng dường như K cũng nhận ra điều gì đó đang đến và nhìn xung quanh. Cậu ta cố gắng thoát khỏi nó. Nhưng cậu đã cùng đường. Trong khoảnh khắc kế tiếp ngọn sóng nuốt chửng cậu ta. Nó giống như một sự va chạm với một đầu máy vô hồn đang lao hết tốc lực.

“Âm thanh đùng đục to lên và ngọn sóng gãy vỡ, đập mạnh tàn bạo vào bờ biển, như một vụ nổ quăng ném những mảnh vỡ tứ tung trong không khí rồi đập thẳng vào bờ đê, nơi tôi đang ẩn náu. Nhưng chúng lướt qua tôi bởi tôi được con đê chắn sóng dài che chở phía trước. Những lưỡi nước tung toé ra sức vượt qua

bờ đê nhưng chỉ làm tôi ướt áo quần mà thôi. Ngay lập tức tôi trèo lên đỉnh đê và nhìn xuống phía dưới bãi bờ. Ngọn sóng đã cuộn cuộn quay mình về biển cả thét lên những thanh âm cuồng nộ liên hồi. Như thể có ai đó đã trải một tấm thảm lông cừu khổng lồ đến tận cùng bờ đất. Tôi căng mắt kiếm tìm vô vọng nhưng nào thấy bóng dáng K đâu. Chỉ trong khoảng thời gian dài bằng một làn hơi thở, ngọn sóng đã rút đi quá xa đến nỗi dường như đại dương đã cạn khô và đáy biển phơi bày. Tôi rúm mình trên con đê chắn sóng.

“Im lặng đã trở lại. Một sự im lặng tuyệt vọng như thể mỗi thanh âm đã bị tước đoạt tàn nhẫn. Ngọn sóng đã nuốt chửng K và rút đi xa. Tôi không thể chắc là mình sẽ làm gì tiếp nữa. Tôi nghĩ có lẽ mình nên quay xuống bờ biển. Có lẽ K chỉ bị chôn vùi trong lớp cát gần đây thôi. Nhưng rồi tôi thay đổi ý định và không rời khỏi con đê chắn sóng nữa. Tôi đã biết rằng những con sóng thần đó có thể đến hai hay ba lần đồng thời.

“Bây giờ tôi không thể nhớ bao nhiêu thời gian đã trôi qua lúc đó. Có lẽ là không lâu lắm. Chừng mười đến hai mươi giây hay cũng gần như thế. Dù sao đi nữa, trong khoảng thời gian không thể thấu nhập được đó, ngọn sóng thần đã quay trở lại đập vào bên bờ đúng như tôi chờ đợi. Thanh âm cuồng nộ lắng lư tàn bạo trái đất như mới trước đây thôi, thế rồi tiếng ồn dứt bặt và sau cùng sóng lại dâng cao như đầu con rắn độc. Tất cả diễn ra chính xác như lần trước. Ngọn sóng thần dâng cao che lấp bầu trời, như một vách đá định mệnh vây khốn tôi phía trước. Nhưng lần này tôi không cách nào tránh khỏi. Như bị bỏ bùa mê, tôi đứng đó chết trân trên bờ đê nhìn cái chết đến gần lơ lửng trên đầu. Tôi đã từng có cảm giác này khi nhìn K bị cuốn đi, rằng thật vô ích khi tìm cách trốn chạy. Hay có lẽ đứng trước nỗi sợ đang ngập tràn thế này tôi chẳng còn biết làm gì khác là lại thu mình lại trên bờ đá. Giờ đây tôi chẳng còn nhớ rõ chuyện đó xảy ra như thế nào nữa.

“Ngọn sóng thần thứ hai lớn như ngọn sóng đầu. Hay thậm chí còn lớn hơn. Đầu tiên, nó từ từ dâng lên với hình dạng méo mó như một tường thành xây bằng gạch bị đổ ụp xuống, ngọn sóng lung lay đến tận ngọn. Nó quá lớn và trông như không phải là một con sóng thực sự. Hình dạng nó hoàn toàn khác với hình một con sóng. Có một điều gì đến từ một thế giới xa xôi dưới dạng hình một con sóng nhưng đồng thời cũng không phải là nó. Tôi đã tôi luyện ý chí của mình và chờ đợi khoảnh khắc khi bóng tối chụp lên đời tôi. Thậm chí tôi không thèm nhắm mắt. Tôi nhớ là mình đã nghe ra tiếng tim đập thình thịch. Khi ngọn sóng đến ngay trước tôi, nó dừng lại và lơ lửng như thể thành linh nó đã bị đánh mất toàn bộ sức lực. Nhưng chỉ sau đó khoảng một giây, trong khoảnh khắc ngọn sóng đổ ập xuống, một nửa ngọn sóng bị gãy ra tan nát và nó dừng lại. Trên đỉnh đầu ngọn sóng, giữa cái lưỡi sóng dữ dội và trong suốt đó, tôi rõ ràng nhận ra hình dáng của K.

“Có lẽ không phải ai trong các bạn cũng có thể tin được điều này. Chắc chắn là vậy. Nói thẳng ra là lúc ấy tôi cũng không thể tin được là có chuyện như vậy xảy ra. Tất nhiên là chẳng thể nào lý giải được chuyện đó. Nhưng đó không phải là giấc mơ, cũng không phải là ảo ảnh. Đó là chuyện có thật, không có một tí gì bịa đặt đâu. Như được nằm trong một vỏ bọc trong suốt, hình dáng K lửng lơ trên đầu ngọn sóng. Và không chỉ có thế, K đang cười với tôi. K hiển hiện ngay trước mắt tôi, gần đến nỗi tôi có thể với tay chạm vào anh ta. Tôi có thể nhìn ra gương mặt người bạn thân nhất của tôi mà. Gương mặt mà mới thoáng trước đã bị ngọn sóng nuốt chửng. Không thể làm lẫn được. Anh ta bắt đầu cười với tôi. Không phải là một nụ cười bình thường. Một nụ cười ngoác rộng đến mang tai đúng nghĩa. Nụ cười lạnh lùng tàn nhẫn. Nhìn trừng trừng trôn trối vào tôi. K vươn cánh tay phải về phía tôi. Như thể cậu ta muốn nắm lấy tay tôi và kéo tôi vào thế giới đó của cậu ta. Tuy nhiên cánh tay đó không thể níu lấy tôi được. Rồi K lại ngoác miệng cười với tôi thêm một lần nữa. Thậm chí nụ cười này K còn ngoác miệng lớn hơn nữa.

(Còn nữa)

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Chris Allison

Người thứ bảy [2/2]

Murakami, Haruki

“Chắc là sau đó tôi đã ngất đi. Tôi chỉ biết rằng sau đó tôi thấy mình nằm trên giường bệnh của bệnh viện cha tôi. Khi tôi mở mắt, người y tá gọi cha tôi và ông đến ngay lập tức. Ông nắm tay tôi và bắt mạch rồi nhìn vào hai con ngươi và đặt tay lên trán tôi xem nhiệt độ. Tôi cố gắng giơ tay lên nhưng không thể. Tôi bị sốt như thể đang nằm trên đồng lửa. Đầu óc mụ mị đi không thể suy nghĩ được gì. Dường như tôi bị sốt khá lâu. Con hôn mê đúng ba ngày trời, cha tôi nói. Một người láng giềng đã chứng kiến từ xa cảnh tượng con ngã xuống đã vớt con lên và mang về nhà. Chẳng K bị sóng cuốn trôi không tìm ra tung tích. Cha tôi nói. Tôi biết tôi muốn nói với cha tôi vài điều. Tôi phải nói với cha tôi. nhưng lưỡi tôi sung phòng và cứng ngắc. Tôi không thể thốt ra một lời nào. Tôi cảm thấy như có một loại sự sống hoàn toàn khác đang trú ẩn trong miệng tôi. Cha hỏi tên tôi; tôi vấp và nhớ lại tên mình. Nhưng chưa kịp nhớ ra thì tôi đã lại ngất đi, chìm trở lại vào bóng tối.

“Tôi nằm trên giường bệnh đúng một tuần, gắn chặt vào cái bình truyền dịch. Tôi nôn thốc nhiều lần và gặp những cơn ác mộng. Trong suốt thời gian đó, cha tôi thật sự lo lắng rằng cú sốc và cơn sốt cao như thế sẽ gây hại cho tâm trí tôi về sau này. Tình cảnh tôi bị đẩy đến mức nếu tâm trí tôi không bị chấn thương thì mới là chuyện lạ. Tuy nhiên tôi dần hồi phục một cách chậm chạp. Và trải qua vài tuần nữa, tôi dần trở lại được với đời sống như trước kia. Tôi ăn uống bình

thường trở lại và tiếp tục đi học. Nhưng dĩ nhiên không phải tất cả đều trôi chảy như trước.

“Người ta chẳng bao giờ tìm thấy thi thể của K. Cả xác con chó bị cuốn đi cùng với K cũng thế. Thường thì thủy triều sẽ mang những xác chết đuối từ bờ biển về một con lạch nhỏ phía đông và vài ngày sau thi thể sẽ giạt vào bờ. Nhưng người ta chẳng bao giờ biết được điều gì đã xảy ra cho thi thể của K. Có lẽ con sóng khủng khiếp trong trận bão đó đã cuốn K đi xa đến mức xác chết không thể nào giạt vào bờ được nữa. Chắc K đã chìm xuống dưới đáy đại dương và làm mồi cho cá. Cuộc tìm kiếm xác K vẫn tiếp diễn một thời gian dài với sự trợ giúp của những người đánh cá địa phương. Nhưng sự tìm kiếm ngày càng thu hẹp dần và cuối cùng thì dừng hẳn. Bởi không tìm thấy xác chết nên người ta cũng không tổ chức lễ tang cho K. Từ sau việc đó, cha mẹ trở nên điên điên dại dại vì quá sầu thảm, suốt ngày lang thang vô vọng trên bờ biển hay thu mình ở xó nhà mà tụng kinh.

“Nhưng mặc dù phải chịu đựng một tai họa lớn chừng ấy, cha mẹ K vẫn không một lần trách mắng tôi chuyện tôi đã đưa K ra bờ biển giữa cơn chớp giạt bão bùng. Họ biết rõ rằng tôi thương K như đứa em trai và rất mực quý trọng cậu ta. Cả cha mẹ tôi cũng dường như tránh đụng chạm đến biến cố mà tôi đã tham gia. Nhưng tôi biết điều ấy. Nghĩ lại, tôi thấy rằng lẽ ra tôi đã cứu được K. Tôi chắc rằng mình có thể chạy đến chỗ K đứng và đưa K đến một nơi an toàn mà ngọn sóng khủng khiếp đó không thể nào với tới được. Chuyện đã khép lại nhưng mỗi khi tâm tư tôi quay trở về chuyện ấy, tôi lại nghĩ rằng lúc đó tôi vẫn còn đủ thời gian để cứu được K. Nhưng như tôi đã nói ở trên, lúc ấy tôi đã kiệt sức bởi nỗi lo sợ mù quáng và đã bỏ K để cứu chính mình. Bởi vì cha mẹ K không oán trách tôi và những người khác tránh nói về biến cố đó như tránh một căn bệnh ung thư, tôi đau khổ nhiều lắm. Cả một thời gian dài, tôi vẫn không sao hồi phục được sau cú sốc tâm lý đó. Tôi không đến trường, không ăn uống gì được nhiều và suốt ngày chỉ nằm trên giường nhìn trần trời lên trần nhà.

“Dù cố gắng bao nhiêu đi nữa tôi cũng chẳng thể nào quên cảnh tượng K tựa trên những bọt biển trên đầu đỉnh sóng, ngoác miệng cười vui vẻ. Và tôi cũng không thể xóa khỏi tâm trí mình hình ảnh từng ngón một của bàn tay K chìa về phía tôi mời gọi. Khi tôi ngủ, gương mặt đó, đôi mắt kia luôn xuất hiện trong giấc mơ tôi như thể K đang nóng lòng chờ đợi tôi. Trong những giấc mơ đó, K thoát ra khỏi cái vỏ bằng bọt biển, nắm lấy cổ tay tôi và kéo tôi chìm vào con sóng.

“Và tôi cũng có một giấc mơ khác. Tôi đang bơi. Đó là vào một buổi chiều mùa hè tuyệt đẹp, tôi bơi qua vũng nước nông rồi bơi ra biển. Mặt trời chiếu thẳng ánh sáng vào lưng tôi và nước vây bọc lấy thân tôi bốn bề. Nhưng thỉnh thoảng có vật gì túm lấy chân phải tôi. Tôi cảm thấy như một vòng vây băng giá siết

chặt mắt cá chân mình. Lực nắm quá mạnh khiến tôi không thể nào vùng vẫy thoát ra được. Và cứ như thế tôi bị kéo tuột xuống đáy biển. Nơi đó tôi thấy gương mặt K. vẫn như lần đó. Anh ta nhìn tôi trân trối, gương mặt gần như nứt toác ra vì nụ cười quá cỡ thợ mộc. Tôi cố gắng hét lên nhưng không có một thanh âm nào thoát ra cả. Nước nuốt chửng tôi và phổi tôi chứa đầy nước.

“Tôi thức dậy trong đêm, la hét, người đầm đìa mồ hôi và nghẹt thở.

“Cuối năm đó, tôi van nài cha mẹ tôi cho tôi rời bỏ thị trấn này ngay lập tức đến một nơi nào khác. Như quý vị đã biết, tôi không thể nào tiếp tục sống ở bờ biển nơi ngọn sóng đã vùi chôn K và để tôi gặp ác mộng hầu như hằng đêm. Tôi phải đến một nơi nào xa cách nơi đây. Nếu không làm thế chắc chắn tôi sẽ phát điên. Khi nghe lời khẩn cầu của tôi, cha tôi bàn bạc thu xếp cho tôi chỗ ở mới. Thế là vào tháng một, tôi đến thành phố Nagano và bắt đầu nhập học tiểu học ở một ngôi trường công. Gia đình họ hàng cha tôi sống gần đó và tôi được phép sống ở nhà họ. Tôi đã học hết trung học cơ sở và trung học phổ thông ở thành phố Nagano này.

“Tôi chẳng bao giờ về quê vào kỳ nghỉ. Cứ mỗi lần như thế, cha mẹ lại lên thăm tôi.

“Từ đó đến nay, tôi vẫn sống ở Nagano. Tôi tốt nghiệp trường cao đẳng kỹ thuật ở thành phố Nagano tìm được một chân làm việc ở một công ty cơ khí chính xác. Và vì thế mà chúng ta có mặt ở đây ngày hôm nay. Cuộc sống và nghề nghiệp của tôi bình thường như bao nhiêu con người khác. Như quý vị thấy đấy, tôi đâu có gì khác thường đặc biệt đâu. Tôi không phải là một con người xã hội nhưng tôi thích leo núi và bởi thế nên tôi cũng có một vài người bạn thân. Ngay khi tôi rời xa thị trấn quê nhà, những cơn ác mộng dần giảm xuống, và hầu như biến mất. Nhưng chúng không biến mất hoàn toàn. Chúng trở lại một cách định kỳ như người thanh toán hóa đơn đến gõ cửa phòng. Ngay khi tôi bắt đầu quên đi, những cơn ác mộng lại quay về. Những cơn mộng mị luôn giống nhau, chính xác đến từng chi tiết. Mỗi lần bắt gặp chúng, tôi lại vùng dậy và hét lớn. Khăn trải giường ướt đầm mồ hôi.

“Chắc hẳn điều đó đã giải thích tại sao tôi chưa bao giờ lập gia đình. Tôi không muốn đánh thức người nằm bên cạnh tôi lúc hai ba giờ sáng bởi tiếng la hét của mình. Cũng có nhiều người phụ nữ thương mến tôi nhưng tôi chưa từng qua đêm với một ai trong số đó. Nỗi sợ hãi tràn lan khắp xương tủy và điều đó không thể chia sẻ với ai được.

“Mãi cho đến ngoài bốn mươi tuổi, tôi vẫn chưa về thăm lại quê nhà và cũng không dám bén mảng ra bờ biển lần nào nữa. Đừng nói gì đến việc ra khơi, ngay cả chính bản thân đại dương cũng làm tôi khiếp sợ. Tôi sợ rằng nếu mình ra biển, những việc xảy ra trong giấc mơ tôi sẽ biến thành hiện thực. Mặc dù thích bơi lội hơn bất cứ cái gì trên đời nhưng tôi chưa một lần dám bơi ở hồ bơi. Tôi cũng

không thể đến gần những con sông sâu hay thủy triều cũng thế. Tôi tránh đi thuyền. Và tôi cũng không dám đi máy bay ra đại dương. Tôi không thể xua đuổi khỏi tâm trí mình cảnh tượng chính tôi sẽ bị chết đuối trong một đại dương xa lạ nào đó. Như cánh tay lạnh giá của K trong giấc mơ tôi, tôi không thể nào rũ bỏ được cái linh cảm u ám này ra khỏi ý thức của tôi.

“Vào mùa xuân năm ngoái, lần đầu tiên tôi về thăm quê nhà nơi K đã bị sóng cuốn đi. Cha tôi đã mất năm trước đó còn anh tôi thì đã bán cái nhà của gia đình để chia chác tài sản. Trong khi dọn dẹp nhà kho cho ngăn nắp, anh tôi tình cờ bắt gặp một hộp các tông chứa đầy những đồ chơi của tôi thuở nhỏ và anh đã gửi nó cho tôi. Hầu hết là những thứ tạp nhạp vô giá trị, nhưng nơi đáy hộp, một tập tranh của K đập vào mắt tôi. Tôi nghĩ có lẽ cha mẹ K đã tặng chúng cho tôi để làm vật kỷ niệm về K. Nỗi sợ lại dâng trào làm tôi nghẹn thở. Tôi có cảm giác rằng linh hồn K đã hồi sinh, hiển hiện trước mắt tôi qua những bức tranh đó. Tôi gói chúng lại bằng một lớp giấy mỏng, trả chúng vào hộp và dự định sẽ thiêu hủy chúng ngay lập tức. Nhưng dù bất cứ lý do nào đi nữa, tôi cũng không thể ném những bức tranh của K đi được. Nhiều ngày sau, tôi cũng đủ can đảm để tháo dây buộc lấy ra những bức tranh màu nước của K và mạnh dạn cầm chúng trên tay.

“Trong những bức tranh của K, ta dễ dàng nhận ra bóng dáng của những phong cảnh, đại dương quen thuộc và những bờ biển, những cánh rừng và những cửa hàng tạp hóa. Tất cả vẫn hiển hiện với mức độ rõ ràng không ngờ. Và những vết lằn trong tranh vẫn mới nguyên như khi tôi xem chúng bao nhiêu năm về trước. Ngay khi tôi cầm những bức tranh trên tay, thậm chí chưa kịp nhìn cho kỹ càng, một niềm khát khao và thương xót dâng trào trong lòng tôi. Những bức tranh đó được vẽ bởi kỹ thuật điêu luyện và có một vẻ sắc sảo không ngờ đến mức bây giờ tôi vẫn còn hình dung ra được. Tôi có thể cảm thấy sâu sắc rằng đáy sâu linh hồn K đang hiện diện trong những bức tranh kia như chính linh hồn tôi vậy. Và tôi có thể hiểu được cách mà K nhìn thế giới xung quanh mình. Khi tôi ngắm những bức tranh, những điều mà chúng tôi đã chia sẻ với nhau và những nơi chúng tôi dạo bước đến lần lượt quay trở về trong tâm trí. Vâng, tất cả. Như thể đó là những cảm nhận tri giác của chính tôi vậy. Tôi có thể trực nhận ra thế giới chung quanh một cách rõ ràng minh bạch như nó khi tôi thấy trong lúc tôi và K cùng dạo bước thuở nào.

“Mỗi ngày, khi công việc đã hoàn tất, tôi quay trở về nhà lấy từng bức tranh ra ngắm nghía. Tôi có thể ngắm chúng liên tục mà không biết mệt. Những bức tranh ẩn chứa những cảnh sắc tuyệt vời của thời tuổi trẻ mà từ đâu tôi đã để nó trôi qua mất trong tâm trí mình. Khi tôi ngắm những bức tranh, tôi có cảm giác rằng những cảnh sắc đó dần thấm thấu vào đáy hồn tôi.

“Rồi sau khoảng một tuần lễ, tôi lại nảy ra một ý nghĩ mới. Phải chăng cách nghĩ của tôi đã hoàn toàn sai lầm? Khi K nằm trong đám bọt biển trên đỉnh đầu

ngọn sóng, phải chăng anh ta thực sự ghét và giận dữ với tôi hay có lẽ K cố gắng đưa tôi đến một nơi nào khác? Nụ cười kỳ lạ trên gương mặt K phải chăng chỉ là một nụ cười thuần túy? Tại sao K không ngắt đi vào lúc đó? Phải chăng K chỉ muốn gửi đến tôi một nụ cười triu mến cuối cùng trước khi chúng tôi xa cách nhau vĩnh viễn? Phải chăng vẻ căm thù mãnh liệt mà tôi thấy trên gương mặt K thực chất là sự phóng chiếu của nỗi sợ hãi từ đáy tim tôi? Và khi tôi nghiền ngẫm điều này trong những bức tranh màu nước của K, những suy nghĩ của tôi theo hướng này càng lúc càng trở nên mãnh liệt. Không phải vì những bức tranh mà chính bởi vì linh hồn thanh khiết và bình an của K hiện diện trong những bức tranh kia.

“Một lúc lâu trôi qua, tôi cứ ngồi ở đó. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn không thể đứng lên được. Ngày đã trôi qua và bóng đêm chạng vạng dần phủ kín căn phòng. Cuối cùng, bóng tối thăm sâu và âm lặng ngự trị nơi này. Bóng đêm dường như kéo dài vô tận cho đến khi nó không còn có thể duy trì sức nặng và cân bằng với ánh sáng. Và dần dần ánh ngày chiếm lĩnh. Ánh bình minh một ngày mới đã dần nhuộm hồng bầu trời. Chim thức giấc hót líu lo.

“Tôi thấy mình phải quay trở về thị trấn quê nhà. Ngay lập tức.

“Tôi nhét vào vali những thứ cần thiết nhất, gọi điện thoại đến công ty xin phép nghỉ vì có công chuyện gấp rồi lên một chiếc xe điện, thẳng hướng về quê nhà.

“Thị trấn đã không còn là một thị trấn yên tĩnh hiền hòa ven biển như trong ký ức tôi. Qua giai đoạn thần kỳ phát triển kinh tế những năm 1960, giờ đây thị trấn đã trở thành một thành phố công nghiệp. Điều này làm cho cảnh vật bị biến đổi ghê gớm. Khu vực quanh nhà ga, nơi trước đây chỉ lác đác vài cửa hàng bán đồ lưu niệm bây giờ đầy rẫy hiệu buôn và rạp chiếu bóng duy nhất trong thành phố trước đây đã biến thành siêu thị. Ngay cả ngôi nhà cũ của tôi cũng không còn nữa. Người ta đã phá huỷ nó mấy tháng trước và giờ đây chỉ còn phơi bày mặt đất. Tất cả cây trong vườn bị đốn sạch, và những hạt giống như mầm đây đó trên đất đen. Không cần phải nói thì quý vị cũng biết rằng căn nhà của K cũng tan tành mây khói. Mảnh đất đó đã trở thành bãi giữ xe tháng; những chiếc xe hơi và xe tải xếp ngay hàng thẳng lối. Dù vậy, tôi cũng chẳng thấy luyến tiếc điều gì. Tôi đã rời bỏ nơi chốn này quá lâu rồi.

“Tôi dạo bước trên bờ biển, leo lên những bậc thang dẫn đến đỉnh con đê chắn sóng. Đối mặt với con đê, biển lúc nào cũng thế, luôn trải rộng, không ai có thể cản ngăn được. Đại dương rộng lớn vô cùng. Tôi có thể nhìn thấy đường chân trời liền mạch phía xa kia. Cảnh sắc đó vẫn y hệt như biển thuở xa kia. Biển trải rộng như xưa, sóng liếm láp bãi bờ vẫn thế, và những bóng người lang thang dọc theo triền sóng vẫn như xưa. Ành sáng yếu ớt buổi hoàng hôn nhập nhoạng và mặt trời chậm chạp lặn xuống hướng tây như đang suy nghĩ một điều gì chăm

chú lằm. Tôi ngồi xuống bờ biển, đặt hành lý cạnh bên và lặng lẽ ngắm hoàng hôn. Thật là một quang cảnh yên bình dễ chịu. Không có vẻ gì để gọi lên rằng một lần một trận bão tàn quét tàn phá nơi này, nơi mà ngọn sóng thần đã cuốn trôi mất của tôi người bạn thân thiết nhất. Chắc chắn chẳng có ai ở nơi này có thể nhớ được chuyện gì đã xảy ra hơn bốn mươi năm về trước. Tôi bắt đầu tự hỏi mình, phải chăng tất cả chỉ là huyền cảnh riêng tư gọi lên trong tâm trí tôi mà thôi?

“Tôi chợt nhận ra rằng bóng tối dày đặc vây quanh tôi bỗng nhiên biến mất. Cũng đột nhiên như khi xuất hiện, bóng tối đột ngột biến đi không để lại dấu vết. Tôi từ từ bước dần ra biển. Tôi đi đến bờ sóng và lội xuống biển mà không thềm xắn quần lên. Sóng vỗ vào đôi chân tôi vẫn còn đang mang giày. Sóng vẫn vỗ bờ như khi tôi còn nhỏ. Và như một lời đề nghị hòa bình, sóng vỗ về chân tôi, làm ướt giày và áo quần tôi. Sóng dâng lên từng hồi rồi lại rút xuống. Các du khách trở mắt lạ lùng nhìn tôi, nhưng tôi không cần quan tâm đến họ. Sau khi đứng như vậy một lúc lâu, tôi quay trở lên bờ.

“Tôi nhìn lên bầu trời. Những đám mây nhỏ màu xám nhạt như những túm bông gòn nhỏ lững lờ trôi. Trời không một gợn gió nên những đám mây như đứng yên một chỗ. Thật sự thì tôi không diễn tả được, nhưng hình như những đám mây đang trôi trên bầu trời kia như chỉ dành cho một mình tôi. Tâm trí đưa tôi trở về thời tuổi nhỏ, khi tôi ra khỏi nhà để kiếm tìm mắt bão, lúc đó tôi đã ngẩng lên ngắm nhìn trời xanh y như lúc này đây. Trục quay của thời gian đã làm một cú thẳng rít kinh khủng trong tôi. Quá khứ và hiện tại trộn lẫn vào nhau, như căn nhà cũ kỹ của tôi bị phá hủy rồi tất cả mảnh vỡ cuộn tròn trong dòng xoáy của thời gian. Tất cả những thanh âm xung quanh ngừng lại và ánh sáng chập chờn hư ảo. Tôi mất thăng bằng và ngã xuống ngọn sóng nhấp nhô. Trái tim tôi phát ra một tiếng hét lớn chất chứa nơi cổ họng, trong khi tay chân tôi mất hết cảm giác. Tôi nằm sóng soài một lúc lâu, không gượng đứng dậy nổi. Nhưng tôi không sợ gì hết. Không có gì phải sợ. Tất cả đều đã là quá khứ.

“Từ lúc ấy tôi không còn gặp cơn ác mộng nào nữa. Tôi không còn thức dậy la hét vào nửa đêm. Tôi ước mình có thể bắt đầu lại cuộc đời và sống cho ra hồn. Nhưng chắc là không được. Đã quá trễ rồi. Từ giờ chắc tôi không còn nhiều thời gian nữa. Nhưng dù đã mất quá nhiều thời gian, tôi vẫn mừng vì mình đã trả hết nợ nần trước khi xuôi tay nhắm mắt và đã phục hồi được. Đúng như vậy đấy. Lẽ ra tôi có thể đến hết đời vẫn không được cứu chuộc, chỉ còn biết la hét vào hư vô đáng sợ.

Người thứ bảy ngừng lời một lát, đưa mắt nhìn khắp lượt những người ngồi xung quanh. Không ai nói một lời. Trong phòng chỉ còn tiếng thì thầm nhẹ nhàng của hơi thở. Không ai nhúc nhích. Gió đã lặng hoàn toàn, người ta không nghe

thấy một thanh âm nào từ phía ngoài vọng vào. Như thể đang tìm lời, người thứ bảy một lần nữa mân mê cổ áo sơ mi.

“Điều tôi nhận thấy là, nỗi sợ thực sự đối với con người chúng ta thường không hẳn là nỗi kinh hoàng...,” anh ta nói sau một hồi im lặng. “Nỗi kinh hoàng chắc chắn tồn tại đâu đó... Nó hiện ra dưới nhiều hình dạng khác nhau, và từng lúc nó vùi chôn chính sự hiện hữu của con người chúng ta. Nhưng điều đáng sợ nhất là chúng ta quay mặt đi và nhắm mắt lại trước nỗi sợ đó. Nếu làm như thế, chúng ta trở thành xa lạ với phần thiết yếu nhất của bản chất chúng ta. Trong trường hợp của tôi, đó là một con sóng.”

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Chris Allison

Đĩa bay đáp xuống Kushiro

Murakami, Haruki

Lời người dịch: Murakami Haruki thoát ra ngoài những khuôn mẫu văn học Nhật Bản được biết đến từ trước. Đề tài thường thấy trong các tác phẩm của ông là tình yêu và sự mất mát, trong đời sống hiện đại với những vấn vương siêu hình. Những đặc trưng ấy càng được thấy rõ trong Tuyển tập truyện ngắn Các con của Thượng Đế đều nhảy múa (KamiNo KodomoTachi Wa Mina Odoru), truy niệm Trận động đất khủng khiếp tháng Giêng 1995 ở Kobe, nơi ông đã lớn lên. Tuyển tập này còn có tên khác là Sau cơn động đất (Jishin No Ato De - After The Quake).

Truyện ngắn sau đây, UFO Ga Kushiro Ni Oriru, phát biểu trên tạp chí Shincho tháng 8 năm 1999, là truyện đầu tiên trong Tuyển tập truyện ngắn ấy, được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật, và đã được kiểm đối chiếu với bản tiếng Anh của Jay Rubin, Giáo sư Văn học Nhật Bản của Đại học Harvard, trong tập After The Quake do nhà Harper, London xuất bản năm 2002.

Suốt 5 ngày, cô chỉ ngồi trước máy truyền hình. Im lìm dán mắt vào cảnh tượng những toà nhà ngân hàng, nhà thương sụp đổ; những phố buôn bán bị thiêu rụi trong ngọn lửa; những đường sắt, đường lộ cao tốc bị cắt đứt. Cô ngồi thu mình, ép sâu vào trong ghế dài phòng khách, môi mím chặt. Komura có nói gì cô cũng không trả lời. Ngay cả lắc đầu hay gật đầu cũng không. Tiếng nói có đến tai hay không cũng chẳng biết nữa.

Komura chỉ biết vợ mình là người từ Yamagata, không có một người bà con hay quen biết nào ở gần thành phố Kobe cả. Vậy mà từ sáng đến tối, không có lúc nào cô rời máy truyền hình. Komura chẳng thấy cô ăn gì hay uống gì mấy hôm đó, thậm chí đi vào phòng vệ sinh cũng không. Thỉnh thoảng cảm hộp bắm đôi đài truyền hình, còn thì tuyệt nhiên không động đậy chút nào cả.

Komura tự mình nướng bánh mì ăn, uống cà phê rồi đi làm. Tối về nhà thấy vợ vẫn ngồi trước máy truyền hình, không khác gì lúc sáng. Chẳng làm sao hơn,

anh đành lấy mấy thứ có sẵn trong tủ lạnh ra làm một món ăn tối đơn giản, rồi ăn một mình. Lúc anh đi ngủ, cô vẫn còn ngồi nhìn chăm chăm vào màn hình, xem tin tức nửa đêm. Bức tường im lặng vây quanh. Komura chán ngán, riết rồi cũng chẳng gọi chuyện gì nữa.

Chủ nhật, 5 ngày sau đó, khi anh đi làm về vào giờ thường lệ thì không thấy bóng dáng vợ đâu cả.

*

Komura là nhân viên bán hàng của một cửa hàng lâu đời chuyên về máy móc âm hưởng ở Akihabara 1. Anh đảm đương loại sản phẩm tính năng cao, hoa hồng của mỗi món hàng bán được cộng vào lương tháng. Khách hàng của anh phần lớn là những y sĩ, những nhà kinh doanh có máu mặt, hay là những nhà giàu trong vùng. Đã tám năm làm việc ấy, mà thu nhập ngay từ ngày đầu cũng không tệ. Kinh tế nhằm thời kỳ phát đạt, giá nhà đất tăng, tiền bạc tràn ngập nước Nhật Bản. Trong ví người nào cũng đầy ắp giấy vạn Yen 2 mà có vẻ ai cũng hăm hở muốn xài ngay. Hàng càng cao giá lại càng bán được sớm.

Người dong dỏng cao, rành ăn mặc và giỏi cư xử, hồi còn độc thân, Komura đã có rất nhiều bạn gái. Nhưng từ khi kết hôn năm 26 tuổi, ham muốn xúc động tính dục đột nhiên biến mất một cách kỳ bí. Trong 5 năm nay sau ngày kết hôn, anh không ngủ với người đàn bà nào ngoài vợ. Không phải vì không có cơ hội; anh hoàn toàn không còn thấy hứng thú gì trong quan hệ trai gái qua đường nữa. Thay vào đó, anh muốn mau sớm về nhà cùng vợ thong thả dùng bữa, rồi chuyện trò trên ghế dài phòng khách, xong vào giường nghỉ ngơi, ân ái. Ý nguyện của anh là như thế.

Khi Komura kết hôn, bạn chơi lẫn bạn cùng sở làm, chùng mực tuy có khác nhau nhưng ai cũng lắc đầu khó hiểu. Trái với Komura mặt mày cân đối, tươi tắn, vợ anh dung mạo tầm thường. Không chỉ dung mạo mà thôi, ngay cả tính tình cũng chẳng có gì hấp dẫn. Ít nói, mặt mày lúc nào cũng khó đăm đăm. Nhỏ con mà cánh tay lại to mập, trông thật là nặng nề.

Vậy mà Komura lại thấy thoải mái, nhẹ nhàng khi ở nhà một mình với vợ. Ngay cả chính anh cũng không rõ tại sao. Đêm đêm anh an hưởng giấc ngủ bình yên, không còn bị những cơn mơ kỳ quái phá giấc ngủ như trước nữa. Khi hứng tình thì cương cứng, giao tình cũng nồng nàn hơn. Không còn phải ưu tư về sự chết, bệnh hoạn sinh dục, hay về cái mệnh mông của vũ trụ nữa.

Tuy nhiên, vợ lại ghét đời sống đô thị chật chội, ngột ngạt, và mong mỗi được trở về quê nhà Yamagata. Thường nhớ thương cha mẹ và hai người chị ở quê; khi lòng thương nhớ ấy dâng cao là cô lại về thăm quê một mình. Nhà vợ giàu có, kinh doanh quán trọ du lịch, mà bố vợ lại thương cô con út hết lòng, sẵn sàng chi cấp tiền di chuyển. Từ trước đến nay, đã vài lần Komura đi làm về không thấy bóng dáng vợ đâu, chỉ thấy trên bàn ăn có mảnh giấy vợ ghi để lại.

Mỗi lúc như thế, Komura cũng chẳng phàn nàn một lời nào, chỉ âm thầm chờ vợ trở lại. Mà một tuần hay mười ngày sau, vợ hết buồn và trở lại thật.

Tuy nhiên lần này, khi vợ đi, 5 ngày sau con động đất ở Kobe, mảnh giấy cô để lại có ghi: “Sẽ không trở lại nữa”. Lý do tại sao không muốn sống chung với Komura nữa được ghi rõ ràng tách bạch trên mảnh giấy ấy:

“Anh không cho tôi chút gì cả. Nói rõ ra là anh chẳng có gì để cho tôi cả. Anh hiền hậu, tử tế, đẹp trai nữa, nhưng mà tôi sống với anh giống như sống với một khối không khí. Tất nhiên đó không phải là lỗi của một mình anh. Tôi nghĩ là sẽ có nhiều phụ nữ yêu thương anh. Xin anh đừng gọi điện thoại. Vật dụng nào của tôi còn sót lại, xin anh vất hết đi.”

Nói vậy chứ cô cũng chẳng để lại gì mấy. Áo quần, giày dép, dù, cốc uống cà-phê, máy sấy tóc, tất cả đều đã lấy đi hết. Có lẽ trong lúc Komura đi làm, cô đã thu xếp đồ đạc gửi các hãng chuyên chở tận nhà chuyển đi rồi. Vật dụng của cô còn để lại chỉ là chiếc xe đạp để cô đi chợ và vài cuốn sách. Trên kệ để đĩa nhạc CD mất tiêu mấy đĩa Beatles, Bill Evans mà Komura đã thu tập từ hồi còn độc thân.

Ngày hôm sau, anh thử điện thoại về nhà vợ ở Yamagata. Mẹ vợ nói cô ấy không muốn nói chuyện gì với anh nữa. Trong cách nói của bà có đôi phần áy náy như có lỗi đối với anh. Bà nói sẽ gửi bưu điện những giấy tờ cần thiết xin anh đóng ấn 3 rồi gửi lại cho bà càng sớm càng tốt. Anh nói: chuyện quan trọng đâu có thể làm sớm thế được, xin cho suy nghĩ ít lâu. Bà mẹ vợ nói: “Mà anh có suy nghĩ bao lâu đi nữa cũng chẳng thay đổi được gì đâu”. Komura nghĩ có lẽ đúng thế thật. Chờ đợi cho lắm, suy nghĩ cho lắm, cũng không sao đổi lại như cũ được. Anh đã hiểu rõ như thế.

*

Giấy tờ đóng ấn gửi trả lại xong, ít lâu sau, Komura xin nghỉ có lương một tuần lễ. Thượng cấp của anh cũng đã nghe biết đại khái sự tình, vả lại tháng Hai dù sao cũng là tháng ít việc, nên chấp thuận cho anh nghỉ mà không một lời phàn nàn. Có vẻ muốn nói với anh điều gì đó, nhưng lại thôi.

Giờ nghỉ trưa, bạn cùng sở, Sasaki đến hỏi anh: “Anh Komura này, nghe nói anh lấy ngày nghỉ, thế có định làm gì chưa?”

“À, chưa biết làm gì đây.”

Sasaki trẻ hơn Komura 3 tuổi, độc thân. Nhỏ con, tóc cắt ngắn, mang kính tròn gọng kim loại. Ít nói, có vẻ cao ngạo, nhiều người ghét, nhưng nói cho cùng, đối với Komura là người khoan hòa thì vẫn thân thiện.

“Chẳng mấy khi có dịp nghỉ, đi du lịch thư thả cũng tốt đấy anh.”

Komura đáp: “Ừm”.

Sasaki lấy khăn tay lau mắt kính rồi nhìn mặt Komura như dò hỏi:

“Anh Komura đã lên Hokkaido lần nào chưa nhỉ?”

“Chưa lên lần nào,” Komura đáp.

“Anh có muốn lên đây không?”

“Sao cơ?”

Sasaki nheo mắt, hắng giọng, nói:

“Nói thật với anh, mình có một món đồ nhỏ muốn mang lên Kushiro, nếu anh Komura mang giùm lên đó thì tốt quá. Được anh giúp thì mình biết ơn anh lắm, gì chứ cỡ vé máy bay đi, về thì mình sẵn sàng chi hộ anh. Cả chuyện nhà trọ trên đây, mình cũng lo liệu được.”

“Món đồ nhỏ nào?”

“Cỡ này thôi.”

Sasaki nói, hai bàn tay làm dấu một khối khoảng 10 cm mỗi bề:

“Không nặng đâu anh.”

“Đồ dùng cho công việc hả?”

Sasaki lắc đầu:

“Chẳng quan hệ gì đến công việc cả, trăm phần trăm cá nhân thôi. Không muốn gửi bưu điện hay các hãng giao hàng tận nhà chỉ vì ngại họ quăng ném bạo tợn đó thôi. Nếu có ai quen xách tay theo giùm cho thì tốt. Thật ra, mình tự tay mang đi là tốt nhất, nhưng dùng dằng mãi vẫn chưa có thì giờ lên đến Hokkaido.”

“Món đồ quan trọng lắm nhì?”

Sasaki hơi nhếch môi đang mím lại, gật đầu:

“Nhưng mà không phải là thứ gì dễ vỡ, hay nguy hiểm gì đâu, anh đừng lo. Cứ mang theo như mang đồ thường là được. Cũng chẳng phải thứ gì bị tia X ở phi trường xét cấm đâu. Không làm phiền anh đâu. Không muốn gửi bưu điện chỉ vì mình không thích, thế thôi.”

Hokkaido tháng Hai hẳn là lạnh dữ lắm, nhưng đối với Komura, có lạnh hay nóng cũng chẳng hề gì.

“Rồi, phải trao món đồ ấy cho ai?”

“Em gái mình ở trên ấy, anh ạ.”

Komura đã chẳng suy tính gì về chuyện sẽ làm gì trong mấy ngày nghỉ phép, mà bây giờ dự trù kế hoạch thì phiền phức, nên đã nhận lời giúp. Mà anh cũng chẳng có lý do gì để không muốn lên Hokkaido. Sasaki điện thoại ngay cho hãng máy bay đặt một vé đi Kushiro, chuyến buổi chiều, hai ngày sau. Ở sở làm ngày hôm sau, Sasaki trao cho Komura một hộp nhỏ bọc bằng giấy màu nâu, trông như hộp đựng hài cốt. Tay sờ thấy như làm bằng gỗ. Đúng như Sasaki đã nói, hộp không nặng nề gì. Bên trên giấy bao có quần lòng vòng miếng băng nhựa bản rộng trong suốt. Komura cầm chiếc hộp trên tay ngắm nghía một hồi. Thử lắc nhẹ nhưng chẳng cảm nhận được gì, cả tiếng động cũng không nổi.

“Em gái mình sẽ đến đón anh ở phi trường. Nó bảo sẽ lo liệu chỗ trọ trước cho anh.” Sasaki nói. “Xin anh đứng chờ ở cửa ra, cầm hộp này trên tay cho dễ thấy. Đừng lo anh à, phi trường đó chẳng lớn là bao.”

*

Khi rời nhà, Komura đã quấn áo vải dày quanh chiếc hộp, nhét vào giữa túi xách. Máy bay đông người hơn anh tưởng. Komura lắc đầu, không hiểu người ta từ Tokyo lên cái xứ Kushiro lạnh cóng ngay giữa mùa đông để làm cái trò gì mà đi đông thế!

Báo hàng ngày vẫn đầy ngập những ký sự về trận động đất. Anh ngồi vào chỗ, đọc báo sáng từ cột báo này sang cột báo kia. Số người chết đến nay vẫn còn tiếp tục tăng. Nhiều vùng đã bị cắt điện, nước. Nhiều người bị mất nhà ở. Những sự thật bi thảm nối tiếp nhau phát hiện. Vậy mà trong mắt Komura, lạ thay, những chi tiết ấy hiện ra bằng phẳng, không có bề sâu. Tất cả âm hưởng chỉ đơn điệu, xa xa. Cố gắng lắm, trong trí anh cũng chỉ có suy nghĩ về người vợ mỗi phút mỗi rời xa. Anh đọc lướt qua những ký sự về trận động đất một cách máy móc, thỉnh thoảng nghĩ đến vợ, rồi lại đọc lướt các ký sự trên báo. Lúc thấy một mẩu chuyện nghĩ đến vợ lẫn chuyện đọc lướt những hàng chữ, anh nhắm mắt thiếp đi được một lúc. Nhưng mở mắt ra thì lại nghĩ đến vợ. Không hiểu sao cô lại chăm chú theo dõi những tin tức truyền hình về trận động đất, chăm chú đến nỗi từ sáng đến tối không rời truyền hình, không màng đến cả bữa ăn hay giấc ngủ. Cô ấy đã nhìn thấy gì từ những hình tượng ấy?

Ở phi trường, có hai cô gái trẻ mặc áo khoác cùng màu, cùng kiểu, gọi tên Komura. Một cô da trắng trẻo, cao gần 1m70, tóc ngắn. Khoảng từ mũi xuống đến cái môi trên hình lên, có phần dài quá, làm anh liên tưởng đến một loại động vật có móng, lông ngắn. Cô kia thì cao khoảng 1m55, ngoài cái mũi quá nhỏ ra, mặt mày không đến nỗi xấu. Tóc thẳng, buông dài đến vai. Tai nhô lên, dải tai bên phải có 2 nốt ruồi, mà lại đeo vòng khuyên nên nốt ruồi càng thấy rõ hẳn lên. Cả hai trông độ giữa tuổi đôi mươi.

Hai cô đưa Komura vào quán cà phê bên trong phi trường.

“Em là Sasaki Keiko.” Cô cao lớn tự giới thiệu. “Anh của em được anh giúp đỡ rất nhiều. Còn đây là cô Shima, bạn em.”

“Hân hạnh.” Komura nói.

“Chào anh.” S”imao đáp.

“Nghe anh em nói chị nhà vừa bỏ anh.” Cô Sasaki Keiko nói, vẻ mặt nghiêm cung.

Komura chờ một lúc rồi đáp:

“Không đâu, không phải đã chết đâu.”

“Nhưng anh em hôm trước nói rõ ràng qua điện thoại là vợ anh Komura vừa mới ra đi.”

“Không đâu, chỉ ly dị thôi cô ạ. Theo chỗ tôi biết thì vẫn còn sống như thường đấy.”

“Lạ quá, chuyện quan trọng thế, em làm sao mà nghe làm được nhỉ.”

Cô lộ vẻ bực dọc, như chính mình bị thương tổn vì chuyện hiểu sai sự thật. Komura cho một ít đường vào cốc cà phê, dùng thìa khuấy nhẹ nhàng, rồi uống một ngụm nhỏ. Cà phê loãng quá, chẳng có vị gì. Cà phê có đó như tượng trưng chứ chẳng có thực chất. Komura tự thấy lạ không hiểu mình đang làm cái gì ở cái chôn này.

“Chắc là em đã nghe làm đấy. Không thế thì là gì.” Cô Sasaki Keiko nói, rồi như đổi thái độ, cô thở thật sâu và cắn nhẹ môi: “Xin lỗi anh nhé. Em ăn nói vô lễ quá.”

“Không, có sao đâu cô. Đẳng nào thì cũng thế thôi.”

Trong lúc hai người nói chuyện, cô Shimaō chỉ mỉm cười, yên lặng nhìn nét mặt Komura. Cô có vẻ có cảm tình với anh. Komura hiểu như thế từ nét mặt và cử chỉ của cô. Cả ba im lặng một lúc lâu.

Komura nói: “Thế thì trước hết, cho tôi giao lại món đồ quan trọng đi nhé.” Anh mở túi xách, lôi chiếc hộp ra từ giữa cái áo vải dày dùng cho việc trượt tuyết. Anh sực nhớ là đã không cầm chiếc hộp này trên tay ở cửa ra, như dấu hiệu đã giao hẹn. Vậy làm sao hai cô này lại nhận ra mình nhỉ?

Sasaki Keiko vươn hai cánh tay qua mặt bàn đón lấy chiếc hộp, nhìn chăm chú với vẻ mặt không có gì khác lạ. Xong cô cân nhắc trọng lượng, và như Komura đã làm, cô nâng hộp lên bên tai, lắc nhẹ vài lần. Rồi mỉm cười với Komura như cho biết không có gì đáng lo, cô nhét hộp vào trong chiếc túi đeo vai lớn của cô.

“Anh cho em đi gọi một cái điện thoại cần thiết, được không anh?”

“Được chứ, mời cô.” Komura nói.

Sasaki Keiko khoác chiếc túi lên vai đi về phía phòng điện thoại đằng xa. Komura nhìn theo dáng đi ấy một lúc. Phần lưng trên cố định, từ hông xuống dưới uốn éo uyển chuyển nhịp nhàng như máy. Nhìn dáng đi ấy của cô, Komura có cảm giác là lạ như những hình ảnh không ăn nhập gì với nhau đã thấy trong quá khứ đột ngột trở lại.

Cô Shimaō lên tiếng hỏi:

“Anh đã đến Hokkaido lần nào chưa?”

Komura lắc đầu.

“Xa quá anh nhỉ.”

Komura gật đầu rồi nhìn quanh.

“Thế nhưng ngồi đây như thế này thì lại chẳng thấy gì là mình từ xa đến. Lạ thật!”

Cô Shimaō nói:

“Tại máy bay đây anh. Tại bay nhanh quá đây. Thân thể có dòi đi thật nhưng ý thức thì chưa theo kịp đâu.”

“Có thể như thế thật.”

“Anh Komura muốn đi xa phải không?”

“Có thể lắm.”

“Bởi vì vợ anh bỏ đi?”

Komura gật đầu.

Cô Shimaonói:

“Nhưng mà dù có đi xa đến đâu cũng không trốn khỏi chính mình được đâu anh nhỉ.”

Đang lơ đãng ngắm hủ đường trên bàn, Komura ngẩng đầu lên nhìn mặt cô gái:

“Có thể thật. Cô nói đúng đây. Có đi xa đến đâu cũng không trốn khỏi chính mình được. Cũng như cái bóng của mình. Đi đâu cũng kéo theo.”

“Hẳn là anh yêu chị ấy lắm?”

Komura tránh trả lời, anh hỏi lại:

“Cô là bạn của cô Sasaki Keiko đây nhỉ?”

“Vâng, chúng em là bạn thân.”

“Thân như thế nào?”

Cô Shimaonhông trả lời câu hỏi ấy mà hỏi lại:

“Anh có đôi không?”

Komura nói: “Sao nhỉ, cũng thấy đôi, mà cũng không thấy đôi.”

“Vậy thì ta đi ăn chút gì âm ẩm đi anh. Có chút gì âm ẩm vào là khoẻ ngay mà.”

*

Cô Shimaolái xe, chiếc Subaru cỡ nhỏ, khu động bốn bánh. Nhìn tình trạng xe, chắc cũng đã chạy trên 200 ngàn cây số. Cản sau của xe có chỗ móp lớn. Cô Sasaki ngồi cạnh người lái, còn Komura ngồi trên ghế sau chật chội. Tay lái thì không quá tồi, nhưng ghế sau nghe ồn quá, mà bộ nhún lại yếu quá rồi. Bộ số tự động đã cũ nên giật mạnh, mà máy điều hòa không khí lại không đều. Nhắm mắt lại thì có ảo giác như đang ngồi trong một máy giặt hoàn toàn tự động.

Đường phố Kushiro không đóng tuyết. Chỉ có hai bên đường, các khối tuyết đã đóng cứng dơ bản chồng chất lộn xộn lên nhau, như những đống chữ đã mất công dụng. Mây thấp trĩu xuống. Đã hoàng hôn đâu mà chung quanh đã tối mịt mù. Gió rít nhọn, cắt từng nét sắc vào màn đen. Hầu như vắng bóng người trên đường. Phong cảnh hoang tàn, ngay cả các ngọn đèn hiệu giao thông cũng như đông cứng lại.

Cô Sasaki Keiko ngoái đầu lại giải thích:

“Trong toàn đảo Hokkaido thì vùng này tuyệt không đọng lại bao nhiêu. Vì là miền duyên hải, gió mạnh, tuyết đọng lại một tí là đã bị gió thổi tan mất rồi. Thế nhưng lạnh thì lạnh kinh khiếp đấy. Lạnh đến đứt cả vành tai được ấy chứ.”

Cô Shimaō thêm thốt:

“Mấy người say rượu ngủ ngoài đường vẫn chết cứng đấy thôi.”

Komura hỏi:

“Quanh đây, gấu có hay ra không?”

Cô Keiko nhìn cô Shimaō, cười lớn: “Này, gấu đấy.”

Cô Shimaō cũng cười khúc khích.

Komura nói như phân trần:

“Tôi đâu có rành chuyện Hokkaido.”

Cô Keiko nói, nhìn về phía cô Shimaō:

“Gì chứ gấu thì có câu chuyện này hay lắm đấy nhỉ.”

Cô Shimaō nói thêm: “Chuyện hấp dẫn ghê lắm.”

Nhưng chuyện gấu chỉ đến đó là dứt đoạn, mà Komura cũng không cần vặn gì thêm. Cuối cùng rồi cũng đến nơi: một quán mì lớn bên xa lộ. Đậu xe trong nhà xe xong, ba người bước vào quán. Komura uống bia và ăn tô mì nóng. Quán thì dơ, ngổn ngang những ghế bàn gập ghềnh, nhưng mì thì ngon, ăn xong thấy quả thật có thơ thới, an tâm trở lại được phần nào.

Cô Sasaki hỏi:

“Anh Komura có muốn làm gì ở Hokkaido này không? Em nghe nói anh ở đây một tuần lễ mà.”

Komura thử suy nghĩ một lúc cũng chẳng ra được chuyện gì muốn làm.

“Suối nước nóng thì sao? Anh có muốn tắm suối nước nóng và thong thả nghỉ ngơi không? Gần đây có một suối nước nóng nho nhỏ, nắng ấm đấy anh.”

Komura nói: “Nghe cũng được đấy.”

“Nhất định là anh sẽ thích chỗ ấy. Chỗ tốt đấy. Mà gấu chẳng ra đây đâu.”

Hai cô nhìn nhau, cười lớn như có gì thú vị lắm. Cô Sasaki Keiko lại hỏi:

“Này anh Komura, em hỏi về chị ấy có được không?”

“Được chứ, có sao đâu.”

“Chị ấy bỏ anh đi hôm nào vậy anh?”

“5 ngày sau trận động đất, vị chi là hơn 2 tuần rồi.”

“Có quan hệ gì đến chuyện động đất không hở anh?”

Komura lắc đầu: “Có lẽ không có đâu.”

Cô Shimaō hơi nghiêng đầu, nói:

“Nhưng mà, những chuyện như thế là thường hay dính dáng với nhau lắm nhé.”

Cô Keiko cũng nói:

“Ừ, chỉ có anh không biết đấy thôi.”

Cô Shimao thêm vào: "Chuyện thế thật đấy."

Komura hỏi: "Chuyện thế là chuyện gì?"

Cô Keiko nói: "Thế này nhé: trong đám người em biết cũng đã có một người như thế."

Cô Shimao hỏi: "Chuyện ông Saeki phải không?"

Cô Keiko đáp: "Đúng đấy. Ông Saeki là thợ uốn tóc, 40 tuổi, sống ở Kushiro này. Mùa thu năm ngoái, vợ ông ấy nhìn thấy Đĩa bay đấy. Nghe đâu bà ấy ban đêm lái xe một mình thì thấy ngay giữa ruộng có một chiếc Đĩa bay to tướng đáp xuống. Cứ như trong phim Tao-ngộ với Thế giới Bí mật 4 ấy. Một tuần sau, bà ấy bỏ nhà đi mất. Chẳng phải vì có chuyện xào xáo gì trong gia đình, chỉ lẳng lẳng mà biến mất, chẳng quay trở lại nữa."

Cô Shimao thêm vào: "Mất tích luôn."

Komura hỏi: "Tại vì Đĩa bay à?"

Cô Keiko đáp: "Tại sao thì không ai biết. Nhưng mà đột nhiên, chẳng một chữ gì, chỉ để lại 2 đứa con còn học Tiểu học, cứ thế mà biến mất. Mà suốt một tuần trước khi biến đi, gặp ai cũng chỉ nói toàn chuyện Đĩa bay. Nói liên tu, không ngừng nghỉ. Những là nó bao lớn, đẹp đẽ thế nào, toàn chuyện ấy thôi."

Hai cô như đợi cho câu chuyện thắm vào đầu Komura.

Komura nói: "Trường hợp của tôi thì có giấy để lại đấy chứ. Mà con cái thì lại không có."

Cô Keiko nói: "Vậy thì vẫn còn khá hơn trường hợp ông Saeki chút đỉnh đấy."

Cô Shimao gật đầu tán đồng: "Ừ, con cái là chuyện lớn đấy nhỉ."

Cô Keiko nhăn mày giải thích: "Bố của bạn Shimao đây bỏ nhà đi mất lúc Shimao mới có 7 tuổi đấy anh. Trốn đi với người dì ruột của Shimao đấy."

Cô Shimao mỉm cười: "Bỗng nhiên, ngày đó..."

Ba người lặng thinh.

Komura nói, như để đổi không khí:

"Có thể bà vợ ông Saeki không phải bỏ nhà ra đi, mà bà ấy bị người vũ trụ bắt theo cũng không chừng."

Cô Shimao cũng nói với vẻ nghiêm nghị: "Có thể thế thật đấy. Em cũng hay nghe những chuyện như thế."

Cô Keiko nói: "Hoặc là đang đi trên đường, bị gấu nhào ra ăn mất cũng không chừng." Hai cô lại cười lớn với nhau.

*

Rời quán ăn, ba người đến một quán trọ tình 5 gần đấy. Xóm này ở ngoại vi thành phố, có những con đường nhỏ, hai bên đường là những tiệm bán đá làm bia mộ, và các quán trọ tình xen kẽ nhau. Cô Shimao cho xe vào đậu trong một con

đường nhỏ đó. Căn nhà có vẻ khác lạ, làm phỏng theo kiểu thành cổ Âu châu, trên đỉnh cao có dựng cả một lá phướn đỏ hình tam giác.

Cô Keiko đến quây lấy chìa khóa xong, ba người lấy thang máy lên phòng. Cửa sổ nhỏ, mà đối lại, giường thì rộng quá mức bình thường. Komura cởi áo khoác độn lông, móc lên giá áo rồi bước vào phòng vệ sinh. Trong lúc không có anh, hai cô đã nhanh nhẹn cho nước nóng vào bồn tắm, điều tiết độ sáng của các ngọn đèn, kiểm máy điều hòa nhiệt độ, bật truyền hình lên, xem qua thực đơn các món có thể gọi mang đến, thử nút điều chỉnh giường đặt dưới gối, và xem xét các thứ bên trong tủ lạnh.

Cô Sasaki Keiko nói: "Quán này do người quen của em làm chủ, nhờ thế mà lấy được phòng lớn nhất đây. Quán trọ tình đây, nhưng anh đừng ngại nhé. Anh không ngại chứ nhỉ?"

Komura nói chẳng ngại gì.

"Em nghĩ ở trong phòng của loại nhà khách cho người đi làm, nghèo nàn chật chội trước ga, thì sao thoải mái được như căn phòng này."

"Có lẽ thế thật."

"Nước nóng đã đầy rồi đây, hay là anh vào tắm đi."

Komura nghe lời, bước vào bồn tắm. Bồn tắm lớn quá cỡ bình thường, ngồi một mình cảm thấy lao đao thế nào. Khách vào đây phần đông thì hai người cùng vào nên mới lớn thế.

Tắm xong, Komura không thấy bóng dáng cô Sasaki Keiko đâu cả, chỉ có cô Shimao ngồi uống bia, xem truyền hình một mình.

"Keiko về trước rồi, bảo là có việc cần, xin phép anh về trước, sáng mai lại đến đón anh đây. Em ở lại đây uống bia một lát có được không anh?"

Komura đáp: Được chứ.

"Có phiền anh không? Anh có muốn ở một mình không? Có người khác thì không được thoải mái chẳng?"

Komura nói: Không có gì phiền đâu. Anh uống bia, lấy khăn lau tóc, và cùng cô Shimao xem truyền hình một lúc. Lại tin tức tổng hợp đặc biệt về trận động đất. Cũng những hình ảnh đó được chiếu đi chiếu lại. Những tòa nhà nghiêng đổ, những đường xá băng lở, những bà cụ than khóc, cảnh hỗn loạn trộn lẫn với sự phần nộ không có lối thoát. Lúc ngừng tin để chiếu quảng cáo, cô Shimao lấy hộp bấm tắt máy truyền hình rồi nói:

"Chẳng mấy khi được thế này, mình nói chuyện đi anh."

"Ừ"

"Nói chuyện gì nào?"

Komura nói:

"Lúc ngồi trên xe, hai cô nói chuyện gẫu ra đây nhỉ. Nói chuyện gì hay hay về gẫu đi."

Cô gật đầu: "À vâng, chuyện gấu ấy."

"Chuyện thế nào, cho nghe được không?"

"Được chứ anh."

Cô Shimaο lấy thêm bia từ tủ lạnh ra, rót vào cốc của hai người.

"Mà chuyện hơi dề một tí, em kể ra sợ làm anh ghét thôi."

Komura lắc đầu: Không đâu.

"Thỉnh thoảng vẫn có đàn ông không thích mấy chuyện như thế mà."

"Tôi không có vậy đâu."

"Chuyện thật xảy ra cho em đấy anh, vì vậy có hơi mắc cỡ đấy."

"Nếu được thì muốn nghe lắm."

"Được thôi. Miễn anh không sao là được rồi."

"Tôi không sao đâu."

"À, khoảng 3 năm trước đây, khi em mới nhập học trường Chuyên nghiệp, em có một người bạn trai. Anh ấy là sinh viên Đại học, lớn hơn em 1 tuổi. Người giao hợp đầu tiên của em đấy. Có lần, em đi leo núi chỉ hai người, với anh ấy. Núi rõ xa, ở phía bắc."

Cô Shimaο dừng lại, uống một ngụm bia rồi nói tiếp:

"Lúc ấy vào mùa thu, gấu hay ra lắm. Gấu mùa thu phải ra kiếm lương thực cho kỳ đông miên nên rất nguy hiểm. Đôi khi chộp cả người ta đấy. Đạo ấy, 3 ngày trước đã có người leo núi bị gấu vồ bị thương nặng đấy thôi. Vì vậy mà dân vùng ấy mới cho tụi em cái chuông nhỏ. Nhỏ bằng cái phong linh ấy. Họ dặn phải vừa đi vừa lắc chuông cho kêu leng keng, để gấu nghe thấy biết là có người ta, mà không ra. Bởi gấu có vồ người ta cũng không phải vì nó muốn vồ đâu nhé. Gấu tuy là giống động vật ăn tạp, nhưng cây cỏ vẫn là thức ăn chính, thường thì nó chẳng có lý do gì để phải vồ người ta cả. Chỉ khi nào gặp phải người nào thành linh xâm nhập vào lãnh thổ của nó, gấu mới giật mình, hoặc tức giận, mới phản xạ mà vồ người ta thôi. Vì thế mà vừa đi vừa lắc chuông leng keng, leng keng, thì gấu mới biết mà tránh mình. Anh hiểu không?"

"Hiểu chứ."

"Cứ thế, tụi em hai đứa vừa leo núi vừa lắc chuông leng keng. Đến một chỗ vắng không thấy ai, anh ấy đột nhiên nói muốn yêu em ngay lúc ấy. Em thì cũng không ghét gì chuyện ấy nên cũng ừ. Thế là hai đứa chui vào bụi cây kín đáo bên đường, giăng tấm trải nhựa ra. Nhưng mà em vẫn sợ gấu ra lắm. Chứ đang yêu nhau mà bị gấu nó vồ chết từ sau lưng thì chịu gì thấu, phải không nào? Gì chứ chết kiểu đó, em không ham đâu. Anh có nghĩ thế không?"

Komura gật đầu.

"Vì thế, tụi em phải một tay giơ chuông lên mà lắc trong suốt cái lúc yêu nhau ấy. Từ đầu cho đến cuối cứ leng keng, leng keng."

"Người nào lắc chuông thế?"

“Thì phải thay nhau mà lắc chứ anh. Đứa này mỗi tay thì đứa khác thay. Cứ thế, vừa làm tình vừa lắc chuông. Thật kỳ quái. Đến bây giờ thỉnh thoảng ngay lúc đang làm tình mà nhớ đến chuyện ấy, em lại phì cười.”

Komura cũng cười theo. Cô Shimaō thấy vậy vỗ tay mừng:

“Được lắm. Anh Komura cũng cười được đấy thôi.”

“Tất nhiên rồi.” Komura nói. Nghĩ lại, lâu lắm rồi, anh mới cười lại được. Lần cười trước là lúc nào nhỉ?

“Này anh, em vào tắm được không anh?”

“Được chứ.”

Trong lúc cô tắm, Komura xem truyền hình tạp lục có anh hề lớn giọng làm người giới thiệu chương trình. Anh chẳng hiểu vì chương trình dở tệ hay chỉ vì mình mà anh chẳng thấy gì hay. Anh uống bia và mở bao hạt đậu khô trong tủ lạnh ra ăn.

Cô Shimaō tắm thật lâu, rồi bước ra ngồi lên giường, chỉ có tấm khăn tắm quấn ngang ngực. Cô mở khăn, rồi như con mèo, cô cuộn người chui vào tấm chăn trải trên giường. Cô nhìn thẳng vào mắt Komura:

“Này anh Komura, lần cuối anh yêu vợ là lúc nào nhỉ?”

“Có lẽ cuối tháng Chạp năm ngoái đấy.”

“Từ ấy đến nay không yêu lần nào cả sao?”

“Không lần nào cả.”

“Không cả với người nào khác sao?”

Komura nhắm mắt, gật đầu.

“Em nghĩ thế này nhé, bây giờ đối với anh Komura, cần nhất là thay đổi tâm tình cho cởi mở hơn, thuận thảo hơn trong chuyện vui hưởng đời sống đấy anh.” Cô Shimaō nói. “Chứ sao nữa! Ngày mai biết đâu lại có động đất, hay lại bị người vũ trụ bắt đi, hay lại bị gấu vồ chết không chừng. Cái gì sẽ xảy ra, ai mà biết trước được phải không anh?”

Komura nói, như lặp lại lời cô:

“Ai mà biết trước được.”

Cô Shimaō mời gọi: “Leng keng, leng keng...”

*

Komura gắng kết hợp mấy lần, mà lần nào cũng không đi đến đâu, anh đành bỏ cuộc. Lần đầu tiên anh bị như thế.

Cô Shimaō dò hỏi:

“Anh đang nghĩ đến chị ấy phải không?”

Komura trả lời: “Ừm.” Nhưng thật ra, trong đầu anh lúc ấy chỉ có quang cảnh động đất. Giống như đang chiếu phim dương bản: một hình chiếu lên xong lại tan biến đi, hình khác chiếu lên xong lại tan biến đi. Những đường lộ cao tốc, lửa,

khói, những núi gạch vụn, những kẽ nứt trên đường. Anh không sao ngăn chặn được những hình ảnh tiếp nối không có âm thanh đó trong trí anh.

Cô Shimaō áp tai vào khuôn ngực trần của Komura.

“Chuyện ngừng giữa chừng ấy vẫn thường có đấy anh.”

“Ừm.”

“Em nghĩ tốt hơn là đừng để tâm làm gì anh ạ.”

“Sẽ gắng không để tâm.”

“Nói thế chứ rồi cũng để tâm, phải không. Đàn ông là thế mà.”

Komura im lặng.

Cô Shimaō nắn nhẹ núm vú của Komura:

“Này anh, anh nói chị ấy có để lại mảnh giấy đấy nhỉ?”

“Ừ, có đấy.”

“Mảnh giấy ấy viết gì vậy anh?”

“Viết là cô ấy sống với tôi như sống với một khối không khí thôi.”

“Khối không khí à?”

Cô Shimaō quay cổ, nhìn lên mặt Komura.

“Nghĩa là sao, anh?”

“Nghĩa là không có gì bên trong, tôi đoán thế.”

“Anh Komura mà không có gì bên trong sao?”

“Có thể thế. Nhưng mà không hiểu lắm đâu. Nói là không có gì bên trong, mà cái bên trong ấy là cái gì?”

Cô Shimaō nói: "Thật đấy. Nghe thế thì cũng chẳng biết cái bên trong ấy là cái thứ gì. Mẹ em thì thích ăn da cá hồi, đến nỗi bà hay nói phải chi có loại cá hồi chỉ toàn da thôi, thì tốt quá. Vậy thì cũng có thể có trường hợp không có gì bên trong lại tốt hơn, phải không anh?"

Komura thử tưởng tượng loại cá hồi chỉ toàn da thôi. Nhưng mà giả thử có loại cá hồi chỉ toàn da thôi ấy đi nữa, thì cái bên trong của loại cá ấy lại chính là da của nó chứ gì nữa?

Komura hít thở thật sâu, làm cho đầu cô gái nổi lên cao xong lại chìm xuống trên ngực anh.

“Này anh, có cái bên trong hay không thì em không hiểu, nhưng mà em thấy anh Komura cũng tuyệt vời đấy chứ. Em nghĩ trên đời này vẫn có khối phụ nữ hiểu đúng về anh và thương yêu anh.”

“Mảnh giấy ấy cũng có viết như thế đấy.”

“Mảnh giấy chị ấy để lại ấy à?”

“Ừ.”

“Hừ.” Cô Shimaō tỏ vẻ bất phục, rồi lại áp tai lên ngực Komura. Vòng khuyên đeo tai của cô cho anh cảm giác cồm cộm mơ hồ.

Komura nói: “Mà này, cái hộp tôi mang đến ấy mà, không biết có gì bên trong ấy nhỉ?”

“Anh thắc mắc hả?”

“Mãi không quan tâm đến nó, nhưng bây giờ tự dưng đâm ra thắc mắc lạ lùng.”

“Từ lúc nào?”

“Mới ngay đây thôi.”

“Đột nhiên chăng?”

“Sực nhớ lại thì thắc mắc đấy mà.”

“Sao mà đột nhiên lại đâm ra thắc mắc nhanh thế nhỉ?”

Komura nhìn chăm bẵm lên trần nhà, suy nghĩ lung lăm. “Sao vậy nhỉ?”

*

Một lúc lâu, hai người lắng tai nghe tiếng gió rít ngoài kia. Gió thổi đến, khởi từ chỗ Komura không biết, rồi thổi đi, đến chỗ Komura không hay.

Cô Shimao thì thầm:

“Là vì, cái bên trong của anh Komura đã bị giữ trong cái hộp ấy đấy. Không biết thế, anh Komura lại mang hộp lên tận đây, và tự tay trao cho cô Sasaki mất rồi. Cho nên, cái bên trong của anh Komura sẽ chẳng còn trở lại nữa đâu.”

Komura nhóm người lên, nhìn xuống mặt cô gái. Chiếc mũi nhỏ và hai nốt ruồi trên dái tai. Trong im lặng sâu thẳm, tim anh dấy lên tiếng động lớn, khô khốc. Anh vặn người, nghe tiếng xương kêu rắc. Trong một thoáng chốc, Komura thấy mình như đứng bên bờ vực của tâm cảnh muốn dùng bạo lực hung hãn để áp đảo. Cô Shimao nhìn sắc mặt của Komura, lo sợ:

“Em nói đùa đấy mà. Chợt nghĩ vớ vẩn rồi vọt miệng ra đó thôi. Đùa bậy quá, anh tha lỗi cho em. Anh đừng để tâm nhé. Em có cố ý làm anh buồn đâu.”

Komura bình tâm trở lại, nhìn quanh căn phòng rồi dúm đầu vào gối. Anh nhắm mắt lại, thở thật sâu. Bề rộng của cái giường như biển đêm bao quanh anh. Anh nghe tiếng rít của gió lạnh đông đặc. Nhịp tim dồn dập kích động làm rung cả xương.

“Này anh, sao, cảm giác đã đi thật xa, bắt đầu nhận ra được chút nào chưa?”

Komura thành thật đáp:

“Thấy như đã đến một nơi xa thật là xa.”

Cô Shimao lấy ngón tay vẽ lên ngực Komura những đường nét phức tạp như đặt bùa phép. Cô nói:

“Nhưng mà này, chỉ mới bắt đầu thôi đấy.”

Phạm Vũ Thịnh dịch

từ nguyên tác tiếng Nhật UFO Ga Kushiro Ni Oriru

Chú thích:

[1] Akihabara là phố lớn chuyên bán vật dụng điện, điện tử ở Tokyo

[2] Giấy vạn Yen khoảng 100 đô-la Mỹ

[3] Người Nhật thường dùng ấn triện cá nhân thay vì chữ ký trong các văn kiện

[4] Phim "Close Encounters of the Third Kind"

[5] "Love hotel", loại quán trọ nhắm vào các cặp trai gái thuê phòng vài giờ

Lời của người dịch: Câu chuyện ma quái này gợi mở một nghi vấn siêu hình. Bởi “người tưởng tượng và chất liệu tưởng tượng không thể đến từ tưởng tượng”, nên khả năng tưởng tượng có thể làm mờ xóa đi ranh giới của một biên thù. Giữa ý thức và vô thức, giữa nghiệm sinh và thần khải, giữa mê cuồng và giác ngộ chỉ là một biên giới mong manh.

Cũng có thể câu chuyện này chỉ là một sự đối diện tự vấn lương tâm. Nhưng ai là bóng hình trong gương? “Cuối cùng, thằng tôi kia cũng cử động. Hắn đưa những ngón tay của bàn tay trái từ từ chạm vào má và xoa khắp mặt. Tôi nhận ra mình cũng làm y chang như vậy. Như thể tôi chính là hình ảnh trong gương. Điều đó có nghĩa rằng là dường như hắn điều khiển được tôi”. Tôi là tôi hay là cái bóng của chính cái bóng mình?

Gương soi

Murakami, Haruki

Từ đầu đến giờ tôi đã nghe mọi người lần lượt kể chuyện mình, và tôi cho rằng chung quy loại chuyện này chỉ có hai típ cơ bản mà thôi. Ở típ đầu tiên, ta có một bên là thế giới người sống còn kia là thế giới người chết, và câu chuyện xoay quanh việc bước qua ranh giới giữa hai cõi sống chết đó. Như những hồn ma chẳng hạn. Còn típ thứ hai là chuyện về những hiện tượng siêu nhiên hay những khả năng vượt ngoài những kinh nghiệm của thế giới ba chiều hằng ngày. Tri giác ngoại cảm, những điềm báo, linh cảm, hay những thứ tương tự vậy. Nếu phân chia đại khái thì tôi nghĩ có thể chia loại chuyện này thành hai típ như thế.

Suy rộng hơn, tôi nghĩ mọi người chỉ có thể trải nghiệm một trong hai típ mà thôi, hoặc típ này hoặc típ kia. Điều tôi muốn nói là, nếu một người đã nhìn thấy ma thì anh ta sẽ còn gặp ma hoài hoài, nhưng anh ta chẳng hề có linh cảm gì về chuyện đó. Còn người khác thì có khả năng ngoại cảm và luôn có linh cảm nhưng lại chẳng bao giờ gặp ma. Tôi không thể giải thích tại sao, nhưng dù lý do gì đi nữa thì sự việc dường như đúng như thế. Ít nhất là tôi nghĩ thế.

Và dĩ nhiên cũng có một số người chẳng thuộc nhóm nào. Như tôi chẳng hạn. Tôi đã có mặt trên đời này ba mươi mấy năm rồi mà chưa nhìn thấy con ma nào. Cũng chưa lần nào tôi có một “thấu thị” hay linh cảm gì hết. Thậm chí có một lần

tôi cùng đi thang máy với hai người bạn. Hai người này đều nhìn thấy ma còn tôi chẳng nhìn thấy gì cả. Họ thấy một người phụ nữ mặc quần áo xám đang đứng cạnh tôi, trong khi thật ra thì ngoài ba chúng tôi ra chẳng còn ai ở trong thang máy. Tôi nói hoàn toàn nghiêm túc đấy. Hai người bạn đó không thuộc cùng nhóm với tôi. Chắc chắn đó là một chuyện kinh dị, nhưng điều đó chỉ cho thấy rằng chẳng bao giờ tôi gặp ma.

Nhưng một lần, và chỉ một lần thôi, tôi cảm thấy sợ hãi tận đáy lòng. Chuyện xảy ra cách đây hơn mười năm và tôi chưa kể cho ai nghe cả. Ngay khi nói về chuyện đó tôi cũng đã cảm thấy sợ rồi. Tại vì tôi cảm thấy nếu kể ra thì chuyện tương tự thế có thể lại xảy ra lần nữa. Bởi thế tôi giữ im lặng suốt bao nhiêu năm qua. Nhưng đêm nay, với cương vị chủ nhà, nghe từng người kể những câu chuyện rùng rợn của họ, tôi không đành lòng im lặng cho đến lúc tàn cuộc. Vì thế mà tôi quyết định kể.

Đừng, xin quý vị đừng vỗ tay. Thực ra cũng chẳng phải chuyện gì hay ho đâu.

Như tôi đã nói, tôi chưa bao giờ gặp ma và cũng không có năng lực đặc biệt gì. Có thể quý vị cho rằng truyện của tôi không kinh dị như tôi cảm nhận, hay dù quý vị cho là như thế thì cũng có sao đâu? Và nếu quý vị cũng cảm thấy như vậy thì thật là hân hạnh cho tôi quá. Nhưng dù sao thì đây cũng là câu chuyện của tôi.

Tôi tốt nghiệp trung học phổ thông vào cuối thập niên sáu mươi. Trong khoảng thời gian đó, xã hội biến động tơi bời khiến ta cảm thấy như cơ đồ thiên hạ có thể bị sụp đổ tan tành. Về phần mình, tôi cũng bị cuốn trôi theo làn sóng đó. Và từ bỏ nghiệp nghiên bút dở dang, mấy năm trời tôi lang thang khắp Nhật Bản mưu sinh bằng những công việc tay chân. Tôi nghĩ đó là con đường đúng đắn dẫn lối đời tôi. Phải, quả thật là tôi đã làm đủ thứ việc. Một số là những việc nguy hiểm. Lúc ấy tôi còn trẻ và ngu ngốc nữa. Nhưng bây giờ nghĩ lại, tôi cho đó là một cách sống thú vị. Nếu được làm lại cuộc đời từ đầu, chắc tôi cũng làm như vậy. Tôi là loại người như vậy đó.

Vào năm thứ hai lang thang, tôi nhận lời làm công việc gác đêm cho một ngôi trường trung học khoảng hai tháng. Ngôi trường này nằm ở một thị trấn nhỏ ở quận Niigata. Thực tình tôi chỉ muốn nghỉ ngơi sau những tháng hè làm những công việc khắc nghiệt. Với lại làm người gác đêm nghe ra cũng vui. Tôi có thể ngủ ở phòng bảo vệ suốt ngày và đêm đến chỉ việc đi quanh kiểm tra khắp trường hai lần. Ngoài việc đó ra, tôi có thể nghe đĩa ở phòng nhạc, đọc báo ở thư viện trường hay chơi bóng rổ một mình trong phòng tập thể dục và làm tất cả những gì mình thích. Ở lại đêm một mình trong ngôi trường trung học không phải là tệ lắm. Không, hoàn toàn không tệ chút nào đâu. Vào lứa tuổi 18,19, bạn chẳng biết sợ bất cứ cái gì.

Chắc hẳn trong các bạn đây chưa ai từng gác đêm ở trường trung học bao giờ, nên tôi phải nói qua về nhiệm vụ công việc của mình. Tôi phải đi kiểm tra hai lần: một lần 9 giờ đêm và lần 3 giờ sáng. Lịch làm việc là như vậy. Ngôi trường là một tòa nhà bê tông ba tầng tương đối mới, có 18 hay 20 lớp học gì đó. Tuy ngôi trường không lớn lắm nhưng cũng có phòng nghe nhạc, phòng thí nghiệm, phòng gia chánh, phòng nghệ thuật, phòng giáo viên và phòng hiệu trưởng. Ngoài ra thì cũng có quán ăn tự phục vụ, hồ bơi, phòng thể dục và thính phòng. Phạm vi tôi phải kiểm tra là như thế.

Có khoảng hai mươi điểm mà tôi phải dùng bút bi đánh dấu từng điểm một khi đi kiểm tra. Phòng giáo viên - đánh dấu, phòng thí nghiệm - đánh dấu. Đại khái vậy. Dĩ nhiên tôi cũng có thể ngủ vùi trong phòng bảo vệ mà vẫn đánh dấu là đã kiểm tra. Nhưng tôi không lười đến thế. Nói thế nghĩa là việc kiểm tra cũng chẳng tốn bao nhiêu thời gian, với lại biết đâu lại có kẻ đột nhập vào và tấn công tôi khi tôi đang ngủ.

Vì thế, vào lúc chín giờ đêm và ba giờ sáng, tôi mang theo mình một cái đèn pin lớn và một thanh kiếm đi tuần tra quanh trường. Tay trái cầm đèn pin, tay phải nắm chặt thanh kiếm. Khi còn học ở trường phổ thông, tôi đã tập kiếm đạo nên tôi cảm thấy khá tự tin về khả năng tự vệ. Nếu một kẻ chưa có kinh nghiệm dùng kiếm tấn công tôi, tôi chắc chẳng lấy gì làm hãi sợ lắm. Nhưng ấy là hồi đó, chứ phải như bây giờ chắc tôi đông căng chạy tuốt.

Đó là một đêm tháng mười lộng gió. Trời không lạnh lắm. Thực ra tôi cảm thấy đất trời ẩm ướt. Khi đêm xuống, lũ muỗi trở nên không thể chịu nổi, tôi phải thấp vài cây nhang muỗi. Gió hú suốt đêm. Tôi nghe như cánh cửa dẫn vào hồ bơi đã bị gió phá tan tành và cứ đập tới đập lui trong gió. Tôi nghĩ mình phải ra sửa lại, nhưng trời tối đen nên tôi bỏ cuộc. Tiếng cánh cửa va đập trong gió vang lên suốt đêm trường.

Không có gì xảy ra khi tôi đi tuần tra vào lúc chín giờ tối. Hai mươi điểm kiểm tra được đánh dấu “Ok”. Các cánh cửa được khóa chắc chắn và mọi vật vẫn yên vị. Không có gì bất thường. Tôi quay lại phòng bảo vệ, vặn đồng hồ báo thức lúc ba giờ sáng rồi tiếp tục ngủ vùi.

Khi chuông đồng hồ reo, tôi thức dậy với cảm giác lạ lùng chưa từng thấy. Tôi không diễn tả được nhưng đó là một cảm giác rất lạ. Nói thẳng ra là tôi chẳng muốn thức dậy chút nào. Tôi cảm thấy thân thể mình cưỡng kháng lại ý chí muốn thức dậy. Thật kỳ lạ, bởi thường thì tôi bật dậy ngay cơ mà. Nhưng cuối cùng tôi cũng thức dậy một cách khó khăn để đi làm nhiệm vụ. Cánh cửa hồ bơi vẫn va đập trong gió như hồi đêm. Nhưng không hiểu sao, tôi cảm thấy âm thanh này là lạ khác trước. Chắc là do tôi tưởng tượng ra thôi nhưng sao tôi vẫn nổi da gà. Tôi nghĩ thầm: ớn lạnh thật. Mình chẳng muốn đi kiểm tra một tí nào. Nhưng dĩ nhiên, tôi cũng kéo lê thân xác mình dậy và bước ra ngoài. Nếu tôi chỉ giả vờ

đánh dấu một lần thôi, thì tôi sẽ mãi mãi làm như thế. Tôi cầm đèn pin, nắm chặt thanh kiếm rồi rời khỏi phòng bảo vệ.

Đó là một đêm thật kinh khủng. Gió gào càng lúc càng mạnh, không khí càng lúc càng ẩm ướt. Tôi sờn gai ốc và không thể tập trung vào bất cứ cái gì. Đầu tiên tôi kiểm tra phòng thể dục, thính phòng và hồ bơi. Cả ba nơi đều không có vấn đề gì. Cánh cửa hồ bơi va đập trong gió, đóng mở liên tục như một quả lắc cuồng điên lúc lắc đầu vô nghĩa. Tiếng va đập nghe ra không theo một quy tắc nào cả. Cứ không, không, có, có... mãi như vậy. Tôi biết thật là kỳ quặc khi diễn tả như thế, nhưng đó là cảm giác thực của tôi vào lúc ấy.

Không có gì bất thường ở khu nhà chính. Vẫn như thường lệ. Tôi nhanh chóng hoàn thành việc tuần tra và đánh vào phiếu kiểm tra là Ok. Xét cho cùng thì chắc ổn cả thôi. Cảm thấy nhẹ nhõm, tôi quyết định trở về phòng bảo vệ. Điểm kiểm tra cuối cùng là nhà bếp của trường nằm kế bên quán ăn tự phục vụ ở góc phía đông xa nhất. Không may là phòng bảo vệ lại ở góc phía Tây. Do vậy tôi phải đi qua một dãy hành lang dài để trở về phòng mình. Tất nhiên trời tối như mực. Khi mặt trăng ló dạng, một quầng sáng yếu ớt hắt vào hành lang, nhưng nếu không, ta sẽ chẳng nhìn thấy gì. Tôi lần đường về nhờ ánh sáng chiếc đèn pin chiếu ngay phía trước mặt. Vì đêm đó có cơn bão sắp kéo tới nên hiển nhiên là trăng bị mây che khuất. Ánh đèn hắt lên một quầng sáng rồi tắt cả lại ngập chìm vào đêm đen.

Đêm đó trên quãng đường về, tôi đi nhanh hơn thường lệ. Hai đế cao su đôi giày chơi bóng rổ của tôi va chạm với nền hành lang vang lên những âm thanh vội vã. Nền hành lang được trải thảm xanh. Thậm chí bây giờ trong tâm tưởng tôi vẫn nhìn thấy chúng rất rõ.

Lối vào trường nằm khoảng giữa chiều dài hành lang. Khi băng qua cổng chốt tôi có cảm giác hình như có một cái gì. Hình như tôi phát hiện một dáng hình nào đó trong bóng tối. Ngay trong khóe mắt tôi. Nắm chặt thanh kiếm, tôi rẽ sang hướng đó. Tim đập thình thình, tôi hướng ánh đèn pin vào bóng đêm. Có một bóng đen trên bức tường kế bên kệ để giày.

Đó là chính tôi. Điều tôi muốn nói là có một tấm gương. Không có ai khác ngoài tôi phản chiếu bóng mình trên tường. Tấm gương chắc là mới được gắn vào đây bởi vì tôi chưa thấy nó trong lần kiểm tra đêm trước. Chính vì vậy nên tôi đã bỏ qua. Tôi cảm thấy hết sức nhẹ nhõm, đồng thời lại thấy mình vô cùng xuẩn ngốc. Mình xuẩn ngốc thật, tôi nghĩ thầm. Vẫn đứng trước gương, hạ chiếc đèn pin xuống, tôi lần tìm trong túi một điều thuốc và châm lửa. Tôi phà một hơi khói dài và nhìn vào hình bóng mình trong gương. Một chút ánh sáng đèn đường xuyên qua cửa sổ, chiếu vào tấm gương. Tôi nghe âm thanh va đập của cánh cửa hồ bơi vang vọng phía sau mình.

Sau khi rút ba hơi thuốc lá, tôi chợt nhận ra có điều gì khác lạ. Bóng hình ở trong gương không phải là tôi. Diện mạo bên ngoài thì đúng là tôi. Không cần phải nghi hoặc về điều ấy. Nhưng nó tuyệt đối không phải là tôi. Bằng bản năng, tôi đã nhận biết điều đó. Không, đợi đã, không đúng đâu. Dĩ nhiên là tôi đấy. Nhưng nó là một cái tôi bên ngoài tôi. Hình dạng là tôi mà không phải là tôi.

Có lẽ tôi diễn đạt không được tốt lắm.

Nhưng vào khoảnh khắc ấy, điều duy nhất mà tôi hiểu được là kẻ đang nhìn sâu vào tôi kia căm hận tôi đến tận xương tủy. Lòng căm thù này dâng cao như một ngọn núi băng u ám, một nỗi căm thù không ai có thể chữa lành. Đó là điều duy nhất mà tôi hiểu được. Tôi đứng chết lặng một lúc lâu, không thể nhúc nhích được tay chân mình nữa. Điều thuốc kẹp giữa hai ngón tay tôi rơi xuống đất. Chúng tôi cùng nhìn nhau. Thân hình tôi chết lặng như thể bị trói buộc vào nơi này.

Cuối cùng, thằng tôi kia cũng cử động. Hắn đưa những ngón tay của bàn tay trái từ từ chạm vào má và xoa khắp mặt. Tôi nhận ra mình cũng làm y chang như vậy. Như thể tôi chính là hình ảnh trong gương. Điều tôi muốn nói là, dường như hắn điều khiển được tôi.

Thế là, dồn hết sức mình, tôi hét lên một tiếng. Tôi hét vang “Grarhh”. Và như thế, sợi dây trói chùng xuống một tí. Tôi vận hết sức bình sinh ném thanh kiếm về phía tấm gương. Tôi nghe tiếng những mảnh gương vỡ. Không ngoái lại đằng sau, tôi chạy về phòng mình, khóa cửa và nhảy lên giường. Tiếng va đập của cánh cửa hồ bơi kéo dài đến tận sáng. Cứ có, có, có, không, có, có, không không... suốt như vậy.

Tôi đoán chắc chắn là quý vị đã biết kết thúc của câu chuyện rồi. Dĩ nhiên là chẳng có tấm gương nào ở đó cả. Không có tấm gương nào. Chẳng có tấm gương nào được lắp ở lối vào trường kế bên kệ để giày cả.

Tất cả chỉ nói lên một điều là, chẳng phải tôi nhìn thấy ma đâu. Tôi đã nhìn thấy chính bản ngã mình. Và tôi chẳng bao giờ quên được nỗi sợ hãi tối hôm đó.

Có lẽ quý vị đã nhận ra trong nhà này không hề có gương soi. Thậm chí tôi còn không dám dùng gương để cạo râu, cho dù cách này rất mất thời gian. Là chuyện thật đấy, tôi không kể thêm đâu.

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh Mirror của Christopher Allison

Phong cảnh có bàn ủi [1/2]

Murakami, Haruki

Lời người dịch: Truyện ngắn sau đây, "Airon No Aru Fukei", đăng trên tạp chí Shincho tháng 9 năm 1999, là truyện thứ hai trong tuyển tập "Các con của Thượng đế đều nhảy múa - KamiNo KodomoTachiWa Mina Odoru", được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật, và đã được đối chiếu với bản tiếng Anh của Jay Rubin,

Giáo sư Văn học Nhật Bản của Đại học Harvard, trong tập "After The Quake" do nhà Harper, London xuất bản năm 2002.

Trong truyện có nhân vật nói giọng địa phương Kansai miền Tây Nhật Bản, khác với giọng chuẩn miền Đông, vùng Tokyo. Bản dịch tạm dùng phương âm Quảng Nam để chuyển ngữ giọng Kansai đó.

Điện thoại reo khoảng gần 12 giờ khuya, lúc Junko đang xem truyền hình. Keisuke đang ngồi gảy đàn ghi-ta điện ở góc phòng, ông nghe ép vào tai, mắt lim dim, đầu lắc trái, lắc phải. Có vẻ đang tập một đoạn nhạc nhanh, những ngón tay dài lướt tới lui vội vã trên 6 dây đàn, hẳn hoàn toàn không nghe tiếng điện thoại reo. Junko nhặt ông nghe lên.

“Ngủ rồi hả?”. Tiếng ông Miyake thì thầm nho nhỏ, như thường lệ.

“Không sao, đã ngủ đâu”. Junko đáp.

“Bây chừ đang ở bãi biển đây. Cây trôi về nhiều quá chùng. Đốt lên một đám to phải biết. Tới được không?”

“Được chứ”. Junko nói. “Đi thay áo ngay đây, 10 phút là đến đây”.

Junko mặc đồ lót chèn, bên trên là quần bò và áo thun cổ rùa, thêm một áo khoác ngoài bằng len. Cô nhét bao thuốc lá vào áo khoác, chộp lấy ví, hộp diêm và chùm chìa khoá xe, xong đá nhẹ vào lưng Keisuke. Keisuke giật mình, gỡ ông nghe ra.

“Em ra bờ bể nhóm lửa đây.”

“Lại ông nội Miyake nữa chứ gì”. Keisuke nhú mày nói. “Đùa nhả quá. Đang tháng Hai lạnh cóng thế này mà đã 12 giờ khuya rồi, giờ này còn rử ra ngoài bãi bể đốt lửa chơi nữa, trời ạ!”

“Thì anh đừng đi, em đi một mình được rồi.”

Keisuke thở dài. “Thì đi. Đi là được chứ gì. Đợi tí, đi thay áo ngay đây.”

Hắn tắt máy khuếch âm, mặc quần tây lên trên quần ngủ, tròng áo len vào, khoác thêm chiếc áo ngoài có độn lông ngỗng, kéo khóa lên tận cổ. Junko quấn khăn quàng quanh cổ, đội thêm mũ len lên đầu.

“Thật là quá quắt. Lập dị vừa thôi chứ. Đốt lửa thì có gì là vui thú đâu nào?”

Keisuke vừa bước về phía bờ biển vừa càu nhàu. Đêm lạnh nhưng hoàn toàn yên gió. Mở miệng ra là hơi thở đông lại theo dạng lời nói.

“Vậy chứ nhạc Pearl Jam thì vui thú gì nào? Chỉ ồn ào điếc tai thì có!” Junko đối đáp lại.

“Này cô, Pearl Jam có đến hàng triệu người hâm mộ trên thế giới đấy.”

“Còn người thích đốt lửa đã có mặt trên thế giới này từ 5 vạn năm trước thì sao?”

Keisuke thừa nhận: “Ừ, có thể thật.”

“Pearl Jam sẽ hết thời, chứ chuyện đốt lửa chơi thì còn mãi.”

“Ừ, cũng có thể thật.”

Keisuke rút bàn tay phải ra khỏi túi áo, quàng vai Junko.

“Nhưng mà Junko, chuyện 5 vạn năm trước, hay 5 vạn năm sau, thì chẳng quan hệ gì đến anh cả. Hoàn toàn không. Chỉ quan trọng là lúc này thôi nhé. Thế giới ấy à, ai biết sẽ tận thế lúc nào? Chuyện xa vời ấy có suy nghĩ ra được chẳng? Điều quan trọng là bây giờ, ngay lúc này đây, có còn được bữa cơm mà ăn, có còn hứng tình cương cứng lên được hay không, mà thôi. Chứ gì nữa.”

*

Leo mấy bậc tam cấp lên đứng trên đê thì thấy dáng ông Miyake ở chỗ mọi khi vẫn thấy. Ông đang chăm chú gom góp chất vào một đống những thân cây đu đủ cỡ, đu đủ hình dáng, đã trôi dạt vào bờ biển. Trong số đó có một thân gỗ thật lớn, kéo lê được nó vào hẳn là cả một công trình.

Bờ biển được ánh trăng soi sáng trông như lưỡi dao mài sáng bóng. Sóng mùa đông không ngừng âm thầm rửa cát. Không có bóng người nào khác.

“Thấy chưa, gom được nhiều cây lắm đó nghe.”

Ông Miyake nói, cũng thở ra những hơi khói trắng.

Junko trầm trồ: “Nhiều thật đấy chứ.”

“Thỉnh thoảng cũng được một bữa như vậy. Mấy ngày trước biển động dữ lắm nghe. Độ rày, hễ nghe biển gầm là tui biết liền bữa ni là có nhiều cây trôi về lắm. Quả nhiên đúng thiệt.”

“Tự mình khen mình từng ấy đủ rồi, đốt lửa nhanh lên đi ông ơi. Lạnh thế này thì con chim quý hóa của tớ nó thun lại mất.”

Keisuke nói, hai bàn tay xuýt xoa chà sát nhau.

“Khoan, khoan, chờ chút đi. Chuyện ni phải thứ tự đàng hoàng mới được. Trước hết là phải lập kế hoạch cho chắc chắn không có sơ sót chi hết, sau đó mới cẩn thận cho lửa vô. Bộp chộp không được mô. Đến tụi ăn mày mà bộp chộp thì cũng chẳng ai cho bao nhiêu đâu đó.”

Keisuke nói: “Còn các em thoa xà phòng mà bộp chộp thì tớ chẳng kéo dài được bao nhiêu.”

Ông Miyake lắc đầu ngao ngán:

“Cái thằng ni, đừng có ý còn trẻ rồi nói giỡn kiểu ba trợn đó nghe.”

*

Những thân gỗ lớn cùng những que nhỏ được sắp xếp xen kẽ một cách khéo léo, chất chồng lên nhau như một hình khối mỹ thuật tiên vệ. Ông Miyake lùi vài bước, xem xét kỹ càng hình khối đó, sửa lại phối trí các cây gỗ, xong lại bước qua phía bên kia, ngắm nghía, xem xét, sửa đổi. Cứ làm đi làm lại vài bận như thế, chỉ cần xem cách đan kết của những thân gỗ, mà trong trí hiện lên càng lúc càng rõ cái hình dạng mà lửa sẽ cháy lên theo. Giống như nhà điêu khắc nhìn vật liệu đá cấu trúc như thế nào, từ đó suy tưởng được cái hình thể đang ẩn náu trong khối đá ấy.

Tỉ mỉ sắp xếp cho đến lúc tạo được phối trí mà ông hài lòng, ông Miyake gật gù: “Xong rồi”. Ông lấy giấy báo đã trữ sẵn, cuộn tròn lại nhét vào dưới đáy khối gỗ, lấy hộp quẹt bằng nhựa, bật lửa đốt. Junko lấy thuốc lá từ túi áo ra, gắn vào môi, đốt diêm châm hút. Cô nheo mắt ngắm chiếc lung uốn cong và phía sau đầu đã phần nào thừa tóc của ông Miyake. Thời điểm trọng đại nhất là lúc này đây. Liệu có bắt lửa chóng vánh hay không? Liệu lửa có cháy to lên ngon lành hay không?

Ba người yên lặng ngắm núi gỗ trước mặt. Giấy báo bắt cháy mạnh, vụn vụn mình lên theo ngọn lửa, thoáng chốc cuộn nhỏ lại, rồi tàn đi. Rồi một lúc như không có biến chuyển gì cả, Junko nghĩ thầm: Thôi không xong rồi. Gỗ xem thế mà còn ướt quá chăng?

Vừa lúc tưởng đã bỏ cuộc, thì một sợi khói trắng uốn éo vươn lên. Nhờ lặng gió, khói trắng vươn lên cao thành một sợi mỏng càng lúc càng dài, liền lạc. Lửa đã bén đâu đây rồi, tuy chưa thấy bóng dáng đâu cả. Không ai nói một lời nào, ngay cả Keisuke cũng khép chặt miệng. Keisuke đút hai bàn tay vào túi áo khoác ngoài. Ông Miyake ngồi bệt lên cát. Junko vòng tay trước ngực, thỉnh thoảng như nhớ lại thì hít một hơi thuốc lá.

Junko lại nhớ đến truyện “Đốt lửa”¹ của Jack London, như từ trước vẫn hay nhớ đến. Câu chuyện của một người đàn ông trong chuyên lữ hành đơn độc đã đốt lửa sưởi trong tuyết phủ vây bọc chung quanh ở vùng hẻo lánh Alaska. Lửa không bén thì người ấy chắc chắn phải chết cồng, mà trời chiều đã hoàng hôn. Tiểu thuyết thì hầu như cô không bao giờ đọc, chỉ có truyện ngắn ấy là cô đã đọc đi đọc lại nhiều lần vì phải viết bài bình giảng đề tài ấy trong kỳ nghỉ hè lớp 10. Tình cảnh trong câu chuyện tự nhiên hiện lên rõ rệt trong trí, cô cảm nhận được cả nhịp đập hồi hộp của người đàn ông đang đứng đối mặt với cái chết, tâm trạng hãi sợ pha lẫn hy vọng cùng lúc với tuyệt vọng. Cảm nhận rõ ràng như chính cô đang bị đặt vào tình cảnh ấy. Nhưng mà cô nghĩ điểm quan trọng nhất trong câu chuyện ấy, vẫn là sự thật cơ bản rằng người đàn ông ấy đã đi tìm cái chết. Ngay từ đầu cô đã hiểu được như thế mặc dù không giải thích rành mạch được lý do. Người đàn ông thật sự đã đi tìm cái chết vì hiểu rằng chỉ có cái chết mới là chung cuộc thích đáng đối với ông ta. Mà mặc dù vậy, để sống còn, ông ta vẫn phải đấu tranh tay đôi chống lại cái chung cuộc áp đảo ấy. Cái mâu thuẫn căn bản ấy ở ngay trọng tâm của câu chuyện đã kích động tầng sâu thẳm trong ý thức của Junko.

Thầy giáo đã cười vang mà bác bỏ ý kiến của cô. Vai chính này mà lại đi tìm cái chết thật sao? Ông nói, ngán ngẩm: “Lần đầu tiên tôi nghe một cảm tưởng kỳ quái đến thế, mặc dù thoạt nghe có vẻ độc đáo”. Rồi ông đọc lớn một đoạn trong bài bình giảng của Junko làm cả lớp cười theo.

Nhưng Junko đã hiểu là mọi người khác đã sai lầm. Nếu sự thật không phải như thế, làm sao mà kết cuộc của câu truyện lại có thể thanh tĩnh và đẹp đẽ như thế được?

*

“Này ông Miyake, lửa tắt ngóm rồi đấy, phải không?”. Keisuke nói, có vẻ nghi ngờ.

“Đừng lo, đã bắt lửa rồi đó. Bây chừ chỉ cần chuẩn bị cho lửa bốc lên thôi. Khói lên liên tục rồi đó, thấy không? Người ta nói: Không có lửa, răng có khói, là rứa đó”.

“Người ta cũng nói: không có máu thì khói có cương, nữa đấy”.

Ông Miyake chán ngán: “Mi không có chuyện chi để suy nghĩ ngoài chuyện nó rãng mi?”

“Nhưng mà, ông biết lửa chưa tắt thật không đấy?”

“Biết chứ, lửa sắp bùng lên cho coi.”

“Ông Miyake học được cái kiến thức ấy từ đâu thế?”

“Chẳng phải kiến thức chi, chỉ là mấy thứ tập tành hồi tui đi hướng đạo đó. Đi hướng đạo thì có muốn hay không cũng rành chuyện đốt-lửa-trại hết.”

“Ghê nhỉ, hướng đạo kia đấy.” Keisuke nói.

“Mà thiệt ra, đâu phải chùng đó thôi, tui còn chút tài riêng nữa đó. Nói ra nghe như khoe khoang, chứ về chuyện nhóm lửa, tui có chút tài riêng người khác không bằng được.”

“Nghe thì hay lắm đấy, nhưng mà tài năng ấy chả làm ra tiền mấy đâu nhỉ.”

Ông Miyake cười lớn:

“Quả thiệt chẳng làm ra đồng tiền mô hết.”

*

Đúng như ông đã nói, lửa bắt đầu thấy lấp ló trong tận cùng đồng cây, và đã nghe nho nhỏ những tiếng cây gỗ nứt nẻ. Junko thở ra nhẹ nhõm. Đến được mức này thì hết lo rồi, nhóm lửa thế là thành công. Ba người không hẹn mà cùng đưa hai bàn tay ra hơ trước ngọn lửa sơ sinh còn mới nguyên. Lúc này thì không cần phải làm gì ngoài chuyện yên lặng xem chùng ngọn lửa đang từ từ bốc cao lên. Junko nghĩ từ 5 vạn năm nay, cổ nhân hẳn cũng đã hơ tay vào ngọn lửa vừa nhóm với tâm tình như thế.

Keisuke như chợt nhớ ra điều gì, vui vẻ hỏi:

“Này, ông Miyake lúc trước có nói là đến từ Kobe đấy nhỉ. Trong trận động đất tháng trước, chắc là không sao? Ông đâu còn ai trong gia tộc ở Kobe nữa, phải thế không?”

“Ôi, tui cũng không biết nữa. Mà cũng chẳng còn quan hệ chi tới tui. Chuyện xưa rồi.”

“Ông bảo chuyện xưa rồi, thế mà cái giọng thô âm ấy có đời gì đâu.” Keisuke nhái giọng, chọc: “Nè ông Miyake, nói giọng như ông mà biểu không phải giọng quê, rứa thì cái giọng tui nói đây là cái giọng chi? Ăn nói ngược ngạo rứa thì phiền lắm đó nghe ông.”

“Đẹp chuyện nhái giọng nghe ngứa lỗ tai đó đi. Ai mượn các người nhái giọng quê tui. Mấy đũa mi cứ tới ngày nghỉ việc cày cấy thì lại xách xe gắn máy, dựng cờ chạy phá làng phá xóm là giỏi thôi.”

“Gì mà nặng tay thế. Ông Miyake mặt trông hiền hậu là thế mà nói nặng ra gì ấy chứ. Động tí là đàn áp người dân thuần phác xứ này ngay đấy. Thôi, tớ cũng xin chịu thua ông.” Keisuke nói. “Nhưng mà hỏi thật đấy. Không sao thật chứ? Thế nào ông cũng có người quen biết ở Kobe chứ? Ông có xem truyền hình không đấy?”

Ông Miyake nói: “Thôi, dẹp chuyện đó đi. Uống whisky không?”

“Xin ông.”

“Cô Junko có uống không?”

Junko đáp: “Một tí thôi”.

Ông Miyake móc túi áo khoác bằng da ra một bình rượu mỏng nhỏ bằng kim loại, trao cho Keisuke. Keisuke vặn mở nắp bình, nâng bình lên rót rượu vào miệng, tránh không để miệng bình chạm vào môi. Hắn nuốt ực một ngụm rượu xong hít vào thật sâu:

“Ngon quá. Rượu này đúng là tuyệt phẩm nguyên chất rượu 21 năm đây, không sai tí nào. Rượu ủ trong thùng cây sồi đấy nhé. Uống vào là nghe được cả tiếng sóng bể reo, cả tiếng thờ dài của thiên thần xứ Scotland nữa đấy.”

“Cái thằng nói nhảm thiệt. Rượu nội hoá Suntory bình vuông đó chớ có chi lạ mô nà.”

Junko tiếp lấy bình rượu, rót vào nắp bình, rồi nhắm rượu từng chút một. Cô nghiêm mặt dõi theo cảm giác đặc thù của dòng chất lỏng ấm áp chảy từ thực quản xuống dạ dày, nghe cốt tủy trong thân thể mình ấm dần lên. Đến phiên ông Miyake nhẹ nhàng uống một ngụm rồi Keisuke lại tu một ngụm lớn. Bình rượu sang tay từ người này sang người kia. Lửa nhóm đã không hấp tấp mà từ từ bốc lên thành ngọn lửa vững vàng. Đó là chỗ hơn người của ngọn lửa do ông Miyake nhóm lên. Lửa lan dần ra một cách hiền hòa mềm mại, như một vòng ôm lão luyện, không một chút hấp tấp vội vàng, không một chút thô bạo. Lửa ấy như chỉ để sưởi ấm lòng người.

Junko bao giờ cũng trở nên trầm mặc trước ngọn lửa nhóm. Thỉnh thoảng cô đôi thế ngồi, còn thì hầu như không động đậy chút nào. Ngọn lửa trước mắt cô như âm thầm thu nhận, phủ lấp và dung thứ mọi điều. Junko nghĩ là một gia đình đích thực cũng giống như thế.

*

Junko đến thành phố nhỏ này trong huyện Ibaragi từ tháng 5 năm cô học lớp 12. Cô đã bỏ nhà ra đi, mang theo 30 vạn Yen² mà cô đã rút ra, dùng ấn triện và trưng mục ngân hàng của thân phụ, trong cái xách hàng hải chỉ dòn đầy áo quần để thay đổi. Từ quê Tokorozawa, cô lấy đại nhiều chuyến tàu điện đến được phố nhỏ bên bờ biển của huyện Ibaragi, mặc dù cô cũng chưa từng nghe đến tên phố này bao giờ. Cô tìm được một căn gác trọ từ một nhà địa ốc trước ga, rồi một tuần sau đó trở thành nhân viên bán hàng cho một hiệu tạp hóa nhỏ nhìn ra quốc lộ chạy dọc theo bờ biển. Cô gửi thư về cho mẹ rằng cô bình yên, khoẻ mạnh, xin đừng lo cho cô, và đừng tìm kiếm cô.

Ngày trước, cô đã chán chuyện đi học, và ngán ngẫm chuyện đối mặt với bố cô. Lúc còn nhỏ, Junko cũng thân với bố, ngày nghỉ thường đi chơi với ông. Năm tay bố mà đi, thấy hãnh diện và an tâm vô cực. Thế rồi năm sắp xong tiểu học, cô bắt đầu có kinh, có lông ở chỗ kín, vú nổi vun lên. Thân phụ bắt đầu nhìn cô với tia nhìn khác lạ, không như trước nữa. Rồi từ năm lớp 9, thân hình cô vượt mức 1m70, thì thân phụ hầu như không còn gọi chuyện cô nữa. Thành tích học vấn của cô cũng không có gì đáng khen. Thuở mới lên trung học, cô được xếp hạng cao trong lớp, nhưng lúc xong lớp 9 thì thứ hạng của cô phải đếm từ dưới lên mới nhanh được. Khó khăn lắm cô mới lên được lớp 10. Không phải trí óc ngu tối, có điều cô không tập trung trí óc được vào việc gì. Làm chuyện gì cũng bỏ dở nửa chừng, cố gắng tập trung ý thức thì đầu lại như búa bổ, thở không ra hơi, tim đập loạn cả lên. Việc đến trường học chỉ còn là khổ não, đau đớn.

*

Làm quen với đời sống của phố nhỏ này không bao lâu thì cô gặp Keisuke. Hấn lớn hơn cô 2 tuổi, là một tay lướt ván giỏi, thân cao, tóc nhuộm màu nâu, hàm răng đều, đẹp. Ở vùng này sóng tốt nên hấn lưu lại, cùng bạn bè lập ra một ban nhạc Rock. Có ghi danh ở một đại học xoàng, nhưng không bao giờ đến lớp, mà cũng chẳng có triển vọng tốt nghiệp. Song thân kinh doanh một hiệu bánh lâu đời ở ngay trong thành phố Mito, nên có bề gì thì cũng trở về nối nghiệp nhà được, nhưng đương sự thì hoàn toàn không có ý định an vị làm chủ một hiệu bánh. Có vẻ hấn muốn suốt đời cùng các bạn hấn lái chiếc xe tải Datsun chạy vòng vòng, chơi lướt ván trên sóng, và gảy đàn ghi-ta trong ban nhạc. Như thế đủ cho hấn rồi, dù người khác cho rằng lối sống vô-tư-lự ấy chẳng thể nào kéo dài mãi được.

Junko bắt đầu nói chuyện thân mật với ông Miyake từ khi vừa mới sống chung với Keisuke. Ông Miyake khoảng giữa tuổi 40, nhỏ và gầy, mang mắt kính, mặt thon dài và tóc cắt ngắn. Râu ông đậm, chiều đến là cả khuôn mặt tối lại như bị bóng người che khuất. Thường mặc áo vải hay áo hoa Aloha phai màu bỏ ra ngoài quần dài vải trơn nhàu nát, mang giày thể thao. Mùa đông thì khoác thêm chiếc áo khoác bằng da đầy vết sần tróc. Đôi khi đội mũ lưỡi trai. Junko

chưa hề thấy ông mặc thứ áo quần gì khác. Vậy chứ mọi thứ ông mặc trên người đều có vẻ được giặt giũ cẩn thận. Trong cái phố nhỏ ở vịnh Kagoshima này, không có ai khác nói giọng Kansai³ nên dù muốn dù không, ông Miyake cũng là nhân vật nổi bật. Bạn cùng làm với Junko cho biết là ông ấy vẽ tranh và sống một mình trong một căn nhà thuê gần đấy. Cũng chẳng là người nổi danh gì, tranh ông vẽ cũng chưa ai thấy, nhưng có vẻ sống đàng hoàng, chắc cũng đủ ăn. Thịnh thoảng lên Tokyo mua sắm vật dụng vẽ tranh gì đấy, chiều tối lại trở về. Chùng đầu đã đến phố này khoảng 5 năm về trước. Nhiều lúc thấy ông ấy nhóm lửa một mình ở bờ bể. Hắn là thích chuyện nhóm lửa lắm đấy. Lúc nào thấy cũng nhóm lửa với cặp mắt say mê ghê lắm. Ít nói, hơi tàng tàng, nhưng không có vẻ gì là người xấu cả.

Ông Miyake đến hiệu tạp hóa mỗi ngày 3 bận. Buổi sáng đến mua sữa và nhật báo, trưa mua cơm hộp, chiều tối mua bia hộp ướp lạnh và mấy thứ đồ nhắm đơn giản. Cứ thế lặp đi lặp lại quy củ mỗi ngày. Mặc dù ông không nói chuyện gì nhiều ngoài những câu chào hỏi, Junko dần dần tự nhiên có cảm tình với ông.

Một buổi sáng nọ, lúc chỉ có hai người trong hiệu tạp hóa, Junko thu hết can đảm hỏi ông Miyake: dù là ở gần ngay đấy, nhưng sao lại mua lắt nhắt mỗi lần một ít thế kia; mấy thứ như sữa, bia ấy, cứ mua nhiều một lúc rồi cất vào trong tủ lạnh có phải tiện hơn không? Tất nhiên, ông có mua một lúc bao nhiêu thứ ấy, hay mua chúng nhiều lần thì đối với cô, cũng không hề gì. Ông Miyake đáp:

“Phải đó, mua một lần mà giữ được thì tốt thiệt, nhưng mà tui thì sự tình có hơi khác nên không mua một lần nhiều rứa được.”

Junko hỏi sự tình gì vậy.

“Nói rằng chừ. Có chút sự tình thiệt mà.”

“Xin ông tha lỗi đã hỏi chuyện không ăn nhập gì đến mình. Mong ông không bực mình. Tính em cứ có gì không hiểu thì phải hỏi cho ra mới yên được, nhưng mà hoàn toàn không có ý xấu đâu.”

Ông Miyake ngần ngừ một lúc, rồi gãi đầu nói, như bồi rối lắm:

“Nói thiệt với cô, tui không có dùng tủ lạnh. Ngay từ đầu, tui không ưa cái thứ tủ lạnh đó lắm.”

Cô Junko bật cười:

“Em cũng đâu có thích gì tủ lạnh, nhưng mà vẫn có đấy. Không có nó không bất tiện cho ông sao?”

“Thì cũng bất tiện thiệt, nhưng mà không thích thì chịu thôi. Chỗ mô có tủ lạnh là tui ngủ không được.”

Junko nghĩ người gì mà kỳ quái thế, nhưng lại càng chú ý đến ông Miyake hơn từ lần nói chuyện ấy.

Vài hôm sau, một buổi chiều cô đi tản bộ ngoài bãi biển, lại thấy ông Miyake đang nhóm lửa một mình bằng các thân gỗ trôi dạt đến đấy. Junko gọi, rồi đến

bên ông ngồi hơ tay vào ngọn lửa. Ngồi kế bên ông, Junko cao hơn khoảng 5 cm. Hai người chỉ chào hỏi sơ qua, xong chẳng nói gì, chỉ nhìn chăm chú vào ngọn lửa. Lúc ấy, Junko cảm thấy như cô tìm ra được cái gì đấy từ ngọn lửa bập bùng cháy. Một cái gì sâu thẳm, hầu như cảm xúc kết tụ thành khối, sống động hơn cả ý thức, vì có trọng lượng như một vật gì cụ thể. Khối ấy từ từ xuyên thoát ra khỏi thân thể cô, để lại dư hưởng cảm xúc kỳ lạ, nửa như hoài niệm nửa như đau khổ, rồi tan biến đi mất. Cảm xúc đã tan biến đi một lúc sau, cánh tay cô còn rờn rợn như nổi da gà.

“Ông Miyake có khi nào có cảm xúc kỳ lạ khi nhìn hình dáng ngọn lửa nhóm hay không?”

“Cô định nói chi?”

“Cái cảm giác vừa kỳ lạ vừa rõ ràng không khi nào có trong sinh hoạt thường ngày ấy mà. Nói như thế nào nhỉ... Em trí óc ngu tối nên không biết nói sao cho rõ, nhưng mà ngồi nhìn ngọn lửa như thế này, lại có cái cảm giác tĩnh lặng ấy một cách vô cớ...”

Ông Miyake suy nghĩ một lúc rồi nói:

“Hình thái của lửa là tự do. Bởi hình thái tự do nên tùy theo tâm tình của người nhìn nó, mà nhìn ra hình chi cũng được. Nếu cô có cảm giác tĩnh lặng khi nhìn ngọn lửa, là vì trong lòng cô có cảm giác tĩnh lặng mà ngọn lửa đã phản ảnh lại đó. Cô hiểu không?”

“...Ừm.”

“Nhưng mà không phải thứ lửa mô cũng làm được rứa. Để phản ảnh được cảm xúc thì lửa cũng phải tự do mới được. Như lửa ở trong lò sưởi hơi đốt thì không được. Lửa từ hộp quẹt cũng không được. Lửa nhóm thông thường cũng không được. Lửa mà muốn tự do thì phải từ chỗ có tự do, và được hun đúc khéo léo mới được. Mà chẳng phải ai cũng làm được dễ dàng đâu.”

“Vậy chứ ông Miyake thì làm được chẳng?”

“Có lúc làm được, có lúc không. Mà phần nhiều là làm được. Hễ thành tâm thành ý mà làm thì chắc được.”

“Ông Miyake thích nhóm lửa lắm nhỉ?”

Ông Miyake gật đầu:

“Như bị bệnh rứa đó. Tui mà ở miết cái phố nhỏ hẻo lánh ni cũng chỉ vì cái bờ biển có nhiều gỗ trôi về hơn tất cả các bờ biển khác. Chỉ có lý do đó thôi. Coi như vì muốn nhóm lửa mà tới ở đây đó. Nghe chán lắm phải không cô?”

Từ ngày ấy, Junko lúc nào rảnh rỗi lại theo ông Miyake đi nhóm lửa. Trừ những ngày mùa hè, bờ biển đông nghẹt người cho đến tối mịt, còn thì ông Miyake đi nhóm lửa suốt năm. Có khi tuần 2 lần, có khi cả tháng không có lần nào, tùy theo số lượng cây gỗ trôi dạt vào bờ biển ấy. Lần nào định đi là thế nào ông cũng gọi điện thoại cho Junko. Keisuke trêu chọc Junko, gọi ông Miyake là

“bạn nhóm lửa” của cô. Nhưng tuy Keisuke hay ghen hơn người thường mà không hiểu sao đối với ông Miyake thì lại chẳng chấp nhất gì cả.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 1/2004

Nguồn: Nguyên tác tiếng Nhật, Airon No Aru Fukei, Shicho, 9/1999.

Phong cảnh có bàn ủi [2/2]

Murakami, Haruki

*

Lửa đã bén qua thân cây lớn nhất, bắt đầu an định. Junko ngồi xuống cát, mím môi nhìn đăm đăm vào ngọn lửa. Ông Miyake dùng một nhánh cây dài cẩn thận điều chỉnh khối cây sao cho lửa không yếu đi mà cũng không lan ra quá xa. Thịnh thoảng lại lấy thêm vài cây gỗ đã để riêng, gát thêm vào đồng lửa.

Keisuke chợt nói: bụng nghe đau. “Chắc là tớ ăn phải thứ gì lạnh bụng rồi, phải đi ngay thôi.”

Junko nói: “VẬY anh về nhà nghỉ cho khoẻ.”

“Ừ, thế vẫn hơn”. Keisuke nói, mặt nhăn nhó. “Đằng ấy thì sao?”

Ông Miyake nói: “Cô Junko thì tui đưa về cho, đừng lo”.

“Rửa thì xin ông lo giùm tui.” Keisuke nhại giọng ông Miyake, xong rút lui.

Cô Junko lắc đầu nói:

“Anh chàng thật là ngờ ngáo. Lúc nào cũng hứng chí uống rượu cho lắm vào.”

“Nói rửa chớ, còn nhỏ mà động vô nhiều trí tuệ quá cũng chẳng hay ho chi. Hẳn cũng có chỗ giỏi giang của hẳn đó chớ.”

“Có thể thế, nhưng mà hầu như chẳng suy nghĩ gì sót cả.”

“Tuổi trẻ cũng có chỗ khó khăn đó chớ. Suy nghĩ cho lắm có khi cũng chẳng tới mô.”

Hai người lại ngồi lặng thinh trước ngọn lửa, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Thời gian rẽ đôi theo họ, trôi đi.

“Này ông Miyake, có điều này cứ thắc mắc mãi, hỏi ông có được không?”

“Điều chi đó cô?”

“Điều này có phần chạm vào đời tư đấy.”

Ông Miyake xoa lòng bàn tay vài lần lên má có những cọng râu đâm ra nham nhám.

“Không biết là chuyện chi nhưng mà cứ hỏi coi.”

“Ông Miyake không chừng đã có vợ ở đâu đấy phải không?”

Ông Miyake lại móc bình rượu trong túi áo khoác bằng da ra, mở nắp, uống chậm chậm vài hớp. Xong đặt nắp lại, cho bình rượu vào túi áo, rồi nhìn mặt Junko nói:

“Khi không đột nhiên mà hỏi chuyện nó rửa?”

“Không đột nhiên đâu, lúc này đây đã có ý hỏi rồi. Lúc Keisuke đưa chuyện động đất ra hỏi, em nhìn nét mặt ông đã muốn hỏi ông đấy.” Junko nói. “Lúc nhìn lửa, mắt người ta thường thật thà, như ông đã có lần bảo em đấy thôi.”

“Đúng đó.”

“Ông đã có con nữa phải không?”

“Ừ, có hai đứa.”

“Ở Kobe chứ gì?”

“Ừ. Tại ở đó có nhà cửa. Có lẽ cũng còn ở đó.”

“Nơi nào ở Kobe thế?”

“Phường Higashinada đó mà.”

Ông Miyake ngẩng đầu nheo mắt nhìn về hướng biển đêm đen kịt, xong lại nhìn về phía lửa nhóm.

“Bởi rứa, tui không có tư cách chi để chê cậu Keisuke là ngơ ngáo được. Chính tui đây cũng có suy nghĩ chi mô. Tui mới là vua ngơ ngáo đây, cô cũng hiểu chứ?”

“Ông có muốn nói gì thêm về chuyện này không?”

“Không. Chẳng muốn nói chi thêm.”

“Vậy ta ngừng đi.” Junko nói. “Nhưng mà em nghĩ ông Miyake là người tốt.”

“Không phải chuyện nó mô.” Ông Miyake lắc đầu, tay cầm nhánh cây vẽ lên cát những hình thù gì không rõ. “Cô Junko có khi mô nghĩ tới chuyện mình sẽ chết theo cách chi không?”

Junko nghĩ ngợi một lúc rồi lắc đầu.

“Tui thì nghĩ tới nó hoài.”

“Ông Miyake nghĩ chết như thế nào?”

“Bị nhốt trong tủ lạnh đóng kín mà chết đó.” Ông Miyake đáp. “Có hoài đó chứ. Chuyện con nít thấy tủ lạnh hư người ta bỏ ngoài đường, thấy vui mà vô trong nó chơi, rồi cửa tủ lạnh đóng chặt quá mở ra không được đành chịu chết ngộp trong nó. Tui sợ chết kiểu đó.”

*

Có thân cây lớn lật ngang, nứt nghiêng, tàn lửa bắn ra tứ tung. Ông Miyake đưa mắt nhìn nhưng không làm gì cả. Ánh lửa hắt lên mặt ông tạo ra khoảng tối có vẻ phi-hiện-thực trên mặt.

“Ồ cái chỗ chật hẹp đó, trong bóng tối mịt mù, chết dần dần từng chút một. Phải chi tắt thở liền vì ngộp thở thì đỡ biết mấy, vậy mà không chết đơn giản rứa được. Không biết từ lỗ mô mà không khí vô được chút ít, do đó mà không chết ngộp liền được. Phải một thời gian dài thiệt dài sau mới chết. Có kêu cứu cũng không ai nghe, không ai thèm để ý tới chuyện của tui. Chỗ quá hẹp tới không rạch chi được. Dù có quấy đạp cách mấy đi nữa, cửa tủ lạnh cũng không mở.”

Cô Junko im lặng.

“Mấy lần tui chiêm bao thấy rứa rồi đó. Nửa đêm thức dậy toát mồ hôi đầy mình. Cứ chiêm bao thấy mình chết dần chết mòn trong khoảng đen tối đó, vừa phải quẫy đạp quần quai đau đớn. Mà mắt mở ra rồi cũng chưa hết chiêm bao. Đó mới là chỗ dễ sợ nhứt. Mắt mở ra, nghe cuống họng khô rang, mới bước vô nhà bếp mở cửa tủ lạnh kiếm nước uống. Tất nhiên là nhà tui đâu có tủ lạnh, nên tui không thể không biết đó chỉ là chiêm bao. Vậy mà khi nó quả thiệt chẳng để ý. Vừa nghĩ lạ quá, vừa mở cửa tủ lạnh. Bên trong tủ tối thui, đèn đuốc tắt ngúm hết. Nghĩ thầm chắc cắt điện chi đây, tui đút đầu vô tủ tìm nước uống. Vừa đút đầu vô thì có ngay bàn tay từ trong tủ thò ra chụp cổ tui. Lạnh ngắt như bàn tay người chết. Nắm cổ tui, kéo cả người tui vô trong tủ lạnh bằng một sức mạnh kinh hồn. Tui la lên một tiếng thiệt lớn, và lần ni thì mở mắt ra thiệt. Chiêm bao rứa đó, thấy hoài một thứ, y chang nhau. Mà mỗi lần cũng sợ khiếp vía như nhau.”

Ông Miyake cầm nhánh cây chọc vào một thân cây cháy lệch lên, đẩy nó lại vị trí cũ.

“Chiêm bao mà như thiệt rứa, tui đã mấy lần tưởng mình chết thiệt rồi đó.”

“Từ lúc nào ông Miyake nằm mộng như thế?”

“Lâu lắm rồi, không nhớ nổi từ khi mô. Tỉnh thoảng có khi thoát được thứ chiêm bao đó. Suốt một năm, ... à không, gần 2 năm trời, không chiêm bao như rứa. Mọi chuyện cũng có vẻ song suốt hơn trong khoảng đó. Nhưng rồi, làm cách chi cũng chiêm bao trở lại. Đúng cái khi mà mình tưởng là thoát rồi, khỏi lo rồi, thì lại bắt đầu chiêm bao trở lại. Mà đã bắt đầu rồi là chịu thua, không thoát được.”

Ông Miyake lắc đầu.

“Nhưng mà với cô Junko thì chắc là không nên nói mấy chuyện u ám đó.”

“Không sao đâu.” Junko nói. Cô ngậm một miếng thuốc trên môi, đánh diêm châm hút một hơi thuốc dài. “Ông Miyake kể cho nghe đi.”

Lửa như đã sắp tàn. Đống cây trũ sẵn để thêm vào thì đã cho cả vào đống lửa rồi. Lúc này tiếng sóng vỗ vào bờ nghe như lớn hơn.

“Có nhà văn Mỹ tên là Jack London đó...”

“À, người viết truyện nhóm lửa đấy chứ gì?”

“Đúng rồi. Cô biết giỏi quá. Jack London từ lâu vẫn nghĩ là mình sẽ chết đuối trên biển, tin chắc là mình sẽ chết kiểu đó. Ban đêm đi lạc rồi té xuống biển chết đuối mà không ai hay biết chi hết”.

“Thế Jack London có chết đuối thật không?”

Ông Miyake lắc đầu: “Không, uống thuốc phiện tự tử chết.”

“Vậy thì dự cảm của ông ấy không đúng rồi. Hoặc có thể là ông ấy cố ý làm cho nó sai đi.”

“Trên bề mặt thì rứa đó.” Ông Miyake nói, rồi im lặng một lúc. “Nhưng mà trong một ý nghĩa chi đó thì ông ta cũng không sai. Jack London đã chết đuối một mình trên biển một đêm tối đen. Ông ta nghiện rượu, tuyệt vọng ngấm vô tới xương tủy. Ông ta đã trần trở đau đớn mà chết. Dự cảm đôi khi thay thế cho một thứ chi khác. Có khi dự cảm thay thế cho một thứ có thể còn sống động hơn cả hiện thực nữa. Đó là chỗ đáng sợ nhất của cái hành vi gọi là dự cảm đó. Cô hiểu điều tui nói chớ?”

Junko cố gắng nghĩ về điều ông nói một lúc nhưng không hiểu được.

“Em thì chưa bao giờ nghĩ đến việc mình sẽ chết như thế nào. Chuyện như thế chẳng thể nào nghĩ ra được đâu. Ngay cả chuyện sống như thế nào cũng đã hoàn toàn mờ mịt rồi, nói gì đến chuyện chết như thế nào.”

Ông Miyake gật đầu: “Nói rứa cũng đúng. Nhưng mà, từ cách mình chết cũng có thể suy ngược lên cách mình sống đó.”

“Đấy là cách sống của ông Miyake hay sao?”

Ông Miyake ngồi xuống bên cạnh Junko. Ông có vẻ mệt và già hơn thường ngày. Đám tóc mọc dài như dựng đứng lên bên vành tai.

“Ông Miyake vẽ tranh gì thế nhỉ?”

“Khó giải thích lắm đó.”

Junko đổi câu hỏi:

“Thế gần đây nhất là tranh gì?”

“Mới 2 ngày trước đây, vừa vẽ xong phong cảnh có bàn ủi. Bên trong căn phòng có cái bàn ủi. Tranh chỉ vẽ vậy thôi.”

“Thế tại sao lại khó giải thích nhỉ?”

“Bởi vì thật ra không phải là cái bàn ủi.”

Junko ngược nhìn về mặt của người đàn ông.

“Bàn là mà lại không phải bàn là, thế là thế nào?”

“Đúng vậy đó.”

“Nghĩa là, nó thay thế cho một cái gì khác, phải không?”

“Có lẽ vậy.”

“Nghĩa là ông chỉ vẽ được nó khi dùng nó để thay thế cái gì khác?”

Ông Miyake im lặng gật đầu. Ngược nhìn lên trời thấy nhiều sao hơn lúc trước rất nhiều. Trăng đã dời đi một khoảng thật xa. Ông Miyake ném vào lửa nhánh cây cuối cùng ông cầm trên tay.

Junko nghiêng người tựa nhẹ vào vai ông. Y phục của ông thấm mùi hàng trăm ngọn lửa nhóm. Cô hít cái mùi lửa ấy vào một hơi dài.

“Này ông Miyake.”

“Chi cô?”

“Em hoàn toàn trống rỗng.”

“Vậy à?”

“Ừm.”

Cô nhắm mắt lại, bắt giắc nước mắt ứa ra. Nước mắt theo nhau chảy xuống má cô. Tay phải của cô bóp mạnh vào đầu gối của ông Miyake. Toàn thân cô rung lên nhè nhẹ. Ông Miyake quàng tay lên vai Junko, kéo nhẹ cô vào ngực mình. Nước mắt cô vẫn chảy dài.

Một hồi lâu, cô nói, giọng khàn đặc:

“Chẳng có gì cả thật đấy. Hoàn toàn trống rỗng.”

“Tui hiểu.”

“Ông hiểu thật đấy chứ?”

“Những chuyện như rứa thì tui rành lắm chớ.”

“Vậy em phải làm sao đây?”

“Cứ ngủ say một giấc, khi tỉnh dậy thì hết.”

“Đâu phải chuyện đơn giản thế.”

“Có lẽ. Có lẽ đâu phải chuyện đơn giản rứa.”

Có tiếng xèo nhỏ của nước bốc hơi từ thanh gỗ nào đấy. Ông Miyake ngẩng mặt lên, nheo mắt nhìn về phía đồng lửa một lúc.

“Vậy thì làm thế nào bây giờ?”

“Ừ, như vậy nè. Ngay bây chừ, cô có muốn chết chung với tui không?”

“Được chứ. Chết cũng được.”

“Nói thiệt đó chớ?”

“Thật chứ.”

Ông Miyake im lặng, tay vẫn còn vòng qua ôm vai Junko. Cô cúi mặt vào trong tấm áo khoác bằng da thân thuộc từ bao lâu nay của ông.

“Dù sao, chờ cho tới cháy hết đã.” Ông Miyake nói. “Đã mất công nhóm lửa rồi, thì ngồi coi chung. Lửa ni tắt hết, tối đen rồi, lúc đó sẽ chết chung.”

“Được thôi”. Junko nói. “Nhưng mà chết như thế nào?”

“Để nghĩ coi.”

*

Junko nhắm mắt, ngửi thấy mùi lửa nhóm bao mình lại. Vòng tay ông Miyake đang quàng vai cô là của một người đàn ông trưởng thành mà sao có vẻ nhỏ bé và xương xẩu lạ lùng. Cô nghĩ mình không thể nào sống chung với một người đàn ông như thế này, có lẽ không làm sao vào được trong tâm hồn ông ấy. Nhưng chết chung thì có lẽ làm được.

Trong vòng tay ôm của ông Miyake, cô dần dần buồn ngủ. Chắc là vì mấy hóp rượu. Phần lớn mấy nhánh cây đã cháy thành tro cả rồi, chỉ còn thân gỗ trôi dạt lớn nhất là còn cháy lên ngọn lửa màu cam sáng chói, cho hơi ấm dịu dàng trên làn da cô. Có lẽ cũng còn khá lâu thân gỗ ấy mới cháy hết.

“Em ngủ một tí được không?” Cô hỏi.

“Được chớ.”

“Lửa cháy hết thì nhớ đánh thức em dậy nhé.”

“Đừng lo, lửa tắt thì lạnh lắm, không kêu cũng mở mắt ra mà.”

Lời nói ấy như lặp đi lặp lại trong trí cô. “Đừng lo, lửa tắt thì lạnh lắm, không kêu cũng mở mắt ra mà.” Rồi cô cuộn người lại, chìm vào giấc ngủ bông bênh thật say.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 1/2004

Nguồn: Nguyên tác tiếng Nhật, Airon No Aru Fukei, Shicho, 9/1999.

Chú thích của dịch giả:

[1] Đốt lửa (To Build a Fire), truyện ngắn của Jack London, tác giả Mỹ (1876-1916).

[2] 30.000 Yen, khoảng 300 USD.

[3] Kansai-ben: giọng nói của vùng phía Tây Nhật Bản, gồm Osaka, Kobe..., phân biệt với giọng nói của người vùng phía đông như Tokyo.

Thành phố của nàng, bầu cừu của nàng

Murakami, Haruki

Lời của người dịch: Khung cảnh “riêng một góc trời”, con người hờ hững, thành phố buồn thiu. Chỉ có những lời nói vui tai của em bé gái giới thiệu về miền quê của mình: “R là một thành phố nhỏ, dân số thưa thớt chỉ khoảng 7500 người. Không có nhân vật nổi tiếng nào xuất thân từ đây nên tôi nghĩ rằng không ai trong các bạn từng nghe nói đến nơi này”. Những mỹ từ cao đẹp của nàng không thể gây hứng thú cho khách lãng du viếng thăm thành phố. Con phố nhỏ nằm yên, cô đơn từ khởi thủy. Những lời rao giảng kệ kinh đâu có thay thế được chính đời sống và những nỗi niềm của nó. Sự cô đơn là có thực. Và nỗi đau luôn có thực.

Thế cho nên khi thử nghiệm sinh việc nối kết hữu hình với đời sống của nàng, “tôi” đau đớn và phiền muộn: “Tuy nhiên có điều gì đã mất mát. Tôi cảm thấy như mình đang mặc một bộ quần áo đi mượn, không vừa vặn gì với người mình. Tôi cảm thấy không thoải mái. Dây thừng trói chân tôi. Tôi cân nhắc xem mình có nên cắt bỏ nó bằng lưỡi dao cùn hay không. Nhưng nếu làm thế, sao tôi có thể trở về đây? Điều này làm tôi băn khoăn quá. Tuy nhiên tôi phải cắt sợi dây thừng. Phải chăng tôi đã uống quá nhiều bia? Phải chăng đó là ảo giác mà tuyệt gây ra. Đó là tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến. Tôi đã trượt chân xuống dưới đôi cánh đen của thực tại”. Sau cùng, thành phố là thành phố, nàng là nàng và tôi là tôi. Chẳng ai có thể đổi chỗ cho nhau được. Niềm cô đơn còn đó cho mỗi con người.

Đợt tuyết đầu mùa trong năm đã bắt đầu rơi trên những con đường Sapporo, phía Bắc Nhật Bản. Sau những cơn mưa trời bắt đầu rắc tuyết. Nhưng chẳng bao lâu sau thì bắt đầu mưa trở lại. Tuy vậy trên những con đường Sapporo tuyết thực ra chẳng lấy gì làm lãng mạn lắm. Người ta đón nó cũng như đón một người bà con xa lạ vậy. Hôm nay là thứ Sáu, ngày 23 tháng mười.

Khi rời phi trường Narita trên chuyến bay 747, tôi chỉ mặc độc cái áo sơ mi. Tôi chưa kịp nghe xong cuộn băng 90 phút bằng cái máy nghe nhạc Walkman thì tuyết đã bắt đầu rơi.

“Nhu thể tuyết đồng hành với chúng mình đây nhỉ,” bạn tôi nói. “Theo lệ thường thì chúng ta sẽ bắt gặp trận mưa tuyết đầu tiên của năm đây, và trời sẽ trở lạnh”.

“Trời sẽ rất lạnh phải không?”

“Không đùa được đâu. Trời sẽ lạnh lắm”.

Chúng tôi lớn lên nơi một làng nhỏ yên tĩnh ở Kobe, phía tây Nhật Bản. Nhà chúng tôi cách nhau khoảng năm mươi mét. Chúng tôi học chung với nhau từ tiểu học đến trung học. Cùng tham gia vào các cuộc du lịch của trường và hẹn hò với em út. Có lần chúng tôi đã say xỉn đến mức lãnh ra ngoài cabin lúc cánh cửa xe bật ra. Sau khi tốt nghiệp trung học, chúng tôi vào hai trường khác nhau: tôi lên Tokyo còn anh ta lên phía bắc Hokkaido. Tôi đã cưới một nàng học cùng lớp ở Tokyo còn bạn tôi lấy một em cùng trường ở thị trấn Otaru ở Hokkaido. Tất cả đều do cuộc đời xô đẩy. Chúng tôi bị rắc bay đi như những hạt cỏ quay cuồng trong gió.

Nếu như anh ta lên học ở Tokyo và tôi khăn gói vào trường cao đẳng Hokkaido, chắc hẳn cuộc đời chúng tôi sẽ xoay chuyển hoàn toàn khác. Có lẽ tôi sẽ làm việc cho một hãng du lịch, đi lang thang khắp tinh cầu. Và anh ta sẽ trở thành một nhà văn ở Tokyo. Nhưng định mệnh dẫn lối bắt tôi viết tiểu thuyết còn con đường anh ta đi là trở thành nhân viên du lịch. Và tuy thế mặt trời vẫn ngày ngày sáng soi trên đầu ta.

Anh bạn tôi có một đứa con trai lên sáu tuổi tên là Hokuto, và anh luôn mang theo trong ví mình ba tấm hình của cậu bé: Hokuto đang chơi đùa với cừu trong sở thú, Hokuto đang mặc bộ quần áo mùa thu trong đại hội trẻ em Shichigosan, Hokuto đang lái tên lửa trong khu vui chơi. Tôi nhìn từng tấm hình một. Mỗi tấm ba lần. Sau đó trả lại cho anh ta. Tôi làm một ngụm bia và xoi vài miếng ruibe đá, tên một món ăn vùng Hokkaido.

- Này, thằng P khỏe không? - anh ta hỏi tôi.

- Khá tốt, - tôi trả lời. - Mới bữa trước tao “đụng” nó trên đường. Nó mới ly dị. Giờ đang chung chạ với một con bé trẻ măng.

- Còn thằng Q thế nào?

- Hắn làm cho một hãng quảng cáo, toàn viết những báo cáo tệ hại.

- Điều đó chẳng làm tao ngạc nhiên tí nào.

Vân vân và vân vân.

Chúng tôi trả bằng thẻ tín dụng và rời khỏi nhà hàng. Trời bắt đầu mưa trở lại.

- Này, gần đây mày có về Kobe không? - tôi hỏi.

- Không, - anh ta lắc đầu. - Quê hương quá xa xôi. Còn mày thì sao?

- Tao cũng không. Tao cũng thực sự không có khát vọng phải trở về.

- À ra vậy.

- Tao hình dung chắc khu phố mình thay đổi nhiều trong những năm qua.

Chúng tôi bước dọc theo những con đường ở Sapporo thêm mười phút nữa và nhanh chóng hết đề tài nói chuyện. Tôi trở về khách sạn của mình còn anh bạn thì quay về căn hộ nhỏ của anh ta.

- ĐỪNG KHÁCH KHÍ NHÉ. NHỚ GIỮ GÌN SỨC KHỎE ĐÂY.

- Mày cũng thế nhé.

Đột nhiên tiếng âm âm của máy biến thế làm tôi chợt nhận ra rằng từ ngày mai chúng tôi sẽ cách xa nhau hơn 500 cây số. Trong vài ngày nữa, chúng tôi sẽ đi trên những con đường khác nhau. Và mỗi người sẽ quay về với những việc riêng hàng ngày chán ngắt của mình. Chúng tôi sẽ tiếp tục vất vả leo trèo trên con dốc đời vô định như một thành viên của cuộc đua tranh nghiệt ngã.

Lê gót về khách sạn, tôi bật tivi, xem một chương trình truyền hình địa phương. Tôi leo lên giường để mặc đôi giày chưa cởi. Tôi ngọam một miếng bánh sandwich kẹp cá hồi xông khói và uống bia do người phục vụ phòng mang đến và lơ đãng nhìn lên màn hình.

Một người phụ nữ trẻ mặc bộ quần áo màu xanh xẫm đang đứng đơn độc giữa màn hình. Chiếc máy camera chiếu thẳng vào nàng giống như một loài cây ăn thịt kiên nhẫn. Hình ảnh nàng chiếm trọn camera. Góc quay không hề thay đổi. Tôi cảm thấy như mình đang xem một bộ phim của Goddard.

“Tôi đang làm việc ở bộ phận quảng cáo của chính quyền địa phương thị trấn R”- người phụ nữ nói. Nàng nói giọng địa phương một cách nhẹ nhàng và có chút ngập ngừng. Có lẽ chắc nàng hơi căng thẳng. “R là một thành phố nhỏ, dân số thưa thớt, chỉ khoảng 7500 người. Không có nhân vật nổi tiếng nào xuất thân từ đây nên tôi nghĩ rằng không ai trong các bạn từng nghe nói đến nơi này”.

Thật là tệ quá, tôi nghĩ.

“Ngành nghề chính của chúng tôi là nông nghiệp và sản xuất bơ sữa. Trồng lúa đã từng là ngành nghề chính ở thị trấn này. Nhưng những chính sách gần đây của chính phủ đã buộc chúng tôi phải chuyển toàn bộ sang trồng lúa mạch, lúa mì và rau để cung cấp cho vùng ngoại thành. Ở vùng ngoại ô thị trấn có bãi chăn thả gia súc với khoảng hai trăm con - 100 con ngựa và 100 con cừu. Vào thời điểm

này, gia súc tiếp tục sinh sản mạnh. Trong vòng 3 năm tới chúng tôi sẽ thúc đẩy mạnh mẽ việc gia tăng lượng gia súc nhằm phục vụ sản xuất”.

Tôi thực sự không thể nào diễn tả được vẻ đẹp của nàng. Nàng khoảng 20 tuổi, đeo cặp kính gọng kim loại. Nàng cười như một cái tủ lạnh vỡ. Nhưng tôi nghĩ nàng thật tuyệt vời. Kỹ thuật quay Goddard đã “bắt” được những đặc điểm đẹp nhất của nàng. Và nó tiếp tục xoáy vào những điểm đó bằng ánh đèn chiếu soi tốt nhất. Nếu có ai trong chúng ta đứng khoảng mười phút trước máy quay thì có thể chúng ta cũng trông thật tuyệt vời. Đó là cái cách mà tôi nhìn thấy.

“Vào giữa thế kỷ 19 người ta đã tìm thấy bụi vàng ở sông R gần thành phố nhỏ của chúng tôi. Vì thế chúng tôi cũng được “hưởng sai” quả “bom bụi vàng” nhỏ bé này. Nhưng rồi bụi vàng cũng hết, những người khai thác vàng cũng chuyển đi, bỏ lại những “di sản” hằng hà sa số những lều và đường mòn trên núi. Đó thật sự là một chuyện đau lòng”

Tôi bỏ miếng bánh sandwich kẹp cá hồi hun khói cuối cùng vào miệng và uống cạn chai bia.

“Một vài năm trước, dân số thành phố cao nhất khoảng 10 ngàn người. Tuy nhiên gần đây những gia đình bỏ việc đồng áng ngày càng nhiều. Một vấn đề khác là những người trẻ tuổi bắt đầu rời bỏ thành phố mà đến những vùng xung quanh. Hơn một nửa bạn cùng lớp của tôi đã chuyển đi. Nhưng những người quyết định ở lại thì đang làm hết sức mình cho thành phố”.

Nàng tiếp tục nhìn thẳng vào camera như thể đó là một chiếc gương có thể báo trước tương lai. Nàng dường như đang nhìn thẳng vào tôi. Lấy một chai bia khác từ tủ lạnh, tôi mở nắp và uống một ngụm thật lớn.

Thành phố của nàng.

Tôi chẳng khó khăn gì hình dung ra thành phố đó: một ga tàu bé tí nơi tàu chỉ dừng có 8 lần một ngày. Một lò sưởi nhỏ trong phòng đợi nhà ga. Một khu nhỏ bé khô cằn hình vòng cung để xe buýt rước khách. Một bản đồ hướng dẫn du lịch mà một nửa tên trong số đó gần như không đọc được. Một luống cúc vạn thọ và một dãy núi có những cây tần bì. Một con chó ghẻ lở chán sống. Một mẫu quảng cáo về những bộ đồng phục và thuốc đau đầu. Một con đường chính khá lớn nhưng vô dụng. Một tấm pano quảng cáo cho những lực lượng phòng vệ Nhật Bản. Một cửa hàng 3 tầng bày bán đủ loại quặng thương phẩm với nhiều hình dạng khác nhau. Một đại lý du lịch nhỏ bé. Một hợp tác xã nông nghiệp, một trung tâm lâm nghiệp và một khu bảo tồn động vật. Nhà tắm công cộng của thành phố âm ỉ, heo hút với ống khói chọc thẳng lên trời. Phía bên trái ngay phía trước ngã tư, có hai tòa nhà nằm phía dưới. Đó là hội trường chính của thành phố, nơi nàng đang ngồi tại bàn làm việc trong bộ phận quan hệ đối ngoại. Đúng là một thành phố nhỏ buồn tẻ. Nửa năm bị tuyết phủ vây. Nàng cứ ngồi ở bàn mà viết báo cáo:

“Chúng tôi sẽ sớm phân phối dược phẩm để tẩy uế cừ. Nếu quan tâm, xin vui lòng điền thông tin theo mẫu và gửi lại cho chúng tôi càng sớm càng tốt”. Trở lại căn phòng nhỏ của tôi ở khách sạn Sapporo, tôi chợt nghiệm sinh ra sự nổi kết hữu hình giữa tôi với đời nàng. Tôi đang tiếp xúc với sự hiện hữu của nàng. Tuy nhiên có điều gì đã mất mát. Tôi cảm thấy như mình đang mặc một bộ quần áo đi mượn, không vừa vặn gì với người mình. Tôi cảm thấy không thoải mái. Dây thừng trói chân tôi. Tôi cân nhắc xem mình có nên cắt bỏ nó bằng lưỡi dao cùn hay không. Nhưng nếu làm thế, sao tôi có thể trở về đây? Điều này làm tôi băn khoăn quá. Tuy nhiên tôi phải cắt sợi dây thừng. Phải chăng tôi đã uống quá nhiều bia? Phải chăng đó là ảo giác mà tuyệt gây ra. Đó là tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến. Tôi đã trượt chân xuống dưới đôi cánh đen của thực tại.

Thành phố của tôi và bầy cừ của nàng.

Bây giờ chắc hẳn nàng đã dùng loại thuốc mới để tẩy uế cho cừ. Và tôi cũng thế, tôi cần chuẩn bị cho đàn cừ đối phó với mùa đông. Tôi phải gom cỏ khô và đổ đầy dầu lửa vào thùng. Tôi cũng phải lắp lại cửa sổ. Sau đó mùa đông sẽ bủa vây khắp những góc đường. “Đó là thành phố của tôi”. Nàng tiếp tục nói trên tivi. “Nó không hấp dẫn lắm nhưng nó là quê hương tôi. Nếu có dịp, mời bạn ghé thăm. Chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể cho bạn.”

Và nàng như thể biến mất khỏi màn hình tivi. Tôi tắt tivi và tu nốt chỗ bia còn lại. Tôi bắt đầu cân nhắc việc ghé thăm thành phố của nàng. Có thể nàng sẽ giúp tôi. Nhưng sau cùng chắc chắn tôi sẽ chẳng bao giờ đi thăm thành phố này. Tôi đã vứt bỏ quá nhiều thứ rồi. Ngoài trời tuyết vẫn rơi. Một trăm con cừ khép mắt lại trong bóng tối.

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Kiki Her Town, Her Sheep

Một ngày tốt lành để đi xem kanguru

Murakami, Haruki

Lời của người dịch: Cứ như một câu chuyện của trẻ con. Tôi và nàng đến xem con kanguru mới đẻ rồi đi về. Nhưng bảo đó là cái “anh nhi” của Lão Tử mà Cao Xuân Huy tán tụng cũng được, mà nói câu chuyện này là “lảm nhảm” cũng không sai. Nếu như Tô Đông Pha đã dùng “Lô sơn yên tảo Chiết Giang triều”, Bùi Giáng trong Mưa nguồn dùng hình ảnh “bóng nai vàng” để tượng trưng cho chân lý, thì ta cũng có thể nói Murakami đã hình tượng chân lý như con kanguru. Giữa việc “tìm kiếm” và “nhận thấy”, “mặc khải” chân lý thì cũng như đã nhìn thấy Lô sơn, bóng con nai vàng, chú kanguru vậy thôi. “Lô sơn yên tảo Chiết Giang triều, vị đảo bình sinh hận bất tiêu, đảo đặc bản lai vô biệt sự, Lô sơn yên tảo Chiết Giang triều”.

Cái thế và cái dụng của Lô sơn là ở chỗ đó. Cũng như nước đun sôi để nguội và nước lạnh đều giống nhau nhưng chỉ khác ở chỗ một bên đã triệt sạch vi

trùng. Cái “sở đắc” khi ta mặc khải được chân lý khó có thể diễn tả bằng lời. Thế nên Albert Camus mới viết, “một người là người bởi những điều mình yên lặng hơn là bởi những điều mình nói”. Hay diệu dụng hơn như Nagarjuna đã ví việc tranh luận về bản thân chân lý qua hình ảnh đám đông tranh cãi có thiên thần ở trong phòng kín hay không vậy. Bảo có hay không đều không có cơ sở. Bậc hiền giả “nhìn” thấy có thiên thần trong phòng kín bằng “thiên nhãn” thì không thể bảo cho đám đông biết được. Cho nên Tuệ Sĩ rất có lý khi bảo thành công lớn nhất của ngôn ngữ cũng chính là thất bại của nó trong việc diễn tả cái tuyệt đối. Chân lý không thể bị đóng khung trong ngôn ngữ. Con người cũng không thể bị đóng khung trong những lời rao giảng kệ kinh mà quên đi bản chất người. Đó là tư tưởng chính yếu của Heidegger qua ngữ ngôn Trần Đức Thảo “bản thể trong thế giới, như Heidegger khẳng định, không phải là một tình huống khách quan được hiện thực các sự vật áp đặt, mà đúng ra là một cấu trúc bản thể học riêng thuộc về sinh vật người: con người không tồn tại bởi lẽ con người trong thế giới và bởi lẽ có vị trí của nó trong thế giới, mà vị trí con người trong thế giới chỉ đích thực có thể có được do con người tồn tại với tư cách là con người và do bản chất con người của nó”. Đó là lo âu, xao xuyến, hãi sợ và cô đơn.

Thế nên chân lý có thể hiện bày trong bóng dáng con nai vàng, chuồn chuồn, châu chấu như Bùi Giáng: “không tự mình bước tới bờ hương chín thì mật không về tụ trong trái” hay con kanguru như Murakami đều “siêu tuyệt”. Ai bảo rằng câu chuyện này nhằm nhí. Đúng quá chứ còn gì nữa. Ai bảo rằng nó vui tươi, nó buồn bã cô đơn như đời sống thì cũng đâu có sai. Điều sai biệt có lẽ nằm ở chính thế nhìn của mỗi chúng ta.

Kanguru bị nhốt trong chuồng còn chúng ta bị giam giữ trong đời sống tẻ nhạt thường ngày. Chúng ta nhìn ngắm kanguru hay chính chúng ta là kanguru. Điều này không thể biết.

Phía sau hàng rào có bốn con kanguru: một đực, hai cái, và một chú kanguru con mới sinh.

Trước hàng rào, chỉ có tôi và nàng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, đây cũng không phải là sở thú nổi tiếng nhất, lại còn tệ hơn nữa khi hôm nay là thứ hai. Cũng vì giá vé đắt nên lượng thú ở đây còn nhiều hơn cả khách tham quan.

Mục tiêu của hai đứa tôi tất nhiên là con kanguru sơ sinh. Tôi và nàng không nghĩ tới việc xem thú gì khác nữa. Chúng tôi đọc được trên báo trong mục tin tức địa phương rằng có một con kanguru con mới sinh tháng trước. Vì vậy, cả tháng nay chúng tôi luôn mong đợi để đến một ngày có thể được tận mắt nhìn thấy con kanguru mới. Nhưng buổi sáng đầu tiên trời lại mưa. Buổi sáng hôm sau, trời vẫn tiếp tục mưa. Những ngày sau đó, mặt đất cực kỳ lầy lội và những

con gió khó chịu thổi qua trong đôi ba ngày tiếp nữa. Rồi bạn gái của tôi bị đau mũi, còn tôi thì ngập chìm trong những công việc ở văn phòng.

Một tháng đã trôi qua trong tình cảnh đó.

Không hiểu sao tôi đã bỏ mất cả một tháng. Khi tôi cố gắng nghĩ xem đã có điều gì đã xảy ra, tôi không thể nhớ được gì cả. Có cảm giác mình đã làm được rất nhiều việc nhưng tôi cũng cảm thấy như mình chưa làm được gì. Chỉ khi người lấy báo đến vào cuối tháng, tôi mới nhận ra là một tháng đã trôi qua.

Nhưng cuối cùng thì buổi sáng đẹp trời để xem kanguru cũng tới. Chúng tôi thức dậy lúc sáu giờ, mở rèm cửa và ngay lập tức nhận ra rằng ngày hôm nay là một ngày tuyệt vời để đi xem kanguru. Chúng tôi rửa mặt, ăn sáng, cho mèo ăn, giặt quần áo, đội mũ và bước ra khỏi nhà.

“Anh này, không biết con kanguru con còn sống không nhỉ?” - nàng hỏi tôi khi chúng tôi đang đi tàu điện.

“Anh nghĩ là còn chứ. Nếu nó chết thì báo đã đưa tin rồi”.

“Em cá rằng nó đang bị ốm và người ta đã mang nó đến một bệnh viện nào đó”.

“Nếu vậy thì báo cũng phải đưa tin thôi”.

“Có thể nó bị đau thần kinh đấy”.

“Con kanguru con ấy hả?”

“Tất nhiên là không. em nói con kanguru mẹ ấy. Chắc người ta nhốt cả hai mẹ con nó trong một căn phòng tối tăm”.

Tôi luôn bị ấn tượng bởi những ý nghĩ xuất hiện bất chợt của nàng.

“Em luôn có cảm giác rằng nếu chúng ta bỏ qua dịp này thì không còn cơ hội nào để xem con kanguru con nữa”.

“Em thật sự nghĩ vậy à?”

“Vâng, còn anh thì sao? anh đã từng nhìn thấy con kanguru sơ sinh lần nào chưa?”

“Vẫn chưa”.

“Đến bây giờ anh có tin là anh sẽ được xem chứ?”

“Anh cũng không biết nữa, anh chưa bao giờ nghĩ tới chuyện đó”.

“Vì vậy mà em mới lo”.

“Nhưng em à”, tôi phản đối, “Vậy nếu mọi điều em nói là đúng thì chắc anh đã chẳng xem được một con hươu cao cổ mới đẻ hay một con cá voi đang bơi giữa biển bao giờ. Vậy thì tại sao chỉ có con kanguru con là có vấn đề?”

“Bởi vì nó là một con kanguru con,” nàng nói.

Tôi chịu thua, và liếc qua tờ báo. Tôi chưa bao giờ chiến thắng được con gái trong các cuộc tranh luận tay đôi.

Con kanguru con tất nhiên vẫn còn sống. Nó lớn hơn nhiều so với bức hình trên báo và đang nhảy xung quanh chuồng một cách hăng hái. Nó không còn là

một con kanguru sơ sinh nữa mà đã trở thành một con kanguru nhỏ. Dường như nàng hơi thất vọng về điều này.

“Có vẻ như nó không còn là một con kanguru sơ sinh nữa rồi”.

“Nó vẫn là một con sơ sinh đấy chứ,” tôi cam đoan với nàng.

“Lẽ ra chúng ta nên đến đây sớm hơn”.

Tôi đến một cửa hàng bán đồ ăn nhanh mua kem sôcôla. Khi tôi quay lại, nàng vẫn còn đứng bên hàng rào mà ngắm chú kanguru con.

“Nó không còn là con kanguru sơ sinh nữa rồi,” nàng lặp lại.

“Thật sao?” - tôi vừa nói vừa đưa cho nàng cây kem.

“Nếu mới sinh, nó phải ở trong túi của mẹ nó chứ”.

Tôi gật đầu đồng ý và liếm cây kem.

“Nhưng nó thì không”.

Chúng tôi đã phải mất một ít thời gian để phân biệt xem con nào là con mẹ. Con kanguru bố thì chúng tôi xác định được ngay. Nó là con lớn nhất và trầm lặng nhất trong số các con kanguru ở đây. Khi nó nhìn vào đồng lá trong máng ăn, vẻ mặt nó giống như một nhạc sĩ thất bại chua cay vậy. Hai con còn lại là hai con cái, chúng có hình dáng rất giống nhau, da cùng màu, vẻ mặt cũng giống nhau. Để xác định con nào là con mẹ thật không phải dễ.

“Có một con không phải là kanguru mẹ”, tôi nói

“Đúng vậy”.

“Vậy thì con nào là con kanguru mẹ đây?”

“Em cũng không biết nữa”.

Dù sao đi nữa, đứa con của con kanguru không mền khách đó cũng đang chạy khắp nơi, dùng chân trước để đào những cái lỗ vô nghĩa trên mặt đất ở đây và cả ở kia nữa. Dường như đời nó không hề biết đến nỗi buồn là gì. Nó chạy vòng vòng xung quanh bố nó, gặm những miếng thức ăn nhỏ, đào những cái lỗ trên mặt đất, trách móc hai con kanguru cái, rồi nằm dài trên đất, sau đó lại tỉnh dậy và chạy vòng vòng.

“Tại sao những con kanguru lại nhảy nhanh quá vậy hả anh?” - nàng hỏi.

“Để trốn chạy kẻ thù em ạ”.

“Kẻ thù? kẻ thù nào vậy anh?”

“Con người,” tôi trả lời. “Con người giết kanguru bằng bumerang và ăn thịt chúng”.

“Tại sao kanguru con lại nằm trong túi của con mẹ?”

“Để chúng có thể chạy cùng nhau. Những con kanguru nhỏ không thể nào chạy nhanh được”.

“Để bảo vệ à?”

“Đúng vậy,” tôi nói. “Mọi loài đều bảo vệ con nhỏ của mình”.

“Vậy chúng bảo vệ trong bao lâu?”

Tôi đã thu thập những thông tin liên quan đến kanguru từ một cuốn sách động vật. Và tôi có thể biết được tất cả tường tận.

“Khoảng một đến hai tháng”.

“À, vậy con này chỉ khoảng một tháng tuổi,” nàng vừa nói vừa chỉ tay vào con kanguru con. “Nó chắc vẫn phải ở trong túi của mẹ nó”.

“Ừ,” tôi nói. “Chắc chắn là vậy”.

“Chà, ở trong cái túi đó chắc tuyệt lắm nhỉ”.

“Ừ, anh đoán vậy”.

“Em đánh cuộc rằng nó cũng giống như là ở trong tử cung vậy”.

“Anh thấy hơi lạ”.

“Thật đấy”.

Trời nóng nực quá. Tôi nghe thấy những tiếng reo hò của bọn trẻ đang chơi đùa ở hồ bơi gần đó. Những đám mây hình gợn sóng lơ lững trôi trên nền trời mùa hạ.

“Em có muốn ăn gì không?”, tôi hỏi nàng

“Một cái xúc xích nóng, ”nàng nói, ”và một chai coca nữa”.

Người bán xúc xích là một cô gái trẻ tuổi đôi mươi, nàng mang theo một cái loa ở trong cái xe đẩy thức ăn. Trong lúc chờ cô gái nấu xúc xích, tôi nghe một bản nhạc do Stevie Wonder và Billy Joel song ca.

Khi tôi trở lại chuồng kanguru, nàng nói “nhìn kia”, chỉ tay về phía con kanguru cái.

“Nhìn kia, nó đang ở trong túi của mẹ nó”.

Thật vậy, con kanguru con đang rúc đầu vào túi của mẹ nó. Cái túi trước bụng mẹ nó căng ra, chỉ có một mẩu tai và đuôi của con kanguru con lòi ra ngoài thôi.

“Em nghĩ là nó phải nặng lắm”.

“Kanguru rất khỏe”.

“Thật sao?”

“Vì thế chúng mới sống lâu đến vậy”.

Con kanguru mẹ đang đứng dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời mà không hề đổ một giọt mồ hôi nào. Nó gọi cho tôi nhớ đến hình ảnh một bà mẹ đang mua hàng tạp phẩm ở một siêu thị khu Aoyama-dori, sau đó thì dừng chân nơi tiệm cà phê để nghỉ ngơi chốc lát.

“Bởi vì chúng chăm sóc những con non của chúng phải không?”

“Ừ”.

“Em nghĩ nó đang ngủ”.

“Có thể”.

Chúng tôi ăn xúc xích, uống coca và thò đầu vào trước chuồng kanguru. Khi tới giờ đóng cửa, con kanguru bố đang tìm quanh máng ăn để tìm chút thức ăn

còn lại. Hai mẹ con kanguru thì đang nằm nghỉ cùng nhau. Điều kỳ lạ là con kanguru cái còn lại đang nhảy vòng vòng ở giữa chuồng như đang kiểm tra tình trạng cái đuôi của mình.

Đó là ngày nóng nhất mà chúng tôi gặp trong một khoảng thời gian dài.

“Này, anh muốn uống bia không?”, nàng hỏi.

“Tuyệt đấy”, tôi trả lời.

Hoàng Long dịch theo bản Anh ngữ của Chris A Fine Day for Kangarooing

Buổi sáng đẹp trời tháng tư gặp một em gái hoàn hảo 100%

Murakami, Haruki

Lời của người dịch: Tình yêu trong dòng xoáy thời gian là chủ đề không bao giờ cũ. Như một lời nhạc Vũ Thành An, “yêu nhau, cho nhau nụ cười, thương nhau, cho nhau cuộc đời, mà đời đâu biết đợi, để tình nhân kết đôi”. Nhưng cái khác của Murakami là đẩy đưa một thân phận tình yêu vào ngẫu nhiên và phi lý của đời. Hay mượn ngữ ngôn của Bùi Giáng, ta có thể nói rằng hai người đã nhập cuộc, chịu chơi, đem tình yêu gùn ghè, tỉ thí với định mệnh. Nhưng “những con sóng lạnh giá vô tâm của định mệnh vẫn theo đuổi để quăng ném họ không thương tiếc”. Họ đã quên đi mất thời gian nên cuối đường còn hai kẻ bạc đầu ngậm ngùi mỗi xuân xanh xa mất. Câu kết thúc lửng lơ cuối truyện cho ta một giả tưởng về một tình yêu hoàn hảo vụt đi trong một sátna hay hoài niệm một cuộc tình riêng của tác giả 14 năm về trước?

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Một buổi sáng đẹp trời tháng tư, trên một con đường hẹp ở khu phố Harujuku sang trọng gần Tokyo, tôi đã đi ngang qua một em gái hoàn hảo 100%.

Phải nói thực là nàng chẳng ưa nhìn chút nào. Nàng chẳng nổi bật về bất cứ phương diện gì. Quần áo nàng chẳng có gì đặc biệt. Sau lưng nàng, tóc vẫn chưa quần lại gọn gàng, như thể mới ngủ dậy. Nàng cũng không còn trẻ, chắc cũng gần ba mươi, nói chính xác là nàng không còn thích hợp với từ “cô gái” nữa. Nhưng từ xa năm mươi thước, tôi biết nàng là cô gái hoàn hảo 100% đối với mình. Khoảnh khắc nhìn nàng, con tim tôi quay cuồng và miệng tôi khô cằn như sa mạc.

Có lẽ bạn có những mẫu người con gái đặc biệt cho riêng mình - người có mắt cá chân mỏng manh, mắt bồ câu hay những ngón tay thanh tú, và bạn bị quyến rũ theo những người con gái luôn dành thời gian để chuẩn bị từng bữa ăn. Dĩ nhiên tôi cũng có ý thích riêng của mình. Đôi khi trong nhà hàng, tôi nhận thấy mình đang nhìn một cô gái bàn kế bên vì tôi thích dáng mũi cô ta.

Nhưng không ai có thể đảm bảo rằng cô gái hoàn hảo 100% của mình có thể đáp ứng với mẫu người đã được hình dung nào đó. Càng thích cái mũi của các nàng bao nhiêu, tôi càng không thể nhớ hình dáng các nàng như thế nào. Dù chỉ

một nàng thì cũng thế. Mọi điều tôi nhớ được là nàng không có một vẻ đẹp gì tuyệt vời. Thật là kỳ lạ.

Tôi sẽ bảo với một ai đó: “Hôm qua mình đã lướt qua một nàng hoàn hảo 100% trên đường đi đấy”.

“Thế hả?”, anh ta nói. “Có dễ thương không?”

“Thực sự là không.”

“Thế đó là mẫu người anh thích à?”

“Tôi chẳng biết. Dường như tôi không thể nhớ bất cứ điều gì về nàng ta - kiểu mắt của nàng hay kích cỡ bộ ngực cũng thế”.

“Lạ thật đấy”.

“Vâng, đúng là lạ thật”.

“Dù sao đi nữa, anh đã làm gì, có bắt chuyện với nàng không? Có đi theo nàng ta không?”, anh ta sẽ nói với vẻ chán chường.

“Không. Chỉ lướt qua nàng ta trên đường đi thôi”

Nàng đi từ đông sang tây, và tôi đi từ tây sang đông. Đó là một buổi sáng tháng tư tuyệt đẹp.

Giả như tôi có thể bắt chuyện với nàng. Nửa tiếng cũng đã là nhiều. Chỉ hỏi về bản thân nàng, và nói với nàng về bản thân tôi. Và nếu như tôi thực sự thích thú, tôi sẽ giải thích với nàng về sự run rẩy của định mệnh đã đưa đẩy chúng tôi lướt qua nhau trên một con đường ở khu phố Harajuku vào buổi sáng tháng tư tuyệt đẹp năm 1981. Chắc chắn đó là một cái gì đây những bí mật ám cúng, như một cái đồng hồ cổ xưa được tạo thành khi hòa bình bao trùm thế giới.

Sau khi nói chuyện, chúng tôi có thể dùng bữa ở đâu đó, có thể đi xem một bộ phim của Woody Allen, dùng chân uống cocktails trong một quán bar khách sạn. Và nếu có chút may mắn, chúng tôi sẽ dìu nhau lên giường.

Những khả năng tiềm ẩn gõ vào cánh cửa tim tôi.

Bây giờ khoảng cách giữa chúng tôi thu hẹp lại còn 15 thước.

Làm thế nào tôi có thể tiếp cận nàng? Tôi sẽ nói gì với nàng đây?

“Chào cô. Cô có rảnh rang dành khoảng nửa tiếng cho một cuộc đối thoại nhỏ không?”

Quá lố lỉnh. Nghe như thể ngôn từ của người bán hợp đồng bảo hiểm.

“Xin lỗi cô. Cô biết có cửa hàng giặt ủi làm việc thâu đêm ở gần đây không?”

Không, như thế cũng lố lỉnh quá. Tôi chẳng mang theo bộ quần áo để giặt ủi nào. Ai lại đi dựng chuyện như thế?

Có lẽ tôi sẽ nói với nàng một sự thật giản đơn: “Chào em. Em là người con gái hoàn hảo 100% đối với tôi”.

Không, nàng sẽ chẳng tin đâu. Và giả sử nàng có tin, nàng cũng chẳng muốn nói chuyện với tôi. Nàng có thể nói. “Xin lỗi, tôi có thể là một cô gái hoàn hảo

100% đối với anh nhưng anh không phải là chàng trai hoàn hảo 100% đối với tôi”. Điều này có thể xảy ra chứ. Và nếu rơi vào tình huống đó, chắc chắn tôi sẽ tan nát. Tôi chẳng bao giờ phục hồi được sau cú sốc đó. Tôi đã ba mươi hai tuổi rồi, và trên tuổi đó tất cả đều ở đằng sau.

Chúng tôi đi qua nhau trước một tiệm hoa. Một vùng không khí nhỏ bé ấm áp chạm vào thịt da tôi. Nhựa đường ẩm ướt. Tôi bắt gặp một làn hương hoa hồng. Tôi không thể cất lời với nàng. Nàng mặc áo len dài tay màu trắng, tay phải cầm một phong thư sặc sỡ chỉ thiếu mỗi con tem. Đây là bức thư nàng viết cho ai đó. Có lẽ nàng đã mất trọn một đêm để trao gửi tâm tư vào trang giấy trắng nên trông mắt nàng hiện lên những tia nhìn ngái ngủ. Chiếc phong thư còn có thể ẩn giấu những bí mật mà nàng từng trải qua.

Tôi sai chân vài bước và rẽ sang hướng khác. Nàng mắt hút trong đám đông.

Dĩ nhiên là giờ đây tôi biết chính xác điều mình sẽ nói với nàng ta. Đó sẽ là một bài diễn văn dài. Đủ dài cho tôi có thể giải bày tâm tư mình một cách thích đáng. Những ý tưởng đến với tôi chẳng bao giờ thực tế cả.

Ôi trời ơi, đáng lẽ câu chuyện nên bắt đầu là “ngày xưa ngày xưa” và kết thúc là “một câu chuyện buồn đấy chứ. Bạn có nghĩ thế không?”

Ngày xưa ngày xưa, có một chàng trai và một cô gái. Chàng trai mười tám tuổi còn nàng đôi tám trắng tròn. Chàng chẳng đẹp trai gì đặc biệt, nàng cũng chẳng phải kiêu sa. Hai người đơn giản chỉ là một chàng trai bình thường cô đơn và một em gái bình thường đơn côi, giống như tất cả những người khác. Nhưng từ sâu thẳm tim mình, họ vẫn tin là ở một nơi nào trên thế giới có một chàng trai hoàn hảo 100% và một cô gái hoàn hảo 100% dành cho họ. Vâng, họ tin vào điều kỳ diệu. Và điều kỳ diệu đó thực sự đã xảy ra.

Một ngày hai người vô tình bắt gặp nhau ở một góc đường.

“Thật là kinh ngạc,” chàng trai nói. “Anh đã tìm kiếm em cả đời. Em có thể không tin, nhưng em là người con gái hoàn hảo 100% đối với anh đấy”.

“Và anh, anh là chàng trai hoàn hảo 100% với em đấy,” nàng tiếp lời, “chính xác như em đã hình dung ra đến từng chi tiết. Thật là như một giấc mơ”.

Họ ngồi trên một chiếc ghế đá công viên, nắm tay nhau, kể cho nhau những câu chuyện của mình giờ này qua giờ khác. Hai người không còn cô đơn nữa. Họ đã khởi sự kiếm tìm và đã tìm được một nửa kia của mình hoàn hảo 100%. Đó là một sự diệu kỳ. Một sự diệu kỳ của vũ trụ.

Tuy nhiên, khi họ ngồi bên nhau và nói chuyện, từng mảnh vỡ nghi ngờ bắt rễ trong tim họ. Phải chăng thật sự giấc mơ của mình lại trở thành hiện thực một cách dễ dàng như thế?

Và trong khoảnh khắc ngắn ngủi lặng im giữa cuộc trò chuyện, chàng trai nói với cô gái: “Chúng ta hãy thử một lần nữa. Nếu quả thật chúng ta là người tình hoàn hảo của nhau, thì nhất định chúng ta sẽ gặp lại nhau vào một lúc nào đó, ở

một nơi nào đó. Và khi điều đó xảy ra, chúng ta biết chắc mình là một nửa kia của nhau và sẽ cưới nhau ngay lúc ấy. Em nghĩ thế nào?”

“Vâng,” nàng nói. “Chúng ta sẽ làm đúng như thế”.

Và họ chia tay nhau. Nàng đi về hướng đông, còn chàng về hướng tây.

Tuy nhiên, cuộc thử nghiệm mà hai người thỏa thuận là hoàn toàn không cần thiết. Họ sẽ chẳng bao giờ có thể thực hiện được. Bởi vì họ thật sự đúng là một nửa kia hoàn hảo 100% của nhau và quả là một điều kỳ diệu nếu như họ đã gặp được nhau. Nhưng họ không thể biết điều đó, bởi họ còn quá trẻ. Những con sóng lạnh giá vô tâm của định mệnh vẫn theo đuổi để quăng ném họ không thương tiếc.

Vào một mùa đông, cả chàng trai và cô gái gặp một cơn bệnh cúm dữ dội, và sau mấy tuần trôi vạt vờ giữa sự sống và cái chết, hai người đã mất sạch những ký ức đẹp để thờ đầu. Khi thức dậy, họ thấy đầu mình trống rỗng như con heo đất của chàng D.H. Laurence trẻ tuổi.

Tuy nhiên, họ là những người trẻ tuổi sáng láng và kiên định, và với những nỗ lực không ngừng nghỉ, họ đã giành giật lại được cái kiến thức và cảm giác khiến họ lại có thể trở thành những thành viên đầy đủ tư cách của xã hội. Nhờ trò phù hộ, hai người đã thật sự trở thành những công dân trung thực biết cách di chuyển từ tuyến xe điện ngầm này sang tuyến khác và đủ khả năng để gửi một bức thư chuyển phát nhanh ở bưu điện. Trên thực tế, hai người còn thử yêu đương trở lại và nhiều khi đạt đến tình yêu ở mức 75% hay thậm chí 85%.

Thời gian trôi nhanh không ngờ. Chẳng bao lâu sau, chàng trai đã 32 tuổi còn nàng cũng ba mươi cái xuân xanh.

Một buổi sáng đẹp trời tháng tư, sau khi dùng một tách cà phê khởi đầu ngày mới, chàng trai rảo bước từ tây sang đông. Trong lúc ấy, nàng định gửi một lá thư chuyển phát nhanh, rảo bước từ đông sang tây. Nhưng trên cùng một con đường nhỏ ở khu Harajuku gần Tokyo, họ lướt qua nhau ở giữa con đường. Những tia sáng yếu ớt nhất của ký ức đã mất chập chờn vài giây ngắn ngủi ánh chiếu vào tim họ. Mỗi người đều cảm thấy con tim quay cuồng. Và họ biết:

Nàng là cô gái hoàn hảo 100% cho tôi.

Chàng là người trai hoàn hảo 100% cho tôi.

Nhưng ánh sáng của vùng trí nhớ quá xa xôi và yếu ớt, và tư tưởng họ chẳng bao lâu sau lại trong sáng như hồi mười bốn tuổi. Không nói một lời, họ lướt qua nhau, biến mất vào đám đông. Vĩnh viễn.

Một câu chuyện buồn. Bạn có nghĩ thế không?

Vâng đúng vậy. Và đó chính là điều lẽ ra tôi nên nói với cô ta.

Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh On seeing the 100% perfect girl one beautiful April morning

Lưỡi dao sắc [1/2]

Murakami, Haruki

Lời của người dịch: Bối cảnh câu chuyện hơi giống như trong tác phẩm Người đàn ông băng. Trong một chuyến dừng chân nơi khu nghỉ mát bờ biển, nhân vật tôi đã gặp hai mẹ con người Mỹ tật nguyền. Bà mẹ bị co giật thần kinh, người con trai bị liệt phải ngồi xe lăn. Đêm cuối cùng trước khi rời khỏi khách sạn, nhân vật “tôi” do tắm nắng hay bơi quá nhiều nên đã không ngủ được. Và thức dậy lang thang. Trong ánh trăng, “tôi” gặp người thanh niên tật nguyền. Hai người nói chuyện với nhau về quan niệm sống và về những con dao. Dù bị dính chặt vào chiếc xe lăn, vô dụng như một cái cây, nhưng anh ta vẫn tìm cho mình một “lý do hiện hữu”. Anh phát hiện ra rằng gia đình là một hệ thống tồn tại cho chính nó và một trong những đặc trưng quan trọng của gia đình là “sự thiếu hụt sẽ bị hút về cái thiếu hụt lớn hơn và sự thừa mứa sẽ bị hút về cái thừa mứa lớn hơn”. Trong ý nghĩa đó thì “cái chân vô dụng của tôi là một ngọn cờ mà gia đình tôi tập hợp lại. Cái chân chết của tôi là một cái trục cho những thứ khác xoay chung quanh”. Theo anh, đó là sự phân công lao động. Và “mẹ con tôi cũng có vai trò của mình. Đó là con đường hai chiều. Thật khó mà diễn tả, nhưng tôi nghĩ chúng tôi bù vào sự thừa mứa của họ bằng cách không làm gì cả. Đó là lý do hiện hữu của chúng tôi (tiếng Pháp trong bản dịch: raison d’être)”.

Người thanh niên lại kể cho “tôi” nghe về giấc mơ của mình. “Có một con dao sắc chém vào phần mềm của đầu tôi, nơi mà ký ức hiện hữu. Nó mắc kẹt sâu trong đó. Nhưng nó không làm tổn thương hay đè nặng lên tôi. Nó chỉ mắc kẹt ở đó. Và tôi đứng ở một bên, nhìn vào cảnh tượng đó như thể nó xảy ra với một ai khác. Tôi muốn người nào đó rút con dao ra, nhưng không ai biết con dao bị mắc kẹt trong đầu tôi. Tôi nghĩ về việc mình tự kéo nó ra, nhưng đôi khi không thể đưa tay vào trong đầu mình được. Đó là điều lạ lùng nhất. Tôi có thể chém chính mình nhưng không thể kéo con dao ra được. Và rồi tất cả mọi thứ bắt đầu biến mất. Tôi cũng bắt đầu phai mờ dần. Chỉ còn con dao ở lại. Chỉ có con dao là luôn luôn ở đó - đến tận lúc cuối cùng. Như xương của một động vật tiền sử trên bãi biển. Đó là giấc mơ của tôi”, anh ta nói.

Một ẩn dụ tuyệt hay nói về những vết thương của ký ức. Trong đêm khuya, thường niềm đau nổi nhói thức dậy khi tha nhân đã ngủ yên. Những kỷ niệm đã qua kéo về trong đêm như những bóng ma ẩn ức. Nhân vật “tôi” cũng đã dùng dao chém vào ký ức. “Không hình dạng, chỉ như sương mù. Mọi thứ dường như ẩn trong lớp sương mù đó. Những chiếc bè, biển cả, bầu trời, những chiếc trục thẳng và những người phi công. Tôi thử chém họ làm hai, nhưng viễn cảnh biến mất, và tất cả lại hiện diện ở xa tầm lưỡi dao tôi. Tất cả đều là ảo ảnh hay chính tôi là ảo ảnh? Có lẽ không quan trọng. Sáng ngày mai tôi đã không còn ở đây nữa”.

Sương mù khu vườn trí nhớ vẫn cứ lẩn quất bao vây ta không cách gì tránh khỏi. Không làm sao quên được. Mỗi người đều có những con dao trong đầu. Đó là những nỗi niềm không thể sẻ chia cho người khác biết, nhưng chính nó lại làm nên cuộc đời ta. Ai cũng bị thương cả. Cùng một con dao nhưng vết thương của mỗi người lại rất khác.

Con dao là ký ức. Nhưng ký ức là những mảnh đời qua thời gian. Vì thế, Con dao chính là hình ảnh của thời gian. Thời gian sẽ còn lại sau cùng khi hư vô tàn phá tất cả. Trong thời gian không có hư vô hay trong hư vô không có dấu ấn của thời gian? Những con sóng vỗ bờ đã nói thay ta những điều không thể nói.

Chính vì vậy mà mỗi người đều có một cõi riêng mình. Trong cõi đó, thời gian bị uốn cong. Chỉ cần bắt chuyện với một người là ta biết thêm một thế giới. Như một câu nhạc Trịnh Công Sơn “làm sao biết từng nỗi đời riêng, để yêu thêm, yêu cho nồng nàn?”.

Con dao vẫn nằm đó. Ta đứng nhìn ta bị dao đâm. “Chính mình như một người khác”. Sự đối diện và buông xả có lẽ sẽ làm cho ta nguôi ngoai. Con dao không bao giờ buông tha ta. Nó làm nên số phận con người. Vết thương không còn nữa khi ta rời bỏ trần gian này, biến mất dưới bầu trời đêm. “Thời gian trước ta và sau ta vĩnh viễn không thuộc về ta”. Con dao vẫn còn trên bờ biển như xương của con vật tiền sử. Ký ức lôi ta vào biển hoài nhớ, và chỉ có thời gian mới chấm dứt được thời gian. Lúc đó miệng ta “đã ngậm đầy đất cát” (Albert Camus) và nói chuyện với đời bằng ngôn ngữ vô thanh. Hay bằng tác phẩm của chính mình để lại? “khi băng hà vĩnh cửu, ngự trị vùng lãng quên, thơ mong manh sương khói, biết ai còn nhớ tên?” (thơ Hoàng Long).

Hai bè củi được thả neo ngoài khơi xa nhìn như hai hòn đảo sinh đôi. Một khoảng cách lý tưởng nếu từ bờ bơi ra - chính xác là năm mươi feet tính từ bờ và khoảng ba mươi feet giữa hai bè gỗ. Bè ngang 14 feet, mỗi bè đều có thang sắt và thảm cỏ nhân tạo phủ trên bề mặt. Mực nước sâu 10 đến 12 feet, trong suốt đến mức ta có thể nhìn thấy sợi dây xích nối giữa hai chiếc bè kéo tận xuống đáy chiếc neo bê tông. Khu vực bơi được một tảng đá ngầm san hô vây quanh. Và vì ít khi có sóng lớn nên những chiếc bè cứ dập dềnh nhẹ nhàng trên mặt nước. Chúng dường như cam chịu việc bị bỏ ngoài khơi xa để cho những tia nắng chói chang của mặt trời chiếu dội ngày này qua tháng khác.

Tôi thích đứng trên bè gỗ nhìn vào bờ. Bờ biển trắng xóa kéo dài, chiếc tháp cứu đắm màu đỏ, hàng cọc xanh tươi - một cảnh đẹp huy hoàng, hay ít ra cũng hoàn hảo như một bức tranh trên bưu thiếp. Phía xa bên phải, bờ biển chấm dứt bằng một dãy đá đen lờm chờm dẫn đến khách sạn mà vợ tôi và tôi đang ở. Bây giờ là cuối tháng sáu, chưa đến mùa du lịch vì thế có ít khách vắng lai ở khách sạn và trên bờ biển.

Có một quân đoàn Mỹ đóng trú gần đây và chiếc bè gỗ nằm ngay hướng bay của máy bay trực thăng. Những chiếc phi cơ xuất hiện từ ngoài khơi xa, tách đôi không gian giữa hai chiếc bè gỗ rồi vút qua đám cây cọ và biến mất. Chúng bay chậm đến mức ta có thể nhìn thấy vẻ mặt của người phi công. Tuy nhiên, trừ những chiếc máy bay tập kích trên đầu, còn lại hầu như chỉ là bãi biển vắng lặng, ngủ vùi. Đúng là một nơi lý tưởng cho những ai muốn yên thân một mình trong kỳ nghỉ.

Những căn nhà màu trắng ở đây có hai tầng, được chia làm bốn phòng, hai ở tầng trên và hai ở tầng dưới. Phòng chúng tôi nằm ở tầng trệt, nhìn ra biển. Bên ngoài cửa sổ là khu vườn với những đám cỏ được cắt tỉa gọn gàng. Sáng và tối, chiếc xe bồn chậm chạp tưới cỏ. Sau khu vườn là một hồ bơi và một hàng cây cọ cao vút với những chiếc lá khổng lồ ve vẫy nhẹ nhàng trong gió mùa.

Một người mẹ và đứa con trai người Mỹ đang ở căn phòng kế bên phòng vợ chồng tôi. Họ dường như đã ở đây lâu rồi, trước khi chúng tôi đến. Người mẹ khoảng sáu mươi tuổi còn đứa con trai gần bằng tuổi chúng tôi, khoảng hai tám hai chín gì đó. Họ giống nhau đến mức tôi chưa từng thấy mẹ con nhà nào giống hơn. Cả hai đều có gương mặt hẹp và dài y chang nhau, trán rộng và môi mím chặt. Người mẹ dáng cao, thẳng, cử động nhanh nhẹn hoạt bát. Người con hình như cũng cao, tôi không chắc lắm. Anh ta ngồi trên một cái xe lăn. Lúc nào người mẹ cũng đứng sau, đẩy chiếc xe lăn cho anh ta.

Gia đình họ im lặng đến đáng ngờ và căn phòng của họ như viện bảo tàng. Họ chẳng bao giờ bật tivi dù có hai lần tôi đã nghe tiếng nhạc vọng sang từ phòng họ - lần đầu là một bản clarinet ngũ tấu của Mozart, lần thứ hai là một bản nhạc giao hưởng mà tôi không thể nhận ra. Tôi đoán là của Richard Strauss.

Ngoài những lần đó ra còn lại chẳng có tiếng động nào. Họ không sử dụng máy điều hoà nhiệt độ. Thay vào đó, họ mở cửa trước để cho những cơn gió lạnh ngoài biển thổi vào. Nhưng cho dù mở cửa, tôi cũng chẳng nghe thấy tiếng nói chuyện của họ bao giờ. Những mẩu đàm thoại của họ - chắc đôi lúc họ phải nói chuyện - chắc hẳn chỉ là sự thay đổi ít nhiều ngữ điệu của tiếng thì thầm mà thôi. Họ dường như không biết đến chúng tôi, và những khi ở trong phòng chúng tôi phải hạ thấp giọng.

Chúng tôi thường gặp gia đình họ trong nhà hàng, trong tiền sảnh khách sạn hay đôi khi trên lối đi dạo của khu vườn. Khách sạn này là một nơi nhỏ nhắn và ấm cúng, nên chúng tôi dù muốn hay không cũng phải qua những lối đi ấy. Chúng tôi gật đầu chào nhau mỗi khi gặp mặt. Mẹ con họ có những cách gật đầu chào khác nhau. Người mẹ gật đầu chào mạnh, quả quyết, còn người con chỉ nghiêng đầu nhẹ. Án tượng của hai cách chào đó dù vậy vẫn đẹp như nhau. Lời chào chỉ bắt đầu và kết thúc như thế, không đi xa hơn. Chúng tôi chẳng bao giờ thử bắt chuyện với họ. Giữa vợ chồng tôi đã có nhiều điều để nói với nhau rồi.

Chẳng hạn như bao giờ thì dọn đến nhà mới, chúng tôi sẽ làm những việc gì và có nên có con hay không... đây là mùa hè cuối cùng của những năm chúng tôi hai mươi tuổi.

Sau bữa ăn sáng, mẹ con họ luôn ngồi trong tiền sảnh đọc báo. Đọc từ trang này sang trang khác, từ trên xuống dưới rất có phương pháp. Như thể họ khóa mình trong một kỳ thi nghiêm ngặt xem ai đọc báo lâu hơn. Một đôi ngày, họ thay báo bằng những quyển sách đóng bìa cứng dày cộp. Họ giống như một đôi vợ chồng già chán nhau từ lâu lắm rồi, hơn là giống hai mẹ con.

Mỗi sáng, khoảng chừng 10 giờ tôi cùng vợ mang những chai nước ướp lạnh đi ra biển. Chúng tôi bôi thuốc chống nắng khắp người, nằm dài trên những chiếc chiếu trải trên cát. Tôi nghe nhạc Stones hay Marvin Gaye bằng máy Sony Walkman, còn vợ tôi thì đọc Cuốn theo chiều gió. Vợ tôi nói rằng nàng học được nhiều điều từ tác phẩm về cuộc sống. Tôi chẳng bao giờ đọc nó nên tôi không hiểu nàng muốn nói gì. Hàng ngày, mặt trời bật sâu vào trong đất liền, vạch một đường chậm chạp giữa hai chiếc bè theo đường ngược lại với hướng bay của những chiếc trực thăng rồi nhàn nhã lặn sâu xuống đường chân trời.

Hai ngày một lần, vào buổi chiều, hai mẹ con họ lại xuất hiện trên bờ biển. Người mẹ luôn mặc bộ quần áo màu sáng và đội chiếc mũ rơm màu trắng rộng vành. Người con chẳng bao giờ đội nón. Thay vào đó, anh ta đeo một chiếc kính râm, mặc chiếc áo sơ mi phong cách Hawaii và một chiếc quần vải cotton. Họ ngồi dưới bóng của những cây cọ, gió xạc xào xung quanh. Họ nhìn ra biển và không làm gì khác. Bà mẹ ngồi trên chiếc ghế xếp nơi bãi biển, còn người con chẳng bao giờ rời khỏi chiếc xe lăn. Đôi khi, họ đổi chỗ tìm bóng râm. Người mẹ mang theo một phích nước màu trắng, đôi khi bà rót nước cho mình trong ly giấy hay nhai vài cái bánh bích quy.

Có buổi họ ở bãi biển khoảng nửa tiếng, nhưng có khi họ ở đến ba giờ chiều. Khi tôi bơi, tôi cảm thấy họ đang nhìn tôi. Có một khoảng cách dài giữa chiếc bè gỗ đến hàng cọ xanh nên tôi có thể hình dung ra được. Chắc có lẽ tôi quá nhạy cảm nhưng khi tôi leo lên một trong hai chiếc bè, tôi dễ dàng cảm thấy đôi mắt họ chiếu thẳng vào tôi. Đôi khi chiếc phích bạc loé sáng như một con dao trong ánh nắng mặt trời.

Ngày này qua ngày khác hững hờ nối tiếp theo nhau. Phòng kê bên vẫn chẳng có gì khác biệt. Ta có thể thay đổi trật tự mà chẳng ai chú ý đến. Mặt trời vẫn mọc hướng đông, lặn hướng tây, những chiếc máy bay màu ôliu bay lên bay xuống, tôi nốc hàng galông[1] bia và thỏa chí vẫy vùng bơi lội.

Buổi chiều cuối cùng ở khách sạn, tôi ra biển bơi một lần nữa. Vợ tôi nghỉ trưa và tôi ra biển một mình. Đó là buổi chiều ngày thứ bảy, người đông hơn thường lệ. Những người lính râm nắng với sự ồn ào tuổi trẻ và những hình xăm trên cánh tay đang chơi bóng chuyền. Lũ trẻ dìm nhau nơi bờ nước, xây lâu đài

cát và kêu thét vui sướng khi sóng lớn vỗ bờ. Nhưng dường như không có ai bơi ngoài xa, những chiếc bè trở nên hoang vắng. Trời không gợn mây, ánh nắng chiếu thẳng trên đầu, mặt cát nóng bỏng. Nhưng không thấy hai mẹ con họ xuất hiện.

Tôi bước xuống cho nước dâng đến ngực rồi bắt đầu trườn đến phía trái của chiếc bè. Một cách chậm rãi, tôi dùng tay thử độ nâng của nước. Tôi vừa bơi vừa đếm nhịp bơi. Nước lạnh và tôi cảm thấy tốt cho làn da rám nắng của mình. Tôi bơi trong vùng nước trong đến mức nhìn thấy cái bóng của mình đổ trên mặt cát, như thể một cánh chim lướt qua bầu trời. Sau khi đếm đến nhịp thứ bốn mươi, tôi ngẩng lên để chắc chắn rằng cái bè ngay phía trước mặt. Chính xác sau mười nhịp bơi nữa, tay trái tôi đã chạm vào nó. Tôi nổi lên đó khoảng một phút, điều hòa nhịp thở mình rồi túm lấy cái thang và trèo lên bè.

Tôi hết sức ngạc nhiên thấy có một người ở đây trước mình. Một người đàn bà mập mạp tóc vàng hoe. Chắc hẳn bà ta đã đến đây trong khi tôi đang bơi vì khi từ bờ nhìn ra, tôi không thấy ai trên chiếc bè này cả. Bà mập mặc một bộ bikini nhỏ xíu. Cái quần màu đỏ trông như lá cờ đuôi nheo mà người nông dân Nhật Bản cắm trên đồng để báo hiệu cánh đồng mới được xịt thuốc trừ sâu. Bà mập nằm sấp. Người bà quá mập nên bộ đồ tắm trông càng nhỏ hơn nữa. Dường như bà mới đến vùng này bởi làn da nhợt nhạt, không có dấu vết gì của sự rám nắng.

Bà ngược nhìn lên vài giây rồi nhắm mắt lại. Tôi ngồi xuống phía đối diện của chiếc bè. Tôi đu đưa chân xuống nước và nhìn vào bờ. Hai mẹ con nhà họ vẫn không có dưới tán lá cọ. Và cũng chẳng có ở bãi biển. Tôi không thể lẫn họ được: chiếc xe lăn kim loại lấp lánh trong nắng là một sự tố giác chết người. Tôi cảm thấy như bị bỏ rơi. Không có hai mẹ con, bức tranh phong cảnh mất đi một miếng. Có lẽ họ đã làm thủ tục rời khách sạn và trở về nơi “cố quận” - có lẽ là một nơi nào đó. Nhưng khi tôi thấy họ trước đó, trong nhà ăn của khách sạn, họ không có vẻ gì là sắp sửa rời đi. Vẫn như thường lệ, họ dành thời gian để dùng bữa và yên lặng uống một ly cà phê sau khi ăn xong.

Tôi nằm sấp xuống như bà mập tóc vàng hoe và phơi nắng trong khoảng mười phút, nghe những con sóng nhỏ tấp vào mạn chiếc bè. Những giọt nước rơi vào tai tôi ấm áp trong ánh nắng mặt trời chói chang.

“Này cậu trai, nóng nhỉ”, bà mập nói từ phía bên kia chiếc bè. Giọng bà cao và ngọt xớt.

“Hẳn vậy rồi,” tôi đáp.

“Cậu biết mấy giờ rồi không?”

“Tôi không có đồng hồ, nhưng tôi đoán chắc khoảng hai giờ rưỡi hay hai giờ bốn mươi gì đó”.

“Thật à?”, bà ta nói và tỏ ra một dấu hiệu như thể đó không phải là thời gian bà ước đoán. Có lẽ bà ta không chú ý đến thời gian.

Bà mập ngồi dậy. Mồ hôi lấm tấm khắp người như thể những con ruồi trên thức ăn. Những cuộn mỡ từ dưới tai kéo dài xuống vai rồi xuống cả đôi tay mập mạp. Đường như cổ chân và cổ tay bà ta cũng bị biến mất vào trong những nếp thịt gấp khúc. Tôi không thể không nghĩ đến anh chàng Michelin[2]. Dù nặng nề như vậy, nhưng bà ta không cho tôi ấn tượng gì bệnh tật. Bà ta trông cũng không đến nỗi tệ lắm. Bà ta đơn giản là chỉ có quá nhiều thịt trên xương. Tôi đoán bà ta khoảng chừng trên ba mươi.

“Chắc cậu ở đây lâu nên da rất rám nắng,” bà ta nói.

“Chín ngày”.

“Da cậu rám nắng đến là lạ,” bà ta nói. Thay vì trả lời, tôi đằng hắng. Nước trong tai tôi chảy ra róc rách khi tôi nghiêng đầu.

“Tôi đang ở khách sạn quân đội,” bà ta nói.

Tôi biết nơi đó. Nó nằm cuối con đường nơi bãi biển.

“Anh trai tôi là sĩ quan hải quân, anh ấy mời tôi đến. Cậu biết không? Hải quân không tệ lắm đâu. Lương khá lắm. Họ có tất cả mọi thứ mình muốn ngay trong căn cứ. Cũng có cả những quyền lợi khác như khu nghỉ mát này chẳng hạn. Thật khác xa khi tôi còn đi học cao đẳng. Đó là hồi chiến tranh Việt Nam. Lúc bấy giờ, có người trong gia đình làm quân đội là ngại ngùng không thể tả. Mình phải lén lút. Nhưng thế giới thực sự thay đổi kể từ dạo ấy”.

Tôi gật đầu lơ đãng.

“Bạn tôi cũng từng ở trong hải quân,” bà ta tiếp tục. “Anh ta là phi công chiến đấu. Anh ta phải đi nghĩa vụ ở Việt Nam trong hai năm, rồi làm phi công cho Mỹ. Lúc đó tôi là nữ tiếp viên trên máy bay. Và chúng tôi đã gặp nhau. Để tôi gắng nhớ năm mà chúng tôi cưới nhau. Hình như năm 1970. Dù gì thì cũng khoảng sáu năm về trước. Ngẫu nhiên ấy mà”.

“Thế nào?”

“Cậu biết không? Phi hành đoàn toàn làm việc vào những giờ “trái khoáy” nên họ thường hẹn gặp nhau. Những giờ làm việc và kiểu sống của họ hoàn toàn bị ràng buộc. Dù vậy, chúng tôi cưới nhau. Tôi nghỉ việc và anh ta lại tiếp tục “cặp kè” với một nữ tiếp viên khác rồi lại cưới cô ta. Cũng là chuyện ngẫu nhiên thôi mà”.

Tôi cố gắng thay đổi chủ đề câu chuyện. “Bà sống ở đâu?”

“Los Angeles”, bà ta nói. “Cậu đến đó chưa?”

“Chưa”, tôi nói.

“Tôi sinh ra ở đó. Rồi cha tôi chuyển chuyên sang Salt Lake City. Cậu từng đến đó chưa?”

“Chưa”.

“Tôi cũng chẳng khuyên cậu đến đó”, bà ta nói rồi lắc đầu và lau mồ hôi trên mặt.

Tôi lấy làm lạ khi nghĩ rằng bà ta từng là nữ tiếp viên. Tôi đã trông thấy nhiều nữ tiếp viên mập nhưng rắn chắc như một đô vật. Tôi cũng thấy vài người có cánh tay lực lưỡng và những đôi môi mập mỗ. Nhưng tôi chưa thấy ai mập bự như bà ta. Có lẽ nước Mỹ không quan tâm đến việc nữ tiếp viên cân nặng bao nhiêu. Hay có lẽ khi còn làm việc, bà ta chưa mập đến thế này.

Tôi nhìn lướt qua bãi biển. Vẫn không có dấu hiệu gì của hai mẹ con. Những người lính vẫn đang chơi bóng chuyền. Người cứu đắm ở trên cái tháp của mình và nhìn chăm chú vào cái gì đó bằng chiếc ống nhòm ngoại cỡ. Hai chiếc máy bay quân sự xuất hiện ngoài khơi và như những người đưa tin loan báo những tin bất hạnh trong các vở bi kịch Hy Lạp, chúng la lối phô trương rồi trốn sâu vào đất liền. Chúng tôi yên lặng quan sát những cái máy màu xanh biển mất ngoài xa.

“Tôi chắc là chúng ta đang trải qua những giây phút tuyệt vời ở đây”, bà mập nói. “Tắm nắng trên chiếc bè và không lo lắng gì đến thế giới”.

“Có lẽ bà nói đúng”.

“Mọi thứ tuyệt vời khi ta ngược nhìn lên”, bà ta nói rồi lặn cái bụng phệ nằm xuống và nhắm mắt lại.

Thời gian trôi qua yên lặng. Cảm thấy đến lúc phải trở về, tôi đứng dậy và bảo với bà ta là tôi phải quay vào bờ. Tôi nhảy xuống nước và lặn. Được nửa đường, tôi dừng lại, đổi sang kiểu bơi đứng và nhìn về phía chiếc bè. Bà ta nhìn tôi và vẫy tay. Nhìn từ xa, bà ta trông như con cá heo. Thứ bà ta cần là một đôi vây chèo để lao sâu vào lòng biển.

Tôi về phòng, nằm nghỉ một lát. Buổi tối, như thường lệ tôi xuống nhà ăn dùng bữa tối. Vẫn không thấy hai mẹ con nhà kia. Tôi trở về và thấy phòng của hai mẹ con đóng kín cửa. Ánh sáng lọt qua ô kính nhỏ mờ nơi cánh cửa, nhưng tôi không thể nói căn phòng này đang có người ở hay không.

Tôi nói với vợ: “Anh chắc là họ đã rời khách sạn rồi. Hai mẹ con họ không có ở bãi biển và không xuống ăn tối”.

“Cuối cùng thì ai cũng phải ra đi thôi. Ta không thể sống như thế này mãi được”, vợ tôi nói.

“Anh cũng chắc vậy”, tôi đồng ý nhưng không tin. Tôi không thể hình dung mẹ con họ lại ở chỗ nào khác ngoài nơi chôn này.

Chúng tôi cũng bắt đầu thu dọn hành lý. Khi chúng tôi nhét đầy áo quần vào hành lý rồi thả xuống gầm giường, căn phòng ngay lập tức trở nên lạnh lùng và xa lạ. Kỳ nghỉ của chúng tôi cũng đến hồi kết thúc.

Tôi thức dậy và nhìn cái đồng trên chiếc bàn kế giường ngủ. Một giờ hai mươi phút. Tim tôi đập mạnh. Tôi từ từ rời khỏi giường và ngồi xuống tắm thử. Tôi ngồi xếp bằng và hít thở sâu. Tôi điều hòa hơi thở, thả lỏng vai, ngồi thẳng

và cố gắng tập trung. Tập luyện kiểu này khiến tôi cảm thấy an bình trở lại. Chắc hẳn là tôi đã bơi hay tắm nắng quá nhiều. Tôi đứng dậy nhìn quanh phòng. Dưới chân giường, hai chiếc va ly thu mình như hai con vật lén lút. Đúng rồi. Tôi nhớ ra là ngày mai chúng tôi không còn ở đây nữa.

Trong ánh trăng mờ chiếu vào cửa sổ, vợ tôi nằm ngủ say. Tôi không thể nghe tiếng nàng thở, cứ như thể là nàng đã chết rồi. Đôi khi nàng ngủ như vậy. Khi chúng tôi mới cưới, kiểu ngủ của nàng làm tôi sợ. Thỉnh thoảng tôi thực sự nghĩ rằng nàng đã chết. Nhưng ngoài sự im lặng đó, nàng ngủ rất sâu. Tôi thay bộ quần áo ngủ đầm mồ hôi bằng một cái áo sơ mi sạch và chiếc quần đùi. Nhét một chai rượu mạnh loại nhỏ của Thổ Nhĩ Kỳ trên bàn vào túi quần, tôi lặng lẽ mở cửa và bước ra ngoài. Không khí đêm lạnh giá mang theo mùi ẩm ướt của cây cối xung quanh. Trăng tròn vành vạnh bao phủ thế giới một màu sắc lạ lùng mà ta không bao giờ thấy được vào ban ngày. Giống như thể chúng ta đang nhìn qua một tấm lọc màu sắc. Nó làm cho một số vật có màu sắc lung linh hơn còn những vật khác thì xám xịt và kiệt quệ như xác chết.

Tôi không ngủ được tí nào. Như thể giấc ngủ chưa bao giờ tồn tại. Tâm trí tôi rất sáng láng và tập trung. Im lặng ngự trị nơi này. Không hơi gió, không tiếng côn trùng, không một tiếng chim đêm vang vọng. Chỉ có tiếng sóng biển vọng về xa xăm mà tôi phải lắng tai mới nghe ra được.

Tôi chậm chạp đi vòng quanh khu nhà nghỉ, đi tắt qua đám cỏ. Trong ánh trăng, đám cỏ tròn trông như cái ao phủ đầy băng tuyết. Tôi bước nhẹ nhàng, cố không làm vỡ đám băng kia. Qua đám cỏ là một con đường hẹp lát đá và phía trên kia là quầy bar được trang trí bắt mắt, ấm áp. Trước mỗi bữa ăn tối, tôi đều uống một ly rượu vodka nơi đây. Dĩ nhiên, lúc đêm khuya như thế này, quầy bar đóng cửa. Và những cái dù che ở mỗi bàn được gập lại gọn gàng như những chú thằn lằn có cánh đang ngủ say.

Người thanh niên ngồi trên xe lăn đang ở đó. Dựa khuỷu tay lên bàn, anh ta nhìn chăm chú vào mặt nước. Nhìn từ xa, chiếc xe lăn trong ánh trăng trông như một nhạc cụ đặc biệt thích hợp cho những giờ sâu thẳm và tối tăm nhất của đêm.

Tôi chưa bao giờ thấy anh ta đi một mình. Trong tâm trí tôi, anh ta và người mẹ là một khối đơn nhất. Anh ta ngồi trên xe và người mẹ thì đẩy xe. Nhìn thấy anh ta như vậy, tôi cảm thấy anh ta lẻ loi làm sao. Anh ta mặc một cái áo sơ mi Hawaii màu cam mà tôi đã thấy trước đó và một cái quần trắng bằng vải cotton. Anh ta ngồi không động đậy, nhìn chăm chăm vào đại dương.

Tôi đứng lại một lát, phân vân tự hỏi không biết tôi có nên tỏ ra cho anh ta biết mình đang ở đây hay không. Nhưng trước khi tôi kịp quyết định phải làm gì, anh ta đã cảm thấy được sự hiện diện của tôi và quay người lại. Khi thấy tôi, anh gật đầu chào hững hờ như thường lệ.

“Xin chào”, tôi nói.

“Xin chào”, anh ta đáp lại bằng giọng nhẹ nhàng. Đây là lần đầu tiên tôi nghe anh ta nói. Giọng anh ta nghe hơi buồn ngủ nhưng hoàn toàn bình thường. Không quá cao, cũng không quá thấp.

“Đi dạo giữa đêm à?”, anh ta hỏi.

“Tôi không ngủ được”, tôi đáp lời.

Anh ta nhìn tôi từ đầu đến chân và một nụ cười yếu ớt nở trên môi anh ta. “Tôi cũng vậy thôi”, anh nói. “Ngồi xuống đây nếu anh thích”.

Tôi do dự một lát rồi bước về phía bàn người thanh niên. Tôi kéo ra một chiếc ghế nhựa và ngồi xuống phía đối diện. Tôi cũng nhìn về phía biển như anh ta. Cuối bãi biển là dãy đá lờm chờm, như thể chiếc bánh nướng bị cắt ra một nửa. Những con sóng đều đặn vỗ vào bờ đá với khoảng cách không thay đổi. Những ngọn sóng nhỏ duyên dáng và trật tự. Như thể chúng được đo bằng một cây thước. Còn ngoài xa kia thì không có gì đáng nhìn.

Hoàng Long dịch từ tiếng Anh

Lưỡi dao sần [2/2]

Murakami, Haruki

“Tôi không thấy anh ra biển ngày hôm nay”, tôi nói.

“Tôi nghỉ trong phòng cả ngày”, người thanh niên đáp. “Mẹ tôi không được khỏe”.

“Tôi lấy làm tiếc khi nghe anh nói vậy”.

“Không phải là vấn đề thể xác đâu. Chỉ là trạng thái căng thẳng cảm xúc thần kinh thôi”. Anh xoa má bằng ngón tay giữa của bàn tay phải. Trong đêm khuya, đôi má anh ta trơn nhẵn như đồ sứ, không thấy dấu vết của râu ria đâu cả. “Bây giờ thì bà ấy đỡ rồi. Bà đang ngủ ngon. Thật khác với đôi chân tôi. Sau một giấc ngủ ngon, bà ta sẽ khá lên thôi. Hoàn toàn không chữa trị được gì đâu nhưng ít nhất bà ta cũng sẽ trở lại như cũ. Sáng mai, bà ta sẽ tốt lên thôi”.

Rồi anh ta im lặng khoảng ba mươi giây, có lẽ là một phút. Tôi thôi bắt chéo chân dưới bàn và tự hỏi không biết mình đến lúc trở về hay chưa. Như thể toàn bộ cuộc đời tôi quay tròn để phân xét thời điểm thích hợp để nói lời tạm biệt trong câu chuyện này. Nhưng tôi đã đánh mất cơ hội. Khi tôi chuẩn bị nói với anh ta là tôi phải đi thì anh ta lại tiếp tục:

“Có tất cả mọi sự rối loạn thần kinh. Cho dù chúng cùng có cùng một nguyên nhân thì cũng có hàng triệu những triệu chứng khác nhau. Giống như một trận động đất, cùng một nguồn năng lượng ngầm dưới đất nhưng tùy thuộc nơi xảy ra mà kết quả khác nhau. Có trường hợp một hòn đảo biến mất, ở trường hợp khác thì một hòn đảo mới khai sinh”.

Anh ta ngáp. Một cái ngáp dài bình thường. Như một người lịch sự, anh ta xin lỗi. Anh ta trông có vẻ kiệt sức, mắt mờ đi như mới chợp mắt vài giây. Tôi

nhìn đồng hồ và nhận thấy mình quên mang theo, chỉ còn một dải trắng ở cổ tay nơi đeo đồng hồ.

“Đừng lo cho tôi”, anh ta nói. “Trông tôi ngái ngủ vậy chứ không sao đâu. Bốn tiếng một đêm là đủ và tôi thường thức dậy trước bình minh. Vì thế vào giờ này mỗi đêm tôi đều ra đây chỉ để lang thang cho qua thời gian”.

Anh ta nâng chiếc gạt tàn Cinzano trên bàn lên, nhìn vào đó như một lát như tìm vật gì quý giá rồi đặt lại vào chỗ cũ.

“Khi mẹ tôi lên cơn đau thần kinh, bên phía mặt trái của bà đông cứng lại. Bà không thể cử động mắt và miệng. Khi nhìn vào phía trái gương mặt bà, anh sẽ thấy giống chiếc bình hoa đã vỡ. Đó là số phận nhưng không phải là tai họa hay cái gì khác. Chỉ sau một đêm ngủ ngon là bà trở nên khỏe lại”.

Tôi không biết trả lời như thế nào, chỉ gạt đầu một cái vô thưởng vô phạt. Một bình hoa đã vỡ ư?

“Đừng nói với mẹ tôi là tôi tiết lộ cho anh chuyện này nhé. Bà rất ghét ai nói về chuyện bệnh tật của mình”.

“Chắc chắn rồi”, tôi nói. “Nhưng ngày mai chúng tôi rời khỏi đây rồi nên chưa chắc có cơ hội nói chuyện với mẹ anh”.

“Tệ quá nhỉ”, anh nói như thực sự cảm thông.

“Đúng vậy. Nhưng tôi phải trở về công việc của mình, biết làm thế nào được”, tôi nói.

“Anh từ đâu đến?”

“Tokyo”.

“Tokyo à”, anh ta nhắc lại. Anh nheo mắt lại và nhìn xuống mặt biển như thể mình đang ở đó. Nếu nhìn đủ xa, chắc anh sẽ thấy những ngọn đèn của Tokyo phía bên kia chân trời.

“Anh tính ở lại đây lâu không?”, tôi hỏi.

“Khó mà nói được”, anh ta nói, dùng tay nắm chặt bánh xe lăn. “Có thể là một tháng nữa. Cũng có thể là hai. Cái đó còn tùy. Chồng của chị tôi có cổ phần trong khách sạn này nên chúng tôi có thể ở đây bao lâu cũng được. Cha tôi đang giữ một chức lớn trong một công ty ở Cleveland và anh rể tôi thì sẽ nối nghiệp cha tôi. Tôi không thích anh ta lắm nhưng chúng ta không thể chọn gia đình cho mình, đúng không? Tôi cũng chẳng biết là anh ta có tệ như tôi hình dung ra hay không. Những người tật nguyền như tôi thường có khuynh hướng hẹp hòi”. Anh lấy trong túi một chiếc khăn tay, chậm chạp và tế nhị hỉ mũi rồi nhét khăn trở lại túi. “Dù sao anh ta cũng có cổ phần trong nhiều công ty và cũng sở hữu nhiều tài sản đầu tư nữa. Anh ta là một người khôn ngoan, giống như cha tôi vậy. Vì thế tất cả chúng tôi - tôi muốn nói là gia đình tôi - chia làm hai loại người: loại người khỏe mạnh và loại bệnh tật. Loại người bình thường và loại người khác thường. Loại khỏe mạnh thì bận rộn làm ăn, gia tăng thêm tài sản và trốn thuế - đừng nói

với ai nhé - và họ chăm lo cho những người bệnh tật. Đó là sự phân công lao động chặt chẽ.”

Anh ngừng nói và hít một hơi thở sâu. Anh gõ nhẹ móng tay lên bàn một chốc. Tôi im lặng, chờ anh ta tiếp tục câu chuyện.

“Họ quyết định mọi thứ cho chúng tôi. Nói với chúng tôi ở đây một tháng, ở kia một tháng. Mẹ con tôi giống những cơn mưa. Chúng tôi “roi xuống” đây và lần tới sẽ “roi xuống” chỗ khác”.

Sóng vỗ vào ghềnh đá để lại bọt biển phía sau. Ngay khi bọt biển biến mất, một con sóng mới lại xuất hiện. Tôi lơ đãng nhìn những con sóng vỗ bờ. Ánh trăng hắt những cái bóng nhấp nhô trên ghềnh đá.

“Dĩ nhiên, đó là sự phân công lao động”, anh ta tiếp tục. “Mẹ con tôi cũng có vai trò của mình. Đó là con đường hai chiều. Thật khó mà diễn tả, nhưng tôi nghĩ chúng tôi bù vào sự thừa mứa của họ bằng cách không làm gì cả. Đó là lý do hiện hữu của chúng tôi (tiếng Pháp trong bản dịch: *raison d'être*). Anh hiểu tôi nói gì không?”

“Hiểu phần nào thôi”, tôi đáp. “Tôi không dám chắc là mình hiểu toàn vẹn”.

Anh ta cười lặng lẽ. “Gia đình là một thứ lạ lùng”, anh ta nói tiếp. “Một gia đình phải tồn tại cho chính nó, không thì hệ thống sẽ không hoạt động. Trong ý nghĩa đó, cái chân vô dụng của tôi là một ngọn cò mà gia đình tôi tập hợp lại. Cái chân chết của tôi là một cái trục cho những thứ khác xoay chung quanh”.

Anh ta lại gõ lên bàn. Không phải do kích thích mà chỉ đơn thuần di chuyển những ngón tay và lặng yên suy tưởng sự vật trong cõi thời gian riêng của mình.

“Một trong những đặc điểm chính của hệ thống này là sự thiếu hụt sẽ bị hút về cái thiếu hụt lớn hơn và sự thừa mứa sẽ bị hút về cái thừa mứa lớn hơn. Khi Debussy bắt đầu sáng tác một bản opera, ông ta đã làm theo cách sau: “Tôi bỏ thời gian để theo đuổi cái hư vô - rien[3] - mà nó sẽ tạo thành. Công việc của tôi là tạo ra cái vô dụng đó. Nó là rien”.

Anh giấu mình trong sự yên lặng mất ngủ, tâm trí anh lang thang đến một vùng xa xôi nào đó. Có lẽ anh đang trống rỗng. Cuối cùng, sự chú ý của anh lại hướng về thực tại. Thời khắc trở về có mất vài liên kết với lúc ra đi. Tôi thử xoa đôi má mình. Sự cọ xát bộ râu đã nhắc nhở tôi rằng thời gian vẫn đang trôi đi. Tôi lấy chai Whiskey nhỏ trong túi ra và đặt lên bàn.

“Uống một chút chứ? Tôi tiếc là không có ly”.

Anh ta lắc đầu. “Cám ơn, nhưng tôi không uống. Tôi không chắc về phản ứng của mình khi uống rượu. Vì thế mà tôi không uống. Nhưng tôi không lấy làm phiền chuyện người khác uống đâu - khi người ấy là khách của tôi”.

Tôi bịt đầu chai nâng lên và từ từ để whiskey chảy xuống cổ họng mình. Tôi nhắm mắt và thưởng thức hơi men nồng. Anh ta nhìn tôi uống từ phía bên kia bàn.

“Đây có thể là một câu hỏi lạ lùng”, anh ta nói, “nhưng anh có biết gì về dao không?”

“Dao hả?”

“Dao. Anh biết chứ, dao săn chẳng hạn”.

Tôi đã từng sử dụng dao khi đi cắm trại. Tôi bảo với anh ta. Nhưng tôi không biết nhiều về chúng. Điều đó dường như làm anh ta thất vọng. Nhưng không lâu.

“Chẳng sao đâu”, anh ta nói. “Tôi có một con dao và muốn anh xem qua. Tôi mua nó tháng trước từ quyển catalogue. Nhưng tôi không biết những điều cơ bản về dao. Tôi không biết nó có tốt không hay mình lại lãng phí tiền bạc. Vì thế tôi muốn có một ai khác xem qua và nói những điều mình nghĩ. Nếu anh không phiền”.

“Không, tôi không phiền đâu”, tôi nói với anh ta.

Anh ta thận trọng rút từ trong túi ra một vật đẹp và cong, dài khoảng năm inch rồi đặt lên bàn.

“Đừng lo. Tôi không có ý định làm tổn thương ai và cũng chẳng có ý đâm mình. Chỉ là một hôm tôi cảm thấy mình phải có một con dao sắc cho riêng mình. Tôi không thể nhớ là tại sao. Tôi chỉ muốn có một con dao, thế thôi. Vì vậy tôi xem qua những quyển catalogue và đặt một con. Không ai biết là tôi luôn mang nó theo bên mình - kể cả mẹ tôi. Anh là người duy nhất biết đấy”.

“Và tôi sẽ quay về Tokyo sáng mai”.

“Đúng vậy”, anh ta nói và mỉm cười. Anh nâng con dao lên và đặt nó trong lòng bàn tay một lúc, thử sức nặng của nó như thể con dao có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Rồi anh đưa qua bàn cho tôi. Con dao nặng lạ lùng, như thể tôi đang cầm một sinh vật sống có ý chí riêng. Gỗ dlat trên phía tay cầm bằng đồng thau, khối kim loại lạnh băng cho dù con dao đã nằm trong túi rất lâu.

“Đưa lên trước và bật lưỡi dao ra đi”.

Tôi nhấn chỗ hõm trên phần cán dao xuống và cái lưỡi dao nặng nề bật ra. Kéo ra hết cỡ lưỡi dao dài khoảng ba inch. Con dao dường như nặng thêm. Không phải tôi ấn tượng về sức nặng con dao mà về cái cách con dao nằm lọt trong lòng tay tôi. Tôi thử đưa lên đưa xuống, xoay xoay con dao một lúc và nhận thấy con dao có một sự cân bằng hoàn hảo khiến tôi dễ dàng nắm giữ nó trong tay mà không bị trượt. Lưỡi thép có một cái rãnh khắc một đường máu sắc nét tạo thành một hình cung sinh động khi tôi vung dao.

“Như đã nói, tôi không biết nhiều về dao”, tôi bảo anh ta. “Nhưng đây là một con dao rất tốt. Nó cho ta một cảm giác tuyệt vời”.

“Nhưng nó không phải loại nhỏ để làm dao săn, đúng không?”

“Tôi không biết”, tôi nói. “Nhưng tôi đoán chắc là nó tùy thuộc vào mục đích sử dụng”.

“Đúng đây”, anh nói, gạt đầu vài cái như để thuyết phục chính mình.

Tôi gấp lưỡi dao vào cán rồi đưa lại cho anh ta. Người thanh niên lại bật lưỡi dao ra và khéo léo xoay tròn con dao trên tay. Rồi như thể nhìn xuống một khẩu súng trường, anh ta nheo một mắt lại và nhắm thẳng vào mặt trăng. Ánh trăng phản chiếu trên lưỡi dao và hắt lên một bên mặt anh ta trong chốc lát.

“Tôi tự hỏi không biết anh có thể giúp tôi không”, anh ta nói. “Anh có thể dùng con dao này cắt vật gì đó. Được không?”

“Cắt cái gì đó hả? Chẳng hạn như cái gì?”.

“Bất cứ cái gì xung quanh đây. Tôi chỉ muốn anh cắt cái gì đó thôi. Tôi bị kẹt cứng trong chiếc ghế này cho nên không thể với chạm được nhiều thứ. Thật sự là tôi rất thích nếu anh cắt cái gì đó cho tôi xem”.

Tôi không tìm ra lý do để từ chối, vì thế tôi cầm con dao lên và đâm vài nhát vào thân cây cọ gần đó. Tôi lát một miếng mỏng theo đường chéo rồi lột vỏ cây ra. Sau đó tôi lấy những tấm bìa xốp nằm cạnh bể bơi rồi bỏ đôi theo chiều dọc. Con dao sắc hơn là tôi tưởng.

“Con dao quả là dị thường”, tôi nói.

“Nó được làm theo phương pháp thủ công, và cũng khá đắt nữa”, người thanh niên nói.

Tôi nhắm con dao về phía mặt trăng như anh ta đã làm, nhìn chăm chú. Trong ánh trăng nó giống như thân một loài cây tàn bạo vừa mới xuyên thủng mặt đất.

Một cái gì đó nổi kết hư vô với sự trác việt.

“Cắt thêm thứ gì nữa đi”, anh ta giục tôi.

Tôi vung dao chém mọi thứ mà tôi với được trong tay. Tôi chém những quả dừa rơi trên mặt đất, những chiếc lá cây khổng lồ vùng nhiệt đới, cái menu đặt trên lối vào quán bar. Thậm chí tôi còn vung dao chém những miếng gỗ trôi dạt trên bãi biển. Khi hết những vật để cắt, tôi bắt đầu di chuyển chậm chạp thận trọng như thể đang đi một đường Thái Cực quyền, tôi lặng lẽ vung dao chém không khí ban đêm. Không có vật gì chắn lối. Đêm sâu thẳm và thời gian dễ bị uốn cong. Ánh sáng tròn đầy của mặt trăng càng làm tăng thêm chiều sâu thẳm và dễ uốn đó.

Khi tôi đâm vào không khí, tôi chợt nhớ người phụ nữ mập mạp - cựu tiếp viên của hãng hàng không Hoa Kỳ. Tôi có thể thấy bà ta nhợt nhạt, béo phì trôi lơ lửng trong không khí quanh tôi. Không hình dạng, chỉ như sương mù. Mọi thứ dường như ẩn trong lớp sương mù đó. Những chiếc bè, biển cả, bầu trời, những chiếc trực thăng và những người phi công. Tôi thử chém họ làm hai, nhưng viễn cảnh biến mất, và tất cả lại hiện diện ở xa tầm lưỡi dao tôi. Tất cả đều là ảo ảnh hay chính tôi là ảo ảnh? Có lẽ không quan trọng. Sáng ngày mai tôi đã không còn ở đây nữa.

“Đôi khi tôi mơ”, người thanh niên ngồi trên xe lăn nói. Giọng anh ta vang vọng rất lạ. Như thể nó mọc lên từ đáy một cái hang sâu. “Có một con dao sắc chém vào phần mềm của đầu tôi, nơi mà ký ức hiện hữu. Nó mắc kẹt sâu trong đó. Nhưng nó không làm tổn thương hay đè nặng lên tôi. Nó chỉ mắc kẹt ở đó. Và tôi đứng ở một bên, nhìn vào cảnh tượng đó như thể nó xảy ra với một ai khác. Tôi muốn người nào đó rút con dao ra, nhưng không ai biết con dao bị mắc kẹt trong đầu tôi. Tôi nghĩ đến việc mình tự kéo nó ra, nhưng không thể đưa tay vào trong đầu mình được. Đó là điều lạ lùng nhất. Tôi có thể chém chính mình nhưng không thể kéo con dao ra được. Và rồi tất cả mọi thứ bắt đầu biến mất. Tôi cũng bắt đầu phai mờ dần. Chỉ còn con dao ở lại. Chỉ có con dao là luôn luôn ở đó - đến tận lúc cuối cùng. Như xương của một động vật tiền sử trên bãi biển. Đó là giấc mơ của tôi”. Anh ta nói.

Hoàng Long

dịch theo bản tiếng Anh *The Hunting Knife* của Philip Gabriel

Người đàn ông băng

Murakami, Haruki

Lời giới thiệu của người dịch: Cùng với Banana Yoshimoto, Murakami Haruki là tác gia triển vọng nhất trong nền văn học Nhật Bản hiện đại. Sau những tiểu thuyết thành công vang dội như Rừng Na Uy, Kafka trên bờ biển... nhà văn Nhật Bản 52 tuổi này vẫn sáng tác miệt mài. Từ tác phẩm nổi tiếng đầu

tiên Rừng Na Uy, chúng ta đã có dịp chiêm ngưỡng văn phong và những ám ảnh của tác giả về tình yêu, nỗi cô đơn và cái chết. Để giúp người đọc tiếp cận với văn phong Murakami, chúng tôi xin dịch tác phẩm Người đàn ông băng với mong muốn giới thiệu một gương mặt sáng giá trong dòng văn học thế giới hiện đại.

Câu chuyện là một ẩn dụ nên chúng ta chỉ có thể đọc bằng các biểu tượng. Ẩn dụ này lại được viết theo văn phong hậu hiện đại. Từ một cảm thức cổ xưa, sự cô đơn của con người đi lang thang trên mặt đất. Giọng văn Murakami tung tung, đùa cợt, không chú ý vào bất cứ sự kiện nào. Nói theo ngôn ngữ của Krishnamurti là “đời không tâm điểm”. Vì thế, rất khó tóm tắt truyện của Murakami cũng như các tác phẩm hậu hiện đại.

Biểu tượng lớn nhất của truyện là người đàn ông băng và thế giới băng. Nó nói lên sự xa cách giữa con người và tha nhân, sự vắng mặt của hơi ấm người nên tuy “đồng sàng” mà “dị mộng”. Dù gần gũi về xác thân nhưng chỉ còn lại sự lạnh toát vô hồn. Chúng ta thử đọc đoạn nói về cảnh làm tình với người băng: “Khi người đàn ông băng làm tình với tôi, tôi thấy trong tâm trí mình một tảng băng mà tôi chắc là nó hiện hữu ở một nơi cô tịch. Tôi nghĩ chắc anh biết tảng băng đó nằm ở đâu. Nó đông cứng, cứng đến mức tôi nghĩ rằng không gì có thể cứng hơn. Nó là tảng băng lớn nhất trên thế giới. Tảng băng nằm ở một nơi nào xa xôi và người đàn ông băng vượt qua kỷ ức của tảng băng đó để đến với tôi, đến với thế giới”. Tôi hình dung nhân vật đang miêu tả “kim quy tháp” của người đàn ông băng. Và con người mãi cô đơn trong thế giới riêng mình, rợn ngợp, đi qua thế giới này băng tuyết.

Trong văn Murakami, chủ đề thường cũ. Chỉ cách viết là mới lạ. Không phải việc bị bỏ rơi trong thế giới băng là tiền đề hàng đầu của thuyết hiện sinh sao? Con người hiện hữu trong thế giới chỉ để hiện hữu, không có một căn nguyên nào; chính vì thế mà y lo âu, xao xuyến và cô đơn. Chiếc máy bay định mệnh đưa ta đến vùng băng tuyết, rồi bỏ đi, mặc ta sống hết mùa đông cuộc đời. Phải chăng đó là sự phi lý của Albert Camus? Nhân gian nói cười một ngữ ngôn ta không hiểu. Ta không thể nhập cuộc. Chỉ có thể dần thân?

Nhưng cuộc sống vẫn tiếp tục qua hình tượng bào thai. Ta cũng biết rằng những thế hệ sau cũng cô đơn như người đi trước. Niềm cô đơn không mới nhưng khác ở cách thể hiện. Mùa đông của cuộc đời cũng chính là “một mùa địa ngục” của Arthur Rimbaud?

Một điều chúng tôi nhận thấy trong tác phẩm của Murakami là tình yêu luôn gắn với tình dục. Nhưng ông viết về điều này một cách rất vô tư hồn nhiên như thiền sư đắc đạo trong động điểm. Ai làm chuyện này. Ai làm tình cứ làm còn ta tu cứ tu. Thiền chẳng qua cũng chỉ là một sự tập trung cao độ, chuyên chú vào việc làm của mình. Khi đói thì ăn, khi lạnh thì mặc áo. Theo Murakami, “tình

dục cũng chỉ là một loại thể thao”, và ông viết về tình dục nhưng văn phong lại không mang dục tính. Trong *Đĩa bay đáp xuống Kushiro*, nhà văn cho hai người vừa làm tình vừa lắc chuông leng keng vì sợ gấu đến. Trong *Rừng Na Uy*, đôi tình nhân vào rạp xem phim sex và lấy làm vui khi hình dung những chiếc “kim quy tháp” dựng đứng lên. Chẳng có gì là cấm kỵ trong văn Murakami. Ngay từ “tác phẩm mẹ” của nền văn học Nhật Bản là *Genji monogatari*, nữ sĩ Murasaki đã để nhân vật Genji yêu người mẹ kế của mình và có một đứa con. Sau đến Tanizaki trong *Câu mộng*, ông cũng dựng một cảnh tương tự. Còn đối với Kawabata, trong *Tiếng rên của núi*, người cha già mang mặc cảm phạm tội với con dâu... Đối diện, không né tránh những điều hiển nhiên của cuộc sống, trong đó có đời sống tính dục là một đặc điểm nổi bật của văn học Nhật Bản hiện đại.

Con người sẽ quen với sự giá lạnh. Cũng như gen băng tuyết được kết hợp với gen của người để tạo thành đứa con. Nhưng nỗi niềm riêng không chia sẻ được và ta mặc nhiên chấp nhận, “có những niềm riêng làm sao nói hết, như mây như mưa như cát biển khơi”. Truyện khép lại bằng hơi sương lạnh giá đưa ta về quá khứ. Con người ta bị đóng băng trong quá khứ của chính mình. Những gì ta cứu mang cũng sẽ là quá khứ khi ta lìa bỏ nơi này tìm về một mùa xuân xa xôi? Dù là “mùa xuân đen” [1] bất tận của cái chết.

Tôi chợt nhớ một câu của Jorge Luis Borges: “Lịch sử thế giới có lẽ là lịch sử của một vài ẩn ngữ”. Liệu ẩn ngữ này có biểu hiện nơi Murakami? Chúng ta có quyền hy vọng như Matt Thompson hy vọng khi viết về Murakami: “Liệu giải Nobel văn chương đang chờ đón ông?”. Chúng ta hãy chờ xem.

Tôi đã cưới một người đàn ông băng. Tôi gặp anh lần đầu nơi một khách sạn trong khu trượt tuyết. Đó có lẽ là nơi lý tưởng để gặp người đàn ông băng. Tiền sảnh khách sạn náo nhiệt bởi các cô cậu trẻ tuổi nhưng người đàn ông băng ngồi một mình trong góc xa nhất lò sưởi, đang chậm rãi đọc sách. Mặc dù đã gần trưa nhưng ánh sáng giá lạnh của buổi sớm mùa đông dường như kéo dài xung quanh anh ta.

- Nhìn xem kia. Người băng đấy, - bạn tôi thì thầm.

Lúc ấy, tôi hoàn toàn không có ý tưởng gì về người đàn ông băng. Bạn tôi cũng vậy. “Anh ta chắc hẳn được làm từ băng tuyết. Đó là lý do mà người ta gọi là người băng”. Bạn tôi phát biểu ý kiến về rất nghiêm trọng, nhưng thể cô ấy đang nói chuyện với một bóng ma hay ai đó đang mắc bệnh truyền nhiễm.

Người đàn ông băng cao lớn, có vẻ như còn trẻ nhưng mớ tóc đỉnh rậm ngắn lại có những mảng trắng như những cái túi tuyết đông. Xương gò má nhô ra nhọn hoắt giống như tảng băng. Nhưng ngón tay sương muối giá lạnh như thể chẳng bao giờ tan. Tuy nhiên, ngoài những cái đó ra, người băng trông có vẻ bình thường. Anh ta không thể gọi là đẹp trai nhưng trông hấp dẫn, cái đó còn tùy cách nhìn của bạn. Trong mọi trường hợp, có điều gì đó ở anh ta xuyên thủng tim

tôi, và tôi cảm thấy, hơn bất cứ cái gì khác, đó là đôi mắt anh ta. Cái nhìn cảm lặng và trong suốt như những mảnh vụn của ánh sáng xuyên qua những cột băng trong buổi sáng mùa đông. Nó như một tia sáng đơn độc của cuộc sống phản chiếu trên một hình hài nhân tạo.

Tôi đứng đó ngắm người đàn ông băng từ xa. Anh ta không nhìn lên. Anh ta chỉ ngồi yên không động đậy, cứ mê mải đọc sách như thể không có ai xung quanh.

Sáng hôm sau, người đàn ông băng vẫn ở chỗ cũ, đọc sách với tư thế chính xác như hôm qua đến ngạc nhiên. Khi tôi đến phòng ăn dùng bữa trưa, và khi tôi đi trượt tuyết trở về cùng với những người bạn vào buổi tối, anh ta vẫn ngồi đó, chiếu những tia nhìn không đổi lên quyển sách hôm qua. Việc đó cứ tiếp tục cho đến ngày hôm sau nữa. Ngay cả khi mặt trời đã lặn, ngay khi đêm đã về khuya, người băng vẫn ngồi trên ghế, im lặng như quang cảnh mùa đông ngoài cửa sổ.

Vào buổi chiều ngày thứ tư, tôi kiếm có không đi ra chỗ dốc trượt. Tôi ở lại khách sạn một mình, lang thang một hồi nơi tiền sảnh vắng lạnh như một thành phố ma. Không khí ẩm áp và ẩm ướt, căn phòng thoảng mùi buồn chán lạ lùng - cái mùi của tuyết đọng nơi đế giày của những người trượt tuyết giờ đang tan chảy trước lò sưởi. Tôi nhìn ra cửa sổ, lật qua vài trang báo rồi đi đến chỗ người đàn ông băng, tập trung tinh thần mà nói chuyện.

Tôi hay e dè trước mặt người lạ, và nếu như không có lý do chính đáng, tôi thường không nói chuyện với những người tôi không quen biết. Nhưng chẳng hiểu sao tôi cảm thấy mình buộc phải nói chuyện với người đàn ông băng. Đó là đêm cuối cùng của tôi ở khách sạn, và nếu đề dịp này trôi qua thì tôi sợ mình sẽ chẳng bao giờ được nói chuyện với người băng nữa.

- Ông không trượt tuyết sao? - Tôi hỏi, làm ra vẻ tình cờ.

Anh ta chậm rãi quay mặt về phía tôi, như thể vừa nghe một tiếng ồn phía xa, và anh ta nhìn chăm chăm vào tôi bằng đôi mắt đó. Rồi anh điềm tĩnh lắc đầu. "Tôi không trượt tuyết". Lời nói của anh ta biến thành những đám mây trắng lơ lửng trên đầu anh, như lời thoại của nhân vật trong truyện tranh. Tôi đã thực sự nhìn thấy những từ bay trong không khí, cho đến khi anh lau sạch chúng bằng những ngón tay sương muối giá lạnh.

Tôi không còn gì để nói nữa. Chỉ đỏ mặt và đứng đó. Người đàn ông băng nhìn sâu vào mắt tôi và dường như khẽ mỉm cười.

- Em có muốn ngồi xuống đây không? Em thấy tôi quyển rũ chứ gì? Và em muốn biết người đàn ông băng như thế nào đúng không? - Rồi anh ta cười lớn. - Thư giãn đi nào. Không có gì phải lo lắng. Em chẳng bị cảm vì nói chuyện với tôi đâu.

Chúng tôi ngồi cạnh nhau trên chiếc trường kỷ trong góc tiền sảnh khách sạn và nhìn những bông tuyết nhảy múa ngoài cửa sổ. Tôi gọi một ly ca cao nóng và

uống, nhưng người đàn ông băng chẳng uống gì. Anh ta dường như chẳng hay chuyện hơn tôi là mấy. Không những thế, chúng tôi dường như không có bất cứ cái gì chung để nói với nhau. Đầu tiên, chúng tôi nói về thời tiết. Rồi chúng tôi nói về khách sạn. "Anh ở đây có một mình sao?", Tôi hỏi người đàn ông băng. "Đúng", anh ta trả lời. Và anh hỏi tôi có thích trượt tuyết không? "Không thích lắm", tôi đáp. "Tôi chỉ đi vì đám bạn khăng khăng rủ tôi đi. Thật ra, tôi rất hiếm khi trượt tuyết".

Có quá nhiều điều tôi muốn biết. Phải thân hình anh ta được làm từ băng tuyết không? Anh ta ăn cái gì? Anh ta sống ở đâu trong mùa hè? Anh ta có gia đình không? Và những điều tương tự vậy. Nhưng người đàn ông băng không nói gì về mình cả và tôi phải tự ngăn mình không hỏi những câu hỏi cá nhân.

Thay vào đó, người băng nói về tôi. Thật khó tin, bằng cách nào đó anh ta đã biết mọi điều về tôi. Anh ta biết số thành viên trong gia đình tôi, biết tuổi tác của tôi, tôi thích cái gì và ghét cái gì, tình trạng sức khỏe tôi thế nào, những ngôi trường tôi đã học qua, những người bạn tôi đã gặp. Anh ta thậm chí còn biết những điều xảy ra trong đời tôi từ thuở xa lơ xa lắc mà tôi đã quên lâu rồi.

- Tôi không hiểu, - tôi nói, vẻ bối rối. Tôi cảm thấy mình như bị lột trần trước mặt người lạ. "Làm thế nào anh biết quá nhiều về tôi? Anh có thể đọc suy nghĩ của người khác à?"

- Không, tôi không thể đọc tâm trí người khác hay những điều tương tự vậy. Tôi chỉ biết thôi, - người đàn ông băng đáp, - Tôi chỉ biết thôi. Như thể tôi nhìn sâu vào một tảng băng, và khi tôi nhìn em như thế, mọi thứ về em trở nên rõ ràng và thấy được.

- Thế anh có thể nói về tương lai của tôi không? - tôi hỏi.

- Tôi không thể nhìn thấy tương lai, - anh ta nói chậm rãi. - Tôi không có chút hứng thú gì đối với chuyện tương lai. Chính xác hơn, tôi chẳng có khái niệm gì về tương lai cả. Bởi vì băng đá không có tương lai. Tất cả những gì nó có là quá khứ ẩn tàng trong đó. Băng đá giữ gìn mọi vật theo cách này - rất rõ ràng sạch sẽ và sinh động như thể chúng còn sống. Đó là thể tính của băng.

- Điều đó tuyệt vời đấy chứ, - tôi nói và mỉm cười. - Tôi tin những điều anh nói. Cuối cùng, thực sự tôi chẳng muốn biết tương lai mình sẽ đi về đâu.

*

Chúng tôi gặp lại nhau chỉ một vài giờ sau khi trở về thành phố. Cuối cùng, chúng tôi đã bắt đầu hẹn hò. Chúng tôi không đi xem phim cũng không la cà ở quán cà phê. Thậm chí chúng tôi không đi nhà hàng. Người băng rất hiếm khi ăn cái gì đó để lấy sức nói chuyện. Thay vào đó, chúng tôi luôn ngồi ở ghế đá công viên và nói chuyện về mọi thứ trên đời trừ chính bản thân anh.

- Tại sao vậy? - Một lần tôi hỏi anh. - Tại sao anh không nói về mình? Em muốn biết đôi chút về anh. Anh sinh ra ở đâu? Ba mẹ anh như thế nào? Làm thế

nào mà anh trở thành người băng?

Người băng nhìn tôi một chốc, rồi anh lắc đầu. “Tôi cũng không biết”. Anh nói chậm rãi và rõ ràng, phả ra những từ ngữ trắng trong không gian. “Tôi biết quá khứ của mọi thứ khác. Nhưng tôi không có quá khứ. Tôi không biết nơi tôi sinh ra, hay cha mẹ tôi trông như thế nào. Tôi cũng không biết gì về tuổi tác của tôi. Tôi không biết mình có tuổi hay không”.

Người đàn ông băng cô đơn như một tảng băng trôi trong đêm tối.

*

Tôi thấy mình đã quá yêu người đàn ông băng. Người băng cũng yêu tôi như tôi yêu anh - chỉ biết hiện tại, không màng tới tương lai. Đổi lại, tôi cũng yêu anh như anh yêu tôi - chỉ biết hiện tại, không biết gì quá khứ. Chúng tôi thậm chí bắt đầu nói đến chuyện cưới xin.

Tôi chỉ mới hai mươi, và người đàn ông băng là người đầu tiên tôi thực sự yêu thương trong đời. Vào thời gian đó, tôi không thể hình dung việc yêu người đàn ông băng là như thế nào. Nhưng ngay cả khi tôi yêu một người đàn ông bình thường, vị tất tôi đã có một ý tưởng rõ ràng hơn về khái niệm tình yêu.

Mẹ và chị tôi phản đối quyết liệt việc kết hôn với người băng.

"Mi còn quá trẻ để có thể lập gia đình", họ nói vậy. "Ngoài ra, mi không biết một tí gì về hắn. Mi thậm chí còn không biết hắn sinh ra khi nào và ở đâu. Bọn tau biết ăn nói làm sao với họ hàng nếu mi lấy một người như vậy làm chồng? Hơn nữa, mi sẽ làm gì nếu như người đàn ông băng đó thành linh bị tan chảy đi mất? Mi có hiểu rằng hôn nhân đòi hỏi phải có sự ràng buộc thực sự với nhau không?"

Những nỗi lo lắng của họ quả là thừa. Bởi thật ra người băng không được tạo thành từ băng đá. Anh chẳng bao giờ bị tan chảy, dù nóng đến đâu đi nữa. Anh bị gọi là “người băng” bởi cơ thể anh lạnh như một tảng băng vậy. Nhưng cái thứ tạo tác nên cơ thể anh khác với băng đá, và đó không phải là thứ hơi lạnh lấy đi thân nhiệt của những người khác.

Và chúng tôi cưới nhau. Không ai ban phúc cho đám cưới. Không bạn bè hay người thân vui mừng cho đám cưới chúng tôi. Chúng tôi không tổ chức lễ cưới, và khi tôi phải điền tên mình vào phả hệ của gia đình anh thì hóa ra người băng không có người thân nào cả. Chúng tôi quyết định làm đám cưới giữa hai đứa với nhau. Chúng tôi mua một cái bánh nhỏ, ăn cùng nhau và đó là đám cưới khiêm nhường nhất của chúng tôi.

Chúng tôi thuê một căn hộ nhỏ, người băng kiếm sống bằng việc làm ở kho thịt đông lạnh. Anh có thể mang bất cứ khối thịt lạnh nào và chẳng bao giờ biết mệt dù làm việc nặng đến đâu. Vì thế người chủ rất thích, trả anh số tiền lương cao hơn những người làm khác. Chúng tôi sống với nhau rất hạnh phúc, chẳng quấy rầy ai và cũng chẳng ai quấy rầy mình.

Khi người đàn ông băng làm tình với tôi, tôi thấy trong tâm trí mình một tảng băng mà tôi chắc là nó hiện hữu ở một nơi cô tịch. Tôi nghĩ chắc anh biết tảng băng đó nằm ở đâu. Nó đông cứng, cứng đến mức tôi nghĩ rằng không gì có thể cứng hơn. Nó là tảng băng lớn nhất trên thế giới. Tảng băng nằm ở một nơi nào xa xôi và người đàn ông băng vượt qua ký ức của tảng băng đó để đến với tôi, đến với thế giới. Đầu tiên tôi cảm thấy ngại ngùng khi người băng làm tình với tôi. Nhưng sau đó, tôi đã quen. Thậm chí tôi bắt đầu thích làm tình với người băng. Trong đêm tối, chúng tôi lặng im chia sẻ cùng nhau những miếng băng lớn, nơi tàng trữ hàng trăm triệu năm - mọi quá khứ của thế giới này.

Không có gì để nói về đời sống hôn nhân của chúng tôi. Chúng tôi yêu nhau say đắm và không có gì chen vào giữa chúng tôi. Chúng tôi muốn có con nhưng dường như điều đó là không thể. Có vẻ như giữa gene của người và gene của băng khó có thể kết hợp được. Trong trường hợp nào đi nữa, bởi một phần chúng tôi không có con nên tôi có khá nhiều thời gian rảnh. Chỉ nội trong buổi sáng là tôi làm xong mọi việc nhà, sau đó thì chẳng có gì để làm. Tôi không có người bạn nào để nói chuyện hay đi chơi. Và tôi cũng không có nhiều điều để làm với những người hàng xóm. Mẹ và chị tôi vẫn còn giận chuyện tôi cưới người băng và chẳng có dấu hiệu gì cho thấy họ muốn gặp mặt tôi lần nữa. Dù vậy, sau vài tháng trôi qua, những người quanh chúng tôi thỉnh thoảng bắt đầu nói chuyện với anh. Trong sâu thẳm tim mình, họ vẫn không chấp nhận được anh hay tôi, người đã cưới người băng. Chúng tôi khác họ và không có thời gian nào có thể lấp đi hố sâu cách ngăn giữa tha nhân với chúng tôi.

Vì thế, khi anh đi làm việc, tôi ở nhà một mình, đọc sách và nghe nhạc. Tôi thích ở nhà hơn và dù sao tôi cũng cảm thấy không cô đơn lắm. Nhưng tôi còn trẻ và việc tiếp tục những công việc đơn điệu ngày qua ngày cuối cùng làm tôi chán ngán. Nhưng tôi khó chịu không phải vì sự chán ngán. Mà vì sự lặp lại.

Đó là lý do tôi nói với anh: - Tại sao hai chúng ta không đi du lịch đây đó nhỉ. Để thay đổi không khí?

- Đi chơi hả? - Anh cau mày nhìn chăm chăm vào tôi. - Chúng ta đi chơi vì cái quái gì chứ? Em không vui khi ở bên anh sao?

- Không phải thế, - tôi đáp. - Em vui lắm. Nhưng em chán. Em thích đi chơi đâu đó xa xôi để nhìn những điều em chưa thấy. Em muốn thử làn không khí mới. Anh hiểu không? Ngoài ra, chúng ta vẫn chưa có tuần trăng mật mà? Chúng ta có một ít tiền tiết kiệm anh đang nghỉ phép. Đây là lúc thuận tiện để chúng ta đi chơi đây đó.

Người băng nặng nề thở dài băng giá. Hơi thở kết tinh trong không khí với một thanh âm trong trẻo. Anh đặt những ngón tay dài lên đầu gối. "À, nếu thật sự em muốn đi chơi đến vậy thì anh chẳng có gì phản đối. Anh sẽ đi bất cứ nơi nào nếu nơi đó làm em vui. Nhưng em có biết chúng ta sẽ đi đâu không?".

- Sao chúng ta không đến Nam Cực? - tôi nói. Tôi chọn Nam Cực vì tôi chắc người băng sẽ thích đi nơi nào giá lạnh. Và thực ra mà nói, tôi luôn muốn đi du lịch đến đó. Tôi muốn mặc chiếc áo choàng lông có mũ trùm đầu, tôi muốn ngắm nhìn bình minh phương Nam và đàn chim cánh cụt.

Khi tôi nói vậy, chồng tôi lạ lùng nhìn vào mắt tôi, không chớp mắt, và tôi có cảm giác như một lưỡi băng sắc nhọn xuyên thủng đầu tôi. Anh yên lặng một hồi lâu, và cuối cùng bằng những thanh âm lấp lánh, anh nói: “Được thôi, nếu đó là điều em muốn. Chúng ta sẽ đi Nam Cực. Em chắc chắn là mình muốn đi chứ?”

Tôi không thể trả lời ngay. Anh nhìn sâu vào tôi lâu đến mức tôi bị tê liệt. Và tôi gục xuống.

*

Dù vậy, càng ngày tôi càng thấy hối tiếc vì ý tưởng đi Nam Cực. Tôi không biết tại sao, nhưng dường như ngay khi tôi nói từ “Nam Cực”, với chồng tôi, có điều gì đó đã thay đổi trong anh. Mắt anh trở nên sắc hơn, hơi thở trở nên trắng hơn, những ngón tay giá lạnh hơn. Anh không nói gì với tôi nữa và hoàn toàn không ăn tí gì nữa. Tất cả những điều đó làm tôi cảm thấy bất an.

Năm ngày trước khi đi, tôi lấy hết can đảm nói: “Hãy quên chuyện đi Nam Cực đi. Khi em nghĩ về nơi đó, em thấy đó là một nơi quá lạnh lẽo, và dường như không tốt cho sức khỏe chúng ta. Em chợt nghĩ hay mình đi đến nơi nào tốt hơn cho chúng ta? Châu Âu thì sao? Chúng ta hãy đi nghỉ ở Tây Ban Nha. Chúng ta có thể uống rượu, ăn cơm thập cẩm, xem đấu bò hay cái gì tương tự vậy”.

Nhưng chồng tôi tôi không để ý gì đến điều tôi nói. Anh nhìn sâu vào không khoảng không vài phút rồi tuyên bố: “Anh hoàn toàn không muốn đi Tây Ban Nha. Nơi đó quá nóng đối với anh. Tây Ban Nha quá bụi bặm và thức ăn thì quá cay. Ngoài ra, anh cũng đã mua vé đi Nam Cực rồi. Chúng ta cũng đã có áo choàng lông và giày ống cho em. Chúng ta không thể lãng phí tất cả. Bây giờ chúng ta phải đi xa. Chúng ta không thể không đi”.

Sự thực đó làm tôi sợ hãi. Tôi linh cảm khi đến Nam Cực sẽ có điều gì xảy ra cho chúng tôi mà không thể cứu vãn được. Tôi gặp ác mộng triền miên. Lần nào cũng giống lần nào. Tôi đang đi bộ thì bị rơi xuống một kẽ nứt trên mặt đất. Không ai tìm thấy tôi và tôi bị đông lạnh ở đó. Cảm lạnh bên trong tảng băng, tôi trừng mắt nhìn lên trời xanh. Tôi vẫn còn ý thức, nhưng không thể di chuyển, dù là cựa quậy ngón tay. Tôi nhận ra mình dần bị trôi vào quá khứ. Khi người ta nhìn vào tôi, nhìn vào cái mà tôi đã biến thành, người ta đang nhìn vào quá khứ. Quang cảnh lùi dần về phía sau, xa mãi.

Khi tỉnh dậy tôi thấy người băng đang ngủ cạnh tôi. Anh luôn ngủ mà không thở, như một xác chết vậy.

Nhưng tôi yêu người đàn ông băng. Tôi khóc, và nước mắt tôi rơi trên gò má anh. Anh tỉnh giấc và ôm tôi trong tay. “Em gặp ác mộng”, tôi nói.

- Chỉ là mơ thôi mà, - anh nói. - Những giấc mơ đến từ quá khứ, không phải tương lai. Em không bị giấc mơ ràng buộc, mà là giấc mơ bị ràng buộc vào em. Bé cưng hiểu điều đó không?

- Vâng, - tôi nói, dù không tin.

Tôi chẳng tìm ra được lý do nào hay ho để hủy bỏ chuyến đi nên cuối cùng tôi và chồng tôi đáp máy bay đi Nam Cực. Những nữ tiếp viên đều không thân thiện. Tôi muốn nhìn quang cảnh ngoài cửa sổ nhưng mây dày đến nỗi tôi không thấy gì. Trong thoáng chốc, cửa sổ bị băng đóng thành từng lớp. Chồng tôi yên lặng đọc sách. Tôi chẳng thấy hứng thú gì với chuyến đi nghỉ này. Tôi chỉ làm bộ vui vẻ làm những gì đã được quyết định rồi.

Khi chúng tôi xuống cầu thang máy bay và bước trên nền đất Nam Cực, tôi cảm thấy cơ thể anh lắc lư. Điều này kéo dài chưa đầy cái chớp mắt, chỉ khoảng nửa giây. Anh không biểu lộ gì về sự thay đổi, nhưng tôi biết nó đã xảy ra. Có điều gì bên trong người băng rúng động một cách bí mật, dữ dội. Anh dừng lại, nhìn trời và nhìn đôi tay mình. Anh hắt ra một hơi thở mạnh. Sau đó anh nhìn tôi và nhe răng cười. Anh nói: “Đây quả thực là nơi em muốn viếng thăm ư?”

- Vâng. Đúng vậy, - tôi nói.

Nam Cực cô đơn hơn bất cứ thứ gì mà tôi tưởng tượng. Hầu như không có ai sống ở đây. Chỉ có một thành phố nhỏ đơn điệu. Trong thành phố có một khách sạn. Dĩ nhiên cũng nhỏ và đơn điệu. Nam Cực không phải là nơi để đi du lịch. Không có một con chim cánh cụt lẻ bầy. Và cũng không thấy Nam cực quang. Không cây cối, không hoa, không sông ngòi, không ao hồ. Bất cứ nơi nào tôi đến cũng chỉ toàn băng là băng. Nhìn xa đến đâu đi nữa cũng chỉ thấy vùng hoang vu băng đá kéo dài.

Ngược lại, chồng tôi rất hăng hái đi từ nơi này đến nơi khác như không biết đủ là gì. Anh học rất nhanh ngôn ngữ địa phương và nói chuyện với những người trong thành phố bằng giọng âm âm tuyệt vời. Anh nói chuyện với họ hàng giờ liền với vẻ hết sức nghiêm trọng nhưng tôi không cách nào biết họ đang nói chuyện gì. Tôi có cảm giác như chồng tôi đã phụ bạc tôi, để mặc tôi tự chăm sóc mình.

Ở đó, nơi cái thế giới vô thanh bị những tảng băng dày bao bọc ấy, tôi cuối cùng đánh mất sức mạnh của mình. Từng chút từng chút một. Cuối cùng tôi không còn đủ sức để tức giận nữa. Như thể tôi đã đánh mất cảm xúc của mình ở nơi nào đó. Tôi đánh mất dấu vết nơi tôi đang hướng đến, đánh mất dấu thời gian, đánh mất mọi xúc cảm về chính mình. Tôi không biết điều này bắt đầu và chấm dứt khi nào, nhưng khi tôi lấy lại ý thức thì tôi đang hiện tồn trong một thế giới băng, một mùa đông vĩnh cửu khô kiệt mọi sắc màu, khép chặt trong chính nó.

Ngay cả sau khi hầu hết cảm giác đã biến mất, tôi vẫn biết điều này. Chồng tôi ở Nam Cực không còn là người đàn ông trước kia nữa. Anh vẫn đưa mắt tìm

tôi giống như xưa kia, anh nói chuyện với tôi dịu dàng. Tôi muốn nói rằng những gì anh nói với tôi là thật lòng anh. Nhưng tôi cũng biết, anh không còn là người đàn ông băng mà tôi đã gặp trong khách sạn ở khu trượt tuyết.

Dù vậy, không có cách nào để tôi gây sự chú ý cho bất kỳ ai. Mọi người ở Nam Cực đều rất thích anh, nhưng dù vậy họ không thể hiểu lấy một từ tôi nói. Phà hơi thở trắng, họ kể chuyện cười rồi cãi nhau và hát những bài hát bằng ngôn ngữ của họ trong khi tôi ngồi một mình trong phòng, nhìn ra bầu trời xám xịt mà chắc hẳn hàng tháng nữa cũng không mong quang đãng ra được. Chiếc máy bay mang chúng tôi đến đây và đã bay đi lâu rồi, chỉ sau chốc lát đường băng đã phủ một lớp băng dày, như trái tim tôi vậy.

“Mùa đông đã đến”, chồng tôi nói. “Mùa đông sẽ kéo dài lắm và không có máy bay hay tàu thuyền gì đâu. Mọi thứ đóng băng cả. Có vẻ như chúng ta phải ở lại đây đến mùa xuân năm sau”.

Ba tháng sau khi đến Nam Cực, tôi nhận ra mình đã có thai. Tôi biết rằng đứa bé con tôi sẽ trở nên một người băng bé nhỏ. Tử cung tôi đã đông cứng lại, còn nước ối của tôi là thứ nước tuyết tan. Tôi cảm thấy sự giá lạnh của nó ở trong người. Đứa con tôi sẽ như cha nó, có đôi mắt như lưỡi băng và những ngón tay sương giá. Và gia đình mới của chúng tôi sẽ chẳng bao giờ rời chân khỏi Nam Cực. Quá khứ vĩnh cửu nặng nề trùm lên mọi nhận thức, ghi siết lấy chúng tôi. Và chúng tôi sẽ chẳng bao giờ giữ bỏ được.

Giờ đây, dường như trong người tôi không còn trái tim nữa. Hơi ấm đã bỏ tôi mà đi xa. Đôi khi tôi quên mất rằng hơi ấm đó đã từng tồn tại. Ở nơi này, tôi cô độc hơn bất cứ ai trên trái đất. Khi tôi khóc, người băng hôn vào má tôi và những giọt nước mắt tôi biến thành đá. Anh làm đông cứng những giọt nước mắt tôi trên tay anh và đặt chúng trên lưỡi anh. “Hãy xem anh yêu em biết chừng nào”, anh nói. Anh đang nói thật. Nhưng một cơn gió từ hư không quét qua thổi những từ trắng xóa của anh bay, bay mãi vào quá khứ.

Hoàng Long dịch từ bản tiếng Anh của Richard L.Peterson

Lời của người dịch: Đây là một câu chuyện có thật vào những năm sáu mươi. Thời của chính Murakami Haruki. Một chuyện tình buồn. Quá buồn. Tác giả xem đó là những sự kiện “truyền thống văn hóa” mà mình góp nhặt và thuật lại như một chứng nhân lịch sử. (Rất tiếc chúng tôi không có bản nguyên tác Nhật ngữ để đối chiếu, nhưng chúng tôi phỏng đoán rằng từ “folklore”[1] trong bản tiếng Anh không phải nói đến văn hóa dân gian mà nói đến giá trị của văn hóa truyền thống Nhật Bản vào những năm sáu mươi).

Nhân vật chính của câu chuyện là một cặp tình nhân hoàn hảo vào thời đó. Cả hai người làm lớp trưởng trường cấp 3, học giỏi, biết chơi thể thao, là người tổng kết ý kiến trong các cuộc thảo luận ở lớp. Anh chị sạch sẽ ("clean") như trong quảng cáo kem đánh răng. Tình yêu của họ kéo dài suốt bốn năm nhưng

cuối cùng tan vỡ vì giá trị truyền thống. “Ngay đến những xúc chạm sinh lý, họ cũng có luật của mình. Không bao giờ cởi bỏ quần áo, chỉ dùng tay sờ soạng nhau mà thôi. Một tuần một lần, họ ở chung với nhau một buổi chiều trong phòng ngủ của người này hay người kia. Cả hai nhà đều yên tĩnh. Cha đi vắng. Mẹ ra ngoài có việc. Họ dành cho nhau từ mười đến mười lăm phút để sờ soạng nhau say sưa rồi quay trở về với việc học tập, ngồi cạnh nhau. “Được rồi chứ nhỉ? Quay trở về sách vở thôi”. Nàng nói và kéo thẳng chiếc áo sơ mi của mình”.

Nàng muốn giữ trinh tiết đến khi lập gia đình, chàng muốn chiếm hữu thân xác người yêu. Nàng hứa rằng “Em sẽ ngủ với anh, nhưng không phải bây giờ. Sau khi lập gia đình, em sẽ ngủ với anh. Em hứa”.

Và rồi hai người chia tay.

Chàng vào làm một hãng kinh doanh. Nàng lấy chồng là một đạo diễn nhưng không có con. Nàng gọi điện cho chàng trong lúc chàng kinh doanh khó khăn, nhắc lại việc thực hiện lời hứa năm xưa. Nhưng đúng như chàng thuật lại: “Chúng tôi ôm ghì nhau,” anh ta nói, “nhưng tôi không ngủ với nàng. Nàng không trút bỏ quần áo. Chúng tôi dùng tay sờ soạng nhau như những ngày xưa cũ. Tôi nghĩ như thế là tốt nhất. Có lẽ nàng cũng nghĩ như vậy. Chúng tôi vuốt ve nhau rất lâu, lâu lắm. Không ai nói lời nào. Có gì để chúng tôi nói? Đó là cách duy nhất để chúng tôi nhận ra nhau sau những năm xa cách. Như khi chúng tôi còn học ở trường. Tất nhiên, mọi thứ giờ đã khác. Có lẽ tình dục bình thường tự nhiên sẽ giúp chúng tôi hiểu nhau hơn. Và có lẽ nó sẽ làm cho chúng tôi cùng vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng chúng tôi đã trải qua thời đó từ lâu rồi. Những ngày đó đã bị khóa chặt và không ai có thể phá dấu niêm phong”.

Haruki Murakami không lên án quan niệm trinh tiết, cũng không lên án những giá trị đạo đức của những năm sáu mươi. Nhưng như tác giả viết: “Và chỉ có một điều tôi muốn bạn hiểu: tôi chẳng có chút tự hào về thời đại mình”. Sau khi ra trường, có việc làm, nột chính của câu chuyện mới nhận ra rằng thế giới này đủ lớn để cho những giá trị khác nhau có thể cùng tồn tại. Những giá trị làm nên con người nhưng cũng làm nên vết thương đời người. Cảm thấy mình bơ vơ vì không bị “nhốt trong hộp” nữa là cảm giác vô cùng phi lý. Phi lý nhưng có thật. Đó là cảm giác của nhân vật chính của câu chuyện này. Bởi ngay từ nhỏ chúng ta đã như chim nhốt trong lồng, không làm chủ được cuộc đời mà chỉ biết tuân theo “các bậc cao niên” dạy bảo. Cuối cùng là gì ư? Chỉ là một cái ngục lớn giam hãm con người mà thôi. Những thiên tài xuất hiện trong cơn thịnh nộ như Nietzsche, như Nagarjuna, như Bồ đề đạt ma muốn phá hủy giá trị để âm thầm tái tạo bình minh. Nào thấy gì ngoài cô đơn miên viễn, những lời nguyện rủa của đám đông hiện thế và bóng tối những cơn điên? Mỗi thời đại có những giá trị riêng của mình. Chính vì thế mà những vết thương khác nhau, đặc biệt cho từng thế hệ. Con người tự đâm chính mình bằng những thứ ta tự mình huyền hoặc, tự

mình tấn phong, rồi tự mình làm ngục thất cho chính mình. Và kết thúc công cuộc hiện sinh làm người bằng huyết tự mình đào sẵn, tay trắng như từ khi lạc bước vào thế giới này?

Đó là những tư tưởng gọi lên trong tác phẩm. Nhìn qua nó giống như câu truyện cười. “Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười,” cuối cùng anh nói. “Tôi luôn nghĩ đến câu này khi nhớ lại ngày tháng đó”. Tôi đoán nó là một phản xạ có điều kiện. Tôi không biết có phải không, nhưng nỗi buồn dường như luôn chứa đựng vài câu chuyện hài hước nhỏ lạ lùng”.

Bởi câu chuyện là câu chuyện đời của tất cả chúng ta. Chính vì thế mà tuy không phải là một bài luân lý mới nhưng nó là kinh nghiệm sống của cả bao nhiêu thế hệ. “Đó là lý do tôi không thể cười nổi khi nghe anh nói chuyện. Đến bây giờ tôi vẫn không thể cười”.

Đó có lẽ cũng là thái độ của chúng ta.

Folklore của thời đại chúng ta [1/2]

Murakami, Haruki

Tôi sinh năm 1949, bắt đầu vào trường cấp 3 năm 1963 và nhập học trường cao đẳng năm 1967. Thế rồi cuộc bạo loạn điên rồ năm 1968 xảy ra vào đúng năm tôi hai mươi tuổi, nếu không thì lẽ ra tôi đã có một năm tốt lành. Tôi đồ rằng chính thời đại đã khiến tôi trở thành một đứa trẻ điển hình vào những năm sáu mươi. Đó là giai đoạn dễ bị tổn thương nhất, có vai trò định hình tính cách và do đó là quan trọng nhất trong cuộc đời tôi. Tôi hít thở đầy buồng phổi niềm tự do và coi thường tất cả, một cách hoàn toàn tự nhiên. Tôi đập tung vài cánh cửa đáng đập, và thật là khoái trá bất cứ khi nào một cánh cửa đáng được đập tự bày ra trước mặt mình, như thể có Jim Morrison, The Beatles, và Bob Dylan đóng trò trong hậu cảnh. Tất cả những việc ấy.

Ngay cả bây giờ, khi nhìn lại những năm tháng ấy, tôi nghĩ chúng quả là đặc biệt. Tôi chắc là nếu bạn khảo sát lần lượt những thuộc tính của thời gian, bạn sẽ chẳng khám phá được điều gì đáng chú ý. Chỉ có hơi nóng phát ra từ cỗ máy lịch sử, cái tia sáng tù mù mà một số vật nào đó phát ra ở những nơi nào đó vào những lúc nào đó - cái tia sáng ấy và một sự bứt rứt bất an không thể giải thích, như thể khi ta nhìn mọi thứ qua kính viễn vọng nhưng bằng đầu ngược. Tính anh hùng và côn đồ, niềm say mê và tan vỡ, tử vì đạo và chủ nghĩa xét lại, niềm im lặng và sự hùng biện, vân vân và vân vân...những chất liệu của bất cứ thời đại nào. Chỉ có điều, trong thời đại chúng ta - nếu bạn tha cho cách diễn đạt rộng tuếch này - bằng cách này hay cách khác, nó vẫn quá ư nhiều màu sắc, quá rõ ràng với tay ra là chạm tới. Không có mảnh lối quảng cáo, không có phiếu giảm giá, không có quảng cáo kín, không có hệ thống thẻ chấm điểm để dụ khách hàng

quay lại, không có những thủ tục giấy tờ lắt léo và thâm hiểm. Nguyên nhân và kết quả bắt tay nhau; lý luận và thực tiễn tự tin ghi siết nhau. Thời kỳ tiền đề cho chủ nghĩa tư bản cao độ: cá nhân tôi gọi những năm tháng này như thế.

Nhưng thời đại có mang lại cho chúng tôi - nghĩa là thế hệ chúng tôi - một tia sáng đặc biệt nào không thì tôi không dám chắc. Phân tích đến cùng, có lẽ chúng tôi chỉ đơn giản đi qua thời này như thể đang xem một bộ phim kích động: chúng tôi trải qua cảm giác như thật - tim đập mạnh, bàn tay đầm mồ hôi -, nhưng khi đèn bật sáng thì ta ra khỏi rạp chiếu phim và trở lại nơi mình đã rời khỏi. Dù lý do nào đi nữa, chúng tôi cũng đã sao nhãng việc học bất cứ bài học thực sự có giá trị nào từ đó. Đừng hỏi tôi tại sao. Tôi đã quá gắn bó với những năm tháng đó nên không thể tìm câu trả lời. Chỉ có một điều tôi muốn bạn hiểu: tôi chẳng chút tự hào về thời đại mình. Tôi đơn giản chỉ trình bày những sự kiện.

Bây giờ tôi sẽ nói với bạn về những cô gái, về mối quan hệ tính dục hỗn tạp giữa chúng tôi, những thằng con trai, với những bộ phận sinh dục mới tinh và các cô gái mà dĩ nhiên lúc đó vẫn còn là con gái.

Nhưng đầu tiên là về sự trinh trắng. Trong những năm sáu mươi, trinh tiết có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với bây giờ. Nhưng như tôi thấy (chẳng phải tôi đã điều tra gì đâu), khoảng năm mươi phần trăm các cô gái thời chúng tôi đã không còn trinh trước tuổi hai mươi. Ít nhất đó hình như là tỷ lệ chung ở những người xung quanh tôi. Điều này có nghĩa là, dù có ý thức hay không, một nửa các cô gái vẫn còn kính trọng cái gọi là trinh trắng.

Bây giờ nhìn lại, tôi có thể nói rằng phần lớn các cô gái trong thời chúng tôi, dù còn trinh hay không, đều chia sẻ những xung đột nội tâm về tính dục. Nó tùy thuộc vào hoàn cảnh và đối tác. Họ bị kẹp giữa một bên là đám đông tương đối thảm lạnh, có cách nghĩ thoáng, cho tình dục là một loại thể thao và một bên là những người thủ cựu cho rằng con gái phải giữ gìn trinh tiết đến tận khi lập gia đình.

Trong số những chàng trai, cũng có nhiều người nghĩ mình phải cưới một cô gái còn trinh trắng.

Mỗi người một khác nên giá trị cũng khác. Điều này là hằng số cho mọi thời đại. Nhưng những năm sáu mươi không giống bất cứ thời nào ở chỗ chúng tôi tin những sự khác biệt này có thể giải quyết được.

Và đây là câu chuyện của một người mà tôi biết. Anh ta học chung lớp với tôi vào năm cuối của trường trung học ở Kobe. Thành thật mà nói, anh ta là loại người có thể làm được mọi thứ. Học lực tốt, biết chơi thể thao, tính tình thận trọng và có phẩm chất lãnh đạo. Anh không quá điển trai nhưng sáng sủa dễ nhìn. Anh thậm chí còn biết hát. Là một diễn giả hùng hồn, anh luôn là người tổng hợp ý kiến trong các cuộc thảo luận ở lớp. Điều này không có nghĩa anh là người có tư duy độc đáo - nhưng ai lại mong chờ sự độc đáo gì trong các cuộc thảo luận ở

lớp? Tất cả chúng tôi đều muốn nó kết thúc càng sớm càng tốt, và mỗi khi anh bắt đầu nói là chúng tôi biết chắc cuộc thảo luận sẽ kết thúc đúng giờ. Trong nghĩa đó, bạn có thể nói anh là một người bạn thực sự.

Anh không có khuyết điểm nào. Nhưng dẫu vậy, tôi chẳng bao giờ hình dung được điều gì đang diễn ra trong tâm trí anh ta. Đôi khi tôi muốn tháo đầu anh ta ra mà lắng, để nghe xem nó sẽ phát ra thứ âm thanh nào. Thế mà anh ta được rất nhiều cô gái ngưỡng mộ. Bất cứ lúc nào anh ta đứng dậy để nói trước lớp, mọi cô gái đều nhìn về anh ta với ánh mắt thán phục. Có bài toán nào khó, các nàng lại hỏi anh ta. Anh ta nổi tiếng hơn tôi khoảng 27 lần. Anh ta đúng là loại người như vậy.

Lớp chúng tôi đã học cùng nhau những bài học của quyển sách giáo khoa cuộc sống; và một chút trí khôn tôi đã nhặt được trên đường đời là ta phải chấp nhận rằng trong bất cứ tập thể nào cũng có những mẫu người như vậy. Dù vậy, không cần phải nói rằng cá nhân tôi chẳng ưa lắm mẫu người như anh ta. Tôi không chắc lắm, nhưng tôi thích ai đó có tí vết hơn, ai đó có một nhân cách khác thường hơn. Vì thế trong suốt khóa học, dù ở cùng lớp, tôi chưa một lần đi chơi với anh ta. Thậm chí tôi không nhớ mình đã có bao giờ nói chuyện với anh ta. Lần đầu tiên tôi trò chuyện nghiêm túc với anh ta là trong kỳ nghỉ hè năm nhất cao đẳng. Chúng tôi tình cờ học lái xe ở cùng một trường và thi thoảng có nói chuyện hay cùng uống cà phê trong giờ nghỉ. Cái trường dạy lái xe đó chán đến mức tôi sẵn lòng giết thì giờ bằng cách nói chuyện với bất cứ người nào làm quen được. Tôi không nhớ gì nhiều về những câu chuyện giữa chúng tôi. Dù chuyện gì đi nữa, chúng chẳng để lại ấn tượng nào, dù tốt hay xấu.

Một điều khác tôi còn nhớ là anh ta có một cô bạn gái. Cô ta học khác lớp và được xem là hoa khôi của trường. Cô ta học lực tốt, cũng là dân thể thao, cũng là lớp trưởng như anh ta. Cũng như anh, cô luôn là người phát biểu tổng kết mỗi buổi thảo luận ở lớp. Hai người như thể sinh ra để thành đôi với nhau. Đúng là chàng CLEAN và nàng CLEAN (sạch sẽ) như trong quảng cáo kem đánh răng.

Tôi thấy họ luôn. Giờ ăn trưa nào hai người cũng ngồi ở góc sân trường mà nói chuyện. Sau giờ học, họ cùng lên xe điện và xuống ở những ga khác nhau. Chàng tham gia vào đội tuyển bóng đá, nàng có chân trong câu lạc bộ tiếng Anh của trường. Khi những hoạt động ngoại khóa của họ không kết thúc cùng giờ, người ra sớm hơn sẽ đến thư viện học bài. Những giờ rảnh thì họ luôn ở cùng nhau.

Không ai trong chúng tôi - trong đám đông chúng tôi - chống lại hai người. Chúng tôi không cười nhạo họ, không ai làm khó gì hai người. Thực ra chúng tôi hầu như không chú ý gì đến họ. Hai người thực sự chẳng có gì đáng tìm hiểu. Họ giống như thời tiết - đơn giản là họ có đó, như một sự kiện vật lý. Hiển nhiên là chúng tôi dành thời gian để nói về những điều chúng tôi quan tâm hơn: tính dục,

nhạc rock and roll, phim của Jean-Luc Godard, các phong trào chính trị, tiểu thuyết của Kenzaburo Oe và những thứ tương tự. Nhưng đặc biệt là chúng tôi nói về tình dục.

Đúng thôi, chúng tôi đều ngu ngốc và tự mãn. Chúng tôi không hiểu biết gì về cuộc đời. Nhưng đối với chúng tôi, chàng và nàng CLEAN chỉ tồn tại trong thế giới sạch sẽ (clean world) của họ mà thôi. Điều đó hẳn có nghĩa là những ảo tưởng mà chúng tôi thích thú hồi đó và những ảo tưởng mà họ ấp ủ trong chùng mực nào đó có thể hoán đổi cho nhau.

Đây là câu chuyện của họ. Không phải là câu chuyện vui vẻ đặc biệt gì, và vào thời điểm đó nó cũng chẳng phải câu chuyện đạo đức gì. Nhưng không sao. Câu chuyện của họ cũng là câu chuyện của chúng tôi. Mà tôi đoán nó sẽ làm nên một dạng thức lịch sử văn hóa. Đó chỉ là chất liệu thích hợp cho tôi - tôi, một nhà nghiên cứu văn hóa dân gian không nhạy cảm - tuyển chọn và nhắc tới ở đây.

Tôi ngẫu nhiên gặp anh ta ở Lucca, một khu phố Italia nằm ở một dãy đồi thấp xứ Tuscan. Vào thời gian đó, tôi và vợ tôi đang thuê một căn hộ ở Roma. Nhưng cô ấy đã trở về Nhật Bản vài tuần, còn tôi đi du lịch đó đây bằng xe lửa. Từ Venice đến Verona rồi Mantua rồi Modena và dừng chân ở Lucca, một thành phố nhỏ yên bình, với một nhà hàng vùng ngoại ô có phục vụ món nắm tuyệt vời. Và trùng hợp làm sao, anh ta lại ở ngay khách sạn mà tôi cư ngụ.

Thế giới thật nhỏ làm sao.

Hôm đó chúng tôi dùng bữa tối tại nhà hàng. Cả hai chúng tôi đều đi du lịch một mình và đều chán như nhau. Bạn càng có tuổi thì niềm vui đi du lịch một mình càng giảm sút. Phong cảnh kém ngoạn mục hơn, những cuộc đối thoại bất tận của tha nhân làm đình tai nhức óc bạn. Bạn không còn bận tâm đi tìm những nhà hàng mới và sự đợi chờ những chuyến xe điện đường như là bất tận. Bạn liên tục nhìn đồng hồ và thậm chí không buồn cất công học nói ngôn ngữ của nước bạn đang viếng thăm. Bạn nhắm mắt lại, và chỉ có những lỗi lầm xa xưa lùa vào tâm trí bạn.

Có lẽ đó là lý do tại sao anh ta và tôi cảm thấy khuây khỏa khi gặp lại nhau, như thể chúng tôi đang ở trường dạy lái xe. Chúng tôi chọn một cái bàn cạnh lò sưởi, gọi món rosso hảo hạng, và tiếp tục món khai vị funghi trifolati, sau đó là fettuccine ai porcini và arrosto di tartufo bianco.

Anh ta nói mình đến Lucca để mua đồ trang trí nội thất. Anh ta có một hãng kinh doanh chuyên về đồ trang trí nội thất Châu Âu và dĩ nhiên là thành đạt. Anh ta chẳng khoác lác với tôi điều gì, nhưng tôi có thể nói ngay rằng người đàn ông này có cả thế giới trong tay mình. Điều này thể hiện rõ trong cách cư xử của anh ta, trong bộ vía anh đang mặc, trong cách nói năng của anh ta. Trong một cách nào đó, thật hài lòng thấy thành công đã để mắt đến anh ta.

Ban đầu chúng tôi nói về nước Ý. Về những lịch tàu chạy không đáng tin cậy, về khoảng thời gian dài quá đáng mà người ta dành cho bữa ăn. Thế rồi tôi chẳng nhớ chúng tôi còn nói những chuyện gì nữa, nhưng khi người hầu bàn mang ra chai rượu thứ hai thì anh ta đang kể cho tôi nghe chuyện của mình còn tôi thì đưa ra nhận xét vào những lúc thích hợp khi anh ta ngừng nói. Tôi chắc rằng đã lâu anh ta muốn kể cho ai đó nghe nhưng chưa lúc nào làm được. Nếu như không có một nhà hàng âm cúng và hương vị Coltibuono 83' thì chắc chẳng bao giờ anh ta đề cập đến chủ đề này. Nhưng anh ta đã nói.

“Tôi luôn nghĩ mình là người đáng chán,” anh ta nói. “Ngay từ khi còn nhỏ, tôi đã bị nhốt vào hộp. Tôi nhìn thấy những hàng rào xung quanh tôi và tôi cần thận chẳng bao giờ vượt qua chúng. Đó là nguyên tắc, như trên một đường cao tốc: cứ đi đúng làn đường này, hướng về phía trước, cấm vượt. Cứ việc làm theo những dấu hiệu, thế là bạn tới nơi. Tôi làm mọi việc kiểu như thế - cứ việc làm đúng cách, thế là người lớn nặng xị tán dương tôi. Khi tôi còn trẻ, tôi nghĩ mọi người đều nhìn sự vật một cách giống nhau. Nhưng sớm muộn rồi tôi cũng nhận ra rằng không phải như vậy.”

Tôi đưa ly rượu về phía ánh lửa và nhìn một lúc lâu.

“Cả đời tôi - hay ít nhất là nửa đầu đời - mọi thứ đều trôi chảy. Tôi chẳng có gì để phàn nàn nhưng mặt khác, liệu tôi có khái niệm gì về ý nghĩa cuộc sống hay không? Tôi không có ý tưởng gì về việc tôi làm, về điều mà tôi theo đuổi. Ý tôi là tôi giỏi toán, giỏi tiếng Anh, giỏi cả thể thao. Đường đi cứ thẳng băng. Họ hàng vỗ về tôi, thầy cô nói tôi chẳng có gì phải lo lắng cả. Nhưng thực ra tôi sinh ra là để làm gì? Tôi muốn làm cái gì với bản thân mình? Tôi sẽ học luật hay là kỹ sư? Tôi có nên học y không? Cái nào cũng tốt cả. Vì vậy tôi làm theo lời cha mẹ và thầy cô đã chỉ giáo. Tôi đã đậu rất cao vào ngành Luật ở đại học Tokyo.”

Anh uống một hớp rượu. “Anh còn nhớ cô bạn gái tôi ở trường trung học không?”

“Phải nàng là Fujisawa không?”. Tôi lục tìm trong trí nhớ tên cô ta. Tôi không chắc lắm nhưng hóa ra là đúng.

Anh ta gật đầu. “Đúng rồi. Fujisawa Yoshiko. Nàng cũng tương tự vậy. Tôi có thể kể cho nàng nghe tất cả những gì tôi cảm thấy. Và nàng hiểu. Chúng tôi có thể nói chuyện với nhau mãi. Đúng là...cho đến khi tôi gặp nàng, tôi chẳng có người bạn nào để có thể trút bầu tâm sự”.

Anh ta và Fujisawa Yoshiko là một đôi song sinh tinh thần lạ lùng. Họ đều là thủ lĩnh, là siêu sao của trường. Hai người đều thuộc dòng dõi “trâm anh thế phiệt”, tuy thế cha mẹ họ lại không thuận hòa với nhau. Cha họ đều có tình nhân và thường không về nhà vào buổi tối. Lý do duy nhất để cha mẹ không ly dị là sợ người khác dị nghị cười chê. Các bà mẹ cai quản gia đình và những đứa con bị thúc bách phải trở nên giỏi giang trong mọi chuyện. Những đứa trẻ cũng xa cách

với mọi người. Họ đều nổi tiếng, nhưng đều không có bạn, họ cũng chẳng hiểu tại sao. Có lẽ những người bình thường, không hoàn hảo chỉ thích làm bạn với những người bình thường, không hoàn hảo khác.

Họ luôn cô đơn, luôn sống trong cõi của mình. Nhưng để thoát khỏi nỗi buồn, họ tìm đến nhau. Họ chấp nhận nhau. Họ yêu nhau. Họ cảm thấy hoàn toàn thoải mái khi ở bên nhau, đặc biệt khi họ cô đơn cùng nhau. Họ có quá nhiều điều bí mật để chia sẻ. Họ nói không biết mệt về nỗi cô độc của mình, về nỗi bất an và về những giấc mơ.

Ngay đến những xúc chạm sinh lý, họ cũng có luật của mình. Không bao giờ cởi bỏ quần áo, chỉ dùng tay sờ soạng nhau mà thôi. Một tuần một lần, họ ở chung với nhau một buổi chiều trong phòng ngủ của người này hay người kia. Cả hai nhà đều yên tĩnh. Cha đi vắng. Mẹ ra ngoài có việc. Họ dành cho nhau từ mười đến mười lăm phút để sờ soạng nhau say sưa rồi quay trở về với việc học tập, ngồi cạnh nhau. “Được rồi chứ nhỉ? Quay trở về sách vở thôi”. Nàng nói và kéo thẳng chiếc áo sơ mi của mình.

Hai người đều đạt điểm cao. Học hành đối với họ không phải là nặng nề gì, chỉ như một lẽ tự nhiên thứ hai thôi. Họ thậm chí còn thi nhau giải các bài toán khó. “Điều này thật vui,” chàng nói. Vâng, nghe thì có vẻ ngu ngốc nhưng đối với họ thì đó chính là niềm vui, mà người bất toàn như chúng ta chẳng thể nào hiểu được.

Tuy thế, đôi lúc, mối quan hệ đó không làm chàng thỏa mãn. Chàng cảm thấy như mình còn thiếu điều gì đó. Chàng muốn ngủ với nàng. Chàng muốn làm tình. “Sự hợp nhất thể xác,” đó là từ mà chàng sử dụng. “Tôi nghĩ, điều đó sẽ giúp chúng tôi hiểu nhau mật thiết hơn,” anh bảo tôi. “Nó chỉ như bước nhảy tự nhiên tiếp theo mà thôi”.

Tuy nhiên, nàng lại không đồng ý. Mím môi và hơi lắc đầu, nàng nói: “Em thích anh lắm. Nhưng em muốn mình còn trinh trắng đến ngày cưới”. Dù chàng thuyết phục nàng thế nào đi nữa, nàng cũng không thay đổi ý định. “Anh biết là em thích anh,” nàng nói. “Thật sự và chân thành. Nhưng điều đó khác, điều này khác. Em xin lỗi. Hãy chịu đựng với em. Nếu thực sự yêu em, anh hãy quên điều đó đi”.

“Nếu đó là những gì cô ta muốn, tôi phải tôn trọng thôi,” anh bảo tôi. “Đó không phải là điều không thể. Cá nhân mình, tôi không nghĩ trinh tiết là vấn đề lớn đến vậy. Tôi chẳng quan tâm đến chuyện cô gái mình cưới có còn trinh hay không. Tôi không phải là người cấp tiến, nhưng cũng không phải là người thủ cựu. Tôi đơn giản là người thực tế. Điều quan trọng cho một cặp tình nhân là phải biết mình xuất phát từ đâu. Tôi nghĩ vậy. Nhưng nàng có một viễn cảnh về cái cuộc sống mà nàng muốn sống. Và tôi phải chịu đựng. Chúng tôi hôn hít nhau, sờ soạng nhau dưới lớp quần áo. Chắc anh biết kiểu đó rồi”.

“Tôi tin vậy,” tôi nói.

Anh đỏ mặt rồi mỉm cười. “Điều đó cũng chẳng tệ lắm, nhưng tôi không thể nào thôi nghĩ về tính dục. Đối với tôi thì chúng tôi mới đi được nửa đường. Tôi muốn hợp nhất với nàng. Tôi muốn không có gì bị che phủ, không có gì ẩn giấu. Đó là vấn đề xác nhận quyền sở hữu. Tôi cần một thứ dấu hiệu nào đó. Hiển nhiên, thôi thúc tình dục là một phần, nhưng không chỉ có thế. Chưa một lần trong đời tôi cảm thấy mình có thể hoàn toàn hòa hợp với ai hay một điều gì. Tôi luôn cô độc. Tôi bị bó buộc trong cái hộp đó. Tôi muốn tự giải thoát mình. Tôi muốn phát hiện cái tôi đích thực của mình. Nếu được ngủ với nàng, tôi nghĩ mình có thể phá vỡ cái hộp đó”.

Anh ta bắt đầu thực hiện một kế hoạch. Anh ta nói rằng ngay sau khi tốt nghiệp, họ có thể cưới nhau. Nếu nàng muốn đính hôn, họ có thể làm điều đó sớm hơn. Chẳng có vấn đề gì. Nàng nhìn thẳng vào anh trong vài giây. Và một nụ cười lướt qua gương mặt nàng. Một nụ cười thực sự đáng yêu. Nàng rõ ràng vui sướng khi nghe những lời anh ta nói. Nhưng ngay lúc đó, nụ cười lại bị ngăn cách bởi sự nhẫn nhục, cùng một thoáng buồn mơ hồ. Nàng không tỏ ra hạ mình, điều đó thì rõ, nhưng nàng cũng chẳng khuyến khích anh, ít nhất đó là điều anh cảm nhận.

“Điều đó không thể,” nàng nói. “Em sẽ chẳng bao giờ lấy anh. Người em lấy phải lớn hơn em vài tuổi, còn anh phải lấy người nhỏ hơn anh vài tuổi. Điều này là hợp lý. Bởi phụ nữ dậy thì sớm hơn đàn ông nên họ cũng mau già hơn. Ngay cả dù chúng ta kết hôn sau khi tốt nghiệp thì cũng chẳng bền. Dù sao, chúng mình cũng không thể như vậy mãi. Anh biết là em thích anh hơn bất cứ ai khác. Nhưng điều đó khác, điều này khác.” Đó hình như là cách nói của nàng. “Chúng ta vẫn đang đi học. Chúng ta được gia đình nâng niu bảo bọc. Thế giới thực bên ngoài rộng lớn hơn nhiều và khó khăn hơn nhiều. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng”.

Anh biết nàng đang muốn nói điều gì. Anh là người có tư tưởng thực tế hơn nhiều, hơn tất cả những thằng con trai cùng thế hệ. Nếu được nghe một điều tương tự như một lời giáo huấn chung chung, anh hoàn toàn có thể đồng ý. Nhưng đây không phải là một lời giáo huấn chung chung. Nó liên quan mật thiết đến anh.

“Anh không quan tâm”, chàng bảo nàng. “Anh yêu em và muốn có em. Anh rất rõ ràng trong chuyện này. Nó rất quan trọng đối với anh. Anh chẳng quan tâm nếu vài chuyện nào đó không phải là như vậy trong thực tại. Anh quá yêu em. Anh điên lên vì em”.

Nàng lắc đầu như muốn nói: “Chẳng ăn thua gì”. Rồi nàng vừa vuốt tóc vừa nói: “Anh có thực sự nghĩ rằng chúng ta chỉ mới biết những điều đầu tiên về tình

yêu không? Tình yêu chúng ta chưa bao giờ được thử thách. Cả anh em mình đều còn là trẻ con”.

Anh chán đến mức không buồn trả lời. Một lần nữa, anh chẳng thể nào phá vỡ bức tường vây quanh mình, anh chỉ còn biết quá rõ mình bất lực đến thế nào. Mình không thể làm được bất cứ việc nào, anh nghĩ. Nếu tình hình cứ thế này, chắc chắn mình sẽ phải sống cả đời trong hộp. Năm này qua tháng khác, vô mục đích.

Tuy thế hai người vẫn cặp kè bên nhau đến tận khi tốt nghiệp cấp 3. Hẹn gặp nhau trong thư viện, cùng nhau học bài, sờ soạng nhau dưới lớp áo. Nàng dường như chẳng nghĩ có điều gì sai lầm trong cách thỏa thuận như vậy; thậm chí nàng còn có vẻ hứng thú với tình trạng dở dang đó. Trong khi các bạn bè nghĩ rằng hai anh chị - anh CLEAN và chị CLEAN - đang hưởng thụ một thời tuổi trẻ lý tưởng thì riêng anh cô độc khôn nguôi.

Cuối cùng, vào mùa xuân năm 1967, anh nhập học đại học Tokyo[2]. Nàng ở lại Kobe, học ở trường Cao đẳng nữ. Ngôi trường này thuộc loại có hạng trong số các cơ sở giáo dục nhưng đối với nàng thì chẳng hề khó khăn gì. Lẽ ra nàng có thể dễ dàng vào đại học Tokyo nhưng thậm chí nàng không buồn dự thi đầu vào. Theo nàng, loại giáo dục đó là không cần thiết. “Em chẳng muốn kiếm việc ở Bộ Tài chính đâu. Em là con gái. Đó chính là điểm khác biệt. Anh có thể học lên cao, nhưng em chỉ cần học bốn năm nữa thôi. Cần giải lao, anh biết chứ, cần dừng lại nghỉ ngơi. Bởi vì khi em lập gia đình, em sẽ chẳng còn sự nghiệp gì nữa, đúng không?”.

Thái độ của nàng làm anh thất vọng. Anh từng hy vọng hai người sẽ cùng lên Tokyo, cùng nhau chia sẻ những điều mới mẻ trong quan hệ của họ. Anh nài nỉ nàng nghĩ lại, nhưng nàng chỉ lắc đầu.

(Còn nữa)

Hoàng Long dịch từ bản Anh ngữ Folklore of Our Times của Alfred Birnbaum

eVăn hiệu đính

Chú thích của dịch giả:

[1] Đây là thuật ngữ của các nhà nhân học, có nghĩa là “văn hóa dân gian, truyền thống”. Nhưng chúng tôi thấy dễ nguyên như vậy thì hay hơn.

[2] Trong số các trường đại học công lập ở Nhật Bản, đại học Tokyo (Todai) là đại học danh giá nhất, chỉ những ai xuất sắc mới thi vào được. Những danh nhân Nhật Bản đều tốt nghiệp trường này, như nhà văn Natsume Soseki, Akutagawa Ryunosuke, Kawabata Yasunari..., còn trong số đại học tư thục, danh giá nhất là đại học Waseda.

Folklore của thời đại chúng ta [2/2]

Murakami, Haruki

Mùa hè đầu tiên của đời sinh viên (cùng mùa hè mà tôi và anh ta gặp nhau ở trường dạy lái xe), anh ta trở về Kobe, và gặp lại nàng hầu như mỗi ngày. Nàng lái xe đưa anh đi chơi. Họ sờ soạng nhau như ngày xưa cũ. Nhưng anh không khỏi nhận ra rằng đã có điều gì thay đổi. Sự thay đổi không đột ngột. Theo cách nào đó, mọi cái không có gì thay đổi. Cách nàng nói chuyện, cách nàng ăn mặc, quan điểm của nàng... dường như tất cả đều như xưa. Nhưng anh không còn muốn hòa mình trở lại vào cuộc sống cũ. Đó là luật của động lực: từng chút một, không ngừng, hai người tuột ra khỏi sự đồng bộ trước kia. Và điều này cũng chẳng tệ hại gì nếu anh ta biết mình đang đi theo chiều hướng nào.

Anh lại cô đơn ở Tokyo, vẫn không thể kết bạn với ai. Thành phố đông đúc và dơ bẩn, thức ăn vô vị. Anh luôn nghĩ về nàng. Buổi tối, anh giam mình trong phòng để viết thư cho nàng. Nàng hồi âm lại (dù không thường xuyên). Những bức thư miêu tả chi tiết đời sống hàng ngày của nàng, anh đọc đi đọc lại. Nếu không nhờ những bức thư đó, anh dám chắc mình đã phát điên. Anh hút thuốc và bắt đầu uống rượu. Đôi khi anh thậm chí còn cúp tiết.

Anh đã từng xiết bao mong ước kỳ nghỉ hè để có thể quay về quê nhà Kobe! Nhưng đến khi trở về, anh lại càng ngao ngán hơn nữa. Điều khôi hài là anh chỉ mới ra đi được ba tháng thôi. Tại sao tất cả lại bỗng dưng có vẻ bụi bặm và lờ mờ đến thế? Thành phố mà anh từng nhớ nhưng quá đổi giờ trông xạc xài bệ rạc đối với anh, chỉ lại thêm một cái thành phố tỉnh lẻ khác chỉ biết việc của mình, không hơn không kém. Bắt chuyện được với mẹ cũng là một kỳ công. Đi đến tiệm cắt tóc mà anh thường cắt hồi còn bé là một viễn cảnh tối tăm. Bờ sông mà anh thường dắt chó lang thang mỗi ngày là một vùng hoang vu rác rưởi.

Ngay cả việc gặp nàng cũng không làm cho anh khá hơn chút nào. Điều quái quỷ gì đang diễn ra thế này? Dĩ nhiên là anh vẫn yêu nàng, nhưng như thế chưa đủ. Đam mê không thể tự nó duy trì mãi mãi. Anh phải dùng đủ mọi cách, dù cho mối quan hệ hai người có thể bị bóp chết.

Anh quyết định mình phải đặt lại vấn đề tính dục, phải lôi nó ra khỏi tủ lạnh mà đặt lên bàn. Đó là cơ hội cuối cùng.

“Ba tháng nay anh cô đơn ở Tokyo và chỉ nghĩ đến em. Anh thật sự yêu em quá rồi. Dù chúng ta xa nhau bao nhiêu, anh thấy cảm giác của anh vẫn nguyên vẹn. Nhưng khi ta xa nhau, anh thấy mình chên vênh quá. Tâm trạng anh u ám. Em có thể không hiểu điều này nhưng anh chưa bao giờ cô đơn đến thế trong đời anh. Anh cần mỗi liên kết thực sự với em, như một bằng chứng bảo đảm rằng dù xa nhau bao nhiêu đi nữa, chúng mình vẫn luôn có mối buộc ràng chắc chắn”.

Nàng hít một hơi thở sâu và hôn anh. Quá dịu dàng, nàng nói: “Em xin lỗi. Em không thể cho anh sự trinh trắng của em được. Điều đó khác, điều này khác.

Em có thể làm tất cả cho anh, tất cả, trừ điều này ra. Nếu anh thực sự yêu em, xin đừng nêu vấn đề này ra nữa”.

Một lần nữa, anh trở lại chủ đề cưới xin.

“Có hai bạn trong lớp em đã đính hôn,” nàng nói. “Nhưng vị hôn phu của họ đã có việc làm ổn định rồi. Cưới xin đồng nghĩa với trách nhiệm đấy anh ạ”.

“Anh có thể đảm đương trách nhiệm chứ”, anh nói quả quyết. “Anh đã vào một trường rất tốt. Anh hứa với em là điểm số anh cũng sẽ rất tốt. Anh có thể được nhận vào bất cứ công ty hay văn phòng chính phủ nào. Anh sẽ xin việc bất cứ nơi đâu em nói. Anh có thể làm tất cả nếu anh chú tâm. Vậy cái gì mới là vấn đề đây?”

Nàng nhắm mắt gục đầu và im lặng. “Em sợ,” một lúc sau nàng nói, vùi mặt vào lòng tay, thốn thức. “Em rất sợ. Sợ đến mức em không thể chịu đựng được. Em sợ hãi đời sống, sợ phải xây dựng cuộc sống cho mình. Vài năm nữa thôi, em phải bước chân vào đời sống thật, em sợ đến phát ốm. Tại sao anh không hiểu điều đó? Tại sao anh phải hành hạ em như thế này?”

Anh ôm nàng trong tay. “Chẳng có gì phải sợ hãi cả em ạ,” anh nói. “Anh đang ở đây. Em nhìn đi. Anh cũng sợ như em vậy. Nhưng nếu anh em mình biết vậy thì chúng ta sẽ vượt qua thôi. Nếu chúng mình chung sức thì chẳng có gì phải sợ. Chẳng có gì đáng sợ đâu”.

Nàng lắc đầu. “Anh không hiểu đâu. Em là phụ nữ. Em khác anh. Anh không biết một tý gì cả. Chẳng biết gì”.

Anh chẳng còn gì để nói. Nàng cứ khóc mãi. Và nói một điều kỳ lạ nhất: “Nghe này, nếu như duyên anh em mình không trọn, em vẫn nhớ anh mãi mãi. Thật sự em chẳng bao giờ quên anh. Anh biết là em yêu anh như thế nào mà. Anh là người đầu tiên em chăm sóc, và chỉ cần ở bên anh là em vui đến thế nào. Hãy hiểu cho em. Nếu như đây là lời hứa mà anh muốn, em sẽ hứa. Em sẽ ngủ với anh, nhưng không phải bây giờ mà sau khi lập gia đình, em sẽ ngủ với anh. Em hứa”.

“Cô ta nói cái quái gì vậy? Nó làm tôi rối trí”, anh nói, mắt nhìn chăm chăm vào chiếc lò sưởi đang chiếu sáng rực rỡ. Người hầu bàn mang món primi piatti đi và thêm một thanh củi vào lò sưởi. Những tia lửa kêu tanh tách. Một cặp trung niên ở bàn kế bên đang cân nhắc chọn món thực đơn tráng miệng. “Tôi không thể nào hiểu quan niệm của nàng. Tôi trở về nhà mà những lời đó cứ lớn vồn trong tâm trí. Đơn giản là tôi không thể nào nắm bắt được lý lẽ của nàng. Anh có hiểu gì không?”

“Tôi chắc cô ta định giữ mình trinh trắng đến tận đêm tân hôn, nhưng khi đã lập gia đình và chữ trinh không còn là vấn đề quan trọng nữa, cô ta có thể ăn nằm với anh. Đại khái như thế”.

“À thì đại loại như thế. Tôi chỉ có thể đọc ra thế mà thôi”.

“Độc đáo thật. Tôi nói nàng ta. Và dù sao cũng hợp lý nữa”.

Một nụ cười thoáng nhẹ trên môi anh ta. “Chính xác và có vài điểm hợp lý”.

“Một cô dâu trinh trắng, một người vợ ngoại tình. Y như tiểu thuyết cổ điển Pháp. Chỉ có điều không có phòng khiêu vũ và những người hầu”.

“Thế mà đối với nàng, đó là giải pháp thực tế duy nhất,” anh ta nói.

“Buồn thật,” tôi nói.

Anh nhìn tôi một phát sắc bén rồi chậm rãi gật đầu. “Phải, thật buồn. Và thực sự lâm ly thống thiết nữa. Anh nói hoàn toàn đúng. Bây giờ tôi cũng nghĩ vậy. Cũng phải thôi, tôi đã già hơn rồi. Nhưng khi đó thì không. Tôi vẫn còn là một thằng nhóc và hoàn toàn mù tịt về những sự bất an nhỏ bé làm xáo động tâm trí con người ta. Tất cả những chuyện đó làm tôi sững sốt, nó làm tôi bị sốc”.

“Tôi có thể tưởng tượng được”, tôi tán đồng.

Rồi như thoả thuận ngầm, chúng tôi dùng món tartufi.

“Tôi đoán là anh biết điều gì sẽ xảy ra sau đó,” anh nói sau một lúc im lặng. “Cô ấy và tôi chia tay nhau. Không ai trong chúng tôi thổ lộ điều gì. Chỉ là một kết thúc tự nhiên. Rất êm thấm. Chúng tôi chỉ thấy mệt mỏi khi cố tìm cách giữ mối quan hệ đó. Và như tôi biết thì những ý niệm của nàng về cuộc sống không... Nói thế nào nhỉ? Nàng không chân thành lắm. Không, cũng không đúng. Điều tôi muốn nói là tôi biết lẽ ra nàng đã có thể tốt hơn. Tôi thất vọng về nàng. Thay vì hành hạ nhau về những vấn đề cũ rích như trinh trắng, cưới xin, lẽ ra nàng nên cố gắng học hỏi được nhiều hơn từ cuộc sống”.

“Nhưng điều này quá sức nàng”, tôi nói.

Anh gật đầu, xiên một khoanh nấm cho vào miệng. “Chuyện đó vẫn xảy ra. Anh bị mất khả năng co giãn. Có một thời điểm anh bị căng đến một mức giới hạn và không thể đi xa hơn. Điều tương tự vậy đã xảy ra đến cho tôi. Ngay từ nhỏ, cả hai chúng tôi luôn luôn bị lừa về phía trước. Hết bị xô lại đây, tiến lên, tiến mãi về phía trước. Người ta hướng anh đến chỗ được đào tạo tốt, có mọi điều kiện thuận lợi, và ta chỉ có thể làm được những gì người ta bảo. Cho đến một ngày anh phát nổ”.

“Nhưng làm thế nào anh thoát khỏi điều đó?”

“Tôi đã vượt qua nó”, anh nói sau một lát suy nghĩ. Rồi đặt dao và nĩa xuống, lấy khăn ăn lau miệng. “Sau khi tôi và cô ấy chia tay, tôi có một cô bạn gái ở Tokyo. Một cô gái dễ thương. Chúng tôi chung sống cùng nhau một thời gian. Nói thật, tôi không hề rơi vào trạng thái lo lắng, bất bình như đã từng có với Fujisawa Yoshiko. Một mối quan hệ thực sự, và tôi thật sự thích cô bạn mới. Cô nàng đã chỉ bảo cho tôi nhiều điều về những con người có thực, và tôi bắt đầu có thể kết bạn. Tôi hứng khởi với chính trị. Tôi nhận ra rằng thực tại có đủ mọi chiều kích và hình dạng. Và thế giới này đủ lớn cho những giá trị khác nhau cùng

tồn tại. Chẳng cần phải thành một sinh viên sáng giá. Đó là cách tôi bước chân vào xã hội”.

“Và trở nên thành công”.

“Đủ thành công,” anh nói với hơi thở dài than oán. Sau đó nhìn tôi như thể nhìn một kẻ đồng lõa, anh nói: “So với những người cùng lứa tuổi chúng ta, khách quan mà nói tôi thừa nhận rằng thu nhập mình cao hơn tất cả”. Đó là tất cả những gì anh có thể nói.

Nhưng tôi biết câu chuyện vẫn chưa kết thúc, vì thế tôi không nói gì. Tôi đợi anh ta tiếp tục.

“Tôi không gặp lại Fujisawa Yoshiko một thời gian dài”, anh tiếp tục. “Thật sự dài. Tôi tốt nghiệp đại học và có việc làm trong một hãng kinh doanh. Tôi làm việc ở đó năm năm, có một thời gian ở nước ngoài. Mỗi ngày công việc tràn ngập. Tôi bận rộn đến khó tin. Nghe mẹ nàng nói rằng hai năm sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng nữ, nàng lập gia đình, nhưng tôi không hỏi nàng lấy ai. Điều đầu tiên tôi nghĩ đến khi nghe mẹ nàng nói là quả thực nàng đã giữ trinh trắng đến tận đến tận hôn nhân. Nhưng tôi hơi buồn một chút. Và hôm sau nữa lại buồn hơn. Nó như thể một kỷ nguyên đã chấm dứt, một cánh cửa đóng sập lại sau tôi vĩnh viễn. Nhưng điều đó tự nhiên thôi. Fujisawa Yoshiko là cô gái tôi yêu thực sự chân thành. Chúng tôi đã có những giây phút ngọt ngào bên nhau suốt bốn năm, thậm chí còn toan tính chuyện cưới nhau. Nàng là người chiếm phần quan trọng trong thời tuổi trẻ của tôi, vì vậy nên tôi buồn là điều dĩ nhiên. Nhưng không sao, tôi thực sự hy vọng rằng nàng hạnh phúc. Tôi chúc nàng mọi điều tốt đẹp. Nhưng tôi cũng hơi lo lắng cho nàng. Nàng mỏng manh quá”.

Người hầu bàn dọn mấy cái đĩa và chúng tôi gọi cà phê.

“Tôi lập gia đình khá trễ, khi tôi ba mươi hai. Chính vì thế, tôi vẫn độc thân khi nhận được điện thoại của Yoshiko. Năm tôi hai mươi tám. Đã mười năm trôi qua đến lúc bấy giờ. Trong thời gian đó, tôi nghỉ việc công ty và làm tự do. Cha tôi cho mượn vốn để tôi sáng lập một công ty nhỏ của riêng mình. Tôi nhận thấy tiềm năng lớn mạnh của thị trường hàng nội thất nhập khẩu và bắt đầu thử sức mình. Nhưng mọi sự khởi đầu đều như thế chẳng có gì trôi chảy ở giai đoạn đầu tiên. Giao hàng chậm, kho trống rỗng, phí tổn thuê kho chồng chất, ngân hàng siết cổ... thành thật mà nói, tôi suy sụp và gần như đánh mất cả hy vọng. Chắc chắn đó là giai đoạn khó khăn nhất trong đời tôi. Và đúng khi tôi đang chìm xuống như vậy, nàng gọi điện đến. Tôi không biết làm cách nào nàng có được số điện thoại của tôi. Chuông điện thoại reng vào lúc 8 giờ tối. Tôi nhận ngay ra giọng nói của nàng. Có những điều ta chẳng bao giờ quên được. Tôi cảm giác hơi luyến tiếc. Anh biết chắc là tôi sao rồi. Tôi cảm thấy quá đổi vui sướng khi được nghe lại giọng nói người bạn gái năm xưa vào một lúc như thế.”

Anh nhìn chăm chú một lúc lâu vào lò sưởi, như để nhớ lại điều gì. Nhà hàng đầy ắp khách. Người ta nói cười ở mỗi bàn, bát đĩa lách cách, cốc rượu leng keng.

“Không biết ai đã nói cho nàng mà nàng biết tất cả mọi thứ về tôi. Nàng biết tôi còn độc thân, đã đi nước ngoài, đã bỏ chỗ làm cũ và có công ty riêng. Nàng biết tất cả. “Anh đã đến đích. Anh làm được việc. Anh đã làm em tin tưởng”. Nàng nói vậy. Tôi không thể diễn tả với anh là tôi vui như thế nào khi nghe nàng nói vậy. Rồi tôi hỏi về nàng. Nàng cười ai, đã có con chưa, sống ở đâu... Nàng không có con. Chồng nàng hơn nàng bốn tuổi, làm việc ở đài truyền hình. Một đạo diễn, nàng bảo tôi. Tôi nói: “Nghe có vẻ bận đấy nhỉ”. “Đúng, anh ta quá bận đến nỗi không có thời gian sinh con nữa”. Nàng nói và cười. Hai người sống ở Tokyo, trong một khu phố gần Shinagawa. Còn tôi sống ở Shiroganedai. Không phải là láng giềng nhưng cũng gần nhau. “Mọi chuyện đúng là kỳ lạ phải không?”, tôi nói. Chúng tôi nói về tất cả những gì mà những đôi tình nhân cũ thời trung học thường nói trong tình huống ấy. Tôi thấy mình hơi căng thẳng và vụng về nhưng tất cả đều tốt đẹp. Như hai người bạn cũ gặp nhau, chúng tôi nói đủ thứ chuyện hình như đến mấy giờ liền. Và khi không còn gì để nói nữa, chúng tôi im lặng bên hai đầu dây. Có thể nói thế nào nhỉ? Một sự im lặng dày đặc, khơi cho ta đủ thứ ý nghĩ”. Anh khoanh tay rồi đặt lên bàn nhìn lên mắt tôi. “Đáng lẽ tôi đã treo máy ở đó. Tôi nói: "cám ơn em đã gọi, rất vui được nói chuyện với em" rồi gác máy, kết thúc câu chuyện. Anh thấy tôi nói thế nào?”

“Đó hẳn là điều thực tế nhất phải làm,” tôi đồng ý.

“Nhưng nàng vẫn cầm máy. Nàng mời tôi đến chỗ nàng. “Sao anh không ghé thăm? Chồng em đi làm suốt, còn em buồn chán lắm”. Tôi không biết nói gì. Tôi chẳng nói gì cả. Nên nàng cũng không nói. Im lặng kéo dài. Và anh biết nàng nói gì không? Nàng nói: “Anh biết không, em vẫn còn nhớ lời hứa dành cho anh”.

“Anh biết không, em vẫn còn nhớ lời hứa dành cho anh”. Đầu tiên, anh chẳng biết nàng đang nói gì. Anh chưa một lần xem lời hứa của nàng là một lời hứa thật. Nhưng khi nhớ lại lời hứa ấy, anh nghĩ rằng đó chỉ là một sự lỡ lời, rằng nàng chắc hẳn phải ngượng vì điều đó.

Nhưng nàng chẳng ngại ngùng. Với nàng lời hứa là lời hứa.

Trong thoáng chốc, anh chẳng biết chuyện này sẽ đi về đâu. Phải làm gì mới đúng đây? Anh nhìn quanh tuyệt vọng nhưng không có bức tường nào vây quanh, không còn ai hướng đường cho anh đi nữa. Dĩ nhiên anh muốn ngủ với nàng. Điều này không cần phải nói. Từ khi chia tay nhau, anh vẫn tưởng tượng ngủ với nàng nhiều lần. Ngay cả khi nhìn thấy một người đàn bà khác, anh vẫn nghĩ mình đang tìm đường đến với nàng trong bóng đêm. Dù anh chưa nhìn nàng khoả thân lần nào nhưng anh biết cơ thể nàng qua cảm giác khi sờ nhau qua lớp áo.

Anh biết sẽ nguy hiểm như thế nào khi ngủ với nàng trong lúc này. Anh chẳng muốn kích động những gì đã ngủ yên trong bóng đêm quá khứ. Trực giác bảo anh rằng có những thứ không thể làm. Nhưng dĩ nhiên anh không thể từ chối. Tại sao anh phải từ chối? Nó là một câu chuyện thần tiên hoàn hảo, một điều cầu được ước thấy chỉ một lần trong đời. Nàng sống gần bên, và muốn chu toàn lời hứa đã ban ra trong cánh rừng quá khứ xa xăm.

Anh nhắm mắt lại và không thể nói gì. Anh không còn sức mà nói.

“Này. Anh còn ở đó không?”, nàng nói.

“Anh sẽ đến ngay. Em cho anh địa chỉ đi”.

“Nếu là anh, anh sẽ làm gì?”, anh ta hỏi tôi.

Tôi lắc đầu. Tôi không biết trả lời như thế nào cho câu hỏi đó.

Anh cười, nhìn xuống ly cà phê đặt ở trên bàn. “Tôi đến chỗ nàng và gõ cửa. Phần nào đó, tôi hy vọng nàng không có nhà. Nhưng đúng là nàng đang ở đó, vẫn đẹp như bao giờ. Nàng rót nước mời tôi, và nói chuyện về những ngày xưa cũ. Chúng tôi thậm chí đã nói về những thành tích học tập xưa kia. Và anh nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra?”

Tôi không biết. Tôi bảo anh ta là tôi không hình dung được.

“Khi còn nhỏ, tôi đã đọc một câu chuyện thiếu nhi.” Anh như đang nói với bức tường phía xa của nhà hàng. “Tôi quên mất cốt truyện, nhưng tôi nhớ dòng chữ sau cùng. Nó như thế này: “Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười”. Đúng là kiểu kết thúc chuyện lạ lùng. Anh không thấy vậy sao?”

“Ừ, đúng vậy”.

“Tôi ước gì mình có thể nhớ được câu chuyện đó. Chúa biết là tôi cố gắng mà. Tất cả những gì tôi còn nhớ được là dòng chữ điên loạn sau cùng: “Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười”. Kết thúc chuyện kiểu quái gì thế này?”

Chúng tôi đã dùng xong cà phê.

“Chúng tôi ôm ghì nhau,” anh ta nói. “Nhưng tôi không ngủ với nàng. Nàng không trút bỏ quần áo. Chúng tôi dùng tay sờ soạng nhau như những ngày xưa cũ. Tôi nghĩ như thế là tốt nhất. Có lẽ nàng cũng nghĩ như vậy. Chúng tôi vuốt ve nhau rất lâu, lâu lắm. Không ai nói lời nào. Có gì để chúng tôi nói? Đó là cách duy nhất để chúng tôi nhận ra nhau sau những năm xa cách. Như khi chúng tôi còn học ở trường. Tất nhiên, mọi thứ giờ đã khác. Có lẽ tình dục bình thường tự nhiên sẽ giúp chúng tôi hiểu nhau hơn. Và có lẽ nó sẽ làm cho chúng tôi cùng vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng chúng tôi đã trải qua thời đó từ lâu rồi. Những ngày đó đã bị khóa chặt và không ai có thể phá dấu niêm phong”.

Anh xoay cái ly không trong đĩa. Anh giữ nó một lúc lâu đến mức người hầu bàn đi đến chỗ chúng tôi và chờ đợi. Nhưng điều đó nhắc nhở anh trả cái ly lại chỗ cũ và gọi một ly cà phê Espresso khác.

“Có lẽ tôi ở chỗ nàng khoảng một tiếng. Nếu hơn nữa, chắc hẳn tôi sẽ phát điên mất”. Anh cười ranh mãnh. “Tôi tạm biệt và rời khỏi nhà nàng. Nàng cũng chào tạm biệt. Và lúc đó thực sự là vĩnh biệt, một lần cho mãi mãi. Tôi biết điều đó và nàng cũng biết vậy. Lần cuối cùng tôi nhìn thấy nàng, nàng đứng trên bậc cửa, khoanh tay trước ngực. Nàng nhìn tôi như muốn nói điều gì đó nhưng rồi lại thôi. Bất luận thế nào, tôi cũng biết nàng sẽ nói gì. Tôi kiệt sức... trống rỗng. Tôi bước đi không mục đích, cảm thấy mình như đã uổng phí cả cuộc đời. Tôi ước gì mình có thể quay lại chỗ nàng và làm tình với nàng dài lâu và đậm sâu. Nhưng tôi không thể làm thế. Và cũng chẳng biết làm gì tốt hơn.”

Anh lắc đầu, uống hết ly cà phê thứ hai.

“Thật khó nói điều này. Nhưng tôi bước thẳng ra ngoài, bắt một ả gái điếm. Lần đầu trong đời. Và ắt hẳn là lần cuối”.

Tôi nhìn cốc cà phê của mình mà nghĩ về chuyện ngày xưa mình là một gã xa cách khó gần đến thế nào. Tôi muốn cho anh ta biết tôi đang nghĩ gì, nhưng chỉ e mình không thể tìm ra lời thích hợp.

“Kể những chuyện thế này, tôi thấy như thể đang nói về một người nào khác,” anh nói với tiếng cười nhẹ rồi im lặng.

“Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười,” cuối cùng anh nói. “Tôi luôn nghĩ đến câu này khi nhớ lại lúc đó. Tôi đoán nó là một phản xạ có điều kiện. Tôi không biết có phải không, nhưng nỗi buồn dường như luôn chứa đựng vài câu chuyện hài hước nhỏ lạ lùng”.

Và như tôi nói lúc mở đầu, câu chuyện này chưa đủ để gọi là một bài đạo đức. Tuy nhiên nó là câu chuyện cuộc đời anh ta, là câu chuyện đời của tất cả chúng ta. Đó là lý do tôi không thể cười nổi khi nghe anh nói chuyện. Đến bây giờ tôi vẫn không thể cười.

Hoàng Long dịch từ bản Anh ngữ Folklore of Our Times của Alfred Birnbaum

eVăn hiệu đính

Nhật Ký Ngày Gió Lớn

Dịch giả: Phạm Vũ Thịnh

Lời người dịch :

Truyện ngắn sau đây, "Roma Teikoku no Hôgai ... (etc) ... ", phát biểu trên tạp chí Kadogawa tháng 1 năm 1986, là truyện thứ 5 trong tuyển tập "Tái-Tập-Kịch Tiệm Bánh Mì - Panya Saishugeki ".

1. Ngày tàn của Đế Quốc La Mã

Lúc tôi để ý thấy gió bắt đầu thổi là buổi chiều chủ nhật. Chính xác là lúc 2 giờ 7 phút chiều. Lúc ấy, tôi như mọi khi -nghĩa là chiều chủ nhật nào cũng thế- ngồi trước bàn ăn trong bếp, vừa nghe nhạc vô hại vừa viết nhật ký cho cả tuần

trước. Mỗi ngày tôi ghi vắn tắt sự việc xảy ra vào sổ tay, rồi đến chủ nhật mới viết lại thành câu văn đàng hoàng. Vừa mới viết xong phần của 3 ngày cho đến Thứ Ba, tôi chợt để ý đến tiếng gào thét của gió điên cuồng thổi qua bên ngoài khung cửa sổ. Tôi ngưng viết nhật ký, đập nắp bút lại, ra hiên nhà thu góp đồ giặt. Áo quần phơi trên dây cứ như là đuôi sao chổi bị rút sắp đứt đến nơi, nhảy múa loạn lên trong không, phát ra những tiếng phàn phật khô khan.

Có vẻ trong lúc tôi không để ý, gió đã tăng cường độ dần lên. Bởi lúc sáng, chính xác là lúc 10 giờ 18 phút, đem đồ giặt ra phơi ngoài hiên thì hoàn toàn chẳng có chút gió nào cả. Chuyện này thì tôi có trí nhớ chính xác mà vững chắc như nắp lò nung quặng mỏ ấy. Bởi lúc ấy, tôi đã chợt nghĩ "ngày lặng gió thế này thì chả cần phải kẹp lại làm gì".

Gió quả thật đã chẳng có lấy một tí nào cả.

Tôi nhanh nhẹn gấp xếp đồ giặt, sắp chồng lên nhau xong, đi vòng vòng cẩn thận đóng tất cả các cửa sổ lại. Đóng hết tất cả các cửa sổ lại thì hầu như chẳng còn nghe tiếng gió nữa. Bên ngoài cửa sổ, trong im lặng, những cây dẻ và tuyết-tùng[1] Hy Mã Lạp Sơn vẫy vẹo thân hình cứ như là chó không kham nổi cơn đau đớn; những phiến mây vụn hấp tấp chạy trốn khung trời, loạn xạ cả lên như những mật-sứ mắt kém; ngoài hiên căn chung cư phía bên kia, vài mảnh áo sơ-mi cuộn vòng vòng vào sợi dây phơi bằng nhựa, níu kéo chì chiết như những trẻ mồ côi bị bỏ rơi. Cứ như là một trận bão. Nhưng mở tờ nhật báo ra, dò kiểm bản đồ thời tiết kỹ lưỡng đến mấy cũng không thấy dấu hiệu nào dự báo một trận bão cả. Xác-suất mưa là con số 0 tuyệt vời. Chỉ căn cứ vào bản đồ thời tiết này thôi, thì phải là một ngày chủ nhật bình lặng như Đế Quốc La Mã thời toàn thịnh mới đúng.

Tôi thở nhẹ cái thở dài cỡ 30 phần trăm, gấp báo lại, sắp xếp đồ giặt chỉnh tề vào ngăn tủ, xong vừa tiếp tục nghe nhạc vô hại vừa pha cà-phê, rồi vừa nhâm nhi vừa viết tiếp nhật ký.

"Thứ Năm, đã ngủ với bạn gái. Nàng rất thích bị mất mà làm tình. Cho nên, lúc nào cũng thủ sẵn chiếc mặt-nạ bị mất cho dễ ngủ trên máy bay. Tôi thì không đặc biệt thích thú gì kiểu ấy, nhưng thấy nàng bị mất như thế thật dễ thương nên không có gì phải phản đối cả. Đàng nào thì con người, ai cũng có chút gì đấy khác đời."

Trang nhật ký cho Thứ Năm, tôi đã viết đại khái như thế. Phương châm viết nhật ký của tôi là 80% sự thật và 20% bỏ qua.

"Thứ Sáu, tôi đã gặp một người bạn cũ trong tiệm sách ở Ginza. Anh ta thất một chiếc cà-vạt in hình thù kỳ dị. Trên nền sọc, chằng chịt những số điện thoại."

Viết đến đây, chuông điện thoại reo.

2. Da Đỏ khởi nghĩa năm 1881

Lúc điện thoại reo, kim đồng hồ chỉ 2 giờ 36 phút. Chắc là nàng -tức là cô bạn gái thích bị mất-, tôi nghĩ thế. Bởi đã thành lệ là nàng đến tôi ngày Chủ nhật, và điện thoại trước khi đến. Và hẳn là nàng mua và mang đến thức ăn cho bữa tối. Đã bàn nhau là hôm nay sẽ ăn lẩu sò. Dù sao, lúc chuông điện thoại reo là 2 giờ 36 phút chiều. Đồng hồ báo thức để ngay bên cạnh điện thoại, hề chuông điện thoại reo lên là tôi nhìn đồng hồ, do đó về chuyện giờ giấc thì trí nhớ của tôi không sai vào đâu được. Nhưng nắm ống nghe lên thì chẳng nghe được gì ngoài tiếng gió gào thét. "Ào ào" kịch liệt như dân da đỏ tổng khởi nghĩa năm 1881, cuồng nhiệt náo động trong ống nghe điện thoại. Họ đốt nhà dân khẩn hoang, cắt đường dây thông tin, và hiệp Candice Bergen [2]

- "A-lô". Tôi cố nói lớn vào ống điện thoại, nhưng tiếng nói ấy bị cuốn hút mất tiêu vào trong cơn cuồng nộ áp-đảo của lịch sử.

- "A-lô, a-lô".

Tôi gắng hét thật lớn, nhưng kết cuộc cũng chẳng được gì. Lắng tai nghe ngóng thật kỹ thì ở những chỗ đứt quãng hiếm hoi giữa tiếng gió ào ào ấy, nghe có gì như là tiếng nói nhỏ giọt của cô gái nào. Nhưng cũng có thể chỉ là ảo giác. Nói thế nào đi nữa thì trận cuồng phong này cũng thật quá mãnh liệt. Và có lẽ số trâu rừng trong vùng da đỏ đã giảm đi nhiều lắm rồi. Tôi lặng im áp tai vào ống nghe một hồi lâu. Áp tai thật chặt đến nỗi tưởng chừng tai mình dính khấn vào ống nghe, không rút ra được nữa. Nhưng sau 15, 20 phút tiếp tục tình trạng ấy, đột nhiên, cứ như là đỉnh cùng cực của cơn động kinh làm sợi dây sinh mệnh đứt phụt, điện thoại đã bị cắt đứt. Sau đó, tĩnh mịch bao phủ. Như áo quần lót bị tẩy sạch đến trắng tinh, không còn sót lại chút hơi ấm nào nữa.

3. Hitler xâm nhập Ba Lan

Chán thật. Tôi lại thờ dài. Rồi trở lại chuyện viết nhật ký. Có lẽ viết nhanh cho xong quách đi thì tốt hơn.

"Thứ Bảy, sự đoàn cơ giới của Hitler xâm nhập Ba Lan. Phi cơ oanh tạc sà xuống vòm trời Warsaw ... "

Không, không phải thế. Hitler xâm nhập Ba Lan là ngày 1 tháng 9 năm 1939 chứ, có phải chuyện ngày hôm qua đâu.

"Hôm qua, sau bữa cơm tối, tôi đã vào rạp chiếu bóng xem phim "Sophie's Choice" do Meryl Streep đóng. Hitler xâm nhập Ba Lan là sự kiện trong phim ấy. Trong phim này, Meryl Streep ly dị với Dustin Hopman, rồi trên tàu điện đi làm, gặp Robert De Niro trong vai kỹ sư cầu đường trung niên, sau đó, tái giá. Một phim rất lý thú.

Ngồi gần tôi là một cặp học trò trung học, suốt buổi rờ rịch bụng nhau. Bụng dạ học trò trung học trông được quá. Tôi đây ngày xưa cũng có bụng học trò trung học đấy chứ."

4. Và thế giới bão bùng

Viết nhật ký cho nguyên một tuần trước xong, tôi ngồi trước tủ đĩa nhạc, cố chọn loại nhạc thích hợp cho một buổi chiều chủ nhật gió lớn tung hoành hoành loạn như chiều nay. Cuối cùng nghĩ là đĩa hoà tấu đàn cello của Shostakovitch và đĩa nhạc "Sly and The Family Stone" hợp với gió loạn, nên cho chạy liên tiếp hai đĩa nhạc ấy. Bên ngoài cửa sổ, đủ thứ đồ vật bay tứ tung. Tấm khăn trải giường màu trắng, trông như một tay phù thủy đang luyện nôi linh đơn dược thảo, phát phối bay từ đông sang tây. Tấm bảng quảng cáo bằng thiếc, dài, hẹp, mỏng manh, uốn cong lại như một tay chơi đồng-tính đang cong người xuống phô tấm xương sống yếu đuối. Tôi đang ngắm cảnh bên ngoài cửa sổ, vừa nghe bản hoà tấu cello của Shostakovitch như thế, thì chuông điện thoại lại reo lên. Đồng hồ bên cạnh điện thoại chỉ 3 giờ 48 phút. Tôi lo lại sắp phải nghe tiếng gió lộng như tiếng động cơ phản lực máy bay Jumbo Boeing 747. Nhưng nhắc ông nghe lên thì lần này chẳng còn nghe tiếng gió loạn nữa.

— "A-lô, a-lô". Tiếng đàn bà nói.

— "A-lô, a-lô". Tôi đáp.

— "Em định mang thức ăn đến làm món lẩu sò, được không anh?". Bạn gái của tôi nói. Nàng sắp mang đến tôi các thức để làm món lẩu sò, cùng với mặt-nạ bít mắt.

— "Được thôi. Nhưng mà ..."

— "Đằng anh có sẵn nôi đất chưa?"

— "Có đấy". Tôi nói.

— "Nhưng mà, sao đằng em không nghe tiếng gió nhỉ?"

— "Gió gì nữa. Đã lặn rồi cơ mà. Ở vùng Nagano này, gió đã lặn từ lúc 3 giờ 25 phút rồi. Đằng anh chắc cũng sắp lặn gió rồi chứ gì".

— "Có lẽ thế". Tôi cắt điện thoại, vào bếp lấy nôi đất trong bao ra rửa sạch. Gió, đúng như nàng dự báo, đã lặn ngấm lúc 3 giờ 55 phút. Tôi mở cửa sổ, ngắm phong cảnh bên ngoài. Dưới cửa sổ, một con chó lớn lông đen đang rảo bước vòng vòng, hít hà hơi đất một cách nhiệt tình. Con chó cứ hít hà không chán như thế suốt 15, 20 phút. Chẳng hiểu nó làm thế để làm gì. Nhưng ngoài chuyện ấy ra, dung nhan và cấu trúc của thế giới thì không có gì thay đổi so với trước trận cuồng phong. Cây tuyết-tùng Hy Mã Lạp Sơn và cây dẻ vẫn đứng sừng sững đầy trên miếng đất trống, như đã chẳng có chuyện gì xảy ra; áo quần phơi buông thong xuống từ dây nhựa, con quạ đậu trên đỉnh cột điện đập xành xạch đôi cánh bóng láng như tấm thẻ tín dụng. Một lúc sau, cô bạn đến và bắt đầu chuẩn bị món lẩu sò. Nàng đứng trong bếp, rửa sò, cắt cải bẹ trắng, sắp đậu hũ, và làm nước dùng. Tôi hỏi nàng có gọi điện thoại đến tôi lúc 2 giờ 36 phút không.

— "Em có gọi đấy chứ". Nàng đáp, vừa vo gạo trong rá.

— "Anh chẳng nghe được gì cả". Tôi nói.

— "Ừ nhỉ, lúc ấy gió mạnh quá đấy mà". Nàng nói, như chẳng sao cả. Tôi lấy bia trong tủ lạnh ra, ngồi uống cạnh bàn.

— "Nhưng mà, tại sao thỉnh thoảng lại thổi mạnh đến mức ấy, rồi lại im phắc đi thế nhỉ?". Tôi nêu thắc mắc với nàng.

— "Ôi, em có biết đâu". Nàng đáp, quay lưng về phía tôi, lấy móng tay lột vỏ tôm.

— "Về gió thì người ta còn vô số điều chưa hiểu được. Cũng như lịch sử thời cổ, ung thư, đái tháo đường, vũ trụ hay tính dục, người ta còn vô số điều chưa hiểu."

— "Hừm". Tôi nói. Nói như nàng thì hoàn toàn chẳng là câu trả lời cho tôi. Nhưng vấn đề này có bàn với nàng cũng không hy vọng tiến hơn được mức này, nên tôi đành ngồi ngắm quá trình hình thành của món lẩu sò.

— "Em này, anh sờ bụng em tí được không?". Tôi thử hỏi nàng.

— "Lát nữa đã". Nàng nói.

Trong khi chờ món lẩu làm xong, tôi ghi vắn tắt lại những gì đã xảy ra trong ngày hôm nay, chuẩn bị cho chuyện viết nhật ký tuần tới :

"(1) Ngày tàn của Đế Quốc La Mã

(2) Da Đỏ khởi nghĩa năm 1881

(3) Hitler xâm nhập Ba Lan "

Vắn tắt.

Ghi lại như thế thì đến tuần sau, những việc đã xảy ra hôm nay sẽ nhớ lại được rõ ràng. Chính nhờ dùng hệ thống ghi chép chu đáo như thế này mà 22 năm nay, tôi đã viết nhật ký liên tục, không sót một ngày nào. Tất cả mọi hành vi có ý nghĩa đều có hệ thống riêng biệt cả. Cho dù gió có nổi lên, hay không có gió, tôi vẫn sống có hệ thống như thế đấy.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 07-2004

Cước chú :

[1] sugi : cedar, cây tuyết-tùng. Tự điển Hán Việt Thiều Chửu ghi là "cây sam".

[2] Nữ tài tử chính trong phim "Soldier Blue" (1970) về cuộc nổi dậy của dân da đỏ Cheyenne.

Người đi vé ngày

Tôi 32 nàng 18 ... Cứ nghĩ thế là đâm ra nản.

Tôi mới 32 còn nàng đã 18 ... Ừ, thế mới được.

Chúng tôi là bạn hơi đặc biệt của nhau, chỉ có thể thôi, không hơn không kém. Tôi có vợ, còn nàng có đến sáu người bạn trai. Nàng hò hẹn với bạn trai mỗi tuần sáu ngày, còn với tôi thì chỉ một ngày Chủ nhật mỗi tháng. Những ngày

Chủ nhật còn lại, nàng ở nhà xem TV. Khi xem TV, nàng trông dễ thương như con hải-mã.

Nàng sinh năm 1963. Năm ấy, Tổng thống Kennedy bị bắn chết. Và năm ấy, tôi hò hẹn với gái lần đầu tiên. Bản nhạc thịnh hành trong năm là "Summer Holiday" của Cliff Richard, hình như thế.

Nhưng mà, sao cũng được. Cứ biết là nàng đã sinh vào một năm như thế là được rồi. Tất nhiên, khoảng ấy thì tôi đã chẳng bao giờ nghĩ là có ngày mình sẽ hẹn hò với một cô gái sinh vào năm ấy. Mà ngay cả bây giờ đây, tôi cũng thấy là lạ. Như lên tận phía lưng của mặt trăng mà hút thuốc vậy.

Đám bè bạn của tôi vẫn có ý kiến thống nhất rằng gái trẻ thì nhàm chán. Thế mà, ngay cả tụi nó cũng hò hẹn với các cô gái trẻ. Vậy thì, có phải tụi nó đã tìm đâu ra được gái trẻ mà lại không nhàm chán chẳng? Không, làm gì có chuyện đó. Kết cuộc, cái nhàm chán của các cô gái trẻ đã quuyền rũ được tụi nó. Tụi nó vừa xối nước nhàm chán ào ào lên đầu vừa cố tránh không để cho một giọt nhàm chán nào văng dính vào các cô gái trẻ, cứ thế mà tận tình vui thú ngây thơ với trò chơi rắc rối đó.

Ít nhất thì cũng khiến tôi nghĩ như thế.

Thật sự, các cô gái trẻ thì mười cô hết chín là nhàm chán thật đấy. Nhưng tất nhiên là các cô đâu có để ý đến điều ấy. Các cô trẻ, đẹp, và đầy lòng hiếu kỳ. Các cô nghĩ sự nhàm chán không dính dáng gì đến mình cả.

Chao ôi!

Không phải tôi trách cứ gì các cô gái trẻ, mà tôi cũng không ghét bỏ gì các cô. Trái lại, còn thích các cô nữa là khác. Các cô giúp tôi nhớ lại con người nhàm chán của chính mình thời còn trẻ. Điều này, nói sao nhỉ ... thật tuyệt vời!

"Này anh, có muốn trở lại thời 18 tuổi một lần nữa không?" Nàng hỏi tôi.

"Thôi." Tôi đáp. "Không muốn đâu."

Có vẻ nàng không lý giải được câu trả lời ấy.

"Không muốn trở lại thời 18 tuổi à? Thật không đấy?"

"Thật chứ."

"Tại sao?"

"Cứ như bây giờ được rồi."

Nàng chống khuỷu tay lên bàn, nâng cằm, suy nghĩ lung lăm. Vừa suy nghĩ lung lăm vừa khuấy muống lách cách trong cốc cà-phê.

"Em không tin đâu."

"Tin thì tốt hơn."

"Nhưng tuổi trẻ mới là tuyệt vời chứ!"

"Có lẽ thế."

"Vậy sao anh lại muốn như bây giờ?"

"Bởi trẻ một lần là đủ rồi."

"Em thì chưa đủ đâu."

"Chứ em vẫn còn ở tuổi 18 mà."

"Hừm."

Tôi gọi cô hầu bàn cho thêm lon bia. Ngoài trời đang mưa, qua cửa sổ nhìn thấy cảnh Yokohama.

"Này anh, hồi 18 tuổi, anh suy nghĩ chuyện gì thế?"

"Chuyện ngủ với gái."

"Ngoài chuyện ấy ra?"

"Chỉ mỗi chuyện ấy thôi."

Nàng cười khúc khích, uống một ngụm cà-phê.

"Rồi, có được không?"

"Có lúc được, có lúc không. Tất nhiên, không thì nhiều hơn."

"Thế đã ngủ được với bao nhiêu cô rồi?"

"Có đếm đâu mà biết."

"Thật không đấy?"

"Có muốn đếm đâu nào."

"Nếu em là đàn ông thì em đếm tốt. Vui lắm chứ không sao."

Thật ra có lúc tôi cũng nghĩ là trở lại được thời 18 tuổi thì cũng hay hay. Nhưng trở lại thời 18 tuổi rồi bắt đầu làm chuyện gì cho phải, thì tôi chịu, không sao nghĩ ra được. Có thể lúc ấy tôi lại được dịp hẹn hò với một người đàn bà quyến rũ 32 tuổi. Thế thì được lắm.

"Có khi nào chị nghĩ muốn trở lại thời 18 tuổi không?" Tôi hỏi nàng.

"Ừm." Nàng mỉm cười, làm bộ suy nghĩ một lúc. "Không, có lẽ không khi nào."

"Thật không?"

"Thật."

"Khó hiểu đấy. Ai cũng nói tuổi trẻ là tuyệt vời cả mà."

"Đúng đấy. Tuyệt vời lắm chứ."

"Thế tại sao lại không muốn trở lại?"

"Cậu lớn thêm rồi sẽ hiểu."

Nhưng thực tế thì tôi đã 32 tuổi, đang trong tình trạng tuần nào mà lười biếng chạy bộ thì bụng trông bự ra ngay. Không thể nào trở lại tuổi 18 được nữa. Dứt khoát như thế.

Cứ xong cỡ chạy bộ buổi sáng là uống một lon nước rau, rồi ngồi dựa ngửa lên ghế mà nghe bài "Day Tripper" của ban Beatles.

"Daaaay-ay-Tripper"

Nghe bản ấy, lại có cảm giác đang ngồi trên xe lửa. Những trụ điện, nhà ga, đường hầm, cầu sắt, những bò, ngựa, những ống khói, những đồng vật liệu phế thải, ... nối tiếp nhau chạy dạt về phía sau. Chạy đến đâu cũng chừng ấy phong

cảnh, chẳng có gì thay đổi. Giá là ngày xưa thì mình đã vui thích mà nghĩ là phong cảnh kỳ thú lắm đấy.

Chỉ thỉnh thoảng thì người ngồi ghé bên cạnh mình mới có gì khác. Có lần, bên cạnh tôi là một cô gái 18 tuổi. Tôi ngồi ghé gần cửa sổ, cô ngồi gần lối đi ở giữa xe.

"Cô có muốn đổi sang ghế này không?" Tôi hỏi.

"Cảm ơn ông." Nàng nói. "Ông tử tế quá nhỉ."

Tôi cười đau khổ. Đâu phải tử tế gì. Chỉ vì tôi đã quá quen với sự nhàm chán rồi, so với cô em.

Đến chuyện đếm xem có bao nhiêu cái trụ điện chạy qua, cũng đã nhàm chán rồi.

Người-đi-vé-ngày 32 tuổi.

Phạm Vũ Thịnh dịch.

Truyện ngắn trên đây, "Day Tripper", ra mắt người đọc trong tạp chí Torefururu - Trefle khoảng 1981 - 1983, là truyện thứ 12 trong tuyển tập Kangaruu Hiyori (Ngày Đẹp Trời để xem Kanguru)

Cô có yêu Burt Bacharach không?

Phạm Vũ Thịnh dịch .

Truyện thứ 9 trong tuyển tập Kangaruu Hiyori (Ngày Đẹp Trời Để Xem Kangaroo), được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật "Ba-To Bakaraku Ga OSuki?" trong bản bỏ túi do nhà Kôdansha tái bản lần thứ 47, tháng 3 năm 2004.

Thưa cô,

Hôm nay, hơi lạnh đã càng ngày càng dịu bớt, trong ánh dương đã cảm được chút hương mùa xuân. Xin hỏi thăm sinh hoạt thường ngày của cô hiện nay như thế nào?

Cảm ơn cô đã gửi cho bức thư mang đến nhiều niềm vui. Nhất là đoạn cô viết về quan hệ giữa món chả thịt băm và hạt nhục-đậu-khấu thật là một áng văn trác tuyệt mà lại tràn đầy cảm giác sinh động của đời sống. Những dòng văn bật lên mùi nồng ấm của bếp lửa cùng với tiếng dao thớt sống động nao nức chờ đợi một món ăn ngon.

Đọc bức thư của cô một hồi, tôi đâm ra thèm món chả thịt băm đến không chịu nổi, nên đã tức tốc tìm đến một quán ăn đêm để gọi cho kỳ được món ấy. Thực sự, quán ăn này lại có đến tám kiểu chả thịt băm khác nhau. Kiểu Texas, kiểu California, kiểu Hawaii, kiểu Nhật Bản..., tất cả tám kiểu như thế. Kiểu Texas thì thật to lớn, tuy chỉ đặc biệt về kích thước, thể thôi. Kiểu Hawaii thì có thêm nhiều miếng thơm. Kiểu California thì ... tôi quên mất là có gì đặc biệt. Kiểu Nhật Bản thì có thêm củ cải trắng nghiền nhỏ. Quán ăn kiến trúc lịch sự, các cô hầu bàn xinh đẹp, mà lại mặc váy cực ngắn.

Nhưng chẳng phải tôi đặc biệt muốn đến quán này để điều nghiên về trang trí bên trong quán, hay để ngắm quần lót của các cô hầu bàn. Mục đích của tôi chỉ là để ăn chả thịt băm, mà chỉ muốn món chả thịt băm đơn thuần thôi, chẳng phải kiểu này kiểu nọ. Nên đã bảo cô hầu bàn cho tôi món ấy. Nhưng cô hầu bàn đáp rằng: "xin ông tha lỗi, quán em chỉ có món chả thịt băm kiểu này kiểu nọ mà thôi".

Tất nhiên, chẳng thể nào trách gì cô hầu bàn được. Cô ấy đâu có quyết định thực đơn, mà có phải cô ấy thích thú gì chuyện mặc đồng phục ngắn đến nỗi mỗi lúc cô cúi xuống để đặt chén đĩa lên bàn lại cho thấy cả quần lót đâu. Thế nên, tôi đã mỉm cười hoan hỉ mà gọi tạm món chả thịt băm kiểu Hawaii vậy. Cô hầu bàn đã mách nhỏ rằng khi ăn, cứ gạt bỏ mấy miếng thơm đi là được.

Cuộc đời đúng là ly kỳ thật. Tôi thực sự chỉ muốn món chả thịt băm thông thường, ở đâu cũng có, vậy mà có lúc lại chỉ được đưa đến thứ chả thịt băm kiểu Hawaii phải tự mình gạt bỏ mấy miếng thơm đi!

À, mà món chả thịt băm cô làm hẳn là chả thịt băm thông thường, ở đâu cũng có đấy chứ nhỉ? Đọc bức thư của cô, tôi đâm ra muốn thế nào cũng mong được thưởng thức món chả thịt băm thông thường cô làm.

So với đoạn văn ấy, có vẻ đoạn cô viết về máy tự động bán vé của xe lửa quốc doanh có hơi cường điệu một tí. Tiêu điểm cô nhắm đến thì rất hay, nhưng khung cảnh chưa được lời văn truyền đến tận người đọc. Mong cô sẽ không quá cố gắng diễn tả cho thật sắc sảo. Kết cuộc, văn chương chỉ là thứ đắp đổi cho thích hợp mà thôi.

Bức thư của cô kỳ này đạt điểm tổng quát là 70 điểm. Kỹ năng văn chương của cô đang tiến bộ dần lên. Xin vững lòng cố gắng mà không nôn nóng.

Mong đợi thư sau của cô.

Mùa xuân thật sự đến thì thích quá nhỉ.

Ngày 12 tháng 3.

Tái bút:

Cảm ơn cô đã gửi cho hộp bánh quy. Ngon quá. Tuy nhiên, trên nguyên tắc của hội, nhất thiết cấm giao lưu cá nhân ngoài thư từ, do đó mong cô từ nay không phải bận tâm chuyện quà cáp thế nữa.

Dù sao, cũng xin cảm ơn cô rất nhiều.

Tái tái bút:

Thư lần trước, cô viết về "chuyện khó khăn tinh thần" với ông nhà, nếu giải quyết được êm đẹp thì tốt quá.

*

Việc làm thêm như thế, tôi đã làm suốt khoảng một năm. Lúc tôi 22 tuổi.

Tôi đã ký khế ước với một hãng nhỏ làm việc gì chẳng ai hiểu rõ ở Iidabashi có tên là "Hội Văn-Bút - Pen Society", mỗi tháng cứ viết tràn đi cho đủ số trên 30

lá thư, tương tự như lá thư trên đây; mỗi lá thư tính 2 ngàn Yen, thư nào nội dung cũng giống-giống nhau.

Khẩu hiệu quảng cáo của hãng này là "Chính bạn cũng sẽ viết được những bức thư làm cảm động lòng người". Người muốn viết thư giỏi như thế phải vào hội, đóng phí gia nhập và hội phí hàng tháng, mỗi tháng viết bốn lá thư gửi đến hội. Người làm việc cho hãng, trong đó có tôi, gọi là "Bút-sư - Pen Master", đọc, hiệu-định các lá thư này rồi viết cảm tưởng và hướng dẫn, như trong bức thư trên đây. Hội viên phái nữ thì do bút-sư phái nam đảm đương, và hội viên phái nam thì có bút-sư phái nữ. Tôi đảm đương tổng cộng 24 người, tuổi từ 14 đến 53, mà nhiều nhất là các cô từ 25 đến 35 tuổi. Nghĩa là phần lớn hội viên tôi đảm đương đều lớn tuổi hơn tôi. Vì vậy mà trong khoảng một tháng đầu, tôi bị bán loạn vô cùng, vì thấy văn chương của hội viên hay hơn mình nhiều; có vẻ họ quen viết thư hơn tôi rất nhiều. Chứ tôi trước đó, thư từ cho ra hồn thì hầu như chưa hề viết một bức nào cả. Quả thật tôi đã toát mồ hôi lạnh mà gắng gượng qua được tháng đầu tiên ấy.

Tuy nhiên, hết tháng đầu, không thấy có hội viên nào hé ra một lời bất mãn về năng lực văn chương của tôi cả. Mà ngược lại, người trong hãng còn cho biết tiếng tăm của tôi đang ở mức khá cao nữa. Và ba tháng sau, tôi còn có thể tự hào là năng lực văn chương của những hội viên do tôi hướng dẫn đã tăng tiến thấy rõ. Cứ như là một phép lạ! Có vẻ những người phụ nữ này quả thật đã tin tưởng vào "bút-sư" là tôi, từ đáy lòng của họ.

Khoảng ấy thì tôi đã không hiểu lý do tại sao, nhưng bây giờ nghĩ lại, tôi cho là vì họ buồn quá đó thôi. Chỉ vì họ muốn viết điều gì đấy để giải bày với người nào đấy. Và hẳn là họ tìm đến lòng khoan dung hỗ trợ với người đọc những điều họ viết.

Cứ thế, suốt từ mùa đông năm tôi 21 tuổi đến mùa xuân năm 23 tuổi, tôi đã sống như một con hải-cẩu què chân trong hậu-cung văn chương của nó. Hội viên đã gửi đến tôi thật đủ thứ thư từ. Thư nhảm chán cũng có, thư ngộ nghĩnh tức cười cũng có, mà thư buồn thảm cũng có. Trong khoảng thời gian một năm ấy, tôi có cảm tưởng mang máng rằng mình đã già đi luôn một lèo hai, ba năm. Lúc tôi có chút sự tình phải nghỉ việc ấy, tất cả các hội viên do tôi hướng dẫn đều nuối tiếc. Cả tôi nữa, mặc dù thật tình đã thấy chán chuyện phải viết thư ngày này qua ngày khác, ở một ý nghĩa nào đấy, cũng tiếc nuối. Bởi tôi cảm nhận được rằng có được chừng ấy người giải bày chân thành đến mức như thế với mình, có lẽ là cơ hội sẽ không còn có lại nữa.

*

Riêng về chuyện chả thịt băm thì, tôi đã có cơ hội được ăn món chả thịt băm do cô ấy (người đàn bà viết trong bức thư trên đây) làm cho.

Nàng 32 tuổi, chưa có con, chồng làm việc cho một trong năm hãng mậu dịch lớn nhất nước. Khi tôi viết trong lá thư cuối cùng rằng rất tiếc sẽ nghỉ việc vào cuối tháng ấy, nàng đã mời tôi đến ăn trưa. Nàng viết: sẽ làm món chả thịt băm thông thường, ở đâu cũng có. Mặc dù trái với quy tắc của hãng, tôi quyết tâm đến ăn trưa với nàng xem sao. Chẳng có thứ gì trên đời này có thể ngăn cản được lòng hiếu kỳ của một thanh niên 22 tuổi.

Căn chúng cư của nàng nằm ven đường tàu điện Odakyu. Căn phòng có cái vẻ trống trải của một cặp vợ chồng không có con. Bàn ghế, đèn phòng, và cả áo len của nàng không là thứ đắt tiền, nhưng trang nhã. Trong lúc tôi ngạc nhiên vì nàng trông tươi trẻ hơn tôi tưởng tượng rất nhiều, thì nàng cũng ngạc nhiên vì thấy tôi trẻ hơn nàng tưởng tượng rất nhiều. Hội Văn-Bút không bao giờ tiết lộ tuổi tác của bút-sư cả.

Tuy nhiên, mỗi bên chỉ ngạc nhiên một lần, thế thôi. Khẩn trương của buổi gặp mặt ban đầu đã nhanh chóng giải tiêu. Trong tâm tình hai hành khách lỡ trễ cùng một chuyến tàu, chúng tôi cùng ăn món chả thịt băm nàng làm, và uống cà-phê với nhau. Từ cửa sổ tầng 3 này có thể nhìn thấy tàu điện chạy qua. Hôm ấy là một ngày đẹp trời, bao lon của các căn chúng cư chung quanh phơi đầy nệm màn, chăn trải giường. Đôi lúc nghe có tiếng đập nệm phơi phành phạch. Thứ tiếng động kỳ dị không cho được cảm giác xa hay gần, như vọng lên từ một đáy giếng đã khô cạn.

Món chả thịt băm thật ngon lành. Gia vị vừa đúng độ. Bên trong lớp da nám dòn một tí, nước mật thơm tràn trên thịt băm nung núc. Nước sốt cũng đạt mức lý tưởng. Tôi khen như thế, làm nàng lộ vẻ vui sướng.

Uống cà-phê xong, chúng tôi vừa nghe đĩa nhạc Burt Bacharach vừa tâm sự. Thật ra, thân tôi thì chẳng có gì đáng gọi là tâm sự cả, nên phần lớn là nàng kể chuyện đời nàng đó thôi. Nàng kể thời đi học đã muốn trở thành nhà văn. Là người ngưỡng mộ Françoise Sagan, nàng kể về Sagan cho tôi nghe. Đặc biệt nàng thích cuốn tiểu thuyết Có Yêu Brahms Không? Tôi cũng không ghét gì Sagan. Ít nhất thì cũng không nghĩ là nhàm chán như người ta nói.

"Nhưng mà tôi thì chẳng viết lách gì được cả". Nàng nói.

"Bắt đầu viết từ bây giờ cũng chưa muộn mà". Tôi nói.

"Chứ anh là người đã cho biết là tôi chẳng viết lách gì được cả đấy thôi". Nàng cười, nói.

Tôi đỏ mặt. Thời 22 tuổi, có chút gì là tôi đỏ mặt lên ngay.

"Nhưng mà, văn chương của chị có sự chân thành lắm chứ".

Nàng không nói gì, nhưng khoe môi thoảng chút gì như là nụ cười. Một nét cười mỉm thật mơ hồ, đâu chỉ một phần nhỏ của một cen-ti-mét.

"Ít nhất thì bức thư của chị đã khiến tôi đọc đến là muốn ăn món chả thịt băm ngay thôi".

"Hắn là vì đúng vào lúc anh đói bụng đấy". Nàng dịu dàng đáp.

Ừ thì, có thể là thế không chừng.

Tàu điện chạy qua bên dưới cửa sổ, vọng lên những tiếng sầm sập khô khan.

*

Lúc đồng hồ chỉ 5 giờ chiều, tôi nói lời từ biệt.

"Đến lúc phải xin phép ra về. Có lẽ chị còn phải chuẩn bị cơm tối cho ông nhà sắp về?"

Nàng vẫn tựa tay chống cằm.

"Ông ấy về rất trễ. Trễ lắm kia. Hôm nào cũng quá nửa đêm mới về đến nhà".

"Bạn việc đến thế kia à?"

"Ừm". Nàng nói, sau một thoáng ngần ngừ. "Vả lại, trong thư cũng đã có viết là không được song suốt với nhau đấy".

Tôi thật chẳng biết nên nói sao cho phải.

"Nhưng mà, cũng chẳng sao". Nàng nói, dịu dàng. Tôi nghe mà có cảm giác có vẻ "chẳng sao" thật. "Cảm ơn anh về chuyện viết thư trong suốt thời gian vừa qua. Tôi thật là vui thích".

"Tôi cũng vui thích lắm". Tôi nói. "Và cảm ơn chị đã cho ăn món chả thịt băm ngon lành nữa".

*

Ngày nay, đã mười năm trôi qua, mỗi lần đi tàu điện Odakyu chạy ngang qua khu chúng cư của nàng, tôi lại nhớ đến món chả thịt băm nám dòn ngon lành của nàng. Không còn nhớ là khung cửa sổ nào, nhưng tôi có cảm giác là bên trong khung cửa sổ ấy, có lẽ nàng vẫn còn nghe nhạc Burt Bacharach, một mình.

Có phải đáng lẽ tôi nên ngủ với nàng tối hôm ấy?

Đây là đề tài văn chương của tôi, mà tôi vẫn không hiểu nên làm sao.

Có lớn thêm đi nữa, vẫn còn vô số điều mà mình không hiểu nên làm sao cho phải.

Cái nghèo của tôi hình miếng bánh phó-mát

Murakami Haruki - Phạm Vũ Thịnh dịch

Lời người dịch: Truyện ngắn sau đây là truyện thứ 14 trong tuyển tập Kangaroo Hiyori (Ngày Đẹp Trời Để Xem Kangaroo), được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật "Chi-zu Ke-ki NoYôNa Katachi OShita BokuNo Bimbô".

Vợ chồng tôi đặt tên cho khu đất ấy là "Vùng Tam-Giác". Không gọi thế thì tôi chẳng còn biết nên gọi là gì nữa. Bởi khu đất ấy quả thật giống như hình vẽ một tam-giác. Vợ chồng tôi đã có thời sống trên "Vùng Tam-Giác" ấy. Chuyện đầu khoảng năm 1973 hoặc 1974.

Gọi là "Vùng Tam-Giác", thế nhưng bạn tưởng tượng ra hình Delta thì khổ cho tôi. Cái Vùng Tam-Giác mà tụi tôi đã sống, nó dài mà hẹp hơn kia, giông-

giống như một cái nôm chặn cửa ấy. Nói rõ hơn một chút thì: trước hết, xin tưởng tượng ra một cái bánh phở-mát còn nguyên vẹn hình tròn. Rồi lấy dao cắt bánh ra làm mười hai phần đều nhau. Nghĩa là lần lượt xén mười hai phần như trên mặt đồng hồ ấy. Kết quả tất nhiên là mười hai miếng bánh, mỗi miếng có một mũi nhọn 30 độ. Thế rồi, chọn lấy một miếng thôi, đặt lên đĩa, vừa nhấm nháp trà Tàu hay gì đấy, mà ngắm xem. Đấy, miếng bánh phở-mát hẹp mà dài, có mũi nhọn 30 độ ấy là hình dạng chính xác của Vùng Tam-Giác mà tụi tôi đã ở ngày trước.

Có thể bạn thắc mắc tại làm sao lại thành miếng đất có hình thù kỳ dị như thế. Mà cũng có thể bạn chẳng thắc mắc gì cả. Đẳng nào cũng chả sao. Ngay chính tôi đây cũng chẳng hiểu tại sao lại ra thế. Đã thử hỏi người địa phương rồi, nhưng cũng chẳng rõ gì hơn. Miếng đất ấy từ đời xưa đời xưa đã có hình tam-giác như thế rồi, bây giờ cũng vẫn hình tam-giác như thế, mà từ đây về sau, cũng sẽ còn giữ hình tam-giác như thế dài dài. Có vẻ người địa phương không ai muốn nói đến Vùng Tam-Giác ấy, mà cũng chẳng ai muốn nghĩ gì đến nó nữa. Lý do tại sao họ lạnh nhạt với Vùng Tam-Giác ấy, cứ như là với cục u sau vành tai của họ, thì tôi chẳng rõ. Có lẽ là vì hình dạng kỳ dị của nó chẳng?

Hai bên Vùng Tam-Giác ấy có hai đường ray xe lửa. Một đường thuộc xe lửa quốc-doanh, đường kia tư-doanh. Hai đường ray này chạy song song nhau một đôi, nhưng đến đây lại cắt xéo nhau thành đỉnh nhọn 30 độ. Cứ như là xâu xé nhau mà phân cách hai miền Nam Bắc. Đứng ở đấy mà nhìn thì cũng là một quang cảnh tráng tuyệt. Từ đỉnh nhọn của Vùng Tam-Giác nhìn các chuyến xe lửa chạy lui chạy tới một hồi, lại có cảm giác đang đứng trên boong tàu của một khu-trục-hạm nhìn xuống mặt biển đang rẽ ra làm đôi trước mũi tàu.

Thế nhưng, từ quan điểm cư trú, sinh hoạt mà nhìn thì Vùng Tam-Giác này quả thật là một thứ quái vật kinh khủng. Trước hết, là ồn kinh khiếp. Mà tất nhiên là phải ồn thế rồi. Bị kẹp sát ngay giữa hai đường ray xe lửa thì làm sao mà không ồn cho được. Mở cửa trước ra là thấy xe lửa chạy ngay sát mắt mình, mở cửa sổ phía sau thì một xe lửa khác chạy ngay sát mắt mình. Nói "ngay sát mắt mình" không quá đáng tí nào đâu. Bởi xe lửa thật sự chạy gần mình đến nỗi có thể đưa mắt chào hỏi hành khách ngồi trong toa nữa kia. Bây giờ nhớ lại, tôi còn cảm thấy thán phục mình đã chịu đựng được chuyện ấy.

Có lẽ bạn sẽ bảo là: nhưng mà khi chuyến xe lửa cuối cùng trong ngày chạy qua rồi thì hết ồn chứ gì. Ừ thì suy nghĩ thông thường là như thế. Ngay cả tôi trước khi thực sự dọn vào ở đấy, cũng đã nghĩ như thế rồi. Nhưng thực tế, ở vùng ấy không có chuyến nào là chuyến xe lửa cuối cả! Các chuyến chở hành khách vừa dứt khoảng trước 1 giờ đêm một tí, thì các chuyến xe lửa chở hàng hoá tiếp nối sau đấy ngay. Các chuyến xe lửa chở hàng chạy suốt đêm đến khoảng trời sáng thì các chuyến chở hành khách của ngày hôm sau lại bắt đầu. Cứ như thế

mà chuyến này tiếp nối chuyến kia, ngày này qua ngày khác, liên miên không dứt.

Chao ôi!

Tụi tôi mà "đặc biệt" chọn chỗ như thế để ở, nói gì đi nữa, cũng là vì giá thuê nhà quá rẻ. Nhà một căn riêng biệt, ba phòng, có phòng tắm, có cả khoảnh vườn nhỏ, mà tiền thuê chỉ bằng khoảng một phòng cho thuê thông thường cỡ 6 chiếu. [1] Mà là một căn riêng biệt nên có nuôi mèo trong nhà như vợ chồng tôi cũng chẳng sao. Cứ như là căn nhà xây "đặc biệt" cho vợ chồng tôi thuê vậy. Vừa mới kết hôn, chẳng phải tự hào gì, chứ có được kể trong cuốn Kỷ lục Guinness là gia đình nghèo nhất thế giới, cũng không có gì lạ. Tụi tôi đọc thấy căn nhà cho thuê ấy trên tờ quảng cáo dán trên cửa kính tiệm nhà-đất trước ga. Chỉ xét điều kiện thuê nhà, giá thuê và thành phần phòng-ốc mà thôi, thì quả là một món hời đến kinh dị!

"Rẻ thì rẻ thật đấy". Ông nhà-đất đầu hói ấy bảo. "Ừm, có ồn lắm thật, nhưng nếu chịu được thì cũng có thể gọi là một món hời lắm".

"Dù sao đi nữa, có thể đến xem được không?"

"Được chứ. Nhưng cô cậu tự mình đi xem hộ tôi nhé. Tôi cứ đến đấy là phát nhưc đầu".

Ông ta trao chìa khoá, và vẽ bản đồ đến nhà ấy cho tụi tôi. Một tay nhà-đất thật dễ tính!

Từ ga mà nhìn thì Vùng Tam-Giác ấy trông gần xịn. Thế nhưng thực tế, đi bộ mà tìm đến nơi, mới thấy đến được chỗ ấy cũng tốn thì giờ kinh khủng! Phải đi vòng theo đường ray xe lửa, leo qua cầu bắc ngang đường ray, rồi đi lên đi xuống một thôi đường dốc bần thiu, mới vòng ra được phía sau của Vùng Tam-Giác ấy. Chung quanh chẳng có hàng quán gì cả. Đúng là một vùng đất heo-hút.

Vợ chồng tôi vào trong căn nhà dựng lè loi ở đỉnh nhọn của Vùng Tam-Giác, ló quó trong ấy khoảng một tiếng đồng hồ. Trong thời gian ấy, đủ thứ xe lửa chạy qua. Những chuyến tốc hành chạy qua, kính cửa sổ va vào nhau thành tiếng lục cục. Khi xe lửa chạy qua thì không thể nghe nhau nói được. Đang nói gì với nhau mà xe lửa chạy qua thì tụi tôi lại ngậm miệng chờ cho xe lửa chạy xa đi. Vừa bớt ồn để bắt đầu nói tiếp, thì chuyến xe sau lại chạy đến. Tình cảnh ấy hẳn đáng gọi là "truyền thông gián đoạn", hay "truyền thông phát tán" gì gì đấy, rất có vẻ Jean-Luc Godard.[2]

Tuy vậy, ngoài chuyện ồn ra, cảnh nhà thì trông được lắm. Lối xây cất quả có hơi cũ và toàn thể có vẻ hư hại, thế nhưng có đầy đủ gian chính-đường, hiên nhà trông ra vườn,... tạo cảm giác thoải mái. Ánh nắng mùa xuân chiếu qua cửa sổ, rọi thành khung nắng vuông nhỏ ấm áp trên sàn chiếu. Giống như căn nhà tôi đã sống ngày còn bé tí.

"Thuê nhà này đi em". Tôi nói. "Đúng là ồn thật đấy, nhưng rồi cũng quen đi ấy mà".

"Anh đã nói thế thì em cũng nghe theo thôi". Nàng đáp.

"Ở đây, ngồi yên như thế này, lại có cảm giác cứ như là mình đã kết hôn và có gia đình riêng của mình ấy".

"Chứ mình đã kết hôn rồi kia mà!"

"Ồ thì đã đành là thế". Tôi nói.

*

Tụi tôi trở lại tiệm nhà-đất, tỏ ý muốn thuê nhà ấy.

"Không ồn à?". Ông nhà-đất hỏi đầu ấy hỏi.

"Ồn thì có ồn chứ, nhưng thế nào rồi cũng quen đi ấy mà". Tôi nói.

Ông nhà-đất gỡ mắt kính ra, lấy vải-lưới lau, rồi nhấp một ngụm trà trong cốc, xong đeo mắt kính lại, nhượng mắt nhìn mặt tôi.

"Ồ, còn trẻ mà". Ông nói.

"Vâng". Tôi nói.

Thế rồi, tụi tôi làm giấy tờ thuê căn nhà ấy.

*

Dọn nhà đến chỉ cần một chiếc xe tải nhỏ của bạn tôi là đủ. Chăn nệm, áo quần, soong chảo, đèn bàn, vài cuốn sách, một con mèo, toàn bộ tài sản của vợ chồng tôi chỉ có thế. Máy nghe đài đã không có mà TV cũng không. Máy giặt, tủ lạnh, bàn ăn, lò sưởi, điện thoại, máy nước nóng, máy hút bụi, máy nướng bánh mì,... đều chẳng có. Vợ chồng tôi nghèo đến mức như thế đấy. Nên gọi là dọn nhà, chứ chỉ cần không tới 30 phút là xong. Không có tiền thì đời sống đơn giản vô cùng.

Người bạn giúp dọn nhà có vẻ kinh ngạc lắm khi nhìn thấy nhà trọ mới của vợ chồng tôi bị kẹp sát giữa hai đường ray xe lửa. Xong xuôi chuyện dọn nhà,

anh ấy nhìn tôi chắc định nói gì đấy, đúng lúc xe lửa tốc hành chạy qua, nên tôi chẳng nghe được gì cả.

"Cậu vừa nói gì thế?"

"Chỗ thế này mà người ta cũng ở được nhỉ!". Anh ấy cảm-thán.

*

Kết cuộc, vợ chồng tôi đã ở đây hai năm trời.

Có lẽ xây cất không kỹ, nên gió lòn vào khắp nơi trong nhà. Vì vậy, mùa hè thì mát mẻ, bù vào đấy, mùa đông thì đúng là địa ngục trần gian. Không có tiền mua lò sưởi, nên hễ tắt nắng là tôi và nàng cùng con mèo chui ngay vào chăn, ôm nhau mà ngủ. Sáng thức dậy thấy bồn rửa chén đóng băng, là chuyện rất thường xảy ra.

Đông qua, xuân đến. Mùa xuân là mùa tuyệt vời nhất. Xuân đến, cả tôi lẫn nàng và con mèo đều thở hơi nhẹ nhõm. Trong tháng Tư, đã có vài ngày xe lửa đình công. Những ngày xe lửa đình công thì tụi tôi thật là hạnh phúc. Suốt cả ngày không có một chuyến xe lửa nào chạy qua trên cả hai đường ray ấy. Tôi và nàng ôm con mèo bước xuống đường ray, tắm nắng. Chung quanh im vắng cứ như là đang ngồi dưới đáy hồ nước. Vợ chồng tôi lúc ấy còn trẻ, vừa mới kết hôn, ánh nắng mặt trời lại miễn phí nữa.

*

Ngày nay, mỗi lần nghe ai nói chữ "nghèo", tôi lại nhớ đến khu đất hình tam giác dài mà hẹp ấy. Bây giờ, không biết có ai ở trong căn nhà ấy không nhỉ?

Phạm Vũ Thịnh dịch
Sydney, 10-2004

Cước chú:

[1]Chiều: tấm cói dày lót sàn phòng, cũng là đơn vị diện tích phòng và nhà ở, khoảng 180 cm x 90 cm.

[2]Jean-Luc Godard (1930-): nhà đạo diễn Pháp nổi tiếng, là ngọn cờ đầu của phim ảnh Đợt Sóng Mới - Nouvelle Vague, với những tác phẩm phê phán thời đại. Xin xem thêm:

<http://www.sensesofcinema.com/contents/directors/03/godard.html>

Tái-tập-kịch tiệt bánh mì

Murakami Haruki

Phạm Vũ Thịnh dịch

Lời người dịch:

Truyện ngắn sau đây, đăng trên tạp chí Marie Claire tháng 8 năm 1985, đã được đưa vào giáo trình của khoa Ngôn ngữ và Văn học Đông Á ở Đại học

Oregon, Hoa Kỳ (University of Oregon, Department of East Asian Languages and Literatures), là truyện thứ nhất trong tuyển tập cùng tên, Panya Saishugeki ('Tái-tập-kích tiệm bánh mì').

.....
Cho đến bây giờ, tôi vẫn không thể tin chắc được rằng đem chuyện tập-kích tiệm bánh mì kể lại cho vợ tôi nghe là một lựa chọn đúng hay không. Có lẽ đó là một vấn đề không thể nào phán định được trên cơ chuẩn đúng sai. Bởi lẽ trên đời này có những lựa chọn sai mang đến kết quả đúng, mà cũng có những lựa chọn đúng mang đến kết quả sai. Để tránh tính cách bất-hợp-lý (tôi nghĩ dùng từ này cũng không sai lắm) ấy, thiết yếu phải giữ lập trường "thực tế, chúng ta chẳng lựa chọn gì ráo cả"; và đại khái thì tôi vẫn sống như thế. Việc gì đã xảy ra thì đã xảy ra rồi, còn việc gì chưa xảy ra thì chưa xảy ra, thế thôi. Từ lập trường ấy mà suy xét sự đời, thì rõ ràng là dù gì đi nữa, tôi cũng đã đem chuyện tập-kích tiệm bánh mì mà kể lại cho vợ tôi nghe mất rồi. Chuyện kể lại thì đã kể lại rồi, mà sự kiện gì xảy ra sau đó thì cũng đã xảy ra mất rồi. Và sự kiện ấy, nếu có bị nhìn là kỳ quái trong mắt người ta, thì tôi nghĩ cần phải truy cập một cách thích đáng về nguyên nhân của nó trong toàn bộ trạng huống phát sinh bao quát của sự kiện. Nhưng mà cho dù tôi có suy nghĩ cách nào đi nữa, cũng chẳng thay đổi được gì. Chỉ thuần là một lối suy nghĩ thế thôi, không hơn không kém.

Tôi đã đem chuyện tập-kích tiệm bánh mì kể lại cho vợ tôi nghe, chỉ từ một sự tình cờ không đáng gì. Chẳng phải tôi rắp tâm từ trước sẽ kể chuyện ấy, hay lúc bấy giờ chợt nhớ ra mà bắt đầu kể lên: "À, có chuyện này" Ngay chính tôi, cho đến khi vọt miệng ra mấy chữ "tập-kích tiệm bánh mì" trước mặt vợ tôi, tôi cũng đã hoàn toàn quên khuấy đi mất rằng ngày trước, mình đã có lần tập-kích tiệm bánh mì.

Lúc ấy, nguyên do làm tôi nhớ lại chuyện tập-kích tiệm bánh mì là cảm giác đói bụng đến mức không thể nào chịu nổi. Đúng vào thời điểm 10 giờ đêm. Tôi và vợ tôi đã ăn bữa tối nhẹ lúc 6 giờ chiều, đến 9 giờ 30 là chui vào chăn, nhắm mắt ngủ. Thế mà chẳng hiểu sao đến giờ ấy, cả hai lại cùng thức giấc. Mở mắt dậy một lúc xong là cảm thấy một cơn đói mãnh liệt ào đến như luồng bão lốc trong phim "Phù Thủy Xứ Oz". [1] Cơn đói tàn bạo khốc liệt đến phi lý.

Khổ nỗi, trong tủ lạnh lại chẳng còn một thứ gì có thể gọi là thức ăn. Chỉ có một chai dầu trộn xà-lách, sáu lon bia, hai củ hành tây đã khô cần, miếng bơ và bao-hút-mùi. Mới kết hôn đầu được hai tuần, tụi tôi chưa thiết lập rõ ràng nhận thức chung về chuyện ăn uống, bởi khoảng ấy, cả hai có hàng trăm thứ cần phải xác-lập trong đời sống chung.

Đạo ấy, tôi làm việc trong một văn phòng luật sư, còn vợ tôi làm thư ký ở một trường dạy tạo mẫu thời trang. Tôi khoảng 28, 29 gì đấy (lạ thật, không hiểu sao tôi không thể nào nhớ chính xác được năm mình đã kết hôn), vợ tôi kém tôi 2

năm 8 tháng. Sinh hoạt của cả hai đều vô cùng bận rộn, lẫn lộn chồng chất cứ như là mê cung hang động lập thể, nên không còn tâm trí đâu mà để ý đến việc chuẩn bị thức ăn thức uống.

Hai vợ chồng rời giường vào phòng ăn, chẳng làm gì cả mà cũng ngồi vào bàn ăn, đối mặt nhau. Bụng đói quá không sao ngủ lại được, ngay cả khi vừa ngã người nằm xuống đã xót bụng lắm rồi, mà có tỉnh táo khi bụng đói quá thế này thì cũng chẳng làm gì được. Con đói khóc liệt đến mức chẳng hiểu tại sao, hay từ đâu đến.

Với niềm hy vọng tìm cọng rom bám vào cho khỏi chìm, hai đứa thay phiên nhau vài lần mở tủ lạnh lục tìm, nhưng những thứ bên trong vẫn chỉ có thế. Vẫn chỉ là bia, củ hành, bơ, dầu trộn xà-lách, bao-hút-mùi. Cũng đã nghĩ đến trò củ hành chiên bơ đấy, nhưng chỉ hai củ khô cần ấy thì chẳng làm sao đánh lừa được hai cái dạ dày trống rỗng này. Hành tây là thứ dùng để xào nấu kèm theo với thức gì đấy, chứ tự nó đâu phải là thức ăn cho no bụng được.

"Bao-hút-mùi chiên với dầu trộn xà-lách thì sao nhỉ?" Đề nghị đùa của tôi quả nhiên rơi vào khoảng không im lìm.

"Hay là mình lấy xe đi tìm quán ăn mở suốt đêm xem sao." Tôi nói. "Ra quốc lộ thế nào cũng có vài quán ấy."

Nhưng vợ tôi phủ quyết ngay, bảo là không thích đi ăn ngoài vào giờ ấy.

"Quá nửa đêm rồi mà còn đi ăn ngoài thì không ổn tí nào." Nàng bảo. Về mặt ấy thì nàng rất là nệ cổ.

"Ừm, có lẽ thế thật." Tôi nói, sau một nhịp thở.

Có lẽ lắm cặp tân hôn khác cũng thế, ý kiến (hay chủ thuyết) như thế của vợ tôi nghe như là lời khải-thị trong tai tôi. Nghe vợ tôi phán như thế xong, tôi cảm thấy con đói đang làm khổ mình ấy là một thứ bệnh đói đặc thù không được chữa trị một cách tùy tiện bằng các quán ăn mở suốt đêm dọc theo quốc lộ.

Bệnh đói đặc thù ấy là thứ gì? Tôi có thể trình bày nó bằng hình ảnh như thế này: 1. tôi đang ở trong một chiếc thuyền trôi nổi trên mặt biển yên tĩnh, 2. nhìn xuống nước thì thấy có đỉnh nhọn của ngọn núi lửa ở đáy biển, 3. mặt nước có vẻ không xa đỉnh núi lửa bao nhiêu, tuy cự ly chính xác thì không rõ, 4. bởi lẽ nước biển trong suốt thái quá đến độ không thể có cảm giác khoảng cách chính xác được.

Đại khái là hình ảnh như thế đã hiện lên trong trí tôi trong khoảng hai hay ba giây từ lúc nghe vợ tôi nói không muốn đi thứ quán ăn mở suốt đêm, cho đến khi tôi trả lời: Ừm, có lẽ thế thật. Dĩ nhiên không phải là Sigmund Freud nên tôi không thể phân tích đích xác được hình ảnh ấy có ý nghĩa gì, chỉ lý giải được rằng đấy là loại hình ảnh có tính cách khải-thị. Chính vì lý giải được như thế mà, cho dù con đói đang hoành hành mãnh liệt đến kỳ dị thế nữa, tôi cũng đã đồng ý

gần như tự động cái chủ thuyết (hay tuyên ngôn) của nàng rằng: vì đói mà đi ăn ngoài vào lúc nửa đêm là không ổn.

Chẳng làm sao hơn, hai đứa đành mở bia ra uống vậy. Bởi vì lúc ấy, uống bia còn hơn là ăn hành rất nhiều. Nàng không thích bia mấy nên uống hai lon, còn tôi uống cả bốn lon còn lại. Trong lúc tôi uống bia, nàng như con sóc thág Mười Một, tần mẩn bươi móc cùng khắp các ngăn tủ bếp, cuối cùng lôi ra được đầu bốn miếng bánh bơ khô còn sót lại trong một đáy bao. Mấy miếng bánh này còn thừa sau khi được dùng để làm bánh ngọt đông lạnh, nay đã mềm xèo vì ẩm, thế mà cũng được chia hai, nhấm nháp một cách trân trọng.

Nhưng đáng tiếc, trong hai cái bụng đang trống rỗng như bán đảo Sinai hoang liêu nhìn từ trên không xuống, cả bia lẫn bánh khô chẳng ghi lại được dấu vết gì, mà đã nhập chung vào cảnh hoang tàn ấy, thoáng qua rồi biến mất bên ngoài cửa sổ.

Chẳng có gì để làm hơn là đọc những hàng chữ in ngoài mấy lon bia, thỉnh thoảng nhìn lên đồng hồ, nhìn cánh cửa tủ lạnh, đọc lướt qua mấy trang báo chiều hôm qua, hay tần mẩn lấy tấm burlap ảnh dòn những vụn bánh rơi rớt trên mặt bàn ăn. Thời gian nặng nề tằm tối như cục chì bị mắc nghẹn trong bụng cá.

"Em bị đói đến mức như thế này là lần đầu." Nàng nói. "Không biết có liên quan gì đến chuyện mình mới lấy nhau không nhỉ?"

Tôi nói chẳng biết nữa. Có thể có liên quan mà cũng có thể không.

Trong lúc vợ lục đục mò mẫm khắp trong bếp, cố tìm thêm chút gì ăn được, tôi lại nhòai người ra ngoài mạn thuyền, nhìn xuống đỉnh núi lửa dưới đáy biển. Màu nước biển trong suốt bao quanh thuyền làm tôi cảm thấy vô cùng bất an. Đáy dạ dày tôi như đã mở bung ra một khoảng trống toang hoác, một khoảng trống rỗng, không có đầu vào mà cũng chẳng có đầu ra. Cảm giác kỳ dị trống không trong cơ thể, cảm giác tồn tại của hư không ấy có phần nào tương tự như cảm giác tê liệt vì hoảng sợ khi đang đứng cheo leo trên đỉnh một ngọn tháp cao tít. Tôi phát hiện ra rằng cơn đói có điểm giống với chứng sợ nơi cao.

Đúng vào lúc ấy, tôi chợt nghĩ rằng ngày xưa mình đã có thể-nghiệm tương tự như lần này. Lần ấy, tôi cũng đã cảm thấy đói bụng kinh hồn như bây giờ.

"Đấy là lần tập-kích tiệm bánh mì chứ đâu!" Tôi đột ngột vọt miệng ra như thế.

"Tập-kích tiệm bánh mì là chuyện gì thế?" Nàng hỏi ngay lập tức. Và chuyện kể lại lần tập-kích tiệm bánh mì đã bắt đầu như thế.

"Thật lâu trước đây, anh đã có lần tập-kích tiệm bánh mì đấy." Tôi giải thích. "Tiệm bánh mì không lớn gì mấy, mà cũng không nổi tiếng. Chẳng ngon gì lắm, cũng chẳng dở gì lắm. Một tiệm bánh mì bình thường, ở đâu cũng có. Ở ngay giữa một phố buôn bán, ông chủ tiệm một mình nướng và bán bánh. Tiệm nhỏ, hễ bán xong chỗ bánh đã nướng ban sáng là đóng cửa."

"Vì sao lại chọn tiệm bánh mì tầm thường thế?" Nàng hỏi.

"Bởi không cần phải tập-kích tiệm bánh mì lớn làm gì. Bọn anh chỉ cần một lượng bánh mì vừa đủ để qua cơn đói, chứ có phải muốn cướp tiền bạc gì đâu. Bọn anh là dân tập-kích, chứ đâu phải là kẻ cướp."

"Bọn anh à?" Nàng hỏi. "Bọn anh là những ai?"

"Thời ấy, anh có đồng bạn." Tôi giải thích. "Mà đã mười năm trước rồi đây nhé. Cả hai đứa đều nghèo xơ xác, đến bột-chà-răng cũng không có tiền mua. Tất nhiên, thức ăn thì luôn luôn thiếu hụt. Cho nên thời ấy, để có được thực phẩm, bọn anh đã phải làm đủ thứ chuyện ghê gớm. Tập-kích tiệm bánh mì là một ..."

"Khó hiểu thật." Vợ tôi nói, nhìn tôi đăm đăm, mắt nàng như đang truy cầu một ánh sao phai nhạt trong bầu trời đêm. "Tại sao phải làm thế? Sao các anh không chịu làm việc gì đấy đi? Bánh mì thì chỉ cần làm việc một tí là mua được chứ gì. Nghĩ sao đi nữa thì làm thế chẳng đơn giản hơn à? Đâu đến nỗi phải tập-kích tiệm bánh mì?"

"Thì bởi có muốn làm việc đâu." Tôi đáp. "Gì chứ điều đó thì rõ ràng lắm."

"Vậy chứ, bây giờ làm việc đang hoàng thế này kia mà." Vợ tôi nói.

Tôi gật đầu, hớp một ngụm bia, rồi đưa cườm tay lên dụi mắt. Mấy lon bia đã làm tôi hơi buồn ngủ. Như nước bùn nhờ-nhờ đục len lõi vào trong ý thức, tranh giành với cơn đói.

"Thời đại thay đổi thì không khí thay đổi, mà suy nghĩ của con người cũng thay đổi." Tôi nói. "Mà thôi, mình đi ngủ đi em. Ngày mai lại phải dậy sớm."

"Em chẳng buồn ngủ. Mà muốn nghe chuyện tập-kích tiệm bánh mì kia."

"Chuyện chẳng hay ho gì đâu. Ít nhất thì cũng chẳng hay ho đến như em nghĩ. Mà cũng chẳng có đám đá xôm trò gì cả đâu."

"Thế rồi tập-kích tiệm bánh mì có thành công không chứ?" Nàng hỏi.

Tôi đành chịu thua, lại mở một lon bia mới. Tính nàng hễ bắt đầu nghe chuyện gì là phải nghe đến kỳ hết mới thôi.

"Nói là thành công cũng đúng, mà nói là không thành công cũng không sai." Tôi đáp. "Kết cuộc, bọn anh đã có được bánh mì như ý muốn, nhưng tập-kích thì thất bại. Bởi vì, bọn anh chưa kịp tập-kích thì ông chủ tiệm đã cho bọn anh rồi."

"Cho không hả anh?"

"Cũng không phải là cho không. Chỗ ấy có hơi phức tạp đấy." Tôi lắc đầu, nói. "Ông chủ tiệm ấy là người mê nhạc cổ điển, đúng lúc ấy trong tiệm đang chơi đĩa khai tấu khúc[2] của Wagner. Ông ấy bảo bọn anh là nếu chịu ngồi yên mà nghe từ đầu đến cuối đĩa nhạc ấy xong thì bánh mì trong tiệm, muốn lấy đi bao nhiêu cũng được. Bọn anh bàn bạc với nhau rồi đi đến kết luận là: gì chứ âm nhạc thì ngồi nghe cũng chả sao. Nghĩ cho cùng thì cũng không phải làm việc gì, mà cũng chẳng phải gây thương tích gì cho ai. Thế là bọn anh nhét dao phay, dao nhỏ vào lại trong bao-hàng-hải, rồi ngồi lên ghế mà cùng với ông chủ tiệm nghe

các khai tấu khúc của những nhạc kịch Tannhauser [3] và The Flying Dutchman. [4]"

"Rồi các anh lấy được bánh chứ?"

"Ừ, bọn anh lấy gần hết bánh mì trong tiệm, tống vào bao mang đi, bốn năm ngày sau mới ăn hết chỗ bánh ấy." Tôi nói, hớp một ngụm bia.

Cơn buồn ngủ, như những đợt sóng thăm-lặng phát sinh từ cơn động đất dưới đáy biển, lay nhẹ khoang thuyền của tôi.

"Tất nhiên là đã đạt được mục đích định trước. Nhưng nghĩ thế nào đi nữa thì cũng không thể gọi là một thứ tội-phạm được. Đây chỉ là một sự trao đổi: bọn anh chịu nghe Wagner, và đổi lại, đã nhận được bánh mì. Trên mặt luật pháp thì chỉ là một cuộc trao đổi hàng hoá dịch vụ thôi."

"Nhưng mà, nghe Wagner có phải là làm việc đâu?" Vợ tôi nói.

"Đúng đấy. Nếu lúc ấy, ông chủ tiệm bánh mì đòi bọn anh phải rửa bát hay lau cửa kính, hẳn là bọn anh đã nhất quyết cự tuyệt và cưỡng đoạt bánh mì rồi. Bởi thế bọn anh rất là bối rối. Chuyện nghe nhạc Wagner ấy tất nhiên là có đũa nào dự tưởng được đâu. Vì thế mà chuyện tập-kích tiệm bánh mì không hiểu là thành công hay thất bại này vẫn còn ám ảnh bọn anh như một lời nguyện. Bây giờ nghĩ lại, đáng lẽ bọn anh phải từ chối đề nghị của ông ấy, cứ chiếm đoạt lấy bánh mì cho rồi. Làm được thế thì khỏi có vấn đề gì sau này."

"Vấn đề gì thế anh?"

Tôi lại lấy cườm tay dụi mắt, rồi nói:

"À, nó không phải là vấn đề gì cụ thể mà mắt mình thấy rõ ràng được. Chỉ là từ ngày có sự kiện ấy thì nhiều chuyện đã từ từ thay đổi khác đi. Kết cuộc, anh đã trở lại đại học, vô sự mà tốt nghiệp, rồi vừa làm việc ở văn phòng luật, vừa học thi bằng hành nghề luật sư. Rồi quen em và kết hôn. Không còn tập-kích tiệm bánh mì một lần nào nữa."

"Đến đây là hết à?"

"Ừ, chuyện chỉ có thế thôi." Tôi nói, uống tiếp lon bia đến lúc chỉ còn sáu lon-không. Trong đĩa gạt-tàn-thuốc, sáu khoen nhôm mở từ mấy lon bia trông như những vảy cá rơi rụng từ người-cá.

Dĩ nhiên, thật sự không phải là không có chuyện gì xảy ra sau đó. Cả vài chuyện cụ thể, mắt thấy được cũng đã xảy ra. Nhưng tôi không muốn nàng bận tâm.

"Thế, người bạn của anh bây giờ ra sao rồi?" Nàng hỏi.

"Anh cũng chẳng biết. Sau lần ấy, có chút chuyện làm hai đũa chia tay. Từ đây không gặp lại lần nào, mà bây giờ làm gì cũng chẳng rõ."

Vợ tôi im lặng một lúc. Có lẽ nàng cảm nhận chút gì không được thông suốt trong giọng điệu của tôi, nhưng không muốn nói ra.

"Nhưng mà, bánh của anh đã giải tán vì nguyên nhân trực tiếp là chuyện tập-kích tiệm bánh mì ấy chứ gì?" Nàng hỏi.

"Có lẽ thế. Anh nghĩ là bạn anh bị sốc vì sự kiện ấy nặng hơn là bề ngoài cho thấy. Mấy ngày sau, bọn anh đã bàn nhau về quan hệ hỗ tương giữa bánh mì và Wagner, có phải lựa chọn của mình lúc ấy như thế là đúng hay không. Nhưng chẳng ra được kết luận nào. Nghiêm túc mà nghĩ thì lựa chọn như thế là đúng lắm rồi. Không một ai bị thương tích gì, mỗi bên đều tạm thoả mãn ý nguyện của mình. Phía ông chủ tiệm thì, mặc dù đến bây giờ anh cũng không hiểu sao ông ấy lại làm thế, cũng đã quảng cáo được cho Wagner. Phía bọn anh cũng đã được ăn bánh mì no nê. Vậy mà bọn anh vẫn cảm thấy có sai lầm trọng đại gì đấy. Sai lầm không lý giải được ấy đã ném bóng tối xuống sinh hoạt của bọn anh. Lúc này anh nói đến lời nguyện, là vì thế. Đúng là một lời nguyện, không nghi ngờ gì nữa."

"Vậy bây giờ thì lời nguyện đã tiêu đi mất rồi chứ? Cho cả anh lẫn người bạn của anh?"

Tôi nhặt sáu khoen nhôm trong đĩa gạt-tàn-thuốc, sắp lại thành một vòng tròn cỡ một vòng đeo tay.

"Cái đó thì anh cũng không hiểu. Bởi trên đời này đầy rẫy vô số những lời nguyện như thế, có chuyện rủi ro nào xảy ra thì cũng chẳng phán đoán được là do lời nguyện nào."

"Không, nói thế không đúng đâu." Nàng nhìn chăm bẵm, sâu vào mắt tôi mà nói. "Nghĩ kỹ thì hiểu được chứ. Và chắc chắn là nếu anh không tự tay mà giải trừ lời nguyện ấy đi thì nó sẽ như sâu răng, tiếp tục làm khổ anh cho đến chết. Mà không chỉ một mình anh khổ, mà sẽ khổ cả em nữa."

"Khổ cả em nữa à?"

"Chứ sao. Bởi bây giờ em là đồng bọn của anh đây mà. Chẳng hạn, ngay bây giờ, chuyện cả anh lẫn em đều đang đối cũng thế. Cho đến khi lấy anh, có bao giờ em bị đối đến kinh khủng như thế này đâu. Đối đến mức này, anh không cho là dị thường sao? Chắc chắn là lời nguyện trên anh đã lôi cả em vào đấy rồi."

Tôi gạt đầu, xoa vòng đeo tay bằng mảnh nhôm, cho chúng vào lại trong đĩa gạt-tàn-thuốc. Chẳng hiểu điều vợ tôi nói có phải là sự thật không, chỉ cảm thấy có lẽ là như thế thật.

Cơn đối tạm thời phiêu du khỏi ý thức một lúc, nay đã trở lại, còn mãnh liệt hơn nữa, đến nỗi ngay giữa bộ não nghe đau kinh khủng. Những quận thắt ở dạ dày truyền theo dây truyền-động lên đến trung tâm não bộ, ảnh hưởng đến toàn thể thân mình.

Tôi lại nhìn xuống ngọn núi lửa ở đáy biển. Nước biển trông lại càng trong suốt hơn trước bội phần, đến nếu không chú ý nhìn thật kỹ thì tưởng như không có nước biển ở đấy. Cảm thấy như chiếc thuyền treo lơ lửng trong khoảng không,

chẳng có gì nâng đỡ lên cả. Từng viên sỏi dưới đáy biển trông rõ mồn một như đang cầm trên tay mình.

"Mới nửa tháng sống chung với anh, mà quả thật em đã cảm nhận được có lời nguyện gì đấy lớn vồn bên mình." Nàng nói, mắt vẫn nhìn tôi đăm đăm, hai bàn tay đan ngón nhau trên mặt bàn. "Tất nhiên là cho đến khi anh nói là lời nguyện, em đã không rõ lắm, nhưng bây giờ thì hiểu rõ ràng, anh đang bị ám ảnh bởi lời nguyện ấy đấy."

"Em cảm thấy lời nguyện ấy như thế nào?" Tôi hỏi.

"Cứ như là tấm màn cửa sổ lâu năm không giặt, bụi bặm bám đầy, treo lòng thòng từ trần nhà xuống đất ấy."

"Thế thì không phải là lời nguyện, mà có vẻ là chính anh đấy." Tôi cười, nói đùa.

Nhưng nàng chẳng cười tí nào.

"Không phải đâu. Em hiểu rõ ràng như thế."

"Cứ giả thử rằng đấy là lời nguyện đúng như em nói, vậy thì anh phải làm gì nào?"

"Phải tập-kích tiệm bánh mì một lần nữa chứ gì. Và ngay bây giờ đây này." Nàng quả quyết. "Ngoài cách ấy ra, không còn phương pháp nào để giải trừ lời nguyện này cả đâu."

"Ngay bây giờ kia à?" Tôi hỏi lại.

"Vâng, ngay bây giờ. Trong lúc đang còn đói như thế này. Chuyện lần trước không làm được ấy, bây giờ phải làm cho xong đi."

"Nhưng mà, khuya khoắt thế này liệu có tiệm bánh mì nào còn mở cửa không?"

"Thì phải đi tìm chứ." Nàng nói. "Tokyo là thành phố rộng lớn, thế nào cũng phải có vài tiệm bánh mì mở cửa suốt đêm chứ."

*

Tôi và vợ tôi lên chiếc Toyota Corolla cũ, chạy lang thang trên các phố xá Tokyo lúc 2 giờ rưỡi khuya, đi tìm bóng dáng tiệm bánh mì nào còn mở cửa. Tôi cầm lái, vợ tôi ngồi bên cạnh, đôi mắt sắc bén của loài chim ăn thịt sống quét dọc hai bên đường. Trên băng ghế sau, một thanh Remington, súng săn tự động nằm ngang như con cá khô, ốm dài và cứng đờ. Trong túi áo khoác ngực hàn của nàng, những viên đạn súng săn dự-bị cọ xát vào nhau, vang lên tiếng sột soạt khô khan. Trong ngăn đựng bao tay là hai mặt nạ trượt tuyết màu đen. Lý do nào vợ tôi lại có súng săn thì tôi cũng chẳng biết. Mà cả mặt nạ trượt tuyết cũng thế. Tôi và nàng chưa hề trượt tuyết lần nào cả. Những chuyện như thế, nàng không giải thích chi li, mà tôi cũng không hỏi đến. Chỉ cảm thấy mơ hồ rằng đời sống vợ chồng cũng có chút gì không quen.

Tuy nhiên, dù đã trang bị đèn mức có thể nói là toàn bích như thế, chúng tôi vẫn không tìm ra một tiệm bánh mì nào mở cửa suốt đêm cả. Tôi đã cho xe chạy khắp các đường đêm vắng vẻ, từ Yoyogi đến Shinjuku, rồi Yotsuya, Akasaka, Aoyama, Hiroo, Roppongi, Daikanyama, đến tận Shibuya. Khuya Tokyo thấy có đủ loại người và tiệm buôn, nhưng tiệm bánh mì thì không thấy. Người ta không nướng bánh mì lúc đêm khuya.

Đọc đường đã hai lần gặp xe cảnh sát đi tuần. Một chiếc thu mình lặng im bên lề đường, chiếc kia thì tốc độ tương đối chậm rãi, từ phía sau vượt lên khỏi xe tôi. Hai lần ấy, tôi toát mồ hôi rịn ra nơi nách áo, nhưng vợ tôi thì chẳng buồn để ý gì, chỉ chuyên tâm ngắm tìm hình tích một tiệm bánh mì nào còn mở cửa. Mỗi lần nàng xoay người qua lại là mấy viên đạn súng săn trong túi lại sột soạt kêu như vỏ lúa khô chạm nhau.

"Thôi, bỏ cuộc cho rồi." Tôi nói. "Khuya khoắt thế này, tiệm bánh mì không mở cửa đâu. Chuyện thế này thì phải điều nghiên từ trước mới được chứ ..."

"Ngừng lại." Đột nhiên nàng ra lệnh.

Tôi vội vàng đạp thắng xe.

"Chọn chỗ này vậy." Nàng từ tốn bảo nhỏ.

Tôi vẫn nắm tay lái, đưa mắt nhìn quanh xem có hình dáng nào ra vẻ là tiệm bánh mì không nhưng chẳng thấy đâu cả. Hàng quán hai bên đường tất cả đều im lìm đóng kín các cánh cửa màu đen. Bảng hiệu của tiệm làm tóc trông như con mắt giả bị vặn vẹo, thả nổi ánh sáng lạnh lẽo lên trên màn đêm. Chỉ có ở khoảng 200 thước phía trước còn thấy được bảng hiệu một tiệm McDonald.

"Có tiệm bánh mì nào ở đây đâu em?" Tôi nói.

Nhưng vợ tôi vẫn im lìm, mở ngăn đựng bao tay trong xe, lôi ra cuộn băng-dán bằng vải rồi mở cửa, bước ra khỏi xe. Tôi cũng mở cửa bước ra theo. Nàng ngồi xuống, chồm hồm trước mũi xe, xé băng-dán theo từng độ dài thích nghi, dán lên bảng số để khỏi nhận ra số xe. Xong bước ra phía sau xe, dán lên bảng số phía sau. Trông có vẻ quen tay làm sao. Tôi đứng yên, lơ đãng ngắm nàng làm việc.

"Em định làm cái quán McDonald ấy đấy." Nàng nói. Cách nói thản nhiên, nghe cứ như là cho biết tối nay ăn món gì vậy.

"McDonald có phải là tiệm bánh mì đâu." Tôi bàn.

"Thì cũng giống như tiệm bánh mì thôi." Nàng nói, xong vào lại trong xe. "Có lúc cũng phải thoả hiệp chứ. Dù sao, cứ đưa xe đến trước McDonald cho em."

Tôi đành chịu thua, lái xe thêm 200 thước nữa, vào đậu trong bãi đậu xe của McDonald. Trong bãi, chỉ có mỗi một chiếc Bluebird màu đỏ bóng loáng. Vợ tôi ôm cây súng săn quán trong mền đưa cho tôi.

"Thứ này anh chưa lần nào bắn cả, mà cũng không muốn bắn đâu." Tôi kháng nghị.

"Đâu cần phải bắn ai. Chỉ cần nắm trên tay là được rồi. Chả ai kháng cự gì đâu." Vợ tôi bảo. "Đây nhé, anh cứ làm đúng theo lời em: trước hết, mình đường đường đi vào quán. Khi nhân viên nói Chào mừng quý khách đến McDonald là tín hiệu đấy, thì đội ngay mũ trượt tuyết lên che mặt đi. Anh hiểu chứ?"

"Thì hiểu, nhưng mà ..."

"Rồi anh kê ngay súng vào người tiếp khách, bắt người ấy gom tất cả nhân viên và khách lại một chỗ. Phải làm cho thật nhanh. Mọi chuyện khác thì em sẽ lo chu đáo cả."

"Nhưng mà ..."

"Bánh kẹp thịt bằm hamburger bao nhiêu cái thì đủ?" Nàng hỏi. "Ba mươi cái chắc là đủ chứ?"

"Có lẽ." Tôi nói. Rồi thờ dài, nhận lấy khẩu súng, giở mền ra một tí. Khẩu súng nặng như một bao cát, đen thui như đêm tối.

"Có thật cần phải làm chuyện này không em?" Tôi nói, nửa như hỏi vợ tôi, mà nửa như hỏi chính mình.

"Tất nhiên." Nàng đáp.

*

"Chào mừng quý khách đến McDonald." Cô gái đội mũ McDonald đứng ở quầy nói với tôi, miệng nở nụ cười McDonald. Tôi cứ tưởng là các cô nhỏ không làm việc đêm ở các quán McDonald, nên khi thấy cô này, đầu óc có hơi choáng váng một chút, nhưng cũng tỉnh trí ngay, vội tròng lên đầu cái mũ trượt tuyết.

Cô gái đứng ở quầy đột nhiên thấy hai người đội mũ trượt tuyết che cả mặt, đứng sững nhìn chúng tôi. Phải đối ứng ra sao trong tình huống như thế thì chắc là không có ghi trong Cẩm nang Tiếp khách của McDonald. Cô ta định nói tiếp câu "Chào mừng ..." nhưng miệng cứng lại không thốt được thành lời. Dù thế, nụ cười nghề nghiệp vẫn hiện ra ở khoé môi, nửa chừng như mảnh trăng mỏng ba vè sáng.

Tôi định mở mền cho lộ cây súng ra, rồi nhanh chân chạy lại chỗ khách ngồi, càng nhanh càng tốt, thế nhưng trong quán chỉ có mỗi một cặp khách, có vẻ là học trò, mà lại đang gục mặt xuống bàn bằng nhựa, ngủ say sưa. Trên mặt bàn, hai mái đầu bên cạnh hai cốc nước dâu xóc Strawberry Shake sắp hàng tề chỉnh cứ như là hình mẫu để vẽ tranh tiền-vệ. Hai người khách đang say ngủ như chết nên có để mặc họ cũng không trở ngại gì cho công chuyện của chúng tôi. Tôi hướng mũi súng vào trong quầy.

Nhân viên trong quán có tất cả là ba người. Cô đứng ở quầy, một người đàn ông cỡ nửa sau của tuổi 20, khuôn mặt thiếu máu hình trứng, có vẻ là quán trưởng, và một tay học trò làm thêm, mặt không lộ vẻ gì rõ ràng, như một cái

bóng trong bếp. Ba người gom lại trước máy thu tiền, nhìn mũi súng trên tay tôi với mắt nhìn của du khách đang ngắm cái giếng Inca. Chẳng ai la hét gì, mà cũng chẳng ai nhào đến giành giật gì. Cây súng nặng quá nên ngón tay vẫn hờm sẵn cò súng, tôi gác nòng súng lên máy thu tiền.

"Tiền thì cứ lấy đi." Quán trưởng nói với giọng khàn khàn. "Hồi 11 giờ đã gom đi rồi nên bây giờ cũng không còn bao nhiêu, nhưng xin cứ lấy cả đi. Có bảo hiểm nên chẳng sao cả."

"Đóng cửa trước xuống, tắt đèn trên bảng hiệu đi." Vợ tôi ra lệnh.

"Khoan đã." Quán trưởng nói. "Làm thế phiền lắm. Đóng cửa quán thành linh thế thì là trách nhiệm của tôi ..."

Vợ tôi dần từng tiếng, lặp lại mệnh lệnh ấy. Thấy quán trưởng ngần ngại, tôi bảo:

"Làm đúng theo lệnh ấy thì tốt hơn."

Quán trưởng nhìn mũi súng đang gác lên máy thu tiền, nhìn mặt nạ của vợ tôi, như cân nhắc gì đấy một lúc, sau cùng chịu thua, đành tắt đèn bảng hiệu, và bấm nút đóng cửa trước xuống. Tôi cảnh giác rằng anh ta có thể lợi dụng lúc chộn rộn để bấm nút báo động khẩn cấp, nhưng có vẻ hệ thống báo động ấy không được gắn ở các quán McDonald trong vùng này. Có lẽ chẳng ai nghĩ quán bán bánh kẹp thịt bằm mà lại có ngày bị tập-kích.

Cửa kéo phía trước đóng xuống nghe ồn như lấy chày đánh vào thùng thiếc thế mà cặp khách vẫn tiếp tục ngủ mê man. Ngủ say được đến thế thì bao lâu nay tôi chưa làm được lần nào.

"Làm 30 cái Big Mac, gói mang đi." Vợ tôi lại ra lệnh.

"Xin cứ lấy tiền đi rồi đến quán khác mà mua, hộ tôi đi." Quán trưởng năn nỉ. "Sổ sách sẽ rất là phiền phức cho tôi. Bởi vì ..."

Tôi lại phải bảo anh ta:

"Làm đúng theo lệnh ấy thì tốt hơn."

Ba người theo nhau vào trong bếp, bắt đầu làm 30 cái Big Mac. Cậu học trò làm thêm thì chiên thịt bằm, quán trưởng kẹp thịt nướng vào bánh, xong cô gái gói bánh vào bao giấy màu trắng. Chẳng ai nói một lời nào. Tôi dựa người vào cái tủ lạnh to tướng, gác mũi súng lên tấm sắt nướng thịt. Từ những khuôn thịt bằm màu nâu điểm vân mỡ trắng tròn, sắp hàng trên tấm sắt, vang lên tiếng xì xèo. Mùi thơm ngọt ngào của thịt nướng, như từng đám côn trùng vi ti mắt không thấy được, chui tọt vào các lỗ chân lông trên toàn thân tôi, luồn theo máu mà bò đi khắp người tôi. Và cuối cùng tập kết ở khoảng trống rộng do cơn đói tạo ra ở ngay giữa thân thể tôi, bám chặt vào bức vách màu thịt hồng của khoảng trống ấy.

Nhìn những chiếc bánh kẹp thịt bằm được bao vào giấy trắng, xếp chồng lên nhau, tôi chỉ muốn vồ lấy một hai cái mà nhai ngấu nghiến, nhưng làm thế có

thích hợp với mục đích, ý nghĩa của tụi tôi không thì tôi không đoan chắc được, nên đành bóp bụng mà chờ từng chiếc, từng chiếc bánh kẹp thịt bằm chiên lên và sắp xếp cho đủ 30 chiếc. Trong bếp nóng hầm hập, dưới lớp mũ trượt tuyết bao mặt, mồ hôi tôi chảy ràn rụa.

Ba người vừa chiên thịt, gói bánh, vừa lăm lét nhìn mũi súng. Tôi thỉnh thoảng lại đưa ngón tay út của bàn tay trái lên gãi tai. Tôi hay bị ngứa tai khi bối rối. Những lúc ngón tay tôi thọc vào lỗ tai qua lớp len mũ trượt tuyết, nòng súng lại động đậy khiến họ lo lắng. Súng không thể nổ bất ngờ được, vì tôi đã khoá an toàn, nhưng họ không biết thế, và tôi cũng không thấy cần phải cho họ biết.

Vợ tôi vừa trông chừng cặp khách đang ngủ say, vừa nhẩm đếm số bánh. Nàng cẩn thận đặt những cái bánh đã làm xong vào hai túi lớn bằng giấy có quai xách. Lúc này một túi đã đầy 15 cái bánh.

"Tại sao phải làm thế?" Cô gái hỏi tôi. "Sao không lấy tiền quách đi rồi mua thứ gì như ý muốn? Ăn đến ba chục cái Big Mac để làm gì chứ?"

Tôi chỉ biết lắc đầu. Vợ tôi giải thích: "Xin lỗi nhé. Chẳng có tiệm bánh mì nào mở cửa giờ này, chứ nếu có thì tụi này đã tập-kích tiệm bánh mì rồi."

Tôi hoàn toàn không nghĩ là lời giải thích ấy giúp được chút nào cho việc lý giải trạng huống hiện tại. Nhưng họ không hỏi thêm điều gì, chỉ âm thầm nướng thịt, kẹp vào bánh, gói bánh vào bao giấy. Sau khi cả hai túi xách đã có đủ 30 cái bánh, vợ tôi bảo cô ta rót cho hai ly Cola lớn, và trả tiền hai ly ấy.

"Tụi này chỉ cướp bánh thôi, chứ không gì khác." Nàng bảo. Cô gái phản ứng với một động tác phức tạp, nửa như gật đầu, nửa như lắc đầu. Có lẽ cô định làm cả hai cùng lúc. Tôi nghĩ là tôi có thể hiểu được tâm tình ấy.

Vợ tôi lấy trong túi áo ra một cuộn dây sợi nhỏ dùng để cột bao hàng — nàng lúc nào cũng chuẩn bị kỹ lưỡng — trói cả ba người vào cây cột, khéo léo quen thuộc như là đang đơm khuy vào áo. Có vẻ họ đã hiểu là có nói gì cũng vô ích thôi, nên im lìm để mặc vợ tôi muốn làm gì thì làm. Nàng hỏi có đau vì dây buộc chặt quá không, hay có ai muốn đi vệ sinh không, nhưng chẳng ai nói gì. Tôi phủ mền lên khẩu súng, vợ tôi xách hai túi bánh có nhãn hiệu McDonald, giở cửa trước lên chui ra khỏi tiệm. Cặp khách vẫn còn gục ngủ say sưa trên bàn như một cặp cá biển khơi. Không biết phải làm gì mới đánh thức họ dậy từ giấc ngủ say đến thế được?

Chúng tôi chạy xe chừng nửa giờ, thấy có bãi đậu xe bên cạnh một toà nhà, bèn cho xe vào đấy. Ăn bánh và uống Cola tận tình. Tôi ngón hết sáu cái Big Mac, vợ ăn bốn. Vẫn còn lại 20 cái Big Mac trên ghế sau. Đến lúc mặt trời mọc thì cơn đói trước đấy tưởng chừng kéo dài vô tận, biến tan mất. Ánh mặt trời đầu tiên trong ngày nhuộm lên những vách tường dơ bẩn của toà nhà một màu tím nhạt, làm nổi bật lên ngọn tháp quảng cáo khổng lồ có hàng chữ SONY BETA chói sáng đến nhức mắt. Và rồi, vang âm lên tiếng bánh xe tải nặng trên xa lộ lẫn

với tiếng chim riu rít. Đai phát thanh Quân đội Mỹ chơi nhạc cao-bồi. Hai đứa chia nhau điếu thuốc, xong nàng ngả đầu lên vai tôi.

"Anh vẫn không hiểu có thật mình cần phải làm chuyện này không." Tôi lại gượng hỏi vợ.

"Tất nhiên là cần chứ!" Nàng đáp. Rồi thở ra một hơi thật dài, và tựa vào tôi mà ngủ. Người nàng mềm mại và nhẹ êm như con mèo.

Còn lại một mình, tôi nhào người ra khỏi mạn thuyền, nhìn xuống đáy biển. Ngọn núi lửa đã biến đâu mất. Mặt nước êm đềm phản chiếu màu trời xanh lơ. Vài đợt sóng nhỏ nhẹ ve vuốt mạn thuyền, như tà áo lụa phất phơ theo gió nhẹ.

Tôi nằm dài trong lòng thuyền, nhắm mắt lại, chờ cho thủy triều dâng lên cuốn đi đến bờ bến nào phải đến.

Phạm Vũ Thịnh dịch
Sydney, 06-2004

[1]The Wizard of Oz.

[2]Khai tấu khúc (overture) là bài nhạc được trình tấu để dẫn nhập vào vở nhạc kịch chính thức. (ghi chú của Tiền Vệ)

[3]"Tannhauser" là một vở nhạc kịch ba màn của Richard Wagner. Trình diễn lần đầu ở Dresden năm 1845. Theo cốt truyện, Tannhauser là một người đàn ông si mê nữ thần Venus. (ghi chú của Tiền Vệ)

[4]"The Flying Dutchman" (nhan đề nguyên tác tiếng Đức là "Der fliegende Hollander") là một vở nhạc kịch ba màn của Richard Wagner. Trình diễn lần đầu ở Dresden năm 1848. Theo huyền thoại, "The Flying Dutchman" là một con thuyền ma không bao giờ cập bến, mà phải lang thang vĩnh viễn trên đại dương. Nhiều người đã kể lại rằng họ đã nhìn thấy hình dáng con thuyền này xuất hiện mờ hồ từ đằng xa trên biển nhưng khi đến gần hơn thì nó biến mất. Trong thực tế, con thuyền này, dưới sự điều khiển của thuyền trưởng van der Decken đã chìm ở Mũi Hảo Vọng vào năm 1641.

.....
Năm của Spaghetti

Murakami Haruki

Phạm Vũ Thịnh dịch

Lời người dịch:

Truyện ngắn sau đây là truyện thứ 15 trong tuyển tập Kangaruu Hiyori (Ngày Đẹp Trời Để Xem Kangaroo), được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật "Supagetei No Toshi Ni".

1971. Đó là năm của spaghetti.

Năm 1971, tôi đã mài miết luộc spaghetti để sống, và mài miết sống để luộc spaghetti. Năm ấy, quả thật làn hơi nước ngào ngạt bốc lên từ nồi nhôm chính là niềm tự hào của tôi, và nước xốt cà-chua sôi thành tiếng sục sục trong chảo đã cho tôi niềm hy vọng.

Năm ấy, tôi đã tậu được một nồi nhôm to tướng, đủ nước tắm cỡ một con chó béc-giê Đức, một đồng hồ đo giờ nấu nướng; đã đi rao khắp các siêu thị chuyên bán thức-ăn-nhập-cảng cho người ngoại quốc để gom góp đủ các thứ gia vị có những cái tên lạ hoắc, và lục tìm trong các nhà sách tiếng Âu Tây ra được mấy cuốn sách chuyên môn về món spaghetti; còn cà-chua thì mỗi lần mua hàng tá.

Tỏi, hành tây, dầu xà-lách, ... đủ thứ hầm-bà-lằng bốc lên những hạt mùi li-ti bay tán loạn trong không khí, rồi quyện lại với nhau thành một thể, ướp dầm lên khắp các xó xỉnh trong căn phòng trọ sáu chiếu.[1] Mang máng giống như mùi nước cống của thành La Mã thời cổ.

Sự tích của năm spaghetti kỷ nguyên 1971 đây.

*

Trên cơ bản thì tôi một mình luộc spaghetti, rồi ăn spaghetti một mình. Tất nhiên, cũng không phải là không có lúc nào đấy cùng ăn với một người nào khác, nhưng tôi thì thích ăn spaghetti một mình hơn nhiều. Tôi cảm thấy spaghetti là món chỉ để ăn một mình thôi. Lý do tại sao thì tôi chẳng rõ.

Spaghetti luôn luôn có trà và xà-lách kèm theo. Ấm trà đủ cho ba tách, và xà-lách chỉ cần trộn thêm mấy khoanh dưa leo. Các thứ ấy bày tề chỉnh lên bàn xong, vừa liếc đọc nhật-báo vừa thông thả ăn spaghetti một mình, cứ thế những ngày spaghetti nối tiếp nhau từ chủ nhật đến thứ bảy vừa xong, thì từ chủ nhật mới, những ngày spaghetti mới lại bắt đầu tiếp nối.

Ngồi ăn spaghetti một mình như thế, lại có cảm giác như sắp sửa có tiếng gõ cửa của ai đấy đang tìm đến phòng mình. Những buổi chiều mưa, cảm giác ấy lại càng rõ hơn.

Những nhân vật hay tìm đến phòng tôi thì tùy lúc mà khác nhau. Có lúc là người chưa từng quen biết, có lúc là người tôi nhớ đã gặp đâu đấy rồi. Có lúc là cô gái có đôi chân mảnh khảnh đến thương, mà tôi đã hò hẹn một lần duy nhất thời trung học cấp ba; có lúc là chính tôi mấy năm về trước; có lúc lại là William Holden cặp kè Jennifer Jones[2] mà tìm đến.

William Holden?

Thế nhưng, chẳng một người nào bước chân vào phòng tôi cả. Họ chỉ ló xó trước cửa phòng như lưỡng lự không biết có nên vào không, cuối cùng chẳng ai gõ cửa, cứ thế mà đi đâu mất. Ngoài trời đang mưa.

Xuân, hạ, rồi thu, tôi đã mài miết luộc spaghetti suốt ba mùa rồi. Cứ như là chuyên-chú vào việc phục thù gì đấy. Như người con gái cô đơn ngồi nhét vào

lửa lò sưởi từng lá thư tình từ người yêu phản bội, tôi mài miết luộc spaghetti mùa này qua mùa khác.

Tôi nhồi bóng thời gian đã dầm lên, thành hình dáng chó béc-giê Đức trong chậu, thả vào nồi nước sôi bốc khói, rắc thêm ít muối. Rồi tay cầm đôi đũa cả, đứng trước nồi nhôm mà canh chừng, không rời một bước, cho đến khi đồng hồ đo giờ nấu nướng kêu lên đau-đớn một tiếng "tình" bi-thảm.

Đám spaghetti rất là ma-mãnh, nên mắt tôi không thể nào rời họ được. Họ như lúc nào cũng sẵn sàng trượt thoát qua vành nồi mà trà trộn mất tăm vào bóng đêm tăm tối. Giống như rừng nhiệt đới nuốt trọn những cánh-bướm-màu rực-rỡ vào thiên-thu, đêm tối cũng âm thầm chờ đợi những spaghetti đào thoát.

Spaghetti bolognese,

Spaghetti basirico,

Spaghetti pesi,

Spaghetti carbonara,

Spaghetti lười bò,

Spaghetti nghêu, nước sốt cà-chua,

Spaghetti tỏi,

và Spaghetti không tên, là bi-kịch spaghetti trộn chung vô-tội-vạ đủ thứ hầm-bà-lăng còn dư trong tủ lạnh.

Đám spaghetti đã sinh nhằm nồi nước sôi, trôi tuột đi như dòng sông trên vách nghiêng thời gian của năm 1971 mà biến mất.

Tôi thương tiếc họ.

Những spaghetti của năm 1971.

*

Điện thoại reo lúc 3 giờ 20 phút, lúc tôi đang nằm chường trên sàn chiếu, lơ đãng ngắm trần nhà. Ánh nắng mùa đông chỉ chiếu một vũng ánh sáng đúng vào chỗ tôi đang nằm mà thôi. Như con ruồi chết, tôi nằm dài như thế, lơ-tơ-mơ giờ này sang giờ khác, trong ánh nắng tháng mười hai năm 1971.

Lúc đầu, không nghe ra là tiếng chuông điện thoại. Nghe chỉ như là dăm mảnh ký ức không quen, rụt rè chui luồn qua những tầng không khí mà tìm đến. Nghe vài lần như thế chất chồng lên nhau mới bắt đầu lơ-mờ ra dạng chuông điện thoại, rồi cuối cùng mới nhận ra trăm phần trăm là tiếng chuông điện thoại. Tiếng chuông trăm phần trăm rung động không gian trăm phần trăm hiện thực. Tôi vẫn giữ tư thế nằm chường như thế, với tay bắt điện thoại.

Đầu dây bên kia có tiếng một người con gái, ấn tượng thật mờ nhạt, loại con gái biến mất tăm dạng khoảng 4 giờ rưỡi chiều. Hoá ra là cô người yêu cũ của một người tôi quen. Mà cũng chẳng quen gì lắm. Gặp nhau đâu đó thì chào hỏi, thể thôi. Vài năm trước, với duyên có khó hiểu mà làm ra vẻ hợp lý, họ trở thành

người yêu của nhau, rồi vài tháng trước đây, cũng với duyên có tương tự, họ chia tay nhau.

"Anh có thể cho em biết anh ấy đang ở đâu không?". Cô ấy hỏi.

Tôi ngắm ông nói, rồi nhìn dõi theo chiều dài dây cáp điện thoại. Chẳng có chỗ nào đứt đoạn trên dây cả.

"Sao lại hỏi tôi?". Tôi nói.

"Vì chẳng ai cho em biết cả". Cô nói, giọng lạnh lùng. "Anh ấy đang ở đâu?".

"Tôi đâu biết". Tôi đáp. Nói ra thế, chứ nghe chẳng ra giọng của mình.

Cô ta im bật.

Ông nói lạnh ngắt như một trụ nước đá. Chung quanh tôi, tất cả mọi thứ dần dần đông đặc thành trụ nước đá. Cứ như là cảnh phim khoa học giả tưởng của J. G. Ballard[3] vậy.

"Không biết thật đấy". Tôi nói. "Anh ta âm thầm biến đâu mất rồi mà".

Nghe có tiếng cô ấy bật cười ở đầu dây bên kia.

"Anh ta nào có phải là thứ đàn ông để ý để tứ thế đâu. Chuyện gì cũng hét toáng lên vung vít, mà rồi chẳng làm được gì ráo".

Quả đúng như cô ấy nói. Anh ta chẳng để ý chuyện gì cả thật. Thế nhưng tôi cũng không thể cho cô ấy biết chỗ ở của anh ta. Nếu mà biết tôi đã cho cô ấy hay, thế nào anh ta cũng sẽ điện thoại lại đây. Chuyện lộn xộn vợ vẫn kiêu này thì tôi đã ớn quá rồi. Đã đào một hố sâu ngoài vườn sau nhà mà chôn lấp cả rồi. Chẳng ai còn có thể đào lên được nữa.

"Xin lỗi nghe". Tôi nói.

"Anh ghét em đấy chứ gì". Cô ấy đột ngột nói.

Tôi chẳng biết nên trả lời sao. Ngay từ đầu đã chẳng có ấn tượng gì rõ ràng về cô này cả.

"Xin lỗi nghe". Tôi lặp lại. "Tôi đang bận tay luộc spaghetti đây".

"Hả?"

"Đang bận tay luộc spaghetti đây mà".

Tôi cho nước tương tượng vào nồi tương tượng rồi bật diêm tương tượng châm lửa tương tượng.

"Thì sao?". Cô ấy hỏi.

Tôi nhẹ tay buông bó spaghetti tương tượng vào nồi nước sôi tương tượng, rắc muối tương tượng và canh đồng hồ đo giờ nấu nướng tương tượng khoảng 15 phút.

"Đang bận tay luộc spaghetti, sợ nở quá mà dính lại với nhau thì phiền lắm".

Cô ta lặng thinh.

"Món này khó lắm". Tôi nói thêm.

Trong tay tôi, ông nói lại bắt đầu trượt xuống dốc dưới không độ.

"Hay là cô gọi lại lúc khác vậy nhé?". Tôi vội vàng nói thêm.

"Bởi anh đang bận tay luộc spaghetti à?". Cô ta nói.

"Ừ, đúng thế".

"Ăn một mình à?"

"Đúng thế".

Cô thờ dài. "Nhưng em đang kẹt thật đấy".

"Xin lỗi đã không giúp được gì". Tôi nói.

"Còn chuyện tiền nong nữa chứ".

"À".

"Em muốn anh ấy trả lại cho em".

"Xin lỗi nghe".

"Anh bận tay luộc spaghetti ..."

"Vâng".

Cô gượng cười nhẹ, thờ thẫn. "Tạm biệt".

"Tạm biệt". Tôi cũng nói.

Lúc cắt điện thoại, vũng nắng trên sàn phòng đã dời đi vài cen-ti-mét. Tôi lại trườn người vào vũng nắng ấy, ngược nhìn lên trần nhà.

*

Nghĩ đến bó spaghetti vĩnh viễn không khi nào chín ấy mà buồn quá.

Bây giờ lại đâm ra ân hận rằng đáng lẽ nên cho cô ấy biết tất cả mới phải. Bè nào thì anh chàng kia cũng chẳng phải là người đàn ông xứng đáng gì. Làm ra vẻ họa-sĩ nhưng chỉ vẽ được dăm bức tranh trừu tượng vụng về, chỉ giỏi mồm miệng mà đầu óc trống rỗng. Và lại, có lẽ cô ấy cần anh ta trả lại tiền thật mà.

Không biết cô ấy làm sao bây giờ nhỉ?

Hay là đã bị nuốt trọn vào bóng tăm tối của 4 giờ rưỡi chiều rồi?

Durum Semolina.[4]

Thứ lúa mì màu vàng óng ấy đã lớn lên trên cánh đồng lúa nước Ý.

Nếu người Ý mà biết rằng món hàng chính họ đã xuất khẩu năm 1971 thật ra là "niêm cô độc", hẳn là họ phải ngạc nhiên đến sững sờ.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 10-2004

[1]Chiều: tấm cói dày lót sàn phòng, cũng là đơn vị diện tích phòng và nhà ở, khoảng 180 cm x 90 cm.

[2]William Holden & Jennifer Jones: tài tử điện ảnh Mỹ, đã quá cố.

[3]J. G. Ballard (1930 -): Tiểu thuyết gia người Anh.

[4]Durum Semolina: một loại lúa mì cho bột dẻo dùng làm mì Ý spaghetti.

Buổi picnic chiều thứ tư

Haruki Murakami - Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ

25-11-1970

Một người bạn, tình cờ thấy trong báo tin cô ta mất, đã gọi điện cho tôi.

Anh ta đọc lại một cách chậm rãi trong máy đoạn ký sự duy nhất của ấn bản buổi sáng. Một kí sự không có gì đặc biệt, kiểu văn của loại kí giả vừa rời đại học đi tập sự viết báo.

Ngày nào, tháng nào, góc đường nào, một cái xe vận tải nào đó đã cán một người nào đó. Một cuộc điều tra đang được tiến hành về kẻ bị tình nghi ngộ sát vì bất cẩn trong lúc thi hành nghiệp vụ.

Chẳng khác nào một bài thơ ngắn đăng tải trên trang nhất một tạp chí.

Tôi hỏi : " Thế lễ tang làm ở đâu ? "

Anh bảo : " Ồi dà ! Biết đâu mà lần, nhất là cô này không biết có nhà cửa gì không? "

Dĩ nhiên ngay cả một người như cô cũng phải có nhà cửa.

Trong nội ngày hôm đó tôi gọi điện đến cảnh sát đã tìm được địa chỉ và số điện nhà cô. Sau đó tôi liên lạc gia đình và hỏi được ngày đưa ma. Đúng như ai đó đã nói hầu như không có gì khó chỉ sợ không có đủ thì giờ.

Tôi mở bản đồ khu vực Tôkiô, lấy bút bi đỏ khoanh số nhà. Khu này đúng là một khu tồi tàn của Tôkiô. Đường tàu điện ngầm, xe hoả, xe buýt chằng chịt, đan loạn vào nhau như một mạng nhện méo mó, bao nhiêu cống rãnh ngoằn ngoèo, đầy đặc h"ên mặt đất như các nếp nhăn trên vỏ quả dưa héo.

Ngày đưa ma, tôi từ Waseda đi xe điện đến, xuống trạm gần cuối đường tàu, lúc dở bản đồ xem thì mới thấy đối với tôi nó cũng rối mù như cả quả địa cầu.

Cũng may, sau khi mua một lô thuốc lá và nhiều lần hỏi dò đường tôi cũng mò đến được nhà cô.

Đó là một ngôi nhà gỗ cũ kĩ, bọc chung quanh b"ên những thanh gỗ nâu. Sau cửa, bên trái là một khoảnh vườn con đang ở trạng thái không biết dùng vào việc gì, góc vườn vút chổng trơ một lò than cũ b"ên sứ đọng đến 15 centimét nước mưa. Đất vườn đen và ẩm.

Cô ta bỏ nhà đi năm 16 tuổi, phải chăng vì thế mà đám tang trông ảm đạm và chỉ gồm toàn người thân. Đến dự đa số là họ hàng đã có tuổi. Một ông anh, hoặc anh rể gì đó, trạc vừa quá 30 đứng chủ trì lễ tang. Ông bố, thấp người, tuổi trạc ngũ tuần, cánh tay đeo một băng tang đen, đứng gần như bất động bên bậu cửa, trong tư thế của một mặt đường nhựa khi nước lũ vừa rút đi.

Lúc cáo từ, tôi im lặng cúi đầu chào, ông ta cũng cúi đầu đáp lễ, không thốt một lời.

Tôi gặp cô lần đầu tiên vào mùa thu năm 1969. Tôi 20, cô 17.

Cạnh đại học có một tiệm cà-phê, nơi tôi thường lui tới tụ tập với bạn bè. Nó không phải là một tiệm sang trọng gì, nhưng ở đó, mọi người có thể vừa nghe Hard Rock vừa nhâm nhi một loại cà-phê rất tồi.

Cô bao giờ cũng ngồi vào đúng một chỗ, hai khuỷu tay chống lên bàn, chăm chú đọc sách. Với cặp mắt kính trông như cái máy chỉnh răng và hai bàn tay xương xẩu, thế mà cô vẫn có một cái gì đó dễ mến. Tách cà-phê của cô thì lúc nào cũng lạnh tanh và cái gạt tàn thì hầu như không lúc nào không đầy ắp đầu thuốc. Chỉ có tên sách cô đọc là thay đổi. Lúc thì Mickey Spillane, lúc thì Kenzaburo Oe, có lúc lại là thi tập của Ginsberg. Nói tóm lại là hễ cứ có sách thì quyển gì cũng được. Bọn học trò lui tới quán cứ cho cô mượn sách, cô thì cứ như người nh";n bấp ngô, gặp đầu nào gặm đầu nấy. Đó là thời vẫn còn đầy đầy những con người thích cho nhau mượn sách, cho nên chẳng lúc nào cô thiếu sách đọc.

Đó cũng là thời đại của Doors, Stones, Byrds, Deep Purple, Moody Blues. Trong không khí có cái gì đó sôi sục, tôi nghĩ chỉ cần đá mạnh thêm một cái là hầu như tất cả sẽ đổ nhào một cách nhanh chóng.

Chúng tôi uống rượu Whisky rẻ tiền, làm tình với nhau một cách thản nhiên, bàn những chuyện phiếm không đi đến đâu, mượn rồi cho mượn sách, cứ thế ngày này qua ngày khác, thế rồi đúng lúc khi cái niên đại 1960 vô vị ấy còn đang ằm ỉ thì bức màn đã buông xuống lúc nào không biết.

Cả cái tên của cô tôi cũng đã quên.

Dĩ nhiên, tôi có thể dở lại tờ kí sự về cái chết kia ra thì sẽ nhớ lại được. Nhưng bây giờ dù có biết tên cô là gì thì cũng thế thôi. Tôi đã quên mất cả tên cô ta rồi. Chỉ có thế.

Bạn bè thời đó gặp lại nhau, nhiều khi chúng tôi không khỏi nhắc đến cô, mà lạ thay ngay cả bọn họ cũng không nhớ được tên cô nữa. Ồi dào, thời đó, có phải cái đứa con gái mà ai nó cũng ngủ với đó không ? Tên nó là gì nhỉ, tớ quên bém đi mất. Tao cũng bao lần ngủ với nó, bây giờ không biết nó ra sao. Bây giờ mà gặp lại ngoài đường thì chắc buồn cười lắm nhỉ ?

-Thuở đó, ở nơi đó, em đã ngủ với tất cả mọi người

Tên của em là thế.

Dĩ nhiên nếu nói một cách nghiêm túc thì không phải với bất kì ai cô cũng ngủ. Đối với chuyện này hình như cô cũng có những tiêu chuẩn của riêng mình.

Tuy nhiên nếu nhìn vào góc cạnh hiển nhiên của vấn đề thì cô đã ngủ với hầu hết bọn con trai.

Có một lần thuần tuý vì hiếu kì tôi hỏi cô về cái tiêu chuẩn đó : " ờ nhỉ... ", cô suy nghĩ khoảng 30 giây :

" -Dĩ nhiên không phải với ai là cũng được đâu. Có lúc nghĩ cũng chẳng thích gì. Nhưng thực ra có lẽ bởi mình muốn biết được nhiều loại người khác nhau,

hoặc vì muốn biết cái thế giới này nó như thế nào trên bản thân mình. "

" -Bằng cách ngủ với tất cả ? "

" - ừm "

Bây giờ thì đến lượt tôi bắt đầu chìm vào suy nghĩ.

" -Thế thì.. bây giờ em đã hiểu nó rõ hơn chưa ? "

" -Hơn được một chút. "

Từ đông năm 69 đến hạ năm 70, hầu như tôi không gặp cô nữa. Đại học lúc thì đóng cửa, lúc thì lock out, riêng tôi thì ngập đầu trong những vấn đề cá nhân hoàn toàn khác biệt.

Mùa thu năm 70, lúc trở lại quán, tôi không còn nhận ra ai nữa, trong các khuôn mặt quen thuộc chỉ còn lại mỗi một mình cô. Vẫn điệu nhạc rock ồn ào như xưa, nhưng cái không khí sôi sục ngày nào không còn nữa. Chỉ còn cô và thứ cà phê bít-tết đó là vẫn như năm trước. Tôi ngồi vào chiếc ghế trước mặt cô. Vừa uống cà-phê vừa nhắc chuyện về nhóm bạn ngày xưa. Đa số đã rời đại học. Một đứa trong bọn đã tự sát. Một đứa biệt tăm. Đại khái những chuyện như thế.

" -Một năm nay anh làm gì ? " Cô hỏi tôi.

" -Nhiều thứ. " Tôi nói

" -Đã sáng mắt ra chưa ? "

" -Được một tí. "

Thế rồi đêm ấy, lần đầu tiên tôi ngủ với cô.

Tôi không biết rõ về quá khứ của cô.

Hình như ai đó đã kể cho tôi nghe thì phải. Mà tôi lại cũng có cảm tưởng chính cô đã tự mồm nói cho tôi nghe ở trên giường. Tôi nhớ chuyện như thế này : vào mùa hè năm thứ nhất ở Trung học cấp hai, sau khi cãi nhau một trận to với bố thì cô bỏ nhà đi (sau đó bỏ cả trường). Thật ra không ai biết cô ở đâu và sống b";ng gì.

Suốt ngày cô ngồi ở quán cà phê có nhạc rock, uống cà phê, hét ly này đến ly khác, hút vô chừng mực thuốc lá, dở những trang sách và chờ đợi kẻ nào đó xuất hiện để trả tiền cà phê, thuốc lá cho mình (đối với chúng tôi thời đó là những món tiền khá lớn). Thế rồi đại khái là cô sẽ ngủ với người đó.

Đấy là tất cả những gì tôi biết về cô.

Từ mùa thu năm ấy cho đến mùa xuân năm sau, một tuần một lần, cứ tối thứ ba cô lại đến thăm tôi trong căn phòng trọ ở ngoại " Mitaka. Cô ăn bữa cơm tối giản dị do tôi nấu, hút một lô thuốc lá, rồi giữa tiếng nhạc rock của đài FEN (1) mở âm ã, chúng tôi làm tình với nhau. Sáng thứ tư thức dậy xong, chúng tôi tản bộ qua rừng, đi về phía campus của đại học ICU(2), rồi vào ăn cơm tập thể ở cantin trường. Sau đó ra phòng khách uống cốc cà phê nhạt. Nếu đẹp trời, chúng tôi n";m trên thảm cỏ campus ngửa mặt ngắm nhìn trời.

Cô gọi đấy là buổi picnic ngày thứ tư

" -Mỗi khi đến đây em thực tình cảm thấy đúng là mình đang đi picnic. "

"-Píc-níc thật ư ? "

"-ừm, mênh mông thế này, nhìn đâu cũng là thảm cỏ, mọi người trông ai cũng có vẻ hạnh phúc... "

Cô sà xuống cỏ, đánh một lô diêm châm điếu thuốc :

"- Mặt trời mọc, rồi lặn, người đến, rồi đi, thời gian trôi, như không khí. Thế chẳng picnic là gì ? "

Lúc ấy tôi 21 tuổi, chỉ trong vài tuần sau đó tôi 22 tuổi. Ngay lúc ấy tôi chẳng hy vọng gì tốt nghiệp được đại học, nhưng cũng không có lý do chính đáng để bỏ học. Bị kẹt vào tình huống tuyệt vọng đó, trong bao tháng trời tôi không hề tiến được một bước nào mới.

Thế giới vẫn tiếp tục lao về phía trước, riêng tôi, tôi có cảm tưởng mình đang dậm chân một chỗ. Năm 1970, vào thu, tất cả trong mắt tôi đều có gì ảm đạm, cái gì cũng nhanh chóng nhạt màu đi. ánh sáng mặt trời, mùi cỏ, đến cả tiếng mưa nhỏ nhỏ cũng làm tôi khó chịu.

Không biết bao lần tôi mơ thấy một chuyến tàu đêm, lúc nào cũng giấc mộng ấy. Một con tàu đầy mùi thuốc lá, mùi cầu tiêu, mùi người, chạt đến không có chỗ đặt chân, ghé ngồi đầy các vết nôn đã khô cong. Không thể nào chịu nổi, tôi phải đứng dậy, nhảy bừa xuống một sân ga nào đó. Một nơi rất thê lương, không ánh lửa của một ngôi nhà, cũng chẳng thấy bóng dáng một nhân viên đường sắt. Không có gì cả, không đồng hồ, không thời biểu giờ tàu. Một giấc mộng kiểu như thế.

Thời kỳ đó, biết bao lần tôi đã đối xử với em thật tồi tệ, tồi tệ như thế nào bây giờ tôi không nhớ rõ nữa. Và lại có thể đó chỉ là cách tôi tự đối xử với chính bản thân mình. Nhưng dù sao đi nữa, đối với chuyện này em có vẻ cũng bất cần. Hoặc có thể, nếu nói một cách cực đoan hơn, thì nó còn làm cho em lấy làm thích thú nữa. Vì lẽ gì thì tôi không biết. Phải chăng cái em tìm nơi tôi không phải là sự dịu dàng. Tôi nghĩ thế. Đến bây giờ, nghĩ lại, tôi vẫn lấy làm lạ. Tôi thấy buồn, như người dơ tay lên bỗng bắt gặp trên không trung một bức tường mà mắt không nhìn thấy.

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ ràng cái buổi chiều kì lạ ngày 25 tháng 11 năm 1970 ấy (3). Lá ngân hạnh rơi toai tả trong cơn mưa rào nhuộm con đường nhỏ xuyên rừng cây thưa một màu vàng như dòng sông cạn nước. Tôi và em tay thủ trong túi áo choàng, đi lòng vòng theo con đường đó. Không có gì ngoài tiếng giầy chúng tôi xạc xào trên lá và thanh âm cao vút của con chim nào đó.

"-Anh có điều gì muốn nói mà không nói được ư ? " Bất thần em hỏi tôi.

"-Có gì quan trọng đâu ", tôi nói.

Em tiến về phía trước một tý rồi ngồi xuống vệ đường hút một điếu thuốc. Tôi cũng đến ngồi xuống bên cạnh em.

"-Lúc nào anh n";m mơ cũng thấy ác mộng à ? "

"-Thường là thế, đại khái toàn là chuyện máy bán hàng tự động không thối lại tiền. ";

Em cười, đặt bàn tay lên đầu gối tôi, rồi lại rút về.

"-Rõ ràng là anh không muốn nói chứ gì.";

"-Chắc vì hơi khó nói đấy. ";

Em vút điếu thuốc mới hút được một nửa xuống đất, dùng giấy thể thao dầm lên dập tắt.

"-Đúng là có điều muốn nói mà không nói ra được, anh có thấy thế không ?

"-Anh cũng chẳng biết nữa. "; tôi đáp.

Có tiếng sột soạt rồi từ mặt đất hai cánh chim bay vụt lên và tan biến như bị hút vào khoảng trời xanh không một gợn mây.

Chúng tôi im lặng một lúc lâu, mắt hướng về phía đôi chim vừa mất hút. Em bẻ một cành khô nhỏ rồi dùng nó ngoặc lên mặt đất những hình thù vô nghĩa.

"-Ngủ với anh, đôi khi em cảm thấy buồn ghê gớm. ";

"-Anh rất buồn đã làm cho em cảm thấy như thế. ";

"-Có phải lỗi của anh đâu. Cũng chẳng phải vì anh nghĩ đến người khác khi anh đang ôm em. Mà dù có thể đi nữa, em cũng cóc cần. "; Nói đến đây, em bỗng im bật rồi chậm rãi vẽ lên mặt đất ba vạch thẳng song song.

"-Em không biết nữa. ";

Một lúc sau tôi bảo :

"-Không phải là anh muốn khép kín lòng mình lại đâu. Nhưng có một cái gì đó đang xảy ra mà chính bản thân mình, anh cũng chưa biết nó là gì. Anh nghĩ có nhiều thứ anh cố hiểu cho đúng, không cần quá thoải phòng, cũng không quá kéo nó xuống hiện thực. Nhưng muốn thế cần phải có thời gian. ";

"-Khoảng bao lâu ? ";

Tôi lắc đầu :

"-Biết thế nào được, có thể một năm, có thể mười năm cũng không biết chừng. ";

Em vút cành cây nhỏ xuống đất rồi đứng dậy phủi cỏ khô dính trên áo choàng.

"-Này, anh nói mười năm, anh có nghĩ là chẳng khác gì vĩnh viễn hay không ?";

"-Đúng. "; tôi nói.

Xuyên qua rừng, chúng tôi đi bộ về campus trường ICU, và cũng như mọi khi chúng tôi vào ngồi trong phòng khách gặm một cái hot dog. Khoảng hai giờ chiều trên vô tuyến phòng khách, hình ảnh Mishima Yukio xuất hiện liên tục. Vì hệ thống âm thanh hỏng, chúng tôi hầu như không nghe thấy gì, nhưng đối với

chúng tôi điều ấy chẳng có gì là quan trọng. Ăn xong cái hot dog chúng tôi lại uống một cốc cà phê bít-tát. Một sinh viên trèo lên ghế hý hoáy một lúc lâu với cái nút chỉnh âm, nhưng rồi chán nản nhảy xuống ghế bỏ đi mất.

"-Anh đang thèm em đây. "; Tôi nói.

"-Được thôi. "; Em vừa nói vừa cười.

Thế rồi chúng tôi thọc tay trong túi áo choàng, cứ thế đi về phòng trọ.

Khi mở mắt dậy, tôi thấy em đang im lặng khóc, dưới làn chăn đôi vai nhỏ rung lên nhẹ nhẹ. Tôi cời lửa ở trong lò và đưa mắt nhìn đồng hồ. Hai giờ sáng. Một vàng trắng bạc lơ lửng giữa trời.

Tôi chờ cho em ngừng khóc rồi mới đun nước pha trà uống. Chỉ là trà đen đóng gói, không chanh, không đường, không sữa. Sau đó tôi châm hai điều thuốc, đưa cho em một. Em hút, rồi nhả khói ra, sau đó lại kéo vào liên tục ba bốn lần trước khi ho một thôi một hồi.

"-Này anh, có lúc nào anh có ý muốn giết em không ? ";

" Ai, em ấy à ? "

"-ừm";

"-Tại sao em lại hỏi anh như thế ? ";

Mồm vẫn ngậm điều thuốc lá, em đưa đầu ngón tay lên dụi mí mắt.

"-Em chỉ hỏi thế thôi, có gì đâu. ";

"-Dĩ nhiên là không rồi. ";

"-Có thật thế không ? ";

"-Thật chứ, vì có gì anh lại phải giết em ? ";

"-Đúng là như thế, em gạt đầu mệt mỏi, chỉ có điều em chợt nghĩ, giả sử cứ có người giết quách mình đi cho xong thì cũng được đấy chứ nhỉ, vào lúc mình đang ngủ say chẳng hạn. ";

"-Anh chẳng phải là th";ng giết người. ";

"-Thế à ? ";

"-Chứ gì nữa. ";

Em cười, dụi thuốc vào cái gạt tàn, nốc một hơi hết cốc nước trà đen đang uống dở, sau đó châm một điều thuốc mới.

"-Em sẽ sống cho đến 25 tuổi. "; Em bảo, " Rồi em chết. "

Tháng 7, 1978, em chết, năm em 26 tuổi.

(1) Far East Network, đài phát cho quân nhân Mỹ đồn trú trong vùng.

(2) International Catholic University.

(3) Ngày Mishima Yukio mở bụng tự sát ở Đại bản doanh của Tự Vệ Đội.

Tên thật của Tony Takitani chính là như thế: Tony Takitani.

Bởi cái tên ấy, lại thêm mái tóc xoăn và khuôn mặt trông như tượng mà người ta thường nghĩ Tony là một đứa trẻ lai. Hồi đó chiến tranh vừa mới kết thúc, có nhiều đứa trẻ mang trong mình dòng máu của lính Mỹ. Nhưng cả cha và mẹ của Tony Takitani đều là người Nhật chính gốc trăm phần trăm. Cha của cậu, Shozaburo Takitani, là một nghệ sĩ nhạc Jazz chơi kèn trombone khá thành công, nhưng bốn năm trước khi Thế chiến thứ hai nổ ra, anh buộc phải rời Tokyo vì một vụ rắc rối liên quan đến một người phụ nữ. Nếu buộc phải rời thành phố, Shozaburo suy tính, thì mình sẽ đi xa hẳn, vì thế mà anh đã vượt biển để đến Trung Hoa. Khi đó, anh không mang theo một thứ gì ngoại trừ cây kèn trombone. Vào thời ấy, Thượng Hải chỉ cách Nagasaki một ngày đi tàu thủy. Ở Tokyo, và nói chung ở cái nước Nhật này, Shozaburo chẳng có cái gì mà anh cảm thấy phải khổ sở khi để mất. Anh ra đi mà không có chút gì luyến tiếc. Anh chỉ hoài nghi không biết Thượng Hải, với những quyến rũ tinh tế của nó, có phù hợp với cá tính của anh hơn là Tokyo hay không. Anh đứng trên boong tàu, con tàu đang rẽ sóng về phía sông Dương Tử, lần đầu tiên anh nhìn thấy những đại lộ thanh lịch của Thượng Hải lấp lóa trong nắng mai và nghĩ ngợi như thế. Ánh nắng dường như hứa hẹn với anh về một tương lai hết sức xán lạn. Lúc đó, anh mới có hai mươi một tuổi.

Anh đã sống một cuộc sống dễ chịu trong suốt thời kỳ chiến tranh xảy ra—tính từ khi quân đội Nhật xâm chiếm Trung Hoa đến trận Trân Châu cảng, rồi đến vụ ném hai trái bom nguyên tử. Anh chơi kèn trombone trong những câu lạc bộ ban đêm ở Thượng Hải trong khi những cuộc chiến đấu đang diễn ra ở tận nơi xa xôi nào đấy. Shozaburo Takitani là người chẳng bao giờ thích dính líu đến chuyện thời thế, hay thậm chí có một chút bận tâm về nó. Anh chẳng muốn gì hơn là được chơi cây kèn trombone của mình, ngày ăn ba bữa và có một vài người đàn bà cặp kè. Anh là một người khiêm tốn nhưng đồng thời cũng lại là một kẻ kiêu ngạo. Hoàn toàn sống theo chủ nghĩa vị kỷ nhưng anh bao giờ cũng đối xử với những người xung quanh một cách dễ chịu và tử tế, vì thế mà hầu như ai cũng thích anh. Trẻ, đẹp, lại là một nhạc sĩ tài hoa, đi đến bất cứ đâu, anh cũng nổi bật giống như một con quạ trong một ngày tuyết trắng trời. Shozaburo không đếm xuê những người đàn bà mà anh đã ngủ cùng. Gái Nhật, gái Tàu, lại cả gái Bạch Nga, gái điếm, những phụ nữ đã có chồng, những cô nàng mỹ miều và cả những cô nàng nhan sắc chỉ thường thường bậc trung, anh đều đã từng ăn nằm với họ: anh làm chuyện ấy với bất cứ ai mà anh thấy thích. Với tiếng kèn vô cùng ngọt ngào và cái dương vật phi thường cực kỳ sung mãn, thời kỳ này, Shozaburo đã trở thành một nhân vật hấp dẫn của đất Thượng Hải.

Shozaburo được trời phú cho một cái tài—mặc dù anh không nhận ra điều ấy—đó là khả năng tạo dựng được những mối quan hệ bạn bè rất “có lợi”. Anh có mối giao hảo với những sĩ quan cấp cao trong Quân đội, những nhà triệu phú và nhiều nhân vật có ảnh hưởng thuộc đủ loại, những người có thể kiếm được những món lợi nhuận khổng lồ từ chiến tranh thông qua những đường dây mờ ám. Nhiều người trong số họ luôn giắt súng bên trong áo khoác và không bao giờ ra khỏi một toà nhà mà không liếc thật nhanh sang hai bên đường phố. Không rõ vì lý do gì mà Shozaburo và họ lại “kết” nhau. Và bọn họ dành cho anh sự quan tâm đặc biệt mỗi khi có chuyện gì xảy ra.

Nhưng đôi khi tài cũng khiến người ta gặp hệ lụy. Khi chiến tranh kết thúc, những mối quan hệ của Shozaburo khiến Quân đội Trung Hoa chú ý và anh bị giam giữ trong một thời gian dài. Ngày lại ngày, những người khác phải vào tù vì những lý do tương tự như Shozaburo bị đưa ra khỏi phòng giam và bị tử hình mà không cần xét xử. Chỉ thấy quản tù xuất hiện, lôi bọn họ ra giữa sân và bắn bọn họ vỡ sọ bằng loại súng lục tự động. Shozaburo tin là mình sẽ phải chết trong tù. Nhưng viễn cảnh về cái chết không làm anh thấy có gì phải sợ hãi nhiều. Bọn họ sẽ bắn một viên đạn xuyên qua não anh và thế là hết. Chỉ mất một vài tích tắc đau đớn là cùng. Bằng ấy năm qua, ta đã được sống theo cách mà mình muốn, anh nghĩ. Ta đã được làm tình với hàng tá đàn bà. Ta đã được ăn rất nhiều những thứ ngon lành, và đã có nhiều khoảng thời gian tốt đẹp. Hầu như chẳng còn gì trong cuộc đời này khiến ta phải cảm thấy hối tiếc vì mình đã bỏ lỡ. Thêm nữa, ta không có quyền ai oán vì mình bị giết. Đó là điều phải đến, thế thôi. Hàng trăm nghìn người Nhật Bản đã chết trong cuộc chiến này, và nhiều người trong số đó còn bị giết chết theo những cách thức còn khủng khiếp hơn rất, rất nhiều.

Trong những ngày chờ đợi đến lượt mình bị đem đi xử tử, Shozaburo chỉ còn biết nhìn qua chấn song khung cửa sổ bé tí những cụm mây trôi và vẽ lên bức tường trần trụi của phòng giam những khuôn mặt và cơ thể của những người đàn bà mà anh đã từng ân ái còn đọng lại trong trí nhớ. Thế nhưng cuối cùng, hóa ra duy chỉ có anh và một tù nhân Nhật Bản nữa là thoát chết, được thả tự do và được trở về Nhật Bản. Đến khi ấy, người được thả tự do cùng với anh, một sĩ quan cao cấp, đã gần như mất trí. Shozaburo đứng trên boong tàu, nhìn những đại lộ Thượng Hải đang khuất dần, khuất dần, lòng thầm nghĩ: Ôi cuộc đời, ta sẽ chẳng bao giờ hiểu được mày cả.

Người ngợm gầy rộc, chẳng còn có của cải gì nữa, Shozaburo Takitani trở về Nhật Bản vào mùa xuân năm 1946, chín tháng sau khi chiến tranh kết thúc. Đến lúc đó, anh mới biết ngôi nhà của cha mẹ anh đã bị thiêu rụi trong trận không kích lớn ở Tokyo hồi tháng ba, năm 1945 và họ đều đã chết. Người anh duy nhất của anh đã mất tích, không để lại một dấu vết nào trên chiến trường Miến Điện.

Nói tóm lại là giờ đây Shozaburo hoàn toàn trở trời trên thế gian này. Song đó không phải là một cú sốc lớn đối với anh; nó cũng không làm anh phải quá rầu rĩ. Cố nhiên, anh cũng cảm thấy có một chút trống trải, nhưng anh tin rằng, con người ta sớm muộn gì cũng thành trở trời như thế cả. Anh đang ở độ tuổi ba mươi, đã qua cái tuổi cho phép người ta được thở than về sự cô đơn rồi. Anh có cảm giác bỗng nhiên trong một lúc mình đã già thêm đến mấy tuổi. Nhưng chỉ có thế. Không có một cảm xúc nào sâu xa hơn khuấy động trong anh.

Dẫu sao thì Shozaburo cũng đã sống sót và giờ thì anh phải bắt đầu nghĩ xem mình sẽ tiếp tục sống như thế nào.

Bởi vì anh chỉ biết duy nhất có một loại nghề nên anh đã cất công đi tìm những người bạn cũ của mình, tập hợp thành một ban nhạc Jazz nhỏ và bắt đầu chơi tại các doanh trại lính Mỹ. Khả năng xã giao tốt đã giúp anh trở thành bạn của một viên thiếu tá Mỹ thích nhạc Jazz—một người Mỹ gốc Ý đến từ bang New Jersey có khả năng chơi kèn clarinet rất cừ. Cứ có thời gian rỗi, hai người lại tụm lại với nhau. Là người phụ trách Cục hậu cần, viên thiếu tá có thể có tất cả những đĩa nhạc mà mình muốn, được chuyên tới từ chính nước Mỹ, và Shozaburo có thể đến doanh trại của viên thiếu tá, nghe những bản nhạc jazz vui tươi của Bobby Hackett, Jack Teagarden và Benny Goodman, nhờ đó anh có thể tự học được nhiều đoạn nhạc của họ. Viên thiếu tá chu cấp cho anh đủ loại thức ăn, sữa, rượu, những thứ khó kiếm lúc bấy giờ. Không tệ, Shozaburo nghĩ, sống như bây giờ quả là không đến nỗi tệ.

Năm 1947, anh kết hôn với một người em họ xa bên ngoại. Họ tình cờ gặp nhau trên phố và ngồi uống nước với nhau, kể cho nhau nghe tin tức về họ hàng, về những chuyện ngày trước. Rồi họ quyết định chung sống với nhau—có thể là vì lúc đó cô gái đã có bầu. Chí ít thì đó là điều mà Tony Takitani nghe cha mình kể lại. Mẹ của cậu là một người phụ nữ xinh đẹp và thâm trầm nhưng không phải là người khỏe mạnh. Một năm sau ngày cưới, chị sinh Tony và ba ngày sau đó thì chị qua đời. Đơn giản như thế đó. Và cũng đơn giản như thế, chị được hoả táng, một cách chóng vánh và lặng lẽ. Chị không bị một biến chứng phức tạp nào, ững không phải ném trái một đầu đốn đang kể gì cả. Chị chỉ tan nhòa thành hư vô, thế thôi, như thể có ai đó lui về phía hậu trường một vở diễn và vụt biến.

Shozaburo không biết đúng ra mình cần phải biểu lộ như thế nào về chuyện này. Anh là người xa lạ với những cảm xúc như vậy. Anh dường như không có khả năng thấu hiểu rốt cục thì cái chết là gì, cũng như chẳng thể kết luận được cái chết của vợ anh có ý nghĩa gì đối với anh. Tất cả những gì anh có thể làm là chấp nhận toàn bộ sự việc này, như thể đó là một việc đã rồi. Và vì thế mà cuối cùng anh có cảm giác có một cái gì đó nông dẹt, một vật thể có hình đĩa chẹn trong lồng ngực anh. Nó là cái gì, vì sao nó lại ở đó, chính anh cũng nào biết. Vật thể đó chỉ nằm đúng chỗ của nó, vậy thôi, và nó cản anh nghĩ thêm bất cứ điều gì

nữa về những gì đã xảy ra. Trọn một tuần sau khi vợ mất, anh không nghĩ ngợi về điều gì cả. Thậm chí anh còn quên băng đĩa trẻ mà anh đã để lại bệnh viện.

Viên thiếu tá đã ở bên cạnh Shozaburo; ông đã làm tất cả những gì có thể để an ủi anh. Gần như ngày nào họ cũng ngồi bên nhau trong doanh trại uống rượu. “Cậu phải bình tâm lại đi,” ông khuyên anh như thế. “Có một việc mà cậu nhất thiết phải làm là nuôi thằng bé nên người”. Những lời nói ấy vô nghĩa đối với Shozaburo, anh chỉ im lặng gật đầu. Rồi một hôm viên thiếu tá bất ngờ đề xuất ý kiến: “Này, tại sao cậu không để mình làm cha đỡ đầu cho thằng bé nhỉ? Mình sẽ đặt tên cho nó nhé”. Ôi trời, Shozaburo nghĩ, mình quên băng cả việc đặt tên cho thằng bé.

Viên thiếu tá gợi ý lấy tên của chính mình—Tony—để đặt cho thằng bé. Tất nhiên, Tony không phải là cái tên dành cho một đứa trẻ Nhật Bản nhưng ý nghĩ ấy chẳng hề gợn lên trong đầu viên thiếu tá. Khi Shozaburo trở về nhà, anh ghi lại cái tên Tony Takitani vào một mẩu giấy rồi dán lên tường. Anh cứ nhìn chăm chăm vào cái tên ấy suốt mấy ngày liền sau đó. Không tệ. Không tệ. Cuộc chiếm đóng của Mỹ tại Nhật có lẽ sẽ còn kéo dài một thời gian nữa, anh nghĩ, thế nên biết đâu cái tên kiểu Mỹ ấy lại có lúc thuận tiện cho thằng bé.

Thế nhưng đối với Tony Takitani, mang cái tên ấy chẳng phải là hay ho gì lắm. Những đứa trẻ khác ở trường học thường gọi cậu là “đồ con lai” và mỗi khi cậu phải nói tên mình cho mọi người biết, người ta thường đáp lại cậu bằng một cái nhìn bối rối hoặc đầy ác cảm. Có người cho cái tên ấy là một trò đùa chẳng ra làm sao cả, người khác lại bộc lộ sự giận dữ. Đối với một số người, nhìn thấy thằng nhóc có cái tên Tony Takitani đó chẳng khác nào nhìn thấy những vết thương cũ bị khơi lại.

Những trải nghiệm như thế chỉ khiến cậu bé trở nên khép kín với thế giới. Cậu chưa từng kết thân với ai cả, nhưng điều này cũng không làm cho cậu thấy khổ sở. Cậu cảm thấy hoàn toàn tự nhiên khi chỉ có một mình: điều đó giống như một tiền đề để bắt đầu cuộc sống. Cha của cậu luôn bận rộn với những chuyến du diễn cùng ban nhạc. Hồi Tony còn nhỏ, có một bà quản gia giúp chăm sóc cậu bé vào ban ngày. Nhưng đến những năm học cuối cấp phổ thông thì cậu có thể tự xoay xở mà không cần đến bà quản gia đó. Cậu có thể tự nấu nướng, khoá cửa nhà vào ban đêm và ngủ một mình. Với Tony, điều này còn dễ chịu hơn là có ai đó lúc nào cũng để ý đến mình.

Shozaburo Takitani không bao giờ tái hôn nữa. Anh có rất nhiều bạn gái nhưng dĩ nhiên, anh không đưa bất cứ ai trong số họ về nhà mình. Giống như cậu con trai, anh đã quen với việc tự chăm sóc cho chính mình. Hai cha con không khác xa nhau như người ta hình dung. Nhưng họ là kiểu người đã sống trong cô độc như một thói quen, nỗi cô độc ấy ở mỗi người có trọng lượng ngang nhau, thế nên chẳng ai chủ động mở lòng cho người khác. Cũng chẳng ai cảm thấy có

nhu cầu phải làm điều đó. Shozaburo Takitani không thích hợp với vai trò của một người cha còn Tony Takitani cũng không phải là một cậu con trai của một ông bố theo nghĩa đầy đủ.

Tony Takitani thích vẽ. Cậu có thể ngồi lì hàng giờ trong phòng của mình chỉ để vẽ. Cậu đặc biệt thích vẽ những hình máy móc. Với cây bút chì vót nhọn, cậu có thể hoàn thành những bức vẽ rõ ràng, chính xác và đặc biệt tỉ mỉ về những chiếc xe đạp, những chiếc đài, những cỗ máy và những thứ đại loại như thế. Nếu vẽ một cái cây, cậu nhất định phải khắc hoạ từng đường gân của chiếc lá. Đó là cách vẽ duy nhất mà cậu biết. Không giống như những môn học khác, điểm môn mỹ thuật của cậu bao giờ cũng nổi trội và cậu thường nhận được giải nhất trong những cuộc thi vẽ của nhà trường.

Bởi thế, đối với Tony Takitani, việc theo học trường mỹ thuật sau khi tốt nghiệp trung học và sau đó nữa trở thành hoạ sĩ vẽ tranh minh hoạ là điều hoàn toàn tự nhiên. Anh chẳng bao giờ thấy cần phải đắn đo, cân nhắc đến những khả năng khác. Trong khi đám bạn cùng lứa với anh phải khổ sở về việc lựa chọn hướng đi cho đời mình thì anh vẫn cứ tiếp tục làm công việc vẽ những bức tranh về máy móc mà không hề nghĩ ngợi đến bất cứ một cái gì khác nữa. Đó lại là thời kỳ mà phần lớn giới trẻ đang bày tỏ sự phản kháng của mình đối với giới cầm quyền bằng sự giận dữ và bằng cả bạo lực thế nên không một người cùng thời nào nhận thấy những bức vẽ rất thực tế của Tony có một chút giá trị gì. Những giáo sư ở trường mỹ thuật nhìn những tác phẩm của anh với một nụ cười nhả nhỏ. Bạn cùng lớp với Tony chê những bức vẽ đó thiêu nội dung tư tưởng. Còn bản thân Tony thì lại không thể hiểu những tác phẩm đầy nội dung tư tưởng của họ thì có giá trị gì. Đối với anh, những bức vẽ ấy thật non nớt, xấu xí và không chính xác.

Thế nhưng ngay sau khi tốt nghiệp trường mỹ thuật thì mọi thứ đối với Tony đều thay đổi. Nhờ tính thực tế cao độ của bút pháp hiện thực trong những bức vẽ của mình, Tony không hề gặp bất cứ khó khăn nào khi tìm việc. Không ai có thể sánh được với anh về mức độ chính xác khi vẽ những loại máy móc và những công trình kiến trúc phức tạp. “Trông chúng còn thật hơn cả vật thật nữa”, ai cũng nhận xét như vậy. Những phác thảo của anh còn tỉ mỉ hơn cả ảnh chụp và rõ nét đến mức mọi lời giải thích đều hoá ra thừa. Vậy là bỗng nhiên anh trở thành một người vẽ minh hoạ mà ai cũng cần. Việc gì anh cũng nhận—từ vẽ bìa cho những tạp chí về ô tô đến vẽ quảng cáo. Anh thích thú với công việc và kiếm được cũng khá. Không phải lạm chi cho bất cứ một sở thích nào, đến năm ba mươi lăm tuổi, anh đã tích góp được một gia sản nhỏ. Anh mua một ngôi nhà lớn ở Setagaya, một khu giàu có ở ngoại ô Tokyo đồng thời sở hữu một vài căn hộ cho thuê. Có một kế toán viên giúp anh quản lý chuyện này.

Đến lúc này, anh cũng đã có quan hệ với một vài phụ nữ. Thậm chí anh đã từng sống chung với một người trong số họ trong một khoảng thời gian ngắn. Nhưng chưa bao giờ anh nghĩ đến chuyện hôn nhân, chưa bao giờ cảm thấy có nhu cầu cưới xin. Chuyện cơm nước, rửa nhà, giặt giũ, anh đều có khả năng tự xoay xở được. Nếu khi nào bận công bận việc thì anh lại thuê một người giúp việc lo cho chuyện nhà. Chưa bao giờ anh thấy thèm có một đứa con. Anh không có nét quyến rũ đặc biệt như cha mình, anh cũng không có một người bạn thật sự nào, người có thể tìm đến anh để xin một lời khuyên hay thổ lộ những điều bí mật, thậm chí chỉ là để uống rượu cùng. Nhưng quan hệ giữa anh với những người anh gặp thường ngày hoàn toàn bình thường. Anh chẳng có gì để ngạo mạn hay tự phụ. Chưa bao giờ anh phải nói lời xin lỗi hay ra điều coi thường ai cả và hầu như những ai biết anh cũng đều quý mến anh. Anh đến thăm cha mình khoảng chừng hai ba, năm một lần, không quá, và chỉ vì một vài vấn đề liên quan đến công việc mà thôi. Khi đã xong công việc, cả hai người đều chẳng còn gì để nói với nhau nữa. Cứ thế, cuộc đời của Tony trôi đi, lặng lẽ và yên bình.

Thế rồi đến một ngày, không hề có tiên cảm nào cả, Tony Takitani yêu. Đó là một cô gái làm thêm cho một nhà xuất bản và hàng tuần, nàng đến văn phòng của anh để chọn tranh minh họa. Nàng hai mươi hai tuổi, một cô gái kín đáo với nụ cười dịu hiền. Khuôn mặt nàng khá tươi tắn nhưng khách quan mà nói, cô gái không đẹp lắm. Tuy nhiên, ở nàng có một điểm gì đấy khiến trái tim của Tony rung động mãnh liệt. Lần đầu tiên nhìn thấy nàng, ngực anh như căng ra, anh dường như không thể thở được nữa. Anh thậm chí không thể hiểu được điều gì ở nàng đã gây ấn tượng đối với anh mạnh mẽ đến như vậy.

Điểm tiếp theo thu hút sự chú ý của anh là trang phục của nàng. Nói chung anh không bao giờ chú ý đặc biệt đến chuyện ăn mặc của người khác nhưng cách chọn trang phục của cô gái này có một điều gì đấy thật quyến rũ, khiến anh có một ấn tượng sâu sắc; thậm chí, có thể nói, chính điều đó đã khiến anh ngây ngất. Xung quanh anh cũng có nhiều phụ nữ ăn mặc thanh lịch, và còn nhiều hơn thế là những người chọn trang phục để gây ấn tượng nhưng cô gái này thì khác. Hoàn toàn khác biệt. Cách ăn vận của nàng hoàn toàn tự nhiên và duyên dáng đến độ có thể tưởng tượng nàng giống như một con chim tự choàng lên mình một lớp lông vũ đặc biệt trước khi chuẩn bị cất cánh bay đến một thế giới khác. Chưa bao giờ anh nhìn ngắm một người phụ nữ trong trang phục của mình với một niềm say đắm đến vậy.

Sau khi nàng rời khỏi, anh ngồi lặng bên bàn, bản thân, chẳng làm được việc gì cho đến tận lúc chiều muộn và căn phòng hoàn toàn chìm trong bóng tối.

Ngày hôm sau, anh gọi điện đến cho nhà xuất bản nơi nàng làm việc và lấy một lý do gì đấy khiến nàng phải trở lại văn phòng của anh. Khi công việc của

hai người kết thúc, anh mời nàng đi ăn trưa. Vừa ăn, hai người vừa trò chuyện với nhau. Mặc dù họ cách biệt nhau đến mười lăm tuổi nhưng thật lạ lùng, cả anh và nàng đều thấy giữa hai người có nhiều điểm chung. Họ đồng tình với nhau về mọi chủ đề. Đó là điều mà anh chưa từng được trải nghiệm trước đó, và cả nàng cũng thế. Thoạt đầu, nàng có phần hơi căng thẳng nhưng rồi dần dần nàng lấy lại cân bằng, cuối cùng thì nàng cũng bật cười và trò chuyện hoàn toàn thoải mái.

“Em ăn mặc rất đẹp”, Tony nói lên cảm xúc của anh khi hai người chia tay.

“Em thích thời trang”, nàng trả lời, kèm theo một nụ cười bẽn lễn. “Phần lớn tiền kiếm được em đều dành để mua váy áo”.

Sau hôm đó, họ có thêm vài buổi hẹn hò nữa. Họ chẳng chọn một chốn đặc biệt nào để hò hẹn mà chỉ tìm một nơi yên tĩnh để ngồi bên nhau trò chuyện cả hàng giờ liền—về quá khứ của họ, công việc của họ, về suy nghĩ và cảm xúc của họ đối với chuyện này chuyện nọ. Chẳng bao giờ họ cảm thấy mệt mỏi bởi những cuộc chuyện trò đó. Cứ như thể họ đang lấp đầy sự trống rỗng của nhau.

Đến lần gặp gỡ thứ năm, anh ngỏ lời cầu hôn với nàng. Nhưng nàng đã có bạn trai, hai người đã để ý đến nhau từ hồi học trung học. Theo thời gian, mối quan hệ giữa anh ta và nàng trở nên nhạt dần, nàng thừa nhận điều ấy, và giờ đây, mỗi khi gặp nhau, họ lại có thể cãi vã về những điều ngớ ngẩn nhất. Thực sự thì ở bên anh ta, nàng không thể cảm thấy thoải mái và thú vị như khi ở bên Tony Takitani, nhưng dẫu vậy, điều đó không có nghĩa là nàng có thể cắt đứt mối quan hệ này một cách đơn giản được. Dù sao đi nữa, nàng cũng có những lý do ràng buộc. Và lại, giữa Tony và nàng lại có khoảng cách đến mười lăm năm tuổi đời. Nàng hãy còn trẻ, lại chưa từng trải. Nàng không rõ sự cách biệt tuổi tác đó có ảnh hưởng gì đến cuộc sống của hai người trong tương lai. Nàng nói với Tony rằng nàng cần thời gian để suy nghĩ.

Mỗi ngày chờ nàng suy nghĩ là mỗi ngày Tony Takitani sống trong địa ngục. Anh không thể làm việc được. Anh chỉ ngồi uống rượu, uống một mình. Chưa bao giờ sự cô độc lại trở thành một gánh nặng khủng khiếp đối với anh như lúc này, nó là cội nguồn của nỗi thống khổ trong anh, là một ngục tù đầy đọa anh. Trước đây, chưa bao giờ mình để ý đến điều đó, anh nghĩ. Anh nhìn chằm chằm vào những bức tường dày, lạnh lẽo xung quanh mình với ánh mắt tuyệt vọng và thảm nhũ: nếu nàng từ chối lời cầu hôn của mình, có lẽ mình chỉ còn biết tìm đến cái chết mà thôi.

Anh muốn gặp nàng, để nói với nàng anh thật sự đang cảm thấy thế nào. Cuộc đời anh đã trở nên cô đơn ra sao kể từ khi đó. Anh đã đánh mất bao nhiêu điều qua từng ấy năm tháng. Và nàng đã giúp anh nhận ra điều đó như thế nào.

Nàng là một cô gái thông minh. Nàng đã có tình cảm với Tony Takitani. Ngay từ buổi ban đầu gặp gỡ, nàng đã nghĩ nhiều đến anh, và mỗi lần hò hẹn lại làm nàng cảm mến anh hơn. Tình cảm đó có hẳn là “tình yêu” không, nàng

không rõ. Nhưng nàng có cảm giác ở anh có một điều gì đó tuyệt vời sâu xa và nàng nghĩ mình sẽ hạnh phúc nếu gắn bó đời mình với anh. Và vậy là cuối cùng họ cũng lấy nhau.

Với đám cưới ấy, Tony Takitani đã chấm dứt thời kỳ cô độc của đời mình. Mỗi buổi sáng thức dậy, việc đầu tiên anh làm là tìm nàng. Và khi nhận ra nàng đang nằm ngủ bên cạnh mình, anh cảm thấy nhẹ lòng. Khi nàng không ở bên, anh cảm thấy lo âu và đi khắp nhà để tìm nàng. Đối với anh, khi không còn cô độc nữa, anh lại thấy có một điều gì đó rất lạ. Chính bởi vì cuộc đời anh đã trôi hết những ngày cô độc nên anh lại thấy lo sợ nếu như phải trở lại tình trạng cô độc như thế. Anh sẽ phải làm gì khi đó? Câu hỏi ấy cứ ám ảnh anh mãi. Đôi khi nỗi sợ hãi đó khiến anh toát mồ hôi. Nhưng rồi dần dà anh cũng quen với cuộc sống mới và khả năng vợ anh biến mất bất ngờ dường như trở nên xa vời hơn, nỗi âu lo của anh bởi vậy cũng lắng xuống. Cuối cùng thì anh cũng yên tâm và đắm chìm trong niềm hạnh phúc mới mẻ và êm đềm.

Một hôm, nàng bảo nàng muốn nghe để biết loại nhạc mà bố chồng mình đang chơi là gì. Nàng hỏi Tony: “Anh có nghĩ là ông sẽ thấy ngại nếu chúng ta đến nghe ông chơi nhạc không?”

“Có lẽ là không”. Anh trả lời.

Họ đến câu lạc bộ ban đêm Ginza, nơi Shozaburo Takitani đang biểu diễn. Đây là lần đầu tiên kể từ hồi nhỏ Tony Takitani đến nghe bố mình chơi nhạc. Shozaburo vẫn chơi những bản nhạc mà ông đã từng chơi từ thuở nào, vẫn là những bài hát mà Tony đã nghe không biết bao nhiêu lần qua băng đĩa từ khi còn là một cậu bé. Phong cách của Shozaburo vẫn dịu dàng, thanh nhã, ngọt ngào. Đó không phải là nghệ thuật mà chỉ là một thứ âm nhạc do một nhạc công chuyên nghiệp thành thực biểu diễn, vậy thôi, và điều đó có thể đem đến cho đám đông khán giả một cảm giác dễ chịu.

Thế nhưng, chẳng mấy chốc, có một cái gì bắt đầu làm nghẹt hơi thở của Tony Takitani, cứ như thể anh là một cái ống hẹp mà bùn đặc cứ âm thầm tích đầy, không thể nào hãm lại, và anh cảm thấy khó ngồi yên được nữa. Anh không thoát khỏi cảm giác cứ gợn lên trong anh rằng thứ nhạc mà anh đang nghe đây chỉ hơi khác một chút so với thứ nhạc mà anh nhớ là bố mình đã từng chơi. Tất nhiên, anh đã nghe thứ nhạc ấy cách đây nhiều năm, và nói cho cùng, anh đã lắng nghe nó bằng đôi tai trẻ thơ, nhưng sự khác biệt này, đối với anh, cực kỳ quan trọng. Một sự khác biệt rất tinh vi nhưng có tính cốt yếu. Anh những muốn đi lên bục sân khấu, nắm lấy tay bố mình mà hỏi: “Điều gì vậy, thưa bố? Đã có điều gì thay đổi?” Nhưng anh lại không làm điều như thế. Anh chẳng bao giờ có thể lý giải cái gì đang ở trong đầu mình. Thay vào đó, anh lại chỉ ngồi yên bên bàn của mình và uống rượu, uống nhiều hơn thường lệ, cho đến khi bố mình biểu diễn xong. Khi tiết mục kết thúc, anh và vợ vỗ tay rồi trở về nhà.

Cuộc sống của vợ chồng Tony rất đổi êm đềm. Chưa bao giờ họ cãi vã nhau, đã có biết bao nhiêu những giờ khắc hạnh phúc họ được ở bên nhau, họ cùng nhau đi dạo, đi xem phim, đi du lịch. Công việc của Tony Takitani vẫn tiếp tục tiến triển và nàng cũng tỏ ra rất đảm đang quán xuyến việc nhà. Với một người còn trẻ tuổi như thế, đó là điều đáng phục. Tuy nhiên, có một điều khiến Tony hơi băn khoăn, ấy chính là nỗi đam mê mua sắm hàng thời trang của nàng. Cứ đứng trước một bộ trang phục nào đấy là nàng lại cảm thấy không cưỡng lại được ham muốn của mình. Lúc ấy, ánh nhìn trong mắt nàng thật lạ lùng, thậm chí giọng nói của nàng cũng dường đổi khác. Khi lần đầu tiên phát hiện ra điều này ở nàng, Tony cứ nghĩ có thể là do nàng đột nhiên thấy mệt. Anh đã nhận thấy điều đó trước khi họ lấy nhau nhưng phải đợi đến tuần trăng mật của hai người, hiện tượng ấy mới bắt đầu bộc lộ sâu sắc. Nàng đã mua một số lượng đáng kinh ngạc quần áo trong chuyến du lịch châu Âu của hai người. Ở Milan và Paris, nàng đã đi hết cửa hiệu thời trang này đến cửa hiệu thời trang khác, từ sáng đến tận tối khuya, cứ như một kẻ bị ma ám vậy. Họ chẳng thăm thú được thắng cảnh nào cả. Thay vì đến thăm Duomo hay bảo tàng Louvre thì họ lại đi xem những cửa hiệu của các hãng thời trang Valentino, Missoni, Saint Laurent, Givenchy, Ferragamo, Armani, Cerutti, Gianfranco Ferré. Bị mê hoặc trước những bộ đồ, nàng vợ hết tất cả những gì lọt vào mắt mình và Tony cứ lẽo đẽo theo sau thanh toán hoá đơn. Anh thật sự lo lắng khi những con số nổi trên thẻ tín dụng cứ tụt dần, tụt dần.

Cơn sốt của nàng vẫn không thuyên giảm khi họ trở về Nhật Bản. Nàng vẫn tiếp tục mua những bộ đồ mới, gần như là hàng ngày. Số lượng áo xống trong số đồ riêng của nàng tăng vọt. Để chứa chúng, Tony phải dùng đến vài cái tủ trung bày lớn. Anh cũng làm luôn cả một cái giá để đựng giày của vợ. Nhưng ngay cả như thế, vẫn không đủ chỗ cho tất cả mọi thứ. Và cuối cùng, anh phải dành cả một căn phòng được thiết kế lại như một buồng riêng mới cất được tất cả váy áo, giày dép của vợ. Trong căn nhà lớn của mình, họ có những căn phòng dự trữ và tiền bạc không phải là vấn đề. Thêm nữa, nàng trông rất lộng lẫy trong những trang phục mà mình mua và bao giờ nét mặt nàng cũng ngời lên hạnh phúc khi mua được một bộ đồ mới, thế nên Tony quyết định không than phiền. Không ai là hoàn hảo cả, anh nhủ thầm như vậy.

Tuy nhiên, khi số lượng quần áo của nàng đã trở nên quá lớn, đến mức một căn phòng đặc biệt dành cho nó vẫn không đủ được thì Tony Takitani bắt đầu có chút nghi ngờ. Một lần, khi nàng đi vắng, anh đi đếm xem vợ mình có bao nhiêu bộ váy. Anh ước tính rằng nàng có thể thay trang phục hai lần một ngày mà vẫn không bị mặc trùng trong khoảng thời gian gần hai năm. Nàng bận bịu mua đồ mới đến độ chẳng có thời gian để mặc chúng nữa. Anh băn khoăn không hiểu liệu vợ mình có vấn đề gì về tâm lý hay không. Nếu là như vậy, anh thấy cần phải có động tác để tìm hãm thói quen của nàng lại.

Một buổi tối, sau khi ăn xong, anh quyết định nói lên điều khó nói ấy: “Anh muốn em cắt giảm một chút chuyện mua sắm quần áo”, anh nói, “đó không phải là vì vấn đề tiền nong. Anh không nói đến điều ấy. Anh không phản đối em mua những gì mình thấy cần và anh rất hạnh phúc khi nhìn thấy em xinh tươi như thế, nhưng thật sự em có cần nhiều những chiếc váy đắt tiền như thế không?”

Vợ của anh cúi mặt xuống, ngẫm nghĩ một lát. Rồi nàng nhìn thẳng vào mắt anh và nói: “Anh nói đúng, vâng. Em không cần nhiều váy áo đến như thế. Em hiểu. Nhưng đâu biết thế, em vẫn không thể tìm lòng mình được. Khi nhìn thấy một cái váy đẹp, em lại nghĩ mình nhất định phải mua nó bằng được. Khi ấy, những ý nghĩ như mình có cần đến nó hay không, hay mình đã có quá nhiều rồi hay không, hoàn toàn bị gạt khỏi lý trí của em. Em chỉ không thể tìm lại lòng mình được”. Nàng hứa sẽ cố gắng tự kiềm chế. “Em biết nếu vẫn cứ tiếp tục mua sắm như vậy thì chẳng mấy chốc, cả nhà mình sẽ chật đầy quần áo của em”.

Và thế rồi nàng giam mình trong nhà cả tuần, cố gắng tránh xa những cửa hiệu thời trang. Khoảng thời gian ấy là khoảng thời gian cực hình đối với nàng. Nàng có cảm giác như đang đi trên bề mặt của một hành tinh yếm khí. Ngày nào nàng cũng ngồi trong căn phòng chật đầy áo quần, lấy xuống lần lượt từng bộ đồ để nhìn ngắm chúng. Nàng vuốt ve lớp vải, hít lấy mùi thơm của nó, uớng những bộ đồ lên người và ngắm mình trong gương. Nhưng càng nhìn ngắm những bộ đồ như thế, nàng lại càng muốn có một bộ đồ mới. Nỗi ham muốn có một bộ đồ mới, đối với nàng, đã trở thành một cảm giác nặng nề. Đơn giản là nàng không chịu nổi cảm giác đó.

Nhưng nàng là người yêu chồng mình sâu sắc. Và nàng tôn trọng anh. Nàng biết là anh đúng. Nàng gọi điện cho một cửa hiệu thời trang quen thuộc của nàng và hỏi chủ hiệu xem có thể cho nàng đem trả lại một chiếc áo khoác và váy mà nàng đã mua tại cửa hiệu trước đó mười ngày nhưng chưa từng mặc. “Vâng, được, thưa bà,” người ta trả lời nàng như vậy. Nàng là một trong số những khách hàng đặc biệt của cửa hiệu; và họ có thể dành sự ưu ái đó cho nàng. Nàng đặt chiếc áo khoác và bộ váy vào trong chiếc Renault Cinque và lái xe đến quận Aoyama, một quận sang trọng. Ở đó nàng trả lại bộ đồ đã mua và nhận lại tiền. Xong việc, nàng hối hả chạy ra xe, cố gắng không nhìn vào bất cứ một cái gì khác nữa rồi phóng thẳng về nhà. Nàng có một cảm giác gì đó, như là một sự nhẹ bồng, khi đem trả lại những gì mình đã mua. Phải, nàng tự nhủ, mình không cần những thứ ấy. Mình đã có đủ áo khoác và váy xống để mặc đến hết đời rồi. Nhưng khi dừng lại đợi đèn đỏ đổi màu thì chiếc áo đó, bộ váy đó lại choán ngợp tâm trí nàng. Nàng có thể nhớ lại đến từng chi tiết của chúng: màu sắc, nếp cắt, chất vải. Nàng có thể mừng rỡ rờ rệt về chúng, như thể chúng đang hiện hữu trước mặt nàng. Một lớp mồ hôi toát ra trên vầng trán của nàng. Tay tì lên bánh lái, nàng thở một hơi dài và sâu, mắt nhắm nghiền lại. Và ngay khi nàng mở mắt

ra, nàng nhận thấy đèn giao thông đã bật xanh. Hoàn toàn theo bản năng thôi thúc, nàng nhún ga.

Một chiếc xe tải lớn đang cố gắng vượt qua ngã tư đường trong lúc đèn đang ngả vàng với tốc độ tối đa đã đâm sầm vào bên hông chiếc Renault của nàng. Nàng không hề cảm giác thấy một điều gì cả.

Chỉ còn lại Tony Takitani với cả một phòng đầy những bộ váy mang cỡ số 2 và một trăm hai mươi đôi giày. Anh không biết phải làm gì với chúng. Anh không định giữ tất cả những bộ váy áo của vợ mình suốt cả phần đời còn lại, bởi vậy anh gọi cho một người trong giới buôn bán và đồng ý bán tất cả số mũ cùng đồ phụ tùng kèm theo với cái giá đầu tiên mà vị thương gia ấy đưa ra. Vớ và những đồ lót, anh buộc lại thành chùm và đem đến lò đốt rác trong vườn để đốt. Còn đối với váy và giày của nàng thì bởi số lượng của chúng quá nhiều nên anh vẫn để chúng lại ở nơi trước đây của chúng. Sau đám tang vợ, anh tự giam mình trong phòng và cả ngày chỉ ngồi nhìn trân trân vào những giá mắc quần áo.

Mười ngày sau, Tony Takitani đăng một mẫu quảng cáo trên một tờ báo. Anh muốn tìm một người giúp việc nữ, có cỡ quần áo số 2, chiều cao khoảng chừng 5,3 foot, đi giày cỡ số 6, tiền lương khá, điều kiện làm việc thuận lợi. Bởi mức lương anh đưa ra cao một cách bất thường thế nên có đến mười ba phụ nữ xếp hàng tại xưởng làm việc của anh ở quận Minami-Aoyama để phỏng vấn. Năm người trong số đó rõ ràng đã nói dối về cỡ quần áo của mình. Trong số tám người còn lại, anh chọn được một người mà vóc dáng gần giống vợ anh nhất, một phụ nữ độ hai lăm, hai sáu tuổi với khuôn mặt không có gì đặc biệt. Cô ta mặc một chiếc áo cánh trắng đơn sơ và một chiếc váy bó màu xanh da trời. Trang phục và giày dép của cô ta đều nền nã và sạch sẽ nhưng đã cũ.

Tony Takitani nói với người phụ nữ được tuyển lựa: “Công việc không có gì khó nhọc cả. Cô chỉ cần đến văn phòng hàng ngày từ chín giờ sáng cho đến năm giờ chiều, trả lời điện thoại, giao các bản minh họa, thu thập tài liệu giúp tôi, in sao các bản vẽ—đại loại là những công việc như thế. Chỉ có duy nhất một điều kiện. Tôi vừa mới mất vợ, và vợ tôi để lại rất nhiều quần áo của nàng ở nhà. Phần lớn những gì mà cô ấy để lại đều còn mới nguyên hoặc hãy còn như mới. Tôi muốn cô mặc những đồ của vợ tôi như một thứ đồng phục trong khi cô làm việc ở đây. Tôi biết hẳn là cô cảm thấy điều này thật lạ lùng, nhưng tin tôi đi, tôi không có động cơ sâu xa gì cả. Điều đó chỉ giúp tôi có thời gian để quen với ý niệm là vợ tôi đã mất. Nếu có cô ở bên trong trang phục của vợ tôi, thì tôi chắc chắn cuối cùng mình cũng sẽ ngộ ra rằng cô ấy không còn nữa”.

Người phụ nữ trẻ cắn môi ngẫm nghĩ về lời đề nghị đó. Đó là một yêu cầu, đúng như anh ta nói, lạ lùng—thực sự nó quá đổi lạ lùng đến độ cô không hoàn toàn hiểu nó. Cô hiểu là vợ của anh ta vừa mới qua đời. Và cô cũng hiểu người

vợ của anh ta đã để lại rất nhiều quần áo của mình. Nhưng cô thật sự không rõ tại sao mình lại cần phải làm việc trong trang phục của vợ anh ta. Theo suy nghĩ thông thường thì cô có thể đoán rằng anh ta yêu cầu cô ăn mặc như thế có lẽ vì cơn cơn xa hơn là chỉ muốn được vừa mắt. Nhưng cô nghĩ người đàn ông này không phải là người có tâm địa xấu. Chỉ cần nghe cách anh ta nói chuyện cũng có thể thấy được điều đó. Có thể cái chết của người vợ đã có một tác động gì đó đến tâm trí anh nhưng anh ta không phải loại người vì những điều như thế mà đi đến chỗ làm hại người khác. Và dù sao thì cô cũng đang cần một công việc. Cô đã đi tìm việc từ lâu rồi, tiền trợ cấp thất nghiệp của cô sắp hết và có lẽ cô chẳng bao giờ tìm được một công việc được trả công khá như thế này.

“Tôi nghĩ là mình hiểu”, cô nói. “Và tôi nghĩ là mình có thể làm được những gì mà ông yêu cầu. Nhưng, trước hết, tôi không biết là liệu ông có thể cho tôi xem những bộ quần áo mà mình sẽ phải mặc được không. Tôi nên kiểm tra xem liệu chúng có thật sự phù hợp với cỡ của mình”.

“Tất nhiên là được,” Tony Takitani trả lời và anh đưa người phụ nữ ấy về nhà mình, chỉ cho cô ta xem căn phòng chứa quần áo của vợ mình. Cô chưa bao giờ nhìn thấy nhiều áo váy chất đống tại một nơi như vậy, ngoại trừ trong các quầy hàng. Bộ váy nào cũng rất đắt tiền và đều là loại cao cấp. Cũng khó có thể chê được điểm gì về gu thẩm mỹ. Nhìn chúng mà mắt dường như cứ lóa lên. Người phụ nữ cảm thấy ngộp thở. Tim cô đập rộn ràng. Giống như thể nó đang trong cơn hưng phấn dục tình, cô nhận ra như thế.

Tony Takitani để người phụ nữ ở lại một mình trong phòng. Cô như bị hút vào những bộ váy áo và mặc thử một vài bộ. Cô cũng đi thử một vài đôi giày nữa. Tất cả đều vừa khít cứ như chúng được làm cho cô vậy. Cô ngắm nhìn hết bộ váy này đến bộ váy khác. Cô miết tay lên lớp vải và hít lấy hương thơm. Có đến cả hàng trăm chiếc váy treo trên mắc. Tự bao giờ mắt cô đã đong đầy nước và chỉ chực trào ra. Cô không biết làm sao để cầm lại. Cơ thể cô giờ đây được bọc trong chiếc váy của người phụ nữ đã chết, cô chỉ biết đứng lặng, sụt sịt, cố gắng nén lại tiếng khóc bật ra từ cổ họng. Không lâu sau đó, Tony Takitani trở về để xem cô đang làm gì.

“Tại sao cô khóc?” anh hỏi.

“Tôi cũng không biết nữa”, cô gái lắc đầu nói. “Tôi chưa bao giờ thấy nhiều bộ váy đẹp đến vậy. Có lẽ điều ấy đã làm tôi buồn. Tôi xin lỗi”. Cô lấy khăn mùi xoa để lau nước mắt.”

“Nếu cô thấy ổn thì ngay ngày mai, cô sẽ bắt đầu công việc tại căn phòng”, Tony nói, đúng phong cách của một người làm kinh doanh. “Hãy chọn lấy những bộ váy và những đôi giày mà cô sẽ dùng trong một tuần và đem về nhà mình”.

Người phụ nữ phải mất nhiều thời gian để chọn ra những bộ váy đáng giá để mặc trong sáu ngày. Sau đó cô lại chọn giày để đi cho tương ứng. Cô gói ghém

tất cả vào một chiếc va ly.

“Hãy lấy cả một cái áo khoác nữa. Nếu cô không muốn bị lạnh”. Tony Takitani nói.

Cô chọn một chiếc áo khoác dệt bằng len cashmere[1] có màu xám ấm áp. Nó nhẹ tênh như thể được làm từ lông vũ. Cô chưa từng cầm trên tay một chiếc áo khoác nhẹ như vậy trong đời.

Khi người phụ nữ rời khỏi, Tony Takitani quay trở vào buồng của vợ mình, đóng sập cửa lại và cứ ngồi đó, đưa mắt nhìn vãn vợ những bộ váy. Anh không hiểu tại sao người phụ nữ lại bật khóc khi nhìn thấy chúng. Đối với anh, những chiếc váy đó giống như những cái bóng mà vợ anh để lại. Những chiếc bóng mang cỡ số 2 của vợ anh lơ lửng ở đó trên những giá treo dài, lớp này chồng lên lớp kia, cứ như thể có ai đó đã gom lại và treo lên đó những vật mẫu về những khả năng vô hạn (hay chí ít là những khả năng vô hạn xét về mặt lý thuyết) hàm ẩn trong sự tồn tại của con người.

Những chiếc váy đó đã từng gắn chặt với cơ thể của vợ anh, người đã đem lại cho chúng hơi ấm của sự sống và làm cho chúng được vận động. Song bây giờ, những gì treo trước mắt anh lại chỉ là những cái bóng âm u, bị cắt lìa khỏi những cõi rễ của sự sống, trở nên nhòa nhạt, hoàn toàn trống rỗng về ý nghĩa. Những sắc màu phong phú của chúng múa nhảy trong không gian như những hạt phấn hoa tung bay lên, làm nhòa mắt anh, bịt kín tai anh, lấp chặt lỗ mũi anh. Những đường ren, những hàng cúc, những gấu vai, những túi áo rồi cả những chiếc thắt lưng cứ điên cuồng hóp lấy bầu không khí của căn phòng, làm nó loãng dần, loãng dần cho đến khi anh cảm thấy ngạt thở. Không biết bao nhiêu viên băng phiến làm tỏa ra một thứ mùi dày đặc giống như âm thanh của cả triệu con côn trùng có cánh nhỏ xíu. Giờ đây, anh cảm thấy căm ghét những bộ váy đó, cảm giác ấy đến với anh một cách bất ngờ. Anh ngồi sụp xuống, dựa lưng vào tường, hai tay khoanh lại và anh nhắm nghiền mắt. Lại một lần nữa, nỗi cô đơn rỉ thấm vào trong anh, như một thứ nước canh âm ảm. Tất cả đã hết, anh nhủ thầm. Mình có làm gì đi nữa thì tất cả cũng đã hết thật rồi.

Anh gọi điện đến cho người phụ nữ mà anh đã chọn và nói với cô ta hãy quên công việc đó đi. Không có việc gì dành cho cô nữa, anh bảo vậy và nói lời xin lỗi.

“Sao lại thế?” Người phụ nữ hỏi, đầy sững sốt.

“Tôi xin lỗi nhưng giờ đây sự thể đã thay đổi,” anh nói. “Cô có thể giữ lại những bộ đồ và những chiếc giày mà cô đã mang về nhà. Tôi chỉ muốn cô hãy quên câu chuyện này đi và xin đừng kể với bất kỳ ai về nó”.

Người phụ nữ không hiểu nỗi điều này và cô càng nài hỏi thì lại càng vô vọng.

“Tôi hiểu”, cuối cùng thì cô đành phải nói vậy và đập máy.

Ban đầu, cô thấy tức giận đối với Tony Takitani. Nhưng rồi không lâu, cô cảm tưởng rằng có thể mọi chuyện đã diễn ra theo hướng có lợi hơn cả đối với cô. Toàn bộ việc này đã khác thường ngay từ đầu. Cô thấy buồn vì mất việc, song lại nghĩ mình có thể tìm được một việc khác.

Cô mở gói đồ mà cô đã mang từ nhà Tony Takitani về, vuốt chúng lại phẳng phiu rồi treo lên tủ quần áo của mình. Những đôi giày thì cô đặt lên giá ở trước cửa. So với những thứ đồ cô mới đem về này thì quần áo và giày dép của cô trông tối tàn đến thảm hại. Cô có cảm giác dường như chúng là một loại vật chất khác, được tạo từ những chất liệu theo kích cỡ khác. Cô thay bộ đồ đã mặc để đi phỏng vấn bằng một chiếc quần jean và một chiếc áo dạ. Cô ngồi bệt xuống sàn nhà, uống một cốc bia lạnh. Nhớ lại căn phòng ngập những áo quần mà cô đã nhìn thấy ở nhà Tony Takitani, cô buông một tiếng thở dài. Nhiều bộ váy đẹp quá, cô nghĩ. Và cái “phòng” đó, nó còn lớn hơn cả căn hộ của mình. Cứ thử hình dung xem người ta phải bỏ bao nhiêu thời gian và tiền bạc để mua tất cả số váy áo đó! Thế mà người phụ nữ làm cái việc ấy giờ đã chết. Mình không rõ phải cảm thấy thế nào nếu như phải chết và đành bỏ lại nhiều bộ váy áo đẹp đến thế.

Ban bè của cô đều biết rõ cô là kẻ nghèo, thế nên họ đều ngạc nhiên khi mỗi lần gặp gỡ lại thấy cô diện một bộ váy mới—bộ nào trông cũng tinh tế và đều là hàng hiệu.

“Bạn kiếm một chiếc váy như thế ở đây vậy?” Họ hỏi cô.

“Tôi đã hứa là sẽ không tiết lộ”, cô lắc đầu trả lời. “Hơn nữa, nếu tôi kể ra chắc gì các cậu đã tin tôi”.

Cuối cùng thì Tony Takitani đã gọi một người chuyên kinh doanh quần áo cũ đến mang đi tất cả những gì mà vợ anh để lại. Tay buôn đó chỉ trả Tony bằng 20% số tiền y đáng phải bỏ ra để mua chúng nhưng tiền nong đối với Tony không phải là điều quan trọng. Anh có thể cho không tất cả những thứ đó, chỉ cần là chúng được đem đến một nơi nào đó mà anh sẽ không bao giờ phải nhìn thấy chúng nữa.

Thỉnh thoảng, Tony lại vào căn phòng trống trơn đó và ngồi lặng ở đấy một vài tiếng đồng hồ. Anh cứ ngồi không như vậy, chẳng làm gì cả, chỉ để cho đầu óc trống rỗng. Anh ngồi trên sàn nhà, nhìn trần nhà vào những bức tường trơn tru, vào những cái bóng của bóng người vợ đã quá cố. Nhưng theo ngày tháng trôi qua, anh mất dần khả năng nhớ lại những vật đã từng ngự trị trong căn phòng. Ký ức về những sắc màu, những mùi hương đã phai đi gần như ngay trước khi anh nhận ra nó đã biến mất. Thậm chí những xúc cảm sống động mà anh từng nâng niu cũng rơi rụng, tựa hồ chúng đã đi ẩn dật đâu đó khỏi vùng lý trí của anh. Như thể một làn sương trong gió nhẹ, những ký ức của anh biến dạng, và cứ mỗi lần biến dạng, chúng lại trở nên mờ nhạt hơn. Mỗi mảnh ký ức giờ đây giống như cái

bóng của một cái bóng của một cái bóng khác. Điều duy nhất còn xác thực đối với anh là cảm giác trống rỗng.

Đôi khi anh không thể nào nhớ lại khuôn mặt của vợ mình. Nhưng những gì mà anh nhớ lại được lại là hình ảnh người phụ nữ ấy, một người hoàn toàn xa lạ, sụt sùi rơi nước mắt khi nhìn những bộ váy áo mà vợ anh để lại trong phòng. Anh nhớ khuôn mặt chẳng có gì đặc biệt của cô ta, nhớ đôi giày mà lớp sơn đã bị tróc của cô. Lâu dần, anh quên hết tất cả những điều đó, kể cả tên của cô ta, chỉ còn có hình ảnh của cô, thật lạ lùng, anh không thể nào quên được.

Hai năm sau khi vợ của Tony Takitani qua đời thì cha của anh cũng mất vì ung thư gan. Shozaburo Takitani hầu như không phải chịu nhiều đau đớn, thời gian mà ông phải nằm viện cũng ngắn. Ông chết như thể chỉ là đang nằm ngủ vậy. Theo nghĩa ấy, ông đã sống một cuộc đời như có phép màu phù hộ cho đến tận phút cuối. Ngoài một ít tiền mặt và một số giấy chứng nhận cổ phần, Shozaburo chẳng để lại thứ gì đáng gọi là tài sản cả. Chỉ có cây kèn của ông và một bộ sưu tập lớn những đĩa nhạc jazz cũ. Tony Takitani xếp những đĩa nhạc đó vào những chiếc hộp mà công ty dịch vụ chuyển nhà cho anh và chất chúng vào trong căn phòng bỏ trống Bởi vì chúng có mùi mốc nên anh thường xuyên phải mở cửa sổ căn phòng để mùi của chúng bay đi. Nếu không, anh sẽ chẳng bao giờ muốn đặt chân vào nơi ấy.

Một năm trôi đi như thế, và rồi những chiếc hộp đựng những đĩa nhạc bắt đầu khiến anh bận tâm mỗi lúc lại nhiều hơn. Thường thường, cứ nghĩ chúng đang hiện diện ở đó, anh lại thấy mình như đang nghẹt thở. Có đôi lần, anh choàng dậy lúc nửa đêm và không thể nào tiếp tục ngủ được nữa. Những ký ức của anh trở nên nhập nhoà nhưng chúng vẫn còn đó, vẫn ở cái nơi trước kia chúng từng ngự, với tất cả sức nặng mà ký ức có thể tích tụ lại.

Tony Takitani gọi cho một người kinh doanh băng đĩa và muốn bán cho anh ta bộ sưu tập này. Vì bộ sưu tập có nhiều đĩa nhạc có giá trị đã không tái bản từ lâu nên người ta trả cho anh một số tiền đáng kể—đủ để mua một chiếc xe hơi loại nhỏ. Nhưng đối với anh, tiền bạc cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Khi những đĩa nhạc đó biến khỏi ngôi nhà mình thì Tony Takitani thực sự hoàn toàn trợ trọi.

[1]cashmere: loại vải len rất mềm và đắt tiền được làm từ lông dê vùng cao nguyên Kashmir.

Dịch theo bản Anh ngữ “Tony Takitani”

do Jay Rubin chuyển ngữ từ tiếng Nhật, đăng trên The New Yorker, số ngày 15-4-20

Câu chuyện về một bà cô tội nghiệp

Chuyện bắt đầu vào một buổi chiều chủ nhật cực kỳ đẹp trời trong tháng bảy – chính là cái buổi chiều chủ nhật đầu tiên của tháng. Phía một góc trời xa lác

đắc đôi ba cụm mây trắng xốp, nhỏ nhoi, tựa những dấu ngắt câu được đặt một cách đặc biệt cẩn thận. Không hề bị cản trở, ánh mặt trời rót lên lóng lánh xuống thế gian. Trong vương quốc của tháng bảy, thậm chí một nhúm giấy bạc bọc sô cô la bị vớt lại trên bãi cỏ cũng hắt lên tia lấp lánh kiêu hãnh, như một mảnh pha lê dưới đáy hồ. Nếu bạn ngắm nhìn cảnh tượng ấy đủ lâu, bạn có thể nhận ra ánh mặt trời còn bao bọc một thứ ánh sáng nữa, giống như một chiếc hộp Trung Hoa[1] ở bên trong một chiếc hộp khác. Thứ ánh sáng bên trong ấy dường như được tạo nên bởi vô số hạt phấn hoa - những hạt phấn lơ lửng trong không trung, gần như bất động cho đến tận lúc chúng lắng xuống mặt đất.

Hôm đó, tôi đi dạo với một cô bạn và trên đường về nhà, chúng tôi dừng lại trước quảng trường bên ngoài Phòng tranh tưởng niệm Minh Trị Thiên Hoàng. Ngồi bên hồ, chúng tôi đưa mắt nhìn hai con kỳ lân bằng đồng dựng ở bên bờ đối diện. Một làn gió nhẹ làm xao xác những rặng sỏi và khiến mặt hồ lăn tăn những làn sóng nhỏ. Thời gian dường như cũng chuyển động như làn gió ấy: gợn lên rồi lại ngừng lặng, ngừng lặng rồi lại gợn lên. Những lon soda hắt lên qua làn nước trong, như thể những phé tích bị chìm lắng của một thành phố đã mất. Đi ngang qua chúng tôi là một đội cầu thủ bóng chày trong bộ đồng phục của họ, một cậu bé lái xe đạp, một cụ già dắt chó đi dạo, một người nước ngoài trẻ tuổi mặc quần short, loại dành cho người tập chạy bộ. □húng tôi chợt nghe thấy một đoạn nhạc vọng ra từ một chiếc radio xách tay cỡ lớn đặt trên bãi cỏ: đó là một bài hát ngọt ngào về một mối tình đã thành dĩ vãng. Giai điệu bài hát nghe quen quen nhưng tôi không chắc chắn. Có lẽ nó tựa tựa một bài hát mà tôi biết. Tôi có thể cảm nhận được cánh tay trần của mình đang lặng lẽ mon man những tia nắng. Mùa hạ đang ở nơi đây.

Tại sao một bà cô tội nghiệp, trong tất cả mọi điều, lại ám ảnh tâm trí tôi giữa một buổi chiều chủ nhật như thế này? Tôi không hiểu nổi. Xung quanh đây chẳng có một bà cô tội nghiệp nào cả, chẳng có cái gì khiến tôi liên tưởng đến sự tồn tại của một bà cô như vậy. Thế nhưng một bà cô tội nghiệp lại xuất hiện trong đầu tôi và rồi bà biến mất. Giá mà, dù chỉ trong một phần trăm của một giây, bà ở trong tôi. Khi bà rời khỏi tôi, bà để lại một nỗi trống rỗng xa lạ, nỗi trống rỗng mang hình thù con người. Cứ như thể có ai đó vụt ngang qua một ô cửa sổ và rồi mất hút. Tôi chạy vội ra bên cửa, thò đầu ra ngoài thế nhưng chẳng có ai ở đó hết.

Một bà cô tội nghiệp?

Tôi cố nói rõ từng từ cho người bạn đồng hành. “Tôi muốn viết một cái gì đó về một bà cô tội nghiệp”. Tôi bảo.

“Một bà cô tội nghiệp?”. Nàng có vẻ hơi ngạc nhiên. “Tại sao lại là một bà cô tội nghiệp cơ chứ?”

Tôi không biết tại sao cả. Không hiểu sao những điều choán lấy tôi bao giờ cũng là những điều tôi không hiểu. Trong một lúc, tôi chẳng biết nói gì, chỉ di di ngón tay theo đường viền của nổi trống rỗng mang hình thù con người trong tôi.

“Minh không biết là có người nào muốn đọc một câu chuyện như vậy không”, cô bạn của tôi nói.

“Phải”, tôi nói. “Nó có thể không phải là loại mà bạn cho là ‘đọc được’”.

“Thế sao cậu lại viết một thứ như thế?”

“Tớ không thể nói rõ bằng lời được”. Tôi nói. “Đề giải thích vì sao tớ lại muốn viết một câu chuyện về một bà cô tội nghiệp, có lẽ tớ phải viết ra câu chuyện đó. Nhưng khi câu chuyện đó hoàn thành rồi thì liệu có cần phải giải thích vì sao lại viết nó hay không nhỉ?”

Nàng mỉm cười và rút một điều thuốc nhàu nhò từ túi áo ra rồi châm lửa. Những điều thuốc của nàng lúc nào cũng nhàu nhò, thỉnh thoảng chúng tệt hại đến nỗi rất khó bén lửa. Nhưng điều thuốc này thì không thế.

“Trong họ hàng của cậu có bà cô tội nghiệp nào không?” Nàng hỏi.

“Không có ai cả”, tôi trả lời.

“Mình thì có đấy. Chính xác là có một bà cô. Con số một ở đây hoàn toàn xác định. Mình thậm chí đã ở cùng với bà ấy mấy năm.”

Tôi nhìn vào mắt nàng. Mắt nàng vẫn bình thản như vốn thế.

“Nhưng mình không muốn viết về bà ấy,” nàng nói thêm. “Mình không muốn viết dù chỉ một từ về bà cô của mình.”

Chiếc radio xách tay bắt đầu mở một bản nhạc khác, rất giống với bài đầu tiên, nhưng bản nhạc này tôi hoàn toàn không nhớ ra.

“Trong nhà cậu không có một bà cô tội nghiệp nào cả, vậy mà cậu vẫn muốn viết một câu chuyện về một bà cô tội nghiệp. Trong khi đó, mình có một bà cô tội nghiệp thực sự, một nhân vật sống, nhưng tớ chẳng hề muốn viết về bà ấy.”

Tôi gật đầu. “Tớ cũng băn khoăn không biết vì sao lại như vậy.”

Nàng gõ đầu nhẹ nhẹ và không nói gì. Nàng ngồi xây lưng lại với tôi, miết những ngón tay mảnh mai của mình thành vệt trên làn nước. Dường như câu hỏi của tôi đang tuột qua kẽ tay nàng và từ từ chìm xuống cái thành phố điêu tàn bên dưới mặt hồ.

Tôi băn khoăn không biết vì sao. Vì sao như vậy? Vì sao?

“Thực ra thì,” nàng nói, “cũng có một vài điều mình muốn nói về bà cô tội nghiệp của mình. Nhưng mình không biết nói sao cho đúng cả. Mình chỉ không thể làm được điều ấy, bởi vì mình có một bà cô tội nghiệp thực sự”. Nàng cắn môi. “Điều đó thật khó - khó khăn hơn những gì cậu có thể hình dung rất nhiều”.

Tôi ngược mắt lên, nhìn hai con kỳ lân đồng một lần nữa, hai vó trước của nó dựng lên như thể chúng đang phản đối một cách giận dữ dòng chảy của thời gian vì đã bỏ rơi chúng lại. Nàng chùi tay vào gấu áo. “Cậu định viết về một bà cô tội

nghiệp,” nàng nói, “Cậu chuẩn bị bắt tay vào công việc này. Mình không rõ cậu có khả năng làm việc ấy ngay lúc này không. Thậm chí cậu còn không có một bà cô tội nghiệp nào cả.”

Tôi hắt một hơi thở dài và sâu.

“Mình xin lỗi”, nàng nói.

“Không sao cả”. Tôi đáp. “Có lẽ là cậu đúng”.

Và quả là như thế.

Hừm. Y như những câu hát vậy.

Có thể ngẫu nhiên là bạn cũng chẳng có một bà cô tội nghiệp nào trong số họ hàng của mình. Nếu vậy, chúng ta còn có điểm chung nào đấy. Nhưng hẳn là bạn, ít nhất đã một lần, nhìn thấy một bà cô tội nghiệp trong đám cưới của ai đó. Giống như ở giá sách nào cũng có một cuốn sách không ai đọc và ở tủ quần áo nào cũng có một chiếc áo chưa từng được mặc bao giờ, trong mọi tiệc cưới đều có một bà cô tội nghiệp.

Không ai bận tâm giới thiệu bà. Không ai nói chuyện với bà. Không ai mời bà phát biểu. Bà chỉ ngồi đó tại bàn, như một chai sữa đã cạn rỗng. Một cách nhỏ nhẹ buồn bã, bà nhấm nháp bát nước súp của mình. Bà dùng món salad bằng chiếc đĩa dùng cho món cá. Bà là người duy nhất không có thìa khi món kem được dọn ra.

Ừ thì hình của bà vẫn có đó, mỗi khi người ta giở album ảnh đám cưới ra xem nhưng hình ảnh của bà được người ta chú ý đến chỉ như một cái xác chết chìm, không hơn.

“Anh yêu, người phụ nữ này là ai vậy, cái người đứng ở hàng hai, đeo kính ấy?”

“Đề ý làm gì cho mệt, đó là một người không quan trọng,” anh chồng trẻ trả lời. “Bà cô tội nghiệp của anh ấy mà.”

Không có tên. Chỉ là một bà cô tội nghiệp.

Mọi cái tên, tất nhiên, đều nhoà mờ. Có những người mà cái tên của họ nhòa đi vào phút họ nhắm mắt qua đời. Lại có những người mà sự ra đi của họ giống như một cái ti vi đã cũ, màn hình chập chờn, cho đến bất ngờ một ngày, cái ti vi đó cháy hoàn toàn. Và có những người mà tên của họ nhoà mờ thậm chí trước cả khi họ chết - ấy là những bà cô tội nghiệp. Thịnh thoảng chính bản thân tôi lại rơi vào tình trạng vô danh như những bà cô tội nghiệp ấy. Giữa không khí ồn ã của một sân ga hay ở nhà đón khách của sân bay, bỗng nhiên đích đến của tôi, tên của tôi, địa chỉ của tôi, tất cả không còn tồn tại trong đầu óc tôi nữa. Nhưng tình trạng này chưa bao giờ kéo dài: nhiều lắm cũng chỉ đến năm hay mười giây.

Và thịnh thoảng cũng xảy ra một tình huống như thế này. Một người nào đó bảo: “Cả đời tôi, tôi chẳng thể nào nhớ nổi tên của cậu cả.” “Không có chi. Đừng

bận lòng vì điều đó. Dẫu sao thì cái tên thì cũng chẳng quan trọng lắm”.

Người ấy chỉ vào miệng mình nói đi nói lại: “Không, tôi sẽ nhớ ra ngay thôi mà, tôi thề đấy”.

Tôi cảm tưởng như mình đã bị vùi xuống đất, chỉ còn nửa bàn chân trái lộ ra. Người ta vấp phải nó và bắt đầu cuống quýt xin lỗi. “Tôi thề đấy, chỉ chút nữa, tôi sẽ nhớ ra ngay thôi mà”.

Những cái tên bị mất đó biến đi đâu? Khả năng sống sót của nó trong mê cung của một thành phố chắc chắn là vô cùng thấp. Tuy thế, cũng có thể có vài cái tên sống sót và tìm được đường về cái thị trấn của những cái tên bị mất, nơi mà những cái tên ấy tạo dựng nên cộng đồng của mình, một cộng đồng nhỏ bé lặng lẽ. Đó là một thị trấn nhỏ, ở ngay lối vào có cắm một tấm biển: “Không phận sự miễn vào”. Kẻ nào không có việc gì mà lại muốn đột nhập vào thị trấn đó sẽ phải nhận một hình phạt nho nhỏ thích đáng.

Có lẽ đó là lý do tại sao một hình phạt nho nhỏ đã dành sẵn cho tôi. Một bà cô tội nghiệp - một bà cô nho nhỏ đã bám chặt vào lưng tôi.

Đó là vào khoảng giữa tháng tám khi lần đầu tiên tôi nhận ra bà cô ở đó. Không có gì đặc biệt mách bảo cho tôi biết về sự hiện diện của bà. Vào một ngày, tôi nhận ra điều đó, rất đơn giản: Tôi có một bà cô tội nghiệp trên lưng. Đó không phải là một cảm giác khó chịu. Bà hoàn toàn không nặng nề. Bà không phả hơi thở khó chịu qua vai tôi. Bà chỉ bám chặt vào đó, trên lưng tôi, như một cái bóng. Người ta thậm chí phải nhìn kỹ mới có thể nhận ra bà ở đó. Thật vậy, những con mèo ở chung căn hộ với tôi mấy ngày đầu còn nhìn bà với ánh mắt nghi ngại, nhưng ngay khi hiểu rằng bà không hề có mưu mô gì trên lãnh địa của chúng, chúng đã chấp nhận bà.

Bà khiến một vài người bạn của tôi lo lắng. Chúng tôi ngồi uống rượu và bà nhìn lên qua vai tôi.

“Bà ấy khiến tớ rùng mình”, một người bạn nói.

“Đừng lo lắng bởi bà ấy. Bà ấy có việc của bà ấy. Bà ấy vô hại mà.”

“Tớ biết, tớ biết. Nhưng tớ không hiểu – bà ấy khiến tớ thấy u ám quá.”

“Cố đừng nhìn vào bà ấy nữa.”

“Ừ, mình nghĩ thế.” Rồi thở dài. “Thế cậu phải đi đến đâu để vác □ề một thứ như vậy trên lưng hả?”

“Tớ chẳng đi đâu cả. Tớ chỉ nghĩ mãi về một vài điều gì đó. Và thế là... vậy đấy.”

Anh bạn gật đầu và lại thở dài. “Tớ nghĩ là mình hiểu được điều đó. Đây là tính cách của cậu. Lúc nào tính của cậu cũng như vậy.”

“À, ừ.”

Sau đấy, chúng tôi nhấm nháp thêm vài ly wishkey nữa nhưng chẳng hào hứng lắm.

“Này, nói cho tớ biết,” tôi nói, “điều gì ở bà ấy khiến cậu thấy u ám?”

“Tớ không rõ. Thấy bà ấy giống như mẹ mình đang theo dõi mình vậy.”

Theo ấn tượng của một số người (bởi bản thân tôi không thể nhìn thấy bà được), dính chặt trên lưng tôi không phải là một bà cô tội nghiệp với một hình dạng độc nhất, cố định: dường như hình dáng của bà thay đổi tùy theo người quan sát bà, cứ như thể bà được tạo nên bởi ête vậy.

Đối với một anh bạn của tôi, bà là một con chó của anh ta, thuộc giống Akita, con chó đã chết hồi mùa thu năm ngoái vì ung thư thực quản.

“Dẫu sao con chó này cũng sắp chết rồi, tớ nghĩ thế. Nó đã được mười lăm tuổi. Nhưng chết như thế thì thật khủng khiếp, tội nghiệp thay!”

“Vì ung thư thực quản?”

“Phải. Điều đó thật đau đớn. Tất cả những gì nó có thể làm là tru lên, mặc dù đến lúc đó nó đã gần như mất hết giọng. Tớ muốn cho nó ngủ nhưng mẹ tớ không cho phép.”

“Sao lại không?”

“Ai mà biết được? Nhà tớ đã cố giữ cho con chó sống khoảng hai tháng bằng ống hút thức ăn. Để nó ở ngoài chuồng. Trời ơi, nó hôi thối kinh lên được.”

Anh bạn im lặng một lát.

“Nó không còn là chó nữa. Nó sợ đến cả cái bóng của mình. Nó sủa đối với bất cứ ai đi qua. Một con vật hoàn toàn vô dụng. Lúc nào cũng sủa đến điếc tai, mình mảy toàn ghẻ là ghẻ.”

Tôi gật gù.

“Đáng lẽ nó nên mang kiếp con ve. Con ve có thể gào đến vỡ đầu mình mà không ai nguyện rửa nó cả. Lại cũng không phải chịu cái bệnh ung thư thực quản”.

Nhưng bà cô của tôi vẫn ở đó, trên lưng tôi, một con chó với cái ống hút nhựa thập thò.

Đối với một nhân viên môi giới nhà đất mà tôi quen, bà cô tội nghiệp của tôi lại là cô giáo cũ ở trường tiểu học của ông ta.

“Chắc đó là hồi năm 1950, năm đầu tiên của cuộc chiến tranh Triều Tiên”, ông vừa nói vừa lấy khăn lau mồ hôi trên mặt. “Tôi đã học bà ấy hai năm liên tục. Gặp lại bà như được thấy lại cái thời xưa cũ. Không phải là tôi đã nhớ đến bà, thành thật mà nói, thậm chí tôi còn quên là bà đã tồn tại trên đời.”

Theo cách mà ông mời tôi một ly trà lúa mạch đá thì dường như ông nghĩ rằng tôi hẳn là họ hàng gì đấy của bà giáo trường tiểu học của ông ngày trước.

“Nhớ lại thì thấy cuộc đời của bà ấy thật buồn. Chồng của bà phải tòng quân đúng năm họ vừa lấy nhau. Ông ấy đi trên một chuyến tàu vận chuyển quân dụng và thế rồi bị trúng bom. Chuyện đó xảy ra chắc là vào năm 1943. Sau đó bà ấy vẫn tiếp tục dạy học ở trường. Rồi bà bị nhiều vết bỏng nặng trong những đợt không kích năm 44. Cả phần bên trái mặt bà cho đến tận cánh tay.” Ông lấy tay vẽ một đường vòng cung từ góc má của mình xuống đến tay trái. Rồi ông hớp cạn ly trà và lại chùi mặt. “Thật đáng thương. Bà ấy hẳn là đẹp lắm trước khi chuyện này xảy ra. Tính cách của bà ấy cũng đổi khác. Bà ấy có lẽ cũng gần tám mươi tuổi nếu như còn sống”.

Thế rồi cùng một lúc, bạn bè tôi bỏ rơi tôi, như những chiếc rặng lược rụng rời khỏi chiếc lược. “Câu ấy không phải là người xấu”, họ sẽ bảo thế, “nhưng tôi không muốn cứ phải nhìn thấy bà mẹ khổ não của mình” – hay con chó chết vì ung thư thực quản, bà giáo với những vết sẹo bỏng - “mỗi khi gặp cậu ấy”.

Tôi bắt đầu cảm thấy mình giống như một chiếc ghế trong phòng nha sĩ - người ta không ghét nhưng đều muốn tránh. Nếu vô tình gặp bạn bè trên phố, thế nào họ cũng tìm lý do để lảng tôi đi càng sớm càng tốt. “Tớ không hiểu vì sao”, một cô bạn gái thú nhận một cách khó khăn – và thật thà. “Nhưng thật sự bây giờ thật khó khăn khi ở bên cậu. Có lẽ tớ sẽ không e ngại đến thế nếu như có một cái ô cắm trên lưng cậu hay một cái gì khác.”

Một cái ô cắm trên lưng.

Trong khi bạn bè xa lánh tôi thì giới truyền thông lại rất hứng thú về tôi. Cứ đôi ba ngày, các phóng viên lại xuất hiện và chụp ảnh tôi cùng với bà cô, họ phàn nàn là hình ảnh của bà không hiện rõ và trút cho tôi cả một trận mưa những câu hỏi vô thưởng vô phạt. Tôi cứ hy vọng là nếu cộng tác với họ, họ có thể sẽ đưa tôi đến một sự khám phá mới hoặc một cách giải thích mới cùng thái độ tôn trọng đối với bà cô, nhưng thay vào đó, họ lại chỉ làm tôi kiệt sức.

Rồi một lần, tôi xuất hiện trong một chương trình buổi sáng. Họ lôi tôi dậy vào lúc sáu giờ, đưa tôi đến trường quay, tặng cho tôi một thứ cà phê khủng khiếp. Những con người không thể nào hiểu được lảng xãng quanh tôi làm những việc cũng không thể nào hiểu nổi. Tôi đã định chuồn nhưng trước khi kịp hành động thì người ta thông báo đã đến lượt tôi. Khi camera chưa làm việc, tay dẫn chương trình là một gã cục cằn và ngạo mạn, chẳng làm việc gì cả mà lại chỉ công kích người khác, nhưng ngay khi ống kính máy quay lên đèn đỏ thì chỉ thấy nụ cười và sự thông minh trên khuôn mặt gã: một gã đàn ông tuổi trung niên rất nho nhã.

“Và bây giờ là mục tiêu điểm hăng ngày của chúng tôi, ‘Hãy Nhìn Xem Bên Ngoài Chúng Ta Còn Có Gì’, gã hướng vào máy quay. “Khách mời của chúng tôi hôm nay là ông ___, một người bất ngờ phát hiện thấy mình có một bà cô tội nghiệp bám chặt trên lưng. Không nhiều người gặp phải một vấn đề rắc rối đặc

biệt như thế này, và hôm nay tôi muốn hỏi xem chuyện đó đã xảy ra với vị khách của chúng ta như thế nào, ông đã gặp những khó khăn gì.” Quay lại nhìn tôi, gã tiếp tục: “Ông có cảm thấy bất tiện hay không khi có một bà cô tội nghiệp bám chặt trên lưng mình?”

“Ồ, không”, tôi nói. “Thật sự tôi không thể nói điều này gây bất tiện được. Bà ấy không nặng, và tôi không phải cho bà ấy ăn”.

“Ông không cảm thấy đau thắt lưng ư?”

“Không, không hề.”

“Ông phát hiện ra bà ấy dính chặt trên lưng mình khi nào?”

Tôi thuật lại vắn tắt cái buổi chiều bên cái hồ có những con kỳ lân đồng ấy, nhưng gã có vẻ không hiểu được ý tôi nói.

“Nói cách khác,” gã hắng giọng nói, “bà ấy ẩn nấp trong cái hồ mà ông đang ngồi bên, và rồi bà ấy ám vào lưng ông. Có đúng thế không, thưa ông?”

Không, tôi lắc đầu, không phải vậy.

Tại sao tôi lại để mình dính vào cái trò này nhỉ? Tất cả những gì mà bọn họ cần chỉ là những trò đùa hay những câu chuyện kinh dị mà thôi.

“Bà cô tội nghiệp của tôi không phải là một con ma”, tôi cố giải thích. “Bà ấy chẳng ‘ẩn nấp’ ở đâu cả, và bà ấy chẳng ‘ám’ ai hết. Bà cô tội nghiệp của tôi chỉ là từ ngữ”, tôi nói. “Chỉ là những từ ngữ”.

Không ai nói gì. Tôi cần phải nói rõ hơn.

“Một từ giống như một điện cực kết nối với ý thức của chúng ta. Nếu các bạn cứ truyền cùng một tác nhân kích thích thông qua nó, chắc chắn sẽ dẫn đến một phản ứng, một hiệu ứng nào đó. Phản ứng của mỗi cá nhân là khác nhau, tất nhiên, và trong trường hợp của tôi, phản ứng đó là một cái gì đó giống như cảm giác về một thực thể độc lập. Cái bám chặt trên lưng tôi, thật sự, là cụm từ ‘bà cô tội nghiệp’ - những từ ngữ ấy, không có ý nghĩa, không có hình thức. Nếu tôi phải cấp cho nó một danh pháp, tôi sẽ gọi đó là một ký hiệu mang tính khái niệm hay một cái gì đó tương tự như thế.”

Tay dẫn chương trình bối rối. “Ông nói nó không có ý nghĩa và hình thức”, gã quan sát, “nhưng chúng tôi đều nhìn thấy rõ...có một cái gì đó... một hình ảnh thật sự hiện hữu trên lưng ông. Và nó gợi ra một ý nghĩa nào đó trong mỗi chúng tôi.”

Tôi nhún vai. “Tất nhiên,” tôi nói. “Đó chính là chức năng của ký hiệu”.

“Nếu vậy”, cô trợ lý trẻ tuổi của tay dẫn chương trình xen vào, những muốn làm dịu đi bầu không khí, “ông có thể xoá đi hình ảnh này hay hữu thể này, hay bất kể nó là gì đi nữa, nếu ông muốn.”

“Không, tôi không thể”, tôi nói. “Một khi một sự vật nào đó hiện hữu, nó sẽ tiếp tục tồn tại độc lập với ý chí của tôi. Nó giống như một mẫu ký ức – một mẫu ký ức mà người ta muốn lãng quên nhưng lại không thể. Như vậy đó.”

Cô gái vẫn tiếp tục, có vẻ như cô ta chưa thấy thuyết phục: “Ông đề cập đến quá trình biến một từ thành một tín hiệu mang tính khái niệm. Đó có phải là điều mà thậm chí ngay tôi cũng có thể thực hiện?”

“Tôi không thể chắc nó sẽ được thực hiện ở mức độ nào nhưng về mặt lý thuyết, cô có thể làm được điều đó”, tôi trả lời.

Bây giờ thì tay dẫn chương trình vào cuộc. “Ví dụ nếu ngày nào tôi cũng phải lặp đi lặp lại cái từ ‘tính khái niệm’, thế thì hình ảnh của ‘tính khái niệm’ sẽ xuất hiện trên lưng tôi, đúng không?”

“Về mặt lý thuyết thì ít nhất điều đó cũng có thể xảy ra.” Tôi nhắc lại một cách máy móc. Ánh sáng rất mạnh và không khí chán ngắt của trường quay bắt đầu làm tôi thấy đau đầu.

“Vậy thì cái từ ‘tính khái niệm’ đó sẽ trông như thế nào nhỉ?” Tay dẫn chương trình đánh bạo lên tiếng, làm rõ lên một tràng cười từ một số vị khách mời khác.

Tôi nói rằng tôi không biết. Đó không phải là điều mà tôi muốn nghĩ đến. Chỉ một bà cô tội nghiệp đã úp đầy cả hai bàn tay tôi. Không một ai thực sự để ý đến điều này, dù chỉ một chút. Tất cả những gì họ quan tâm đến là làm sao duy trì được cuộc trò chuyện ba hoa này cho đến phần quảng cáo kế tiếp.

Cả thế giới này chỉ là một trò kịch hề. Từ ánh sáng rực rỡ của trường quay đến không khí âm u nơi túp lều của một bậc ẩn sĩ, tất cả rồi cũng như nhau hết. Đi giữa cái thế giới trò hề này, với bà cô tội nghiệp bám chặt trên lưng, tôi chính là cái thằng hề lớn nhất trong tất cả. Có lẽ cô bạn gái kia đã nói đúng: sẽ hay hơn nếu trên lưng tôi cắm một cái ô. Như thế cứ hai lần một tháng, tôi lại cho vẽ lên nó một màu mới và đem nó đến những buổi tiệc.

“Trông ha...ay nhỉ! Cái ô cắm trên lưng cậu tuần này lại có màu hồng!” Người ta có thể thốt lên như thế.

“Đúng thế”, tôi sẽ trả lời như vậy. “Tuần tới tớ sẽ cho nhuộm nó thành màu xanh lá cây, giống như màu trang phục trong trường đua của những kỵ sĩ nước Anh”.

Có thể còn có những cô nàng sẵn sàng lên giường với một gã đàn ông có cái ô cắm trên lưng nữa. Nhưng, bất hạnh thay, trên lưng tôi không phải là một cái ô mà là một bà cô tội nghiệp. Thời gian qua đi, sự chú ý của mọi người đến tôi và bà cô tội nghiệp của tôi cũng nhạt dần. Cô bạn gái ở công viên của tôi đã đúng: chẳng có ai hứng thú với một bà cô tội nghiệp.

“Tớ đã nhìn thấy cậu trên TV”, cô bạn của tôi nói. Chúng tôi lại ngồi cùng nhau bên hồ. Tôi đã không gặp nàng ba tháng. Bây giờ đang độ đầu thu. Thời gian trôi nhanh thật. Chúng tôi chưa bao giờ đi xa nhau lâu cả.

“Cậu trông hơi mệt”.

“Đúng vậy”

“Cậu không còn là chính cậu nữa.”

Tôi gật đầu. Cũng đúng: Tôi đã không phải là tôi.

Nàng cứ gấp rồi lại mở chiếc áo len đặt trên đầu gối mình.

“Cuối cùng thì cậu cũng đã có được một bà cô tội nghiệp của mình”.

“Ừ”.

Nàng mỉm cười và mơn man chiếc áo len trên đầu gối như thể đó là một con mèo.

“Bây giờ cậu đã hiểu về bà ấy hơn chưa?”

“Một chút”, tôi trả lời. “Tớ nghĩ là như thế”.

“Và điều đó có giúp cậu viết được một cái gì đó không?”

“Không”. Tôi khẽ lắc đầu. “Không một chút nào. Sự thôi thúc viết lách không còn trong tớ nữa. Có lẽ là tớ không có khả năng làm được việc đó.”

Nàng im lặng một lát.

“Tớ có một ý tưởng thế này”. Cuối cùng nàng cũng lên tiếng. “Hãy đặt cho tớ một vài câu hỏi. Tớ sẽ cố giúp cậu giải toả khó khăn một chút”.

“Cậu lấy tư cách của một bà cô tội nghiệp ư?”

“Ừ”. Nàng mỉm cười. “Cậu bắt đầu đi. Tớ đang có hứng để trả lời những câu hỏi về bà cô tội nghiệp và có thể tớ sẽ chẳng bao giờ muốn như vậy thêm một lần nữa”.

Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu.

“Đôi khi”, tôi nói, “tớ cứ băn khoăn không biết loại người như thế nào sẽ trở thành bà cô tội nghiệp. Có phải số của người ta là vậy? Hay là do hoàn cảnh đặc biệt của những bà cô tội nghiệp? Phải chăng có một lỗi sai nào đó đã biến người ta trở thành bà cô tội nghiệp?”. Nàng gật gù, như muốn bảo đó là những câu hỏi hay.

“Cả hai điều trên đều đúng. Chúng cùng là một là mà thôi.”

“Cùng là một?”

“Ừ, hình dung xem nhé. Một bà cô tội nghiệp có thể từng trải qua một thời thơ ấu tội nghiệp. Hoặc có thể không. Có hàng triệu lý do lơ lửng khắp thế giới này cho hàng triệu kết quả. Hàng triệu lý do để sống, và hàng triệu lý do để chết. Hàng triệu lý do để đưa ra những lý do. Dễ dàng lấy ra những lý do như thế. Nhưng lý do mà cậu tìm kiếm không phải là một trong số những lý do kiểu đó đúng không?”

“Ừ, mình nghĩ vậy”, tôi đáp.

“Bà ấy tồn tại. Thế thôi. Bà cô tội nghiệp của cậu ở đó. Cậu phải nhận thức được cái thực tế đó và chấp nhận nó. Bà ấy tồn tại. Và một bà cô tội nghiệp là như thế đấy. Sự tồn tại của bà ấy là lý do của bà ấy. Như chúng ta mà thôi. Chúng ta tồn tại ở đây và bây giờ, chẳng có bất cứ một lý do hay nguyên do nào hết”.

Chúng tôi ngồi bên hồ một hồi lâu, không ai trong chúng tôi cử động hay nói năng. Ánh nắng trong trẻo của mùa thu hắt bóng lên gương mặt nàng.

“Thế cậu không định hỏi tớ xem tớ đã nhìn thấy gì trên lưng cậu sao?” Nàng hỏi.

“VẬY CẬU NHÌN THẤY GÌ?”

“Không có gì cả”, nàng nói và nở một nụ cười. “Tớ chỉ nhìn thấy cậu”.

“CẢM ƠN CẬU”. TÔI NÓI.

Thời gian, tất nhiên, đều đánh đổ tất cả mọi người, nhưng đòn đánh của nó mà phần lớn chúng ta đón nhận đều nhẹ nhàng một cách đáng sợ. Rất ít người trong chúng ta nhận ra rằng mình bị đánh. Tuy vậy, ở một bà cô tội nghiệp, chúng ta có thể thật sự chứng nghiệm được sự chuyên chế nghiệt ngã của thời gian. Nó đã vắt kiệt bà cô tội nghiệp ấy như một trái cam cho đến khi nào không còn giọt nước nào còn sót lại. Điều thu hút suy nghĩ của tôi về bà cô tội nghiệp ấy chính là sự toàn vẹn của bà, một sự hoàn chỉnh tuyệt đối.

Bà giống như một thi thể được bao kín bên trong một phiến băng - một phiến băng tuyệt đẹp mà mặt băng cứng như thép. Phải đến cả vạn năm dưới ánh mặt trời mới có thể làm phiến băng đó tan chảy. Nhưng không một bà cô tội nghiệp nào có thể sống đến vạn năm và bởi thế bà phải sống trong trạng thái toàn vẹn của mình, chết trong sự toàn vẹn và được đem đi chôn cất cũng trong sự toàn vẹn ấy.

Thế rồi đến cuối thu, bà cô tội nghiệp biến mất khỏi lưng tôi. Nhớ ra có một vài việc phải hoàn thành trước mùa đông, tôi bắt một chuyến tàu đi ra ngoại ô, trên lưng vẫn cồng theo bà cô tội nghiệp. Như mọi chuyến tàu đi ra ngoại ô vào buổi chiều, chuyến tàu thực sự chẳng có một ai. Khá lâu rồi tôi mới đi ra ngoại ô và tôi thích thú ngắm nhìn phong cảnh trôi qua mắt mình. Không khí khô lạnh và trong sáng, những quả đồi xanh một cách không tự nhiên và đây đó, dọc theo đường mòn, có những bụi cây lấp ló những trái mọng đỏ tươi.

Ngồi ở dãy ghế bên với chỗ tôi trên chuyến tàu trở về là một phụ nữ gầy gò, độ chừng ba lăm ba sáu tuổi cùng hai đứa con của mình. Đứa chị mặc một chiếc váy may bằng vải nỉ màu xanh nước biển và đội một chiếc mũ phớt màu xám có gắn một dây ruy băng màu đỏ - một bộ đồng phục ở trường mẫu giáo - ngồi ở bên trái bà mẹ. Bên phải bà mẹ là đứa con trai, có lẽ mới lên ba. Không có điểm gì nổi bật ở cả bà mẹ lẫn những đứa nhỏ. Khuôn mặt của họ, trang phục của họ đều rất đối bình thường. Bà mẹ giữ một gói đồ lớn. Chị trông mệt mỏi, nhưng hầu hết các bà mẹ đều trông mệt mỏi cả. Tôi hầu như không để ý khi họ lên tàu.

Nhưng không lâu sau đó, tiếng của cô bé vọng đến tôi từ dãy ghế bên kia. Có một nỗi hốt hoảng trong giọng nói của nó, một sự khẩn nài muốn nhận được sự

bên vực.

Rồi tôi nghe thấy bà mẹ lên tiếng: “Mẹ đã dặn con phải ngồi yên trên tàu cơ mà!”. Trước mặt chị là một cuốn tạp chí mở rộng đặt trên bọc đồ và dường như chị phải miễn cưỡng rời mắt khỏi nó.

“Nhưng mẹ nhìn xem nó đang làm gì với cái mũ của con,” cô bé kêu lên.

“Im đi nào!”

Cô bé dường như muốn nói nhưng rồi đành ngậm miệng. Cậu em của nó đang nghịch chiếc mũ mà nó vừa đội lúc nãy. Thằng bé vừa cào vừa xé chiếc mũ. Cô bé với tay cố gắng giật lại chiếc mũ nhưng thằng bé kịp thời né mình, quyết không để chiếc mũ gần tầm tay của cô chị.

“Nó sắp làm hỏng cái mũ của con rồi kìa,” cô bé nói, chực như muốn khóc.

Bà mẹ rời mắt khỏi cuốn tạp chí, cái nhìn tỏ vẻ khó chịu, làm động tác lấy lại cái mũ nhưng thằng bé cứ giữ khư khư lấy cái vành mũ, không chịu đưa. “Đề cho nó chơi một lúc!”, bà mẹ nói với cô con gái. “Nó sẽ chán ngay ấy mà”. Cô bé không có vẻ tin tưởng nhưng nó không cố cãi. Nó nhắm mắt lại và nhìn chiếc mũ trong tay thằng em với thái độ giận dữ. Thấy mẹ thờ ơ, thằng bé càng được thể, nó bắt đầu giật mạnh sợi ruy băng. Nó biết thừa là chị mình đang tức điên – và cả tôi cũng thấy như thế nữa. Tôi đã sẵn sàng nhảy sang chỗ thằng bé, giật lấy cái mũ khỏi tay nó.

Con bé cứ cầm lặng nhìn chăm chăm nhìn thằng em nhưng có thể thấy nó đang tìm cách. Thế rồi, hoàn toàn bất ngờ, con bé nhảy dựng lên tát mạnh vào má trái của thằng em. Rồi ngay sau khoảnh khắc sững sờ ấy, nó giật lấy cái mũ và trở về chỗ của mình. Con bé làm việc đó rất nhanh và phải thở một hơi thật sâu, bà mẹ và cậu con trai mới nhận ra chuyện gì vừa xảy ra. Khi thằng bé khóc thét lên, bà mẹ lấy tay đánh vào chỗ đầu gối để trần của cô con gái mấy cái. Rồi chị quay sang an ủi cậu con trai, nhưng thằng bé vẫn cứ khóc thét.

“Nhưng thưa mẹ, nó làm hỏng cái mũ của con,” cô bé lên tiếng.

“Đừng nói chuyện với tôi”. Bà mẹ nói. “Cô không phải là con tôi nữa”.

Con bé cúi mặt, trân trân nhìn cái mũ của mình.

“Đi đi cho khuất mắt tôi” bà mẹ bảo. “Đi ra chỗ kia kìa”. Chị chỉ vào chỗ ghế trống ngay cạnh tôi.

Cô bé nhìn đi chỗ khác, cố gắng không để ý đến ngón tay của bà mẹ nhưng ngón tay ấy vẫn trở thẳng vào cái ghế bên trái tôi, như thể nó đã đông cứng lại giữa không trung.

“Đi đi”, bà mẹ vẫn tiếp tục. “Cô không còn là con cái của cái nhà này nữa”.

Đành phải cam chịu số phận, cô bé đứng lên cùng với cái mũ và chiếc túi đi học của mình, lê bước giữa hàng ghế và ngồi xuống bên cạnh tôi, đầu cúi xuống. Đặt chiếc mũ vào lòng, con bé vuốt ve cái vành mũ với những ngón tay nhỏ xíu.

Đó là lỗi của thằng em, chắc chắn cô bé đang nghĩ vậy. Nó sắp giật sợi ruy băng khỏi mũi mình. Má của cô bé đầm nước mắt.

Giờ thì trời đã gần tối. Luồng ánh sáng vàng đục hắt xuống từ trần tàu giống như bụi bay ra từ cánh của một con bướm ma. Nó lửng lơ trên không để rồi thâm thấu một cách âm thầm qua miệng và mũi của hành khách. Tôi gấp lại. Đặt hai tay trên đùi, tôi chăm chú nhìn hai bàn tay lật ngửa của mình. Lần cuối cùng tôi sẫm soi bàn tay mình là bao giờ nhỉ? Trong ánh sáng ám khói, trông bàn tay tôi đầy bụi, thậm chí thật bẩn thỉu – chúng không giống bàn tay của tôi chút nào. Hình ảnh của chúng khiến tôi buồn quá: đây là hai bàn tay sẽ chẳng bao giờ có thể làm cho ai hạnh phúc, chẳng bao giờ cứu giúp được ai hết. Tôi muốn đặt lên bờ vai cô bé đang nức nở bên cạnh tôi một bàn tay có thể khiến nó có thể bình tâm lại, để nói với cô bé rằng nó không hề có lỗi, nó đã hành động đúng khi lấy lại cái mũi bằng cách ấy. Nhưng tất nhiên, ôi chẳng thể chạm vào cô bé hay nói với nó. Điều đó sẽ chỉ làm cho nó thấy bối rối và sợ hãi hơn mà thôi. Và, hơn nữa, hai bàn tay của tôi thật bẩn thỉu.

Đúng lúc tôi xuống tàu thì một cơn gió mùa đông nổi lên. Chẳng mấy chốc những chiếc áo len sẽ hết thời và những chiếc áo khoác mùa đông dày cộp đang đợi chúng ta. Tôi nghĩ đến những chiếc áo khoác một lúc, để quyết định xem có nên mua cho mình một chiếc hay không. Tôi đã đi xuống hết cầu thang và đứng ở ngoài cổng trước khi nhận ra bà cô tội nghiệp đã biến khỏi lưng tôi.

Tôi không rõ chuyện ấy xảy ra tự lúc nào. Bà đi cũng như khi bà đến. Bà đã trở về nơi mà bà đã từng tồn tại trước đó, và tôi lại trở về bản nguyên của mình.

Nhưng bản nguyên của tôi là gì cơ chứ? Tôi cũng không chắc chắn nữa. Tôi không tránh khỏi cảm giác đây là một thằng tôi khác, một bản ngã khác rất giống bản nguyên của tôi. Vậy thì giờ đây tôi phải làm gì? Tôi đã mất hết cảm giác về phương hướng. Tôi lục trong túi quần và lấy hết số tiền lẻ trong đó để gọi điện thoại ở trạm tự động. Tám hồi chuông. Chín hồi. Cuối cùng thì nàng cũng nhắc máy.

“Tớ đang ngủ”, nàng vừa nói vừa ngáp.

“Vào lúc sáu giờ chiều ư?”

“Đêm qua tớ đã thức suốt để làm việc. Chỉ mới xong việc cách đây hai tiếng.”

“Tớ xin lỗi. Tớ không cố ý đánh thức cậu,” tôi nói. “Điều này nghe có vẻ kỳ quặc nhưng tớ gọi chỉ để chắc chắn rằng cậu hãy còn đang sống. Vậy thôi. Thật đấy”.

Tôi có thể cảm thấy nàng đang mỉm cười qua điện thoại.

“Cảm ơn cậu. Cậu đúng là bạn tốt”, nàng nói. “Nhưng đừng lo lắng. Mình vẫn sống. Và mình đang gặt tất cả để có thể sống. Đó là lý do vì sao mình đang mệt muốn chết. O.K? Cậu yên tâm chưa?”

“Tớ yên tâm rồi”.

“Cậu biết đấy”, nàng nói như thể muốn chia sẻ một bí mật nào đó với tôi, “cuộc đời quá ư là khắc nghiệt”.

“Tớ biết”, tôi nói. Và nàng nói đúng. “Cậu đi ăn tối với tớ chứ?”

Đầu dây bên nàng im lặng, tôi có thể hình dung nàng đang cắn môi và lấy ngón tay mảnh mai dụi mắt.

“Bây giờ thì không được”, nàng nói, nhấn mạnh từng âm tiết. “Chúng mình sẽ nói chuyện sau được không? Bây giờ cậu phải để cho mình ngủ. Mọi thứ sẽ tốt đẹp nếu như mình có thể được ngủ một chút. Mình sẽ gọi cho cậu khi thức dậy. O.K?”

“O.K”, tôi nói. “Chúc cậu ngủ ngon”.

“Cũng chúc cậu ngủ ngon”.

Nàng phân vân trong giây lát. ‘Có chuyện gì khẩn cấp không - Cậu muốn nói với mình về chuyện gì?’

“Không, không có gì khẩn cấp cả”. Tôi nói. “Chúng mình sẽ nói chuyện sau”.

Đúng vậy – chúng tôi còn nhiều thời gian. Một vạn năm. Hai vạn năm. Tôi có thể chờ.

“Chúc cậu ngủ ngon”, nàng nhắc lại rồi dập máy. Tôi nhìn ống nghe trong tay mình một lát rồi đặt lại nó vào giá. Khi vừa buông ống nghe ra, tôi bỗng thấy đôi khùng khiếp. Tôi sẽ điên lên mất nếu như không kiếm được cái gì để ăn. Tôi sẽ ăn bất cứ thứ gì. Bất cứ cái gì cũng được. Nếu có ai đó cho tôi một cái gì đó để đút vào miệng, tôi sẽ sụp lạy anh ta mất. Thậm chí tôi sẽ liếm những ngón tay của anh ta thật sạch. Phải, tôi sẽ làm thế đấy. Tôi sẽ liếm ngón tay của bạn sạch sẽ. Và rồi sẽ nằm yên như một thanh tà vẹt đã hoen gỉ bởi nắng mưa. Một cú đá hung bạo nhất cũng chẳng đánh thức tôi được. Đến cả vạn năm, tôi cũng vẫn ngủ say như thế.

Tôi dựa mình vào trạm điện thoại, cố làm rỗng đầu mình và nhắm nghiền mắt lại. Thế rồi tôi nghe thấy những bước chân, hàng ngàn bước chân. Chúng tràn qua tôi như một đợt sóng. Những bước chân ấy cứ bước đi, đi mãi, lê gót theo thời gian. Bà cô tội nghiệp của tôi giờ này đang ở đâu? Tôi băn khoăn tự hỏi. Bà đã trở về chốn nào? Và tôi đã trở về chốn nào?

Nếu một vạn năm sau, tính từ bây giờ, một xã hội hình thành dành riêng cho những bà cô tội nghiệp - có một toà thị chính do những bà cô tội nghiệp được những bà cô tội nghiệp khác tuyển lựa điều hành, có những xe khách dành cho những bà cô tội nghiệp, do những bà cô tội nghiệp lái, có những cuốn tiểu thuyết dành cho những bà cô tội nghiệp do những bà cô tội nghiệp viết - liệu khi ấy họ có mở cửa đón tiếp tôi? Có thể rồi họ cũng chẳng cần tất cả những thứ trên- toà thị chính hay những chiếc xe khách cũng như những cuốn tiểu thuyết. Thay vào đó, có thể họ sẽ thích sống trong những lọ giấm khổng lồ mà họ tự làm hơn. Từ

trên cao, bạn có thể quan sát thấy cả hàng trăm nghìn lọ giấm xếp thành hàng, bao phủ mặt đất. Đó có thể sẽ là một cảnh tượng kỳ vĩ làm bạn bị hấp hồn.

Vâng, vậy đấy. Và nếu như, một cách tình cờ, cái thế giới đó có dành một chỗ cho một bài thơ duy nhất, tôi sẽ vui mừng là người viết bài thơ ấy: tôi sẽ là nhà thơ đầu tiên được nhận giải thưởng do thế giới của những bà cô tội nghiệp đó trao. Tôi sẽ viết bài thơ ca tụng ánh mặt trời lấp lánh trên những chiếc lọ màu xanh lục, một biển cỏ bao la bên dưới.

Nhưng điều này là một viễn tưởng quá xa xôi, đến tận năm 12001, đợi chờ đến cả vạn năm đối với tôi là quá dài. Trước lúc ấy, còn biết bao nhiêu mùa đông nữa tôi phải chịu đựng./.

Hải Ngọc dịch từ bản Anh văn "A Poor-Aunt Story" của Jay Rubin, đăng trên tạp chí The New Yorker ngày 3/12/2001.

[1]Nguyên văn: "Chinese box", chỉ một thứ hộp dùng để trang trí có cấu trúc đan lồng vào nhau thành nhiều lớp, mở một chiếc hộp này lại thấy trong đó chứa một chiếc hộp khác và cứ như vậy.

Thăng trầm của bánh nướng nhon mỏ

Lời người dịch:

Truyện ngắn sau đây, "TongariYaki No Seisui", ra mắt người đọc trong tạp chí Torefuru - Trefle khoảng 1981 - 1983, là truyện thứ mười ba trong tuyển tập Kangaroo Hiyori [Ngày Đẹp Trời Để Xem Kangaroo].

Tôi lơ đãng nhìn lướt tờ báo buổi sáng thì thấy ở góc báo có khung quảng cáo "Đại hội diễn giảng, tuyên mộ sản phẩm mới cho hiệu bánh danh tiếng Bánh Nướng Nhon Mỏ". Chẳng hiểu "nhon mỏ" là cái quái gì, nhưng đã xưng "hiệu bánh danh tiếng" thì hẳn là thứ bánh trái gì đấy rồi. Về bánh trái thì tôi có hơi kén chọn khó tính một tí. Mà cũng đang rảnh rỗi, nên tôi định ló mặt đến cái "Đại hội diễn giảng" ấy xem sao.

"Đại hội diễn giảng" ấy tổ chức ở hội trường lớn trong một khách sạn, có cả trà bánh cho khách nữa. Bánh tất nhiên là bánh nướng nhon mỏ rồi. Tôi nhón lấy một chiếc bánh, ném thử nhưng chẳng thấy vị gì gọi là ngon lành đặc biệt cả. Chất ngọt của bột bánh thì nhờn nhớt, phần da ngoài lại nham nhám trên đầu lưỡi. Chẳng thể nào nghĩ được là lớp người trẻ thời bây giờ lại có thể thích được thứ bánh này.

Vậy mà người tham gia "Đại hội diễn giảng" lại toàn là người trẻ, cùng lứa tuổi với tôi hoặc còn trẻ hơn nữa. Tôi được phát bảng thứ tự số 952, mà sau đó còn có cả trăm người đến nữa, vị chi trên một ngàn người đã đến tham gia "Đại hội" này. Đáng nể thật.

Ngồi bên tôi là một cô gái khoảng 20 tuổi, mang kính cận độ cao. Không đẹp lắm, nhưng trông cũng thân thiện.

"Cô đã ăn bánh nướng nhọn mỗ này lần nào chưa?" Tôi ước hỏi.

"Anh hỏi lạ nhỉ". Cô nói. "Hiệu bánh danh tiếng thế này ..."

"Nhưng mà đâu có ngon ...". Tôi nói nửa chừng thì bị cô đá vào chân. Người chung quanh lăm lét nhìn về phía tôi. Không khí ngột ngạt. Tôi giương đôi-mắt-chú-gấu-nhỏ-ngây-thơ mà chịu trận.

"Anh này điên rồ thật". lát sau, cô gái thăm thì bên tai tôi. "Đã đến đây mà lại nói xấu bánh nướng nhọn mỗ thì Chim quạ nhọn mỗ bắt anh đi rồi không sống mà về được đâu nhé".

"Chim quạ nhọn mỗ gì?". Tôi sừng sốt la lớn. "Chim quạ nhọn mỗ là ..."

"Xịt!". Cô gái ngăn lại. Buổi giảng diễn bắt đầu.

Trước tiên là ông Chủ hãng diễn thuyết về lịch sử bánh nướng nhọn mỗ. Những là từ thời đại Heian,[1] người nào đấy đã làm gì đấy mà sáng tạo ra hình dạng nguyên thủy của loại bánh nướng nhọn mỗ này. Loại truyền thuyết chẳng ai biết thật giả thế nào. Nghe đâu lại có cả bài thơ cổ nói về bánh nướng nhọn mỗ trong tập thơ Đoàn Ca Cổ Kim nữa! Nghe khôi hài quá, tôi suýt bật cười lớn, nhưng thấy chung quanh mình, ai nấy đều nghiêm trọng chăm chú lắng tai nghe, vả lại cũng đâm sợ Chim quạ nhọn mỗ, nên rồi chẳng dám cười.

Chủ hãng diễn thuyết dài dòng suốt cả tiếng đồng hồ. Mà thật ra, điều ông ta muốn nói chỉ là "bánh nướng nhọn mỗ là một hiệu bánh có truyền thống lâu đời", có thể thôi. Chỉ cần một câu ngắn gọn như thế là đủ rồi.

Tiếp đến, Giám đốc của hãng giải thích về việc tuyển mộ sản phẩm mới cho Bánh Nướng Nhọn Mỗ. Là hiệu bánh danh tiếng toàn quốc với truyền thống lâu đời, Bánh Nướng Nhọn Mỗ phải thích ứng theo từng thời đại mà chuyển vào những dòng máu mới để tiếp tục phát triển một cách biện chứng. Giải thích dài dòng thế nhưng cốt tủy chỉ là: Bánh Nướng Nhọn Mỗ đã có vị xưa cũ quá, bán không còn chạy như trước nữa, nên cần có ý mới của lớp người trẻ ngày nay. Muốn thế thì cứ nói quách ra thế có phải được hơn không!

Lúc ra về, tôi nhận được tờ hướng dẫn điều kiện tuyển mộ. Trong vòng một tháng, đem bánh mới dựa trên cơ sở bánh nướng nhọn mỗ để dự thi, giải thưởng là 2 triệu Yen.[2] Tôi mà lấy được 2 triệu Yen ấy thì làm đám cưới được với người yêu và dọn được đến nhà trọ mới. Thế nên tôi nhất quyết làm bánh nướng nhọn mỗ dự thi.

Như đã nói, về bánh trái thì tôi có hơi kén chọn khó tính một tí. Trong tay có đậu, kem, bột, da làm bánh, thì thứ bánh gì tôi cũng làm được. Gì chứ làm ra loại bánh nướng nhọn mỗ mới, hiện đại, trong vòng một tháng, thì có khó khăn gì đâu. Đúng ngày thi, tôi làm xong hai tá bánh nướng nhọn mỗ mới, mang đến hãng Bánh nướng nhọn mỗ.

"Trông ngon quá nhỉ". Cô bé ngồi ở quầy tiếp khách khen.

"Ngon lắm đấy". Tôi nói.

*

Chừng một tháng sau, có điện thoại từ hãng Bánh Nướng Nhọn Mỏ mời tôi đến. Tôi đóng bộ, thắt cà-vạt, đến hãng Bánh Nướng Nhọn Mỏ. Và nói chuyện với Giám đốc trong phòng tiếp khách của hãng.

"Bánh nướng nhọn mỏ mới của anh rất được yêu chuộng trong khắp hãng". Giám đốc nói. "Đặc biệt, à ... lớp trẻ thì thích lắm".

"Thế thì cảm ơn ông lắm". Tôi nói.

"Thế nhưng ... một mặt, ừm ... trong lớp người lớn tuổi, lại có người bảo thế này thì đâu phải là mùi vị bánh nướng nhọn mỏ nữa. Cho nên, hiện giờ thì bên bênh bên chóng, kẻ tám lạng, người nửa cân, không sao quyết định dứt khoát được".

"Hà...". Tôi nói, thật tình chẳng hiểu ông ta muốn nói gì.

"Vì thế, Hội nghị Giám đốc quyết định là phải tham vấn ý kiến của Ngài Chim quạ nhọn mỏ mới được".

Lại Chim quạ nhọn mỏ! Tôi sững sốt: "Chim quạ nhọn mỏ là gì thế, thưa ông?"

Giám đốc nhìn tôi, lấy làm lạ. "Thế anh chẳng biết gì về Ngài Chim quạ nhọn mỏ mà lại tham dự cuộc thi này hay sao?"

"Xin ông tha lỗi cho. Tôi vốn khờ khạo về chuyện đời".

"Khô quá". Giám đốc lắc đầu. "Anh chẳng biết về Ngài Chim quạ nhọn mỏ thì kệt quá ... Nhưng thôi, chuyện đâu cũng còn đấy. Mời anh đi theo tôi".

Tôi bước theo ông ta ra khỏi phòng, đi qua hành lang, lấy thang máy lên tầng 6, rồi lại qua một hành lang nữa. Cuối hành lang có tấm cửa sắt to lớn. Giám đốc bấm nút chuông, tức thì có anh cảnh vệ vạm vỡ bước đến, xác nhận là ông Giám đốc, rồi mới mở khoá cửa. Cung cách phòng bị thật là nghiêm ngặt.

"Ngài Chim quạ nhọn mỏ ở trong này". Giám đốc nói. "Ngài Chim quạ nhọn mỏ là giống chim quạ đặc biệt từ ngàn xưa đến nay chỉ ăn bánh nướng nhọn mỏ mà sống ...".

Giám đốc khỏi cần giải thích gì thêm. Phòng trong có trên trăm con chim quạ. Căn phòng có trần cao đến 5 thước này trông giống như một kho chứa hàng, với vô số thanh ngang treo lủng lẳng, trên đó hàng đàn chim quạ đang đậu san sát nhau. Chim quạ nhọn mỏ to lớn hơn chim quạ thông thường rất nhiều, con lớn toàn thân dài đến cỡ một thước, con nhỏ cũng đến 6 tấc là ít. Nhìn kỹ thì thấy chúng chẳng có mắt. Ở chỗ đáng lẽ là mắt ấy, chỉ có hai cục mỡ trắng hếu. Thêm vào đó, toàn thân chúng mập tròn căng phồng đến muốn nứt tung ra.

Chúng tôi vừa bước vào phòng, lũ quạ nghe tiếng liền đập cánh phành phạch đồng loạt kêu la. Lúc đầu chỉ nghe như tiếng ồn gầm thét gì đấy, nhưng một hồi

sau, quen tai dần mới nhận ra là lũ quạ kêu lên những tiếng nghe như là:

Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ.

Lũ quạ trông thật thô bỉ.

Giám đốc vừa lấy bánh nướng nhọn mỏ trong hộp cầm tay ra ném xuống sàn, lập tức hàng trăm con chim quạ nhọn mỏ ấy đồng loạt bay ào đến. Rồi tranh giành nhau, mổ vào chân, mổ vào mắt nhau. Trời đất ơi! mổ cả vào mắt nhau như thế thì bảo sao không mù mắt cho được!

Giám đốc lại lấy ra một hộp bánh khác, lần này là một thứ bánh trông hình dáng giống như bánh nướng nhọn mỏ, lại rải xuống sàn.

"Xem đây, thứ này là bánh dự thi, nhưng không được giải nào cả đây".

Lũ quạ lại bay ào đến như lần trước, nhưng khi cắn vào biết không phải là bánh nướng nhọn mỏ thì nhổ cả ra, rồi bao nhiêu cái mỏ ấy giận dữ kêu ầm lên:

Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ.

Tiếng kêu rú đồng loạt của lũ quạ dội lên trần nhà rồi dội ngược vào sâu trong tai tôi, nghe nhức nhối cả tai lẫn óc.

"Thấy chưa, chim chỉ ăn bánh nướng nhọn mỏ chính hiệu thôi". Giám đốc nói, có vẻ tự hào. "Đồ giả thì chẳng thèm ném nữa kia".

Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ.

"Nào, ta thử bánh nướng nhọn mỏ mới của anh xem sao nhé. Chim ăn bánh thì anh được trúng tuyển, còn chim không ăn thì rút đây".

Liệu có ăn không? Tôi đâm ra lo lắng. Linh cảm thấy điều gì không hay. Đại loại, chuyện đem bánh cho lũ quạ vớ vẩn này ăn mà quyết định trúng tuyển hay không, thì thật là sai quấy quá. Thế nhưng Giám đốc chẳng lý gì đến ưu tư của tôi, cứ thế mà rải bánh tôi làm để dự thi ấy xuống sàn. Lũ quạ lại bay ào đến. Và hỗn loạn bắt đầu. Có con ăn bánh có vẻ ngon lành. Có con mổ vào rồi nhả ra mà kêu toáng lên đòi "Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ". Rồi những con không mổ được vào bánh đã tức giận mà mổ ngay vào cuống họng các con đang ăn bánh. Máu phun ra tung toé. Những con quạ khác ào đến giành mấy miếng bánh chim quạ nào đấy đã nhả ra, nhưng bị các con quạ to hơn đang kêu đòi "Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ. Bánh nướng nhọn mỏ" ấy túm lại, mổ xé tét bụng ra. Lũ quạ cứ thế mà mổ xé cắn giết nhau hỗn loạn cả lên. Máu đòi máu, thù gọi thù. Trông chỉ là miếng bánh thôi, thế mà đối với lũ quạ này, đã là tất cả. Có đúng là bánh nướng nhọn mỏ chính hiệu, hay không phải là bánh nướng nhọn mỏ chính hiệu, chỉ có chuyện đó là vấn đề sinh tử đối với chúng thôi.

"Ông thấy chưa!" Tôi nói với Giám đốc. "Thình lình mà ném tất cả bánh xuống nên kích thích chúng mãnh liệt quá đấy thôi".

Nói xong, tôi một mình bước ra khỏi phòng, lấy thang máy đi xuống, rồi ra khỏi hăng Bánh Nướng Nhọn Mỏ. Cũng có tiếu món tiền thưởng 2 triệu Yen ấy

thật, nhưng suốt cuộc đời còn dài của mình mà phải chịu lụy lũ quạ thô bỉ thế kia, thì tôi hoàn toàn không thể chấp nhận được.

Tôi muốn tự mình làm ra món mình thích mà ăn. Còn lũ quạ ấy thì cứ xâu xé nhau đến chết tiệt cả đi là tốt nhất.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 11-2004

[1]Heian (794-1192): một thời đại thịnh trị trong lịch sử Nhật bản, thiên hạ thái bình, văn hoá phát triển mạnh.

[2]2 triệu Yen khoảng 20 ngàn Mỹ kim.

Giới thiệu Murakami - Chất gây nghiện trong tác phẩm Murakami

Một trong những đặc điểm hấp dẫn, nhưng cũng gây sốc của các tác phẩm Murakami là sau khi đọc xong, người đọc có cảm nhận như nhân vật của ông vẫn tiếp tục tồn tại Không phải ngẫu nhiên người ta ví tác phẩm của Murakami với chất ma túy

Khi phân tích sáng tác của Murakami, đại đa số nhà phê bình Nhật Bản và nước ngoài đều nhận định, ông tạo ra một thế giới mà trong đó các nhân vật bị bế tắc trong cuộc đời, đã đi lang thang vô nghĩa trên các khu phố đô thị của Nhật Bản hiện đại Họ nuốt chửng (theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng) những sản phẩm của văn hóa phương Tây, từ bánh mì kẹp nhân ăn nhanh đến nhạc pop, nhạc rock.

Trong thế giới đó tình yêu chỉ là những gặp gỡ ngẫu nhiên, ở đó phụ nữ không còn giữ được nữ tính, mà mạnh về quyền lực và vô cảm. Còn những người đàn ông thì yếu đuối, quy lụy, sống theo nguyên tắc: không làm ai buồn phiền, không làm ai tức giận. Họ chỉ mơ ước có một chiếc xe hơi đời mới hạng sang và có thể sống vô tư suốt đời, nghe nhạc Beatles hoặc Beach Boys. Chung quanh tràn ngập thứ văn hóa pop kiểu Mỹ. Xã hội này là xã hội tiêu thụ với vẻ bề ngoài phồn vinh vật chất, song lại rỗng tuếch tinh thần.

Murakami miêu tả không chỉ đời sống của Nhật Bản hiện đại Shame North, Tổng biên tập tạp chí Văn hóa và Nghệ thuật nổi tiếng Characters, cho rằng, ông viết về những tâm hồn mất mát, lang thang đó đây để tìm hạnh phúc nhỏ nhoi

Báo Washington Post thừa nhận Murakami là nhà văn xuất sắc của “nước Nhật hiện đại, một đất nước phồn vinh đột biến đang tìm lại lý tưởng đã mất. Trong nước Nhật của ông, những truyền thống cũ đã bị phá vỡ, thế chỗ chúng là những lý tưởng vô nghĩa, và không một ai biết cái gì sẽ tiếp diễn”.

Tuy nhiên, ở Nhật Bản, thái độ đối với sáng tác của Murakami không giống nhau Một mặt, một số nhà phê bình như Haruka Fukuma và Teitsuo Matsuda ví sáng tác của ông với ánh sáng hoàng hôn, tựa như “nó có tồn tại trong thế giới để giúp tìm lối thoát khỏi tình trạng bế tắc”. Cũng có những người tỏ vẻ khó chịu

vì tác phẩm của Murakami phổ biến rộng rãi không chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài

Người ta đã và đang phê phán Murakami cũng chỉ vì ông “phản bội” truyền thống văn chương Nhật Bản mà ngay những nhà văn Nhật được giải thưởng Nobel văn học như Yasunari Kawabata, Kenzaburo Oe và những cây cổ thụ khác trong làng văn vẫn tuân thủ. Ông bị phê phán vì chịu ảnh hưởng của nền văn hóa pop nước ngoài. Trong mắt một số nhà phê bình Nhật Bản, Murakami là “kẻ nghiên bơ” hay còn được gọi là “kẻ lai căng”, bởi lẽ ở xứ sở mặt trời mọc, người ta rất xem nhẹ những món thực phẩm làm bằng sữa

Năm 1986, một năm sau khi Murakami cho in cuốn *Xứ sở thần tiên vô cảm* và điểm cuối của trần gian, Kenzaburo Oe đã đăng một bài với tiêu đề *Tiếng hát than thở của nhà văn*. Trong bài này, ông phê phán Murakami vì khi miêu tả lối sống của thanh niên, nhà văn đã không hướng vào giới trí thức với nghĩa rộng của từ này, không phác họa được mô hình hiện tại và tương lai của Nhật Bản.

Bản thân Murakami không đến nỗi buồn phiền vì người ta không liệt sáng tác của ông vào dòng “văn chương thanh cao”. Ông nói: “Khi tôi viết những tác phẩm đầu tay của mình, cấp trên đã tuyên bố rằng nền văn học Nhật Bản đang ruồng nát, đang suy đồi. Đây không phải là suy đồi, đây là cái gì đó mới. Nhiều người không thích những chuyển biến. Các nhà văn thế hệ trưởng lão sống trong thế giới khép kín. Họ không có chút khái niệm nào về những gì đang diễn ra xung quanh”.

(Theo Văn Nghệ)

Murakami Haruki - Tiểu thuyết hiện đại Nhật Bản

Phạm Vũ Thịnh

Từ *Điển Bách Khoa Columbia 2001*, ghi rằng Murakami Haruki "là một trong những tiểu-thuyết-gia-thế-kỷ-20 quan trọng nhất của Nhật Bản". Đề cập đến thời đại lăm bão tố hiện nay, Matsuda Tetsuo của Nhật báo Yomiuri có số in lớn nhất ở Nhật, viết: "Trong bất cứ trận bão lớn nào cũng có những nhà văn gương cao ngọn đèn soi cho quần chúng. Murakami Haruki đang và sẽ lãnh vai trò đó". Báo *The Guardian* viết: "không có nhiều tác giả cùng thời mà tác phẩm lôi cuốn được giới độc giả trẻ trực tiếp đến như thế, không chỉ trong nước ông mà còn trên khắp thế giới".

Murakami Haruki sinh năm 1949 ở cố đô Kyoto, lớn lên ở Kobe. Thân phụ dạy văn học Nhật Bản ở cấp trung học, và đã gặp thân mẫu ông trong lúc cùng dạy môn ấy. Ngay từ thuở nhỏ, Murakami Haruki đã có khuynh hướng phản kháng đối với văn hóa truyền thống. Ông tìm đọc mê mải tác phẩm của những tác giả Âu Châu thế kỷ 19. Sau đó, ông học tiếng Anh, và đọc nguyên tác Truman Capote, Kurt Vonnegut, ... Ông ham mê nhạc Âu Mỹ: Elvis, Beatles, Beach Boys,

nhạc Jazz. Thế giới mới đó quyến rũ ông đến nỗi không bao lâu sau khi kết hôn với bạn đồng học Takahashi Yoko, năm 1971, ông ngưng việc học ở Đại học Waseda, cùng vợ mở một quán rượu nhạc Jazz ở Tokyo. Song thân ông rất thất vọng về việc ông lấy vợ sớm và quay lưng lại với đời công tư chức vẫn được xem là an định, thậm chí lý tưởng trong xã hội Nhật lúc bấy giờ đang phát triển mạnh.

Ông chỉ bắt đầu viết từ 1978. Khi đang xem một trận bóng chày, ý nghĩ viết văn chợt đến với ông, như một tiếng gọi siêu hình, ông cho đó là sự kiện hạnh phúc nhất của đời ông. Tác phẩm đầu tay của ông, "Lắng Nghe Gió Hát" (KazeNo UtaO Kike, Hear the Wind Sing) xuất bản năm 1979, kể lại thời sinh viên tranh đấu phản kháng mà ông đã tham gia với một ít hoài nghi, được giải thưởng "Tác giả Mới - Gunzô" ngay năm đó.

Tiếp tục thành công với 2 tác phẩm sau đó và một số các truyện ngắn, ông bán quán Jazz, và trở thành một tác giả toàn thời. Ông cũng bắt đầu việc dịch Raymond Carver, Truman Capote, F. Scott Fitzgerald, ...

Phong cách Murakami Haruki định hình từ tác phẩm thứ 3 là "Cuộc Phiêu Lưu Theo Con Cừu" (HitsujiO Meguru Bôken, A Wild Sheep Chase) xuất bản năm 1982, giải "Tác giả Mới - Noma" trong năm, pha trộn những chi tiết trinh thám đen với những ảo giác và bí mật siêu hình. Nhân vật của ông chủ trương những giá trị quan khác lạ với truyền thống xã hội Nhật, và ham mê âm nhạc, phim ảnh Âu Mỹ. Đặc điểm đó hấp dẫn tâm tình giới trẻ Nhật Bản đang muốn cởi bỏ những trói buộc của văn hoá truyền thống.

Dị ứng với lối sống đua đòi vật chất trong một nền kinh tế hãnh tiến, vợ chồng ông rời Nhật sang sống ở Ý năm 1986. Ở Rome, ông viết "Rừng Na Uy" (NoruueiNo Mori, Norwegian Wood), tác phẩm đã đưa ông lên địa vị "siêu sao" trong văn học Nhật Bản. Những ký ức hoài niệm trong tuổi đang lớn chen lẫn với ý thức về tính cách nhất thời của đời sống, ý thức về sự không thể tránh được của những mất mát, là đề tài của tác phẩm, đặt trong bối cảnh thời sinh viên tranh đấu phản kháng cùng lúc với bình minh của phong trào tự do tính dục những năm cuối thập niên 60 và đầu 70. "Rừng Na Uy" trở thành một phong trào, được tận dụng trong giới quảng cáo, từ bánh kẹo cho đến vật dụng trong nhà; các nhà sản xuất xin làm phim; ... Ngay trong năm đầu tiên, "Rừng Na Uy" đã bán được 1 triệu bộ.

Sống ở Âu Châu, ông vẫn băn khoăn về mục đích của đời sống của ông, một tác giả Nhật. Hai vợ chồng lại quay về Nhật năm 1990, cao điểm của thời kinh tế bọt. Năm sau, ông lại khoác áo ra đi, lần này sang Mỹ làm giáo sư khách của Đại học Princeton 2 năm, rồi 2 năm tiếp theo làm Tác giả Thường trú (Writer-In-Residence) ở Đại học Tuft, Massachusetts .

Tháng Giêng năm 1995, xảy ra thảm kịch động đất ở Kobe; 2 tháng sau, lại xảy ra vụ tấn công Chân Lý Giáo Aum thả hơi độc sarin trong tàu điện ngầm ở Tokyo. Hai thảm kịch này đánh dấu sự chuyển biến từ căn bản của xã hội Nhật: Ý thức an định do an toàn xã hội từ lâu nay vẫn là một biểu hiện tính ưu việt của truyền thống văn hóa Nhật Bản, được tăng cảm nhờ tình trạng không ngừng phát triển của kinh tế bọt, bỗng một sớm một chiều đã bị thách thức gay gắt đến độ sụp đổ theo những toà nhà Kobe trong cơn động đất. Không lâu sau đó, kinh tế bọt Nhật Bản cũng vỡ tan.

Hai cơn sóc liên tiếp này đã đưa ông trở về Nhật. Tuyển tập truyện ngắn "Sau Con Động Đất" (*JishinNo AtoDe, After The Quake*) có những nhân vật chính, do ảnh hưởng gián tiếp xa xôi của trận động đất Kobe, đã cảm nhận sâu sắc sự trống rỗng của chính mình, mất niềm tin vào sự an định của đời sống gia đình. Tập "Đường Ngầm" (*Andaguraundo, Underground*) ghi những cuộc phỏng vấn trực tiếp tấn công Chân Lý Giáo Aum cùng những nạn nhân, cho thấy tâm tình phản kháng đối với những giá trị quan tôn thờ vật chất, cố gắng tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời từ những giải thuyết siêu hình, có khi cực đoan đến nỗi trở thành tội ác.

Những nhân vật chính của Murakami Haruki không những chỉ hấp dẫn giới trẻ Nhật Bản, mà còn cộng hưởng với tâm tình giới trẻ Âu Mỹ vì những nét quen thuộc trong lối sống, thị hiếu mới; và chia sẻ với giới trẻ các nước chậm tiến hơn, lòng ngưỡng mộ hay ước vọng về lối sống Âu Mỹ. Rất nhiều tác phẩm của ông đã được dịch và hâm mộ ở Mỹ, Anh, Nga, Đức, Hàn, Pháp, Ý, Spain, Hy Lạp, Hà Lan, Phần Lan, Đan Mạch, Áo, Canada, Do Thái, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Tiếng tăm của ông ở nước ngoài cộng với địa vị "siêu sao" trong nước Nhật, đã làm tăng khoảng cách đối với dòng văn học truyền thống Nhật Bản vốn vẫn nghi ngờ ý đồ có vẻ tạo loạn của ông. Giải Nobel Văn học 1994 Oe Kenzaburo công kích Murakami Haruki và chê ông là "hôi mùi bơ" (*batakusai*) vì hay dẫn dụ những chi tiết văn hóa Âu Mỹ.

Murakami Haruki không thích sự săn đón của giới truyền thông, ông ít khi chịu phỏng vấn. Giống như giới trẻ hiện đại, thành phần độc giả chủ yếu của ông, Murakami Haruki thoải mái với quần bò, áo thun, giày thể thao, ham thích các hoạt động tăng tiến thể lực, tham gia nhiệt tình các kỳ chạy việt dã mỗi năm trong suốt 20 năm qua. Ngày nay, ở tuổi 54, ông vẫn còn chạy 10 Km mỗi ngày và chuyên niệm vào việc viết sách. Tác phẩm trường thiên mới nhất của ông, "Kafka Bên Bờ Biển" (*Umibe no Kafuka, Kafka On The Shore*) do nhà Shinchō xuất bản tháng 9 năm 2002 trong vòng 2 tháng đầu đã bán hết 460 ngàn cuốn.

Phạm Vũ Thịnh

Sydney 12-2003

Tham khảo:

[1] Richard Williams: " Marathon man", The Guardian, May 17, 2003 .

[2] Mick Brown: "Tales of the unexpected", The Daily Telegraph, filed 15.08.2003.

Phỏng vấn tác giả

Haruki Murakami sinh ở Kobé 1949. Học bi kịch Hy Lạp ở Đại học Wasada (Nhật Bản). Làm chủ một quán bar nhạc Jazz. Hầu hết tác phẩm của ông thuộc loại sách bán chạy: Hãy nghe gió hát; Cuộc săn đuổi con cừu hoang; Tận cùng các thời đại; Bản Balát kỳ quặc; Nhảy, nhảy, nhảy nào; Con Voi tan biến; Thời luận về con chim lò so; Sau trận động đất; Phía nam biên giới, phía tây mặt trời; Trong hầm ngầm (Về những nạn nhân bị chất độc sarin của giáo phái A-um)... Ông đã được Giải thưởng Gunzo và Giải thưởng Tanizaki, nhiều cuốn được xuất bản ở Pháp. Từ 1986 đến 1995, hai vợ chồng sang Mỹ ở. Sau đó về nước. Sau đây xin giới thiệu một số đoạn trích cuộc trò chuyện giữa ông và phóng viên Minh Tran Huy của Magazine littéraire.

M.L: Trong những tiểu thuyết của ông, thường có những chi tiết liên quan đến văn hoá pop phương Tây: những thương hiệu, những bài hát của nhóm Beatles trong Bản Ba-lát kỳ quặc, những phim Hollywood trong Tận cùng các thời đại, lúc nào cũng thấy nói đến nhạc jazz trong Phía nam biên giới, phía tây mặt trời... Đó là một cách để dứt khoát với văn học truyền thống Nhật Bản mà tiêu biểu là các nhà văn Mishima, Kawabata, Tanizaki?

H.M: Khi còn thiếu niên, tôi đã nghe nhạc Beatles, Doors và đọc truyện Mỹ, những truyện ly kỳ, viễn tưởng - khoa học, tôi xem phim Laura của Otto Preminger... Tôi đã đắm mình trong nhạc, tiểu thuyết và phim của văn hoá pop. Tôi thích đọc những tác phẩm nói về những gì tôi đã thích và bây giờ còn thích. Đó là một phần chủ yếu của thế giới của tôi và tôi muốn viết về những cái đó. Đó là một cách tôn vinh. Tôi rất khác Mishima hoặc Kawabata trong nhiều lĩnh vực. Nhất là trong hành văn, nhưng không chỉ có thế. Văn xuôi của các ông ấy rất gần bó với vẻ đẹp hình thức, nó mập mờ, quý hiếm, đầy những xúc động. Riêng tôi, tôi thích một kiểu hành văn tự nhiên, giản dị. Uyển chuyển mà trần trụi. Tôi tiếp tục viết theo kiểu ấy. Đó là kiểu khác hẳn giữa tôi và các nhà văn truyền thống Nhật Bản. Tôi không nghĩ mình nợ các ông ấy bất cứ điều gì.

M.L: Nhưng có lẽ ông mắc nợ điều gì đó đối với Fitzgerald Carver, Raymond Chandler, John Irving, những tác giả mà ông đã dịch ra tiếng Nhật?

H.M: Chắc chắn là vậy. Chính những tác phẩm mà tôi đã dịch đã dẫn dắt tôi, đó là những người thầy người hướng dẫn của tôi. Bởi lẽ rằng việc dịch gần với việc sáng tác: Khi tôi viết một tiểu thuyết hay một truyện ngắn, tôi có bản gốc ở trong đầu và tôi dịch ra ngôn ngữ, ra văn xuôi. Ngôn ngữ Nhật Bản hoàn toàn khác các ngôn ngữ phương Tây như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức. Khi tôi

dịch các ngữ ấy ra ngữ Nhật, thực tế là tôi phải xây dựng lại nghĩa của từng câu bắt đầu, từ số không. Đó là một sự cấu tạo hoàn toàn khác. Công việc dịch đã giữ và còn tiếp tục giữ một vị trí cơ bản trong cách viết và suy nghĩ của tôi.

M.L: Những chi tiết và hình ảnh liên quan đến văn hoá pop đã khiến cho sách của ông có được một công chúng rộng rãi ở các nước?

H.M: Tôi không hề nghĩ đến việc trở thành một tác giả được đọc trên khắp thế giới mà chỉ vì cái thú được nói đến những cái ấy thôi. Một mặt khác, khi tôi viết nhân vật của tiểu thuyết nghe đài Radiohead hoặc Prince, bạn và tôi đều hiểu tôi nói về cái gì, chúng ta đã chia sẻ một tình cảm và tạo được một sự thông cảm. Đó là điều quan trọng.

M.L: Điều đó chẳng hề cản trở những nhân vật của ông phủ nhận hệ thống đã có: họ không tôn trọng luật lao động tối đa và năng suất phi mã mà người ta thường gán cho là đạo đức Nhật Bản chẳng hạn...

H.M: Những năm 1968-1969, tôi là sinh viên trong thời kỳ phản - văn hoá và chủ nghĩa duy tâm. Tôi cũng mơ ước cách mạng và thay đổi trật tự cũ. Rồi ngày tháng trôi đi, tôi đã giành được bằng đại học. Nhưng tôi không muốn thuộc về một văn phòng nào, một công ty nào. Tôi muốn là chính mình. Một mình và độc lập. Điều ấy chẳng dễ gì trong một nước như nước Nhật, là nước dựa trên những phe phái, những tập đoàn, nhưng tôi cũng đã đạt được ý mình. Tôi không thuộc về một câu lạc bộ nào, một trường phái nào. Tôi viết văn 25 năm qua và tôi không có đồng nghiệp nào, bạn văn nào. Khi tôi bắt đầu viết những truyện ngắn và tiểu thuyết của mình, lẽ tự nhiên là tôi muốn mô tả những nhân vật theo chủ nghĩa cá thể, chỉ ra cho người ta thấy những con người ngoài lề của chuẩn mực xã hội đã sống như thế nào.

M.L: Những cuốn sách của ông có thể là những ngụ ngôn về cách thoát ra khỏi sự tha hoá?

H.M: Tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng 30 năm nay, xã hội Nhật đã thay đổi rồi. Cái cơ cấu, cái "hệ thống" kia đã suy yếu. Trước đây nó rất chắc chắn, vững mạnh. Bây giờ không còn như vậy. Chúng tôi cảm thấy hụt hẫng, chúng tôi đã phải đặt lại vấn đề những giá trị và những gì là ưu tiên của chúng tôi. "Sống hạnh phúc" đó là quan điểm mới của chúng tôi. Rồi cuộc khủng hoảng kinh tế đã đến và suy thoái kéo dài từ mười năm nay. Tôi nghĩ rằng, theo ý nghĩa nào đó, điều đó lại có lợi cho chúng tôi. Bây giờ chúng tôi có thì giờ suy nghĩ. Để tìm ra một con đường khác.

M.L: Văn học đương đại Nhật cũng phản ánh những điều quan tâm ấy. Với các nhà văn Ryu Murakami hoặc Banana Yoshimoto có chuyện như thế không?

H.M: Ryu Murakami là một trong những người bạn ít ỏi của tôi, chúng tôi rất hiểu nhau và tôi khâm phục một số sách của ông. Về Banana Yoshimoto, tôi đặc biệt thích cuốn *Từ biệt Tsugumi*. Nhưng tôi cũng thú thật rằng, giữa những cuốn

sách dịch và sách sáng tác của tôi, tôi cũng không còn thì giờ nào để đọc các đồng nghiệp Nhật Bản nữa. Có một điều chắc chắn là, trong 20 năm nay, văn học Nhật đã hoàn toàn thay đổi. Một sự thay đổi tận gốc. Những khuôn mẫu cũ đã bị phá vỡ, cả về nội dung lẫn hình thức.

M.L: Ông thích mượn những kiểu dựng truyện như của các love story (Bản Ba-lát kỳ quặc), của tiểu thuyết đen và khoa học viễn tưởng (Tận cùng các thời đại), rồi, có dịp là ông hoà trộn các kiểu (Những người tình của vệ tinh, Thời luận về Con chim lò so). Tại sao?

H.M: Đó là vì chuyện đọc sách của tôi, nó vừa kỳ lạ vừa hầu lớn. Khi tôi 18 tuổi, tôi đã đọc các sách cổ điển Châu Âu thế kỷ XIX. Chủ yếu là Tolstoi, Dostoievski, Tchekhov, Balzac, Flaubert, Dickens. Đó là các vị anh hùng của tôi, suốt ngày tôi lao vào đọc các tiểu thuyết của họ, không ai có thể làm cái gì hơn được các ông ấy về mặt văn học. Sau đó tôi bắt đầu học tiếng Anh và đọc các sách bằng tiếng Anh. Tôi đã khám phá ra thế giới tiểu thuyết đen và khoa học viễn tưởng, Raymond Chandler, Kurt Vonnegut và Richard Brautigan. Scot Fitzgerald nữa. Tôi đọc mọi thứ bằng tiếng Anh. Đó là một kinh nghiệm hoàn toàn mới, nó làm cho tôi thay đổi nhiều. Đến mức cái vốn văn hoá của tôi là một sự trộn lẫn những tác phẩm cổ điển và văn học gắn liền với văn hoá pop. Chính vì thế, tôi thích sử dụng những kiểu cách và cấu trúc của love story, truyện trinh thám và khoa học viễn tưởng để đưa vào đó những tố chất riêng của mình. Việc ấy giống như một sự tập tháo dỡ, có thể nói như vậy. Tôi mượn cái vỏ, không phải cái lõi.

M.L: Ông đã tuyên bố rằng trong khi viết những truyện của mình, ông đi tìm lịch sử của bản thân mình, rằng ông đào bẻ mặt để đạt tới chiều sâu tâm hồn mình...

H.M: Vâng, trong khi viết, tôi đào một mảnh đất gồm nhiều địa tầng. Tôi luôn luôn đào sâu hơn nữa và mãi mãi. Có người cho rằng công việc ấy không thể một người làm được. Tôi không tin. Nếu tôi đạt được chiều sâu ấy tôi có thể chạm tới một tầng nền chung, giao cảm với các độc giả của tôi và một mối liên hệ được thiết lập. Nhưng nếu tôi đào chưa đủ sâu, thì cũng không sao cả.

M.L: Vấn đề sex dường như cũng là một chiếc cầu để đi vào một chiều khác... Có phải chính vì thế mà có những cảnh sex trong Bản Ba-lát kỳ quặc, Thời luận về con chim lò so, Những người tình của vệ tinh...?

H.M: Đúng vậy. Sex là một chiếc chìa khoá. Những giấc mơ về sex rất quan trọng để đi sâu vào bản thân bạn, khám phá cái phần chưa biết trong con người bạn. Nhiều người nói tôi viết quá nhiều cảnh sex. Trong Thời luận về con chim lò so, những cảnh sex dữ dội diễn ra nhiều lần. Tôi bị phê phán vì thế, nhưng tôi cho là cần thiết phải đưa những cảnh đó vào. Những cảnh đó cho phép người đọc mở cánh cửa bí mật ra. Tôi muốn lay chuyển trí tuệ của họ, lắc mạnh họ,

vạch rõ ra một phần bí hiểm trong bản thân họ. ở đó, có điều gì đó truyền cảm giữa tôi và họ.

M.L: Cuộc động đất ở Kobé và cuộc tấn công bằng chất độc sarin ở đường hầm mét-rô ở Tokyo có phải đều đã gợi cho ông một "tình cảm" thúc đẩy ông một mặt viết về những sự kiện đó, mặt khác là trở về Nhật Bản?

H.M: Vâng. Tôi vừa viết xong cuốn Thời luận về con chim lò so từ 1991 đến 1994. Cuốn sách khá dày và nhiều tham vọng. Tôi đang nghỉ, độ gần một năm. Trong khi đó thì giáo phái A-um đã tấn công hầm mét-rô ở Tokyo và xảy ra cuộc động đất ở Kobé, tất cả chỉ trong vòng hai tháng. Những việc ấy gây cho tôi cú sốc lớn. Tôi đã rời khỏi Nhật nhiều năm vì tôi cảm thấy đất nước đáng buồn và vì tôi không có đủ yên tĩnh để viết, và tôi đã gần như tự lưu đày sang Mỹ, thì xem T.V. thấy những sự kiện ấy. Bây giờ tôi cảm thấy mình phải trở về và làm cái gì đó cho đất nước tôi, cho các độc giả và đồng bào của tôi. Vậy là tôi đã về Nhật Bản và đi tìm gặp và chuyện trò với những nạn nhân của vụ tấn công bằng chất độc sarin. Hàng chục và hàng chục người. Tôi đã gặp họ trực tiếp và nghe những chuyện họ tâm sự với riêng tôi. Tôi rất xúc động theo nhiều cách. Đó là những con người bình thường, họ phải lao động cật lực, buổi sáng đi làm chen nhau trên mét-rô chật cứng... Và khi nghe họ kể, tôi cảm động. Họ thuộc về một xã hội mà trước đây tôi khinh bỉ. Họ là những người sống công thức và làm việc chết thoi... Tôi ghét, tôi vẫn ghét cái kiểu sống ấy. Nhưng những câu chuyện của họ giản dị mà cảm động và tôi nghĩ rằng chúng đã làm tôi thay đổi, với tư cách là con người và với tư cách nhà văn. Rồi tôi muốn viết về trận động đất. Tôi đến từ Kobé quê hương của tôi. Ngôi nhà của cha mẹ tôi cũng bị phá tan. Tôi không muốn viết theo thể khoa học viễn tưởng mà là một tập truyện ngắn. Sau khi nghe tất cả những nạn nhân của cuộc tấn công bằng chất sarin, tôi đã thu thập được biết bao tình huống, biết bao tiếng nói trong lòng tôi đến mức tôi viết dễ dàng tập truyện ngắn Sau trận động đất, cuốn này không nói về chính cuộc động đất mà về những hậu quả, tiếng vang của tai hoạ ấy đối với cuộc sống của những nhân vật chính. Viết về những chuyện ấy là một điều rất cơ bản đối với tôi, tôi cảm thấy đó vừa là nghĩa vụ, vừa là nhu cầu.

M.L: Và bây giờ, ông sống ở Nhật Bản? Ông không muốn đi nữa sao?

H.M: Bây giờ, tôi ở lại Nhật Bản. Tôi đã trở nên mạnh hơn và vững vàng hơn ngày trước, và tôi đã thành công trong việc giữ được thế giới riêng của mình với mình, ngay cả nếu tôi sống ở Tokyo. Tôi đã tạo được kiểu viết của tôi và kiểu sống của tôi. Với tôi, bây giờ sống theo kiểu của tôi ở Tokyo dễ hơn các nơi khác, ngay cả nếu tôi tiếp tục ngao du.

(Báo Văn nghệ)



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ